KIM CƯƠNG MINH VƯƠNG BỘ

Bản cập nhật tháng 6/2014

http://kinhmatgiao.wordpress.com

THAY LỜI TỰA

Kim Cương tiếng Phạn là **Vajra**, dịch âm là Phạt Xà La, Bạt Xà La, Bạt Chiết Bão, Phộc Nhật La, Phạt Chiết La, Bạt Nhật La… tức nghĩa là **chất rất cứng** trong các loại vật chất.

Trong các Kinh Luận thường dùng **Kim Cương** ví dụ cho vũ khí hoặc đá quý

1_Dùng Kim Cương ví dụ cho vũ khí tức là sự bền chắc, sắc bén của vật ấy hay tồi hủy tất cả, vả lại chẳng phải là chỗ mà vạn vật phá hoại được. Cho nên trong Kinh Luận thường xuất hiện từ vựng: Kim Cương Bất Hoại, Kim Cương Thân, Kim Cương Đỉnh, Kim Cương Giới, Kim Cương Tâm, Kim Cương Kiên Cố chi Tín Tâm (Tâm tin tưởng bền chắc như Kim Cương)….

Kim Cương Bát Nhã Kinh Sớ Luận Toản Yếu, quyển Thượng ghi chép: "**Chân Đế** dùng sáu loại màu sắc của Kim Cương để ví dụ cho Thể Dụng của Bát Nhã (Prajñā: Trí Tuệ)

.)**Màu xanh** hay tiêu trừ tai ách, dùng dụ cho Bát Nhã hay tiêu trừ nghiệp chướng

.)**Màu vàng** tùy theo nơi người tu, dùng dụ cho Công Đức của **Vô Lậu**

.)**Màu đỏ** đối với mặt trời mà sinh ra ánh lửa, dùng dụ cho Trí Tuệ đối với Bản Giác mà sinh ra lửa Trí của **Vô Sinh**

.)**Màu trắng** hay lắng trong nước đục, dùng dụ cho Bát Nhã hay lắng trừ sự ô trược của tâm nghi ngờ

.)**Màu hư không** khiến cho người đi ngồi ở trong sự trống rỗng (Śūnya:Không), dùng dụ cho Tuệ Bát Nhã hay phá trừ Pháp Chấp, rồi khiến cho người trụ ở Lý **Chân Không**

.)Màu xanh biếc hay tiêu trừ các chất độc, dùng dụ cho Trí Tuệ hay tịnh trừ ba Độc

Đây đều dùng sự bền chắc của Kim Cương, chẳng phải là nơi mà vạn vật có thể phá hủy được, nên dùng ví dụ cho **dụng của Bát Nhã**

2_Dùng Kim Cương ví dụ cho đá quý tức là chọn lấy nghĩa tối thắng của nó. Do vậy, Kinh Luận hay dùng đá báu Kim Cương ví dụ cho Kim Cương Tam Muội mà Bồ Tát đã chứng được.

_Tại Mật Giáo, một từ **Kim Cương** cũng thường dùng cho phương diện của vũ khí như Độc Cổ (chày Kim Cương hoặc chuông Kim Cương có hình dạng một chấu), Tam Cổ, Ngũ Cổ… Phần lớn làm hình Tam Muội Gia tức là Bản Thệ của các Tôn, hoặc tượng trưng cho Đức **Nội Chứng**, hàm chứa nhiều nghĩa như: tồi phá phiền não của chúng sinh, trừ khử chướng nạn của Hoặc Nghiệp, cảnh giác chúng sinh…Ngoài ra còn dùng làm tiêu xí (vật tiêu biểu) cho **Tam Ma Địa** (Samādhi) mà các Tôn đã trụ.

Lại nữa vị Lực Sĩ cầm chày Kim Cương được xưng là **Chấp Kim Cương** (Vajra-dhāra). Đôi khi người đời còn gọi bốn vị Thiên Vương là bốn vị Kim Cương

Trong thời gian gần đây, với sự yêu cầu của các bạn đồng tu muốn tự mình nắm vững hơn về ý nghĩa của Hồng Danh, Tôn Hình, Chân Ngôn, Thủ Ấn của các vị Kim Cương Bồ Tát, Minh Vương, Minh Phi… nên tôi cố gắng sưu tầm, phiên dịch, tổng hợp và ghi chép lại vào tập sách này

Điều không thể tránh khỏi là tập ghi chép vẫn còn nhiều thiếu sót. Ngưỡng mong các Bậc Cao Tăng Đại Đức, chư vị Thiện Tri Thức hãy rũ lòng Từ Bi chỉ dạy, giúp cho tôi kịp thời sửa chữa những lỗi lầm và hoàn thiện phần ghi chép này.

Mọi Công Đức có được trong tập ghi chép này, con xin kính dâng lên hương linh của Thân Phụ (**Nguyễn Vũ Nhan**) và Thân Mẫu (**Vũ Thị Ni**) là hai bậc ân nhân đầu tiên của con.

Con xin kính dâng các Công Đức có được lên Thầy **Thích Quảng Trí** và Thầy **Thích Pháp Quang** là các bậc Thầy luôn theo dõi, hỗ trợ và thúc đẩy con nghiên cứu Phật Pháp cho chính đúng.

Tôi xin cám ơn em Mật Trí **(Tống Phước Khải**) và các con tôi đã nhiệt tình hỗ trợ tài liệu, phương tiện giúp cho việc hoàn tất bản ghi chép này.

Tôi xin chân thành cám ơn nhóm Phật Tử của Đạo Tràng **Phổ Độ** đã hỗ trợ phần vật chất cho tôi trong thời gian soạn dịch kinh bản.

Tôi xin chân thành cám ơn người bạn đường Ngọc Hiếu (**Vũ Thị Thanh Hà**) đã cam chịu mọi sự khó khăn trong cuộc sống để giúp tôi an tâm trên con đường tìm hiểu Chính Pháp Giải Thoát của Đấng Phật Đà.

Cuối cùng nguyện xin hồi hướng Công Đức này đến toàn thể chúng hữu tình trong ba cõi sáu đường đều mau chóng xa lìa mọi ách nạn khổ đau, thường được an vui, thọ hưởng Pháp Vị Giải Thoát của Đấng Phật Đà.

Mùa Xuân năm Giáp Ngọ (2014)
Huyền Thanh (**Nguyễn Vũ Tài**) kính ghi

ĐẠI AN LẠC BẤT KHÔNG KIM CƯƠNG

Đại An Lạc Bất Không Kim Cương, tên Phạn là Mahā-sukha-amogha-vajra. Lại xưng là **Đại An Lạc Bất Không Chân Thật Bồ Tát** (Vajra-amogha-samaya-satva), Đại An Lạc Bất Không Bồ Tát, Đại An Lạc Chân Thật Bồ Tát, Phổ Hiền Diên Mệnh Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho sự đại an lạc chân thật, nên cũng là Mẫu của chư Phật Bồ Tát. Do Tôn này hay sinh ra các Công Đức của các Tôn trong Kim Cương Bộ nên còn được xưng là **Kim Cương Bộ Mẫu**

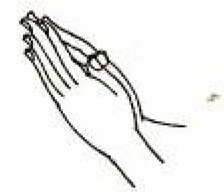
Tôn Hình: Thân màu thịt, đầu đội mão báu, ngồi trên hoa sen hồng, hai bên trái phải đều có mười cánh tay.



Tôn này có Mật Hiệu là **Chân Thật Kim Cương**
Chủng Tử là KA (क)
Tam Muội Gia Hình: Chày Tam Cổ của hình giáp trụ



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng



Hoặc **Phổ Hiền Diên Mệnh Bồ Tát Ấn**:

Hai tay đều nắm Kim Cương Quyền, duỗi giương hai ngón trỏ, đem ngón trỏ phải đè ngón trỏ trái. Cả hai cùng móc kết nhau rồi để ở đỉnh đầu.



Ngón trỏ trái (Phong) là **Tức Phong** (gió của hơi thở) sinh diệt của Phàm Phu. Ngón trỏ phải (Phong) là **Mệnh Phong** (Gió của sinh mệnh) Kim Cương Bất Hoại của cõi Phật. Cả hai cùng móc kết nhau tức biểu thị cho gió sinh mệnh bị chia chặt của chúng sinh hòa với Đệ Nhất Mệnh thường trụ của Như Lai, kết hợp tiến vào bờ mé **vốn chẳng sinh** tức là chúng sinh chư phật là Kim Cương Thọ Mệnh của Nhất Như để thành tựu Diên Mệnh (sống lâu)

Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖁𑖧𑖲𑖬𑖸 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

OṂ _ VAJRA ĀYUṢE SVĀHĀ

Hay: 𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖯𑖧𑖲𑖬𑖸 𑖮𑖳𑖽 𑖮𑖳𑖽 𑖫𑖰𑖏𑖰 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

OṂ_ VAJRĀYUṢE HŪṂ HŪṂ ŚIKHI SVĀHĀ

KIM CƯƠNG TƯỚNG BỒ TÁT

Kim Cương Tướng Bồ Tát, tên Phạn là Vajra-sena, dịch âm là Phộc Nhật La Chế Na, dịch ý là Kim Cương Quân, Kim Cương Tướng. Là vị Bồ Tát có vị trí thứ hai bên phải tại **Tô Tất Địa Viện** trong **thai Tạng Giới Man Đa La**, dùng Tướng làm thủ lãnh của quân gia, nên có Mật Hiệu: **Thủ Lãnh Kim Cương**

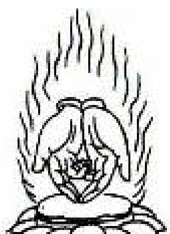
Tôn Hình: Thân màu thịt, hai tay để trước ngực kết Ấn, ngồi trên hoa sen đỏ.



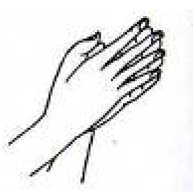
Chữ Chủng Tử là: HŪṂ (𑖮𑖳𑖽) biểu thị cho nghĩa Giáng Phục

hay NI (𑖡𑖰) biểu thị cho nghĩa Danh Tướng

Tam Muội Gia Hình là: Tay Ấn.



Tướng Ấn là: Kim Cương Hợp Chưởng.



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖭𑖸𑖡 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

OṂ_ VAJRA-SENA SVĀHĀ

KIM CƯƠNG MINH VƯƠNG BỒ TÁT

Kim Cương Minh Vương Bồ Tát, tên Phạn là Vidya-uttama, dịch âm là Vĩ Nễ Dã Đa Ma. Dịch ý là Minh Chí Cao, hay Minh Vương Chí Cao. Lại xưng là Kim Cương Minh Vương. Là vị Bồ Tát có vị trí ở đầu cùng bên phải tại **Tô Tất Địa Viện** trong **Thai Tạng Giới Man Đa La**

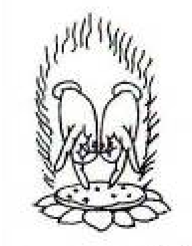
Tôn Hình: Thân màu thịt, hai tay để trước ngực kết Ấn, ngồi trên hoa sen đỏ



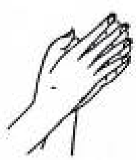
Mật Hiệu: **Trì Minh Kim Cương**

Chữ Chủng Tử là: KA (𑖎), hoặc HA (𑖮), hay HÙM (𑖮𑖳𑖽)

Tam Muội Gia Hình là: Tay Ấn.



Tướng Ấn là: Kim Cương Hợp Chưởng.



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖪𑖰𑖟𑖿𑖧 𑖨𑖯𑖕 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

OṂ_ VAJRA-VIDYA-RĀJA SVĀHĀ

BẤT KHÔNG CÚNG DƯỜNG BẢO BỒ TÁT

Bất Không Cúng Dường Bảo Bồ Tát, tên Phạn là **Ārya-amogha-pūja-maṇi,** dịch âm là A Lợi Gia A Mộ Già Bố Nhạ Ma Ni, dịch ý là Thánh Bất Không Cúng Dường Bảo. Lại xưng là Bất Không Cúng Dường Bồ Tát, Cúng Dường Bảo Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho việc đem Trí Tuệ báu thuộc Công Đức của **Diệu Thành Tựu** (Susiddhi) ban cho chúng sinh trong Pháp Giới

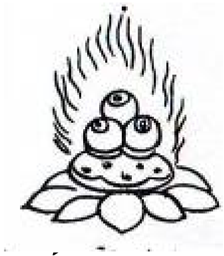
Tôn Hình: Thân màu thịt, có 4 cánh tay. Bên trái: tay thứ nhất cầm hoa sen bên trên có viên ngọc báu, tay thứ hai cầm sợi dây. Bên phải: tay thứ nhất cầm cây kiếm, tay thứ hai cầm cây kích Tam Cổ. Ngồi trên hoa sen đỏ.



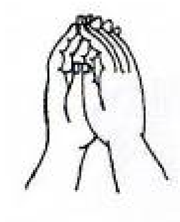
Mật Hiệu: **Như Ý Kim Cương**

Chữ Chủng Tử là: OṂ (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Viên ngọc báu. Hoặc chày Tam Cổ.



Tướng Ấn là: **Phổ Cúng Dường Ấn**. Kim Cương Hợp Chưởng, hai ngón trỏ cùng chạm đầu ngón như hình báu, kèm đứng hai ngón cái.



Chân Ngôn là:



OṂ_ AMOGHA-PŪJA-MAṆI PADMA VAJRE TATHĀGATA VILOKITE SAMANTA PRASARA HŪṂ

Chú này có Công Đức chẳng thể nghĩ bàn. Chú này đại biểu cho Công Đức cúng dường tất cả chư Phật Bồ Tát ở mười phương, diệt vô lượng tội, gom chứa vô lượng Công Đức Phước Báo

Trước khi tụng Kinh niệm Phật, nên tụng **Ma Ni Cúng Dường Chú** ba biến, tiếp theo niệm lời Kệ

"Dùng sức Công Đức Ta
Sức Như Lai gia trì
Cùng với sức Pháp Giới
Cúng dường khắp rồi trụ"

KIM CƯƠNG BA LA MẬT ĐA BỒ TÁT

Kim Cương Ba La Mật Đa Bồ Tát, tên Phạn là **Vajra-pāramitā**, dịch âm là Phộc Nhật La Ba La Mật Đa. **Kim Cương** (Vajra) là báu Kim Cương. **Ba La Mật** (Pāramitā) là đến bờ bên kia (đáo bỉ ngạn); do bàn tay cầm **bánh xe Kim Cương** (Vajra-cakra) chuyển **bánh xe Pháp** (Dharma-cakra) chẳng thoái chuyển, khiến cho chúng sinh đến được bờ bên kia (bờ giải thoát), nên Vajra-pāramitā được dịch là Kim Cương Đáo Bỉ Ngạn Bồ Tát. Lại xưng là Kim Cương Ba La Mật Bồ Tát

Tôn này còn có tên Phạn là **Satva-vajrī**, dịch âm là Tát Đát La Phộc Nhật Ly, dịch ý là **Kim Cương Nữ, Dũng Mãnh Kim Cương Nữ.**



Trong 37 Tôn của Kim Cương Giới thì Tôn này là một trong bốn vị Bồ Tát thân cận của Đức **Đại Nhật Như Lai** (Vairocana-tathāgata), là Tôn ***đồng Thể khác tên*** với **Chuyển Pháp Luân Bồ Tát** (Cakra-varttin-bodhisatva). Thân Phẫn Nộ của vị Bồ Tát này là **Bất Động Minh Vương** (Acala-vidya-rāja) tức là **Giáo Lệnh Luân Thân** (Adeśana-cakra-kāya) của Đại Nhật Như Lai

_**Bí Tạng Ký** nói rằng: "Thân màu xanh đen, tay trái cầm hoa sen, bên trên hoa có rương Kinh Phạn (Phạn Khiếp), tay phải như **A Súc Như Lai Ấn** (Xúc Địa Ấn)"

_**Thánh Vị** (địa vị) **Kinh** nói rằng: "Tỳ Lô Giá Na Phật ở Nội Tâm chứng được **Ngũ Phong Kim Cương Bồ Đề Tâm Tam Ma Địa Trí** tự thọ dụng, cho nên ....thành

hình **Kim Cương Ba La Mật** trụ ở vành trăng trước mặt Đức **Tỳ Lô Giá Na Như Lai**"

_**Lược Xuất Kinh, quyển 4** nói rằng: "Do kết **A Súc Phật Xúc Địa Ấn** cho nên Tâm được bất động"

Tân Dịch Nhân Vương Kinh, **quyển Hạ** nói rằng: "Kim Cương Ba La Mật Đa Bồ Tát Ma Ha Tát có tay cầm bánh xe Kim Cương

_**Đồng Nghi Quỹ, quyển Thượng** nói rằng: "Nói Kim Cương Ba La Mật Đa tức là nói bậc đã đến được bờ bên kia. Như Kinh ấy nói là **Chuyển Pháp Luân Bồ Tát** vậy....... Bậc có bàn tay cầm bánh xe Kim Cương, khi Đức Tỳ Lô Giá Na mới thành Chính Giác thời thỉnh chuyển bánh xe Pháp dùng để biểu thị....Y theo lời dạy khiến cho bánh xe hiện làm **Uy Quang Bất Động Kim Cương** tồi phục tất cả Quỷ Mỵ, Hoặc Loạn"

Tôn này được xác nhận là Thân được hiện ra khi Đức **Phật A Súc** (Akṣobhya-buddha) nhập vào **Kim Cương Ba La Mật Tam Muội**. Tức biểu thị cho việc dùng **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta) như Kim Cương bền chắc cúng dường Đức Đại Nhật Như Lai

_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala)

.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Kim Cương Ba La Mật Đa Bồ Tát là Tôn này được sinh ra từ **Tâm Bồ Đề** của Trí Pháp Thân Đại Nhật Như Lai, biểu thị cho dụng của Trí Kim Cương bền chắc

_ Lược thuật Kim Cương Đỉnh Du Già phân biệt Thánh Vị tu chứng Pháp Môn ghi nhận rằng:

"Ở Nội Tâm của Tỳ Lô Giá Na Phật chứng đắc **Ngũ Phong Kim Cương Bồ Đề Tâm Tam Ma Địa Trí**. Vì tự thọ dụng cho nên từ Ngũ Phong Kim Cương Bồ Đề Tâm Tam Ma Địa Trí tuôn ra ánh sáng Kim Cương chiếu khắp mười phương Thế Giới , tịnh Tâm Đại Bồ Đề của tất cả chúng sinh, rồi quay trở lại thu làm một Thể. Vì khiến cho tất cả Bồ Tát thọ dụng Tam Ma Địa Trí cho nên thành hình **Kim Cương Ba La Mật** trụ ở vành trăng trước mặt Tỳ Lô Giá Na Như Lai"

Do Kim Cương Ba La Mật gia trì cho nên chứng được **Đại Viên Kính Trí** tràn khắp hư không , viên mãn vòng khắp Pháp Giới.

Tôn Hình: Thân màu xanh, hiện hình Thiên Nữ, khoác áo Yết Ma, tay trái để ngang ngực nắm quyền, hướng lòng bàn tay ra ngoài, tay phải kết Xúc Địa Ấn

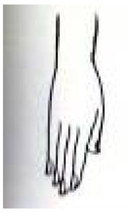


Mật Hiệu là: **Kiên Cố Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HŪṂ ( )
Tam Muội Gia Hình là: Chày Ngũ Cổ



Tướng Ấn là: Xúc Địa Ấn



Chân Ngôn là:

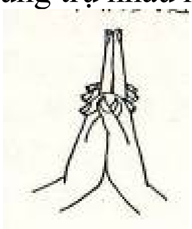
OṂ_ SATVA-VAJRI HŪṂ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Kim Cương Ba La Mật Đa Bồ Tát có chữ chủng tử là: HŪṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: chày Ngũ Cổ trên hoa sen. Biểu thị cho sự kiên cố Tâm Bồ Đề.



Tướng Ấn là **Kim Cương Châm Ấn**: Hai tay tác Kim Cương Ngoại Phộc, duỗi thẳng hai ngón giữa sao cho đầu ngón cùng trụ nhau như cây kim , để ngang trái tim



Chân Ngôn là:

VAJRA-ŚRĪ HŪṂ

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Kim Cương Ba La Mật Đa Bồ Tát có chữ chủng tử là: HŪṂ (𑖮𑖳𑖽)

Tôn Hình: Thân ở trong chày Tam Cổ, tay trái cầm hoa sen bên trên có chày Ngũ Cổ, tay phải tác Xúc Địa Ấn.



Chân Ngôn là:

𑖭𑖝𑖿𑖪𑖪𑖕𑖿𑖨𑖱 𑖭𑖳𑖎𑖿𑖬𑖿𑖦𑖕𑖿𑖗𑖯𑖡 𑖭𑖦𑖧 𑖮𑖳𑖽

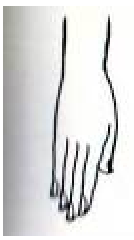
SATVA-VAJRĪ SŪKṢMA- JÑĀNA-SAMAYA HŪṂ

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Kim Cương Ba La Mật Đa Bồ Tát có chữ chủng tử là: HŪṂ (𑖮𑖳𑖽)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen bên trên có chày Ngũ Cổ, ngồi trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Xúc Địa Ấn.



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖭𑖝𑖿𑖪𑖪𑖕𑖿𑖨𑖱 𑖮𑖳𑖽

OṂ_ SATVA-VAJRĪ HŪṂ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Kim Cương Ba La Mật Đa Bồ Tát có chữ chủng tử là: SA ()

Tôn Hình: Tay phải nắm quyền rũ xuống dưới, tay trái cầm hoa sen nở rộ.



Tam Muội Gia Hình là: Chày Ngũ Cổ trên hoa sen.



Chân Ngôn là:

HŪṂ_ SATVA-VAJRA JVALA-MĀLĀ HŪṂ PHAṬ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Kim Cương Ba La Mật Đa Bồ Tát có chữ chủng tử là: SU ()

Tam Muội Gia Hình là: Chày Ngũ Cổ trên hoa sen. Biểu thị cho sự kiên cố Tâm Bồ Đề.



Chân Ngôn là:

SATVA-VAJRĪ KRODHA-JÑĀNA-SAMAYE HŪṂ

BẢO BA LA MẬT ĐA BỒ TÁT

Bảo Ba La Mật Đa Bồ Tát, tên Phạn là **Ratna-pāramitā**, dịch âm là La Đát Na Ba La Mật Đa, dịch ý là **Bảo Đáo Bỉ Ngạn Bồ Tát**

Tôn này lại có tên Phạn là **Ratna-vajrī**, dịch âm là La Đát Na Phộc Nhật Ly, La Đát Na Bạt Chiết Lệ, dịch ý là **Bảo Kim Cương Nữ**

Vị Bồ Tát này đem tất cả nhóm Phước Đức rải khắp Hư Không Giới, chiếu soi rốt ráo Lý Chân Như rồi hay khiến cho chúng sinh chứng Bồ Đề

_**Đại Giáo Vương Kinh, quyển 2** ghi nhận rằng: "Đức **Bảo Sinh Như Lai** (Ratna-saṃbhava-tathāgata) nhập vào **Bảo Ba La Mật Tam Muội Gia**, vì cúng dường Đức **Tỳ Lô Giá Na Như Lai** (Vairocana-tathāgata) mà hiện ra Bảo Ba La Mật Bồ Tát"

_Căn cứ vào **Kim Cương Đỉnh Du Già Tam Thập Thất Tôn Xuất Sinh Nghi** ghi chép: "trong bốn vị Bồ Tát Ba La Mật thì Tôn này là Mẫu (mẹ) nuôi dưỡng tất cả Hiền Thánh"



Trong 37 Tôn của Kim Cương Giới thì Tôn này là một trong bốn vị Bồ Tát thân cận của Đức **Đại Nhật Như Lai** (Vairocana-tathāgata) ở trung ương.

_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala)

.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Bảo Ba La Mật Đa Bồ Tát được sinh ra từ **Tạng báu Công Đức thuộc muôn Hạnh lành** của Trí Pháp Thân Đại Nhật Như Lai, biểu thị cho sự sinh ra mọi báu của vạn Đức

_ Lược thuật Kim Cương Đỉnh Du Già phân biệt Thánh Vị tu chứng Pháp Môn ghi nhận rằng:

"Ở Nội Tâm của Tỳ Lô Giá Na Phật chứng đắc **Hư Không Tạng Đại Ma Ni Công Đức Tam Ma Địa Trí**. Vì tự thọ dụng cho nên từ Hư Không Tạng Đại Ma Ni Công Đức Tam Ma Địa Trí tuôn ra ánh sáng Hư Không Bảo (vật báu của hư không) chiếu khắp mười phương Thế Giới khiến cho tất cả chúng sinh viên mãn công đức, rồi quay trở lại thu làm một Thể. Vì khiến cho tất cả Bồ Tát thọ dụng Tam Ma Địa Trí cho

nên thành hình **Kim Cương Bảo Ba La Mật** trụ ở vành trăng bên phải Tỳ Lô Giá Na Như Lai”

Do Bảo Ba La Mật gia trì cho nên đối với vô biên Chúng Sinh Thế Gian và vô biên Khí Thế Gian, chứng được **Bình Đẳng Tính Trí** (Samatā-jñāna)

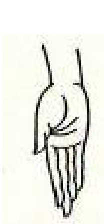
Tôn Hình: Thân màu vàng, hiện hình Thiên Nữ, khoác áo Yết Ma, tay trái cầm hoa sen, bên trên có viên ngọc báu, tay phải kết Dữ Nguyện Ấn (hoặc cầm viên ngọc tròn)



Mật Hiệu là: **Trì Bảo Kim Cương**
Chữ chủng tử là: TRĀḤ (𑖝𑖿𑖨𑖯𑖾)
Tam Muội Gia Hình là: Tam Biện Bảo Châu



Tướng Ấn là: Tay trái nắm quyền để ở eo, tay phải duỗi giương cánh tay tác Dữ Nguyện Ấn



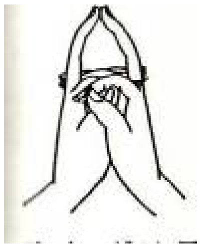
Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖨𑖝𑖿𑖡𑖪𑖕𑖿𑖨𑖱 𑖝𑖿𑖨𑖯𑖾
OṂ_ RATNA-VAJRĪ TRĀḤ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Bảo Ba La Mật Đa Bồ Tát có chữ chủng tử là: TRĀḤ (𑖝𑖿𑖨𑖯𑖾)

Tam Muội Gia Hình là: Tam Biện Bảo Châu. Biểu thị cho việc được tròn đủ ước nguyện của tất cả chúng sinh, không còn thiếu thốn



Tướng Ấn là:Ngoại Phộc, co 2 ngón giữa cùng chạm đầu ngón, thành hình báu



Chân Ngôn là:

𑖪𑖕𑖿𑖨𑖐𑖺𑖨𑖱 𑖝𑖿𑖨𑖯𑖾

VAJRA-GAURĪ TRĀḤ

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Bảo Ba La Mật Đa Bồ Tát có chữ chủng tử là: TRĀḤ (𑖝𑖿𑖨𑖯𑖾)

Tôn Hình: Tay trái cầm hoa sen bên trên có Tam Biện Bảo Châu, tay phải kết Dữ Nguyện Ấn.



Chân Ngôn là:

𑖨𑖝𑖿𑖡𑖪𑖕𑖿𑖨𑖱 𑖭𑖳𑖎𑖿𑖬𑖿𑖦𑖕𑖿𑖗𑖯𑖡 𑖭𑖦𑖧 𑖝𑖿𑖨𑖯𑖾

RATNA-VAJRĪ SŪKṢMA- JÑĀNA-SAMAYA TRĀḤ

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Bảo Ba La Mật Đa Bồ Tát có chữ chủng tử là: TRĀḤ (𑖝𑖿𑖨𑖯𑖾)

Tôn Hình: Hai tay chắp lại cầm hoa sen bên trên có Tam Biện Bảo Châu.



Tướng Ấn là: Mãn Nguyện Ấn



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖨𑖝𑖿𑖡 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖰 𑖝𑖿𑖨𑖯𑖾

OṂ_ RATNA-VAJRĪ TRĀḤ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Bảo Ba La Mật Đa Bồ Tát có chữ chủng tử là: RA (𑖨)

Tôn Hình: Tay trái cầm hoa sen bên trên có Tam Biện Bảo Châu, tay phải kết Dữ Nguyện Ấn.



Tam Muội Gia Hình là: Bánh xe Pháp trên hoa sen.



Chân Ngôn là:

OṂ_ RATNA-VAJRA JVALA-MĀLĀ HŪṂ TRĀḤ

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Bảo Ba La Mật Đa Bồ Tát có chữ chủng tử là: MBHA ( )

Tam Muội Gia Hình là: Bánh xe Pháp trên hoa sen. Biểu thị cho việc trụ Tâm trong sạch khởi nguyện Đại Bi, chuyển bánh xe Chính Pháp điều phục hữu tình khiến cho họ tròn đủ mọi ước nguyện



Chân Ngôn là:

RATNA-VAJRĪ KRODHA-JÑĀNA-SAMAYE HŪṂ

KIM CƯƠNG PHÁP BỒ TÁT

Kim Cương Pháp Bồ Tát, tên Phạn là **Vajra-dharma**, dịch âm là Phộc Nhật La Đạt Ma. Tên gọi riêng là Thiện Lợi Bồ Tát, Kim Cương Liên Hoa Bồ Tát, Thiện Thanh Tịnh Bồ Tát, Kim Cương Diệu Nhãn Bồ Tát, Quán Thế Tự Tại Bồ Tát, Quán Âm Bồ Tát.

Vị Bồ Tát này biểu thị cho **Hạ Chuyển Thân** (thân được chuyển xuống bậc bên dưới) do Đức **Vô Lượng Thọ Như Lai** (Amitāyus-tathāgata) vì giáo hóa chúng sinh đã hiển hiện, tuyên nói Lý **Bản Tính thanh tịnh** để mở lối dẫn dắt chúng sinh. Do Pháp đã nói ấy đều từ **Chính Trí** mà nói, cho nên lại ví dụ xưng là **Kim Cương Nhãn** (Vajra-cakṣu: con mắt Kim Cương)

Trong 37 Tôn của Kim Cương Giới thì Tôn này là một trong bốn vị Bồ Tát thân cận của Đức **Vô Lượng Thọ Như Lai** (Amitāyus-tathāgata) ở phương Tây. Do Tôn này gia trì có thể chứng được Lý **Bản Tính thanh tịnh** của các Pháp



_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala)

.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì **Kim Cương Pháp Bồ Tát** (Vajra-dharma) lại được xưng là **Kim Cương Nhãn Bồ Tát** (Vajra-cakṣu). Tôn này được sinh ra từ **Trí Tuệ tự tại không nhiễm** của tất cả Như Lai.

_ Lược thuật Kim Cương Đỉnh Du Già phân biệt Thánh Vị tu chứng Pháp Môn ghi nhận rằng:

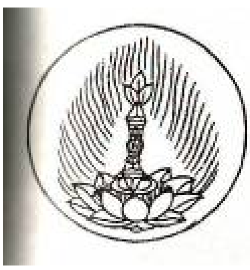
"Ở Nội Tâm của Tỳ Lô Giá Na Phật chứng đắc **Kim Cương Pháp Thanh Tĩnh Vô Nhiễm Tam Ma Địa Trí**. Vì tự thọ dụng cho nên từ Kim Cương Pháp Thanh Tĩnh Vô Nhiễm Tam Ma Địa Trí tuôn ra ánh sáng Kim Cương Pháp (Pháp của Kim Cương) chiếu khắp mười phương Thế Giới tĩnh trừ năm dục của chúng sinh khiến cho thân tâm được thanh tịnh giống như hoa sen chẳng nhiễm bụi dơ, rồi quay trở lại thu làm một Thể.Vì khiến cho tất cả Bồ Tát thọ dụng Tam Ma Địa Trí cho nên thành hình **Kim Cương Pháp Bồ Tát** trụ ở vành trăng trước mặt Quán Tự Tại Vương Như Lai".

Do Kim Cương Pháp Bồ Tát gia trì cho nên chứng được bản tính Thanh Tịnh của Pháp, đều hay diễn nói Pháp Môn vi diệu, biết tất cả Pháp đều như Phiệt Dụ (cái bè đưa qua sông), chẳng thể chấp trước.

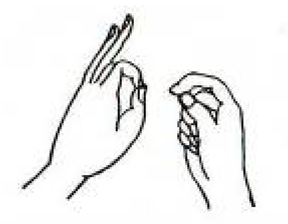
Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái để trước ngực cầm hoa sen, tay phải cầm một cánh sen làm thế bóc mở



Mật Hiệu là: **Chính Pháp Kim Cương, Liên Hoa Kim Cương**
Chữ chủng tử là: HRÌH (ཧྲཱིཿ) nghĩa là mau lìa ba độc **Tham Sân Si**
Tam Muội Gia Hình là: Chày Liên Hoa Độc Cổ



Tướng Ấn là: Tay trái cầm hoa sen, tay phải cầm một cánh sen làm thế bóc mở



Chân Ngôn là:

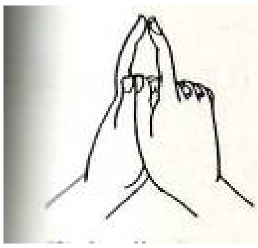
OṂ_ VAJRA-DHARMA HRĪḤ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Kim Cương Pháp Bồ Tát có chữ chủng tử là: RI ()

Tam Muội Gia Hình là: Trên chày Độc Cổ có hoa sen. Biểu thị cho sự dùng Môn **Thù Thắng Hạnh**, lý nghĩa vi diệu, phương tiện Đại Bi mà kết thành bè **Nhân** vào Hạnh Nguyện Bồ Đề, Thắng Nghĩa mà đốn chứng.



Tướng Ấn là:Ngoại Phộc, kèm dựng hai ngón cái, co hai ngón trỏ như hoa sen



Chân Ngôn là:

SARVA KĀRI

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Kim Cương Pháp Bồ Tát có chữ chủng tử là: HRĪḤ ()

Tôn Hình:Tay trái để trên đầu gối ngửa lòng bàn tay, tay phải kết Thuyết Pháp Ấn.



Chân Ngôn là:

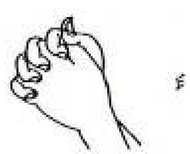
VAJRA-PADMA-ĀTMAKA

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Kim Cương Pháp Bồ Tát có chữ chủng tử là: HRĪḤ ()

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, bên trên có chày Độc Cổ, đầu chày có hoa sen.



Tướng Ấn là: Ngoại Phộc để trên miệng.



Chân Ngôn là:

OṂ_ SARVA TATHĀGATA VAJRA DHARMATĀ SAMĀDHIBHIḤ STUNOMI MAHĀ-DHARMA-AGRI HRĪḤ

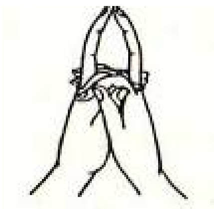
.)Tại **Tứ Ấn Hội** (Catur-mudra) thì Kim Cương Pháp Bồ Tát đại biểu cho Đức Phật **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus-buddha) và là một trong 4 vị Bồ Tát thân cận của Đại Nhật Như Lai, biểu thị cho **Pháp Trí Ấn** (Dharma-jñāna-mudra) trong 4 loại Trí Ấn của Như Lai

Chữ chủng tử là: HRĪḤ ()

Tôn Hình: Lược đồng với Thành Thân Hội, thân hiện màu thịt đỏ.



Tướng Ấn là: Ngoại Phộc, duỗi hai ngón giữa như hình hoa sen.



Chân Ngôn là:

NIṢAPRAPAÑCA-VAK-SIDDHI-RBHAVATU_ SARVA-TATHĀGATA-SAMĀDHAYOME ĀJAYANTĀṂ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Kim Cương Pháp Bồ Tát có chữ chủng tử là: DHA ( )

Tôn Hình: Hai tay nắm Kim Cương Quyền, giao chéo nhau trước ngực.



Tam Muội Gia Hình là: Chày Liên Hoa Độc Cổ



Chân Ngôn là:

OṂ_ VAJRA-DHARMA-KRODHA-VINĀŚAYA VIŚODHĀYA HŪṂ PHAṬ

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-Samaya) thì Kim Cương Pháp Bồ Tát có chữ chủng tử là: HŪṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Chày Liên Hoa Độc Cổ. Biểu thị cho sự dùng Môn **Thù Thắng Hạnh**, lý nghĩa vi diệu, phương tiện Đại Bi mà kết thành bè **Nhân** vào Hạnh Nguyện Bồ Đề, Thắng Nghĩa mà đốn chứng.



Chân Ngôn là:

OṂ_ VAJRA-ŚUDDHA-KRODHE HANA MĀRĀYA SARVA DUṢṬĀṂ DHI

NGHIỆP BA LA MẬT ĐA BỒ TÁT

Nghiệp Ba La Mật Bồ Tát, tên Phạn là **Karma-pāramitā**, dịch âm là Yết Ma Ba La Mật Đa, dịch ý là **Nghiệp Đáo Bỉ Ngạn Bồ Tát**. Lại xưng là Yết Ma Ba La Mật Bồ Tát

Tôn này lại có tên Phạn là **Karma-vajrī**, dịch âm là Yết Ma Phộc Nhật Ly, Yết Ma Bạt Chiết Lý, dịch ý là **Nghiệp Kim Cương Nữ**

_**Đại Giáo Vương Kinh, quyển 2** ghi nhận rằng: "Đức **Bất Không Thành Tựu Như Lai** (Amogha-siddhi-tathāgata) nhập vào **Nghiệp Ba La Mật Tam Muội Gia**, vì cúng dường Đức **Tỳ Lô Giá Na Như Lai** (Vairocana-tathāgata) mà sinh ra Yết Ma Ba La Mật Bồ Tát"



Trong 37 Tôn của Kim Cương Giới thì Tôn này là một trong bốn vị Bồ Tát thân cận của Đức **Đại Nhật Như Lai** (Vairocana-tathāgata) ở trung ương.

_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala)

.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Nghiệp Ba La Mật Đa Bồ Tát được sinh ra từ **Đại Tinh Tiến Trí** của Trí Pháp Thân Đại Nhật Như Lai, biểu thị cho sự nghiệp thành tựu lợi ích chúng sinh.

_ Lược thuật Kim Cương Đỉnh Du Già phân biệt Thánh Vị tu chứng Pháp Môn ghi nhận rằng:

"Ở Nội Tâm của Tỳ Lô Giá Na Phật chứng đắc **Yết Ma Kim Cương Đại Tinh Tiến Tam Ma Địa Trí**. Vì tự thọ dụng cho nên từ Yết Ma Kim Cương Đại Tinh Tiến Tam Ma Địa Trí tuôn ra ánh sáng Yết Ma (Karma: Nghiệp dụng) chiếu khắp mười phương Thế Giới khiến cho tất cả chúng sinh trừ bỏ tất cả sự trễ nãi lười biếng thành đại tinh tiến, rồi quay trở lại thu làm một Thể.Vì khiến cho tất cả Bồ Tát thọ dụng Tam Ma Địa Trí cho nên thành hình **Yết Ma Ba La Mật** trụ ở vành trăng bên trái Tỳ Lô Giá Na Như Lai"

Do Yết Ma Ba La Mật gia trì cho nên đối với vô lượng an lập của Thế Giới tạp nhiễm, Thế Giới thanh tịnh, chứng được **Thành Sở Tác Trí** (Kṛtya-muṣṭhāna-jñāna)

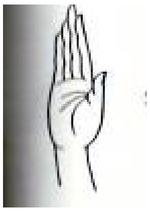
Tôn Hình: Thân màu xanh lục, hiện hình Thiên Nữ, khoác áo Yết Ma, tay trái cầm hoa sen, bên trên có viên ngọc báu, tay phải cầm chày Yết Ma



Mật Hiệu là: **Diệu Dụng Kim Cương, Tác Nghiệp Kim Cương**
Chữ chủng tử là: AḤ (𑖀𑖾).
Tam Muội Gia Hình là: Chày Yết Ma (Thập Tự Độc Cổ)



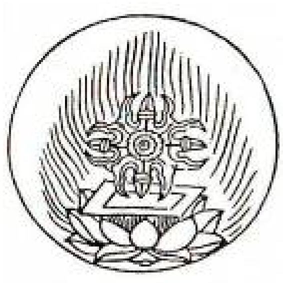
Tướng Ấn là: Tay trái để ngang eo nắm quyền, tay phải kết Thí Vô Úy Ấn



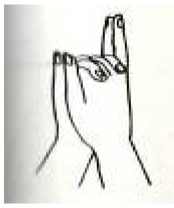
Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖎𑖨𑖿𑖦𑖪𑖕𑖿𑖨𑖱 𑖀𑖾
OṂ_ KARMA-VAJRĪ AḤ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Nghiệp Ba La Mật Đa Bồ Tát có chữ chủng tử là: AḤ (𑖀𑖾).

Tam Muội Gia Hình là: Chày Yết Ma trên hoa sen (Thập Tự Tam Cổ Chử). Biểu thị cho sự hay thành tựu sự nghiệp của tất cả Như Lai và sự nghiệp của tất cả chúng sinh. Hết thảy việc tu trì không có gì không thành tựu.



Tướng Ấn là: Hai tay tác Kim Cương Ngoại Phộc, co hai ngón giữa vào trong lòng bàn tay, dựng thẳng 2 ngón cái, hai ngón út cùng hợp nhau, để trên đỉnh đầu



Chân Ngôn là:

𑖏 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖰𑖜𑖰 𑖮𑖺𑖾

KHA _ VAJRIṆI   HOḤ

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Nghiệp Ba La Mật Đa Bồ Tát có chữ chủng tử là: AḤ (𑖀𑖾).

Tôn Hình: Tay trái cầm hoa sen bên trên có chày Độc Cổ Yết Ma, tay phải trì Kiếm Ấn.



Chân Ngôn là:

𑖎𑖨𑖿𑖦𑖪𑖕𑖿𑖨𑖱 𑖭𑖳𑖎𑖿𑖬𑖿𑖦𑖕𑖿𑖗𑖯𑖡 𑖭𑖦𑖧 𑖀𑖾

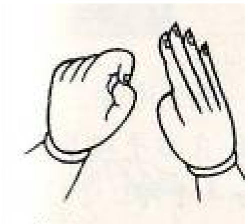
KARMA-VAJRĪ   SŪKṢMA- JÑĀNA-SAMAYA   AḤ

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Nghiệp Ba La Mật Đa Bồ Tát có chữ chủng tử là: A (𑖀) hay AḤ (𑖀𑖾).

Tôn Hình: Hai tay chắp lại cầm hoa sen bên trên có chày Yết Ma.



Tướng Ấn là: Quyền trái để ở rốn, tay phải duỗi thẳng 4 ngón, hướng ngón cái vào trong lòng bàn tay rồi hơi co lại.



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖎𑖨𑖿𑖦 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖱 𑖀𑖾

OṂ_ KARMA-VAJRĪ AḤ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Nghiệp Ba La Mật Đa Bồ Tát có chữ chủng tử là: KA (𑖎).

Tôn Hình: Tay trái cầm hoa sen, tay phải ngửa lòng bàn tay.



Tam Muội Gia Hình là: Chày Yết Ma (Thập Tự Tam Cổ Chử) trên hoa sen.



Chân Ngôn là:

OṂ_ KARMA-VAJRA JVALA-MĀLĀ HŪṂ AḤ

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Nghiệp Ba La Mật Đa Bồ Tát có chữ chủng tử là: SU (𑖭𑖲).

Tam Muội Gia Hình là: Chày Yết Ma (Thập Tự Tam Cổ Chử) trên hoa sen. Biểu thị cho sự hay thành tựu sự nghiệp của tất cả Như Lai và sự nghiệp của tất cả chúng sinh. Hết thảy việc tu trì không có gì không thành tựu.



Chân Ngôn là:

KARMA-VAJRĪ KRODHA-JÑĀNA-SAMAYE HŪṂ

KIM CƯƠNG TÁT ĐỎA BỒ TÁT

Kim Cương Tát Đỏa, tên Phạn là Vajra-satva, dịch âm là Phộc Nhật-La Tát Đỏa, dịch ý là Dũng Mãnh Hữu Tình. Lại xưng là Chấp Kim Cương, Trì Kim Cương, Kim Cương Thủ, Kim Cương Thủ Bồ Tát Ma Ha Tát, Chấp Kim Cương Bí Mật Chủ, Kim Cương Thủ Bí Mật Chủ, Trì Kim Cương Cụ Tuệ Giả, Kim Cương Thượng Thủ, Đại Lạc Kim Cương, Tô La Đa Kim Cương, Nhất Thiết Như Lai Phổ Hiền, Phổ Hiền Bồ Tát, Phổ Hiền Kim Cương Bồ Tát, Kim Cương Thắng Bồ Tát, Kim Cương Tạng, Chấp Kim Cương, Bí Mật Chủ…



_Kim Cương Tát Đỏa là vị Tổ thứ hai trong tám vị Tổ của Chân Ngôn Tông. Là vị Thánh Tôn rất được tôn sùng trong Phật Giáo Mật Tông

_**Kim Cương Tát Đỏa** (Vajra-satva): Xưa dịch là **Mật Tích**, nếu giản lược cho rõ nghĩa thì **Bí Mật Chủ** (Guhyādhipati) tức là **Dạ Xoa Vương** (Yakṣa-rāja) cầm chày Kim Cương hộ vệ Đức Phật, cho nên nói là **Kim Cương Thủ** (Vajra-pāṇi). Nhưng trong ý nghĩa sâu xa, khi nói **Dạ Xoa** (Yakṣa) tức là Thân Ngữ Ý mật của Như Lai, chỉ Phật với Phật mới có thể biết, cho đến hàng Bồ Tát **Di Lặc** (Maitreya) đối với Thần Thông bí mật như vậy chẳng phải là nơi mà sức theo kịp. Rất bí mật trong bí mật ấy là Chủ của Tâm Mật, cho nên nói là **Bí Mật Chủ**, hay cầm giữ Ấn này cho nên nói là **Chấp Kim Cương** (Vajra-dhāra)

_Vì Kim Cương Tát Đỏa Bồ Tát cầm chày Kim Cương cho nên có tên gọi là **Kim Cương Thủ** (Vajra-pāṇi), thuộc **Kim Cương Bộ** (Vajra-kulāya) là thân hóa hiện Phẫn Nộ của Bồ Tát **Đại Thế Chí** (Mahā-sthāma-prāpta) cùng với nhóm **Quán Âm** (Avalokiteśvara), **Văn Thù** (Maṃjuśrī) hợp làm **Tam Tộc Tính Tôn**, phân biệt đại biểu cho ba loại đặc tính là **Lực Lượng, Từ Bi, Trí Tuệ**… cho nên xưng là **Đại Lực Kim Cương Thủ**

_ Trong điển Tịch của Phật Giáo: Khi Đức **Tỳ Lô Giá Na Phật** (Vairocana-buddha) nhập vào **Phổ Hiền Tam Muội** (Samanta-bhadra-samādhi) thì sinh ra Kim Cương Tát Đỏa (hay Kim Cương Thủ) cho nên Kim Cương Tát Đỏa thuộc **Phật Bộ** (Buddhā-kulāya) cùng với Bồ Tát **Phổ Hiền** (Samanta-bhadra) là vị Thánh Tôn đồng Thể khác tên, cũng được xưng là **Kim Cương Tâm Bồ Tát** (Vajra-citta-bodhisatva)

_Tạng Truyền Phật Giáo ghi nhận Kim Cương Tát Đỏa là một trong rất nhiều vị **Kim Cương Trì** (Vajra-dhāra), thường thường giảng giải đến Pháp Thân Phổ Hiền. Theo Giáo Lý thì năm Đức Phật ở năm phương là năm vị Kim Cương Trì: Đại Nhật Như Lai ở phương trung ương, A Súc Phật ở phương Đông, Bảo Sinh Phật ở phương Nam, A Di Đà Phật ở phương Tây, Bất Không Thành Tựu Phật ở phương Bắc. Riêng Pháp Thân Phổ Hiền tức là vị Kim Cương Trì thứ sáu thì chính là Kim Cương Tát Đỏa và Ngài còn có tên gọi là **Kim Cương Tổng Trì**

_**Bí Tạng Ký** ghi nhận Tôn này là Kim Cương Tát Đỏa của **Thai Tạng Giới** (Garbha-dhātu)

Phần cuối của **Bí Tạng Ký** lại đề cử Ngài là **Tát Đỏa** (Satva) của **Kim Cương Giới** (Vajra-dhātu)

_Kim Cương Tát Đỏa tượng trưng cho tâm Bồ Đề bền chắc chẳng hoại và ý nghĩa **phiền não tức Bồ Đề.** Tôn này là Bộ Chủ của Đại Trí Kim Cương Bộ, chủ về Đức **chiết phục,** có Bản Thệ là **tồi phá tất cả Ma ác**.

_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala)

.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì **Kim Cương Tát Đỏa** (Vajra-satva) là một trong bốn Tôn hầu cận Đức Phật **A Súc** (Akṣobhya-buddha) được sinh ra từ **Thể Tính bền chắc của Bồ Đề** của tất cả Như Lai

_ Lược thuật Kim Cương Đỉnh Du Già phân biệt Thánh Vị tu chứng Pháp Môn ghi nhận rằng:

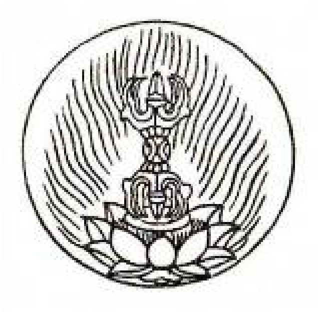
"Ở Nội Tâm của Tỳ Lô Giá Na Phật chứng đắc **Kim Cương Tát Đỏa Dũng Mãnh Bồ Đề Tâm Tam Ma Địa Trí** .Vì tự thọ dụng cho nên từ Kim Cương Tát Đỏa Dũng Mãnh Bồ Đề Tâm Tam Ma Địa Trí tuôn ra ánh sáng Ngũ Phong Kim Cương (Chày Kim Cương có năm ngọn) chiếu khắp mười phương Thế Giới khiến cho tất cả chúng sinh đốn chứng (chứng ngay) Hạnh Phổ Hiền, rồi quay trở lại thu làm một Thể. Vì khiến cho tất cả Bồ Tát thọ dụng Tam Ma Địa Trí cho nên thành hình **Kim Cương Tát Đỏa Bồ Tát** trụ ở vành trăng trước mặt A Súc Như Lai"

Do Kim Cương Tát Đỏa gia trì cho nên ở sát na mãnh lợi Tâm, chứng ngay (Đốn Chứng) Vô Thượng Bồ Đề.

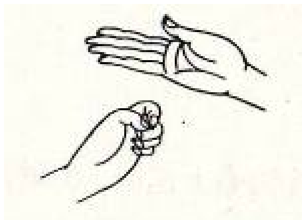
Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải cầm chày Ngũ Cổ để trước ngực, tay trái cầm cái chuông Ngũ Cổ



Mật Hiệu là: **Chân Như Kim Cương, Đại Dũng Kim Cương**
Chữ chủng tử là: A (), Ā (), AḤ ()
Tam Muội Gia Hình là: Chày Ngũ Cổ dựng thẳng đứng



Tướng Ấn là: Kim Cương Tát Đỏa Ấn. Tay trái nắm Kim Cương Quyền để ở eo, tay phải tác Kim Cương Quyền để ở tim, dùng quyền phải làm thế rút nắm như chưởng

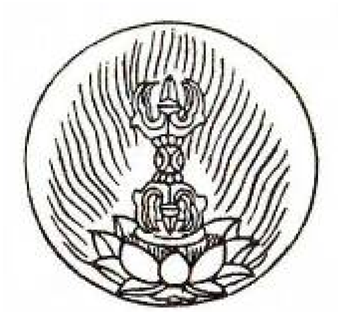


Chân Ngôn là:

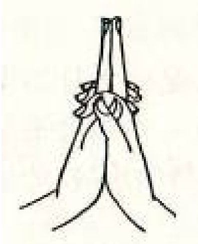
OṂ _ VAJRA-SATVA AḤ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Kim Cương Tát Đỏa có chữ chủng tử là: SVTA () hay STVAṂ ()

Tam Muội Gia Hình là: Chày Ngũ Cổ dựng đứng. Biểu thị cho Tâm Đại Bồ Đề. Từ lúc mới phát ý, kiên cố dõng mãnh trụ Tam Ma Địa Trí, ánh sáng rực rỡ của thân Tự Thọ Dụng rộng chiếu vô biên, cầm Chày Ngũ Trí Kim Cương giữ gìn tòa vị, ngạo mạn tự tại



Tướng Ấn là: Kim Cương Tát Đỏa Tam Muội Gia Ấn



Chân Ngôn là:
𑖭𑖦𑖧 𑖭𑖿𑖝𑖿𑖪𑖽
SAMAYA STVAṂ

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Kim Cương Tát Đỏa có chữ chủng tử là: A (𑖀)
Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



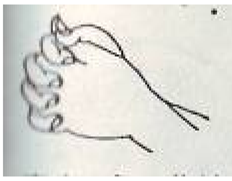
Chân Ngôn là:
𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖁𑖝𑖿𑖦𑖎
VAJRA- ĀTMAKA

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Kim Cương Tát Đỏa có chữ chủng tử là: AḤ (𑖀𑖾) hay ĀḤ (𑖁𑖾)

Tôn Hình: Hai tay chắp lại cầm hoa sen trên hoa có chày Độc Cổ, bên trên chày có hoa sen chưa nở.



Tướng Ấn là: Ngoại Phộc Quyền để ngang ngực.



Chân Ngôn là:

OṂ_ SARVA TATHĀGATA SARVA-ĀTMA NIRYĀTANA PŪJA SPHARAṆA KARMA-VAJRI _ ĀḤ

.)Tại **Tứ Ấn Hội** (Catur-mudra) thì Kim Cương Tát Đỏa biểu thị cho Đức Phật **A Súc** (Akṣobhya-buddha)

Chữ chủng tử là : HŪṂ ( )

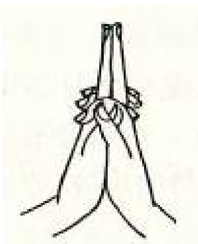
Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội, thân hiện màu xanh.



Tam Muội Gia Hình là: Chày Ngũ Cổ.



Tướng Ấn là: Kim Cương Tát Đỏa Đại Ấn, Kim Cương Tam Muội Gia Ấn.



Chân Ngôn là:

OṂ_ HṚDAYA-MANIṢITĀNI SARVA-TATHĀGATA SIDDHYANTĀṂ

.)Tại **Lý Thú Hội** (Naya) thì Hội này biểu thị việc Đức **Đại Nhật Như Lai** (Vairocana-tathāgata) hiện thân **Kim Cương Tát Đỏa** (Vajra-satva) dùng Chính Pháp hóa Độ chúng sinh. Lại gọi là **Tát Đỏa Hội, Phổ Hiền Hội**

Hội này diễn nói Lý Thú của Nghĩa **Phiền não tức Bồ Đề** là Nội Chứng của Kim Cương Tát Đỏa .

Trong Hội này thì **Kim Cương Tát Đỏa** (Vajra-satva) là Phổ Hiền Bồ Tát (Samanta-bhadra) tức con trưởng của tất cả Như Lai, là Tâm Bồ Đề của tất cả Như Lai, là Tổ Sư của tất cả Như Lai. Chính vì thế cho nên tất cả Như Lai lễ kính Kim Cương Tát Đỏa.

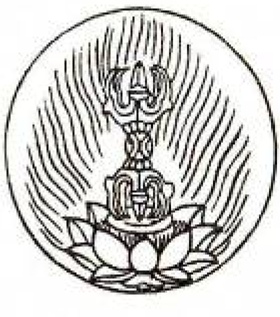
Tôn này trụ Đại Trí Ấn từ Kim Cương Giới đến Kim Cương Linh Bồ Tát dùng 37 Trí thành Thân Quả Đức ***Tự Thọ Dụng, Tha Thọ Dụng.*** Tôn này cũng là Tự Tính Thân , chẳng sinh chẳng diệt, ngang bằng với hư không, tức là Thân tràn khắp Pháp Giới

Chữ chủng tử là: OṂ (𑖌𑖼)

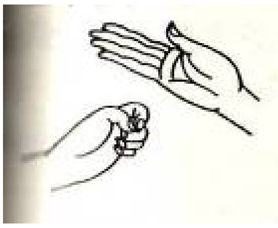
Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, đầu đội mão Ngũ Phật, tay phải cầm chày Kim Cương Ngũ Cổ vặn nghiêng cổ tay trước ngực, tay trái để ngang đầu gối cầm cái chuông Ngũ Cổ.



Tam Muội Gia Hình là: Chày Kim Cương Ngũ Cổ.



Tướng Ấn là: Kim Cương Tát Đỏa Đại Ấn.



Chân Ngôn là:

VAJRA-SATVA-UHAṂ

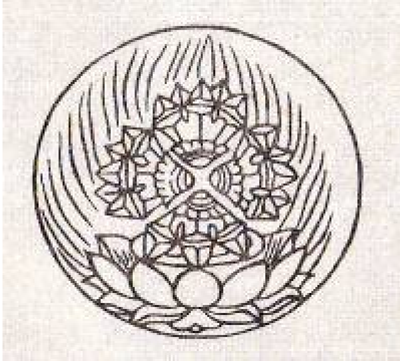
.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Kim Cương Tát Đỏa hiện **thân phẫn nộ** là nơi hóa hiện của Đại Nhật Như Lai. Thân này có tên gọi là **Giáng Tam Thế Minh Vương** (Trailokya-vijaya). Lại xưng là Thắng Tam Thế, Nguyệt Yểm Tôn, Phẫn Nộ Trì Minh Vương...Là một trong 5 vị Đại Minh Vương của Mật Giáo, là Giáo Lệnh Luân Thân của Kim Cương Bộ thuộc 5 Bộ.

Chữ chủng tử là: SA () hay HŪṂ ()

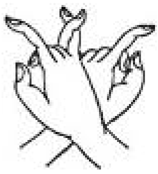
Tôn Hình: Đồng với Giáng Tam Thế Minh Vương. Thân màu đen xanh, 4 mặt 8 cánh tay, đội mão tóc lửa, mỗi mặt đều có 3 mắt. Mặt chính màu xanh, mặt bên phải màu vàng, mặt bên trái màu xanh lục, mặt phía sau màu hồng. Hai tay thứ nhất để trước ngực, kết Ấn. Bên phải: Tay thứ hai cầm chày Kim Cương, tay thứ ba cầm mũi tên, tay thứ tư cầm cây đao. Bên trái: Tay thứ hai cầm chày Tam Cổ, tay thứ ba cầm cây cung, tay thứ tư cầm sợi dây. Bàn chân trái đạp lên **Tự Tại Thiên** (Maheśvara), bàn chân phải đạp lên **Ô Ma Phi** (Uma).



Tam Muội Gia Hình là: Chày Thập Tự Ngũ Cổ.



Tướng Ấn là: Giáng Tam Thế Ấn.



Chân Ngôn là:

OṂ – SUMBHA NISUMBHA HŪṂ – GṚHṆA GṚHṆA HŪṂ – GṚHṆA APAYA HŪṂ – ĀNAYA HOḤ – BHAGAVAṂ VAJRA HŪṂ PHAṬ

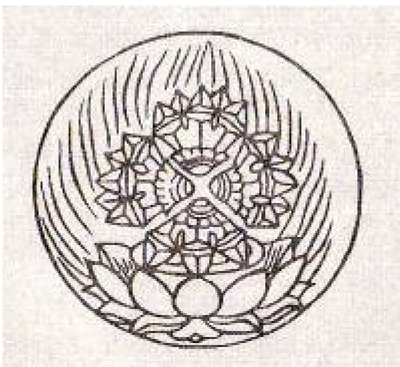
Hay

OṂ_ VAJRA-SATVA KRODHA HŪṂ PHAṬ

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Kim Cương Tát Đỏa hiển hiện Tam Muội Gia Hình của Giáng Tam Thế Minh Vương

Chữ chủng tử là: HŪṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Chày Thập Tự Ngũ Cổ. Biểu thị cho sự phát khởi Tâm Đại Bồ Đề , kiên cố dung mãnh trụ Tam Ma Địa Trí, ánh sáng rực rỡ của thân Tự Thọ Dụng rộng chiếu vô biên, cầm chày Thập Tự Ngũ Cổ, ngạo mạn tự tại giáng phục 3 độc **Tham Sân Si** và 3 cõi **Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới**. Điều phục Thiên Ma, giáng phục Vô Minh Phiền não căn bản



Chân Ngôn là:

OṂ_ VAJRA-KRODHA SAMAYE JHI

KIM CƯƠNG VƯƠNG BỒ TÁT

Kim Cương Vương Bồ Tát, tên Phạn là **Vajra-rāja**, dịch âm là Phộc Nhật La La Nhạ. Lại xưng là Kim Cương Tạng Bồ Tát, Kim Cương Câu Vương Bồ Tát, Bất Không Vương Bồ Tát. Tên gọi riêng là Kim Cương Thỉnh Dẫn Bồ Tát, Diệu Giác Bồ Tát.

Do Tôn này: bên trên nghênh tiếp tất cả Như Lai để **tự lợi**, bên dưới dẫn dắt tất cả chúng sinh để **lợi tha**. Tức đối với Nguyện **tự lợi lợi tha**, thực hành tự tại không có ngăn ngại, cho nên được tên gọi là **Kim Cương Vương**

Tôn này biểu thị cho một Đức của **A Súc Như Lai** (Tathāgata) hiện bày tướng được tự tại, tất cả đều quy phục. Có Bản Thệ dùng **bốn Nhiếp Pháp** câu triệu tất cả Hữu Tình.



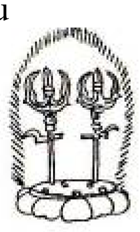
Trong **Thai Tạng Giới** thì Kim Cương Vương Bồ Tát là một trong 33 Tôn tại **Kim Cương Thủ Viện.**

Trong 37 Tôn của **Kim Cương Giới** thì Kim Cương Vương Bồ Tát là một trong bốn vị Bồ Tát thân cận của Đức Phật A Súc ở phương Đông.

_Tại **Kim Cương Thủ Viện** trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) thì **Kim Cương Vương Bồ Tát** có thân hiện màu xanh lục nhạt (hay màu thịt), hai tay nắm Quyền dựng đứng ngón trỏ, giao cổ tay để trước ngực, khoác Thiên Y, đai áo tung bay hướng lên trên, chéo hai bàn chân ngồi trên đài sen

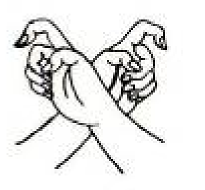


Mật Hiệu là: **Tự Tại Kim Cương, Chấp Câu Kim Cương**
Chữ chủng tử là: JAḤ (𑖕𑖾)
Tam Muội Gia Hình là: Hai móc câu



Tướng Ấn là: Hai Quyền, dựng ngón trỏ thành dạng móc câu, giao chéo nhau trước ngực.

Ấn Câu Triệu này biểu thị cho việc***: "Trên y theo sự tự lợi của tất cả Như Lai, dưới đem lại sự lợi ích dẫn dắt chúng sinh***". Tức đối với hai Lợi Tự Tha đều hành, nguyện không ngại, được tự tại



Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖨𑖯𑖕 𑖕𑖾
OṂ_ VAJRA-RĀJA JAḤ

_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala)

.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Kim Cương Vương Bồ Tát được sinh ra từ **Thể Tính bốn Nhiếp của Bồ Đề** của tất cả Như Lai, biểu thị cho sự phát Tâm mà tự thực hành ***hóa độ kẻ khác*** như Đức tự tại của vị vua

_ Lược thuật Kim Cương Đỉnh Du Già phân biệt Thánh Vị tu chứng Pháp Môn ghi nhận rằng:

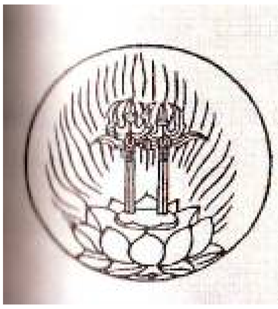
"Ở Nội Tâm của Tỳ Lô Giá Na Phật chứng đắc **Kim Cương Câu Tứ Nhiếp Tam Ma Địa Trí** . Vì tự thọ dụng cho nên từ Kim Cương Câu Tứ Nhiếp Tam Ma Địa Trí tuôn ra ánh sáng Kim Cương Câu (Móc câu Kim Cương) chiếu khắp mười phương Thế Giới , dùng bốn Nhiếp Pháp nhiếp tất cả chúng sinh an nơi Vô Thượng Bồ Đề, rồi quay trở lại thu làm một Thể. Vì khiến cho tất cả Bồ Tát thọ dụng Tam Ma Địa Trí cho nên thành hình **Kim Cương Vương Bồ Tát** trụ ở vành trăng bên phải A Súc Như Lai"

Do Kim Cương Vương Bồ Tát gia trì cho nên ở trong các Môn lợi lạc của Hữu Tình , gia bị đầy đủ bốn môn Nhiếp Pháp.

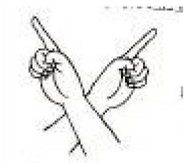
Tôn Hình: Thân màu thịt, hai tay nắm Kim Cương Quyền giao chéo nhau trước ngực.



Mật Hiệu là: **Tự Tại Kim Cương, Trì Câu Kim Cương**
Chữ chủng tử là: JAḤ (𑖕𑖾)
Tam Muội Gia Hình là: Hai chày Kim Cương dựng đứng



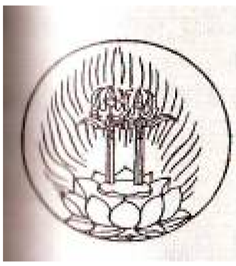
Tướng Ấn là: Kim Cương Vương Ấn



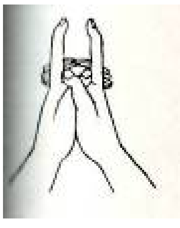
Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖨𑖯𑖕 𑖕𑖾
OṂ _ VAJRA-RĀJA JAḤ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Kim Cương Vương Bồ Tát có chữ chủng tử là: SVA (𑖭𑖿𑖪) hay SA (𑖭)

Tam Muội Gia Hình là: Hai móc câu Kim Cương dựng đứng. Biểu thị cho việc hành bốn **Nhiếp Pháp** mà tế độ. Thế nào là 4 Nhiếp Pháp? Đó là nhóm **Bố Thí, Ái Ngữ, Lợi Hành, Đồng Sự** để nhiếp thủ. Thế nên Kim Cương Vương Bồ Tát (Vajra – rāja-bodhisatva) cầm 2 móc câu kim cương dùng để triệu tập



Tướng Ấn là: Hai tay tác Kim Cương Ngoại Phộc, co hai ngón trỏ như hình móc câu



Chân Ngôn là:
𑖁𑖡𑖧 𑖭𑖿𑖪
ĀNAYA SVA

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Kim Cương Vương Bồ Tát có chữ chủng tử là: JAḤ ()

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

HṚDA VAJRA-AṂKUŚA

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Kim Cương Vương Bồ Tát có chữ chủng tử là: JAḤ ()

Tôn Hình: Hai tay chắp lại cầm hoa sen bên trên có hai móc câu Kim Cương dựng đứng.



Tướng Ấn là: Ngoại Phộc, để ở bên hông phải.



Chân Ngôn là:

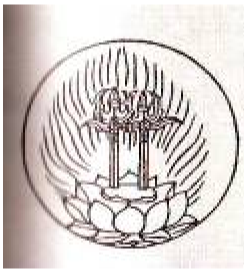
OṂ_ SARVA TATHĀGATA SARVA-ĀTMA NIRYĀTANA PŪJA SPHARAṆA KARMA AGRI JAḤ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Kim Cương Vương Bồ Tát có chữ chủng tử là: RA ( )

Tôn Hình: Hiện tư thế của **Kim Cương Hồng Ca La** (Vajra-hùm-kara).



Tam Muội Gia Hình là:Hai móc câu Kim Cương dựng đứng

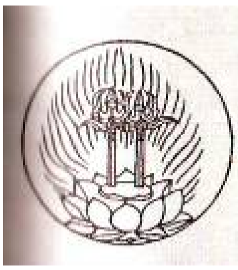


Chân Ngôn là:

OṂ_ VAJRA-KRODHA ĀKARṢA ĀKARṢA HŪṂ PHAṬ

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Kim Cương Vương Bồ Tát có chữ chủng tử là: GṚ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Hai móc câu Kim Cương dựng đứng. Biểu thị cho việc hành bốn **Nhiếp Pháp** (Bố Thí, Ái Ngữ, Lợi Hành, Đồng Sự) để tế độ.



Chân Ngôn là:

OṂ_ VAJRA-ROṢA-AṂKUŚAYA ĀNAYA SARVĀṂ JHI

KIM CƯƠNG ÁI BỒ TÁT

Kim Cương Ái Bồ Tát, tên Phạn là **Vajra-rāga**, dịch âm là Phộc NHật La La Nga. Dịch ý là Kim Cương Cung. Lại xưng là Kim Cương Cung Bồ Tát, Kim Cương Thê Bồ Tát. Tên gọi riênng là Năng Điều Phục Giả, Ma La Chư Dục Bồ Tát, Ma Ha An Lạc Bồ Tát

Trong 37 Tôn của **Kim Cương Giới** thì Kim Cương Ái Bồ Tát là một trong bốn vị Bồ Tát thân cận của Đức Phật A Súc ở phương Đông.

Vị Bồ Tát này biểu thị cho một Đức của A Súc Như Lai, tức do nơi phát Tâm Bồ Đề mà tự tại thương yêu chúng sinh.



_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala)

.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Kim Cương Ái Bồ Tát được sinh ra từ **Thể Tính không có nhiễm tịnh của Bồ Đề** của tất cả Như Lai

_ Lược thuật Kim Cương Đỉnh Du Già phân biệt Thánh Vị tu chứng Pháp Môn ghi nhận rằng:

" Ở Nội Tâm của Tỳ Lô Giá Na Phật chứng đắc **Kim Cương Ái Đại Bi Tiễn Tam Ma Địa Trí** . Vì tự thọ dụng cho nên từ Kim Cương Ái Đại Bi Tiễn Tam Ma Địa Trí tuôn ra ánh sáng Kim Cương Tiễn (Mũi tên Kim Cương), bắn hại Tâm chán bỏ xa lìa (Yểm Ly) Vô Thượng Bồ Đề của tất cả chúng sinh,rồi quay trở lại thu làm một Thể. Vì khiến cho tất cả Bồ Tát thọ dụng Tam Ma Địa Trí cho nên thành hình **Kim Cương Ái Bồ Tát** trụ ở vành trăng bên trái A Súc Như Lai".

Do Kim Cương Ái Bồ Tát gia trì cho nên đối với vô biên Hữu Tình, tăng Vô Duyên Đại Bi không hề gián đoạn.

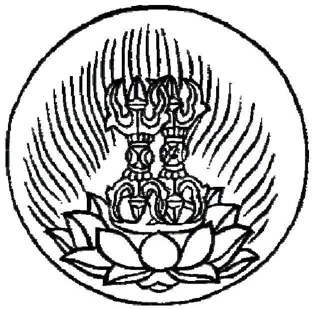
Tôn Hình: Thân màu thịt, hai tay cầm mũi tên



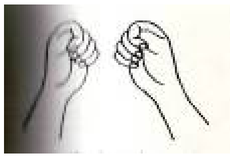
Mật Hiệu là: **Đại Bi Kim Cương, Ly Lạc Kim Cương, Ly Dục Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HOḤ (𑖮𑖺𑖾), nghĩa là ***chúng sinh và Phật chẳng phải là hai, ta người vui vẻ***

Tam Muội Gia Hình là: Trên dưới đều có một cái chày giao chéo nhau là hai chày Tam Cổ dựng đứng, hoặc mũi tên



Tướng Ấn là: Hai Quyền như dạng phóng mũi tên



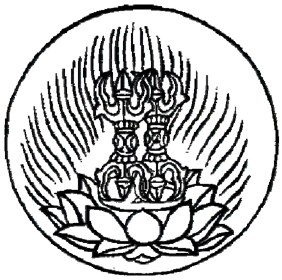
Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖨𑖯𑖐 𑖮𑖺𑖾

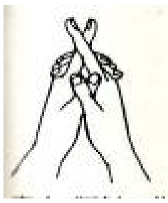
OṂ _ VAJRA-RĀGA HOḤ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Kim Cương Ái Bồ Tát có chữ chủng tử là: KHA (𑖏) hay GA (𑖐)

Tam Muội Gia Hình là: Hai chày Tam Cổ dựng đứng, trên dưới đều có một chày giao nhau. Biểu thị cho việc cầm mũi tên Đại Bi Tâm hay bắn Tâm Kế Chấp của Nhị Thừa. Nếu chưa quên được **Năng, Sở** thì làm sao tế bạt được? Cầm cung tên Đại Bi này cũng hay giết hại tất cả phiền não, chọn thẳng Tâm Bồ Đề tức là Hạnh Vị của Kim Cương Ái Bồ Tát.



Tướng Ấn là: Hai tay tác Ngoại Phộc Quyền, duỗi hai ngón trỏ cùng giao nhau



Chân Ngôn là:
𑖀𑖮𑖺 𑖭𑖲𑖏
AHO SUKHA

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Kim Cương Ái Bồ Tát có chữ chủng tử là: HOḤ (𑖮𑖺𑖾)

Tôn Hình: Tay cầm cung tên, tựa thế bắn tên



Chân Ngôn là:
𑖝𑖰𑖬𑖿𑖘 𑖨𑖯𑖐𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖢𑖿𑖨𑖪𑖸𑖫 𑖮𑖴𑖟𑖧𑖽
TIṢṬA RĀGA-VAJRA PRAVEŚA HṚDAYAṂ

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Kim Cương Ái Bồ Tát có chữ chủng tử là: HOḤ ()

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen bên trên có hai chày Kim Cương dựng đứng.



Tướng Ấn là: Hai tay tác Ngoại Phộc quyền để ở hông trái.



Chân Ngôn là:

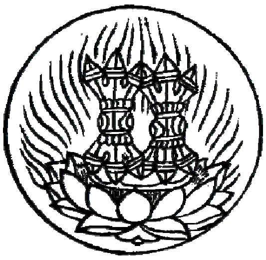
OṂ_ SARVA TATHĀGATA SARVA-ĀTMA NIRYĀTANA ANURAGAṆA PŪJA SPHARAṆA KARMĀVĀṆA HŪṂ HOḤ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Kim Cương Ái Bồ Tát có chữ chủng tử là: RĀ ()

Tôn Hình: Hiện tư thế của Kim Cương Hồng Ca La (Vajra-hūṃ-kara).



Tam Muội Gia Hình là: Hai chày Tam Cổ dựng đứng, trên dưới đều có một cái chày giao chéo nhau.

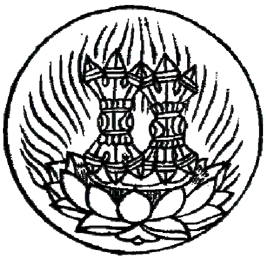


Chân Ngôn là:

OṂ_ VAJRA-KĀMA-KRODHA RĀGAYA HŪṂ PHAṬ

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Kim Cương Ái Bồ Tát có chữ chủng tử là: HṆA ()

Tam Muội Gia Hình là: Hai chày Tam Cổ dựng đứng, trên dưới đều có một cái chày giao chéo nhau. Biểu thị cho việc phá bại Tâm Kế Chấp của Nhị Thừa, cũng hay giết hại tất cả phiền não



Chân Ngôn là:

OṂ_ VAJRA-ROṢĪ KĀMA-VAJRIṆI VAŚAṂ ME ĀNAYĀHI JHI

KIM CƯƠNG HỶ BỒ TÁT

Kim Cương Hỷ Bồ Tát, tên Phạn là **Vajra-sādhu**, dịch âm là Phộc Nhật La Sa Độ, dịch ý là Hoan Hỷ Vương. Lại xưng là Kim Cương Xứng Bồ Tát, Kim Cương Thiện Tai Bồ Tát, Hoan Hỷ Vương Bồ Tát. Tên gọi riêng là Ma Ha Duyệt Ý Bồ Tát, Diệu Tát Đỏa Thượng Thủ Bồ Tát, Kim Cương Thủ (cái đầu) Bồ Tát.

Do Tôn này gia trì nên đối với các Pháp Thiện liền khen ngợi xưng tốt đẹp



Trong 37 Tôn của **Kim Cương Giới** thì Kim Cương Ái Bồ Tát là một trong bốn vị Bồ Tát thân cận của Đức Phật A Súc ở phương Đông.

Vị Bồ Tát này tượng trưng cho Đức của Tâm Bồ Đề của A Súc Như Lai. Đức này yêu thương tất cả chúng sinh, hiện bày tướng ta người đều được vui vẻ thích thú rồi cứu giúp cho họ

_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala)

.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Kim Cương Hỷ Bồ Tát được xưng là **Kim Cương Thiện Tai Bồ Tát**, là Tôn được sinh ra từ **Thể Tính tùy vui khen ngợi của Bồ Đề** của tất cả Như Lai.

_ Lược thuật Kim Cương Đỉnh Du Già phân biệt Thánh Vị tu chứng Pháp Môn ghi nhận rằng:

"Ở Nội Tâm Tỳ Lô Giá Na Phật chứng đắc **Kim Cương Thiện Tai Hoan Hỷ Dũng Dược Tam Ma Địa Trí**. Vì tự thọ dụng cho nên từ Kim Cương Thiện Tai Hoan Hỷ Dũng Dược Tam Ma Địa Trí tuôn ra ánh sáng Kim Cương Thiện Tai Ấn (Ấn tốt lành mừng vui của Kim Cương) chiếu khắp mười phương Thế Giới, chiếu soi tất cả sự lo buồn sinh ý thấp kém đối với Hạnh Phổ Hiền của tất cả chúng sinh khiến được thân tâm dụng ý phấn khởi, rồi quay trở lại thu làm một Thể. Vì khiến cho tất cả Bồ Tát thọ dụng Tam Ma Địa Trí cho nên thành hình **Kim Cương Thiện Tai Bồ Tát** trụ ở vành trăng sau lưng A Súc Như Lai".

Do Kim Cương Thiện Tai Bồ Tát gia trì cho nên đối với các Pháp Lành khao khát không chán nản, thấy chút ít điều lành liền ca ngợi xưng tán.

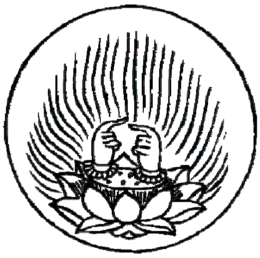
Tôn Hình: Thân màu thịt, hai tay nắm quyền để ngang ngực



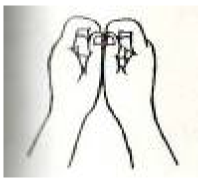
Mật Hiệu là: **Tán Thán Kim Cương, An Lạc Kim Cương**

Chữ chủng tử là: SA (𑖭) hay SAḤ (𑖭𑖾) nghĩa là Lý ***quán sát kỹ lưỡng sự chẳng sinh chẳng diệt, thường trụ bền chắc***

Tam Muội Gia Hình là: Hai tay tác Kim Cương Quyền để song song nhau, tựa dạng búng ngón tay



Tướng Ấn là: Hai tay nắm quyền cùng hợp nhau, để ngang ngực, đem hai ngón cái, ngón trỏ làm dạng búng ngón tay



Chân Ngôn là:

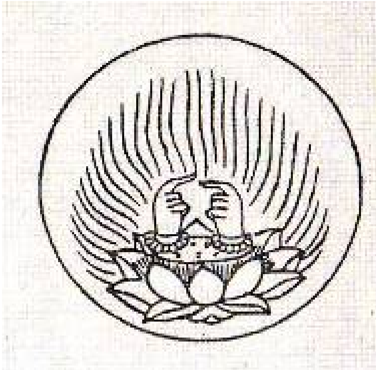
𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖭𑖯𑖠𑖲 𑖭𑖾

OṂ _ VAJRA-SĀDHU SAḤ

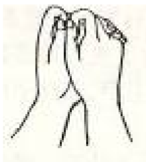
.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Kim Cương Hỷ Bồ Tát có chữ chủng tử là: DHU (𑖠𑖲).

Tam Muội Gia Hình là: Hai tay đều dựng đứng, hai ngón trỏ chỉ vào nhau như dạng búng ngón tay. Biểu thị cho Thắng Hạnh rất vui tốt lành, tức được loại Thân Bí

Mật của tất cả Pháp lành là khẩu lành, ý lành thân lành, 3 thiện pháp môn, 3 nghiệp thanh tĩnh, khen ngợi vô lượng vô biên Công Đức thiện



Tướng Ấn là: Hai tay tác Kim Cương Ngoại Phộc, co hai ngón trỏ vào trong lòng bàn tay cùng dính lưng, đem hai ngón cái đè bên cạnh hai ngón trỏ, búng ngón tay ba lần.



Chân Ngôn là:

SĀDHU SĀDHU

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Kim Cương Hỷ Bồ Tát có chữ chủng tử là: SAḤ ().

Tôn Hình: Tương tự Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

AHO VAJRA TUṢṬI

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Kim Cương Hỷ Bồ Tát có chữ chủng tử là: SAḤ ().

Tôn Hình: Hai tay chắp lại cầm hoa sen bên trên có viên ngọc báu.



Tướng Ấn là: Hai tay tác Ngoại Phộc Quyền để sau eo



Chân Ngôn là:

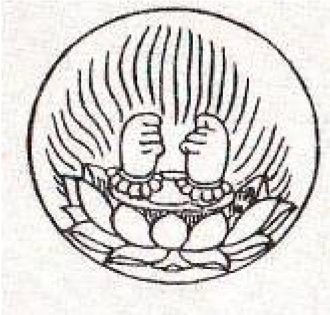
OṂ_ SARVA TATHĀGATA SARVA-ĀTMA NIRYĀTANA SĀDHU KĀRA PŪJA SPHARAṆA KARMA TUṢṬI SAḤ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Kim Cương Hỷ Bồ Tát có chữ chủng tử là: SA ().

Tôn Hình: Hiện tư thế của Kim Cương Hồng Ca La (Vajra-hùm-kara).



Tam Muội Gia Hình là:Hai tay kèm đứng, làm hình búng ngón tay.

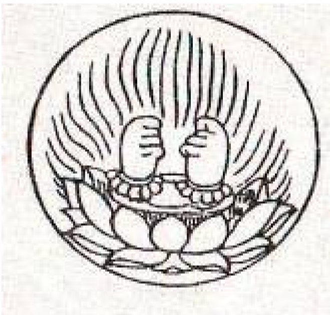


Chân Ngôn là:

OṂ_ VAJRA-TUṢṬI-KRODHA SĀDHU SĀDHU HŪṂ PHAṬ

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Kim Cương Hỷ Bồ Tát có chữ chủng tử là: GṚ ( ).

Tam Muội Gia Hình là: Hai tay kèm đứng, làm hình búng ngón tay. Biểu thị cho Thắng Hạnh rất vui tốt lành, tức được loại Thân Bí Mật của tất cả Pháp lành là khẩu lành, ý lành thân lành, 3 thiện pháp môn, 3 nghiệp thanh tĩnh, khen ngợi vô lượng vô biên Công Đức thiện



Chân Ngôn là:

OṂ_ VAJRA-TUṢṬI KRODHE TOṢAYA SARVĀṆI JHI

KIM CƯƠNG BẢO BỒ TÁT

Kim Cương Bảo Bồ Tát, tên Phạn Vajra-ratna, dịch âm là Phộc Nhật La La Đát Na. Lại xưng là Kim Cương Thai Bồ Tát

Vị Bồ Tát này là **Hạ Chuyển Thân** (Thân được chuyển xuống bậc bên dưới) của Đức **Bảo Sinh Như Lai** (Ratna-saṃbhava-tathāgata), tượng trưng cho việc sau khi phát Tâm Bồ Đề thì thi hành vạn Hạnh nhiếp trì vạn Pháp



Trong **Tứ Ấn Hội** của **Kim Cương Giới** thì Tôn này là một trong bốn vị Bồ Tát thân cận của Đức **Đại Nhật Như Lai** (Vairocana-tathāgata) đại biểu cho Tam Muội Gia Trí Ấn, là một trong bốn loại Trí Ấn

Trong 37 Tôn của **Kim Cương Giới** thì Tôn này là một trong bốn vị Bồ Tát thân cận của Đức **Bảo Sinh Như Lai** ở phương Nam, là Tôn đồng Thể khác tên với **Hư Không Tạng Bồ Tát** (Ākāśa-garbha), biểu thị cho sự nhiếp trì Công Đức tài bảo, dùng viên ngọc Như Ý làm Tam Ma Gia Hình. Thân Phẫn Nộ của Ngài là Quân Trà Lợi Dạ Xoa, tức là **Giáo Lệnh Luân Thân** của Đức Bảo Sinh Như Lai.

Do Tôn này gia trì hay chứng được Trí không có nhiễm dính

_Phần cuối của **Bí Tạng Ký** ghi nhận là: "Thân màu thịt, tay trái kết Dữ Nguyện, tay phải nâng vật báu"



_**Lược Xuất Kinh** nói rằng: "Do kết **Kim Cương Bảo Khế** cho nên các **Thiên Nhân Sư** làm Quán Đỉnh"

_**Kim Cương Giới Mạn Đà La Sao, quyển 1** nói rằng: "Tôn này là một vị theo hầu cận Đức Bảo Sinh Như Lai, là Hư Không Tạng Tôn. Từ Tôn này sinh ra năm Đại Hư Không Tạng, cho nên thu nạp vạn thứ báu"

_**Tân dịch Nhân Vương Kinh, quyển Hạ** nói rằng: "Kim Cương Bảo Bồ Tát Ma Ha Tát ở phương Nam, tay cầm Kim Cương Ma Ni"



_**Nhân Vương Kinh Nghi Quỹ, quyển Thượng** nói rằng: "Kim Cương Bảo như Kinh kia nói là Hư Không Tạng Bồ Tát vậy. Y theo Pháp Luân lúc trước hiện Thân Thắng Diệu, tu hạnh của nhóm bố thí. Tiếng Phạn nói **ma Ni** (Maṇi) được phiên dịch là Bảo (vật báu), Thể trong sạch bền kín giống như Kim Cương, tức là báu Như Ý của Như Lai, tùy theo sự mong cầu của các hữu tình đều được. Y theo Giáo Lệnh Luân hiện làm Uy Nộ Cam Lộ Quân Trà Lợi Kim Cương, hiện bày tám cánh tay"

_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala)

.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Kim Cương Bảo Bồ Tát được sinh ra từ **Nghĩa trang nghiêm rộng lớn** của tất cả Như Lai

_ Lược thuật Kim Cương Đỉnh Du Già phân biệt Thánh Vị tu chứng Pháp Môn ghi nhận rằng:

"Ở Nội Tâm Tỳ Lô Giá Na Phật chứng đắc **Kim Cương Bảo Quán Đỉnh Tam Ma Địa Trí**. Vì tự thọ dụng cho nên từ Kim Cương Bảo Quán Đỉnh Tam Ma Địa Trí tuôn ra ánh sáng Kim Cương Bảo (Vật báu Kim Cương) chiếu khắp mười phương Thế Giới, rưới vảy lên đỉnh đầu của tất cả chúng sinh đắc được Chức Vị của Bồ Tát Bất Thoái Chuyển, rồi quay trở lại thu làm một Thể. Vì khiến cho tất cả Bồ Tát thọ dụng Tam Ma Địa Trí cho nên thành hình **Kim Cương Bảo Bồ Tát** trụ ở vành trăng trước mặt Bảo Sinh Như Lai".

Do Kim Cương Bảo Bồ Tát gia trì cho nên chứng được Trí Vô Nhiễm giống như hư không rộng lớn tròn đầy.

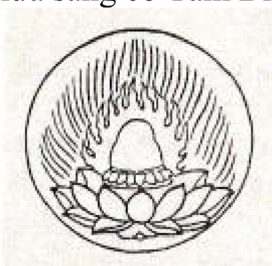


Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải cầm viên ngọc báu, tay trái kết Dữ Nguyện Ấn

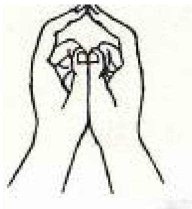
Mật Hiệu là: **Đại Bảo Kim Cương, Như Ý Kim Cương, Khố Tạng Kim Cương**

Chữ chủng tử là: OṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Trong lửa sáng có Tam Biện Bảo Châu



Tướng Ấn là: Hai tay tác Kim Cương Quyền cùng hợp mặt quyền, đều duỗi ngón trỏ cùng vịn nhau như hình báu.



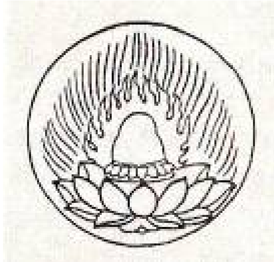
Chân Ngôn là:

OṂ _ VAJRA-RATNA OṂ

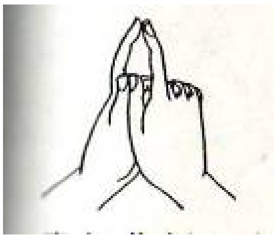
.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Kim Cương Bảo Bồ Tát có chữ chủng tử là: TVAṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Trong lửa sáng có Tam Biện Bảo Châu. Biểu thị cho việc trong chốc lát được Quán Đỉnh khiến cho thân ấy được trang nghiêm tô điểm tức là **Hư Không Tạng Bồ Tát** (Ākāśa-garbha-bodhisatva) cầm bình báu Ma Ni. Lại tưởng tất cả Như Lai phát sinh ra báu Đại Ma Ni. Quán Đỉnh Đại Bồ Tát nhận lấy chức vị cho đến

khi Chuyển Luân Vương trụ chức vị thảy đều làm việc ấy, lợi ích hằng sa, vô biên Phước Đức tụ, uy đức tự tại.



Tướng Ấn là:Hai tay nắm Kim Cương Quyền, cùng hợp mặt quyền, đều duỗi ngón trỏ cùng vịn nhau như hình báu



Chân Ngôn là:
𑖭𑖲𑖦𑖮 𑖝𑖿𑖪𑖽
SU-MAHĀ   TVAṂ

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Kim Cương Bảo Bồ Tát có chữ chủng tử là: OṂ (𑖌𑖼)

Tôn Hình: Tay trái kết Dữ Nguyện Ấn bên trên có Tam Biện Bảo Châu rực lửa sáng.



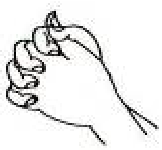
Chân Ngôn là:
𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖨𑖝𑖿𑖡 𑖁𑖝𑖿𑖦𑖎 𑖮𑖴𑖟𑖧
VAJRA-RATNA ĀTMAKA HṚDAYA

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Kim Cương Bảo Bồ Tát có chữ chủng tử là: OṂ ( )

Tôn Hình: Hai tay chắp lại cầm hoa sen, bên trên có Tam Biện Bảo Châu tỏa lửa sáng.



Tướng Ấn là: Hai tay tác Ngoại Phộc Quyền, để ở trên trán.



Chân Ngôn là:

OṂ NAMAḤ SARVA TATHĀGATĀBHIṢEKA RATNEBHYO VAJRA-MAṆI _ OṂ

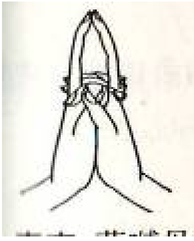
.)Tại **Tứ Ấn Hội** (Catur-mudra) thì Kim Cương Bảo Bồ Tát [hay **Bảo Sinh Phật** (Ratna-sambhava) hoặc **Hư Không Tạng Bồ Tát** (Ākāśa-garbha)] là một trong bốn vị Bồ Tát thân cận của Đức **Đại Nhật Như Lai** (Vairocana-tathāgata) đại biểu cho Tam Muội Gia Trí Ấn, là một trong bốn loại Trí Ấn

Chữ chủng tử là: TRĀḤ ( )

Tôn Hình: Màu vàng, đầu đội mão báu Tam Biện Bảo Châu, tay trái cầm Tam Biện Bảo Châu, tay phải kết Dữ Nguyện Ấn.



Tướng Ấn là: Hai tay tác Ngoại Phộc, hai ngón giữa cùng vịn nhau như hình báu.



Chân Ngôn là:

SARVA-MUDRĀṂ ME PRĪYA BHAVATU

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Kim Cương Bảo Bồ Tát có chữ chủng tử là: RA ( )

Tôn Hình: Hiện tư thế của Kim Cương Hồng Ca La.



Tam Muội Gia Hình là:Trong lửa sáng có Tam Biện Bảo Châu.



Chân Ngôn là:

OṂ_ VAJRA-BHṚKUṬI KRODHA HARA HARA HŪṂ PHAṬ

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Kim Cương Bảo Bồ Tát có chữ chủng tử là: HŪṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Trong lửa sáng có Tam Biện Bảo Châu. Biểu thị cho việc thọ nhận Quán Đỉnh khiến cho thân ấy được trang nghiêm tô điểm. Lại nhận lấy chức vị làm việc lợi ích hằng sa, vô biên Phước Đức tụ, uy đức tự tại.



Chân Ngôn là:

OṂ_ VAJRA-BHṚKUṬI KRODHE HARA SARVA-ARTHAṂ JI

KIM CƯƠNG QUANG BỒ TÁT

Kim Cương Quang Bồ Tát, tên Phạn là Vajra-tejas, dịch âm là Phộc Nhật La Để Nhạ. Lại xưng là Kim Cương Nhật Bồ Tát, Kim Quang Minh Vương Bồ Tát. Tên gọi riêng là Kim Cương Uy Đức Bồ Tát, Tối Thắng Quang Bồ Tát, Ma Ha Quang Diễm Bồ Tát, Kim Cương Huy Bồ Tát.



Tôn này biểu thị cho Đức ánh sáng của **Bảo Sinh Như Lai** (Ratna-saṃbhava-tathāgata). Tôn ấy dùng Đại Uy Quang Phước Đức của tất cả Như Lai chiếu soi giới hữu tình, phá sự ám tối không có hiểu biết (vô tri)

Trong 37 Tôn của **Kim Cương Giới** thì Tôn này là một trong bốn vị Bồ Tát thân cận của Đức **Bảo Sinh Như Lai** ở phương Nam, đồng với Đức **ánh sáng** của Bảo Sinh Như Lai.

_Phần cuối của **Bí Tạng Ký** ghi rằng: "Kim Cương Quang Bồ Tát có thân màu thịt, tay trái nắm quyền, tay phải cầm hình mặt trời tỏa sáng"

_**Xuất Sinh Nghĩa** ghi rằng: "Do nghĩa Uy Đức soi sáng của tất cả Như Lai mà sinh ra **Kim Cương Nhật**"



_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala)

.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Kim Cương Quang Bồ Tát được sinh ra từ **Nghĩa uy đức chiếu diệu rộng lớn** của tất cả Như Lai.

_ Lược thuật Kim Cương Đỉnh Du Già phân biệt Thánh Vị tu chứng Pháp Môn ghi nhận rằng:

"Ở Nội Tâm của Tỳ Lô Giá Na Phật chứng đắc **Kim Cương Uy Quang Tam Ma Địa Trí** . Vì tự thọ dụng cho nên từ Kim Cương Uy Quang Tam Ma Địa Trí tuôn ra ánh sáng Kim Cương Nhật (Mặt Trời Kim Cương) chiếu khắp mười phương Thế Giới, phá ngu ám vô minh của tất cả chúng sinh khiến cho phát ánh sáng Đại Trí (Đại Trí Quang), rồi quay trở lại thu làm một Thể. Vì khiến cho tất cả Bồ Tát thọ dụng Tam Ma Địa Trí cho nên thành hình **Kim Cương Uy Quang Bồ Tát** trụ ở vàng trăng bên phải Bảo Sinh Như Lai".

Do Kim Cương Quang Minh Bồ Tát gia trì cho nên chứng được Tuệ Quang (Ánh sáng Tuệ) giống như mặt trời không lúc nào không chiếu sáng.

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái nắm quyền để trên đùi, tay phải cầm vành mặt trời



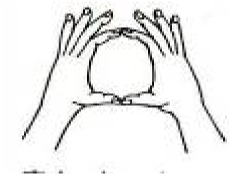
Mật Hiệu là: **Uy Đức Kim Cương, Uy Quang Kim Cương**

Chữ chủng tử là: ĀṂ () hay AṂ () nghĩa là sự sáng tỏ không có bờ mé của **ánh sáng vốn chẳng sinh** của các Pháp

Tam Muội Gia Hình là: Vành mặt trời (nhật luân)



Tướng Ấn là: Hai tay đem đầu ngón phía trước của ngón trỏ, ngón cái cùng hợp nhau như dạng vành mặt trời, 6 ngón còn lại đều phóng ra như lửa sáng, phóng chuyển ba lần



Chân Ngôn là:

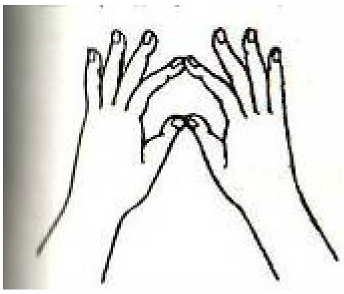
OṂ _ VAJRA-TEJA ĀṂ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Kim Cương Quang Bồ Tát có chữ chủng tử là: TI ( ) hay TA ( )

Tam Muội Gia Hình là: Vành mặt trời (nhật luân). Biểu thị cho việc cầm mặt trời của Kim Cương Quang Minh (Vajra Teja) chiếu soi rực rỡ sáng tỏ trong suốt không có bờ mé. Tuy có số mặt trời nhiều như bụi nhỏ, tuyệt chẳng thể cướp đoạt tranh hơn với ánh sáng ấy.



Tướng Ấn là: Co hai ngón trỏ như hình báu, dựng đứng hai ngón cái, duỗi các ngón còn lại như tia sáng, xoay chuyển ba lần



Chân Ngôn là:

RŪPODYOTA

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Kim Cương Quang Bồ Tát có chữ chủng tử là: AṂ (𑖀𑖽)

Tôn Hình: Hai tay để trước ngực nâng vành mặt trời



Chân Ngôn là:

𑖪𑖕𑖿𑖨𑖭𑖳𑖨𑖿𑖧 𑖝𑖰𑖬𑖿𑖘

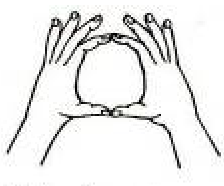
VAJRA-SŪRYA TIṢṬA

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Kim Cương Quang Bồ Tát có chữ chủng tử là: AṂ (𑖀𑖽) hay HRĪḤ (𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾)

Tôn Hình: Hai tay chắp lại cầm hoa sen, bên trên có vành mặt trời rực lửa sáng.



Tướng Ấn là: Đồng với Thành Thân Hội.



Chân Ngôn là:

OṂ NAMAḤ SARVA TATHĀGATA SŪRYEBHYO VAJRA-TEJINI JVALA HRĪḤ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Kim Cương Quang Bồ Tát có chữ chủng tử là: TA ( )

Tôn Hình: Nắm Kim Cương Quyền, hai cổ tay giao chéo nhau ở trước ngực.



Tam Muội Gia Hình là: Vành mặt trời.



Chân Ngôn là:

OṂ_ VAJRA-SŪRYA MAHĀ-JVALA MĀLĀ-KRODHA-JVALĀYA HŪṂ PHAṬ

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Kim Cương Quang Bồ Tát có chữ chủng tử là: GṚ (𑖐𑖴)

Tam Muội Gia Hình là: Vành mặt trời. Biểu thị cho việc cầm mặt trời của Kim Cương Quang Minh (Vajra-teja) chiếu soi rực rỡ sáng tỏ trong suốt không có bờ mé.



Chân Ngôn là:

OṂ_ VAJRA-JVALA-MĀLĀ-PRABHE MAHĀ-KRODHA-AGNI JVALĀYA SARVĀṂ RAVI-ROṢĪ JI

KIM CƯƠNG TRÀNG BỒ TÁT

Kim Cương Tràng Bồ Tát, tên Phạn là **Vajra-ketu**, dịch âm là Phộc Nhật La Kế Đổ

Trong 37 Tôn của **Kim Cương Giới** thì Tôn này là một trong bốn vị Bồ Tát thân cận của Đức **Bảo Sinh Như Lai** ở phương Nam, dùng Tam Muội của cây phướng báu biểu thị cho việc tuôn cơn mưa báu

_Phần cuối của **Bí Tạng Ký** ghi là: "Thân màu thịt, hai tay cầm cây phướng báu)

_**Lược Xuất Kinh** nói rằng: "Do kết Kim Cương Tràng Khế cho nên hay tuôn mưa đủ loại báu'

_**Xuất Sinh Nghĩa** nói rằng: "Do nghĩa **Đại Mãn Nguyện** của tất cả Như Lai mà sinh ra Kim Cương Tràng"



_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala):

.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Kim Cương Tràng Bồ Tát được sinh ra từ **Nghĩa viên mãn ước nguyện rộng lớn** của tất cả Như Lai.

_ Lược thuật Kim Cương Đỉnh Du Già phân biệt Thánh Vị tu chứng Pháp Môn ghi nhận rằng:

"Ở Nội Tâm của Tỳ Lô Giá Na Phật chứng đắc **Kim Cương Bảo Tràng Tam Ma Địa Trí** . Vì tự thọ dụng cho nên từ Kim Cương Bảo Tràng Tam Ma Địa Trí tuông ra ánh sáng Kim Cương Tràng (Cây phướng Kim Cương) chiếu khắp mười phương Thế Giới mãn ý nguyện của tất cả chúng sinh, rồi quay trở lại thu làm một Thể. Vì khiến cho tất cả Bồ Tát thọ dụng Tam Ma Địa Trí cho nên thành hình **Kim Cương Tràng Bồ Tát** trụ ở vành trăng bên trái Bảo Sinh Như Lai".

Do Kim Cương Tràng Bồ Tát gia trì cho nên hay mãn hết thảy ước nguyện về Thế Gian và Xuất Thế Gian của chúng Hữu Tình, giống như cây phướng báu Chân Đà Ma Ni (Cintā-maṇi-ketu)

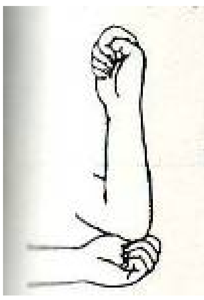
Tôn Hình: Thân màu thịt, hai tay cầm cây phướng Như Ý



Mật Hiệu là: **Viên Mãn Kim Cương, Nguyện Mãn Kim Cương**
Chữ chủng tử là: TRAṂ (𑖝𑖿𑖨𑖽), hay TRĀṂ (𑖝𑖿𑖨𑖯𑖽)
Tam Muội Gia Hình là: Phan Phướng Như Ý



Tướng Ấn là: Kim Cương Tràng Yết Ma Ấn



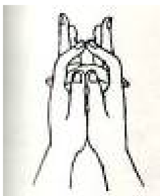
Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖎𑖸𑖝𑖲 𑖝𑖿𑖨𑖯𑖽
OṂ _ VAJRA-KETU TRĀṂ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Kim Cương Tràng Bồ Tát có chữ chủng tử là: TI (𑖝𑖰) hay PTI (𑖢𑖿𑖝𑖰)

Tam Muội Gia Hình là: Đầu cây gậy có Tam Biện Bảo Châu, sợi dây quấn ràng có cây phướng báu, tùy theo gió lay động. Biểu thị cho việc để dễ dàng ban thưởng thù đáp thì nên có Đàn Thí, tức Kim Cương Tràng Bồ Tát (Vajra-ketu-bodhisatva) kiến lập trên cây phướng Đại Ma Ni, đặt viên ngọc báu tỏa ánh sáng chiếu diệu. Tuôn mưa Ma Ni, trăm báu, phướng, lọng, hương hoa vi diệu... đều ban cho tất cả Hữu Tình tùy theo ý nguyện, mãn túc hạnh nguyện Đàn Ba La Mật, đủ Tâm Đại Bi, vô lượng trân bảo với Tâm "**cho nhưng không có nơi cho, nơi được mà không có gì được**".



Tướng Ấn là: Kim Cương Tràng Ấn



Chân Ngôn là:

𑖀𑖨𑖿𑖞𑖢𑖿𑖨𑖯𑖢𑖿𑖝𑖰

ARTHA PRĀPTI

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Kim Cương Tràng Bồ Tát có chữ chủng tử là: TRAṂ (𑖝𑖿𑖨𑖽)

Tôn Hình: Hai tay cầm cây phướng báu Như Ý



Chân Ngôn là:

𑖪𑖕𑖿𑖨𑖠𑖿𑖪𑖕𑖯𑖐𑖿𑖨 𑖪𑖽

VAJRA-DHVAJA-AGRA VAṂ

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Kim Cương Tràng Bồ Tát có chữ chủng tử là: TRAṂ (𑖝𑖿𑖨𑖽)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, bên trên có cây phướng báu Như Ý.



Tướng Ấn là: Kim Cương Ngoại Phộc, để ở trên đỉnh đầu, giương duỗi hai cánh tay.



Chân Ngôn là:



OṂ NAMAḤ SARVA TATHĀGATĀ ŚĀPARIPŪRAṆA CINTĀ-MAṆI DHVAJA-AGREBHYO VAJRA-DHVAJA-AGRI TRAṂ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Kim Cương Tràng Bồ Tát có chữ chủng tử là: HE (𑖮𑖸)

Tôn Hình: Hai tay nắm Kim Cương Quyền, giao chéo nhau ở trước ngực.



Tam Muội Gia Hình là: Phan phướng Như Ý.



Chân Ngôn là:

OṂ_ VAJRA-KRODHA-KETU DEHI HŪṂ PHAṬ

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Kim Cương Tràng Bồ Tát có chữ chủng tử là: HṆA ()

Tam Muội Gia Hình là: Phan phướng Như Ý. Biểu thị cho việc kiến lập trên cây phướng Đại Ma Ni, đặt viên ngọc báu tỏa ánh sáng chiếu diệu. Tuôn mưa Ma Ni, trăm báu, phướng, lọng, hương hoa vi diệu... đều ban cho tất cả Hữu Tình tùy theo ý nguyện, mãn túc hạnh nguyện Đàn Ba La Mật, đủ Tâm Đại Bi, vô lượng trân bảo với tâm "**cho nhưng không có nơi cho, nơi được mà không có gì được**".



Chân Ngôn là:

OṂ_ VAJRA-DHVAJA-AGRA KEYŪRĪ MAHÀ-KRODHE DEHI ME SARVĀṂ JI

KIM CƯƠNG TIẾU BỒ TÁT

Kim Cương Tiếu Bồ Tát, tên Phạn là Vajra-hāsa, dịch âm là Phộc Nhật La Hạ Sa. Lại xưng là: Ma Ha Tiếu Bồ Tát, Ma Ha Hy Hữu Bồ Tát, Kim Cương Hoan Hỷ Bồ Tát, Kim Cương Vi Tiếu Bồ Tát, Lạc Sinh Hoan Hỷ Bồ Tát.

Tôn này trụ ở Tam Muội Gia **Hỷ Duyệt** nên hiện dung mạo tươi cười. Do sự gia trì của Tôn này tất cả chúng sinh hoặc nghe hoặc thấy ắt tâm sinh hớn hở, thọ nhận niềm vui của Pháp

_**Lược Xuất Kinh** ghi rằng: "Do kết Kim Cương Vi Tiếu Khế, cho nên mau được cười chung với chư Phật"

_**Xuất Sinh Nghĩa** nói rằng: "Do nghĩa Đại Hoan Lạc của tất cả Như Lai mà sinh ra Kim Cương Tiếu"



Trong 37 Tôn của **Kim Cương Giới** thì Tôn này là một trong bốn vị Bồ Tát thân cận của Đức **Bảo Sinh Như Lai** ở phương Nam, biểu thị cho một Đức của Bảo Sinh Như Lai tức trao cho chúng sinh vạn thiện vạn hạnh, hiển bày tướng **Đại Tiếu** cùng vui vẻ với chúng sinh

_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala)

.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Kim Cương Tiếu Bồ Tát được sinh ra từ **Nghĩa vui vẻ rộng lớn** của tất cả Như Lai.

_ Lược thuật Kim Cương Đỉnh Du Già phân biệt Thánh Vị tu chứng Pháp Môn ghi nhận rằng:

"Ở Nội Tâm của Tỳ Lô Giá Na Phật chứng đắc **Kim Cương Tiếu Ấn Thọ Ký Tam Ma Địa Trí**. Vì tự thọ dụng cho nên từ Kim Cương Tiếu Ấn Thọ Ký Tam Ma Địa Trí tuôn ra ánh sáng Kim Cương Tiếu Ấn (Ấn cười vui của Kim Cương) chiếu khắp mười phương Thế Giới , chẳng định Tính chúng sinh đều truyền trao Bình Đẳng Vô Thượng Bồ Đề Ký, rồi quay trở lại thu làm một Thể. Vì khiến cho tất cả Bồ Tát thọ

dụng Tam Ma Địa Trí cho nên thành hình **Kim Cương Tiếu Bồ Tát** trụ ở vành trăng sau lưng Bảo Sinh Như Lai”.

Do Kim Cương Tiếu Bồ Tát gia trì cho nên tất cả hữu tình, hoặc thấy hoặc nghe, Tâm sinh hớn hở, đối với sự quyết định của Pháp thọ nhận sự lợi ích an vui của Pháp.

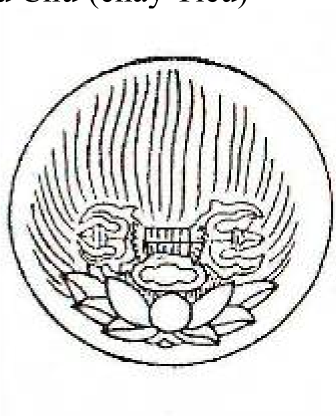
Tôn Hình: Thân màu thịt, để hai tay bên cạnh lỗ tai nắm quyền, tức là thế ấn lưng lỗ tai



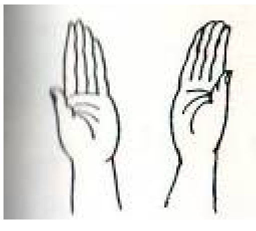
Mật Hiệu là: **Hỷ Duyệt Kim Cương, Hoan Hỷ Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HAḤ (𑖮𑖾), ý là hai chướng tiêu hoàn toàn nên vui vẻ thích thú

Tam Muội Gia Hình là: Tiếu Chử (chày Tiếu)



Tướng Ấn là: Hai tay tác Kim Cương chưởng, hướng tâm chưởng lên trên, đến miệng thì ngửa bung



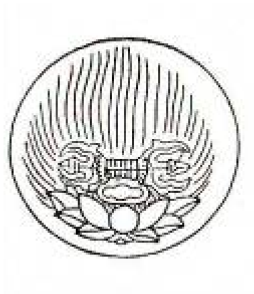
Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖮𑖭 𑖮𑖾

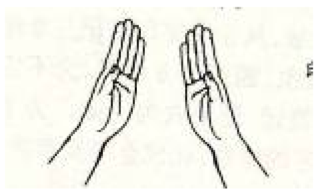
OṂ _ VAJRA-HĀSA HAḤ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Kim Cương Tiếu Bồ Tát có chữ chủng tử là: HAḤ (𑖮𑖾)

Tam Muội Gia Hình là: Tiếu Chử (chày Tiếu). Biểu thị cho việc đã nương nhờ vào sự lợi ích của Bố Thí, vui thích với tâm thành liền được chí hướng đặc biệt, phát ra lời vui vẻ mĩm cười khoái lạc, rộng độ Hữu Tình, vui với tâm buông xả, hay phụng sự đầy đủ.



Tướng Ấn là: Kết Kim Cương Tràng Ấn, hướng đầu Ấn xuống dưới, mở hai tâm của lòng bàn tay, đưa lên trên đến miệng rồi bung tán



Chân Ngôn là:

𑖮𑖮𑖮𑖮𑖳𑖽𑖮𑖾

HA HA HA HŪṂ HAḤ

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Kim Cương Tiếu Bồ Tát có chữ chủng tử là: HA (𑖮)

Tôn Hình: Lược đồng với Thành Thân Hội, hai quyền để bên miệng.



Chân Ngôn là:

𑖮𑖴𑖟𑖧 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖮𑖯𑖭

HṚDAYA VAJRA-HĀSA

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Kim Cương Tiếu Bồ Tát có chữ chủng tử là: HAḤ ( )

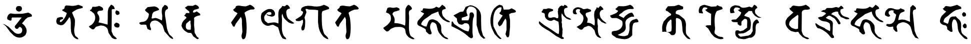
Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, bên trên có để chày Tam Cổ.



Tướng Ấn là: Dùng Kim Cương Phộc an chỗ lúm đồng tiền bên trái miệng rồi bung tán.



Chân Ngôn là:



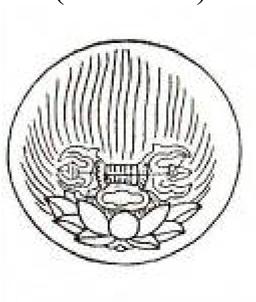
OṂ NAMAḤ SARVA TATHĀGATA MAHĀ-PRĪTI PRAMODYA KAREBHYO VAJRA-HĀSE HAḤ

)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Kim Cương Tiếu Bồ Tát có chữ chủng tử là: HA ( )

Tôn Hình: Hai tay nắm Kim Cương Quyền, giao chéo nhau ở trước ngực.



Tam Muội Gia Hình là: Chày Tiếu (Tiếu Chử).

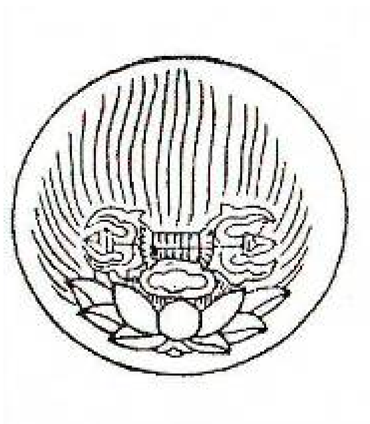


Chân Ngôn là:

OṂ_ VAJRA-AṬṬA- HĀSA- KRODHA HAḤ HAḤ HŪṂ PHAṬ

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Kim Cương Tiếu Bồ Tát có chữ chủng tử là: PA (𑖢)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Tiếu (Tiếu Chử). Biểu thị cho việc đã nương nhờ vào sự lợi ích của Bố Thí, vui thích với tâm thành liền được chí hướng đặc biệt, phát ra lời vui vẻ mĩm cười khoái lạc, rộng độ Hữu Tình, vui với tâm buông xả, hay phụng sự đầy đủ.



Chân Ngôn là:

OṂ_ VAJRA-AṬṬA-HĀSINI HASA AṬṬA-HĀSENA MĀRĀYA JI

KIM CƯƠNG PHÁP BỒ TÁT

Kim Cương Pháp Bồ Tát, tên Phạn là **Vajra-dharma**, dịch âm là Phộc Nhật La Đạt Ma. Tên gọi riêng là Thiện Lợi Bồ Tát, Kim Cương Liên Hoa Bồ Tát, Thiện Thanh Tịnh Bồ Tát, Kim Cương Diệu Nhãn Bồ Tát, Quán Thế Tự Tại Bồ Tát, Quán Âm Bồ Tát.

Vị Bồ Tát này biểu thị cho **Hạ Chuyển Thân** (thân được chuyển xuống bậc bên dưới) do Đức **Vô Lượng Thọ Như Lai** (Amitāyus-tathāgata) vì giáo hóa chúng sinh đã hiển hiện, tuyên nói Lý **Bản Tính thanh tịnh** để mở lối dẫn dắt chúng sinh. Do Pháp đã nói ấy đều từ **Chính Trí** mà nói, cho nên lại ví dụ xưng là **Kim Cương Nhãn** (Vajra-cakṣu: con mắt Kim Cương)

Trong 37 Tôn của Kim Cương Giới thì Tôn này là một trong bốn vị Bồ Tát thân cận của Đức **Vô Lượng Thọ Như Lai** (Amitāyus-tathāgata) ở phương Tây. Do Tôn này gia trì có thể chứng được Lý **Bản Tính thanh tịnh** của các Pháp



_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala)

.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì **Kim Cương Pháp Bồ Tát** (Vajra-dharma) lại được xưng là **Kim Cương Nhãn Bồ Tát** (Vajra-cakṣu). Tôn này được sinh ra từ **Trí Tuệ tự tại không nhiễm** của tất cả Như Lai.

_ Lược thuật Kim Cương Đỉnh Du Già phân biệt Thánh Vị tu chứng Pháp Môn ghi nhận rằng:

"Ở Nội Tâm của Tỳ Lô Giá Na Phật chứng đắc **Kim Cương Pháp Thanh Tĩnh Vô Nhiễm Tam Ma Địa Trí**. Vì tự thọ dụng cho nên từ Kim Cương Pháp Thanh Tĩnh Vô Nhiễm Tam Ma Địa Trí tuôn ra ánh sáng Kim Cương Pháp (Pháp của Kim Cương) chiếu khắp mười phương Thế Giới tĩnh trừ năm dục của chúng sinh khiến cho thân tâm được thanh tịnh giống như hoa sen chẳng nhiễm bụi dơ, rồi quay trở lại thu làm một

Thể.Vì khiến cho tất cả Bồ Tát thọ dụng Tam Ma Địa Trí cho nên thành hình **Kim Cương Pháp Bồ Tát** trụ ở vành trăng trước mặt Quán Tự Tại Vương Như Lai".

Do Kim Cương Pháp Bồ Tát gia trì cho nên chứng được bản tính Thanh Tịnh của Pháp, đều hay diễn nói Pháp Môn vi diệu, biết tất cả Pháp đều như Phiệt Dụ (cái bè đưa qua sông), chẳng thể chấp trước.

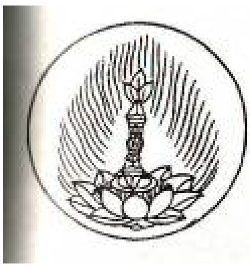
Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái để trước ngực cầm hoa sen, tay phải cầm một cánh sen làm thế bóc mở



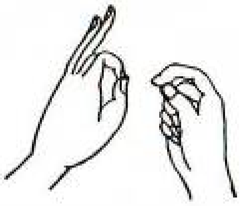
Mật Hiệu là: **Chính Pháp Kim Cương, Liên Hoa Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HRÌH (ཧྲཱིཿ) nghĩa là mau lìa ba độc **Tham Sân Si**

Tam Muội Gia Hình là: Chày Liên Hoa Độc Cổ



Tướng Ấn là: Tay trái cầm hoa sen, tay phải cầm một cánh sen làm thế bóc mở



Chân Ngôn là:

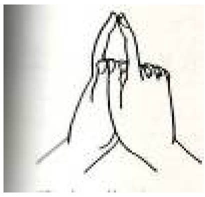
OṂ_ VAJRA-DHARMA HRĪḤ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Kim Cương Pháp Bồ Tát có chữ chủng tử là: RI ( )

Tam Muội Gia Hình là: Trên chày Độc Cổ có hoa sen. Biểu thị cho sự dùng Môn **Thù Thắng Hạnh**, lý nghĩa vi diệu, phương tiện Đại Bi mà kết thành bè **Nhân** vào Hạnh Nguyện Bồ Đề, Thắng Nghĩa mà đốn chứng.



Tướng Ấn là:Ngoại Phộc, kèm dựng hai ngón cái, co hai ngón trỏ như hoa sen



Chân Ngôn là:

SARVA KĀRI

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Kim Cương Pháp Bồ Tát có chữ chủng tử là: HRĪḤ ( )

Tôn Hình:Tay trái để trên đầu gối ngửa lòng bàn tay, tay phải kết Thuyết Pháp Ấn.



Chân Ngôn là:

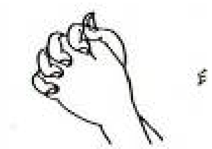
VAJRA-PADMA-ĀTMAKA

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Kim Cương Pháp Bồ Tát có chữ chủng tử là: HRĪḤ

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, bên trên có chày Độc Cổ, đầu chày có hoa sen.



Tướng Ấn là: Ngoại Phộc để trên miệng.



Chân Ngôn là:

OṂ_ SARVA TATHĀGATA VAJRA DHARMATĀ SAMĀDHIBHIḤ STUNOMI MAHĀ-DHARMA-AGRI HRĪḤ

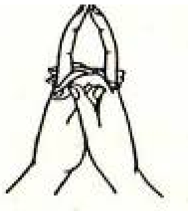
.)Tại **Tứ Ấn Hội** (Catur-mudra) thì Kim Cương Pháp Bồ Tát đại biểu cho Đức Phật **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus-buddha) và là một trong 4 vị Bồ Tát thân cận của Đại Nhật Như Lai, biểu thị cho **Pháp Trí Ấn** (Dharma-jñāna-mudra) trong 4 loại Trí Ấn của Như Lai

Chữ chủng tử là: HRĪḤ

Tôn Hình: Lược đồng với Thành Thân Hội, thân hiện màu thịt đỏ.



Tướng Ấn là: Ngoại Phộc, duỗi hai ngón giữa như hình hoa sen.



Chân Ngôn là:

NIṢAPRAPAÑCA-VAK-SIDDHI-RBHAVATU_ SARVA-TATHĀGATA-SAMĀDHAYOME ĀJAYANTĀṂ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Kim Cương Pháp Bồ Tát có chữ chủng tử là: DHA (𑖠)

Tôn Hình: Hai tay nắm Kim Cương Quyền, giao chéo nhau trước ngực.



Tam Muội Gia Hình là: Chày Liên Hoa Độc Cổ



Chân Ngôn là:

OṂ_ VAJRA-DHARMA-KRODHA-VINĀŚAYA VIŚODHĀYA HŪṂ PHAṬ

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-Samaya) thì Kim Cương Pháp Bồ Tát có chữ chủng tử là: HŪṂ (𑖮𑖳𑖽)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Liên Hoa Độc Cổ. Biểu thị cho sự dùng Môn **Thù Thắng Hạnh**, lý nghĩa vi diệu, phương tiện Đại Bi mà kết thành bè **Nhân** vào Hạnh Nguyện Bồ Đề, Thắng Nghĩa mà đốn chứng.



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖫𑖲𑖟𑖿𑖠𑖎𑖿𑖨𑖺𑖠𑖸𑖮𑖡𑖦𑖯𑖨𑖯𑖧𑖭𑖨𑖿𑖪𑖟𑖲𑖬𑖿𑖘𑖯𑖽𑖠𑖰

OṂ_ VAJRA-ŚUDDHA-KRODHE HANA MĀRĀYA SARVA DUṢṬĀṂ DHI

KIM CƯƠNG LỢI BỒ TÁT

Kim Cương Lợi Bồ Tát, tên Phạn là **Vajra-tīkṣṇa,** dịch âm là Phộc Nhật La Để Khất Sái Noa, lại xưng là Kim Cương Thụ Trì Bồ Tát. Tên gọi riêng là Ma Ha Diễn Bồ Tát, Ma Ha Khí Trượng Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Kim Cương Tạng Bồ Tát,Kim Cương Thậm Thâm Bồ Tát, Kim Cương Giác Bồ Tát.

Vị Bồ Tát này là Tôn ***đồng Thể khác tên*** với **Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát** (Maṃjuśrī-bodhisatva). Là thân **hạ chuyển nhiếp thủ** của Đức Vô Lượng Thọ Như Lai, biểu thị cho Đức dùng cây kiếm Trí Tuệ ban cho chúng sinh. Thân màu vàng ròng hiện bày tướng thành mãn của Phật Trí, tay trái cầm rương Kinh Phạn hiện bày Phật Trí trong Định, tay phải cầm cây kiếm bén hiện bày sự mãnh lợi của Phật Trí chặt đứt **Hoặc** (phiền não) trừ khử chướng ngại.



_Phần cuối của **Bí Tạng Ký** ghi rằng: "Thân màu vàng, tay trái cầm hoa, trên hoa có rương Kinh. Tay phải cầm cây kiếm bén. Do kết Kim Cương Tạng Kiếm cho nên vị ấy hay chặt đứt tất cả khổ"

_**Xuất Sinh Nghĩa** nói rằng: "Do Trí chặt đứt hẳn các Tập Khí của tất cả Như Lai mà sinh ra Kim Cương Lợi"

Giáo Lệnh Luân Thân (Adeśana-cakra-kāya) của Tôn này là **Đại Uy Đức Minh Vương** có sáu đầu sáu tay sáu chân, tức là Thân phẫn nộ của Vô Lượng Thọ Như Lai

_Tân dịch **Nhân Vương Kinh, quyển Hạ** nói rằng: "Kim Cương Lợi Bồ Tát Ma Ha Tát ở phương Tây, tay cầm cây kiếm Kim Cương, phóng ánh sáng màu vàng ròng"

_**Đồng Nghi Quỹ, quyển Thượng** nói rằng: "Kim Cương Lợi như Kinh kia nói là Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát vậy.....tay cầm cây kiếm Kim Cương, hiện bày chỗ làm hay chặt đứt **Câu Sinh Chướng** của ta người, y theo Giáo Lệnh Luân hiện làm **Uy Nộ Lục Túc Kim Cương**, có sáu đầu sáu cánh tay, ngồi trên con trâu, tồi phục tất cả các Rồng độc ác"

_Kinh **Nhân Vương Bát Nhã** nêu lên năm vị Đại Lực Bồ Tát, trong đó Tôn ở phương Tây có tay cầm cây kiếm Kim Cương phóng ánh sáng màu vàng ròng hộ giữ đất nước. Cây kiếm biểu thị cho việc hay chặt đứt **Câu Sinh Chướng** của ta người"



_Trong 37 Tôn của Kim Cương Giới thì Tôn này là một trong bốn vị Bồ Tát thân cận của Đức **Vô Lượng Thọ Như Lai** (Amitāyus-tathāgata) ở phương Tây, chủ về **Trí Đức** của Như Lai, tiêu trừ chặt đứt tất cả khổ.

.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Kim Cương Lợi Bồ Tát được sinh ra từ **Trí chặt đứt vĩnh viễn Tập Khí** của tất cả Như Lai.

_ Lược thuật Kim Cương Đỉnh Du Già phân biệt Thánh Vị tu chứng Pháp Môn ghi nhận rằng:

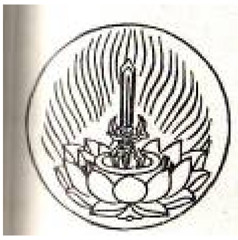
"Ở Nội Tâm của Tỳ Lô Giá Na Phật chứng đắc **Kim Cương Lợi Kiếm Bát Nhã Ba La Mật Tam Ma Địa Trí** . Vì tự thọ dụng cho nên từ Kim Cương Lợi Kiếm Bát Nhã Ba La Mật Tam Ma Địa Trí tuôn ra ánh sáng Kim Cương Lợi Kiếm (cây kiếm sắc bén của Kim Cương) chiếu khắp mười phương Thế Giới, cắt đứt sự trói buộc sai khiến để cho tất cả chúng sinh xa lìa các khổ não, rồi quay trở lại thu làm một Thể. Vì khiến cho tất cả Bồ Tát thọ dụng Tam Ma Địa Trí cho nên thành hình **Kim Cương Kiếm Bồ Tát** trụ ở vành trăng bên phai Quán Tự Tại Vương Như Lai".

Do Kim Cương Lợi Bồ Tát gia trì cho nên dùng cây kiếm Bát Nhã Ba La Mật hay chặt đứt các điều đau khổ thuộc vô lượng tạp nhiễm kết sử của Ta và Người

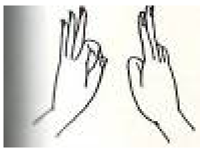
Tôn Hình: Thân màu vàng, tay trái cầm hoa sen, bên trên có rương Kinh Phạn, Tay phải cầm cây kiếm



Mật Hiệu là: **Bát Nhã Kim Cương, Trừ Tội Kim Cương**
Chữ chủng tử là: VAṂ (वं)
Hay DHAṂ (धं) nghĩa là **Đại Không Pháp Giới Trí**
Tam Muội Gia Hình là: cây kiếm



Tướng Ấn là: Tay trái có dạng cầm hoa sen, tay phải tác Kiếm Ấn



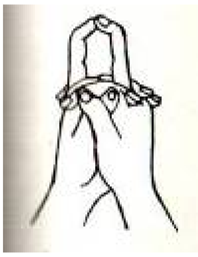
Chân Ngôn là:
ओं वज्रतीक्ष्ण धं
OṂ_ VAJRA-TĪKṢṆA _ DHAṂ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Kim Cương Lợi Bồ Tát có chữ chủng tử là: DA (य) nghĩa là *chẳng lấy chẳng bỏ **Trung Đạo Diệu Tuệ***

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm. Biểu thị cho việc cầm cây kiếm Trí chặt đứt sự trói buộc, trừ hại bốn Ma và Nhị Thừa, phá Tâm chấp trước mà vô sở trụ (Không có nơi trụ) chẳng ở nơi **không, hữu,** vĩnh viễn dứt hẳn hai bên. Hay cắt đứt **Tâm Kiết Sử** của tất cả Hữu Tình, thường trụ ở Vô Vi Trí Tuệ Viên Minh.



Tướng Ấn là: Hai tay tác Ngoại Phộc, duỗi thẳng hai ngón giữa, co lóng trên lại như hình cây kiếm.



Chân Ngôn là:

𑖟𑖲𑖾𑖏 𑖓𑖿𑖔𑖸𑖟

DUḤKHA CCHEDA

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Kim Cương Lợi Bồ Tát có chữ chủng tử là: DHAṂ (𑖠𑖽)

Tôn Hình: Tay trái nắm Kim Cương Quyền để ở eo, tay phải cầm cây kiếm.



Chân Ngôn là:

𑖮𑖴𑖟 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖎𑖺𑖫

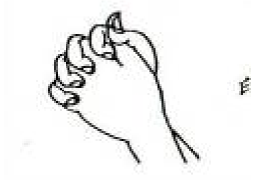
HṚDA VAJRA-KOŚA

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Kim Cương Lợi Bồ Tát có chữ chủng tử là: DHAṂ (𑖠𑖽)

Tôn hình: Hai tay cầm hoa sen, bên trên có cây kiếm.



Tướng Ấn là: Hay tay tác Ngoại Phộc, để bên cạnh lỗ tai phải.



Chân Ngôn là:

OṂ_ SARVA TATHĀGATĀ-PRAJÑĀ-PĀRAMITĀBHIḤ NIRHO STUNOMI MAHĀ-GHOṢĀNUGE DHAṂ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Kim Cương Lợi Bồ Tát có chữ chủng tử là: TI (𑖝𑖰)

Tôn Hình: Hai tay nắm Kim Cương Quyền, giao chéo nhau trước ngực.



Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm.

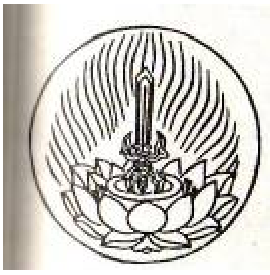


Chân Ngôn là:

OṂ_ VAJRA-TĪKṢṆA-KRODHA-CCHINDA HŪṂ PHAṬ

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Kim Cương Lợi Bồ Tát có chữ chủng tử là: HŪṂ (𑖮𑖳𑖽)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm. Biểu thị cho việc cầm cây kiếm Trí chặt đứt sự trói buộc, trừ hại bốn Ma và Nhị Thừa, phá Tâm chấp trước mà vô sở trụ (Không có nơi trụ) chẳng ở nơi **không, hữu,** vĩnh viễn dứt hẳn hai bên. Hay cắt đứt Tâm Kiết Sử của tất cả Hữu Tình, thường trụ ở Vô Vi Trí Tuệ Viên Minh



Chân Ngôn là:

OṂ_ VAJRA-TĪKṢṆA KRODHE CCHINDA VAJRA-KOŚENA SARVĀṂ DHI

KIM CƯƠNG NHÂN BỒ TÁT

Kim Cương Nhân, tên Phạn là Vajra-hetu, dịch âm là Phộc Nhật La Hệ Đổ.

Tôn này đồng với Đức **Nhân** (Hetu) của **Chuyển Pháp Luân Bồ Tát**

_Phần cuối của Bí Tạng Ký ghi rằng: "Kim Cương Nhân Bồ Tát ở bên trái, thân màu thịt, tay trái nắm quyền, tay phải cầm bánh xe"

_**Xuất Sinh Nghĩa** nói rằng: "Do Trí **chuyển bánh xe Đại Pháp** của tất cả Như Lai mà sinh ra Kim Cương Nhân"



_Trong 37 Tôn của Kim Cương Giới thì Tôn này là một trong bốn vị Bồ Tát thân cận của Đức **Vô Lượng Thọ Như Lai** (Amitāyus-tathāgata) ở phương Tây.

.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Kim Cương Nhân Bồ Tát được sinh ra từ **Trí chuyển bánh xe Đại Pháp** của tất cả Như Lai

_ Lược thuật Kim Cương Đỉnh Du Già phân biệt Thánh Vị tu chứng Pháp Môn ghi nhận rằng:

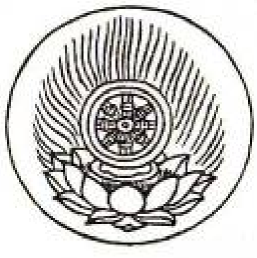
"Ở Nội Tâm của Tỳ Lô Giá Na Phật chứng đắc **Kim Cương Nhân Chuyển Pháp Luân Tam Ma Địa Trí**. Vì tự thọ dụng cho nên từ Kim Cương Nhân Chuyển Pháp Luân Tam Ma Địa Trí tuôn ra ánh sáng Kim Cương Luân (Bánh xe Kim Cương) chiếu khắp mười phương Thế Giới, dùng bốn Nhiếp nhiếp tất cả chúng sinh an nơi Vô Thượng Bồ Đề, rồi quay trở lại thu làm một Thể. Vì khiến cho tất cả Bồ Tát thọ dụng Tam Ma Địa Trí cho nên thành hình **Kim Cương Nhân Bồ Tát** trụ ở vành trăng bên trái Quán Tự Tại Vương Như Lai".

Do Kim Cương Nhân Bồ Tát gia trì cho nên ở vô lượng Thế Giới của chư Phật, thỉnh tất cả Như Lai chuyển bánh xe Diệu Pháp.

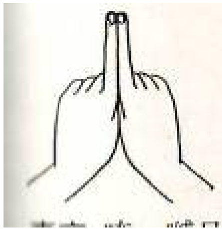
Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái nắm Kim Cương Quyền để ngang eo, tay phải để trước ngực cầm bánh xe Pháp (Dharma-cakra: Pháp Luân)



Mật Hiệu là: **Bất Thoái Kim Cương, Bồ Đề Kim Cương**
Chữ chủng tử là: MAṂ (𑖦𑖽)
Tam Muội Gia Hình là: Bánh xe có tám cây căm



Tướng Ấn là: Hai tay tác Kim Cương Quyền, duỗi thẳng ngón trỏ kèm song song, ở trước rốn thuận chuyển



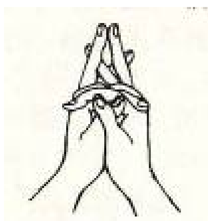
Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖮𑖸𑖝𑖲 𑖦𑖽
OṂ _VAJRA-HETU MAṂ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Kim Cương Nhân Bồ Tát có chữ chủng tử là: DHI (𑖠𑖰)

Tam Muội Gia Hình là: Bánh xe có tám căm. Biểu thị cho việc trụ Tam Ma Địa Tâm, khởi Nguyện Hạnh Đại Bi, chuyển bánh xe Chính Pháp, ánh sáng của căm xe chuyển động làm cho 3 Luân của Đại Thiên Giới được thanh tĩnh, làm Chủ Tể ở các Mạn Đà La, đối với các chỗ của Ma đều làm Giáo Lệnh điều phục Hữu Tình, chính thọ Tam Muội.



Tướng Ấn là: Ngoại Phộc, Ngón giữa cột buộc bên trong lòng bàn tay, duỗi đứng hai ngón vô danh cùng hợp nhau, duỗi thẳng ngón út cùng giao nhau.



Chân Ngôn là:
𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠 𑖤𑖺𑖠𑖰
BUDDHA BODHI

)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Kim Cương Nhân Bồ Tát có chữ chủng tử là: MAṂ ( )

Tôn Hình: Hai tay cầm bánh xe Pháp



Chân Ngôn là:

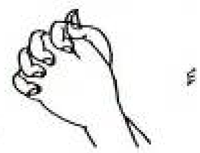
TIṢṬA VAJRA-CAKRA HṚDAYAṂ PRAVEŚA

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Kim Cương Nhân Bồ Tát có chữ chủng tử là: MAṂ ( ) hay HŪṂ ( )

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, bên trên có bánh xe Pháp.



Tướng Ấn là: Hay tay tác Ngoại Phộc, để cạnh lỗ tai trái.



Chân Ngôn là:

OṂ_ SARVA TATHĀGATA CAKRA-AKṢARA PARIVARTTANA SARVA SŪTRĀNTA NAYAIH STUNOMI SARVA MAṆḌALA HŪṂ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Kim Cương Nhân Bồ Tát có chữ chủng tử là: HE (𑖮𑖸)

Tôn Hình: Hai tay nắm Kim Cương Quyền, giao chéo nhau trước ngực.



Tam Muội Gia Hình là: Bánh xe tám căm.



Chân Ngôn là:

OṂ_ VAJRA-HETU-KRODHA-PRAVEŚA PRAVEŚĀYA MAṆḌALĀṂ SARVA HŪṂ PHAṬ

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Kim Cương Nhân Bồ Tát có chữ chủng tử là: NA (𑖡)

Tam Muội Gia Hình là: Bánh xe tám căm. Biểu thị cho việc trụ Tam Ma Địa Tâm, khởi Nguyện Hạnh Đại Bi, chuyển bánh xe Chính Pháp, ánh sáng của căm xe chuyển động làm cho ba Luân của Đại Thiên Giới được thanh tĩnh, làm Chủ Tể ở các Mạn Đà La, đối với các chỗ của Ma đều làm Giáo Lệnh điều phục Hữu Tình, chính thọ Tam Muội.



Chân Ngôn là:

OṂ_ VAJRA-HETU MAHĀ-KRODHE PRAVEŚA CAKRAṂ PRAVEŚA SARVĀṂ DHI

KIM CƯƠNG NGỮ BỒ TÁT

Kim Cương Ngữ Bồ Tát, tên Phạn là Vajra-bhāṣa, dịch âm là Phộc Nhật La Bà Sa. Lại xưng là Kim Cương Ngữ Ngôn Bồ Tát, Vô Ngôn Bồ Tát. Tên gọi riêng là Kim Cương Niệm Tụng Bồ Tát, Năng Thụ Tất Địa Bồ Tát, Kim Cương Thượng Tất Địa Bồ Tát.

Tôn này chủ về Đức nói Pháp không có ngăn ngại, lại còn trừ khử Trí Tuệ ác của tất cả chúng sinh

Do Tôn này gia trì thì được dùng 64 loại Pháp Âm đến khắp mười phương, chúng sinh đều thành Pháp ích

_**Nhất Thiết Bí Mật Tối Thượng Danh Nghĩa Đại Giáo Vương Nghi Quỹ, quyển Thượng** nói rằng:

“Trí Tuệ trang nghiêm lời trong sạch
Mau lìa tất cả tiếng phân biệt
Diệu Âm vang động Pháp tương ứng
Đây tức Kim Cương Ngữ Bồ Tát”



_Trong 37 Tôn của Kim Cương Giới thì Tôn này là một trong bốn vị Bồ Tát thân cận của Đức **Vô Lượng Thọ Như Lai** (Amitāyus-tathāgata) ở phương Tây, tượng trưng cho Đức **Nội Chứng** của Đức Vô Lượng Thọ Như Lai vì chúng sinh nói Pháp.

.)Tại **Thành Thân Hội** (Sūkṣma) thì Kim Cương Ngữ Bồ Tát được sinh ra từ **Trí lìa ngôn thuyết hý luận** của tất cả Như Lai.

_ Lược thuật Kim Cương Đỉnh Du Già phân biệt Thánh Vị tu chứng Pháp Môn ghi nhận rằng:

“Ở Nội Tâm của Tỳ Lô Giá Na Phật chứng đắc **Kim Cương Mật Ngữ Ly Ngôn Thuyết Tam Ma Địa Trí**. Vì tự thọ dụng cho nên từ Kim Cương Mật Ngữ Ly Ngôn Thuyết Tam Ma Địa Trí tuôn ra ánh sáng **Kim Cương Thiệt** (Vajra-jīhva: Cái lưỡi Kim Cương) chiếu khắp mười phương Thế Giới , hay trừ Ác Tuệ của tất cả chúng sinh khiến cho đắc được bốn Vô Ngại Giải Nghiệp Thuyết Biện Tài, rồi quay trở lại thu làm một Thể. Vì khiến cho tất cả Bồ Tát thọ dụng Tam Ma Địa Trí cho nên thành hình **Kim Cương Ngữ Bồ Tát** trụ ở vành trăng sau lưng Quán Tự Tại Vương Như Lai”.

Do Kim Cương Ngữ Bồ Tát gia trì cho nên dùng 64 loại Pháp Âm đến khắp mười phương , tùy theo loại chúng sinh đều thành sự lợi ích của Pháp.

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái nắm Kim Cương Quyền để ngang eo, tay phải để trước ngực cầm cái lưỡi Như Lai (Như Lai Thiệt)



Thân màu thịt: biểu thị cho Ý **tu hành chứng quả một Trí**, cũng tức màu thịt là do màu trắng và màu đỏ hợp thành. Màu trắng biểu thị cho Đức thanh tịnh vốn có, màu đỏ biểu thị cho sự tinh tiến tu hành

Cái lưỡi của Như Lai biểu thị cho nghĩa **nói Pháp đàm luận nghĩa**

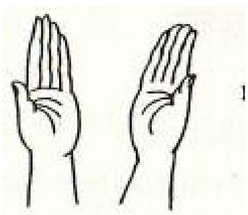
_Mật Hiệu là: **Tính Không Kim Cương, Diệu Ngữ Kim Cương**

Chữ chủng tử là: RAṂ (꣼) nghĩa là Nghiệp trong sạch không dơ bẩn

Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ trong cái lưỡi



Tướng Ấn là: Hai tay tác Kim Cương Chưởng kèm song song, đến miệng thì ngửa bung



Chân Ngôn là:

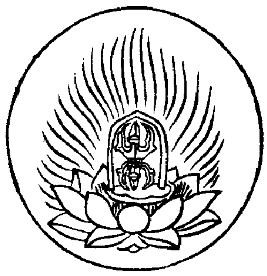
OṂ _VAJRA BHĀṢA   RAṂ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Kim Cương Ngữ Bồ Tát

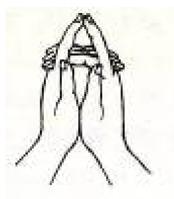
Chữ chủng tử là: BDA ( )

hay DA ( ) nghĩa là dùng ngôn ngữ ban cho tất cả

Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ trong cái lưỡi. Biểu thị cho việc vào ngay: **Vô ngôn**, văn tự vốn trống rỗng (Śūnya – Không) Chân Như Pháp Giới, tạng Tu Đa La (Sūtra-Khế Kinh) bình đẳng, viên mãn hằng hà sa Pháp Môn, ngộ Đại Thừa, không có gì không khai diễn được. Vì căn cứ vào Thắng Pháp nên đàm luận cùng chư Phật, niệm tụng điều tốt lành của Luật; một đời Chân Ngôn đều có đủ trong đấy.



Tướng Ấn là: Ngoại Phộc Quyền, đem hai ngón trỏ làm hình hoa sen, hai ngón cái phụ bên cạnh.

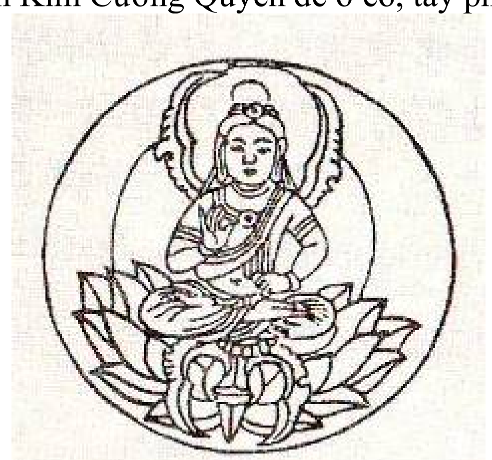


Chân Ngôn là:

PRATIŚABDA

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Kim Cương Ngữ Bồ Tát có chữ chủng tử là: RAṂ ( )

Tôn Hình: Tay trái nắm Kim Cương Quyền để ở eo, tay phải kết Thí Vô Úy Ấn.



Chân Ngôn là:

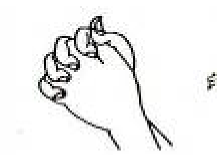
VAJRA-JĪHVA AGRA HṚDAYA

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Kim Cương Ngữ Bồ Tát có chữ chủng tử là: RAṂ ( ) hay CAḤ ( )

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen bên trên có cái lưỡi của Như Lai, trong cái lưỡi có chày Tam Cổ.



Tướng Ấn là: Ngoại Phộc để phía sau cái đầu.



Chân Ngôn là:

OṂ_ SARVA TATHĀGATA SAṂDHĀ-BHĀṢA BUDDHA KSAṂ-GĪTIBHIḤ GADAṂ STUNOMI VAJRA-VĀCE CAḤ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Kim Cương Ngữ Bồ Tát có chữ chủng tử là: HA ( )

Tôn Hình: Hai tay nắm Kim Cương Quyền, giao chéo nhau trước ngực.



Tam Muội Gia Hình là:Cái lưỡi Như Lai (Trong lưỡi có chày Tam Cổ).



Chân Ngôn là:

OṂ_ VAJRA-KRODHA-BHĀSA VADA VADA HŪṂ PHAṬ

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Kim Cương Ngữ Bồ Tát có chữ chủng tử là: YA (𑖧)

Tam Muội Gia Hình là: Cái lưỡi Như Lai (trong lưỡi có chày Tam Cổ). Biểu thị cho việc vào ngay: **Vô ngôn**, văn tự vốn **trống rỗng** (Śūnya – Không) Chân Như Pháp Giới, tạng **Tu Đa La** (Sūtra-Khế Kinh) bình đẳng, viên mãn hằng hà sa Pháp Môn, ngộ Đại Thừa, không có gì không khai diễn được. Vì căn cứ vào Thắng Pháp nên đàm luận cùng chư Phật, niệm tụng điều tốt lành của Luật; một đời Chân Ngôn đều có đủ trong đấy.



Chân Ngôn là:

OṂ_ VAJRA-JĪHVA MAHĀ-KRODHA BHĀṢI VACE MUÑCA DHI

KIM CƯƠNG NGHIỆP BỒ TÁT

Kim Cương Nghiệp Bồ Tát, tên Phạn là Vajra-karma, dịch âm là Phộc Nhật La Yết Ma, Phộc Nhật La Ca Lỗ Ma. Tên gọi riêng là Kim Cương Tỳ Thủ, Kim Cương Yết Ma, Thiện Biến Nhất Thiết Xứ, Kim Cương Bất Không.

Trong các Tôn tại Thành Thân Hội, Cúng Dường Hội, Giáng Tam Thế Hội.. của Kim Cương Giới đều xưng Tôn này là **Nghiệp Ba La Mật Bồ Tát** (Karma-pāramitā-bodhisatva)

Tôn này dùng châu báu trong kho tàng tại không trung, cứu tế chúng sinh rồi khiến cho không có thiếu thốn, Tâm cúng dường khắp biển cõi nước Như Lai nhiều như hạt bụi nhỏ ở mười phương.

Vị Bồ Tát này là **Hạ Chuyển Thân** (thân được chuyển xuống bậc dưới) của Đức Bất Không Thành Tựu Như Lai (Amogha-siddhi-tathāgata), tượng trưng cho Đức hoàn thành sự nghiệp cho ta và người khác



_Phần cuối của **Bí Tạng Ký** ghi là: "Thân màu thịt, chắp hai tay lại giương trên đỉnh đầu"



_**Lược Xuất Kinh** nói là: Do kết Kim Cương Yết Ma Khế, cho nên được tính bền chắc của Kim Cương

_**Xuất Sinh Nghĩa** nói rằng: "Từ môn công nghệ khéo léo của tất cả Như Lai mà sinh ra Kim Cương Nghiệp"

_Trong 37 Tôn của Kim Cương Giới thì Tôn này là một trong bốn vị Bồ Tát thân cận của Đức **Bất Không Thành Tựu Như Lai** (Amogha-siddhi-tathāgata) ở phương Bắc, đồng với Đức Sự Nghiệp của Như Lai.

Tại **Tứ Ấn Hội** thì Tôn này là một trong bốn vị Bồ Tát thân cận của Đức **Đại Nhật Như Lai** (Vairicana-tathāgata) tượng trưng cho **Yết Ma Trí Ấn** trong bốn loại Trí Ấn

-Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala)

.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Kim Cương Nghiệp Bồ Tát được sinh ra từ **Môn Công Nghệ khéo léo** của tất cả Như Lai

_ Lược thuật Kim Cương Đỉnh Du Già phân biệt Thánh Vị tu chứng Pháp Môn ghi nhận rằng:

"Ở Nội Tâm của Tỳ Lô Giá Na Phật chứng đắc **Kim Cương Nghiệp Hư Không Khố Tàng Tam Ma Địa Trí**. Vì tự thọ dụng cho nên từ Kim Cương Nghiệp Hư Không Khố Tàng Tam Ma Địa Trí tuôn ra ánh sáng Kim Cương Nghiệp (Nghiệp dụng của Kim Cương) chiếu khắp mười phương Thế Giới khiến cho tất cả chúng sinh thành tựu sự cúng dường rộng lớn đối với tất cả Như Lai và cái vị Bồ Tát, rồi quay trở lại thu làm một Thể. Vì khiến cho tất cả Bồ Tát thọ dụng Tam Ma Địa Trí cho nên thành hình **Kim Cương Nghiệp Bồ Tát** trụ ở vành trăng trước mặt Bất Không Thành Tựu Như Lai".

Do Kim Cương Nghiệp Bồ Tát gia trì cho nên ở vô biên Phật Sát Hải Hội, thành sự cúng dường to lớn.

Tôn Hình: Thân màu thịt, hai tay chắp lại nâng cao lên trên đỉnh đầu



Mật Hiệu là: **Thiện Xảo Kim Cương, Sự Kim Cương**

Chữ chủng tử là: KAṂ (कं) nghĩa là tác Nghiệp đều vào Đại Không

Tam Muội Gia Hình là: Chày Yết Ma



Tướng Ấn là: Hai tay tác Kim Cương Chưởng, duỗi hai ngón cái để ở tim, múa phóng ở hai gò má, rồi tác Kim Cương Hợp Chưởng ở đỉnh đầu



Chân Ngôn là:

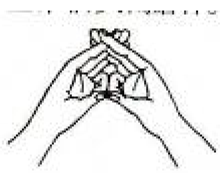
OṂ _VAJRA-KARMA- KAṂ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Kim Cương Nghiệp Bồ Tát có chữ chủng tử là: TVAṂ ( ) tức là Như Như lìa lời nói mà tác nghiệp khắp cả Pháp Giới, giống như nghĩa tối thắng bậc nhất

Tam Muội Gia Hình là:Chày Yết Ma. Biểu thị cho việc liền vào nơi thành biện của **Nhất Thiết Nghiệp Dụng Thiện Xảo Môn** rộng rãi cúng dường, lợi ích Hữu Tình. Dùng Hư Không làm kho tàng, trân bảo trong đó tràn đầy Hư Không cấp tế cho quần sinh, ban bố theo 5 loại khiến cho họ không còn thiếu thốn, phổ tâm cúng dường, mười phương Như Lai, tất cả sát hải (cõi rộng như biển) nhiều như bụi nhỏ của chư Phật .



Tướng Ấn là:Kim Cương Ngoại Phộc, đem hai ngón cái nắm lấy hai ngón út, duỗi 6 ngón còn lại cùng giao bên ngoài nhau, đều co đầu 6 ngón



Chân Ngôn là:

SUVAŚI TVAṂ

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Kim Cương Nghiệp Bồ Tát có chữ chủng tử là: KAṂ

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Chân Ngôn là:

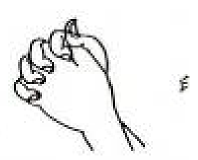
SARVA VAJRA ĀTMAKA

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Kim Cương Nghiệp Bồ Tát có chữ chủng tử là: KAṂ

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, bên trên có chày Yết Ma.



Tướng Ấn là: Ngoại Phộc Quyền để ở đỉnh đầu.



Chân Ngôn là:

OṂ_ SARVA TATHĀGATA DHŪPA MEGHA SAMUDRA SPHARAṆA PŪJA KARME-KARA KARAḤ

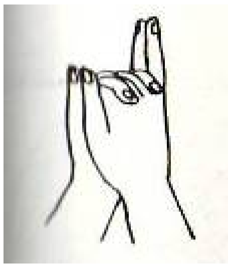
.)Tại **Tứ Ấn Hội** (Catur-mudra) thì Kim Cương Nghiệp Bồ Tát [hay **Bất Không Thành Tựu Phật** (Amogha-siddhi) hoặc **Tỳ Thủ Yết Ma Bồ Tát** (Viśva-karma)] là một trong bốn vị Bồ Tát thân cận của Đại Nhật Như Lai, tượng trưng cho **Yết Ma Trí Ấn** là một trong bốn loại Trí Ấn của Đại Nhật Như Lai

Chữ chủng tử là: AḤ (𑖀𑖾)

Tôn Hình: Màu xanh lục, tay trái nắm Kim Cương Quyền để ngang eo, tay phải ngửa lòng bàn tay ngang ngực cầm chày Yết Ma.



Tướng Ấn là: Bất Không Thành Tựu Ấn. Hai tay tác Kim Cương Ngoại Phộc, co hai ngón giữa vào trong lòng bàn tay, dựng thẳng 2 ngón cái, hai ngón út cùng hợp nhau, để trên đỉnh đầu



Chân Ngôn là:

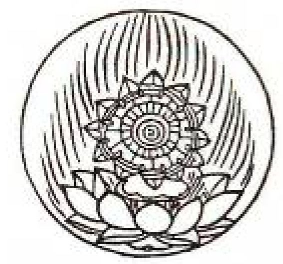
AVIDYĀṂ DHĀVANTE ME SATVA SARVA-TATHAGATĀŚCA VIDYĀDHIGAMA SAṂVARA SAṂBHŪTĀṂ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Kim Cương Nghiệp Bồ Tát có chữ chủng tử là: KA (𑖎)

Tôn Hình: Hai tay nắm Kim Cương Quyền, giao chéo nhau trước ngực.



Tam Muội Gia Hình là: Chày Yết Ma.



Chân Ngôn là:

OṂ_ VAJRA-KARMA

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Kim Cương Nghiệp Bồ Tát có chữ chủng tử là: BHA (𑖥)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Yết Ma. Biểu thị cho việc liền vào nơi thành biện của **Nhất Thiết Nghiệp Dụng Thiện Xảo Môn** rộng rãi cúng dường, lợi ích Hữu Tình. Dùng Hư Không làm kho tàng, trân bảo trong đó tràn đầy Hư Không, cấp tế cho quần sinh, ban bố theo 5 loại khiến cho họ không còn thiếu thốn, phổ tâm cúng dường, mười phương Như Lai, tất cả sát hải (cõi rộng như biển) nhiều như bụi nhỏ của chư Phật .



Chân Ngôn là:

OṂ_ SARVA MUKHE KARMA-VAJRAṆI MAHĀ-KRODHE KURU SARVĀṂ HṚD

KIM CƯƠNG HỘ BỒ TÁT

Kim Cương Hộ Bồ Tát, tên phạn là Vajra-rakṣa, dịch âm là Phộc Nhật La La Khất Sái.

Tôn này như áo giáp hộ thân, đồng với Đức dùng áo giáp **Đại Từ** (Mahā-maitri) để giữ gìn thân

_Phần cuối của **Bí Tạng Ký** ghi rằng: "Thân màu xanh, hai tay đều duỗi ngón trỏ, hơi co các ngón còn lại, giương ngay bên cạnh nách"

_**Lược Xuất Kinh** nói rằng: "Do kết Kim Cương Hộ Khế, cho nên được Tính bền chắc của Kim Cương"

_**Xuất Sinh Nghĩa** nói rằng: "Từ Môn **áo giáp Đại Từ** của tất cả Như Lai mà sinh ra Kim Cương Hộ"



Do Kim Cương Hộ Bồ Tát gia trì cho nên mặc giáp trụ trang nghiêm của Đại Thệ Nguyện, quay ngược vào Sinh Tử rộng làm Bồ Tát dẫn dắt chúng sinh đưa vào Phật Pháp. Cho nên Kim Cương Hộ Bồ Tát còn được xem là Tôn **đồng Thể khác tên** với **Chuẩn Đề Bồ Tát** (Cuṅdhe-bodhisatva) và vị Bồ Tát này thường đi lại Thế Gian để đập nát các **Hoặc Nghiệp** của tất cả chúng sinh; khiến cho kẻ đoản mệnh được thọ mệnh lâu dài, tăng tiến Phước Tuệ, đời đời xa lìa các nẻo ác, mau chóng phát Tâm Bồ Đề và viên mãn mọi ước nguyện. Ý nghĩa này thường được đại chúng nhận biết nhiều qua các công năng của thần Chú Chuẩn Đề ghi trong các Kinh Quỹ

_Trong 37 Tôn của Kim Cương Giới thì Tôn này là một trong bốn vị Bồ Tát thân cận của Đức **Bất Không Thành Tựu Như Lai** (Amogha-siddhi-tathāgata) ở phương Bắc.

.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Kim Cương Hộ Bồ Tát được sinh ra từ **Môn Giáp Trụ Đại Từ** của tất cả Như Lai

_ Lược thuật Kim Cương Đỉnh Du Già phân biệt Thánh Vị tu chứng Pháp Môn ghi nhận rằng:

“Ở Nội Tâm của Tỳ Lô Giá Na Phật chứng đắc **Kim Cương Hộ Đại Từ Trang Nghiêm Giáp Trụ Tam Ma Địa Trí**. Vì tự thọ dụng cho nên từ Kim Cương Hộ Đại Từ Trang Nghiêm Giáp Trụ Tam Ma Địa Trí tuôn ra ánh sáng Kim Cương Giáp Trụ (Áo giáp Kim Cương) chiếu khắp mười phương Thế Giới, hay trừ sự bạo ác giận dữ của chúng sinh khiến cho mau được Tâm Đại Từ, rồi quay trở lại thu làm một Thể. Vì khiến cho tất cả Bồ Tát thọ dụng Tam Ma Địa Trí cho nên thành hình **Kim Cương Hộ Bồ Tát** trụ ở vành trăng bên phải Bất Không Thành Tựu Như Lai”.

Do Kim Cương Hộ Bồ Tát gia trì cho nên mặc giáp trụ trang nghiêm của Đại Thệ Nguyện, quay ngược vào Sinh Tử rộng làm Bồ Tát dẫn dắt chúng sinh đưa vào Phật Pháp .

Tôn Hình: Thân màu xanh lục, hai tay tác Kim Cương Quyền để ngang ngực



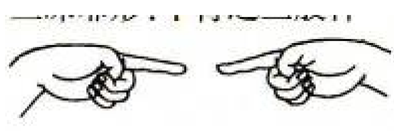
Mật Hiệu là: **Tinh Tiến Kim Cương, Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HAṂ (𑖮𑖽)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ của Giáp Trụ



Tướng Ấn là: Hai tay nắm Kim Cương Quyền, dựng thẳng ngón trỏ sao cho đầu ngón đối nhau.



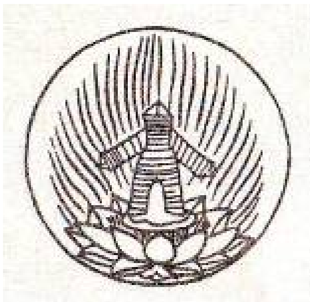
Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖨𑖎𑖿𑖬 𑖮𑖽

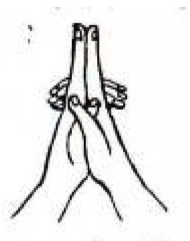
OṂ _VAJRA RAKṢA – HAṂ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Kim Cương Hộ Bồ Tát có Chữ chủng tử là: TVAṂ (𑖝𑖿𑖪𑖽)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ của Giáp Trụ. Biểu thị cho việc mặc giáp trụ tinh tiến, giữ gìn vạn hạnh tu tâm, thủ hộ Pháp Môn khiến chẳng thoái chuyển. Nói **Từ Hộ** rộng lớn hay trừ sự lười biếng trễ nãi, **Hộ Trí** bền chắc dũng mãnh, thành ngay Bồ Đề cứu cánh, không có gì không trùm khắp.



Tướng Ấn là: Hai tay tác Ngoại Phộc để ngang ngực, duỗi thẳng hai ngón trỏ cùng hợp nhau như dạng cây kim.



Chân Ngôn là:
𑖡𑖰𑖨𑖿𑖥𑖧 𑖝𑖿𑖪𑖽
NIRBHAYA TVAṂ

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Kim Cương Hộ Bồ Tát có Chữ chủng tử là: HAṂ (𑖮𑖽)

Tôn Hình: Tay trái nắm Kim Cương Quyền duỗi ngón trỏ, tay phải cầm cây kiếm.



Chân Ngôn là:

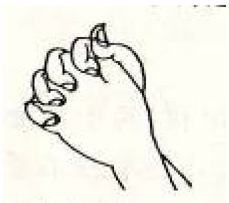
HṚDA VAJRA-KAVACA

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Kim Cương Hộ Bồ Tát có Chữ chủng tử là: HAṂ ( )

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, trên hoa sen có chày Tam Cổ của Giáp Trụ.



Tướng Ấn là: Ngoại Phộc để trên vai phải.



Chân Ngôn là:

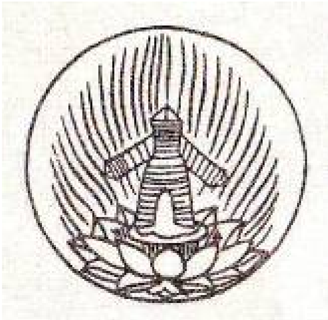
OṂ_ SARVA TATHĀGATA PUṢPA PRASARA SPHARAṆA PŪJA KARME-KIRI KIRIḤ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Kim Cương Hộ Bồ Tát có Chữ chủng tử là: RA ( )

Tôn Hình: Hai tay nắm Kim Cương Quyền, giao chéo nhau trước ngực.



Tam Muội Gia Hình: Giáp Trụ là chày Tam Cổ.

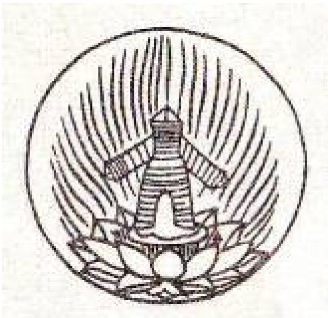


Chân Ngôn là:

OṂ_ VAJRA-KAVĀCA-KRODHA RAKṢA RAKṢA HŪṂ PHAṬ

)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Kim Cương Hộ Bồ Tát có Chữ chủng tử là: GA (𑖐)

Tam Muội Gia Hình: Giáp Trụ là chày Tam Cổ. Biểu thị cho việc mặc giáp trụ tinh tiến, giữ gìn vạn hạnh tu tâm, thủ hộ Pháp Môn khiến chẳng thoái chuyển. Nói **Từ Hộ** rộng lớn hay trừ sự lười biếng trễ nãi, **Hộ Trí** bền chắc dũng mãnh, thành ngay Bồ Đề cứu cánh, không có gì không trùm khắp.



Chân Ngôn là:

OṂ_ VAJRA-KAVĀCA KRODHE RAKṢA-MĀṂ HṚD

KIM CƯƠNG QUYỀN BỒ TÁT

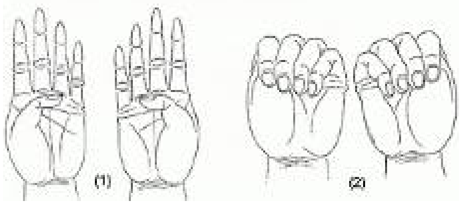
Kim Cương Quyền Bồ Tát, tên Phạn là **Vajra-saṃdhi**, hay Vajra-**saṅdhi**, dịch âm là Phộc Nhật La Tán đề.

Tôn này lại có tên Phạn là **Vajra-muṣṭi,** dịch âm là Phộc Nhật La Mẫu Sắt Trí. Lại xưng là Kim Cương Như Lai Quyền, Phẫn Nộ Quyền, Kiên Lao Kim Cương Quyền Ấn …. Cho đến một trong bốn loại Quyền, một trong sáu loại Quyền, tức đưa ngón cái vào trong lòng bàn tay, nắm gấp bốn ngón làm thành dạng Quyền, biểu thị cho Trí Đại Kim Cương là chỗ dùng trong Kim Cương Giới





Tôn này nắm giữ Đức **kết hợp**, thành tựu tất cả Ấn Khế, dùng Quyền (nắm đấm) làm Tam Muội Gia Hình



Vị Bồ Tát này là một trong 33 Tôn tại **Kim Cương Thủ Viện** của Thai Tạng Giới, một trong 37 Tôn của Kim Cương Giới, là một trong bốn vị Bồ Tát thân cận của Đức **Bất Không Thành Tựu Như Lai** (Amogha-siddhi-tathāgata) ở phương Bắc

_**Lược Xuất Kinh** nói rằng: “Do kết Kim Cương Quyền Khế cho nên hay được tất cả các Khế, đắc được Tất Địa”

_Phần cuối của **Bí Tạng Ký** ghi rằng: “Thân màu thịt trắng, tay trái nắm quyền, tay phải cầm **Thập Tự Nhất Cổ**”

_Phần cuối của **Bí Tạng Ký** lại ghi rằng: “Kim Cương Quyền Bồ Tát có thân màu xanh, hai tay nắm quyền để ngang trái tim, hơi co cổ tay rũ xuống bên dưới”

_Tại **Kim Cương Thủ Viện** trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) thì Kim Cương Quyền Bồ Tát là Tôn dùng Trí Tuệ Kim Cương phá hoại phiền não, ba độc Tham Sân Si của chúng sinh. Tay cầm cái chày Thập Tự Yết Ma đại biểu cho Sở Hạnh mãnh liệt mau chóng phá trừ phiền não.

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay trái nắm quyền ngửa lòng bàn tay lên trên, tay phải cầm cái chày Thập Tự Độc Cổ.



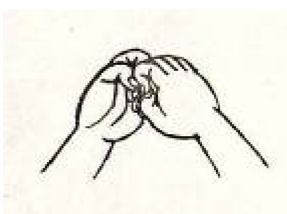
Mật Hiệu là: **Bí Mật Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HŪṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Chày Thập Tự Độc Cổ



Tướng Ấn là: Kim Cương Quyền Ấn



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ SPHOṬAYA VAJRA-SAṂBHAVE _ SVĀHĀ

_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala)

.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Kim Cương Quyền Bồ Tát được sinh ra từ **Môn thành tựu trụ trì** của tất cả Như Lai.

_ Lược thuật Kim Cương Đỉnh Du Già phân biệt Thánh Vị tu chứng Pháp Môn ghi nhận rằng:

"Ở Nội Tâm của Tỳ Lô Giá Na Phật chứng đắc **Kim Cương Quyền Ấn Uy Linh Cảm Ứng Tam Ma Địa Trí** . Vì tự thọ dụng cho nên từ Kim Cương Quyền Ấn Uy Linh Cảm Ứng Tam Ma Địa Trí tuôn ra ánh sáng Kim Cương Quyền (Nắm Đấm Kim Cương) chiếu khắp mười phương Thế Giới khiến cho tất cả chúng sinh trừ diệt nghiệp chướng mau được viên mãn Tất Địa Thế Gian và Xuất Thế Gian, rồi quay trở lại thu làm một Thể. Vì khiến cho tất cả Bồ Tát thọ dụng Tam Ma Địa Trí cho nên thành hình **Kim Cương Quyền Bồ Tát** trụ ở vành trăng sau lưng Bất Không Thành Tựu Như Lai".

Do Kim Cương Quyền Bồ Tát gia trì cho nên đối với vô lượng Chân Ngôn , Tam Muội, Ấn Khế của ba Mật Môn hợp thành một Thể .

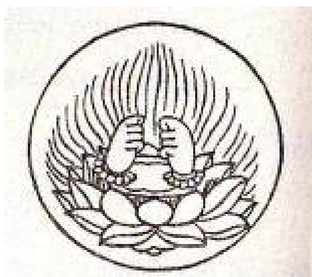


Tôn Hình: Thân màu xanh lục, hai tay nắm Kim Cương Quyền để ngang ngực

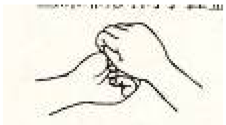
Mật Hiệu là: **Bí Mật Kim Cương**

Chữ chủng tử là: BAṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Hai tay nắm Kim Cương Quyền



Tướng Ấn là: Hai tay nắm Kim Cương Quyền, ngửa bên trái, úp bên phải

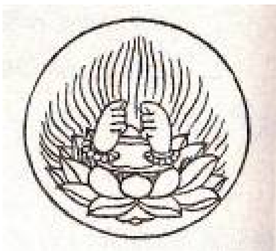


Chân Ngôn là:

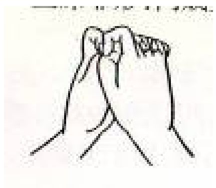
OṂ _VAJRA-SAṂDHI BAṂ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Kim Cương Quyền Bồ Tát có chữ chủng tử là: SVI ( ) hay DDHI ( )

Tam Muội Gia Hình là: Hai tay nắm Kim Cương Quyền. Biểu thị cho việc dùng sự uy mãnh của Kim Cương Dược Xoa mà trợ thành Lý Giải Thoát. Kim Cương Bí Mật hay tế độ chúng sanh trong 3 Tế Khổ Luân Phương Tiện Đại Quyền, 3 Mật gia trì, Tâm truyền Mật Ấn, trụ Tam Ma Địa, tất cả Pháp Yếu mà hay giải bỏ sự trói buộc, thoát khổ sinh vui, trụ bốn Tâm Vô Lượng.



Tướng Ấn là: Ngoại Phộc, co hai ngón cái vào trong lòng bàn tay, co hai ngón trỏ đè trên lưng ngón cái.



Chân Ngôn là:

SARVA SIDDHI

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Kim Cương Quyền Bồ Tát có chữ chủng tử là: VAṂ ( )

Tôn Hình: Lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

𑖪𑖕𑖿𑖨𑖦𑖲𑖬𑖿𑖘𑖰 𑖮𑖴𑖟𑖧

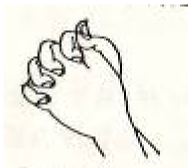
VAJRA-MUṢṬI HṚDAYA

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Kim Cương Quyền Bồ Tát có chữ chủng tử là: VAṂ (𑖪𑖽)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, bên trên có hai Quyền Kim Cương.



Tướng Ấn là: Ngoại Phộc để ngang ngực.



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖭𑖨𑖿𑖪 𑖝𑖞𑖯𑖐𑖝 𑖐𑖡𑖿𑖠 𑖦𑖸𑖑 𑖭𑖦𑖲𑖟𑖿𑖨 𑖭𑖿𑖣𑖨𑖜 𑖢𑖳𑖕 𑖎𑖨𑖿𑖦𑖸 𑖎𑖲𑖨𑖲 𑖎𑖲𑖨𑖲𑖾

OṂ_ SARVA TATHĀGATA GANDHA MEGHA SAMUDRA SPHARAṆA PŪJA KARME-KURU KURUḤ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Kim Cương Quyền Bồ Tát có chữ chủng tử là: SAṂ (𑖭𑖽)

Tôn Hình: Hai tay nắm Kim Cương Quyền, giao chéo nhau trước ngực.



Tam Muội Gia Hình là: Hai tay nắm Kim Cương Quyền.



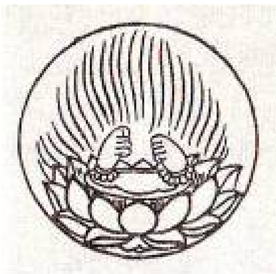
Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖎𑖿𑖨𑖺𑖠𑖦𑖲𑖬𑖿𑖘𑖰 𑖭𑖯𑖠𑖧 𑖭𑖦𑖧 𑖮𑖳𑖽 𑖣𑖘𑖿

OṂ_ VAJRA-KRODHA-MUṢṬI SĀDHAYA SAMAYA HŪṂ PHAṬ

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Kim Cương Quyền Bồ Tát có chữ chủng tử là: VA (𑖪)

Tam Muội Gia Hình là: Hai tay nắm Kim Cương Quyền. Biểu thị cho việc dùng sự uy mãnh của Kim Cương Dược Xoa mà trợ thành Lý Giải Thoát. Kim Cương Bí Mật hay tế độ chúng sanh trong 3 Tế Khổ Luân Phương Tiện Đại Quyền, 3 Mật gia trì, Tâm truyền Mật Ấn, trụ Tam Ma Địa, tất cả Pháp Yếu mà hay giải bỏ sự trói buộc, thoát khổ sinh vui, trụ bốn Tâm Vô Lượng.



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖎𑖿𑖨𑖺𑖠 𑖦𑖲𑖬𑖿𑖘𑖰 𑖤𑖡𑖿𑖠 𑖮𑖴𑖟𑖿

OṂ_ VAJRA-KRODHA MUṢṬI BANDHA HṚD

KIM CƯƠNG HÝ BỒ TÁT

Kim Cương Hý Bồ Tát, tên Phạn là Vajra-lāsī, dịch âm là Phộc Nhật La La tế. Lại xưng là Kim Cương Hỷ Hý Bồ Tát, Kim Cương Hy Hý Bồ Tát… là một trong bốn vị Nội Cúng Dường của Kim Cương Giới. Tôn này do Đức **Đại Nhật Như Lai** (Vairocana-tathāgata) ở trung ương cúng dường Đức **A Súc Như Lai** (Akṣobhya-tathāgata) ở phương Đông, nên trong Tâm hiện ra **Hy Hý Tam Ma Địa Nữ Bồ Tát**



_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala)

.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Kim Cương Hý Bồ Tát được sinh ra từ Tam Muội Gia **Thích Duyệt Cúng Dường** của tất cả Như Lai và được Đại Nhật Như Lai sai đến cúng dường Đức A Súc Phật ở phương Đông

_ Lược thuật Kim Cương Đỉnh Du Già phân biệt Thánh Vị tu chứng Pháp Môn ghi nhận rằng:

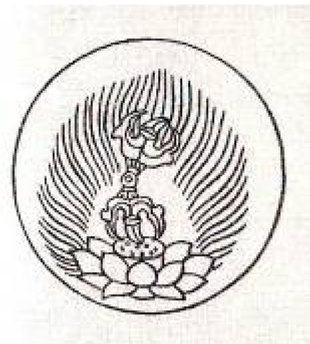
"Ở Nội Tâm Tỳ Lô Giá Na Phật chứng đắc **Kim Cương Hy Hý Pháp Lạc Tiêu Xí Tam Ma Địa Trí**. Vì tự thọ dụng cho nên từ Kim Cương Hy Hý Pháp Lạc Tiêu Xí Tam Ma Địa Trí tuôn ra ánh sáng Kim Cương Hy Hý Tiêu Xí (Biểu tượng vui đùa của Kim Cương) chiếu khắp mười phương Thế Giới , cúng dường tất cả Như Lai và phá sự tham nhiễm vào niềm vui của kẻ Phàm Phu khiến cho mau đắc được Pháp vui đùa, viên mãn niềm an lạc, rồi quay trở lại thu làm một Thể. Vì khiến cho tất cả Bồ Tát thọ dụng Tam Ma Địa Trí cho nên thành hình **Kim Cương Hy Hý Thiên Nữ Bồ Tát** trụ ở vành trăng góc Đông Nam của Tỳ Lô Giá Na Như Lai".

Do Kim Cương Hy Hý Bồ Tát gia trì cho nên đối với Pháp Thọ Dụng, viên mãn khoái lạc, được sự tự tại của Trí Thọ Dụng.

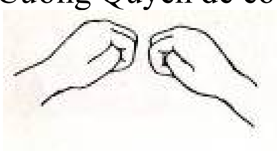
Tôn Hình: Thân màu đen (hoặc màu xanh), hiện hình Thiên Nữ, hai tay nắm Kim Cương Quyền để bên cạnh eo.



Mật Hiệu Là: **Phổ Kính Kim Chương**
Chữ chủng tử là: HOḤ ( )
Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ uốn cong



Tướng Ấn là: Hai tay tác Kim Cương Quyền đè eo, hướng về bên trái hơi cúi đầu

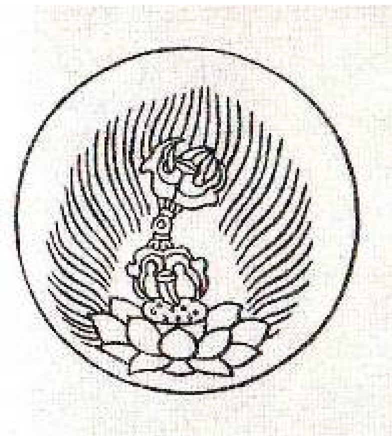


Chân Ngôn là:

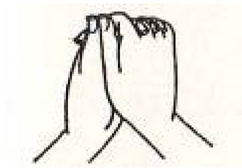
OṂ _VAJRA-LĀSE   HOḤ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Kim Cương Hý Bồ Tát có chữ chủng tử là: TI ( )

Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ uốn cong. Biểu thị cho việc tất cả chúng sanh xưa nay vốn có Tự Tính thanh tĩnh. Vì khách trần (bụi bặm) phiền não, hai tướng **Năng Sở** vây nhiễm Tâm ấy, nên chẳng được tự tại. Nay Bản Thể vốn có của vọng tưởng này tự trống rỗng, hiểu rõ các Pháp chẳng sinh nên **Không, Hữu** không còn chướng ngại. Ở đấy Tỳ Lô Giá Na Phật liền trụ quán Tâm Bồ Đề, chiếu soi thông suốt tròn sáng, tuôn ra sự vui thích trang nghiêm mọi thứ cúng dường.



Tướng Ấn là:Ngoại Phộc, kèm dựng hai ngón cái để phía trước trán.



Chân Ngôn là:
𑖦𑖮𑖯 𑖨𑖝𑖰
MAHĀ RATI

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Kim Cương Hý Bồ Tát có chữ chủng tử là: HOḤ (𑖮𑖺𑖾)

Tôn Hình: Tay trái tác Kim Cương Quyền úp ở cạnh eo, tay phải tác Kim Cương Quyền ngửa lên để cạnh eo



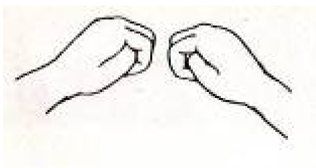
Chân Ngôn là:
𑖪𑖕𑖿𑖨𑖩𑖯𑖭𑖱 𑖭𑖳𑖎𑖿𑖬𑖿𑖦𑖕𑖿𑖗𑖯𑖡 𑖭𑖦𑖧 𑖮𑖺𑖾
VAJRA-LĀSĪ SŪKṢMA- JÑĀNA-SAMAYA HOḤ

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Kim Cương Hý Bồ Tát có chữ chủng tử là: HOḤ (𑖮𑖺𑖾)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, bên trên có chày Tam Cổ.



Tướng Ấn là: Hai tay tác Kim Cương Quyền đè eo, hướng về bên trái hơi cúi đầu



Chân Ngôn là:

[illegible]

OṂ_ SARVA TATHĀGATĀ-HĀSYA LĀSYA KRĪḌA RATI SAUKHYA-ANUTTARA-PŪJA-MEGHA-SAMUDRA SPHARAṆA SAMAYE HŪṂ

.)Tại **Tứ Ấn Hội** (Catur-mudra) thì Kim Cương Hý Bồ Tát có chữ chủng tử là: HOḤ (𑖮𑖺𑖾)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ uốn cong.



.)Tại **Lý Thú Hội** (Naya) thì Kim Cương Hý Bồ Tát được xưng là **Xuân Kim Cương** (Vasanta-vajra):

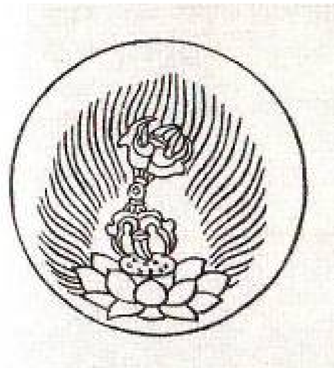
Chữ chủng tử là: SU (𑖭𑖲)

Tôn Hình: Hai tay để cạnh eo nắm Kim Cương Quyền.

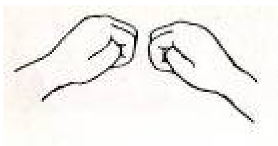


Mật Hiệu là: **Trang Nghiêm Thanh Tịnh, Xuân Kim Cương**

Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ uốn cong



Tướng Ấn là: Kết hai quyền, úp xuống kèm nhau ngang trái tim, chuyển theo bên phải



Chân Ngôn là:

𑖮𑖸 𑖨𑖝𑖰 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖪𑖰𑖩𑖯𑖭𑖰𑖡𑖰 𑖝𑖿𑖨𑖘𑖿

HE RATI VAJRA-VILĀSINI TRAṬ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Kim Cương Hý Bồ Tát có chữ chủng tử là: LA (𑖩)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là:Chày Tam Cổ uốn cong.



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖩𑖯𑖭𑖸 𑖨𑖯𑖐𑖧 𑖮𑖳𑖼 𑖣𑖘𑖿

OṂ_ VAJRA-LĀSE RĀGAYA HŪṂ PHAṬ

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Kim Cương Hý Bồ Tát có chữ chủng tử là: JRA (𑖕𑖿𑖨)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ uốn cong. Biểu thị cho việc tất cả chúng sanh xưa nay vốn có Tự Tính thanh tĩnh. Vì khách trần (bụi bặm) phiền não, hai tướng **Năng Sở** vây nhiễm Tâm ấy, nên chẳng được tự tại. Nay Bản Thể vốn có của vọng tưởng này tự trống rỗng, hiểu rõ các Pháp chẳng sinh nên **Không, Hữu** không còn chướng ngại. Ở đấy Tỳ Lô Giá Na Phật liền trụ quán Tâm Bồ Đề, chiếu soi thông suốt tròn sáng, tuôn ra sự vui thích trang nghiêm mọi thứ cúng dường.



Chân Ngôn là:

𑖪𑖕𑖿𑖨𑖠𑖯𑖝𑖲𑖼

VAJRA-DHĀTUṂ

KIM CƯƠNG MAN BỒ TÁT

Kim Cương Man Bồ Tát, tên Phạn là **Vajra-māla** (dịch âm là Phộc Nhật La Ma La) hay **Vajra-mālin** (dịch âm là Phộc Nhật La Ma Lê), là một trong bốn vị Nội Cúng Dường của Kim Cương Giới. Tôn này do Đức **Đại Nhật Như Lai** (Vairocana-tathāgata) ở trung ương cúng dường Đức **Bảo Sinh Như Lai** ở phương Nam, nên trong Tâm hiện ra **Hoa Man Tam Ma Địa Nữ Bồ Tát**



_**Lược Xuất Kinh** nói: "Do kết Kim Cương Man Khế cho nên được dung sắc xinh đẹp"



_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala)

.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Kim Cương Man Bồ Tát được sinh ra từ Tam Muội Gia **Bảo Man Quán Đỉnh** của tất cả Như Lai và được Đại Nhật Như Lai sai đến cúng dường Đức Bảo Sinh Phật ở phương Nam

_ Lược thuật Kim Cương Đỉnh Du Già phân biệt Thánh Vị tu chứng Pháp Môn ghi nhận rằng:

"Ở Nội Tâm của Tỳ Lô Giá Na Phật chứng đắc **Kim Cương Hoa Man Bồ Đề Phần Pháp Tam Ma Địa Trí**. Vì tự thọ dụng cho nên từ Kim Cương Hoa Man Bồ Đề Phần Pháp Tam Ma Địa Trí tuôn ra ánh sáng **Kim Cương Hoa Man** (Vajra-māla: Vòng hoa Kim Cương) chiếu khắp mười phương Thế Giới cúng dường tất cả Như Lai, trừ khử hình xấu hèn (Xú Lậu) của các chúng sinh, đắc được thân tốt đẹp với 32 tướng 80 loại tùy hình, rồi quay trở lại thu làm một Thể. Vì khiến cho tất cả Bồ Tát thọ dụng Tam Ma Địa Trí cho nên thành hình **Kim Cương Hoa Man Thiên Nữ Bồ Tát** trụ ở vành trăng góc Tây Nam của Tỳ Lô Giá Na Như Lai".

Do Kim Cương Man Bồ Tát gia trì cho nên được vòng hoa của 37 Pháp Bồ Đề Phần dùng để trang nghiêm.

Tôn Hình: Thân màu vàng, hiện hình Thiên Nữ, hai tay cầm vòng hoa



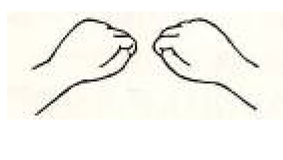
Mật Hiệu là: **Diệu Nghiêm Kim Cương**, biểu thị cho ý của vòng hoa trang nghiêm

Chữ chủng tử là: TRẠT (ṭ) nghĩa là Như Như không có dơ bẩn, không có cao thấp

Tam Muội Gia Hình là: vòng hoa báu (Bảo Man)



Tướng Ấn là: Hai quyền treo vòng hoa, từ đỉnh đầu rũ xuống đến sau đỉnh

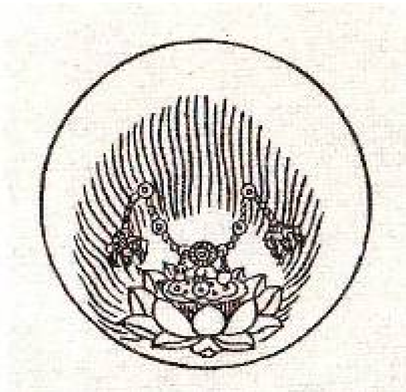


Chân Ngôn là:

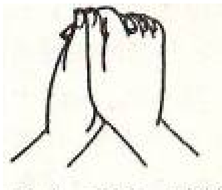
OṂ _VAJRA-MĀLE TRAṬ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Kim Cương Man Bồ Tát có chữ chủng tử là: BHE ()

Tam Muội Gia Hình là: Vòng hoa báu. Biểu thị cho việc Tỳ Lô Giá Na Phật ở nội tâm tuôn ra **Kim Cương Bảo Man** (Vajra-ratna-māle: Tràng hoa báu Kim Cương) nghiêm sức Thể ấy, liền tập hợp mọi báu dùng để trang nghiêm. Ánh sáng của nhóm báu tròn đầy phước đức, hay làm cho năm loại Thí Nguyện được viên mãn.



Tướng Ấn là:Kim Cương Phộc, kèm dựng hai ngón cái để ngang trán



Chân Ngôn là:

RŪA-ŚOBHE

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Kim Cương Man Bồ Tát có chữ chủng tử là: TRṬ()

Tôn Hình: Lược đồng với Thành Thân Hội.



Chân Ngôn là:

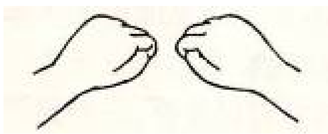
VAJRA-MĀLE SŪKṢMA- JÑĀNA-SAMAYA TRṬ

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Kim Cương Man Bồ Tát có chữ chủng tử là: TRṬ()

Tôn Hình: Hai tay nắm quyền để ngang ngực, tay trái cầm hoa sen, bên trên có vòng hoa.



Tướng Ấn là: Hai quyền treo vòng hoa, từ đỉnh đầu rũ xuống đến sau đỉnh

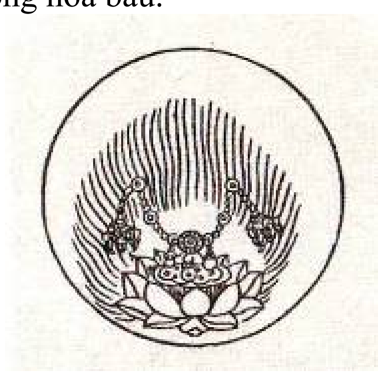


Chân Ngôn là:

OṂ_ SARVA TATHĀGATĀ-VAJRA-UPAMA SAMĀDHI BHĀVANĀPĀNA BHOJANA VĀSANA PŪJA-MEGHA-SAMUDRA SPHARAṆA SAMAYE HŪṂ

.)Tại **Tứ Ấn Hội** (Catur-mudra) thì Kim Cương Man Bồ Tát có chữ chủng tử là: TRṬ()

Tam Muội Gia Hình là: Vòng hoa báu.



.)Tại **Lý Thú Hội** (Naya) thì Kim Cương Man Bồ Tát được xưng là **Hạ Kim Cương** (Grīṣma-vajra)

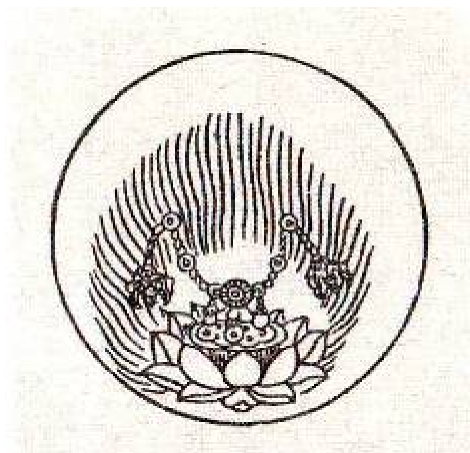
Tôn Hình: Lược đồng với Thành Thân Hội.



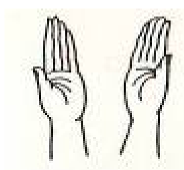
Mật Hiệu là: **Ý Tư Nhuận, Hạ Kim Cương**.

Chữ chủng tử là: RA (𑖨)

Tam Muội Gia Hình là: vòng hoa báu (Bảo Man)



Tướng Ấn là: Hai quyền úp xuống kèm nhau, nâng lên ngang miệng thì bung duỗi dần dần từ ngón út.



Chân Ngôn là:

𑖮𑖸 𑖨𑖝𑖰 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖮𑖭𑖸 𑖮𑖮

HE RATI VAJRA-HĀSE HA HA

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Kim Cương Man Bồ Tát có chữ chủng tử là: MA (𑖦)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là:Vòng hoa.



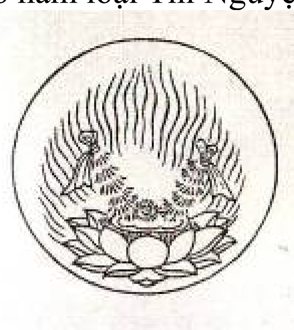
Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖦𑖯𑖩𑖸 𑖀𑖥𑖰𑖬𑖰𑖽𑖓 𑖮𑖳𑖽 𑖣𑖘𑖿

OṂ_ VAJRA-MĀLE ABHIṢIṂCA HŪṂ PHAṬ

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Kim Cương Man Bồ Tát có chữ chủng tử là: HŪṂ (𑖮𑖳𑖽)

Tam Muội Gia Hình là: Vòng hoa. Biểu thị cho việc Tỳ Lô Giá Na Phật ở nội tâm tuôn ra **Kim Cương Bảo Man** (Vajra-ratna-māle: Tràng hoa báu Kim Cương) nghiêm sức Thể ấy, liền tập hợp mọi báu dùng để trang nghiêm. Ánh sáng của nhóm báu tròn đầy phước đức, hay làm cho năm loại Thí Nguyện được viên mãn.



Chân Ngôn là:

𑖪𑖕𑖿𑖨𑖭𑖺𑖠

VAJRA-SAUDHA

KIM CƯƠNG CA BỒ TÁT

Kim Cương Ca Bồ Tát, tên Phạn là **Vajra-gìtà** (dịch âm là Phộc Nhật La nghĩ Đa), hay **Vajra-gīti** (dịch âm là Phộc Nhật La Nghĩ Để). Lại xưng là Kim Cương Ca Vịnh Đại Thiên Nữ



Kim Cương Ca Bồ Tát là một trong bốn vị Nội Cúng Dường của Kim Cương Giới. Tôn này do Đức **Đại Nhật Như Lai** (Vairocana-tathāgata) ở trung ương cúng dường Đức **A Di Đà Như Lai** (Amitāyus_tathāgata) ở phương Tây, nên trong Tâm hiện ra **Ca Vịnh Tam Ma Địa Nữ Bồ Tát**

_**Lược Xuất Kinh** nói rằng: "Do kết Kim Cương Ca Vịnh Khế cho nên được Diệu Âm thanh tịnh"



_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala)

.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Kim Cương Ca Bồ Tát được sinh ra từ Tam Muội Gia **Ca Vịnh Cúng Dường** của tất cả Như Lai và được Đại Nhật Như Lai sai đến cúng dường Đức Vô Lượng Thọ Phật ở phương Tây

_ Lược thuật Kim Cương Đỉnh Du Già phân biệt Thánh Vị tu chứng Pháp Môn ghi nhận rằng:

"Ở Nội Tâm Tỳ Lô Giá Na Phật chứng đắc **Kim Cương Ca Vịnh Tĩnh Diệu Pháp Âm Tam Ma Địa Trí** . Vì tự thọ dụng cho nên từ Kim Cương Ca Vịnh Tĩnh Diệu Pháp Âm Tam Ma Địa Trí tuôn ra ánh sáng **Kim Cương Ca** (Vajra-gītā: Bài ca Kim Cương) chiếu khắp mười phương Thế Giới cúng dường tất cả Như Lai, hay khiến cho chúng sinh phá trừ hý luận thuộc Ngữ Nghiệp, được đầy đủ 64 loại Phạm Âm, rồi quay trở lại thu làm một Thể. Vì khiến cho tất cả Bồ Tát thọ dụng Tam Ma Địa Trí cho nên thành hình **Kim Cương Ca Vịnh Thiên Nữ Bồ Tát** trụ ở vành trăng góc Tây Bắc của Tỳ Lô Giá Na Như Lai".

Do Kim Cương Ca Bồ Tát gia trì cho nên được âm thanh vi diệu của Như Lai, nghe không chán bỏ, an trụ nơi giải thoát của Thánh Đức, hiểu rõ các Pháp giống như sự vang vọng của tiếng kêu hô.

Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, hiện hình Thiên Nữ, trình tấu đàn Không Hầu



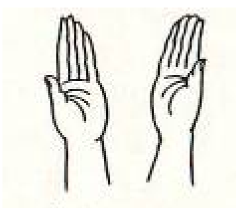
Mật Hiệu là: **Diệu Âm Kim Cương, Vô Úy Kim Cương**

Chữ chủng tử là: GÌH (𑖐𑖱𑖾) nghĩa là tất cả Pháp không có tạo tác

Tam Muội Gia Hình là:Kim Cương Không Hầu



Tướng Ấn là: Hai tay tác Kim Cương Chưởng, cùng hợp cạnh bên, từ rốn đến miệng rồi bung



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖐𑖱𑖝𑖸 𑖐𑖱𑖾

OṂ _VAJRA GĪTE GĪḤ

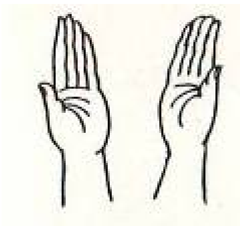
.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Kim Cương Ca Bồ Tát có chữ chủng tử là: GYA ()

hay KHYA () nghĩa là ca tụng niềm vui của **Đại Không Thừa Giáo**

Tam Muội Gia Hình là: Cây đàn Không Hầu. Biểu thị cho việc Tỳ Lô Giá Na ở mọi tâm tuôn ra phương tiện Đại Bi, trụ tâm Tam Ma Địa, phát ra ca tán phúng vịnh để hưng phát cúng dường, đắc được 64 loại Phạm Âm, trụ Thuyết Pháp vô ngại. Sự hòa nhã của âm thanh ấy khiến cho mọi nhạc cụ: sáo, đàn sắt, Không Hầu… đều tác cúng dường. Đây tức là âm thanh làm Phật sự. Lời nói lợi ích của Pháp, Bản Thể của nó vốn trống rỗng, Chân Như ngưng đọng tự nhiên, Pháp Giới thanh tĩnh.



Tướng Ấn là:Kim Cương Ngoại Phộc, do từ rốn đến miệng rồi bung tán



Chân Ngôn là:

ŚROTRA- SAUKHYE

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Kim Cương Ca Bồ Tát có chữ chủng tử là: GI ()

Tôn Hình: Lược đồng với Thành Thân Hội.



Chân Ngôn là:

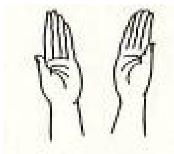
VAJRA-GĪTE SŪKṢMA- JÑĀNA-SAMAYA GI

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Kim Cương Ca Bồ Tát có chữ chủng tử là: GI

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, bên trên có cây đàn Không Hầu



Tướng Ấn là: Hai tay tác Kim Cương Chưởng, cùng hợp cạnh bên, từ rốn đến miệng rồi bung



Chân Ngôn là:

OṂ_ SARVA TATHĀGATA-CITTA NIRYĀTANA PŪJA-MEGHA-SAMUDRA SPHARAṆA SAMAYE HŪṂ

.)Tại **Tứ Ấn Hội** (Catur-mudra) thì Kim Cương Ca Bồ Tát có chữ chủng tử là: GĪḤ

Tam Muội Gia Hình là: Cây đàn Không Hầu



.)Tại **Lý Thú Hội** (Naya) thì Kim Cương Ca Bồ Tát được xưng là **Thu Kim Cương** (Śarat-vajra):

Tôn Hình: Lược đồng với Thành Thân Hội



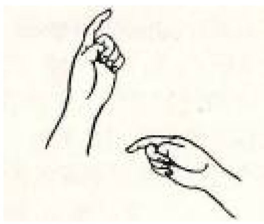
Chữ chủng tử là: TA (𑖝)

Mật Hiệu là: **Quang Minh, Thu Kim Cương**

Tam Muội Gia Hình là:Kim Cương Không Hầu



Tướng Ấn là: Hai tay tác Quyền, duỗi ngón trỏ hơi co lại, co dựng cánh tay trái như đàn Không Hầu, ngón tay phải làm thế búng gảy dây đàn Không Hầu.



Chân Ngôn là:

𑖮𑖸 𑖨𑖝𑖰 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖐𑖱𑖝𑖸 𑖝𑖸 𑖝𑖸

HE RATI VAJRA-GĪTE TE TE

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Kim Cương Ca Bồ Tát có chữ chủng tử là: GI (𑖐𑖰)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là: Cây đàn Không Hầu.



Chân Ngôn là:

OṂ_ VAJRA-GĪTE GANAYA HŪṂ PHAṬ

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Kim Cương Ca Bồ Tát có chữ chủng tử là: PHA ()

Tam Muội Gia Hình là: Cây đàn Không Hầu. Biểu thị cho việc Tỳ Lô Giá Na ở mọi tâm tuôn ra phương tiện Đại Bi, trụ tâm Tam Ma Địa, phát ra ca tán phúng vịnh để hưng phát cúng dường, đắc được 64 loại Phạm Âm, trụ Thuyết Pháp vô ngại. Sự hòa nhã của âm thanh ấy khiến cho mọi nhạc cụ: sáo, đàn sắt, Không Hầu… đều tác cúng dường. Đây tức là âm thanh làm Phật sự. Lời nói lợi ích của Pháp, Bản Thể của nó vốn trống rỗng, Chân Như ngưng đọng tự nhiên, Pháp Giới thanh tĩnh.



Chân Ngôn là:

VAJRA GĪTE

KIM CƯƠNG VŨ BỒ TÁT

Kim Cương Vũ Bồ Tát, tên Phạn là **Vajra-nṛta** (dịch âm là Phộc Nhật La Niết Lý Đa), hay **Vajra-nṛtyā** (dịch âm là Phộc Nhật La Nễ Lý Đế Duệ)

Kim Cương Vũ Bồ Tát là một trong bốn vị Nội Cúng Dường của Kim Cương Giới. Tôn này do Đức **Đại Nhật Như Lai** (Vairocana-tathāgata) ở trung ương cúng dường Đức **Bất Không Thành Tựu Như Lai** (Amogha-siddhi_tathāgata) ở phương Bắc, nên trong Tâm hiện ra **Tuyền Vũ Tam Ma Địa Nữ Bồ Tát**



_**Kim Cương Đỉnh Nghi Quỹ** nói rằng: "Hai Quyền sinh nghi tắc múa, xoay chuyển lòng bàn tay ở đỉnh đầu"

_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala)

.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Kim Cương Vũ Bồ Tát được sinh ra từ Tam Muội Gia **Vũ Cúng Dường** của tất cả Như Lai và được Đại Nhật Như Lai sai đến cúng dường Đức Bất Không Thành Tựu Phật ở phương Bắc

_ Lược thuật Kim Cương Đỉnh Du Già phân biệt Thánh Vị tu chứng Pháp Môn ghi nhận rằng:

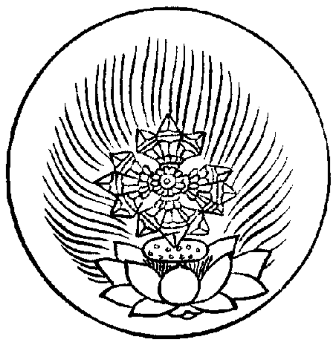
"Ở Nội Tâm của Tỳ Lô Giá Na Phật chứng đắc **Kim Cương Pháp Vũ Thần Thông Du Hý Tam Ma Địa Trí**. Vì tự thọ dụng cho nên từ Kim Cương Pháp Vũ Thần Thông Du Hý Tam Ma Địa Trí tuôn ra ánh sáng **Kim Cương Vũ** (Vajra-nṛtyā: Điệu múa Kim Cương) chiếu khắp mười phương Thế Giới , cúng dường tất cả Như Lai và phá sự Vô Trí Vô Minh chủ tất cả chúng sinh khiến cho đắc được sáu Thần Thông tự tại du hý, rồi quay trở lại thu làm một Thể. Vì khiến cho tất cả Bồ Tát thọ dụng Tam Ma Địa Trí cho nên thành hình **Kim Cương Pháp Vũ Thiên Nữ Bồ Tát** trụ ở vành trăng góc Đông Bắc của Tỳ Lô Giá Na Như Lai".

Do Kim Cương Vũ Bồ Tát gia trì cho nên được Thân Phần trong khoảng sát na mau chóng đến ngay vô biên Thế Giới.

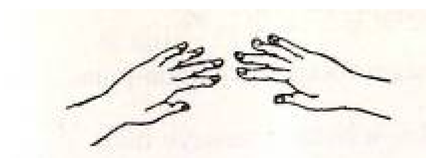
Tôn Hình: Thân màu xanh lục, hiện hình Thiên Nữ, hai tay làm thế xoay múa



Mật Hiệu là: **Diệu Thông Kim Cương, Thần Thông Kim Cương**
Chữ chủng tử là: KṚṬ () nghĩa là không có tạo tác không có nhiễm, bình đẳng vòng khắp
Tam Muội Gia Hình là: Chày Yết Ma



Tướng Ấn là: Hai chưởng để trên trái tim, xoay múa hông bên trái, hông bên phải ba lần. Tiếp kết Kim Cương Hợp Chưởng bung tán trên đỉnh đầu

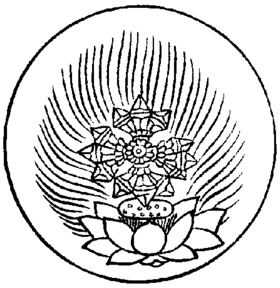


Chân Ngôn là:

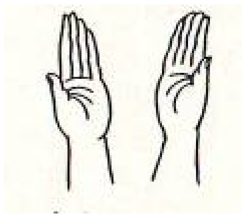
OṂ – VAJRA-NṚTYE – KṚṬ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Kim Cương Vũ Bồ Tát có chữ chủng tử là: JI (जि).

Tam Muội Gia Hình là: Chày Yết Ma. Biểu thị cho việc Tỳ Lô Giá Na Phật ở trong Nội Tâm tuôn ra sự nghiệp của Như Lai với sự nghiệp của chúng sinh, tác Trí khéo léo với Trí thọ dụng, mọi loại cúng dường, kết **Kim Cương Vũ Ấn**, Nghi Quỹ rộng lớn, hiện đại thần thông, điệu múa màu nhiệm trang nghiêm dùng làm Phật Sự, cúng dường hằng sa cõi Phật nhiều như bụi nhỏ. Đối với Môn Tam Muội, ra vào không ngại.



Tướng Ấn là: Hai tay đều đè móng hai ngón vô danh trên trái tim, một lần chuyển múa. Tiếp vai trái, tiếp vai phải đều chuyển múa một lần, rồi bung tán.



Chân Ngôn là:
सर्व पूजे
SARVA PŪJE
Hay ॐ सर्व पुण्ये
OṂ_ SARVA PUṆYE

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Kim Cương Vũ Bồ Tát có chữ chủng tử là: KṚṬ (कृट्)

Tôn Hình: Lược đồng với Thành Thân Hội, làm dạng nhảy múa.



Chân Ngôn là:

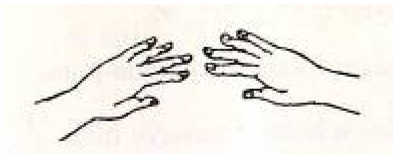
VAJRA-NṚTYE SŪKṢMA- JÑĀNA-SAMAYA KṚṬ

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Kim Cương Vũ Bồ Tát có chữ chủng tử là: KṚṬ ()

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, trên sen có viên ngọc báu.



Tướng Ấn là: Hai chưởng để trên trái tim, xoay múa hông bên trái, hông bên phải ba lần. Tiếp kết Kim Cương Hợp Chưởng bung tán trên đỉnh đầu



Chân Ngôn là:

OṂ_ SARVA TATHĀGATA-KĀYA NIRYĀTANA PŪJA-MEGHA-SAMUDRA SPHARAṆA SAMAYE HŪṂ

.)Tại **Tứ Ấn Hội** (Catur-mudra) thì Kim Cương Vũ Bồ Tát có chữ chủng tử là: KṚṬ ()

Tam Muội Gia Hình là: Chày Yết Ma



.)Tại **Lý Thú Hội** (Naya) thì Kim Cương Vũ Bồ Tát được xưng là **Đông Kim Cương** (Śiśira-vajra)

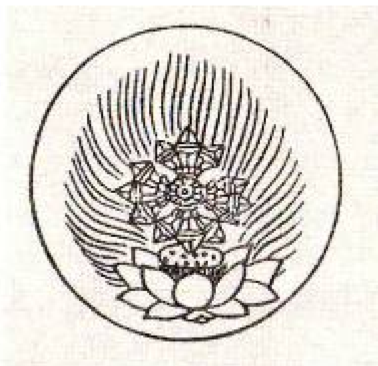
Tôn Hình: Lược đồng với Thành Thân Hội.



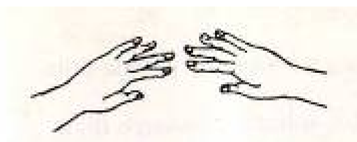
Mật Hiệu là: **Thân Lạc, Đông Kim Cương**

Chữ chủng tử là: STVAṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Chày Yết Ma



Tướng Ấn là: Hai quyền để ngang ngực chuyển múa. Liền tác Hư Tâm Hợp Chưởng đưa đến miệng rồi bung mở.



Chân Ngôn là:



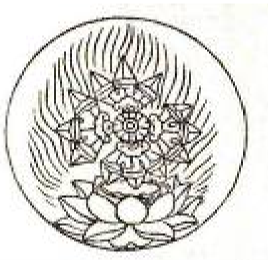
HE RATI VAJRA-NṚTYE VEPA VEPA

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Kim Cương Vũ Bồ Tát có chữ chủng tử là: DA (𑖟)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là: Chày Yết Ma.



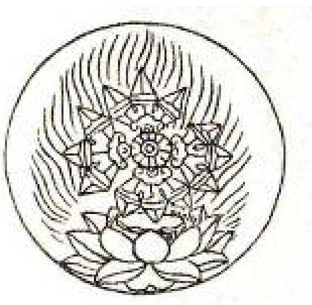
Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖡𑖴𑖝𑖿𑖧𑖸 𑖪𑖫𑖱𑖎𑖲𑖨𑖲 𑖮𑖳𑖽 𑖣𑖘𑖿

OṂ_ VAJRA-NṚTYE VAŚĪ-KURU HŪṂ PHAṬ

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Kim Cương Vũ Bồ Tát có chữ chủng tử là: Ṭ (𑖘𑖿)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Yết Ma. Biểu thị cho việc Tỳ Lô Giá Na Phật ở trong Nội Tâm tuôn ra sự nghiệp của Như Lai với sự nghiệp của chúng sinh, tác Trí khéo léo với Trí thọ dụng, mọi loại cúng dường, kết **Kim Cương Vũ Ấn**, Nghi Quỹ rộng lớn, hiện đại thần thông, điệu múa màu nhiệm trang nghiêm dùng làm Phật Sự, cúng dường hằng sa cõi Phật nhiều như bụi nhỏ. Đối với Môn Tam Muội, ra vào không ngại.



Chân Ngôn là:

𑖪𑖕𑖿𑖨𑖐𑖽𑖘

VAJRA-GHAṂṬA

KIM CƯƠNG PHẦN HƯƠNG BỒ TÁT

Kim Cương Phần Hương Bồ Tát, tên Phạn là Vajra-dhùpā, dịch âm là Phộc Nhật La Đỗ Bế. Lại xưng là Kim Cương Hương Bồ Tát, Kim Cương Thiêu Hương Bồ Tát.

Vị Bồ Tát này là một trong bốn vị Ngoại Cúng Dường Bồ Tát của Kim Cương Giới, đồng với **Cúng Dường Hương** nơi Bản Tôn **Đại Nhật.** Tôn này do Đức **A Súc Như lai** (Akṣobhya-tathāgata) ở phương Đông hóa hiện ra để cúng dường Đức **Đại Nhật Như Lai** (Vairocana-tathāgata) ở trung ương. Vì Đức Phật A Súc chủ về Tâm Bồ Đề bền chắc, nên dùng **Trí vui thích không có ngăn ngại** (Thích duyệt vô ngại Trí) làm Bản Thệ, do **Hương** biểu thị cho Trí vui thích không có ngăn ngại, cho nên đem cúng dường



_Phần cuối của **Bí Tạng Ký** ghi là: "Bốn Cúng Dường bên ngoài, phía dưới bên phải là **Kim Cương Thiêu Hương**, thân màu đen cầm lò hương"

_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala)

.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Kim Cương Phần Hương Bồ Tát được sinh ra từ Tam Muội Gia **Năng Duyệt Trạch** của tất cả Như Lai, biểu thị cho **Giới** làm ***Diệu Hương Cúng Dường*** và được A Súc Phật sai đến cúng dường Đức Đại Nhật Như Lai

_ Lược thuật Kim Cương Đỉnh Du Già phân biệt Thánh Vị tu chứng Pháp Môn ghi nhận rằng:

"Ở Nội Tâm của Tỳ Lô Giá Na Phật chứng đắc **Kim Cương Phần Hương Vân Hải Tam Ma Địa Trí**. Vì tự thọ dụng cho nên từ Kim Cương Phần Hương Vân Hải Tam Ma Địa Trí tuôn ra ánh sáng Kim Cương Phần Hương (Hương thiêu đốt của Kim Cương) chiếu khắp mười phương Thế Giới, cúng dường tất cả Như Lai và phá trừ tất cả phiền não xú uế của chúng sinh khiến cho đắc được mùi thơm của Trí không ngăn ngại đáng ưa thích, rồi quay trở lại thu làm một Thể. Vì khiến cho tất cả Bồ Tát thọ dụng Tam Ma Địa Trí cho nên thành hình **Kim Cương Phần Hương Thị Nữ Bồ Tát** trụ ở góc Đông Nam của lầu gác báu Kim Cương" .

Do Kim Cương Phần Hương Bồ Tát gia trì cho nên được mùi thơm thuộc Trí vừa ý không ngại của Như Lai.

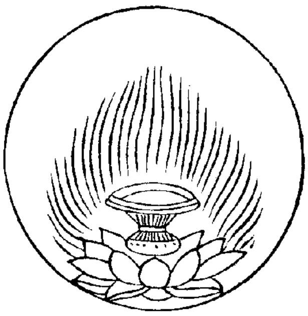
Tôn Hình: Thân màu đen (hoặc màu xanh), hiện hình Thiên Nữ, hai tay cầm lò hương



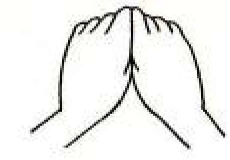
Mật Hiệu là: **Vô Ngại Kim Cương**, **Tấn Tật Kim Cương, Đoan Nghiêm Kim Cương**

Chữ chủng tử là: AḤ (𑖀𑖾) nghĩa là xa lìa các phiền não

Tam Muội Gia Hình là: Lò hương báu



Tướng Ấn là: Hai tay tác Kim Cương Quyền kèm song song, hướng xuống dưới bung tán như mây hương tràn khắp



Chân Ngôn là:

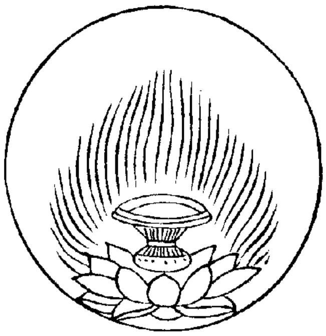
𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖠𑖳𑖢𑖸 𑖀𑖾

OṂ _VAJRA-DHŪPE AḤ

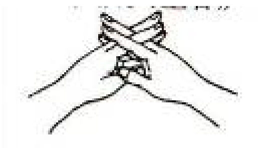
.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Kim Cương Phần Hương Bồ Tát có chữ chủng tử là: A (𑖀) hay AḤ (𑖀𑖾)

Tam Muội Gia Hình là: Lò hương báu. Biểu thị cho việc A Súc Như Lai ở trong nội tâm tuôn ra **Phần Hương Bồ Tát** (Dhūpe-bodhisatva) cúng dường Tỳ Lô Giá Na

Như Lai. Mây biển hương thơm ấy vòng khắp Pháp Giới. Người thấy, nghe, hay, biết đều sinh thích thú, hay vào khắp trong các Phật Thể, vui vẻ khoái lạc.



Tướng Ấn là: Kim Cương Ngoại Phộc, hướng hai lòng bàn tay xuống bên dưới mở bung.



Chân Ngôn là:

PRAHLA-DINI

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Kim Cương Phần Hương Bồ Tát có chữ chủng tử là: AḤ (𑖀𑖾)

Tôn Hình: Cầm lò hương của hình hoa sen



Chân Ngôn là:

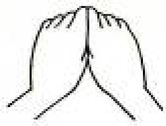
VAJRA-DHŪPE SŪKṢMA- JÑĀNA-SAMAYA AḤ

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Kim Cương Phần Hương Bồ Tát có chữ chủng tử là: AḤ (𑖀𑖾)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, bên trên có lò hương.



Tướng Ấn là: Hai tay tác Kim Cương Quyền cùng kèm song song, hướng xuống dưới bung tán.



Chân Ngôn là:

OṂ_ SARVA TATHĀGATA-DHŪPA PŪJA-MEGHA-SAMUDRA SPHARAṆA SAMAYE HŪṂ

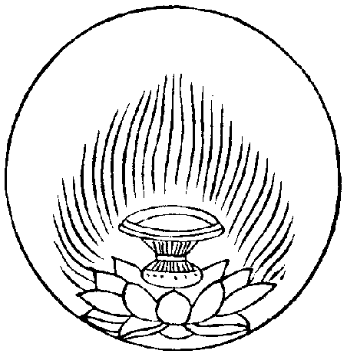
.)Tại **Lý Thú Hội** (Naya) thì Kim Cương Phần Hương Bồ Tát được xưng là Ý Sinh Kim Cương Nữ, **Dục Kim Cương Nữ** (Iṣṭa-vajri)

Tôn Hình: Màu xanh, hai tay cầm lò hương hình hoa sen.

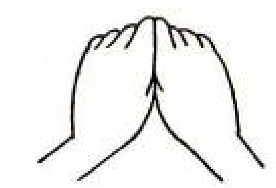


Chữ chủng tử là: VA (𑖪) hay A (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Lò hương báu



Tướng Ấn là: Hai tay tác Kim Cương Quyền kèm song song nhau, hướng xuống dưới bung tán, như đám mây hương lan tỏa khắp.

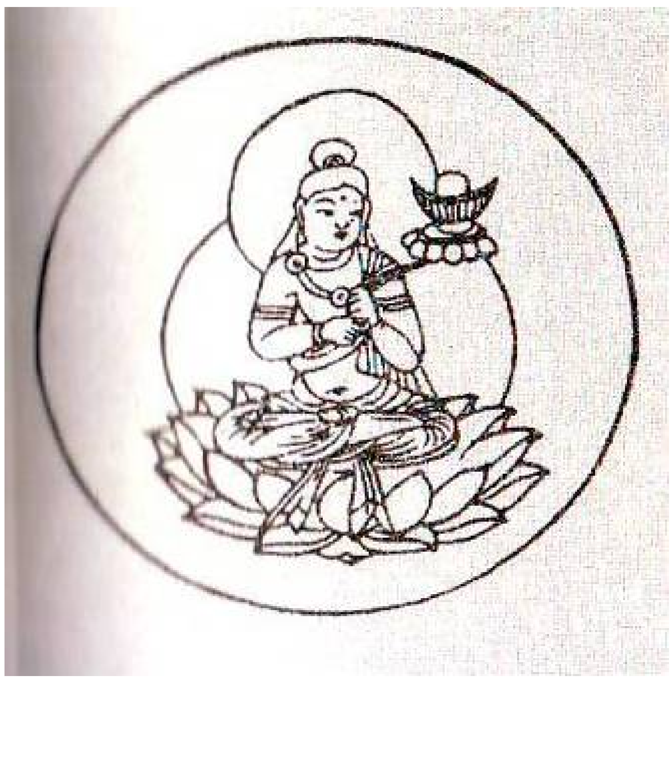


Chân Ngôn là:

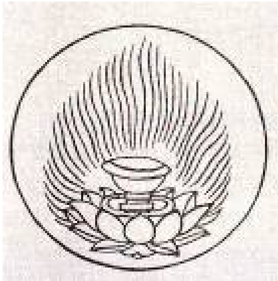
MAHĀ-RATA-VAJRI HOḤ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Kim Cương Phần Hương Bồ Tát có chữ chủng tử là: VAṂ ( )

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là: Lò hương báu.



Chân Ngôn là:

OṂ_ VAJRA-DHŪPA PŪJA SPHARAṆA SAMAYE HŪṂ PHAṬ

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Kim Cương Phần Hương Bồ Tát có chữ chủng tử là: A (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Lò hương báu. Biểu thị cho việc A Súc Như Lai ở trong nội tâm tuôn ra **Phần Hương Bồ Tát** (Dhūpe-bodhisatva) cúng dường Tỳ Lô Giá Na Như Lai. Mây biển hương thơm ấy vòng khắp Pháp Giới. Người thấy, nghe, hay, biết đều sinh thích thú, hay vào khắp trong các Phật Thể, vui vẻ khoái lạc.



Chân Ngôn là:

VAJRA HŪṂ KHANĪ

KIM CƯƠNG HOA BỒ TÁT

Kim Cương Hoa Bồ Tát, tên Phạn là Vajra-puṣpa, dịch âm là Phộc Nhật La Bổ Sát Bế. Lại xưng là Kim Cương Tán Hoa Bồ Tát, Kim Cương Diệu Hoa Bồ Tát, Kim Cương Giác Hoa Thị Nữ Bồ Tát…. Là một trong bốn vị Ngoại Cúng Dường Bồ Tát của Kim Cương Giới. Tôn này là thân do Đức **Bảo Sinh Như Lai** (Ratna-saṃbhava-tathāgata) ở phương Nam hóa hiện ra để cúng dường Đức **Đại Nhật Như Lai**. Vì Bảo Sinh Như Lai chấp chưởng Đức nở rộ của vạn Đức, cho nên dùng hoa màu nhiệm cúng dường



_Phần cuối của **Bí Tạng Ký** ghi rằng: "Kim Cương Hoa Bồ Tát, thân màu vàng lợt, cầm hoa tươi"





_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala)

.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Kim Cương Hoa Bồ Tát được sinh ra từ Tam Muội Gia **Bảo Trang Nghiêm Cúng Dường** của tất cả Như Lai, biểu thị cho **Phước Đức** làm ***Hoa Cúng Dường*** và được Bảo Sinh Phật sai đến cúng dường Đức Đại Nhật Như Lai

_ Lược thuật Kim Cương Đỉnh Du Già phân biệt Thánh Vị tu chứng Pháp Môn ghi nhận rằng:

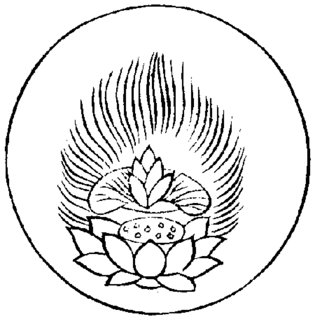
"Ở Nội Tâm của Tỳ Lô Giá Na Phật chứng đắc **Kim Cương Giác Hoa Vân Hải Tam Ma Địa Trí**. Vì tự thọ dụng cho nên từ Kim Cương Giác Hoa Vân Hải Tam Ma Địa Trí tuôn ra ánh sáng **Kim Cương Giác Hoa** (Hoa giác ngộ của Kim Cương) chiếu khắp mười phương Thế Giới cúng dường tất cả Như Lai và phá sự mê hoặc cửa tất cả chúng sinh , khiến cho khai mở hoa Tâm chứng Trí Vô Nhiễm, rồi quay trở lại thu làm một Thể. Vì khiến cho tất cả Bồ Tát thọ dụng Tam Ma Địa Trí cho nên thành hình **Kim Cương Giác Hoa Thị Nữ Bồ Tát** trụ ở góc Tây Nam của lầu gác báu Kim Cương".

Do Kim Cương Hoa Bồ Tát gia trì cho nên hay khai mở đóa hoa Giác Diệu Ý trong bùn lầy phiền não của chúng sinh.

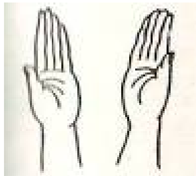
Tôn Hình: Thân màu vàng lợt, hai tay nâng đầy hoa nở



Mật Hiệu là: **Diệu Sắc Kim Cương, Thanh Tịnh Kim Cương**
Chữ chủng tử là: OṂ (𑖌𑖼), nghĩa là tất cả Pháp lưu chú không có sinh
Tam Muội Gia Hình là: vật khí chứa đầy hoa



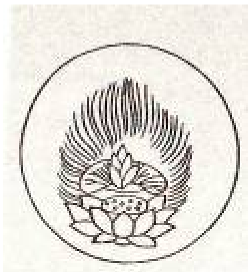
Tướng Ấn là: Hai tay tác Kim Cương Quyền, ngửa lên rồi bung tán



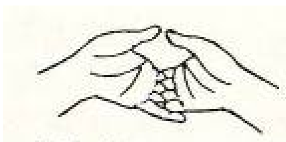
Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖢𑖲𑖬𑖿𑖢𑖸 𑖌𑖼
OṂ _ VAJRA-PUṢPE OṂ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Kim Cương Hoa Bồ Tát có chữ chủng tử là OṂ (𑖌𑖼)

Tam Muội Gia Hình là: Trên hoa sen có lá sen chứa đầy hoa hé nở. Biểu thị cho việc Bảo Sinh Như Lai ở nội tâm tuôn ra Giác Hoa vi diệu để phụng hiến Tỳ Lô Giá Na Như Lai. Do hoa sen báu Kim Cương nên đóa hoa ấy hé nở ánh sáng có màu sắc tươi đẹp, gom nhóm Phước Đức mọi loại trang nghiêm, hay ban cho Hữu Tình được nguyện an vui .



Tướng Ấn là:Ngoại Phộc, ngửa mở làm dạng dâng hiến.



Chân Ngôn là:
𑖣𑖩𑖯𑖐𑖯𑖦𑖰
PHALĀGĀMI

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Kim Cương Hoa Bồ Tát có chữ chủng tử là OṂ (ॐ)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Chân Ngôn là:

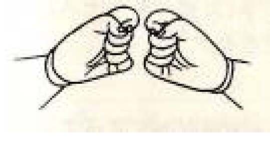
VAJRA-PUṢPE SŪKṢMA- JÑĀNA-SAMAYA OṂ

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Kim Cương Hoa Bồ Tát có chữ chủng tử là OṂ (ॐ)

Tôn Hình: Màu vàng lợt, hai tay cầm hoa sen, bên trên có cái mâm hoa chứa đầy hoa nở.



Tướng Ấn là: Hai tay kết Kim Cương Quyền, ngửa lên trên hướng đến miệng rồi bung tán.



Chân Ngôn là:

OṂ_ SARVA TATHĀGATĀ-PUṢPA PŪJA-MEGHA-SAMUDRA SPHARAṆA SAMAYE HŪṂ

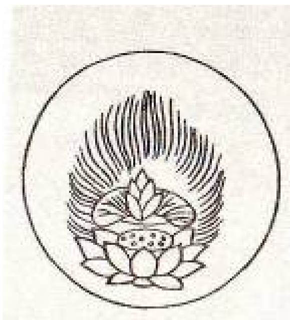
.)Tại **Lý Thú Hội** (Naya) thì Kim Cương Hoa Bồ Tát được xưng là **Kế Lý Cát La Nữ** (Kīlikīle) hay **Xúc Kim Cương Nữ**.

Tôn Hình: Màu vàng lợt, tay trái cầm vật khí chứa đầy hoa, tay phải tựa dạng bốc lấy.

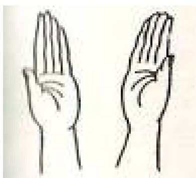


Chữ chủng tử là: JRA (𑖕𑖿𑖨)

Tam Muội Gia Hình là: vật khí chứa đầy hoa



Tướng Ấn là: Hai tay tác Kim Cương Quyền, ngửa lên rồi bung tán



Chân Ngôn là:

𑖮𑖸 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖨𑖝𑖰𑖾

HE VAJRA RATIḤ

hay 𑖮𑖸 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖪𑖝𑖰

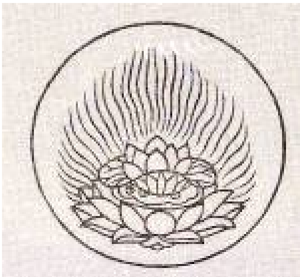
HE VAJRA VATI

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Kim Cương Hoa Bồ Tát có chữ chủng tử là ME (𑖦𑖸)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là:Trên hoa sen có lá sen chứa đầy hoa nở.

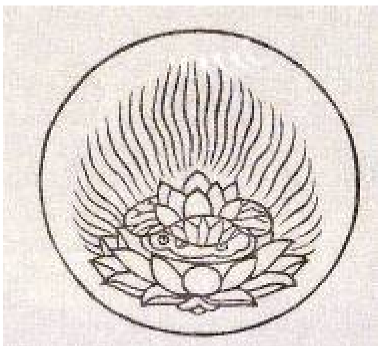


Chân Ngôn là:

OṂ_ VAJRA-PUṢPA PŪJA SPHARAṆA SAMAYE HŪṂ PHAṬ

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Kim Cương Hoa Bồ Tát có chữ chủng tử là OṂ (𑖌𑖼)

Tam Muội Gia Hình là: Trên hoa sen có lá sen chứa đầy hoa nở. Biểu thị cho việc Bảo Sinh Như Lai ở nội tâm tuôn ra Giác Hoa vi diệu để phụng hiến Tỳ Lô Giá Na Như Lai. Do hoa sen báu Kim Cương nên đóa hoa ấy hé nở ánh sáng có màu sắc tươi đẹp, gom nhóm Phước Đức mọi loại trang nghiêm, hay ban cho Hữu Tình được nguyện an vui .



Chân Ngôn là:

VAJRA HŪṂ KUṂ

KIM CƯƠNG ĐĂNG BỒ TÁT

Kim Cương Đăng Bồ Tát, tên Phạn là **Vajrāloka**, dịch âm là Phộc Nhật La Lộ Kế, Phộc Nhật La Lộ Ca. Lại xưng là Kim Cương Quang Minh Bồ Tát, Kim Cương TRí Đăng Bồ Tát, Đăng Bồ Tát. Tức dùng ánh sáng của cây đèn Tr Tuệ chiếu khắp Pháp Giới trừ khử si ám của Vô Minh

Kim Cương Đăng Bồ Tát là một trong bốn vị Ngoại Cúng Dường Bồ Tát của Kim Cương Giới. Tôn này là thân do Đức **Vô Lượng Thọ Như Lai** (Amitāyus-tathāgata) ở phương Tây hóa hiện ra để cúng dường Đức Đại Nhật Như Lai. Vì Đức Phật Vô Lượng Thọ chưởng quản Môn **Trí Tuệ** cho nên dùng cây đèn Trí Tuệ cúng dường



_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala)

.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Kim Cương Đăng Bồ Tát được sinh ra từ Tam Muội Gia **Quang Minh Cúng Dường** của tất cả Như Lai, biểu thị cho **Trí Tuệ** làm ***Đèn Cúng Dường*** và được Vô Lượng Thọ Phật sai đến cúng dường Đức Đại Nhật Như Lai

_ Lược thuật Kim Cương Đỉnh Du Già phân biệt Thánh Vị tu chứng Pháp Môn ghi nhận rằng:

"Ở Nội Tâm của Tỳ Lô Giá Na Phật chứng đắc **Kim Cương Đăng Minh Vân Hải Tam Ma Địa Trí** . Vì tự thọ dụng cho nên từ Kim Cương Đăng Minh Vân Hải Tam Ma Địa Trí tuôn ra ánh sáng **Kim Cương Đăng Minh** (ánh sáng đèn Kim Cương) chiếu khắp mười phương Thế Giới, cúng dường tất cả Như Lai và phá Trụ Địa Vô Minh của tất cả chúng sinh khiến cho đắc được năm loại mắt thanh tịnh của Như Lai, rồi quay trở lại thu làm một Thể. Vì khiến cho tất cả Bồ Tát thọ dụng Tam Ma Địa Trí cho nên thành hình **Kim Cương Đăng Minh Thị Nữ Bồ Tát** trụ ở góc Tây Bắc của lầu gác báu Kim Cương".

Do Kim Cương Đăng Bồ Tát gia trì cho nên đắc được sự thanh tịnh của 5 loại mắt, lợi mình lợi người, chiếu soi vạn Pháp tự tại không ngại.

Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, hiện hình Thiên Nữ, hai tay cầm vật khí đốt đèn



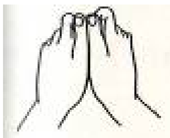
Mật Hiệu là: **Phổ Chiếu Kim Cương**

Chữ chủng tử là: DĪḤ (𑖟𑖱𑖾) nghĩa là tất cả Pháp không có lấy bỏ

Tam Muội Gia Hình là: Đèn nến báu



Tướng Ấn là: Hai tay nắm Kim Cương Quyền, dựng thẳng hai ngón cái kèm song song.



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖁𑖩𑖺𑖎𑖸 𑖟𑖱𑖾

OṂ _ VAJRA-ĀLOKE DĪḤ

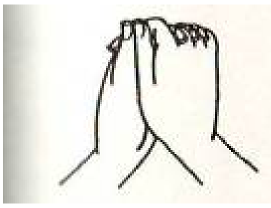
.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Kim Cương Đăng Bồ Tát có chữ chủng tử là: DI (𑖟𑖰) hay DĪḤ (𑖟𑖱𑖾)

Tam Muội Gia Hình là: Đèn nến báu. Biểu thị cho việc Quán Tự Tại Vương Như Lai ở trong nội tâm tuôn ra Kim Cương Trí Đăng (Vajra-jñāna-dīpe: Đèn Trí Kim Cương) thừa sự cúng dường Tỳ Lô Giá Na Như Lai. Ánh sáng soi chiếu thông suốt, đắc được năm mắt thanh tịnh của Như Lai, thảy đều nhìn thấy hình sắc ngăn che bên trong bên ngoài. ở đèn Nội Trí chiếu soi tất cả Pháp vốn có tính thanh tịnh giống như

trăm ngàn ánh sáng của ngọc Ma Ni cũng không thể che khuất hay phản chiếu lại được. Mặt trời Trí Tuệ là do ngọn đèn này vậy .



Tướng Ấn là:Kim Cương Ngoại Phộc, duỗi thẳng hai ngón cái, kèm thẳng đứng



Chân Ngôn là:

SUTEJĀGRI

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Kim Cương Đăng Bồ Tát có chữ chủng tử là: DĪḤ

Tôn Hình: Hai tay cầm cái đài nến, qùy gối ngồi.



Chân Ngôn là:

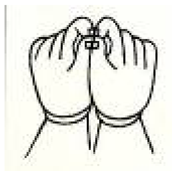
VAJRA-ĀLOKE SŪKṢMA- JÑĀNA-SAMAYA DĪḤ

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Kim Cương Đăng Bồ Tát có chữ chủng tử là: DĪ ()

Tôn Hình: Hai tay cầm đèn sáng.



Tướng Ấn là: Hai tay tác Kim Cương Quyền, dựng thẳng hai ngón cái kèm song song, cong gập ngón trỏ cùng phụ nhau, để ngang trái tim.



Chân Ngôn là:

OṂ_ SARVA TATHĀGATA-DĪPA PŪJA-MEGHA-SAMUDRA SPHARAṆA SAMAYE HŪṂ

.)Tại **Lý Thú Hội** (Naya) thì Kim Cương Đăng Bồ Tát được xưng là **Ái Kim Cương Nữ** (Rāga-vajri):

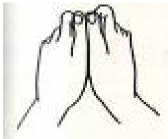
Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, hai tay cầm đài nến.



Chữ chủng tử là: SA (स)
Tam Muội Gia Hình là: Đèn nến báu



Tướng Ấn là: Hai tay nắm Kim Cương Quyền, dựng thẳng hai ngón cái kèm song song.



Chân Ngôn là:
ओं वज्र लोचने
OṂ_ VAJRA-LOCANE

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Kim Cương Đăng Bồ Tát có chữ chủng tử là: GRA (ग्र)
Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là: Đèn nến trên hoa sen.



Chân Ngôn là:

OṂ_ VAJRA-ĀLOKA PŪJA SPHARAṆA SAMAYE HŪṂ PHAṬ

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Kim Cương Đăng Bồ Tát có chữ chủng tử là: DĪḤ ()

Tam Muội Gia Hình là: Đèn nến trên hoa sen. Biểu thị cho việc Quán Tự Tại Vương Như Lai ở trong nội tâm tuôn ra **Kim Cương Trí Đăng** (Vajra-Jñāna-dīpe: Đèn Trí Kim Cương) thừa sự cúng dường Tỳ Lô Giá Na Như Lai. Ánh sáng soi chiếu thông suốt, đắc được năm mắt thanh tịnh của Như Lai, thảy đều nhìn thấy hình sắc ngăn che bên trong bên ngoài. ở đèn Nội Trí chiếu soi tất cả Pháp vốn có tính thanh tịnh giống như trăm ngàn ánh sáng của ngọc Ma Ni cũng không thể che khuất hay phản chiếu lại được. Mặt trời Trí Tuệ là do ngọn đèn này vậy



Chân Ngôn là:

VAJRA HŪṂ DHIṂ

KIM CƯƠNG ĐỒ HƯƠNG BỒ TÁT

Kim Cương Đồ Hương Bồ Tát, tên Phạn là **Vajra-gandha**,dịch âm là Phộc Nhật La Kiện Đà, Phộc Nhật La Hiến Đà.

Tôn này dùng hương xoa bôi thân, trừ khử nhiệt não mà được thanh tịnh sảng khoái. Lại đem hương xoa bôi dâng lên cho Tôn Giả ở trung ương

Kim Cương Đồ Hương Bồ Tát là một trong bốn vị Ngoại Cúng Dường Bồ Tát của Kim Cương Giới. Vị Bồ Tát này là thân do Đức **Bất Không Thành Tựu Như Lai** (Amogha-siddhi-tathāgata) ở phương Bắc hóa hiện ra để cúng dường Đức Đại Nhật Như Lai. Đức **Bất Không Thành Tựu Như Lai** (Amogha-siddhi-tathāgata) tức là Đức Phật **Thích Ca Mâu Ni** (Śākya-muṇi) hiện ra ở cõi uế trược, vì chúng sinh mà gần gũi với cảnh giới trược loạn, cho nên dùng hương xoa bôi cúng dường Đại Nhật Như Lai

_Phần cuối của **Bí Tạng Ký** ghi là: "Thân màu xanh, cầm vật khí chứa hương xoa bôi"



_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala)

.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Kim Cương Đồ Hương Bồ Tát được sinh ra từ Tam Muội Gia **Đồ Hương Cúng Dường** của tất cả Như Lai, biểu thị cho **Năm Phần Pháp Thân hay tịnh trừ xúc uế** làm ***Đồ Hương Cúng Dường*** và được Bất Không Thành Tựu Phật sai đến cúng dường Đức Đại Nhật Như Lai

_ Lược thuật Kim Cương Đỉnh Du Già phân biệt Thánh Vị tu chứng Pháp Môn ghi nhận rằng:

"Ở Nội Tâm của Tỳ Lô Giá Na Phật chứng đắc **Kim Cương Đồ Hương Vân Hải Tam Ma Địa Trí** . Vì tự thọ dụng cho nên từ Kim Cương Đồ Hương Vân Hải Tam Ma Địa Trí tuôn ra ánh sáng **Kim Cương Đồ Hương** (Vajra-gandha: Hương xoa bôi của Kim Cương) chiếu khắp mười phương Thế Giới cúng dường tất cả Như Lai và phá lỗi lầm trái với luật nghi thuộc ba nghiệp Thân Khẩu Ý của tất cả chúng sinh, khiến cho đắc được năm phần Pháp Thân Vô Lậu, rồi quay trở lại thu làm một Thể. Vì khiến cho

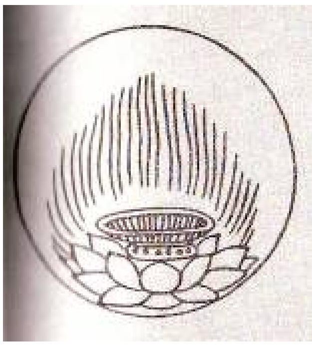
tất cả Bồ Tát thọ dụng Tam Ma Địa Trí cho nên thành hình **Kim Cương Đồ Hương Thị Nữ Bồ Tát** trụ ở góc Đông Bắc của lầu gác báu Kim Cương”.

Do Kim Cương Đồ Hương Bồ Tát gia trì cho nên được năm loại thân thanh tịnh vô lậu của Phật.

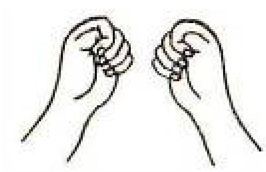
Tôn Hình: Thân màu xanh lục, hiện hình Thiên Nữ, tay trái cầm vật khí chứa hương xoa bôi, tay phải làm dạng bốc hương xoa bôi



Mật Hiệu là: **Thanh Lương Kim Cương**
Chữ chủng tử là: GA (𑖐)
hay GAH (𑖐𑖾) nghĩa là không có tạo tác
Tam Muội Gia Hình là: Vật khí chứa hương xoa bôi (Đồ Hương Khí)



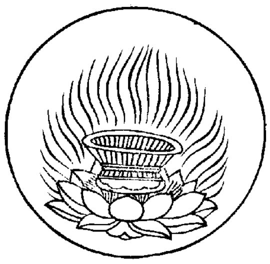
Tướng Ấn là: Hai tay đều tác Quyền, mở lòng bàn tay xoa bôi ngực.



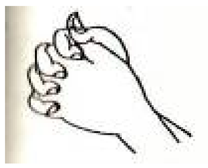
Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖐𑖡𑖿𑖟𑖸 𑖐𑖾
OṂ _ VAJRA-GANDHE GAḤ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Kim Cương Đồ Hương Bồ Tát có chữ chủng tử là: GAḤ (𑖐𑖾)

Tam Muội Gia Hình là: Vật khí chứa hương xoa bôi. Biểu thị cho việc Bất Không Thành Tựu Như Lai ở trong nội tâm tuôn ra **Kim Cương Đồ Hương Bồ Tát** (Vajra-gandhe-bodhisatva) cầm giữ Hương Ấn cúng dường Tỳ Lô Giá Na Như Lai . Hương xoa bôi mầu nhiệm này hay trừ bệnh nóng uất của tất cả Hữu Tình, hay được năm phần Pháp Thân của Như Lai là: **Giới, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến**…. trang nghiêm Thể ấy, cũng hay chưng được sự trang nghiêm rộng lớn tròn đầy của Tâm Bồ Đề thanh tịnh.



Tướng Ấn là: Kim Cương Ngoại Phộc, Mở dẫn bên trái, bên phải ba lần.



Chân Ngôn là:

SUGANDHA-AṄGI

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Kim Cương Đồ Hương Bồ Tát có chữ chủng tử là: GAḤ (𑖐𑖾)

Tôn Hình: Tay phải để ngang ngực, tay trái cầm vật đựng hương.



Chân Ngôn là:

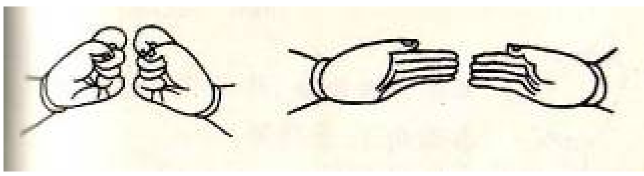
VAJRA-GANDHE SŪKṢMA- JÑĀNA-SAMAYA GAḤ

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Kim Cương Đồ Hương Bồ Tát có chữ chủng tử là: GAḤ (𑖐𑖾)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, bên trên có vật khí đựng hương xoa bôi.



Tướng Ấn là:Hai tay tác Kim Cương Quyền, mở lòng bàn tay xoa bôi ngực.



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖭𑖨𑖿𑖪 𑖝𑖞𑖯𑖐𑖝 𑖐𑖡𑖿𑖠 𑖢𑖳𑖕 𑖦𑖸𑖑 𑖭𑖦𑖲𑖟𑖿𑖨 𑖭𑖿𑖣𑖨𑖜 𑖭𑖦𑖧𑖸 𑖮𑖳𑖽

OṂ_ SARVA TATHĀGATA-GANDHA PŪJA-MEGHA-SAMUDRA SPHARAṆA SAMAYE HŪṂ

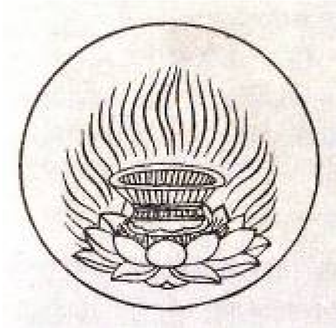
.)Tại **Lý Thú Hội** (Naya) thì Kim Cương Đồ Hương Bồ Tát được xưng là **Mạn Kim Cương Nữ** (Mana-vajri):

Chữ chủng tử là: TVA (𑖝𑖿𑖪)

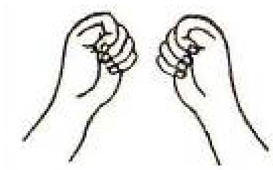
Tôn Hình: Thân màu xanh lục, tay trái cầm vật khí chứa hương xoa bôi, tay phải bốc giữ.



Tam Muội Gia Hình là: Vật khí chứa hương xoa bôi (Đồ Hương Khí)



Tướng Ấn là: Hai tay đều nắm quyền, mở lòng bàn tay xoa bôi ngực.



Chân Ngôn là:
𑖦𑖮𑖯𑖫𑖿𑖨𑖱𑖪𑖕𑖿𑖨𑖰 𑖮𑖰𑖾
MAHĀŚRĪ-VAJRI HIḤ

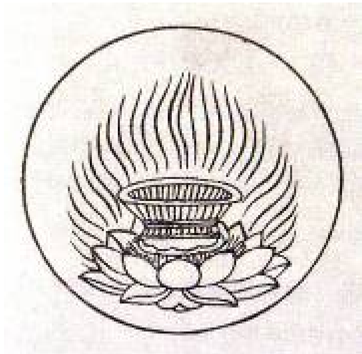
Hay 𑖌𑖼 𑖦𑖮𑖯𑖫𑖿𑖨𑖱 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖰 𑖮𑖸
OṂ_ MAHĀŚRĪ-VAJRI HE

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Kim Cương Đồ Hương Bồ Tát có chữ chủng tử là: GAḤ (𑖐𑖾)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là: Vật khí chứa hương xoa bôi.



Chân Ngôn là:

OṂ_ VAJRA-GANDHA PŪJA SPHARAṆA SAMAYE HŪṂ PHAṬ

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Kim Cương Đồ Hương Bồ Tát có chữ chủng tử là: GĪ ()

Tam Muội Gia Hình là: Vật khí chứa hương xoa bôi. Biểu thị cho việc Bất Không Thành Tựu Như Lai ở trong nội tâm tuôn ra **Kim Cương Đồ Hương Bồ Tát** (Vajra-gandhe-bodhisatva) cầm giữ Hương Ấn cúng dường Tỳ Lô Giá Na Như Lai. Hương xoa bôi mầu nhiệm này hay trừ bệnh nóng uất của tất cả Hữu Tình, hay được năm phần Pháp Thân của Như Lai là: **Giới, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến**…. trang nghiêm Thể ấy, cũng hay chưng được sự trang nghiêm rộng lớn tròn đầy của Tâm Bồ Đề thanh tịnh.



Chân Ngôn là:

VAJRA HŪṂ SIDDHIṂ

KIM CƯƠNG CÂU BỒ TÁT

Kim Cương Câu Bồ Tát tên Phạn là **Vajrāṅkuśaḥ** hay **Vajra-aṃkuśa**, dịch âm là Phộc Nhật La Củ Xả

_Tại **Kim Cương Thủ Viện** trong **Thai Tạng Giới** thì vị Bồ Tát này có tên Phạn là **Vajrāṅkuśī**, hay **Vajrāṃkuśī** dịch âm là Phộc Nhật La Câu Thi, dịch ý là **Kim Cương Câu Nữ.** Tôn này dùng móc câu Bát Nhã triệu tập chúng sinh, ban cho Trí Tuệ thù thắng



_Trong Kim Cương Giới thì Kim Cương Câu Bồ Tát là một trong 4 vị Nhiếp Bồ Tát, dùng vật tiêu biểu là **móc câu Đại Bi** (Mahā-kāruṇa-Aṅkuśa, hay Mahā-kāruṇa-Aṃkuśa) của Đại Nhật Như Lai, nhiếp triệu tất cả chúng sinh.

Tôn này dùng Tâm Bồ Đề mạnh bén bền chắc nhổ dẫn chúng sinh ra khỏi nẻo ác, giống như người đánh cá dùng móc câu bắt cá. Tôn này được tuôn ra từ **Hạ Chuyển Môn** của Đại Nhật Như Lai ở trung ương, quản lý Đức **nhiếp lấy chúng sinh** kèm triệu tập tất cả Hiền Thánh giáng lâm Đạo Trường biểu thị cho Đức **nhiếp lấy chúng sinh**

.) Phần cuối của **Bí Tạng Ký** ghi là: "Kim Cương Câu Bồ Tát màu đen, tay trái nắm quyền, tay phải cầm móc câu"



.) **Lược Xuất Kinh** nói rằng: "Do kết Kim Cương Câu Khế cho nên hay làm Câu Triệu"

_Tại **Kim Cương Thủ Viện** trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) thì **Kim Cương Câu Nữ Bồ Tát** (Vajrāṃkuśī) biểu thị cho việc dùng móc câu Bát Nhã, triệu tập chúng sinh, ban cho Trí Tuệ của chân thắng.

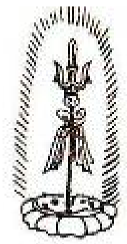
Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải co cánh tay, ngửa lòng bàn tay để dưới nách, các ngón tay đều hướng xuống dưới, giương mở ngón cái, hơi mở ngón trỏ. Tay trái cầm móc câu Kim Cương, dựng đứng đầu gối trái, mặt hướng về bên phải nhìn xuống dưới, ngồi trên hoa sen đỏ.



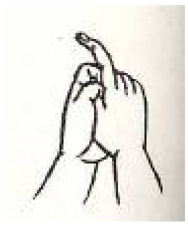
Mật Hiệu là: **Triệu Tập Kim Cương**

Chữ chủng tử là: ĀḤ (𑖁𑖾) hay A (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Móc câu Tam Cổ , hay cái mâu Tam Cổ



Tướng Ấn là: Đại Câu Triệu Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀṂ_ AḤ SARVATRA APRATIHATE TATHĀGATA-AṂKUŚA BODHI-CĀRYA PARIPŪRAKA_ SVĀHĀ

_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala)

.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Kim Cương Câu Bồ Tát được sinh từ Tam Muội Gia **Câu** của tất cả Như Lai, dùng bố thí thủ hộ Tâm Bồ Đề của tất cả chúng sinh

_ Lược thuật Kim Cương Đỉnh Du Già phân biệt Thánh Vị tu chứng Pháp Môn ghi nhận rằng:

"Ở Nội Tâm của Tỳ Lô Giá Na Phật chứng đắc **Thỉnh Triệu Kim Cương Câu Tam Ma Địa Trí**. Vì tự thọ dụng cho nên từ Thỉnh Triệu Kim Cương Câu Tam Ma Địa Trí tuôn ra ánh sáng **Kim Cương Câu** (Vajrāṃkuśa: móc câu Kim Cương) chiếu khắp mười phương Thế Giới, thỉnh triệu tất cả Như Lai Kim Cương Giới Đạo Trường và nhổ trừ tất cả các nẻo ác của chúng sinh, an trí ở cái Thành **Niết Bàn Vô Trụ**, rồi quay trở lại thu làm một Thể. Vì khiến cho tất cả Bồ Tát thọ dụng Tam Ma Địa Trí cho nên thành hình **Thủ Bồ Đề Tâm Hộ** (cửa Tâm Bồ Đề) **Kim Cương Câu Bồ Tát** trụ ở vành trăng nơi cửa Đông".

Do Kim Cương Câu Bồ Tát gia trì cho nên chứng được Triệu Tập **Nhất Thiết Thánh Chúng Tốc Tật Tam Muội.**

Tôn Hình: Thân màu xanh, tay trái nắm quyền để ngang eo, tay phải cầm móc câu

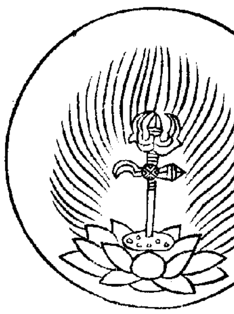


Mật Hiệu là: **Câu Triệu Kim Cương, Phổ Tập Kim Cương**

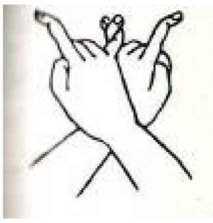
Chữ chủng tử là: HÙM ( )

hay JAH ( ) tức là Pháp Nhân Duyên đều nhiếp vào nghĩa chẳng sinh

Tam Muội Gia Hình là: Móc câu Kim Cương



Tướng Ấn là: Giáng Tam Thế Ấn, hai ngón trỏ đều co như móc câu



Chân Ngôn là:

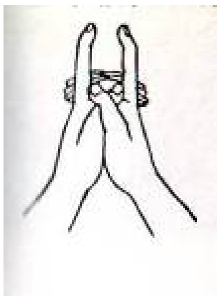
OṂ _ VAJRA-AṂKUŚA JAḤ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Kim Cương Câu Bồ Tát có chữ chủng tử là: JAḤ ()

Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ. Biểu thị cho việc ở trong nội tâm của Tỳ Lô Giá Na tuôn ra **Kim Cương Câu Bồ Tát** (Vajra-Aṃkuśa-bodhisatva) để triệu tập. Phàm việc Câu Triệu có nghĩa của 4 Nhiếp là: **Bố thí, Ái ngữ, Lợi hành, Đồng sự** để hay vận độ (xoay chuyển hóa độ vô lượng chúng sinh. Lại có chúng Ma khó phục cần phải chiết phục, cũng hay khống chế voi điên khiến cho thuận tòng. Tức Tâm Đại Bồ Đề này rộng lớn tròn đầy, bền chắc mãnh lợi quyết định chẳng lùi. Cũng hay triệu tập tất cả Hiền Thánh giáng lâm Đạo Trường hay mãn tất cả Chân Ngôn Hạnh Bồ Tát mau chứng Tất Địa.



Tướng Ấn là:Ngoại Phộc, duỗi hai ngón trỏ như hình móc câu, triệu vời ba lần.



Chân Ngôn là:

ĀYAHI JAḤ

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Kim Cương Câu Bồ Tát có chữ chủng tử là: JAḤ ()

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội, tay trái để ở eo, nắm quyền duỗi ngón trỏ.



Chân Ngôn là:

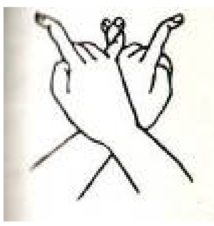
VAJRA-AṂKUŚA SŪKṢMA- JÑĀNA-SAMAYA JAḤ

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Kim Cương Câu Bồ Tát có chữ chủng tử là: JAḤ ()

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, bên trên có móc câu Tam Cổ.



Tướng Ấn là: Giáng Tam Thế Ấn, hai ngón trỏ đều co như móc câu



Chân Ngôn là:

OṂ _ VAJRA-AṂKUŚA JAḤ

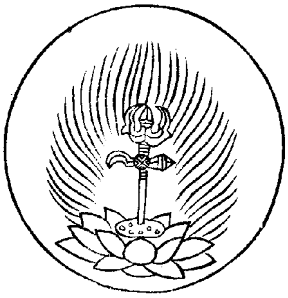
.)Tại **Lý Thú Hội** (Naya) thì Kim Cương Câu Bồ Tát được xưng là **Sắc Kim Cương** (Rūpa-vajra):

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.

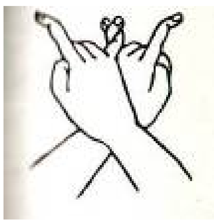


Chữ chủng tử là: JAḤ ()

Tam Muội Gia Hình là: Móc câu Kim Cương



Tướng Ấn là: Giáng Tam Thế Ấn, hai ngón trỏ đều co như móc câu



Chân Ngôn là:

VAJRA-AṂKUŚA JAḤ

Hay:

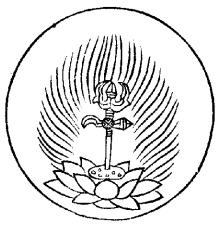
OṂ_ VAJRA-RŪPE JAḤ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Kim Cương Câu Bồ Tát có chữ chủng tử là: JAḤ (𑖕𑖾)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là:Móc câu Tam Cổ.



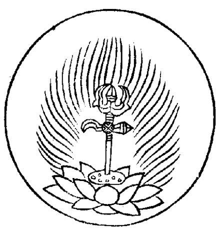
Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖯𑖽𑖎𑖲𑖫 𑖦𑖮𑖯𑖎𑖿𑖨𑖺𑖠 𑖁𑖎𑖨𑖿𑖬 𑖭𑖨𑖿𑖪𑖭𑖦𑖧𑖯𑖽 𑖮𑖳𑖽 𑖕𑖾

OṂ_ VAJRA-AṂKUŚA MAHĀ-KRODHA ĀKARṢA SARVA-SAMAYĀṂ HŪṂ JAḤ

)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Kim Cương Câu Bồ Tát có chữ chủng tử là: JAḤ (𑖕𑖾)

Tam Muội Gia Hình là:Móc câu Tam Cổ. Biểu thị cho việc ở trong nội tâm của Tỳ Lô Giá Na tuôn ra **Kim Cương Câu Bồ Tát** (Vajra-Amkuśa-bodhisatva) để triệu tập. Phàm việc Câu Triệu có nghĩa của 4 Nhiếp là: **Bố thí, Ái ngữ, Lợi hành, Đồng sự** để hay vận độ (Xoay chuyển hóa độ vô lượng chúng sinh. Lại có chúng Ma khó phục cần phải chiết phục, cũng hay khống chế voi điên khiến cho thuận tòng. Tức Tâm Đại Bồ Đề này rộng lớn tròn đầy, bền chắc mãnh lợi quyết định chẳng lùi. Cũng hay triệu tập tất cả Hiền Thánh giáng lâm Đạo Trường hay mãn tất cả Chân Ngôn Hạnh Bồ Tát mau chứng Tất Địa.



Chân Ngôn là:

𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖕𑖾 𑖕𑖾

VAJRA JAḤ JAḤ

KIM CƯƠNG SÁCH BỒ TÁT

Kim Cương Sách Bồ Tát, tên Phạn là Vajra-pāśa, dịch âm là Phộc Nhật La Bá Xả**.** Tôn này là một trong 4 vị Nhiếp Bồ Tát của Kim Cương Giới, dùng sợi dây Đại Bi (Mahā-kāruṇa-pāśa) kéo dắt chúng sinh đi vào Phật Đạo, cho nên chủ về Đức **kéo dắt chúng sinh**

_Phần cuối của **Bí Tạng Ký** ghi là: "Thân màu vàng trắng, tay phải cầm sợi dây"





_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala)

.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Kim Cương Sách Bồ Tát được sinh ra từ Tam Muội Gia **Dẫn Nhập Ma Ha Tát Đỏa** của tất cả Như Lai, dùng nhận lời thủ hộ Công Đức của tất cả chúng sinh.

_ Lược thuật Kim Cương Đỉnh Du Già phân biệt Thánh Vị tu chứng Pháp Môn ghi nhận rằng:

"Ở Nội Tâm của Tỳ Lô Giá Na Phật chứng đắc **Kim Cương Dẫn Nhập Phương Tiện Quyến Sách Tam Ma Địa Trí** . Vì tự thọ dụng cho nên từ Kim Cương Dẫn Nhập Phương Tiện Quyến Sách Tam Ma Địa Trí tuôn ra ánh sáng Kim Cương Quyến Sách (Sợi dây Kim Cương) chiếu khắp mười phương Thế Giới, dẫn nhập tất cả Như Lai Thánh Chúng và dùng sợi dây buộc trói tất cả chúng sinh bị chìm đắm , kéo vượt khỏi bùn lầy thuộc Tam Ma Địa Thực Tế của Nhị Thừa, an trí ở cung điện Pháp Giới của Giác Vương, rồi quay trở lại thu làm một Thể. Vì khiến cho tất cả Bồ Tát thọ dụng Tam Ma Địa Trí cho nên thành hình **Vệ Hộ Công Đức Hộ** (cửa Công Đức) **Kim Cương Quyến Sách Bồ Tát** trụ ở vành trăng nơi cửa Nam".

Do Kim Cương Quyến Sách Bồ Tát gia trì cho nên được Trí khéo léo không có chướng ngại như hư không.

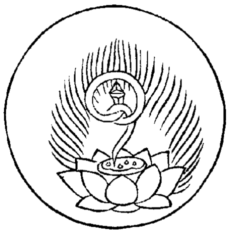
Tôn Hình: Thân màu vàng trắng, tay trái nắm quyền để ngang eo, tay phải cầm sợi dây



Mật Hiệu là: **Đẳng Dẫn Kim Cương, Từ Dẫn Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HŪṂ (ꣿ)

Tam Muội Gia Hình là: Sợi dây Kim Cương



Tướng Ấn là: Hai quyền chung lưng, hai ngón út cùng móc nhau, hai đầu ngón cùng trụ nhau như sợi dây



Chân Ngôn là:

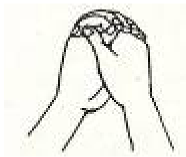
OṂ _VAJRA-PĀŚA HŪṂ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Kim Cương Sách Bồ Tát có chữ chủng tử là: HŪṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Bộ đầu kết thành sợi dây của chày Độc Cổ. Biểu thị cho việc ở trong nội tâm của Tỳ Lô Giá Na Phật tuôn ra Kim Cương Sách Bồ Tát (Vaja-pāśa-bodhisatva) hay cấm chế tất cả Tâm hôn ám, vọng tưởng, Vô Minh, phiền não. Hay cột buộc tất cả bánh xe Khổ khiến cho được giải thoát. Lại hay Đẳng Dẫn Thiền Định Đại Bồ Đề Tâm, tất cả Ấn Chúng đều đến tập hội, cõi Phật nhiều như bụi nhỏ thảy đều giáng lâm Mạn Trà La Đạo Trường để cùng làm Phật sự.



Tướng Ấn là:Ngoại Phộc, duỗi ngón cái phải vào trong hổ khẩu, giữa ngón cái trái và ngón trỏ trái.



Chân Ngôn là:

ĀHI HŪṂ HŪṂ

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Kim Cương Sách Bồ Tát có chữ chủng tử là: HŪṂ ( )

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Chân Ngôn là:

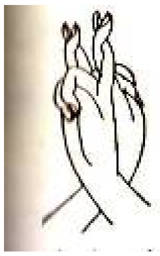
VAJRA-PĀŚA SŪKṢMA- JÑĀNA-SAMAYA HŪṂ

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Kim Cương Sách Bồ Tát có chữ chủng tử là: HŪṂ (𑖮𑖳𑖼)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, bên trên có sợi dây Rồng.



Tướng Ấn là: Hai quyền chung lưng, hai ngón út cùng móc nhau, hai đầu ngón cùng trụ nhau như sợi dây



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖢𑖯𑖫 𑖮𑖳𑖼

OṂ _VAJRA-PĀŚA HŪṂ

)Tại **Lý Thú Hội** (Naya) thì Kim Cương Sách Bồ Tát được xưng là **Thanh Kim Cương** (Śabda-vajra):

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.

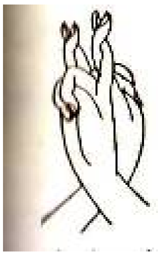


Chữ chủng tử là: HŪṂ (𑖮𑖳𑖼)

Tam Muội Gia Hình là: Sợi dây Kim Cương



Tướng Ấn là: Hai quyền chung lưng, hai ngón út cùng móc nhau, hai đầu ngón cùng trụ nhau như sợi dây.



Chân Ngôn là:



VAJRA-PĀŚA HŪṂ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Kim Cương Sách Bồ Tát có chữ chủng tử là: BHA ()

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là: Sợi dây Kim Cương.



Chân Ngôn là:

OṂ_ VAJRA-PĀŚA MAHĀ-KRODHA PRAVEŚA SARVA-SAMAYĀṂ HŪṂ HŪṂ

)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Kim Cương Sách Bồ Tát có chữ chủng tử là: HŪṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Sợi dây Kim Cương. Biểu thị cho việc ở trong nội tâm của Tỳ Lô Giá Na Phật tuôn ra **Kim Cương Sách Bồ Tát** (Vaja-pāśa-bodhisatva) hay cấm chế tất cả Tâm hôn ám, vọng tưởng, Vô Minh, phiền não. Hay cột buộc tất cả bánh xe Khổ khiến cho được giải thoát. Lại hay Đẳng Dẫn Thiền Định Đại Bồ Đề Tâm, tất cả Ấn Chúng đều đến tập hội, cõi Phật nhiều như bụi nhỏ thảy đều giáng lâm Mạn Trà La Đạo Trường để cùng làm Phật sự.



Chân Ngôn là:

VAJRA HŪṂ HŪṂ

KIM CƯƠNG TỎA BỒ TÁT

Kim Cương Tỏa Bồ Tát, tên Phạn là **Vajra-sphoṭa** (dịch âm là Phộc Nhật La Tát Phổ Tra) hay **Vajra-śṛṅkhalā** (dịch âm là Phộc Nhật La Thi Khí Khư La) hoặc **Vajra-śaṃkhara** (dịch âm là Phộc Nhật La Thương Yết la). Lại xưng là Kim Cương Liên Tỏa Bồ Tát.

Tôn này dùng Thệ Nguyện **Đại Từ Bi** phong tỏa đóng kín cửa của nẻo ác, khiến cho chúng sinh an trụ Bồ Đề mà chẳng bị thoái lùi, tượng trưng cho Đức **xác thực nhiếp lấy chúng sinh**

_Tại **Kim Cương Thủ Viện** trong **Thai Tạng Giới** thì Kim Cương Tỏa Bồ Tát có tên Phạn là **Vajra-śaṃkhara** (dịch âm là Phộc Nhật La Thương Yết la).

Kim Cương Tỏa là những vòng xích liền nhau, hai đầu xích có chày Kim Cương biểu thị cho sự nhiếp giữ hóa độ chúng sinh ngang ngược khó giáo hóa.

.)Phần cuối của **Bí Tạng Ký** ghi là: "Thân màu thịt trắng, tay phải cầm xích khóa Kim Cương, hai đầu là Tam Cổ Bạt Chiết La"



_ Trong **Kim Cương Giới** thì K**im Cương Tỏa Bồ Tát** (Vajra-sphoṭa) là một trong 4 vị Nhiếp Bồ Tát, dùng xích khóa Đại Bi biểu thị cho Đức **cột buộc lưu giữ Tâm Bồ Đề của tất cả chúng sinh**

.)Phần cuối của **Bí Tạng Ký** ghi là: "Thân màu thịt trắng, tay trái nắm quyền, tay phải cầm xích khóa"

.) **Lược Xuất Kinh** nói rằng: "Do kết Kim Cương Tỏa Khế cho nên hay cột buộc lưu giữ đứng lại"



_Tại **Kim Cương Thủ Viện** trong **Thai Tạng Giới** thì Kim Cương Tỏa Bồ Tát biểu thị cho Trí Tuệ của Kim Cương Bộ, hay cột buộc tất cả chúng sinh khiến cho thoát khỏi hai chướng **Sở Tri Chướng và Phiền Não Chướng**

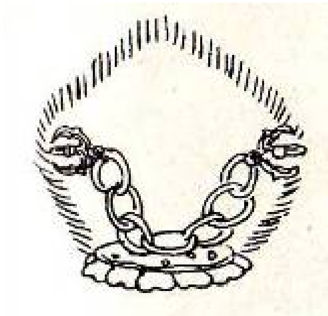
Tôn Hình: Thân màu vàng lợt, tay phải cầm sợi xích vàng, tay trái ngửa quyền để ở eo, dựng đầu gối phải, mặt hướng về bên phải, chéo hai bàn chân ngồi trên hoa sen đỏ



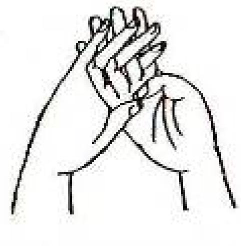
Mật Hiệu là: **Kiên Trì Kim Cương, Kiên Cố Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HŪṂ (ꣻ) hay BAṂ (ꣻ)

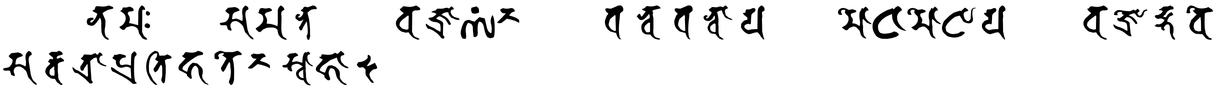
Tam Muội Gia Hình là: Kim Cương Tỏa (móc xích Kim Cương)



Tướng Ấn là: Chuyển Pháp Luân Ấn



Chân Ngôn là:



NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀṂ_ BANDHA BANDHĀYA MOṬA MOṬĀYA VAJRODBHAVE SARVATRA APRATIHATE SVĀHĀ

_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala)

.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Kim Cương Tỏa Bồ Tát được sinh ra từ Tam Muội Gia **Tỏa** của tất cả Như Lai, dùng Hạnh sắc bén (lợi hạnh) thủ hộ Trí Tuệ của tất cả chúng sinh.

_ Lược thuật Kim Cương Đỉnh Du Già phân biệt Thánh Vị tu chứng Pháp Môn ghi nhận rằng:

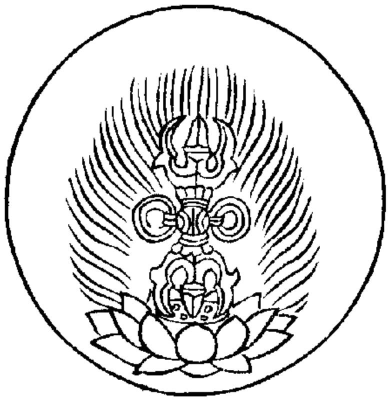
"Ở Nội Tâm của Tỳ Lô Giá Na Phật chứng đắc **Kiên Cố Kim Cương Tỏa Giới Tam Ma Địa Trí**. Vì tự thọ dụng cho nên từ Kiên Cố Kim Cương Tỏa Giới Tam Ma Địa Trí tuôn ra ánh sáng **Kim Cương Tỏa** (Vajra-śṛṅkhalā:Xích Khóa Kim Cương) chiếu khắp mười phương Thế Giới , khiến vào Nhất Thiết Như Lai Thánh Chúng Kim Cương Giới Đạo Trường, dùng sự trói buộc của lời thề Đại Bi đập tan tất cả các Kiến của chúng sinh Ngoại đạo khiến cho trụ ở Thành lớn không ngăn ngại bền chắc chẳng thoái lui của Bồ Đề Vô Thượng, rồi quay trở lại thu làm một Thể. Vì khiến cho tất cả Bồ Tát thọ dụng Tam Ma Địa Trí cho nên thành hình **Kim Cương Tỏa Giới Bồ Tát**, giữ gìn cửa Trí Tuệ , trụ ở vành trăng nơi cửa Tây".

Do Kim Cương Tỏa Bồ Tát gia trì cho nên được sự giải thoát thuộc Đại Bi quán sát bền chắc không nhiễm dính của Phật .

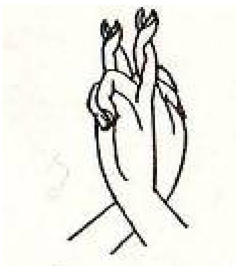
Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, tay trái nắm quyền để ngang eo, tay phải cầm móc xích



Chữ chủng tử là: VAṂ ( ) nghĩa là **cột buộc chẳng thể được**
Tam Muội Gia Hình là: Kim Cương Tỏa (móc xích Kim Cương)



Tướng Ấn là: Hai tay tác Kim Cương Quyền, hai ngón út và hai ngón trỏ cùng móc nhau như hình móc xích.



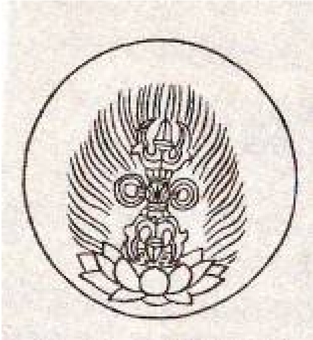
Chân Ngôn là:

OṂ _VAJRA-SPHOṬA VAṂ

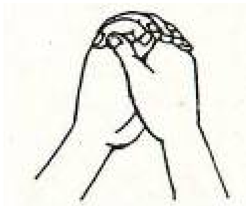
.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Kim Cương Tỏa Bồ Tát có chữ chủng tử là: VAṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Chính giữa có chày Tam Cổ của cái vòng. Biểu thị cho việc Tỳ Lô Giá Na Phật ở trong nội tâm tuôn ra **Kim Cương Tỏa Bồ Tát** (Vajra-Sphota-bodhisatva). Cái khóa ấy là nghĩa của chế chỉ hay đóng tất cả các của nẻo ác, khởi Đại Từ Bi. Đối với tất Hữu Tình sinh lòng cứu hộ, hay cột buộc tất cả mọi Ấn và

dùng Như Lai Sứ đều do giải thoát, được Đại Niết Bàn. Lại khiến cho Như Lai của Hải Hội nhiều như bụi nhỏ ở trong Đạo Trường này trụ Tâm Tam Ma Địa đồng với Hội Phật Mật Nghiêm làm Đại Phật Sự



Tướng Ấn là: Ngoại Phộc, hai ngón cái và hai ngón trỏ cùng vịn nhau như hình cái khóa



Chân Ngôn là:

HE SPHOṬA VAṂ

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Kim Cương Tỏa Bồ Tát có chữ chủng tử là: VAṂ (𑖪𑖽)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Chân Ngôn là:

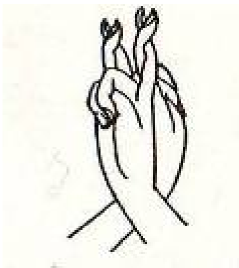
VAJRA-SPHOṬA SŪKṢMA- JÑĀNA-SAMAYA VAṂ

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Kim Cương Tỏa Bồ Tát có chữ chủng tử là: VAṂ (𑖪𑖽)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, bên trên có khóa xích Kim Cương.



Tướng Ấn là: Hai tay tác Kim Cương Quyền, hai ngón út và hai ngón trỏ cùng móc nhau như hình móc xích.



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖭𑖿𑖣𑖺𑖘 𑖪𑖽

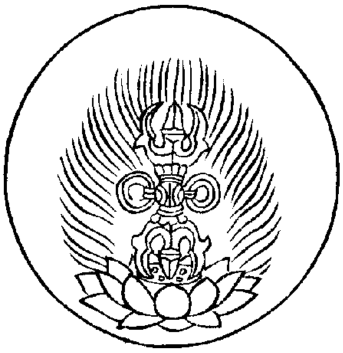
OṂ _VAJRA-SPHOṬA VAṂ

.)Tại **Lý Thú Hội** (Naya thì Kim Cương Tỏa Bồ Tát được xưng là **Hương Kim Cương** (Gandha-vajra):

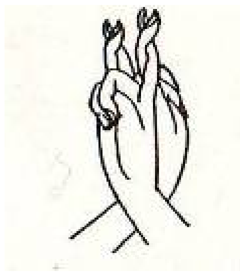
Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Chữ chủng tử là: VAṂ (𑖪𑖽)
Tam Muội Gia Hình là: Kim Cương Tỏa (móc xích Kim Cương)



Tướng Ấn là: Hai tay tác Kim Cương Quyền, hai ngón út và hai ngón trỏ cùng móc nhau như hình móc xích.



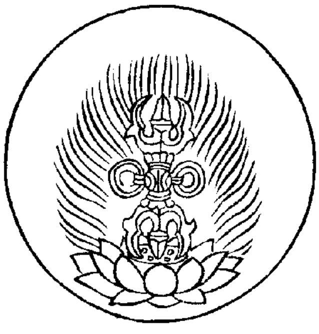
Chân Ngôn là:
𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖫𑖽𑖎𑖨𑖸 𑖪𑖽
VAJRA ŚAṂKARE VAṂ

Hay 𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖐𑖡𑖿𑖠𑖸 𑖪𑖽
OṂ_ VAJRA-GANDHE VAṂ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Kim Cương Tỏa Bồ Tát có chữ chủng tử là: KHA (𑖏)
Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là: Chính giữa chày Tam Cổ có cái vòng

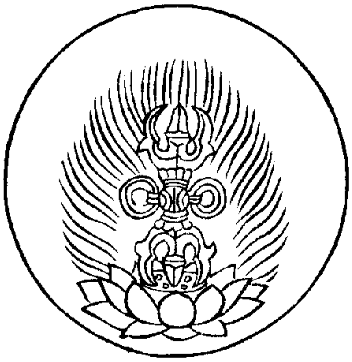


Chân Ngôn là:

OṂ_ VAJRA-SPHOṬA MAHĀ-KRODHA BANDHA BANDHA SARVA-SAMAYĀṂ HŪṂ VAṂ

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Kim Cương Tỏa Bồ Tát có chữ chủng tử là: VAṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Chính giữa chày Tam Cổ có cái vòng. Biểu thị cho việc Tỳ Lô Giá Na Phật ở trong nội tâm tuôn ra Kim Cương Tỏa Bồ Tát (Vajra-Sphoṭa-bodhisatva). Cái khóa ấy là nghĩa của chế chỉ hay đóng tất cả các của nẻo ác, khởi Đại Từ Bi. Đối với tất Hữu Tình sinh lòng cứu hộ, hay cột buộc tất cả mọi Ấn và dùng Như Lai Sứ đều do giải thoát, được Đại Niết Bàn. Lại khiến cho Như Lai của Hải Hội nhiều như bụi nhỏ ở trong Đạo Trường này trụ Tâm Tam Ma Địa đồng với Hội Phật Mật Nghiêm làm Đại Phật Sự



Chân Ngôn là:

VAJRA VAṂ VAṂ

KIM CƯƠNG LINH BỒ TÁT

Kim Cương Linh Bồ Tát, tên Phạn là **Vajrāveśa**, dịch âm là Phộc Nhật La Phệ Xả. Nhưng trong tiếng Phạn **āvésa** có nghĩa là **biến nhập** (vào khắp cả) chứ không có nghĩa là **cái chuông**, nên **Kinh Kim Cương Đỉnh, quyển 2** dịch **Vajrāveśa** là "Kiên Kim Cương Nhập". Do vậy Bồ Tát này còn được xưng là Biến Nhập Bồ Tát, Nhiếp Nhập Bồ Tát, Triệu Nhập Bồ Tát

Lại **Kim Cương Linh** còn có tên Phạn là **Vajra-ghaṇṭā** hay **Vajra-ghaṃṭā**, dịch âm là Phộc Nhật La nghiên tra

Kim Cương Linh Bồ Tát (Vajra-ghaṃṭa) là một trong 4 vị Nhiếp Bồ Tát của Kim Cương Giới, tay cầm cái chuông biểu thị cho Đức **cảnh tỉnh hữu tình mê muội của Đại Nhật Như Lai**, lại biểu thị cho sự vui vẻ

_Phần cuối của **Bí Tạng Ký** ghi là: "thân màu xanh, cầm cái chuông"



_**Lược Xuất Kinh** nói rằng: "Do kết Kim Cương Linh Khế cho nên hay sinh vui vẻ"



_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala)

.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Kim Cương Linh Bồ Tát được sinh ra từ Tam Muội Gia **Biến Nhập Đại Bồ Tát** của tất cả Như Lai, dùng Đồng Sự (cùng làm việc chung) thủ hộ sự Tinh Tiến của tất cả chúng sinh, chẳng khiến cho lười biếng trễ nãi

_ Lược thuật Kim Cương Đỉnh Du Già phân biệt Thánh Vị tu chứng Pháp Môn ghi nhận rằng:

"Ở Nội Tâm của Tỳ Lô Giá Na Phật chứng đắc **Bát Nhã Ba La Mật Kim Cương Linh Tam Ma Địa Trí**. Vì tự thọ dụng cho nên từ Bát Nhã Ba La Mật Kim Cương Linh Tam Ma Địa Trí tuôn ra ánh sáng **Kim Cương Linh** (cái chuông Kim Cương) chiếu khắp mười phương Thế Giới, làm vui vẻ tất cả Như Lai Hải Hội Thánh Chúng trụ ở Kim Cương Giới Đạo Trường và phá tất cả Dị Kiến Nhị Thừa của các chúng sinh, an trí ở cung Bát Nhã Ba La Mật, rồi quay trở lại thu làm một Thể. Vì khiến cho tất cả Bồ Tát thọ dụng Tam Ma Địa Trí cho nên thành hình **Kim Cương Linh Bồ Tát**, giữ gìn cửa Tinh Tiến, trụ ở vành trăng nơi cửa Bắc".

Do Kim Cương Linh Bồ Tát gia trì cho nên chứng được âm thanh Bát Nhã Ba La Mật của Như Lai, người nghe hay tồi diệt các chủng tử ác trong Tàng Thức.

Tôn Hình: Thân màu xanh lục, hai tay cầm cái chuông Ngũ Cổ.



Mật Hiệu là: **Giải Thoát Kim Cương, Hoan Hỷ Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HOḤ (ᜑ) nghĩa là tất cả vui vẻ

Tam Muội Gia Hình là: Cái chuông Tam Cổ



Tướng Ấn là: Hai quyền chung lưng, hai ngón út, hai ngón trỏ cùng móc nhau, cổ tay hơi cách nhau



Chân Ngôn là:

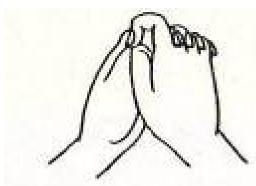
OṂ _VAJRA- AVIŚA HOḤ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Kim Cương Linh Bồ Tát có chữ chủng tử là: HOḤ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Cái chuông Ngũ Cổ. Biểu thị cho việc Tỳ lô Giá Na Phật ở trong nội tâm tuôn ra **Kim Cương Linh Bồ Tát** (Vajra-Ghaṃṭa-bodhisatva) cầm giữ cái khánh quang minh mà cúng dường, phát sanh vô lượng âm vi diệu, tất cả Thánh Chúng nghe được thảy đều vui vẻ. Chữ ÁC (: AḤ) của chư Phật là chủng tử hay biến nhập (vào khắp) trong thân tâm của tất cả Như Lai. Ánh như gương trong sáng, ở trong ruộng thân của vô lượng Hữu Tình làm hạt giống Đại Trí, hay ở nơi chư Phật xả thân mà làm tôi tớ thừa sự cúng dường, ở trong Tam Ma Địa vui thích hoan lạc .



Tướng Ấn là: Hai tay tác Kim Cương Ngoại Phộc, đưa hai ngón cái vào trong lòng bàn tay.



Chân Ngôn là:

GHAṂṬA AḤ AḤ

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Kim Cương Linh Bồ Tát có chữ chủng tử là: HOḤ (𑖮𑖺𑖾)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Chân Ngôn là:

𑖪𑖕𑖿𑖨𑖑𑖼𑖘 𑖭𑖳𑖎𑖿𑖬𑖿𑖦𑖕𑖿𑖗𑖯𑖡 𑖭𑖦𑖧 𑖮𑖺𑖾

VAJRA-GHAṂṬA SŪKṢMA- JÑĀNA-SAMAYA HOḤ

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Kim Cương Linh Bồ Tát có chữ chủng tử là: HOḤ (𑖮𑖺𑖾)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, bên trên có cái chuông Ngũ Cổ.



Tướng Ấn là: Hai quyền chung lưng, hai ngón út, hai ngón trỏ cùng móc nhau, cổ tay hơi cách nhau



Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖁𑖪𑖰𑖫 𑖮𑖺𑖾
OṂ _VAJRA- AVIŚA HOḤ

)Tại **Lý Thú Hội** (Naya) thì Kim Cương Linh Bồ Tát được xưng là **Vị Kim Cương** (Rasa-vajra)
Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Chủng tử là: HOḤ (𑖮𑖺𑖾)
Tam Muội Gia Hình là: Cái chuông Tam Cổ



Tướng Ấn là: Hai quyền chung lưng, hai ngón út, hai ngón trỏ cùng móc nhau, cổ tay hơi cách nhau



Chân Ngôn là:

VAJRA GHAMṬE HOḤ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Kim Cương Linh Bồ Tát có chữ chủng tử là: HOḤ ()

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là:Cái chuông Ngũ Cổ.



Chân Ngôn là:

OṂ_ VAJRA-ĀVEŚA MAHĀ-KRODHA AVIŚA SARVA-SAMAYĀṂ HŪṂ AḤ

Hay

OṂ_ VAJRA-ĀVEŚA MAHĀ-KRODHA AVIŚA SARVA-SAMAYĀṂ HŪṂ HOḤ

)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Kim Cương Linh Bồ Tát có chữ chủng tử là: HOḤ ()

Tam Muội Gia Hình là: Cái chuông Ngũ Cổ. Biểu thị cho việc Tỳ lô Giá Na Phật ở trong nội tâm tuôn ra **Kim Cương Linh Bồ Tát** (Vajra-Ghamṭa-bodhisatva) cầm giữ

cái khánh quang minh mà cúng dường, phát sanh vô lượng âm vi diệu, tất cả Thánh Chúng nghe được thảy đều vui vẻ. Chữ ÁC (𑖀𑖾: AḤ) của chư Phật là chủng tử hay biến nhập (vào khắp) trong thân tâm của tất cả Như Lai. Ánh như gương trong sáng, ở trong ruộng thân của vô lượng Hữu Tình làm hạt giống Đại Trí, hay ở nơi chư Phật xả thân mà làm tôi tớ thừa sự cúng dường , ở trong Tam Ma Địa vui thích hoan lạc .



Chân Ngôn là:
𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖀𑖾𑖀𑖾
VAJRA AḤ AḤ

MINH VƯƠNG VÀ MINH PHI

Tại Mật Giáo, Thai Tạng giới có ba Bộ, Kim Cương Giới có năm Bộ, Bản Tôn ở chính giữa các Bộ, tức xưng là **Bộ Chủ**. Bản Tôn sinh ra Bộ Chủ hoặc các Tôn khác thì xưng là **Bộ Mẫu.**

.)Trong năm Bộ của **Kim Cương Giới** thì Bộ Chủ của Phật Bộ (Buddha-kulāya) là **Tỳ Lô Giá Na Phật** (Vairocana-buddha), dùng Tỳ Lô Giá Na làm nguồn cội, cho nên chẳng lập riêng Bộ Mẫu

Bộ Chủ của **Kim Cương Bộ** (Vajra-kulāya) là **A Súc Phật** (Akṣobhya-buddha), Bộ Mẫu là **Kim Cương Ba La Mật Bồ Tát** (Vajra-pāramitā)

Bộ Chủ của **Bảo Bộ** (Ratna-kulāya) là **Bảo Sinh Phật** (Ratna-saṃbhava-buddha), Bộ Mẫu là **Bảo Ba La Mật Bồ Tát** (Ratna-pāramitā)

Bộ Chủ của **Liên Hoa Bộ** (Padma-kulāya) là **A Di Đà Phật** (Amitāyus-buddha), Bộ Mẫu là **Pháp Ba La Mật Bồ Tát** (Dharma-pāramitā)

Bộ Chủ của **Yết Ma Bộ** (Karma-kulāya) là **Bất Không Thành Tựu Phật** (Amogha-siddhi-buddha), Bộ Mẫu là **Yết Ma Ba La Mật Bồ Tát** (Karma-pāramitā: Nghiệp Ba La Mật Bồ Tát)

Trong đó, bốn Ba La Mật Bồ Tát biểu thị cho **Định** (Samādhi), bốn Đức Phật biểu thị cho **Trí** (Jñāna). Có ý là **y theo Định mà sinh ra Trí**

.)Trong ba Bộ của Thai Tạng Giới thì Bộ Chủ của Phật Bộ là **Kim Luân Phật Đỉnh** (Suvarṇa-buddhoṣṇīṣa), Bộ Mẫu là **Phật Nhãn Bồ Tát** (Buddha-locana)

Bộ chủ của Liên Hoa Bộ là **Mã Đầu Quán Thế Âm Bồ Tát** (Hayagrīva), Bộ Mẫu là **Bạch Y Quán Thế Âm Bồ Tát** (Paṇḍara-vāsinī)

Bộ Chủ của Kim Cương Bộ là **Kim Cương Thủ Bồ Tát** (Vajra-pāni), Bộ Mẫu là **Mang Ma Kê Bồ Tát** (Māmaki).

Cũng như thế, Bộ Chủ biểu thị cho Trí, Bộ Mẫu biểu thị cho Định

_**Đà La Ni Đô Bộ Yếu Mục** ghi nhận là: Ngoài Bộ Chủ, Bộ Mẫu của Ba Bộ trong Thai Tạng Giới ra, còn lập riêng **Minh Phi** (Vidya-rājñī) với **Phẫn Nộ Tôn** hay **Minh Vương** (Vidya-rāja). Tức là Phật Bộ, Liên Hoa Bộ, Kim Cương Bộ đều dùng Vô Năng Thắng Bồ Tát, Đa La Bồ Tát, Kim Cương Tôn Na Lợi Bồ Tát...làm Minh Phi. Dùng Bất Động Tôn, Phẫn Nộ Câu, Quân Trà Lợi làm Phẫn Nộ Tôn

Tiếng Phạn **Vidyā-rāja Minh Vương** (Vidya-rāja) lại xưng là Kim Cương Minh Vương, Trì Minh Vương, Phẫn Nộ Tôn, Uy Nộ Vương… là Thần Hộ Pháp của Phật Giáo thuộc người Trời ở Tiên Giới, là một trong các vị Chấp Kim Cương Thần…Căn cứ vào việc xưng gọi Minh Vương là Hóa Thân phẫn nộ của Phật Đà, Bồ Tát, nên người tu hành Mật Tông thường dùng Minh Vương làm Bản Tôn để tu hành **Thiên Du Già.** Nữ Tính Minh Vương thì xưng là **Minh Phi**, thông thường là bạn lữ của Minh Vương

Minh (Vidya) là ý tưởng ***ánh sáng Trí Tuệ phá sự ngu ám***, tức chỉ Chân Ngôn Đà La Ni của Mật Giáo. **Vương** (Rāja) tức là tôn thắng, là ý tưởng ***có đủ uy lực*** mà tôn xưng. Ý Tưởng của **Minh Vương** (Vidya-rāja) là bậc nắm giữ *sự có sự được* của Chân Ngôn Đà La Ni.

Minh Vương trong Phật Giáo đều quy thuộc ngay trong bậc bên dưới của **Phật Bộ** (Buddha-kulāya), **Bồ Tát Bộ** (Bodhisatva-kulāya) tức thuộc vào **Minh Vương Bộ** (Vidya-rāja-kulāya) hay Quỷ Thần Bộ, tổng cộng có 34 Tôn.

Minh Vương thuộc vào **Giáo Lệnh Luân Thân** (Ādeśana-cakra-kāya) của Đức Phật. Do chúng sinh cang cường khó thể dùng cách nói Pháp nhu thuận để điều phục, nên phải dùng Giáo Lệnh Uy Mãnh cưỡng chế điều phục. Do vậy, Minh Vương là hình tướng phẫn nộ mà chư Phật Bồ Tát dùng để giáng phục Yêu Ma, dùng hộ vệ Phật Môn làm trách nhiệm của mình kèm theo giáo hóa, điều phục chúng sinh cang cường chẳng tin Phật Pháp, sử dụng phương tiện phương pháp khéo léo, dùng đại uy lực đại phẫn nộ khiến cho họ kính sợ giáng phục, quy y Phật Giáo.

Trên văn pháp của tiếng Phạn thì **Vidyā-rāja** là danh từ chỉ Nam Tính, còn danh từ **Vidyā-rājñī** chỉ Nữ Tính ắt xưng là Minh Phi, ví dụ như Chân Ngôn của nhóm **Hư Không Tạng Chuyển Minh Phi, Vô Năng Thắng Minh Phi**

Lại Minh Vương có hai nghĩa:

1_Chỉ cho vua của Chân Ngôn Đà La Ni như **Phật Đỉnh Nhất Tự Chân Ngôn** là Minh Vương của **Phật Bộ** (Buddha-kulāya)

2_Chỉ cho một dạng đã được gom tập, xưng là Minh Vương. Như Giáng Tam Thế Minh Vương là một trong các Tôn của Mật Giáo. Nhóm Giáng Tam Thế Minh Vương vì giáo hóa chúng sinh khó điều phục nên hiển hiện tướng phẫn nộ. Đích xác là chỉ **Giáo Lệnh Luân Thân** do Đại Trí của Như Lai đã hiển hiện

Lại trên văn pháp thì điều này đích xác thuộc Chân Ngôn của Nam Tính, dùng điều ấy có đủ Uy Lực hay tồi phá các nạn cho nên xưng là Minh Vương. Như nhóm **Phật Nhãn Minh Phi** hiện bày tướng của thân nữ, nhiếp thọ chúng sinh, tức biểu thị cho Công Đức có đủ sự ôm ấp mềm mại và là **năng sinh** của Pháp, cho nên xưng là **Minh Phi**. Ngoài ra, Do ở ngay trên văn pháp của Chân Ngôn có hai âm tiếng của Nam Nữ, cho nên Chủ của Minh cũng có hai vị Thần nam nữ. Y theo đây mà đầy đủ Công của hai Môn **Chiết Phục** và **Nhiếp Thọ**

Đôi khi **Minh Vương** (Vidya-rāja) tượng trưng cho **phương tiện** (Upāya), **Minh Phi** (Yoginī) tượng trưng cho **Trí Tuệ** (Prajña) và hình thái **Yab-yum** trong Tạng Truyền Phật Giáo biểu thị cho ***sự hợp nhất của Phương Tiện và Trí Tuệ.***

_**Minh Phi** còn là tên gọi riêng của Đà La Ni. Đà La Ni có Đức hay phá sự ám tối phiền não, cho nên xưng là **Minh**, hay tăng trưởng tất cả Công Đức cho nên nói là **Phi** cũng đơn lẻ xưng là **Minh**

.)**Đại Nhật Kinh Sớ 9** nói rằng: "**Minh** (Rāja) nghĩa là ánh sáng của Đại Tuệ, **Phi** tiếng Phạn nói là **La Thệ** (Rājñī) tức là chữ Vương được hô gọi theo tiếng của người nữ, cho nên nói là **Phi**. Phi là nghĩa của Tam Muội (Samādhi) là **Đại Bi Thai Tạng Tam Muội**"

.)**Đại Nhật Kinh Sớ 10** nói rằng:"Như điều từ Tâm, miệng phát ra thì gọi là **Chân Ngôn**, từ tất cả thân phần nhậm vận sinh ra thì gọi là **Minh**, do nghĩa tăng trưởng cho nên hô gọi theo tiếng của người nữ

……………..

Phi là người nữ như thế hay sinh con trai con gái khiến cho giống nòi chẳng bị dứt. Minh hay sinh ra hết thảy Công Đức của tất cả Như Lai nên có nghĩa là **Phi**"

_**Diễn Mật Sao 8** nói rằng: "Do nghĩa tăng trưởng cho nên dùng tiếng của người nữ hô gọi. Minh Phi này hay sinh trưởng Pháp Công Đức của Hành Giả cho nên dùng tiếng của người nữ hô gọi. Tiếng Phạn **Ni Nễ Dã** (Vidya) là tiếng của người nam, **Ni Nễ Tức** (Vidyī) là tiếng của người nữ đều dịch là **Minh**. Do tùy theo nghĩa tăng trưởng cho nên gia thêm dùng chữ **Phi** để nói vậy"

Ở các Mạn Trà La (Maṇḍala) Nữ Tôn của Bộ Chủ trong các Bộ phối ngẫu gọi là Minh Phi.

.)**Chư Bộ Yếu Mục** nói rằng: "Ba Loại Minh Phi: Phật Bộ dùng **Vô Năng Thắng Bồ Tát** làm Minh Phi, Liên Hoa Bộ dùng Đa La Bồ Tát làm Minh Phi, Kim Cương Bộ dùng **Kim Cương Tôn Na Lợi** làm Minh Phi"

_Minh Vương ở trong Mật Giáo theo nhận Giáo Lệnh của Đức **Như Lai** (Tathāgata) để nhiếp triệu chúng sinh mà hiện hình phẫn nộ, trừ Giáng Tam Thế Minh Vương ra còn có nhóm Mã Đầu, Bất Động, Ái Nhiễm, Quân Trà Lợi, Đại Uy Đức, Đại Luân, Bộ Trịch, Kim Cương Dạ Xoa, Vô Năng Thắng, Đại Nguyên Soái... đều xưng là Minh Vương. Trong ấy Minh Vương của nhóm Bất Động, Giáng Tam Thế, Quân Trà Lợi, Đại Uy Đức được xưng là **Ngũ Đại Minh Vương**. Lại gia thêm nhóm Minh Vương của Mã Đầu, Đại Luân, Bộ Trịch… ắt xưng là **Bát Đại Minh Vương**.

NĂM VỊ ĐẠI MINH VƯƠNG

Năm vị Đại Minh Vương: lại xưng là năm Đại Tôn, năm Phẫn Nộ, Phẫn Nộ của năm Bộ... tức là **Bất Động Minh Vương** (Acala-vidya-rāja), **Giáng Tam Thế Minh Vương** (Trailokya-vidya-rāja), **Quân Trà Lợi Minh Vương** (Kuṇḍali-vidya-rāja), **Đại Uy Đức Minh Vương** (Yamāntaka-vidya-rāja) và **Kim Cương Dạ Xoa Minh Vương** (Vajra-yakṣa-vidya-rāja)



Minh Vương (Vidya-rāja) lại xưng là Kim Cương Minh Vương, Trì Minh Vương, Phẫn Nộ Tôn, Uy Nộ Vương… là Thần Hộ Pháp của Phật Giáo thuộc người Trời ở Tiên Giới, là một trong các vị Chấp Kim Cương Thần…

_Bồ Đề Tâm Ngũ Bản Nghĩa ghi nhận rằng:

.) Đại Nhật Như Lai là **Tự Tính Luân Thân** (Svabhāva-cakra-kāya), Chuyển Pháp Luân Bồ Tát là **Chính Pháp Luân Thân** (Saddharma-cakra-kāya), Bất Động Kim Cương là **Giáo Lệnh Luân Thân** (Ādeśana-cakra-kāya)

.) A Súc Như Lai là **Tự Tính Luân Thân**, Phổ Hiền Bồ Tát là **Chính Pháp Luân Thân**, Giáng Tam Thế Kim Cương là **Giáo Lệnh Luân Thân**

.) Bảo Sinh Như Lai là **Tự Tính Luân Thân**, Hư Không Tạng Bồ Tát là **Chính Pháp Luân Thân**, Quân Trà Lợi Kim Cương là **Giáo Lệnh Luân Thân**

.) A Di Đà Như Lai là **Tự Tính Luân Thân**, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát là **Chính Pháp Luân Thân**, Diệm Man Đắc Ca Kim Cương là **Giáo Lệnh Luân Thân**

.) Bất Không Thành Tựu Như Lai là **Tự Tính Luân Thân**, Kim Cương Nha Bồ Tát là **Chính Pháp Luân Thân**, Kim Cương Dạ Xoa là **Giáo Lệnh Luân Thân**

_Bí Tạng Ký ghi nhận rằng:

.) Đại Nhật Như Lai là **Tự Tính Luân Thân**, Bát Nhã Bồ Tát là **Chính Pháp Luân Thân**, Bất Động Tôn là **Giáo Lệnh Luân Thân**

.) A Súc Như Lai là **Tự Tính Luân Thân**, Kim Cương Tát Đỏa Bồ Tát là **Chính Pháp Luân Thân**, Giáng Tam Thế Kim Cương là **Giáo Lệnh Luân Thân**

.) Bảo Sinh Như Lai là **Tự Tính Luân Thân**, Kim Cương Tạng Vương là **Chính Pháp Luân Thân**, Quân Trà Lợi Minh Vương là **Giáo Lệnh Luân Thân**

.) A Di Đà Như Lai là **Tự Tính Luân Thân**, Văn Thù Bồ Tát là **Chính Pháp Luân Thân**, Lục Túc Tôn là **Giáo Lệnh Luân Thân**

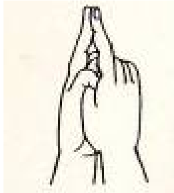
.) Bất Không Thành Tựu Như Lai là **Tự Tính Luân Thân**, Hư Không Khố Bồ Tát là **Chính Pháp Luân Thân**, Kim Cương Dược Xoa là **Giáo Lệnh Luân Thân**

_Căn cứ vào việc xưng gọi Minh Vương là Hóa Thân phẫn nộ của Phật Đà, Bồ Tát, nên người tu hành Mật Tông thường dùng Minh Vương làm Bản Tôn

1_ Bất Động Tôn:



Tướng Ấn là **Căn Bản Ấn:** Còn gọi là **Châm Ấn, Độc Cổ Ấn**. Tức hai tay Nội Phộc, hai ngón cái để ở bên cạnh hai ngón vô danh, để đầu hai ngón giữa ở mặt hai ngón cái, dựng hợp hai ngón trỏ.



Hai ngón trỏ biểu thị cho cây kiếm; hai ngón cái, hai ngón vô danh biểu thị cho sợi dây. Hoặc hai ngón vô danh, hai ngón giữa biểu thị cho bốn Ma, dùng hai ngón cái đè lên tức biểu thị cho nghĩa **giáng phục bốn Ma**.

Chân Ngôn là:



Namaḥ sarva tathāgatebhyaḥ_ Sarva mukhebhyaḥ sarvathā trāṭ caṇḍa mahā-roṣaṇa khaṃ_ khahi khahi, sarva vighna hūṃ trāṭ hāṃ māṃ

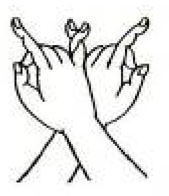
2_ Giáng Tam Thế Minh Vương:



Tướng Ấn là **Giáng Tam Thế Ấn**: Hai tay tác Phẫn Nộ Quyền, tay trái ở dưới, tay phải ở trên, hai lưng bàn tay hướng vào nhau; lúc này hai ngón út cùng móc kết nhau, dựng đứng hai ngón trỏ.

Chuyển bên trái là Tịch Trừ

Chuyển bên phải tức Kết Giới.



Chân Ngôn là:

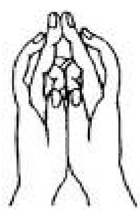
Oṃ_ Sumbha nisumbha hūṃ_ gṛhṇa gṛhṇa hūṃ_ gṛhṇa apaya hūṃ_ ānaya hoḥ, bhagavaṃ vajra hūṃ phaṭ

3_Quân Trà Lợi Minh Vương:



Tướng Ấn là: **Quân Trà Lợi Tam Muội Gia Ấn**

Hai ngón út cùng hợp bên trong, kèm co hai hai ngón vô danh đè ở khoảng giữa, kèm duỗi hai ngón giữa rồi co hai ngón trỏ trụ ở lóng đầu tiên của ngón giữa sao cho không chạm lưng ngón, như chày Tam Cổ, kèm duỗi hai ngón cái ở khoảng giữa ngón giữa với ngón vô danh và đè lên lưng ngón vô danh.



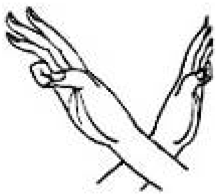
Chân Ngôn là:

Namo ratna-trayāya

Namaḥ ścaṇḍa mahā-vajra-khodhāya

Oṃ_ huru huru, tiṣṭa tiṣṭa, bandha bandha, hana hana, amṛte hūṃ phaṭ svāhā

Hay **Quân Trà Lợi Thủ Ấn:** Hai tay đều đem ngón cái đè lên móng ngón út , ba ngón còn lại như hình Tam Cổ, bên phải đè bên trái, sau đó cài chéo cánh tay.



Chân Ngôn là:

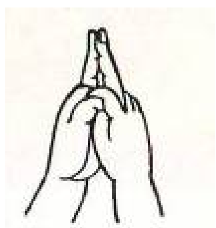
Oṃ_ Amṛte hūṃ phaṭ

4_ Đại Uy Đức Minh Vương:



Tướng Ấn là:**Phổ Thông Căn Bản Ấn** (Bổng Ấn)

Hai tay cùng hợp bên trong thành quyền, dựng thẳng hai ngón giữa cùng hợp nhau như hình cây giáo. Tức biểu thị Căn Bản Ấn, cũng đem Ấn Mệnh này làm Bổng Ấn.



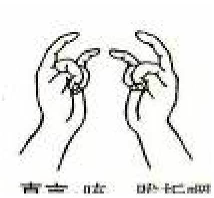
Chân Ngôn là:

Oṃ_ Hrīḥ ṣṭri vikṛtānana hūṃ_ sarva śatrūṃ nāśana, sambhaya stambhaya sphaṭ sphaṭ svāhā

5_Kim Cương Dạ Xoa Minh Vương:



Tướng Ấn là: Hai tay tác Kim Cương Quyền, duỗi ngón út, ngón trỏ để ở hai bên miệng như hình răng nanh



Chân Ngôn là:

Oṃ_ Vajra-yakṣa hūṃ

_Theo ý nghĩa sâu xa hơn thì:

Bất Động Minh Vương là năng lực chuyển **Vô Cấu Thức** (Amala-vijñāna) thành **Pháp Giới Thể Tính Trí** (Dharma-dhātu-parakṛti-jñāna)

Giáng Tam Thế Minh Vương là năng lực chuyển **A Lại Gia Thức** (Ālaya-vijñāna) thành **Đại Viên Kính Trí** (Adarśa-jñāna)

Quân Trà Lợi Minh Vương là năng lực chuyển **Mạt Na Thức** (Manas-vijñāna) thành **Bình Đẳng Tính Trí** (Samatā-jñāna)

Đại Uy Đức Minh Vương là năng lực chuyển **Ý Thức** (Mano-vijñāna) thành **Diệu Quán Sát Trí** (Pratyavekṣana-jñāna)

Kim Cương Dạ Xoa Minh Vương là năng lực chuyển năm Thức Thân thành **Thành Sở Tác Trí** (Kṛtya-muṣṭhāna-jñāna)

_Lại trong Minh Vương như **Mã Đầu Minh Vương** là tên gọi của Bồ Tát (Mã Đầu Quán Âm), còn lại như nhóm Kim Cương Dạ Xoa, Đại Nguyên Soái, Bất Động thì phần lớn xác định chỉ hàng Dạ Xoa. Riêng ở trong "Kinh **Tô Bà Hô Đồng Tử Thỉnh Vấn, quyển Hạ**" từng đề cử tám vị Minh Phi của **Liên Hoa Bộ** (Padma-kulāya) là: **Mục Tinh Minh Phi** (Tāra), **Diệu Bạch Minh Phi** (Śvetarkyā), **Cư Bạch Minh Phi** (Paṇḍara-vāsiṇī), **Quán Thế Minh Phi** (Vilokani), **Độc Kế Minh Phi** (Gauri), **Kim Nhan Minh Phi** (Yaśa-mati), **Danh Lợi Xưng Minh Phi** (Yaśodhara), **Tất Lợi Câu Chi Minh Phi** (Bhṛkuṭi)

_Kinh **Đại Diệu Kim Cương** nói tám vị Bồ Tát hiện thành tám vị Đại Minh Vương:

1_ **Kim Cương Thủ Bồ Tát** (Vajra-pāṇi) hiện thành **Giáng Tam Thế**

2_ **Diệu Cát Tường Bồ Tát** (Maṃjuśrī) hiện thành **Đại Uy Đức Minh Vương Kim Cương** có hai cánh tay, sáu cái đầu, sáu chân

3_**Hư Không Tạng Bồ Tát** (Ākāśa-garbha) hiện thành **Đại Tiếu Kim Cương Minh Vương**

4_**Từ Thị Bồ Tát** (Maitreya) hiện thành **Đại Luân Kim Cương Minh Vương**

5_**Quán Tự Tại Bồ Tát** (Avalokiteśvara) hiện thành **Mã Đầu Kim Cương Minh Vương**

6_**Địa Tạng Bồ Tát** (Kṣiti-garbha) hiện thành **Vô Năng Thắng Minh Vương**

7_**Trừ Cái Chướng Bồ Tát** (Nīrvaṇa-viṣkaṃbhin) hiện thành **Bất Động Tôn Kim Cương Minh Vương**

8_**Phổ Hiền Bồ Tát** (Samanta-bhadra) hiện thành **Bộ Trịch Kim Cương Minh Vương**

Các vị Bồ Tát bên trên là **Chính Pháp Luân Thân** (Saddharma-cakra-kāya) của **Đại Nhật Như Lai** (Vairocana-tathāgata), Minh Vương có thân phẫn nộ là **Giáo Lệnh Luân Thân** (Ādeśana-cakra-kāya) của Đại Nhật.

Hoặc nói là: gia thêm **Uế Tích Kim Cương** (Ucchuṣma) và loại bỏ **Bất Động Minh Vương** thì xưng là **Bát Đại Minh Vương** (tám vị Đại Minh Vương) dùng làm quyến thuộc của Bất Động.

Hoặc nói là Bất Động, Giáng Tam Thế, Quân Trà Lợi, Đại Uy Đức, Kim Cương Dạ Xoa là **Ngũ Đại Minh Vương** (năm vị Đại Minh Vương), lại gia thêm Uế Tích (Ô Sô Sa Ma), Vô Năng Thắng, Mã Đầu mà làm **Bát Đại Minh Vương**

_Lại phần cuối của **Bí Tạng Ký** ghi nhận năm vị Đại Minh Vương (Bất Động, Giáng Tam Thế, Quân Trà Lợi, Đại Uy Đức, Kim Cương Dạ Xoa) rồi gia thêm ba vị Đại Minh Vương thì thành tám vị Đại Minh Vương. Tức

Thứ sáu là **Uế Tích Kim Cương** là Giáp Lệnh Luân Thân của Đức **Bất Không Thành Tựu Phật** (Amogha-siddhi-buddha), Tự Tính Luân Thân của Ngài là **Kim Cương Nghiệp** (Vajra-karma)

Thứ bảy là **Vô Năng Thắng Kim Cương Minh Vương** là Giáo Lệnh Luân Thân của Đức **Thích Ca** (Śākya-muṇi), Tự Tính Luân Thân của Ngài là **Từ Thị Bồ Tát** (Maitreya)

Thứ tám là **Mã Đầu Minh Vương** là Giáo Lệnh Luân Thân của Đức **Vô Lượng Thọ Phật** (Amiāyus-buddha), Tự Tính Luân Thân của Ngài là **Quán Âm** (Avalokiteśvara)

TÁM VỊ ĐẠI MINH VƯƠNG

Kinh **Đại Diệu Kim Cương Đại Cam Lộ Quân Noa Lợi Diễm Man Sí Thịnh Phật Đỉnh** ghi chép là:

"Khi ấy Bồ Tát **Kim Cương Thủ** (Vajra-pāṇi) hiện làm **Giáng Tam Thế Kim Cương Minh Vương** (Trailokya-vijaya-vajra-vidyarāja) phóng ánh sáng màu xanh, miện hiện ra hai răng nanh, phát tiếng cười A Tra Tra, dùng bàn tay phải ném chày Kim Cương năm chấu, nói **Bát Tự Tâm Chân Ngôn** là:

OṂ_ NISUMBHA-VAJRA HŪṂ PHAṬ



Bấy giờ Bồ Tát **Diệu Cát Tường** (Maṃjuśrī) hiện làm **Lục Tý Lục Đầu Lục Túc Kim Cương Minh Vương** (Ṣaḍ-bhūja-ṣad-śīrṣa-ṣad-pāda-vajra-vidyarāja) phóng ánh sáng màu đen xanh, răng cắn môi dưới, giương dựng mắt với lông my, tay cầm cây kiếm bén, nói **Tam Tự Tâm Chân Ngôn** là:

"**Hồng, ác, hồng**"

HŪṂ AḤ HŪṂ



Khi ấy Bồ Tát **Hư Không Tạng** (Ākāśa-garbha) hiện làm **Đại Tiếu Kim Cương Minh Vương** (Mahāṭṭa-hāsa-vajra-vidyarāja) phóng ánh sáng màu tro đen, miệng hiện hình cười lớn, ló hai răng nanh lên trên, tay trái cầm cây gậy màu xanh, tay phải cầm sợi dây, nói **Thập Tự Tâm Chân Ngôn** là:

"Án, phộc nhật-la tra hạ sa dã, hồng, phán tra"

OṂ_ VAJRĀṬṬA-HĀSAYA HŪṂ PHAṬ



Lúc đó Bồ Tát **Từ Thị Tôn** (Maitreya-nātha) hiện làm **Đại Luân Kim Cương Minh Vương** (Mahā-cajra-vajra-vidyarāja) khắp thân màu vàng, phóng lửa lớn, tay phải cầm bánh xe Kim Cương tám căm, tay trái dựng đứng một chày Kim Cương độc cổ, nói **Lục Tự Tâm Chân Ngôn** là:

"Án, phộc nhật-la tác cật-la, hồng"

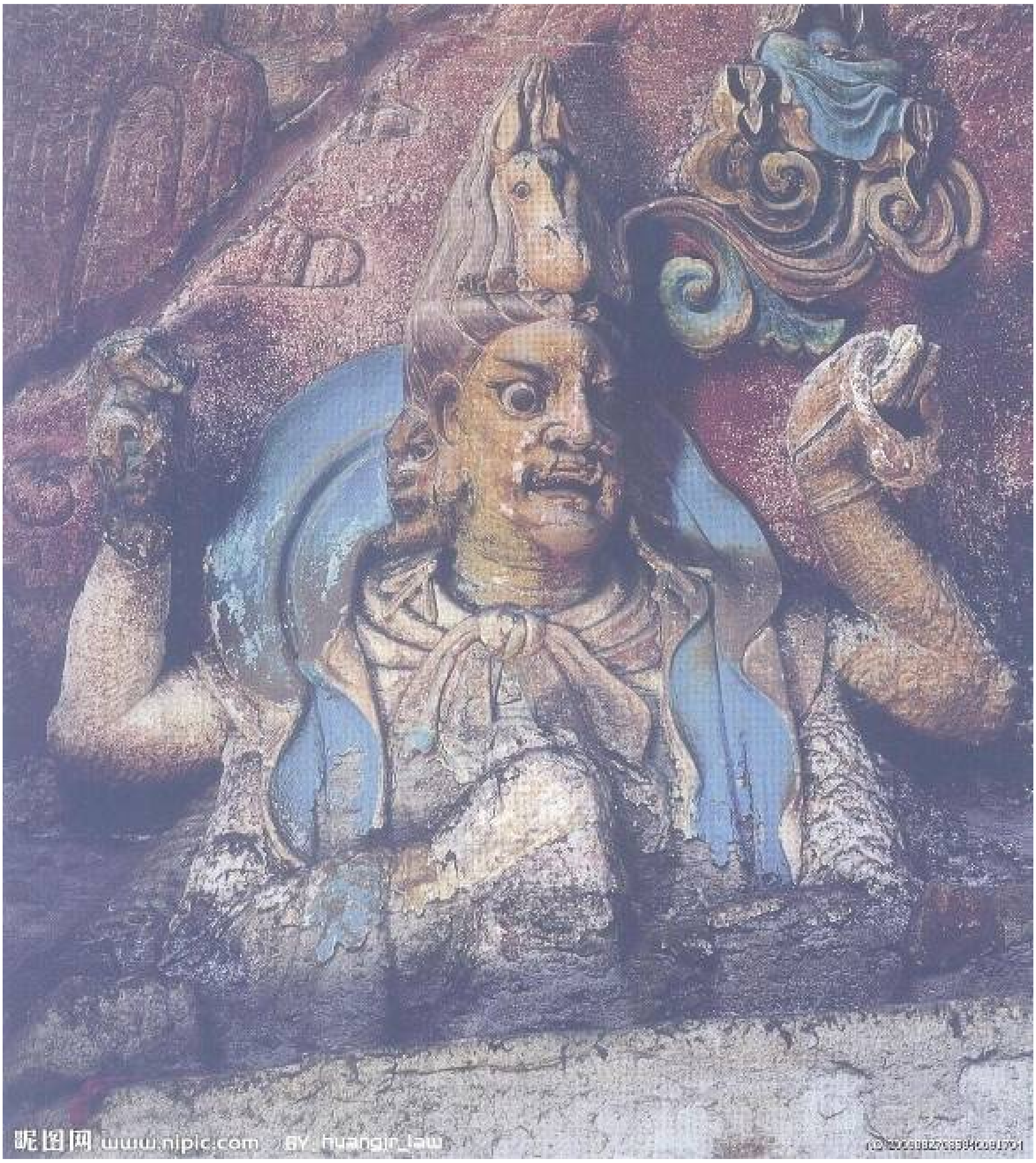
OṂ_ VAJRA-CAKRA HŪṂ



Bấy giờ Bồ Tát **Quán Tự Tại** (Avalokiteśvara), ở trên đỉnh đầu hiện làm **Mã Đầu Kim Cương Minh Vương** (Hayagrīva-vajra-vidyarāja) màu xanh biếc, phóng ánh sáng màu đỏ, tay phải dơ cao nằm ngang ở trên đỉnh đầu, cầm một hoa sen làm thế đánh, tay trái nắm **Quân Trì Ấn**, nói **Thập Tự Tâm Chân Ngôn** là:

"Án, hạ dã ngật-lý phộc, hồng, phán tra"

OṂ_ HAYAGRĪVA HŪṂ PHAṬ



Bấy giờ Bồ Tát **Địa Tạng** (Kṣiti-garbha) hiện làm **Vô Năng Thắng Kim Cương Minh Vương** (Aparājita-vajra-vidyarāja) khắp thân màu vàng, phóng lửa sáng, tay phải ném một cái chày Kim Cương, tay trái tác **Nhĩ Ấn** hướng về cái miệng, nói **Thập Tam Tự Chân Ngôn** là:

"Án, hộ lô hộ lô, tán noa lý, ma đẳng nghĩ, tát-phộc hạ"

OṂ_ HURU HURU CAṆḌALI MATAṄGI SVĀHĀ



Khi ấy Bồ Tát **Trừ Cái Chướng** (Nīrvaṇa-viṣkaṃbhin) hiện làm **Bất Động Tôn Kim Cương Minh Vương** (Acala-nāta-vajra-vidyarāja) khắp thân màu xanh, phóng lửa sáng rực, tay phải cầm cây kiếm, tay trái cầm sợi dây, rũ một lọn tóc xuống bên trái, nói **Thập Tứ Tự Tâm Chân Ngôn** là:

"**Án, a tả la, ca noa (1) tán noa, sa trì dã (2) hồng, dương tra**"

OṂ_ ACALA KAṆḌA CAṆḌA SĀDHAYA HŪṂ PHAṬ



Lúc đó Bồ Tát **Phổ Hiền** (Samanta-bhadra) hiện làm **Bộ Trịch Kim Cương Minh Vương** (Pandanakṣipa-vajra-vidyarāja), tay phải nắm một cái lọng xoay, tay trái cầm chày Kim Cương, khắp thân màu hư không, phóng lửa sáng rực, nói **Thất Tự Tâm Chân Ngôn** là:

"**Án, hột-lý-hồng, củ-lỗ-hồng, bột-lỗ-hồng, tố-lỗ-hồng, nhạ-lỗ-hồng, ngược"**

OṂ _ HRĪṂ VRŪṂ BHRŪṂ ŚRŪṂ JRŪṂ GAḤ



Thập Phẫn Nộ Minh Vương

Mười vị **Phẫn Nộ Minh Vương** (Krodha-vidya-rāja) tức là Minh Vương do mười Tôn hiện ra tướng phẫn nộ.

Cách Kinh Bản của Mật Giáo ghi nhận tên gọi của mười vị Phẫn Nộ Minh Vương có sự sai khác

.) Kinh **Phật Thuyết Huyễn Hóa Võng Đại Du Già Thập Phẫn Nộ Minh Vương Đại Minh Quán Tưởng Nghi Quỹ** (do Ngài **Pháp Hiền** dịch trong đời Tống) ghi nhận là:

1_ **Diễm Man Đắc Ca** Đại Phẫn Nộ Minh Vương (Yamāntaka) dịch ý là Giáng Diêm Ma, tức Đại Uy Đức

2_**Vô Năng Thắng** Đại Phẫn Nộ Minh Vương (Aparājita)

3_ **Bát Nột Man Đắc Ca** Đại Phẫn Nộ Minh Vương (Padmāntaka), dịch ý là Liên Hoa Giáng Phục, tức Mã Đầu

4_**Vĩ Cận Nan Đắc Ca** Đại Phẫn Nộ Minh Vương (Vighnāntaka), dịch ý là bậc giáng phục sấm động

5_**Bất Động Tôn** Đại Phẫn Nộ Minh Vương (Acala-nātha)

6_ **Trá Chỉ** Đại Phẫn Nộ Minh Vương (Ṭaki, hay Ṭakki)

7_ **Nễ La Nan Noa** Đại Phẫn Nộ Minh Vương (Nīla-daṇḍa) dịch ý là Thanh Trượng (cây gậy màu xanh)

8_ **Đại Lực** Đại Phẫn Nộ Minh Vương (Bala), tức là **Uế Tích Kim Cương** (Ucchuṣma-vajra)

9_**Tốn Bà** Đại Phẫn Nộ Minh Vương (Sumbha) dịch ý là Giáng Tam Thế hay Hàng Tam Thế

10_**Phộc Nhật La Bá Đa La** Đại Phẫn Nộ Minh Vương (Vajra-pāṭala)

Hình ấy đa số là nhiều đầu nhiều cánh tay, mặt chính cười tươi, mặt bên trái là tướng phẫn nộ, đầu đội Đức Phật **A Súc** (Akṣobhya-buddha), các tay đều cầm: cây kiếm, chày Kim Cương, mũi tên, sợi dây, quyển Kinh Bát Nhã Ba La Mật….

.)Kinh **Phật Thuyết Du Già Đại Giáo Vương** (do Ngài Pháp Hiền dịch trong đời Tống) ghi nhận là:

1_Diễm Man Đắc Ca Đại Phẫn Nộ Minh Vương

2_Vĩ Cận Nan Đắc Ca Đại Phẫn Nộ Minh Vương

3_Bát La Nghiên Đắc Ca Phẫn Nộ Minh Vương

4_Bát Nột Man Đắc Ca Đại Phẫn Nộ Minh Vương

5_Nễ La Nan Noa Đại Phẫn Nộ Minh Vương

6_Đại Lực Phẫn Nộ Minh Vương

7_Tra Chỉ Phẫn Nộ Minh Vương

8_Bất Động Tôn Đại Phẫn Nộ Minh Vương

9_Giáng Phục Tam Giới Phẫn Nộ Minh Vương

10_Phộc Nhật La Bá Đa La Minh Vương

.)Kinh **Phật Thuyết Nhất Thiết Như Lai Kim Cương Tam Nghiệp Tối Thượng Bí Mật Đại Giáo Vương** (do Ngài **Thi Hộ** dịch trong đời Tống) ghi nhận là:

1_Kim Cương Phẫn Nộ Diệm Man Đắc Ca Đại Minh Vương

2_Cam Lộ Quân Noa Lợi Đại Phẫn Nộ Minh Vương

3_Vô Năng Thắng Đại Phẫn Nộ Minh Vương

4_Liên Hoa Xuất Sinh Kim Cương Phẫn Nộ Mã Đầu Đại Minh Vương

5_Nễ La Nan Noa Đại Phẫn Nộ Minh Vương
6_Đại Lực Đại Phẫn Nộ Minh Vương
7_Tra Chỉ Đại Phẫn Nộ Minh Vương
8_Kim Cương Tán Noa Tam Muội Bất Động Đại Phẫn Nộ Minh Vương
9_Nhất Thiết Chấp Kim Cương Tam Muội Giáng Tam Giới Đại Phẫn Nộ Minh Vương
10_Phộc Nhật La Bá Đa La Đại Phẫn Nộ Minh Vương

.)Kinh **Diệu Cát Tường Bình Đẳng Bí Mật Tối Thượng Quán Môn Đại Giáo Vương** (do Ngài **Hiền Từ** dịch trong đời Tống) ghi nhận là:
"Ở trong ánh sáng ấy lại hóa hiện mười vị Đại Minh Vương
1_Đại Từ Kim Cương Quang Minh Diệm Man Đát Ca Từ Minh Vương
2_Đại Bi Kim Cương Quang Minh Bát La Nê Dã Đắc Ca Bi Minh Vương
3_Đại Hỷ Kim Cương Quang Minh Bát Nạp Ma Đát Ca Hỷ Minh Vương
4_Đại Xả Kim Cương Quang Minh Vĩ Nghiệt Nẵng Đát Ca Xả Minh Vương
5_Kim Cương Quang Minh Tra Chỉ La Nhạ Đại Ái Minh Vương
6_Kim Cương Quang Minh Ninh La Năng Noa Đại Uy Nộ Minh Vương
7_Kim Cương Quang Minh Ma Ha Ma La Đại Lực Minh Vương
8_Kim Cương Quang Minh A Tả La Nẵng Tha Vô Động Minh Vương
9_Ha5 Phương Kim Cương Quang Minh Phộc Nhật La Bá Đa La Giáng Tam Thế Minh Vương
10_Thượng Phương Kim Cương Quang Minh Ô Sắt Nê Sái Tác Khất La Phộc Lý Đế Đỉnh Luân Minh Vương

《佛說幻化網大瑜伽十忿怒明王大明觀想儀軌經》 **《phật thuyết huyễn hoá võng đại du già thập phẫn nộ minh vương đại minh quán tưởng nghi quỹ kinh》**	《佛說瑜伽大教王經》 **《phật thuyết du già đại giáo vương kinh 》**	《佛說一切如來金剛三業最上祕密大教王經》 **《phật thuyết nhất thiết như lai kim cương tam nghiệp tối thượng bí mật đại giáo vương kinh》**	《妙吉祥平等祕密最上觀門大教王經》 **diệu cát tường bình đẳng bí mật tối thượng quán môn đại giáo vương kinh 》**	佛光大辭典 **phật quang đại từ điển**
焰鬘得迦大忿怒明王 diễm man đắc ca đại phẫn nộ minh vương	焰鬘得迦大忿怒明王 diễm man đắc ca đại phẫn nộ minh vương	金剛忿怒焰鬘得迦大明王 kim cương phẫn nộ diễm man đắc ca đại minh vương	焰鬘怛迦明王 diễm man đắc ca minh vương	降焰摩 giáng diễm ma 大威德 đại uy đức

無能勝 大忿怒明王 vô năng thắng đại phẫn nộ minh vương	鉢囉研得迦 忿怒明王 bát la nghiên đắc ca phẫn nộ minh vương	無能勝大忿怒明王 vô năng thắng đại phẫn nộ minh vương	鉢囉棍也怛迦明王 Bát la nê dã đát ca minh vương	無能勝 vô năng thắng
缽納鬘得迦大忿怒 bát nạp man đắc ca đại phẫn nộ	鉢訥鬘得迦忿怒明王 Bát nột man đắc ca phẫn nộ minh vương	蓮華出生金剛忿怒馬頭大明王 liên hoa xuất sinh kim cương phẫn nộ mã đầu đại minh vương	鉢納麼怛迦明王 Bát nạp ma đát ca minh vương	蓮華降伏 馬頭 liên hoa giáng phục mã đầu
尾觀難得迦大忿怒明王 vĩ quán nan đắc ca đại phẫn nộ minh vương	尾覲難得迦 大忿怒明王 vĩ cận nan đắc ca đại phẫn nộ minh vương	甘露軍拏利大忿怒明王 cam lộ quân noa lợi đại phẫn nộ minh vương	尾蘖曩怛迦明王 vĩ nghiệt nẵng đát ca minh vương	降伏震動者 giáng phục chấn động giả
不動尊大忿怒明王 bất động tôn đại phẫn nộ minh vương	不動尊 大忿怒明王 bất động tôn đại phẫn nộ minh vương	金剛贊拏三昧不動大忿怒明王 kim cương tán noa tam muội bất động đại phẫn nộ minh vương	阿左攞曩他 無動明王 a tả la nẵng tha vô động minh vương	不動尊 **bất động tôn**

吒枳大忿怒明王 trá chỉ đại phẫn nộ minh vương	吒枳忿怒明王 trá chỉ phẫn nộ minh vương	吒枳大忿怒明王 trá chỉ đại phẫn nộ minh vương	吒枳羅惹大愛明王 trá chỉ la nhạ đại ái minh vương	愛染王 ái nhiễm vương
你羅難拏 大忿怒明王 nễ la nan noa đại phẫn nộ minh vương	儞羅難拏大忿怒明王 nễ la nan noa đại phẫn nộ minh vương	儞羅難拏大忿怒明王 nễ la nan noa đại phẫn nộ minh vương	[寧*頁]攞能拏大威怒明王 ninh la năng noa đại uy nộ minh vương	青杖 thanh trượng
大力大忿怒明王 đại lực đại phẫn nộ minh vương	大力忿怒明王 đại lực phẫn nộ minh vương	大力大忿怒明王 đại lực đại phẫn nộ minh vương	摩賀摩攞大力明王 ma hạ ma la đại lực minh vương	大力 **đại lực**
送婆大忿怒明王 tống bà đại phẫn nộ minh vương	降伏三界忿怒明王 giáng phục tam giới phẫn nộ minh vương	一切執金剛三昧降三界大忿怒明王 nhất thiết chấp kim cương tam muội giáng tam giới đại phẫn nộ minh vương		降三世 giáng tam thế
嚩日羅播多羅大忿怒明王 Phộc nhật la bá đa la đại phẫn nộ minh vương	嚩日囉播多羅明王 Phộc nhật la bá đa la minh vương	嚩日囉播多羅大忿怒明王 Phộc nhật la bá đa la đại phẫn nộ minh vương	嚩日囉播哆羅降三世明王 Phộc nhật la bá đa la giáng	梵 Phạn Vajrapātala

			tam thế minh vương	
			塢瑟抳灑作 乞囉嚩哩帝 ổ sắt nê sái tác khất la phộc lý đế 頂輪明王 đỉnh luân minh vương	

THẬP ĐẠI MINH VƯƠNG THEO TẠNG TRUYỀN PHẬT GIÁO

Tạng Truyền Phật Giáo liệt kê mười vị Đại Minh Vương là: Trong Đàn Trường của Mật Thừa hiện bày Thần Hộ Pháp có hình tướng uy mãnh là Phẫn Nộ Minh Vương là:

1_Diêm Ma Địch (Diêm Ma)



2_Vô Địch



3_Mã Đầu (Hồng Mã Đầu)



4_Cam Lộ Tuyền



5_Đại Dục (Dục Đế)



6_Lam Trượng (Lan Trướng)



7_Đại Lực



8_Bất Động



9_Đỉnh Kế Chuyển Luân



10_Địa Hạ Kim Cương



Trong đó, Mã Đầu Minh Vương (lại xưng là Mã Đầu Kim Cương) tương truyền là Hóa Thân của Quán Thế Âm Bồ Tát

Nếu gia thêm **Diệu Tồn** thì thành 11 vị Đại Minh Vương

_**Phật Thuyết Phụ Tục Mật Tập Kim Cương Giản Quỹ** ghi nhận Thập Đại Minh Vương Thập Phẫn Nộ Tôn là:

1_Tay phải: Diêm La Minh Vương

"Ông, A, diệm mạn đáp chi, hồng hồng"

2_Tay trái: Vô Năng Thắng Minh Vương

"Ông, A, ba giá đáp chi, hồng hồng"

3_Cái miệng: Mã Đầu Minh Vương

"Ông, A, bối mã đáp chi, hồng hồng"

4_Chỗ kín: Cam Lộ Tuyền Minh Vương

"Ông, A, tất niệm đáp chi, hồng hồng"

5_Vai phải: Bất Động Minh Vương

"Ông, A, A tát lạp, hồng hồng"

6_Vai trái: Lam Trượng Minh Vương

"Ông, A, đả cơ lạp tạp, hồng hồng"

7_Đầu gối phải: Lam Trượng Minh Vương

"Ông, A, ni lạp đả, hồng hồng"

87_Đầu gối trái: Đại Lực Minh Vương

"Ông, A, mã cáp ba lạp, hồng hồng"

9_Trên đầu: Đỉnh Kế Minh Vương

"Ông, A ô ni tạp táp tráp oa địa, hồng hồng"

10_Đáy hai bàn chân: Diệu Hại Minh Vương

"Ông, A tùng ba lạp tạp, hồng hồng"

_**Thánh Long Mãnh Phái Cát Tường Mật Tập Địa Đạo Luận Sớ** ghi nhận rằng:

Lại nữa, Hành Giả nên ở chỗ ngồi của mười vị Đại Phẫn Nộ Hộ Pháp Minh Vương trong thân, quán tưởng Tôn ấy

1_Tay phải: Đại Uy Đức Minh Vương màu đen

2_Tay trái: Vô Năng Thắng Minh Vương màu trắng

3_Mã Đầu Minh Vương màu hồng

4_Gốc Kim Cương (?chỗ kín): Cam Lộ Tuyền Minh Vương màu đen

5_Vai phải: Bất Động Minh Vương màu đen

6_Vai trái: Ái Nhiễm Minh Vương màu xanh

7_Đầu gối phải: Chấp Lam Đĩnh Minh Vương màu xanh

8_ Đầu gối trái: Đại Lực Minh Vương màu xanh

9_Trên đỉnh đầu: Đỉnh Kế Chuyển Luân Minh Vương màu xanh lam

10_ Đáy hai bàn chân: Diệu Hại Minh Vương màu xanh lam

Riêng nơi chốn lại có:

1_Đại Uy Đức Minh Vương trụ ở cửa Đông

2_Vô Năng Thắng Minh Vương trụ ở cửa Nam

3_Mã Đầu Minh Vương trụ ở cửa Tây

4_Cam Lộ Tuyền Minh Vương trụ ở cửa Bắc

5_Bất Động Minh Vương trụ ở cửa Đông Nam

6_Ái Nhiễm Minh Vương trụ ở cửa Tây Nam

7_Chấp Lam Đĩnh Minh Vương trụ ở cửa Tây Bắc
8_Đại Lực Minh Vương trụ ở cửa Đông Bắc
9_ Đỉnh Kế Chuyển Luân Minh Vương trụ ở phía trước mặt tại phương trên của Chủ Tôn ở trung ương, hướng mặt về phía Đông
10_Diệu Hại Minh Vương trụ ở phía sau tại phương dưới của Bất Động Chủ Tôn ở trung ương, hướng mặt về phía Đông

"**Phụ Tục Tục Vương _ Cát Tượng Tập Mật Đại Tục Vương**" = "**Tập Mật Kim Cương Căn Bản Tục**" ghi nhận là:
1_Giáng Diêm Ma Phẫn Nộ Kim Cương
2_Vô Năng Thắng Phẫn Nộ Kim Cương
3_Liên Hoa Xuất Sinh Đại Phẫn Nộ
4_Vô Tử Phẫn Nộ
5_Bất Động Kim Cương
6_Tra Chỉ Vương Đại Phẫn Nộ
7_Lam Trượng Kim Cương Phẫn Nộ Vương
8_Đại Lực Kim Cương
9_Kim Cương Độc Kế Mẫu
10_ Diệu Hại Đại Phẫn Nộ

《佛說父續密集金剛簡軌》 phật thuyết phụ tục mật tập kim cương giản quỹ》	《聖龍猛派吉祥密集地道論疏》 《thánh long mãnh phái cát tường mật tập địa đạo luận sớ 》	《佛說一切如來金剛三業最上祕密大教王經》 《phật thuyết nhất thiết như lai kim cương tam nghiệp tối thượng bí mật đại giáo vương kinh 》	《集密金剛根本續 tập mật kim cương căn bản tục 》	《佛光大辭典》 《phật quang đại từ điển 》
閻羅明王 diêm la minh vương	大威德明王 đại uy đức minh vương	金剛忿怒焰鬘得迦大明王 kim cương phẫn nộ diễm man đắc ca đại minh vương	降閻摩忿怒金剛 giáng diêm ma phẫn nộ kim cương	降焰摩 - 大威德 giáng diễm ma - đại uy đức
無能勝明王 vô năng thắng minh vương	無能勝明王 vô năng thắng minh vương	無能勝大忿怒明王 vô năng thắng đại phẫn nộ minh vương	無能勝忿怒金剛 vô năng thắng phẫn nộ	無能勝 vô năng thắng

			kim cương	
馬頭明王 mã đầu minh vương	馬頭明王 mã đầu minh vương	蓮華出生金剛忿怒馬頭大明王 liên hoa xuất sinh kim cương phẫn nộ mã đầu đại minh vương	蓮華出生大忿怒 liên hoa xuất sinh đại phẫn nộ	蓮華降伏 - 馬頭 liên hoa giáng phục - mã đầu
甘露漩明王 cam lộ tuyền minh vương	甘露漩明王 cam lộ tuyền minh vương	甘露軍拏利大忿怒明王 cam lộ quân noa lợi đại phẫn nộ minh vương	無死忿怒 vô tử phẫn nộ	降伏震動者 giáng phục chấn động giả
不動明王 bất động minh vương	不動明王 bất động minh vương	金剛贊拏三昧不動大忿怒明王 kim cương tán noa tam muội bất động đại phẫn nộ minh vương	不動金剛 bất động kim cương	不動尊 bất động tôn
愛染明王 ái nhiễm minh vương	愛染明王 ái nhiễm minh vương	吒枳大忿怒明王 tra chỉ đại phẫn nộ minh vương	吒枳王大忿怒 tra chỉ vương đại phẫn nộ	愛染王 ái nhiễm vương
藍杖明王 lam trượng minh vương	執藍挺明王 chấp lam đĩnh minh vương	儞羅難拏大忿怒明王曰 Nễ la nan noa đại phẫn nộ minh vương viết	籃杖金剛忿怒王 lam trượng kim cương phẫn nộ vương	青杖 thanh trượng
大力明王 đại lực minh vương	大力明王 đại lực minh vương	大力大忿怒明王 đại lực đại phẫn nộ minh vương	大力金剛 đại lực kim cương	大力 đại lực

頂髻轉輪明王 đỉnh kế chuyển luân minh vương	頂髻轉輪明王 đỉnh kế chuyển luân minh vương	嚩日囉播多羅大忿怒明王 Phộc nhật la bá đa la đại phẫn nộ minh vương	金剛獨髻母 kim cương độc kế mẫu	梵 Phạn Vajrapātala
妙害明王 diệu hại minh vương	妙害明王 diệu hại minh vương	一切執金剛三昧降三界大忿怒明王 nhất thiết chấp kim cương tam muội giáng tam giới đại phẫn nộ minh vương	妙害大忿怒 diệu hại đại phẫn nộ	降三世 giáng tam thế

_Lại có Thuyết ghi nhận:

1_**Đại Uế Tích Minh Vương** là Hóa Thân của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni

2_**Đại Hỏa Đầu Minh Vương** là Hóa Thân của Lô Xá Na Phật

3_**Đại Uy Đức Minh Vương** là Hóa Thân của Kim Luân Sí Thịnh Quang Phật

4_**Đại Phẫn Nộ Minh Vương** là Hóa Thân của Trừ Cái Chướng Bồ Tát

5_**Giáng Tam Thế Minh Vương** là Hóa Thân của Kim Cương Thủ Bồ Tát

6_**Mã Thủ (Đầu) Minh Vương** là Hóa Thân của Quán Thế Âm Vồ Tát

7_**Đại Tiếu Kim Cương Minh Vương** là Hóa Thân của Hư Không Tạng Bồ Tát

8_**Vô Năng Thắng Kim Cương Minh Vương** là Hóa Thân của Địa Tạng Bồ Tát

9_**Đại Luân Kim Cương Minh Vương** là Hóa Thân của Di Lặc Bồ Tát

10_**Bộ Trịch Kim Cương Minh Vương** là Hóa Thân của Phổ Hiền Bồ Tát

_Một số vị Đạo Sư Mật Giáo lại truyền thụ vị trí của mười Đại Minh Vương tương ứng với các bộ phận trên thân thể của mình là:

1_ Hūṃ-kara (Hồng Ca La): Màu xanh da trời, ngự ở phương trên, được phối trí ở vầng trán, chữ chủng tử là: (Hūṃ)

Oṃ vajra-krodha hūṃkara hūṃ _ garja garja hūṃ phaṭ

2_ Vijaya (Tối Thắng): Màu trắng, ngự ở phương Đông, được phối trí ở vai phải, chữ chủng tử là: (Hūṃ)

Oṃ vajra-krodha vijaya hūṃ _ hana hana hūṃ phaṭ

3_ Nīladaṇḍa (Thanh Trượng): Màu xanh da trời, ngự ở phương Đông Nam, được phối trí ở vai trái, chữ chủng tử là: (Hūṃ)

Oṃ vajra-krodha nīladaṇḍa hūṃ _ daha daha hūṃ phaṭ

4_ Yamāntaka (Diệm Man Đắc Ca): Màu mây xanh đậm, ngự ở phương Nam, được phối trí ở trái tim, chữ chủng tử là: (Hūṃ)

Oṃ vajra-krodha yamāntaka hūṃ _ paca paca hūṃ phaṭ

5_ Ārya-acala (Bất Động): Màu xanh lá cây đậm, ngự ở phương Tây Nam, được phối trí ở giữa rốn, chữ chủng tử là: (Hūṃ)

Oṃ vajra-krodha ārya-acala hūṃ _ bandha bandha hūṃ phaṭ

6_ Hayagrīva (Mã Đầu): Màu đỏ, ngự ở phương Tây, được phối trí ở yết hầu, chữ chủng tử là: (Hūṃ)

Oṃ vajra-krodha hayagrīva hūṃ _ hulu hulu hūṃ phaṭ

7_ Apārajita (Kāma-rāja:Ái Dục Vương): Màu thịt, ngự ở phương Tây Bắc, được phối trí ở đùi phải, chữ chủng tử là (Hūṃ)

Oṃ vajra-krodha apārajita hūṃ _ tiṣṭha tiṣṭha hūṃ phaṭ

8_ Amṛta-kuṇḍali (Cam Lộ Quân Trà Lợi): Màu xanh da trời, ngự ở phương Bắc, được phối trí ở trên rốn, chữ chủng tử là: (Hūṃ)

Oṃ vajra-krodha amṛta-kuṇḍali hūṃ _ cchinda cchinda hūṃ phaṭ

9_ Trailokya-vijaya (Giáng Tam Thế): Màu vàng đen, ngự ở phương Đông Bắc, được phối trí ở đùi trái, chữ chủng tử là: (Hūṃ)

Oṃ vajra-krodha trailokya-vijaya hūṃ _ bhinda bhinda hūṃ phaṭ

10_ Mahā-bala (Đại Lực): Màu xanh da trời, ngự ở phương dưới, được phối trí ở Hội Âm, chữ chủng tử là: (Hūṃ)

Oṃ vajra-krodha mahā-bala hūṃ _ sphoṭa sphoṭa hūṃ phaṭ

_Các vị Đại Minh Vương chủ yếu thường gặp là:
1_Bất Động Minh Vương
2_Giáng Tam Thế Minh Vương
3_Quân Trà Lợi Minh Vương
4_Đại Uy Đức Minh Vương
5_Kim Cương Dạ Xoa Minh Vương
6_Ái Nhiễm Minh Vương
7_Khổng Tước Minh Vương
8_Mã Đầu Minh Vương
9_Đại Luân Minh Vương
10_Bộ Trịch Minh Vương
11_Đại Nguyên Soái Minh Vương
12_Đại Hỏa Đầu Kim Cương
13_Phẫn Nộ Minh Vương
14_Vô Năng Thắng Minh Vương

Trong các vị Đại Minh Vương trên thì năm vị Đại Minh Vương đầu thường được an trí chung với nhau, hình thành Pháp tu an trấn nhà cửa, đất nước, cầu tiêu tai giải nạn….

_ Pháp tu của Bất Động Minh Vương có **Bất Động Từ Cứu Chú** nhiếp việc của 5 vị Đại Minh Vương, nên Hành Giả tu Mật Tông thường phụng thờ năm chữ chủng tử biểu thị cho 5 vị Đại Minh Vương



và thường trì tụng **Bất Động Từ Cứu Chú** là:
Namaḥ samanta-vajrāṇāṃ: Quy mệnh tất cả đấng Kim Cương
Caṇḍa: Kim Cương Dược Xoa bạo ác ở phương Bắc
Mahā-roṣaṇa: Giáng Tam Thế phẫn nộ ở phương Đông
Sphaṭya: Quân Trà Lợi khủng bố vương ở phương Nam
Hūṃ traṭ: Đại Uy Đức ở phương Tây
Hāṃ māṃ: Bất Động hay thành sự nghiệp ở phương chính giữa

_Theo ý nghĩa sâu xa hơn thì:
Bất Động Minh Vương là năng lực chuyển **Vô Cấu Thức** (Amala-vijñāna) thành **Pháp Giới Thể Tính Trí** (Dharma-dhātu-parakṛti-jñāna)
Giáng Tam Thế Minh Vương là năng lực chuyển **A Lại Gia Thức** (Ālaya-vijñāna) thành **Đại Viên Kính Trí** (Adarśa-jñāna)
Quân Trà Lợi Minh Vương là năng lực chuyển **Mạt Na Thức** (Manas-vijñāna) thành **Bình Đẳng Tính Trí** (Samatā-jñāna)
Đại Uy Đức Minh Vương là năng lực chuyển **Ý Thức** (Mano-vijñāna) thành **Diệu Quán Sát Trí** (Pratyavekṣana-jñāna)
Kim Cương Dạ Xoa Minh Vương là năng lực chuyển năm Thức Thân thành **Thành Sở Tác Trí** (Kṛtya-muṣṭhāna-jñāna)

Bất Động Man Đa La An Trấn Pháp



_ Hình vuông bên trong
.) Trong hình vuông dựng chéo:

Chữ  (Hāṃ-māṃ) ở chính giữa biểu thị cho Bất Động Minh Vương
Chữ  (Hūṃ) ở phương Đông biểu thị cho Giáng Tam Thế Minh Vương (Trailokya-vijaya)
Chữ  (Hūṃ) ở phương Nam biểu thị cho Quân Trà Lợi Minh Vương (Kuṇḍali)
Chữ  (Hrīḥ) ở phương Tây biểu thị cho Đại Uy Đức Minh Vương (Yamāntaka)
Chữ  (Hūṃ) ở phương Bắc biểu thị cho Kim Cương Dạ Xoa Minh Vương (Vajra-yakṣa)

.) Bên ngoài hình vuông chéo:
Chữ 𑖤𑖿𑖨 (Bra) ở góc Đông Nam biểu thị cho **Phạm Thiên** (Brahma)
Chữ 𑖢𑖴 (Pṛ) ở góc Đông Nam biểu thị cho **Địa Thiên** (Pṛthivī)
Chữ 𑖓 (Ca) ở góc Đông Nam biểu thị cho **Nguyệt Thiên** (Candra)
Chữ 𑖀 (A) ở góc Đông Nam biểu thị cho **Nhật Thiên** (Āditya)
_ Hình vuông bên ngoài
Chữ 𑖂 (Ī) ở phương Đông biểu thị cho **Y Xá Na Thiên** (Īṣāṇa)
Chữ 𑖀 (A) ở phương Đông Nam biểu thị cho **Hỏa Thiên** (Agni)
Chữ 𑖧𑖽 (yaṃ) ở phương Nam biểu thị cho **Diễm Ma Thiên** (Yama)
Chữ 𑖡𑖴 (nṛ) ở phương Tây Nam biểu thị cho **La Sát Thiên** (Nirṛti)
Chữ 𑖪 (va) ở phương Tây biểu thị cho **Thủy Thiên** (Varuṇa)
Chữ 𑖪𑖯 (vā) ở phương Tây Bắc biểu thị cho **Phong Thiên** (Vāyu)
Chữ 𑖪𑖹 (vai) ở phương Bắc biểu thị cho **Tỳ Sa Môn Thiên** (Vaiśravaṇa)
Chữ 𑖁 (i) ở phương Đông Bắc biểu thị cho **Đế Thích Thiên** (Indra)

MƯỜI VỊ ĐẠI MINH VƯƠNG

1_ **Diệm Man Đắc Ca Phẫn Nộ Minh Vương** (Yamāntaka-krodha-vidya-rāja) dùng vành mặt trời làm hào quang tròn rực lửa như Kiếp Hoả, màu thân như mây xanh, thân ngắn, bụng to, sáu cánh tay, sáu chân, sáu mặt, mỗi mặt đều có ba con mắt. Mặt chính há miệng làm tướng đại phẫn nộ, răng bén Kim Cương ló ra ngoài, lưỡi như ánh điện chớp, đỉnh đội A Súc Phật. Mặt bên phải le lưỡi. Mặt bên trái cắn môi làm tướng phẫn nộ, đỉnh đội Diệu Cát Tường Bồ Tát. Bên phải: tay thứ nhất cầm cây kiếm bén, tay thứ hai cầm chày kim cương, tay thứ ba cầm mũi tên. Bên trái: tay thứ nhất cầm sợi dây với tác **Kỳ Khắc Ấn**, tay thứ hai cầm Kinh Bát Nhã, tay thứ ba cầm cây cung. Dùng da cọp làm áo, dùng tám con rồng nghiêm sức, dùng đầu lâu làm mão, búi tóc màu vàng, cỡi con trâu dùng hoa sen làm toà ngồi, buông rũ bàn chân phải. Phía dưới, các Ma thảy đều sợ hãi, cũng gọi là **Giáng Diệm Ma Vương** đủ Đại Biện Tài, hào quang rực lửa màu đỏ, hoá Phật như mây.
_Diệm Man Đắc Ca Minh Vương Chân Ngôn là:
Oṃ_ Yamāntaka hūṃ

2_ **Bát La Nghiên Đắc Ca Phẫn Nộ Minh Vương** (Prajñāntaka -krodha-vidya-rāja) có sáu cánh tay, ba mặt, mỗi mặt đều có ba con mắt. Thân màu vàng phóng ánh sáng màu đỏ, ngồi trên hoa sen, buông rũ một chân, dùng tám vị Long Vương trang nghiêm thân ấy. Mặt chính mỉm cười, đỉnh đội A Súc Phật. Mặt bên phải màu xanh, hiện tướng phẫn nộ. Mặt bên trái màu trắng, dùng răng cắn môi. Bên phải: tay thứ nhất cầm chày Kim Cương, tay thứ hai cầm cây bổng báu, tay thứ ba cầm mũi tên. Bên trái: tay thứ nhất cầm sợi dây với tác **Kỳ Khắc Ấn**, tay thứ hai cầm Kinh Bát Nhã, tay thứ ba cầm cây cung.
_Bát-La Nghiên Đắc Ca Minh Vương Chân Ngôn là:
Oṃ_ Prajñāntaka hūṃ

3_ **Bát Nột Man Đắc Ca Phẫn Nộ Minh Vương** (Padmāntaka-krodha-vidya-rāja): Thân hiện màu đỏ, tám cánh tay, ba mặt, mỗi mặt đều có ba con mắt. Mặt chính mỉm cười. Mặt bên phải màu xanh, lè cái lưỡi Kim Cương, hiện phẫn nộ ngó nhìn. Mặt bên trái màu vàng, răng nanh bén cắn môi, hiện tướng phẫn nộ. Bên phải: tay thứ nhất

cầm chày Kim Cương, tay thứ hai cầm cây gậy báu, tay thứ ba cầm **Ca Noa Gia**, tay thứ tư cầm mũi tên. Bên trái: tay thứ nhất tác **Kỳ Khắc Ấn**, tay thứ hai cầm Kinh Bát Nhã, tay thứ ba cầm hoa sen, tay thứ tư cầm cây cung. Dùng da cọp làm áo, dùng tám vị Long Vương trang nghiêm, ngồi trên hoa sen buông rũ một chân, có Uy Lực lớn, hay biến hoá vô số Phật.

_Bát Nột Man Đắc Ca Minh Vương Chân Ngôn là:

Oṃ_ Padmāntaka hūṃ

4_ **Vĩ Cận Nan Đắc Ca Phẫn Nộ Minh Vương** (Vighnāntaka-krodha-vidya-rāja). Thân màu xanh đậm: sáu cánh tay, ba mặt, mỗi mặt đều có ba con mắt, đỉnh đội A Súc Phật. Mặt chính mỉm cười. Mặt bên phải màu trắng, hiện tướng phẫn nộ. Mặt bên trái như màu hoa Ưu Bát La, dùng răng cắm môi, hiện tướng phẫn nộ. Bên phải: tay thứ nhất cầm cây kiếm bén, tay thứ hai cầm cây búa, tay thứ ba cầm mũi tên. Bên trái: tay thứ nhất cầm sợi dây với tác **Kỳ Khắc Ấn**, tay thứ hai cầm Kinh Bát Nhã, tay thứ ba cầm cây cung. Chân trái dẫm đạp các Ma, chân phải đạp lên hoa sen, đủ Đại Thần Thông hay trừ các Ma, hoá Phật như mây đầy khắp hư không.

_Vĩ Cận Nan Đắc Ca Minh Vương Chân Ngôn là:

Oṃ_ Amṛta-kuṇḍali vighnāntaka hūṃ

5_ **Bất Động Tôn Phẫn Nộ Minh Vương** (Acala-nātha -krodha-vidya-rāja). Tác tướng **Diệu Nhãn Đồng Tử**, thân màu phỉ thuý (màu xanh biếc), đỉnh đội mão, bên trong mão có A Súc Phật, sáu cánh tay, ba mặt, mỗi mặt đều có ba con mắt. Mặt chính mỉm cười. Mặt bên phải màu vàng, hiện tướng phẫn nộ, há miệng le lưỡi, lưỡi như sen hồng. Mặt bên trái màu trắng, dùng răng cắm môi, hiện tướng đại phẫn nộ. Bên phải: tay thứ nhất cầm cây kiếm, tay thứ hai cầm chày Kim Cương, tay thứ ba cầm mũi tên. Bên trái: tay thứ nhất cầm sợi dây với tác **Kỳ Khắc Ấn**, tay thứ hai cầm Kinh Bát Nhã, tay thứ ba cầm cây cung. Phóng ánh sáng màu đỏ chiếu sáng tràn khắp, ngồi trên hoa sen, buông rũ một chân. Bên dưới Toà ấy có ngọn núi báu lớn, Tâm niệm chữ **Hồng** (Hūṃ) hay trừ các Ma, đủ vô biên Thần Thông, hoá Phật như mây đầy khắp hư không.

_Bất Động Tôn Minh Vương Chân Ngôn là:

Oṃ_ Acala hūṃ hāḥ

6_ **Trá Chỉ Phẫn Nộ Minh Vương** (Ṭakki-krodha-vidya-rāja). Thân như màu mây xanh: sáu cánh tay, ba mặt, mỗi mặt đều có ba con mắt. Đỉnh đội mão báu, trong mão có Đức Phật. Mặt chính mỉm cười. Mặt bên phải hiện tướng phẫn nộ. Mặt bên trái màu trắng, dùng răng cắn môi, hiện tướng cau mày giận dữ. Hai tay kết **Trá Chỉ Ấn**. Bên phải: tay thứ hai cầm chày Kim Cương, tay thứ ba cầm mũi tên. Bên trái: tay thứ nhất cầm Kinh Bát Nhã, tay thứ hai cầm cây cung. Phóng ánh sáng màu đỏ chiếu sáng tràn khắp, ngồi trên hoa sen, buông rũ một chân, hoá Phật như mây đầy khắp hư không. Phía dưới có các Ma thảy đều kinh sợ, chắp tay làm lễ.

_Trá Chỉ Minh Vương Chân Ngôn là:

Oṃ_ Ṭakki hūṃ jaḥ

7_ **Nễ La Nan Noa Phẫn Nộ Minh Vương** (Nīla-daṇḍa -krodha-vidya-rāja).Thân màu xanh đậm, sáu cánh tay, ba mặt, mỗi mặt đều có ba con mắt. Mặt chính mỉm cười. Mặt bên phải màu vàng, hiện tướng phẫn nộ. Mặt bên trái màu mây xanh, dùng răng cắn môi. Đỉnh đội mão báu, trong mão có Đức Phật. Bên phải: tay thứ nhất

cầm chày Kim Cương, tay thứ hai cầm cây gậy báu, tay thứ ba cầm mũi tên. Bên trái: tay thứ nhất cầm sợi dây với tác **Kỳ Khắc Ấn**, tay thứ hai cầm Kinh Bát Nhã, tay thứ ba cầm cây cung. Hào quang tròn màu đỏ chiếu sáng tràn khắp, dùng tám vị Đại Long Vương để nghiêm sức, ngồi trên hoa sen, buông rũ một chân, hoá Phật như mây đầy khắp hư không.

_Nễ La Nan Noa Minh Vương Chân Ngôn là;

Oṃ_ Nīla-daṇḍa, mahā-daṇḍa hūṃ

8_ **Đại Lực Phẫn Nộ Minh Vương** (Mahā-bala-krodha-vidya-rāja).Thân như màu mây, tám cánh tay, ba mặt, mỗi mặt đều có ba con mắt, mắt làm màu đỏ, tóc đỏ dựng đứng, đỉnh đội A Súc Phật. Mặt chính mỉm cười. Mặt bên phải màu vàng ròng làm tướng phẫn nộ. Mặt bên trái màu trắng, dùng răng cắn môi. Bên phải: tay thứ nhất cầm chày Kim Cương, tay thứ hai cầm cây gậy báu, tay thứ ba cầm cây kiếm, tay thứ tư cầm mũi tên. Bên trái: tay thứ nhất cầm sợi dây với tác **Kỳ Khắc Ấn**, tay thứ hai cầm Kinh Bát Nhã, tay thứ ba cầm **Cốt Đoá**, tay thứ tư cầm cây cung. Ngồi trên hoa sen, buông rũ một chân, hào quang tròn như bánh xe màu trắng chiếu sáng tràn khắp, tác phẫn nộ ngó nhìn.

_Đại Lực Minh Vương Chân Ngôn là:

Oṃ_ Krodhana hūṃ jaḥ

9_ **Đại Luân Phật Đỉnh** (Mahā-cakra-buddhoṣṇīṣa). Thân hiện màu vàng ròng, có hào quang tròn lớn chiếu sáng tràn khắp, ba mặt, mỗi mặt đều có ba con mắt, tay tác Ấn Thiền Định, ngồi trên toà Kim Cương Liên Hoa, bên dưới toà ấy có ngọn núi báu lớn. Hai bên Đức Phật ấy có bốn vị Thân Cận Bồ Tát, các tướng viên mãn, khuôn mặt mỉm cười, tay cầm chày Kim Cương báu, hoa Ưu Bát La với hoa sen…., mọi loại quần áo dùng để trang nghiêm. Ở bên ngoài Đại Luân Phật Đỉnh lại tưởng Luân Vi (vành bánh xe). Mặt bên trong cái vành ấy có ánh sáng Kim Cương năm màu chiếu sáng khắp cả, hoá Phật như mây đầy khắp hư không.

_Đại Luân Phật Đỉnh Chân Ngôn là:

Oṃ_ Mahā-cakra-buddhoṣṇīṣa hūṃ bhrūṃ

10_ **Phộc Nhật La Bá Đa La Đại Phẫn Nộ Minh Vương** (Vajra-pāṭala-mahā-krodha-vidya-rāja) có thân màu sữa trắng, sáu cánh tay. Bên phải: tay thứ nhất cầm chày Kim Cương, tay thứ hai cầm móc câu Kim Cương, tay thứ ba cầm mũi tên. Bên trái: Tay thứ nhất cầm sợi dây và dựng thẳng ngón trỏ, tay thứ hai cầm quyển Kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa, tay thứ ba cầm cây cung.

_Phộc Nhật La Bá Đa La Minh Vương Chân Ngôn là

Oṃ_ Vajra-pāṭala Hūṃ

BẤT ĐỘNG MINH VƯƠNG

Bất Động Minh Vương (Acala-vidya-rāja). Lại xưng là Bất Động Kim Cương Minh Vương (Acala-vajra-vidya-rāja), Bất Động Tôn (Acala-nātha), Vô Động Tôn, Vô Động Tôn Bồ Tát... là một trong 5 vị Đại Minh Vương, một trong 8 vị Đại Minh Vương.

Tôn này còn có các tên gọi khác là: Bất Không Thánh Giả Vô Động Uy Đức Vương, Thánh Vô Động Tôn Ma Ha Uy Nộ Vương, Vô Động Đại Uy Đức Kim Cương, Vô Lượng Lực Thánh Giả, Bất Động Tôn Minh, Đại Mãnh Bất Động Lực Giả, Bất Động Đại Hữu Tình, Vô Động Bất Động Tôn, Bất Động Sứ Giả...Mật Hiệu là **Thường Trụ Kim Cương**

Bất Động Minh Vương là thân ứng hoá của **Đại Nhật Như Lai** (Vairocana-tathāgata) thọ nhận Giáo Mệnh của Đức Như Lai, hiện bày tướng phẫn nộ, trường trụ trong Tam Muội **Hoả Sinh** hay thiêu đốt hết chướng nạn bên trong bên ngoài với các phiền não, tồi diệt tất cả Ma Quân oán địch.

Tôn này là **Giáo Lệnh Luân Thân** (Ādeśana-cakra-kāya) của Đại Nhật Như Lai, hay giáng phục tất cả **Ma** (Māra)

Do Tôn này có Thệ Nguyện làm tôi tớ của chư Phật, thực hành mọi công việc, nhận thức ăn dư thừa do hành giả cúng dường, ngày đêm ủng hộ hành giả, khiến cho người ấy viên mãn Vô Thượng Bồ Đề, cho nên Ngài có tên gọi là Bất Động Sứ Giả, **Vô Động Sứ Giả** (Acala-ceṭaka).

_ Thắng Quân Bất Động Nghi Quỹ ghi nhận bốn **Hoằng Nguyện** của Bất Động Minh Vương là:

1_ Thấy được thân Ta liền phát **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta)
2_ Nghe được tên Ta sẽ đoạn ác tu thiện
3_ Nghe được Ta nói sẽ được Đại Trí Tuệ
4_ Biết được Tâm Ta ắt tức thân thành Phật

Ngoài ra Bất Động Minh Vương đối với việc hộ trì Mệnh Căn của chúng sinh cũng có Công Đức thù thắng.

_ Thắng Quân Quỹ ghi rằng: "Pháp **Bất Động** có ý nghĩa là hay bảo hộ Tâm Bồ Đề, tức bảo hộ chư Phật Bồ Đề, chúng sinh Bồ Đề.

Bảo hộ chư Phật Bồ Đề. Phàm Thể của Tâm Bồ Đề là **Thức thứ tám** (Ālaya-vijñāna), Thức này tức là chư Phật, Thức này không có khởi đầu không có kết thúc (vô thủy vô chung) có hiệu là **Vô Lượng Thọ Phật** (Amitāyuḥ-buddha). Tất cả mệnh căn của chúng sinh đều gìn giữ trên Thức thứ tám, Mệnh Căn này bảo hộ khiến cho chẳng động tức là Bất Động Minh Vương vậy.

Bảo hộ chúng sinh Bồ Đề. Phàm giữ gìn Phong Luân của Thế Giới sự, ấy là tuổi thọ của tất cả chúng sinh, tức là gió của hơi thở, hơi thở ngưng thì chết. Thế nên Bất Động bảo vệ hơi thở của cõi Phật, hơi thở của chúng sinh"

_ Thâm Bí Khẩu Quyết nói rằng: "Chữ chủng tử của Bất Động Minh Vương đại biểu cho Bản Thệ thọ mệnh lâu dài của tất cả chúng sinh nên dùng chữ (Hūṃ) làm chủng tử. Do Bất Động Minh Vương này đặc biệt có Bản Thệ sống lâu, nên dùng chữ (Hāṃ) làm chủng tử.

Tuổi thọ của con người tức là hơi thở, mà hơi thở lại là gió. Thế nên **Sớ 10** nói rằng: "Mệnh là **Gió**, gió là **Tưởng**, Tưởng là **Niệm**. Mệnh Căn như vậy là Tưởng hơi thở ra vào, hơi thở ra vào của sinh mệnh. Do vậy chữ (Hāṃ) là Phong Luân biểu thị cho ý nghĩa sống lâu

Chính vì thế cho nên **Lập Ấn Tạp** nói rằng
"Lại khi Chính Báo dứt
Sống thêm được sáu tháng"
Dựa vào Văn bày mà tu Pháp **Diên Mệnh** vậy.

_ Quỹ ghi rằng: "Pháp trừ chết yểu. Dùng cỏ **Cốt Lự** thấm với bơ, sữa, Mật làm thành **Hộ Ma** (Homa: Pháp dùng lửa thiêu đốt) mười vạn biến thì hay trừ ách nạn lớn như là người dân trong nước bị chết yểu bởi bệnh dịch lưu hành, nên gọi là **Yểu Tử Nạn** (nạn chết yểu)"

Lại nói rằng: "Pháp trừ tai nạn chết chóc. Dùng sữa làm Hộ Ma một ngàn biến thì hay trừ khử tai nạn chết chóc"

_ **Đế Lị Kinh** cũng nói: "Lại dùng cỏ **Cú Lô** hòa với bơ, sữa, Mật rưới vào trong lửa, thiêu đốt mười vạn lần thời hay trừ diệt bệnh Đại Dịch".

Đặc biệt là Pháp Bất Động còn được dùng trong việc an gia trấn quốc

_ Quyến thuộc của Bất Động Minh Vương thường được ghi nhận là:

.) **Hai vị Đồng Tử**: Căng Yết La Đồng Tử và Chế Tra Ca Đồng Tử.

Trong 2 vị Đồng Tử này thì **Căng Yết La** biểu thị cho Đức **Từ Dẫn Ích** dẫn dắt chúng sinh xa lìa Tả Đạo, vào hẳn trong Phật Đạo. **Chế Tra Ca** biểu thị cho sự giáng phục tính ác khó giáo hóa của chúng sinh.

.) **Ba vị Đồng Tử**: Căng Yết La Đồng Tử, Chế Tra Ca Đồng Tử và Liên Hoa Đồng Tử.

Ba vị Đồng Tử này biểu thị cho sự nhiếp các Tôn thuộc ba Bộ của Thai Tạng Giới. Trong đó **Căng Yết La** biểu thị cho đặc tính của Phật Bộ, **Chế Tra Ca** biểu thị cho đặc tính của Kim Cương Bộ, **Liên Hoa Đồng Tử** biểu thị cho đặc tính của Liên Hoa Bộ

.) **Bốn vị Đồng Tử**: Căng Yết La Đồng Tử, Chế Tra Ca Đồng Tử, Liên Hoa Đồng Tử và Cát Tường Đồng Tử

.) **Năm vị Sứ Giả**: Căng Yết La Đồng Tử, Chế Tra Ca Đồng Tử, Câu Lợi Ca La Long Vương (Kulika-nāga-rāja), Tu Mâu Dược Xoa Nữ, Liên Hoa Cát Tường Nữ

.) **Tám vị Đồng Tử**: Tuệ Quang Bồ Tát, Tuệ Hỷ Bồ Tát, A Nậu Đạt Bồ Tát, Chỉ Đức Bồ Tát, Ô Câu Bà Nga, Thanh Tịnh Tỳ Khưu, Căng Yết La, Cế Tra Ca.

8 vị Đồng Tử biểu thị cho **bốn Trí** và **bốn Ba La** Mật. Trong đó **Tuệ Quang** biểu thị cho Bồ Đề Tâm Môn, **Tuệ Hỷ** biểu thị cho Phước Đức Môn, **A Nậu Đạt** biểu thị cho Trí Tuệ Môn, **Chỉ Đức** biểu thị cho Tinh Tiến Môn, **Ô Câu Bà Nga** biểu thị cho Bồ Đề Tâm Hạnh, **Thanh Tịnh Tỳ Khưu** biểu thị cho Phước Đức Tâm Hạnh, **Căng Yết La** biểu thị cho Từ Bi Tâm Hạnh, **Chế Tra Ca** biểu thị cho Phương Tiện Tâm Hạnh.

.) **12 vị Sứ Giả**: Tuệ Quang Bồ Tát, Tuệ Hỷ Bồ Tát, Chỉ Đức Bồ Tát, A Nậu Đạt Bồ Tát, Ô Câu, Ba Khổ, Thanh Tịnh Tỳ Khưu, Liên Hoa Cát Tường Nữ, Tu Mâu Dược Xoa, Căng Yết La Đồng Tử, Chế Tra Ca Đồng Tử, Câu Lực Ca La Đồng Tử.

.) **36 vị Đồng Tử**: Căng Già La đồng tử, Chế Sất Ca đồng tử, Bất Động Huệ đồng tử, Quang Võng Thắng đồng tử, Vô Cấu Quang đồng tử, Kế Tử Nhĩ đồng tử, Trí Tuệ Tràng đồng tử, Chất Đa La đồng tử, Triệu Thỉnh Quang đồng tử, Bất Tư Nghị đồng tử, La Đa La đồng tử, Ba La Ba La đồng tử, Y Ê La đồng tử, Sư Tử Quang đồng tử, Sư Tử Tuệ đồng tử, A Bà La Để đồng tử, Trì Kiên Bà đồng tử, Lợi Xa Tỳ đồng tử, Pháp Hiệp Hộ đồng tử, Nhân Đà La đồng tử, Đại Quang Minh đồng tử, Tiểu Quang Minh đồng tử, Phật Thủ Hộ đồng tử, Pháp Thủ Hộ đồng tử, Tăng Thủ Hộ đồng tử, Kim Cương Hộ đồng tử, Hư Không Hộ đồng tử, Hư Không Tạng đồng tử, Bảo Tạng Hộ đồng tử, Cát Tường Diệu đồng tử, Giới Quang Tuệ đồng tử, Diệu Không Tạng

đồng tử, Phổ Hương Vương đồng tử, Thiện Nễ Sư đồng tử, Ba Lợi Ca đồng tử, Ô Bà Kế đồng tử

.) **48 vị Sứ Giả**: Kiền Đạt Dược Xoa Vương, Thi Khí Đại Phạm Vương, Thất Thiên Ngũ Mẫu Dạ Xoa Vương, Sơ Thiền Nhã Ca Đại Phạm Vương, Nhị Tam Tứ Thiền Đại Minh Vương, Tam Thập Tam Thiên Các Các Thiên Vương, A Ca Ni Đa Thiên Vương, Ương Câu Tướng Ca La Vương, Tu La Kim Phộc Vương, Đại Bát Sa La Vương, Bạt Khổ Bà La Vương, Đa La Ca Vương, Ngũ Đầu Mật Chú Vương, Quang Hỏa Diễm Ma Vương, Ngũ Thiên Nhân Tán La Vương, Thần Mẫu Đại Tiểu Chư Vương, Trùy Chung Ca La Đại Vương, Ca Tỳ La Tu Pháp Vương, Dược Xoa Chư Thiên Vương, Tam Giới Bạt Thiên Đại Vương, Đa Đà Thiên Hóa Thiên Vương, Diêm La Chư Thiên Vương, Giai Tương Trì Thiên Vương, Kim Dạ Tu La Vương, Thần Dẫn Nhiếp Đại Sĩ Vương, Nhị Thập Bát Tú Chư Đại Vương, Nhất Thiết Chư Pháp Thọ Dụng Vương, Ca Diệp Đại Chú Đại Sĩ Vương, Nhất Nhất Các Hữu Đại Sĩ Vương, Hộ Trì Chư Pháp Vương, Hồng Phát Đa La Vương, Tô Tiểu Bạt Khổ Vương, Cấp Cấp Đại Tiểu Thần Đại Vương, Na Phạ Ca La Vương, Tất Để Địa Đại Sĩ Vương, Thần Vương Quyến Thuộc Đại Vương, Ma Đăng Ca La Thiên Nhân Vương, Thiên Địa Thọ Dụng Đại Minh Vương, Chư Thần Giai Đắc Đại Vương, Nhất Nhất Đông Tây Nam Bắc Vương, Mật Chú Thọ Trì Vương, Ca Diệp Đại Vương, Sa La Đại Thần Vương, Mạc Chú Đại Chú Đại Minh Vương, Hội Tập Thần Vương, Thái Nhất Đức Vương, Nhất Thiết Chư Thần Vương.

Trong 48 vị Sứ Giả này thì 24 vị Sứ Giả đầu tiên biểu thị cho nghĩa **Phát Tâm thành Phật**, 24 vị Sứ Giả sau biểu thị cho nghĩa **Tu Quả thành Phật**

.) Riêng Pháp tu sai khiến **Câu Lực Ca Long Vương** (Kulika-nāga-rāja) thì được ghi nhận trong **Bất Động Sứ Giả Đà La Ni Bí Mật Pháp** là:

"Nếu muốn sai khiến **Cổ Lực Ca Long Vương** (Kulika-nāga-rāja). Ở trên tường vách, vẽ một cây kiếm, dùng Cổ Lực Ca Long Vương quấn quanh trên cây kiếm, hình Rồng như con rắn, giữa cây Kiếm viết chữ **A** (𑖀), trong Tâm cũng tự mình quán cây kiếm này với chữ, mỗi mỗi thật rõ ràng, Tâm niệm **Bất Động Sứ Giả**, tụng 108 biến, một ngày ba thời, đủ sáu tháng, tụng càng nhiều càng tốt. Nếu đủ tháng xong, sau đó Cổ Lực Ca Long Vương tự hiện hình, làm hình dạng con người, thường đi theo, nhận sự sai khiến".



Tín ngưỡng Bất Động Minh Vương được truyền bá từ Ấn Độ qua các nước Tây Tạng, Trung Quốc, Nhật Bản, Đại Hàn.

Đặc biệt ở Nhật Bản, tín ngưỡng Bất Động Minh Vương nhận được sự sùng bái nhiệt liệt của dân gian. Khi đến đất nước này, chúng ta có thể nhìn thấy Tôn Tượng của Bất Động Minh Vương, hình tượng của các vị Đồng Tử, Mạn Trà La với Pháp cúng dường.

























HÌNH TƯỢNG CỦA BẤT ĐỘNG MINH VƯƠNG

Tôn Tượng của Bất Động Minh Vương tùy theo Kinh Điển và sự truyền thừa mà có nhiều hình tướng khác nhau.

_ Kinh **Đại Nhật, Phẩn Cụ Duyên** ghi nhận Tôn Hình là:

Thân màu xanh đen, hiện thân Đồng Tử, nheo một con mắt, ngậm miệng, đầu đội hoa sen, tóc kết thành bện rũ xuống ngực bên trái, tay phải cầm cây kiếm, tay trái cầm sợi dây, ngồi trên bàn đá.





_ **Thắng Quân Bất Động Bí Mật Nghi Quỹ** ghi nhận rằng:

Bất Động Minh Vương mặc áo màu đỏ, nghiêng eo, quần đùi màu đỏ. Bên trái có một lọn tóc rũ xuống đến lỗ tai, mắt trái hơi nhìn nghiêng, tay trái cầm sợi dây, tay phải cầm cây kiếm dựng thẳng với đầu kiếm như dạng hình cánh hoa sen, đi Kiếm Ủng, đeo vật trang sức có khảm Xà Cừ, ở trên bàn đá, cau mày trợn mắt giận dữ (sân mục), Tự thân màu vàng đỏ, dạng phẫn nộ khiến cho tất cả chúng sinh đều run sợ.

_ **Để Lị Tam Muội Da Bất Động Tôn Thánh Giả Niệm Tụng Bí Mật Pháp**, quyển Hạ ghi nhận rằng:

Vẽ Vô Động Tôn với thân mặc quần áo màu đất đỏ, búi tóc bên trái xõa xuống, mắt nhìn nghiêng, tay cầm cây kiếm sợi dây, ngồi trên hoa sen báu, cau mày, mặt giận dữ làm dạng khủng bố ba đời



NO.1 赤色不動明王（其一）

_ **Thánh Vô Động Tôn An Trấn Gia Quốc Pháp** ghi nhận rằng:

Thân Đại Nghiêm Phẫn Nộ (Thân của Vô Động Tôn) có bốn cánh tay, màu xanh biếc lớn đầy đoan nghiêm. Mắt, miệng đều mở căng, răng nanh bén ló lên trên. Tay phải cầm cây kiếm, tay trái cầm sợi dây, hai cánh tay bên trên để hai bên cái miệng tác Ấn phẫn nộ. Thân ở bên trong bánh xe Kim Cương có tám căm. Bốn phương bên ngoài bánh xe ấy hiện tám cái chày **Tam Cổ Kim Cương**, đầu bánh xe lại có lửa **Già Lâu La**, ngồi trên núi Tu Di do bốn báu lớn hợp thành kèm theo tám vị Trời và các quyến thuộc, với đúc bánh xe vàng tự có Đồ Dạng (hình dáng như hình vẽ)



NO.07 四臂不動明王

_ **Bất Động Sứ Giả Đà La Ni Bí Mật Pháp** ghi nhận rằng:

"Vẽ **Bất Động Sứ Giả** (Acala-ceṭaka) mặc áo màu đỏ với áo choàng vai nghiêng lệch, quần đùi cũng màu đỏ, một lọn tóc bên trái rũ xuống đến lỗ tai, mắt trái nhìn nghiêng, tay trái cầm sợi dây, tay phải cầm cây kiếm dựng đứng, đầu kiếm như dạng cánh hoa sen, cán kiếm có hoa văn báu, ngồi ở trên tảng đá báu, cau mày trợn mắt giận dữ, thân màu vàng đỏ, dạng phẫn nộ, hình tướng khiến cho tất cả chúng sinh đều sợ hãi".



Lại ghi nhận pháp vẽ riêng Sứ Giả là:

"Nên vẽ **Bất Động Sứ Giả** thân màu vàng đỏ, áo bên trên choàng lệch vai có màu xanh, quần bên dưới màu đỏ, bên trái có một búi tóc màu mây đen, tướng mạo Đồng Tử, tay phải cầm cái chày Kim Cương, tay trái nắm sợi dây, hai bên miệng hơi ló răng nanh, mắt giận dữ màu đỏ, ngồi trong lửa rực, trên núi đá".



NO.2 赤色不動明王（其二）

Trong các hình vẽ lưu truyền thì Bất Động Minh Vương còn được ghi nhận qua nhiều hình tướng như sau:

Tôn Tượng Bất Động Minh Vương dẫm đạp lên hai vợ chồng Đại Tự Tại Thiên:



Tôn Tượng Bất Động Minh Vương với 6 vị Sứ Giả:



Tôn Tượng Bất Động Minh Vương với 8 vị Sứ Giả:





Tôn Tượng Bất Động Minh Vương với hai vị Đồng Tử:











Tôn Tượng Bất Động Minh Vương có 3 đầu 6 cánh tay





Tôn Tượng Bất Động Minh Vương có 4 đầu



5 Tôn Tượng Bất Động Minh Vương:



_ Mật Giáo Tây Tạng thường phụng thờ Tôn Tượng **Bất Động Minh Vương** có tay phải cầm cây kiếm, tay trái cầm sợi dây, dựng đứng gối phải và quỳ gối trái (hoặc co gập chân phải, duỗi ngang chân trái)







_Tại **Trì Minh Viện** trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) thì Bất Động Minh Vương là ứng hóa thân của Đại Nhật Như Lai, thọ nhận Giáo Mệnh của Đức Như Lai, thị hiện tướng phẫn nộ, thường trụ ở Hỏa Sinh Tam Muội, hay thiêu đốt hết chướng nạn bên trong bên ngoài với các phiền não, tồi diệt tất cả Ma Quân oán địch.

Tôn này là **Giáo Lệnh Luân Thân** (Ādeśana-cakra-kāya) của Đại Nhật Như Lai, hay giáng phục tất cả **Ma** (Māra)

Tôn Hình: Thân màu đen xanh, hiện thân Đồng Tử, nheo một mắt, ngậm miệng, đầu đội hoa sen, tóc kết thành bện dài rũ xuống ngực, tay phải cầm cây kiếm, tay trái cầm sợi dây, ngồi trên bàn đá



Ý nghĩa của Tôn Hình này là:

Hoa sen chín cánh trên đầu biểu thị cho Thức thứ chín (Amala-vijnana: Vô Cấu Thức)

Nheo một con mắt biểu thị cho việc dùng con mắt Như Lai, bình đẳng quán sát tất cả chúng sinh không sót một ai

Ngậm miệng biểu thị cho sự dứt trừ hạt giống Nghiệp Thọ và dứt nghỉ các lời hý luận

Tóc kết thành bện rũ xuống ngực bên trái biểu thị cho nghĩa rũ lòng Từ Bi, thương nhớ tất cả chúng sinh hèn kém đang chịu mọi sự khổ não.

Tay phải cầm cây kiếm biểu thị cho sự đoạn trừ Phiền Não Ma. Hoặc thừa lệnh Phẫn Nộ của Như Lai muốn giết hại ***tất cả Niệm của chúng sinh*** trong Tâm, cắt đứt Nghiệp Thọ không cùng của chúng sinh khiến cho họ sinh được **Đại Không**

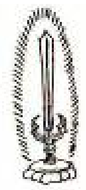
Tay trái cầm sợi dây biểu thị cho Phương Tiện Tự Tại, dùng **bốn Nhiếp Pháp** của Tâm Bồ Đề bắt trói những kẻ ngang ngược chẳng chịu hành phục

Ngồi trên bàn đá biểu thị cho việc trấn giữ Chướng nặng nề, khiến cho nó chẳng lay động, thành núi Diệu Cao Vương (Sumeru) của Tâm **Tịnh Bồ Đề**

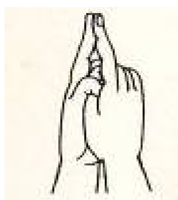
_Mật Hiệu là **Thường Trụ Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HMAṂ () hay HĀṂ () hay MĀṂ ()

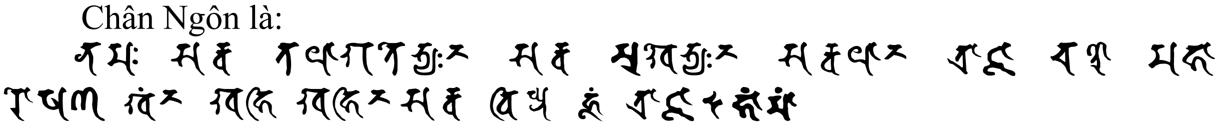
Tam Muội Gia Hình là: Tuệ Kiếm



Tướng Ấn là **Căn Bản Ấn**. Còn gọi là **Châm Ấn, Độc Cổ Ấn**. Tức hai tay Nội Phộc, hai ngón cái để ở bên cạnh hai ngón vô danh, để đầu hai ngón giữa ở mặt hai ngón cái, dựng hợp hai ngón trỏ. Hai ngón trỏ biểu thị cho cây kiếm; hai ngón cái, hai ngón vô danh biểu thị cho sợi dây. Hoặc hai ngón vô danh, hai ngón giữa biểu thị cho bốn Ma, dùng hai ngón cái đè lên tức biểu thị cho nghĩa giáng phục bốn Ma.



Chân Ngôn là:



NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHYAḤ_ SARVA MUKHEBHYAH_ SARVATHĀ TRĀṬ CAṆḌA-MAHĀ-ROṢAṆA KHAṂ KHAHI KHAHI_ SARVA VIGHNA HŪṂ TRĀṬ _ HĀṂ MĀṂ

_Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala) thì Bất Động Minh Vương là ứng hóa thân của Đại Nhật Như Lai, thọ nhận Giáo Mệnh của Đức Như Lai, thị hiện tướng phẫn nộ,

thường trụ ở Hỏa Sinh Tam Muội, hay thiêu đốt hết chướng nạn bên trong bên ngoài với các phiền não, tồi diệt tất cả Ma Quân oán địch.

Do Tôn này có thệ nguyện làm tôi tớ của chư Phật, thực hành mọi công việc, nhận thức ăn dư thừa do Hành Giả cúng dường, ngày đêm ủng hộ Hành Giả, khiến người ấy viên mãn Vô Thượng Bồ Đề, cho nên Ngài có tên gọi là Bất Động Sứ Giả, **Vô Động Sứ Giả** (Acala-ceṭaka)

Tôn này là **Giáo Lệnh Luân Thân** (Ādeśana-cakra-kāya) của Đại Nhật Như Lai, hay giáng phục tất cả **Ma** (Māra)

Tôn Hình: Thân màu đen xanh, hiện thân Đồng Tử, nheo một mắt, ngậm miệng, đầu đội hoa sen, tóc kết thành bện dài rũ xuống ngực, tay phải cầm cây kiếm, tay trái cầm sợi dây, ngồi trên bàn đá



Ý nghĩa của Tôn Hình này là:

Thân màu xanh đen: biểu thị cho tướng điều phục

Đầu đội mão hoa sen: biểu thị cho sự **chuyển bảy Pháp Phần** là Trạch Pháp, Tinh Tiến, Hỷ, Chuyển An, Niệm, Định, Hành Xả

Hiện hình Đồng Tử: Biểu thị cho ý nghĩa ***bên trên nương theo Phật Nghiệp mà giúp cho Hành Giả sai bảo, bên dưới hóa độ chúng sinh mà nắm giữ công việc tạp nhạp*** (tạp vụ) như Tâm con đỏ của Đồng Tử

Bên trái rẽ một lọn tóc: biểu thị cho nghĩa rũ lòng Từ Bi thương yêu chúng sinh con một của mình

Vết nhăn trên trán hình như sóng nước: biểu thị cho nghĩa ôm nhớ sáu đường mà tưởng tính toán nhiều phương pháp cứu chúng sinh

Nhắm mắt trái, mở mắt phải: chận đứng nẻo Tà dắt vào đường Chính

Răng bên dưới cắn môi bên trên: dùng phương tiện Từ Bi khiến cho Thiên Ma bại tướng, hướng lên trên hóa độ chư Thiên, hướng xuống dưới hóa độ chúng sinh

Ngậm miệng: dứt các Hý Luận của chúng sinh

Tay phải cầm cây Kiếm: biểu thị cho sự giết hại ba Độc **Tham, Sân, Si** hiện tại của chúng sinh

Tay trái cầm sợi dạy: Biểu thị cho sự nhiếp phục Ma Oán, dẫn dắt chúng sinh đến bờ Bồ Đề

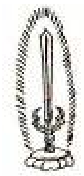
Ngồi trên bàn đá lớn: biểu thị cho sự trấn giữ **Trong Chướng** của chúng sinh khiến cho chẳng lay động, cũng tức là thành tựu Tâm Bồ Đề

Toàn thân rực lửa mạnh: biểu thị cho Lửa Tuệ của Như Lai thiêu đốt TRí Tà của Ngoại Đạo

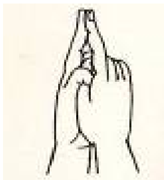
_Mật Hiệu là **Thường Trụ Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HMAṂ ( ) hay HĀṂ ( ) hay MĀṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Tuệ Kiếm



Tướng Ấn là **Căn Bản Ấn**. Còn gọi là **Châm Ấn, Độc Cổ Ấn**.



Chân Ngôn là:

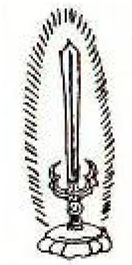
NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHYAḤ_ SARVA MUKHEBHYAH_ SARVATHĀ TRĀṬ CAṆḌA-MAHĀ-ROṢAṆA KHAṂ KHAHI KHAHI_ SARVA VIGHNA HŪṂ TRĀṬ _ HĀṂ MĀṂ

_Trong **Ngũ Đại Minh Vương Man Đa La** thì Bất Động Minh Vương hiện thân phẫn nộ có hai cánh tay cầm cây kiếm và sợi dây là Hóa Thân của **Bát Nhã Bồ Tát** (Prajña-bodhisatva) [hoặc là Hóa Thân của **Chuyển Pháp Luân Bồ Tát**] hay giáng phục tất cả các Ma, Quỷ My, mê loạn… và là Giáo Lệnh Luân Thân của Đức Đại Nhật Như Lai ở phương trung ương, biểu thị cho việc chuyển **Thức thứ chín** (Amala-vijñāna: Bạch Tịnh Thức, Vô Cấu Thức) thành **Pháp Giới Thể Tính Trí** (Dharma-dhātu-prakṛti-jñāna)

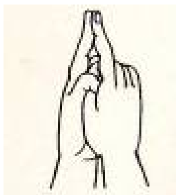
Tôn Hình: Thân màu đen xanh, hiện thân Đồng Tử, nheo một mắt, ngậm miệng, đầu đội hoa sen, tóc kết thành bện dài rũ xuống ngực, tay phải cầm cây kiếm, tay trái cầm sợi dây, ngồi trên bàn đá



Mật Hiệu là **Thường Trụ Kim Cương**
Chữ chủng tử là: HMAṂ ( ) hay HĀṂ ( ) hay MĀṂ ( )
Tam Muội Gia Hình là: Tuệ Kiếm



Tướng Ấn là **Căn Bản Ấn:** Còn gọi là **Châm Ấn, Độc Cổ Ấn**. Tức hai tay Nội Phộc, hai ngón cái để ở bên cạnh hai ngón vô danh, để đầu hai ngón giữa ở mặt hai ngón cái, dựng hợp hai ngón trỏ.



Chân Ngôn là:

]**Namaḥ sarva tathāgatebhyaḥ_ Sarva mukhebhyaḥ sarvathā trāṭ caṇḍa mahā-roṣaṇa khaṃ_ khahi khahi, sarva vighna hūṃ trāṭ hāṃ māṃ**

Tám ĐẠI ĐỒNG TỬ của BẤT ĐỘNG TÔN

Tám vị Đại Đồng Tử của Bất Động Minh Vương được sinh ra từ **bốn Trí** và **bốn Ba La Mật**. Vì gần gũi tùy thuận Giáo Lệnh của Đức **Đại Nhật** nên hiển hiện tám hình Đồng Tử vây quanh Thánh Bất Động Tôn.





1_ **Tuệ Quang** (Mati-jvala) hơi phẫn nộ, đội mão trời (thiên quan) , thân màu vàng trắng, tay phải cầm chày Ngũ Trí, tay trái cầm hoa sen bên trên có để vành trăng. Cà Sa, Anh Lạc, mọi thứ trang nghiêm.





Kim Cương Bộ (Vajra-kulāya) ở phương Đông tức Bồ Đề Tâm Môn, dùng ánh mặt trời làm ví dụ cho nên sinh ra Sứ Giả tên là **Tuệ Quang**

Tuệ Quang Đồng Tử Bồ Tát Chân Ngôn là (Tức Kim Cương Hợp Chưởng, hợp Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) như cây kim)

ॐ वज्र मति ज्वल बोधिचित्त न

Án phộc nhật-la (1) ma để, nhập-phộc la (2) bồ địa chất đa (3) nẵng (Quy mệnh Bản Tôn)

Oṃ_ vajra Mati-jvala bodhi-citta Na

2_ **Tuệ Hỷ Bồ Tát** (Mati-sadhu) có hình tựa như khuôn mặt hiền lành với tướng mỉm cười, màu như sen hồng, tay trái cầm ngọc Ma Ni, tay phải cầm Tam Cổ Câu.





Bảo Bộ (Ratna-kulāya) ở phương Nam tức Phước Đức Môn cho nên sinh ra Sứ Giả tên là **Tuệ Hỷ**, dùng Phước Đức Nhị Nghiêm làm vui

Tuệ Hỷ Bồ Tát Chân Ngôn là (Kim Cương Hợp Chưởng, Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) như hình báu)

𑖌𑖼 𑖨𑖝𑖿𑖡 𑖦𑖝𑖰 𑖭𑖠𑖲 𑖦𑖮𑖯 𑖦𑖜𑖰 𑖦𑖾

Oṃ _ Ratna Mati-sadhu mahā-maṇi Maḥ

3_ **A Nậu Đạt Bồ Tát** (Anavatapta, hay Satva-daha-praśamina) có hình như Phạm Vương, màu như vàng ròng, đỉnh đầu đội Kim Xí Điểu, tay trái cầm hoa sen, tay phải cầm chày Độc Cổ, cỡi Long Vương.





Liên Hoa Bộ (Padma-kulāya) ở phương Tây tức Trí Tuệ Môn cho nên hiện ra Sứ Giả tên là **A Nậu Đạt**. Đây nói là Vô Nhiệt (không nó nóng bức) biểu thị cho hoa sen sinh từ nước ao đầm mà vẫn trong sạch không nhiễm dơ

A Nậu Đạt Bồ Tát Chân Ngôn là (Kim Cương Hợp Chưởng, Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) như cánh sen)

Oṃ _ Padma satva-daha-praśamina mahā-dharma Saṃ

4_ **Chỉ Đức Bồ Tát** (Mahā-vairya) có hình như Dạ Xoa, màu như hư không , mặt có ba mắt, mặc giáp trụ, tay trái cầm bánh xe, tay phải cầm Tam cổ Mâu.





Yết Ma Bộ (Karma-kulāya) ở phương Bắc tức Tinh Tiến Môn cho nên sinh ra Sứ Giả tên là **Chỉ Đức**. Nay Bộ này chỉ Đức của ba Bộ trước tức y theo Tinh Tiến hay được Quả cho nên gọi là **Chỉ Đức**

Chỉ Đức Đồng Tử Bồ Tát Chân Ngôn là (Kim Cương Hợp Chưởng, Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) vào trong lòng bàn tay, cùng hợp mặt ngón)

Oṃ _ Karma mahā-vairya paripūraka Maṃ

5_ **Ô Câu Bà Nga** (Ukubhaga) đội mão Ngũ Cổ, hiện tướng bạo ác, thân như màu vàng, tay phải cầm Phộc Nhật La (Vajra: Kim Cương), tay trái tác Quyền Ấn





Kim Cương Ba La Mật (Vajra-pāramitā) tức Bồ Đề Tâm Hạnh cho nên hiện ra Sứ Giả tên là **Ô Câu Bà Nga**. Đây là **Siêu Việt trụ Thế**

Ô Câu Bà Nga Đồng Tử Chân Ngôn là (Kim Cương Hợp Chưởng)

Oṃ_ Vajra satva-ukubhaga mahā-saukhya Ta

6_ **Thanh Tịnh Tỳ Khưu** (Viśuddha-dharma-guru) cắt bỏ tóc trên đầu, mặc Pháp Cà Sa kết rũ ở vai trái, tay trái cầm Phạm Lai, tay phải để ngang trái tim cầm chày Ngũ Cổ, hiện lộ vai phải, quấn quần đỏ ở eo lưng, diện mạo chẳng trẻ chẳng già, mắt như sen xanh, trên miệng có răng nanh hiện ra bên dưới





Bảo Ba La Mật (Ratna- pāramitā) tức Phước Đức Tâm Hạnh cho nên sinh ra Sứ Giả tên là **Thanh Tịnh Tỳ Khưu** biểu thị cho Tỳ Khưu hay thủ hộ Pháp Bảo

Thanh Tịnh Tỳ Khưu Sứ Giả Chân Ngôn là (Phạm Giáp Ấn)

Oṃ_ Maṇi Viśuddha-dharma-guru rakṣa dharma Va

7_ **Căng Yết La** (Kiṅkara) có hình như đứa trẻ 15 tuổi, đội mão Hoa Sen, thân màu thịt trắng, hai tay chắp lại, ở khoảng giữa của ngón cái và ngón trỏ có chày Độc Cổ cầm ngang.





Pháp Ba La Mật (Dharma- pāramitā) tức Từ Bi Tâm Hạnh cho nên hiện ra Sứ Giả tên là **Căng Yết La**. Đây là **Tùy Thuận**

Căng Yết La Đồng Tử Chân Ngôn là (Liên Hoa Hợp Chưởng)

Oṃ_ Dharma Kiṅkara tiṣṭa Jra

8_ **Chế Tra Ca** (Ceṭaka) cũng như Đồng Tử, màu như sen hồng, đầu kết 5 búi tóc (một búi tóc ở chính giữa bên trên đỉnh đầu, một búi tóc trên vầng trán, hai búi tóc ở hai bên trái phải của cái đầu, một búi tóc ở phía sau đỉnh đầu… biểu thị cho 5 Trí ở 5 Phương) tay trái cầm **Phộc Nhật La** (Vajra: chày Kim Cương) tay phải cầm cây bổng Kim Cương. Vì tâm giận Tính ác cho nên chẳng mặc Cà Sa, dùng Thiên Y (áo khoác ngoài) buộc quang cổ và vai.





Nghiệp Ba La Mật (Karma- pāramitā) tức Phương Tiện Tâm Hạnh cho nên sinh ra Sứ Giả tên là **Chế Đa Ca**. Đây là **Tức Tai.** Bồ Tát phương tiện hiện hình giận dữ vậy

Chế Đa Ca Đồng Tử Chân Ngôn là (Ngoại Phộc Ngũ Cổ Ấn)

Oṃ _ Karma Ceṭaka hūṃ hūṃ phaṭ Ṇaṃ

Thông thường người ta hay thờ phụng hình tượng Bất Động Minh Vương với hai vị Sứ Giả đứng ở hai bên trái phải là **Chế Tra Ca** với **Căng Yết La**, và xưng là **Bất Động Tam Tôn.**



_ Ưu Khâu Mãn Nguyện Pháp:

Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện, Tỳ Khưu, Tỳ Khưu Ni…hoặc có ách nạn, hoặc cầu quan tước, hoặc gặp Quý Nhân, hoặc có sự thỉnh cầu…thì nên thiêu đốt năm loại hương, tụng niệm đủ mười vạn biến chẳng được gián đoạn.

Nếu ngày gấp rút tu Nguyện, tức nhiều người đồng niệm khiến cho mau được đủ số lúc trước thì cũng được mãn nguyện.

Chú là:

"**Hồi Quang Bồ Tát** (Mati-jvala), **Hồi Hỷ Bồ Tát** (Mati-sadhu), **A Nậu Đại Thiên** (Anavatapta), **Chí Đức Bồ Tát** (Mahā-vairya), **Ưu Khâu Bà Khâu** (Ukubhaga), **Thanh Tịnh Tỳ Khưu** (Viśuddha-dharma-guru).

Nguyện xin cho (họ tên là…) [*Nếu tự thân cầu xin việc thì nên tự xưng tên họ của mình. Nếu vì người cầu xin thì xưng tên họ của người ấy*] việc Quan được kết thúc, việc chết được ngưng dứt. Chư Thiên, Bồ Tát, La Hán nước ngoài cứu giúp cho (họ tên…) vượt qua tai tạn [*Giả sử khiến cầu Quan, nên ở ngay trước mặt nguyện xin cho (họ tên…) trở xuống, được Quan (….), diệt hẳn tai ương đời trước, chướng nạn đều ngưng dứt. Lại ở chốn này cứu giúp (họ tên…) vượt qua tai nạn. Bên dưới nói rằng: "Việc mà (họ tên…) đã mong cầu đều được xứng nguyện]*

Nguyện xin Từ Bi khiến cho Đệ Tử được mãn nguyện"

Bất Động Man Đa La

(Bất Động Minh Vương và tám vị Đồng Tử)





Bất Động Man Đa La An Trấn Pháp



_ Hình vuông bên trong

.) Trong hình vuông dựng chéo:

Chữ (Hāṃ-māṃ) ở chính giữa biểu thị cho Bất Động Minh Vương

Chữ (Hūṃ) ở phương Đông biểu thị cho Giáng Tam Thế Minh Vương (Trailokya-vijaya)

Chữ (Hūṃ) ở phương Nam biểu thị cho Quân Trà Lợi Minh Vương (Kuṇḍali)

Chữ (Hrīḥ) ở phương Tây biểu thị cho Đại Uy Đức Minh Vương (Yamāntaka)

Chữ (Hūṃ) ở phương Bắc biểu thị cho Kim Cương Dạ Xoa Minh Vương (Vajra-yakṣa)

.) Bên ngoài hình vuông chéo:

Chữ (Bra) ở góc Đông Nam biểu thị cho **Phạm Thiên** (Brahma)

Chữ (Pṛ) ở góc Đông Nam biểu thị cho **Địa Thiên** (Pṛthivī)

Chữ (Ca) ở góc Đông Nam biểu thị cho **Nguyệt Thiên** (Candra)

Chữ (A) ở góc Đông Nam biểu thị cho **Nhật Thiên** (Āditya)

_ Hình vuông bên ngoài

Chữ (Ī) ở phương Đông biểu thị cho **Y Xá Na Thiên** (Īṣāṇa)

Chữ (A) ở phương Đông Nam biểu thị cho **Hỏa Thiên** (Agni)

Chữ (yaṃ) ở phương Nam biểu thị cho **Diễm Ma Thiên** (Yama)

Chữ (nṛ) ở phương Tây Nam biểu thị cho **La Sát Thiên** (Nirṛti)

Chữ (va) ở phương Tây biểu thị cho **Thủy Thiên** (Varuṇa)

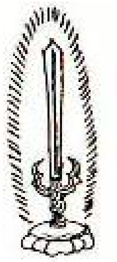
Chữ (vā) ở phương Tây Bắc biểu thị cho **Phong Thiên** (Vāyu)

Chữ (vai) ở phương Bắc biểu thị cho **Tỳ Sa Môn Thiên** (Val'sravaṇa)

Chữ (i) ở phương Đông Bắc biểu thị cho **Đế Thích Thiên** (Indra)

TAM MUỘI GIA HÌNH, CHỮ CHỦNG TỬ, CHÂN NGÔN CĂN BẢN CỦA BẤT ĐỘNG MINH VƯƠNG

_ **Tam Muội Gia Hình:** Tuệ Kiếm



Cây kiếm này biểu thị cho Thể của Tâm **Tịnh Bồ Đề**, bên ngoài giáng phục nhóm Thiên Ma, Ngoại Đạo. Bên trong giết hại Vô Minh, phiền não, Hoặc Chướng của tất cả chúng sinh

_Chữ chủng tử:  (Hāṃ-māṃ) hoặc (Hāṃ) hoặc (Hūṃ)

Chữ chủng tử:  (Hāṃ-māṃ) được kết hợp bởi hai chữ chủng tử (Hāṃ) và (Māṃ). Trong đó chủng tử (Hāṃ) biểu thị cho cây kiếm Tuệ (Tuệ Kiếm), chữ chủng tử (Māṃ) biểu thị cho sợi dây Định (Định Sách). Hợp hai chữ này thành Bất Tộng Tôn. Do vậy Mật Giáo thường thờ phụng hoặc quán tưởng chữ chủng tử này thay cho Bất Động Minh Vương



Hoặc dùng chữ chủng tử này để tạo thành hình của Bất Động Tôn.



Tôn Tượng Bất Động Tôn với Câu Lực Ca Long Vương



_ Chân Ngôn căn bản:

.) Bất Động Từ Cứu Chú

Namaḥ samanta-vajrāṇāṃ. Caṇḍa mahā-roṣaṇa sphaṭya hūṃ trāṭ hāṃ māṃ

Namaḥ samanta-vajrāṇāṃ: Quy mệnh tất cả đấng Kim Cương
Caṇḍa: Bạo ác
Mahā-roṣaṇa: Đại Phẫn Nộ
Sphaṭya: Phá hoại
Hūṃ: Khủng bố
Trāṭ: Tàn hại phá Chướng
Hāṃ māṃ: chữ Chủng Tử

.) Bất Động Từ Cứu Chú (nhiếp việc của 5 vị Đại Minh Vương)
Namaḥ samanta-vajrāṇāṃ: Quy mệnh tất cả đấng Kim Cương
Caṇḍa: Kim Cương Dược Xoa bạo ác ở phương Bắc
Mahā-roṣaṇa: Giáng Tam Thế phẫn nộ ở phương Đông
Sphaṭya: Quân Trà Lợi khủng bố vương ở phương Nam
Hūṃ traṭ: Đại Uy Đức ở phương Tây
Hāṃ māṃ: Bất Động hay thành sự nghiệp ở phương chính giữa

.) Nhất Tự Tâm Chân Ngôn (hay thành tựu tất cả sự nghiệp, tác thông dụng tất cả Ấn):

Namaḥ samanta-vajrāṇāṃ_ Hāṃ
Namaḥ samanta-vajrāṇāṃ: Quy mệnh tất cả đấng Kim Cương
Hāṃ: chủng tử



.) Thánh Vô Động Tôn Đại Hỏa Viện Đà La Ni:

Namaḥ sarva tathāgatebhyaḥ sarva mukhebhyaḥ. Sarvathā trāṭ caṇḍa mahā roṣaṇa, khāṃ, khahi khahi, sarva vighnaṃ, hūṃ trāṭ, hāṃ māṃ

Namaḥ sarva tathāgatebhyaḥ: Quy mệnh tất cả Đức Như Lai

Sarva mukhebhyaḥ: Tất cả xảo diệu

Sarvathā: Tổng nhiếp Công Đức của chư Phật

Trāṭ: quát mắng, nhiếp phiền não với Tùy Phiền Não

Caṇḍa: Bạo ác, Bộ Trịnh Minh Vương hiện bày tướng ấy

Mahā roṣaṇa: Đại phẫn nộ, Lục Túc Minh Vương hiện bày Thể Tướng ấy

Khāṃ: Trống rỗng (không), Đại Tiếu Minh Vương hiện bày Thật Tướng ấy

Khahi khahi: Ăn nuốt, Mã Đầu Minh Vương hiện bày tướng ấy

Sarva vi: Lìa tất cả sự cột trói, Đại Luân Minh Vương hiện ra nghĩa ấy

Ghnaṃ: Lửa Trí, Vô Năng Thắng Minh Vương hiện bày tướng ấy

Hūṃ: Thể của lời nói đáng sợ. Vô Động Minh Vương trong Phật Bộ làm Kim Cương Bộ, trong Kim Cương Bộ làm Phật Bộ, ba Bộ đều có ba Bộ, là đem Thể của Chân Ngôn đặt để phía sau Vô Năng Thắng, phía trước Giáng Tam Thế. Bởi vậy Vô Năng Thắng là Minh Vương của Phật Bộ, Giáng Tam Thế là Minh Vương của Kim Cương Bộ. Do Vô Động Tôn thông cả hai Bộ, cho nên đem Thể của Chân Ngôn để giữa hai vị Minh Vương

Trāṭ: Kiên cố, Giáng Tam Thế Minh Vương hiện bày tướng ấy

Hāṃ māṃ: hai thân **Định, Tuệ** của Bản Tôn Bất Động.

.) Thí Thực Chân Ngôn:

Namaḥ samanta-vajraṇāṃ_ Trāṭ_ Amogha-caṇḍa mahā-roṣaṇa sphaṭya hūṃ, trāmaya trāmaya, hūṃ trāṭ trāṭ hāṃ māṃ

Namaḥ samanta-vajraṇāṃ: Quy mệnh tất cả đấng Kim Cương

Trāṭ: Tàn hại phá Chướng

Amogha-caṇḍa: Bất Không Bạo Ác

Mahā-roṣaṇa: Đại Phẫn Nộ

Sphaṭya: Phá hoại

Hūṃ: Khủng bố

Trāmaya trāmaya: Kiên cố, bền chắc

Hūṃ: bảo vệ

Trāṭ trāṭ: Tàn hại phá hai Chướng bên trong bên ngoài

Hāṃ māṃ: chữ Chủng Tử

.) Thánh Vô Động Tôn ***liệu ngược tật*** (chữa trị bệnh sốt rét) Chân Ngôn:

Namaḥ samanta-vajrāṇāṃ_ Caṇḍa mahā-roṣaṇa

Tadyathā: Hūṃ aku maku traṭ mama kure ha hoḥ he _ mara mara cucure pure hūṃ phaṭ

MƯỜI BỐN ẤN CĂN BẢN CỦA BẤT ĐỘNG MINH VƯƠNG

Mười bốn Ấn căn bản của Bất Động còn được gọi là **Căn Bản Ấn Minh**, tức 14 Ấn Khế của Bất Động Minh Vương trong Mật Giáo.Thứ tự Ấn Tướng của 14 Ấn được các Kinh Quỹ lược nói có chút sai khác. Nay căn cứ vào 14 loại được ghi chép trong **Bất Động Lập Ấn** mà ghi chép lại

1_ **Căn Bản Ấn**: Còn gọi là **Châm Ấn, Độc Cổ Ấn**. Tức hai tay Nội Phộc, hai ngón cái để ở bên cạnh hai ngón vô danh, để đầu hai ngón giữa ở mặt hai ngón cái, dựng hợp hai ngón trỏ. Hai ngón trỏ biểu thị cho cây kiếm; hai ngón cái, hai ngón vô danh biểu thị cho sợi dây. Hoặc hai ngón vô danh, hai ngón giữa biểu thị cho bốn Ma, dùng hai ngón cái đè lên tức biểu thị cho nghĩa giáng phục bốn Ma.



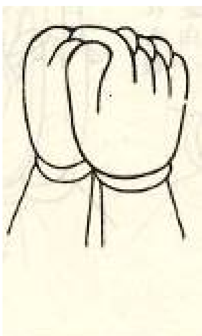
Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA-VAJRĀṆĀṂ _ HĀṂ

Hoặc dùng Chân Ngôn là:

NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHYAḤ_ SARVA MUKHEBHYAH_ SARVATHĀ TRĀṬ CAṆḌA-MAHĀ-ROṢAṆA KHAṂ KHAHI KHAHI_ SARVA VIGHNA HŪṂ TRĀṬ _ HĀṂ MĀṂ

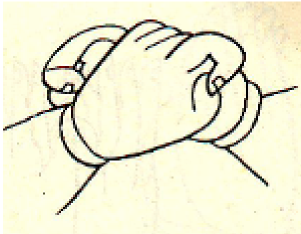
2_ **Bảo Sơn Ấn**: Tức hai tay Nội Phộc, đưa hai ngón cái vào ở trong lòng bàn tay, làm tòa ở bàn đá, biểu thị cho nghĩa chẳng động chuyển



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA-VAJRĀṆĀṂ _ HĀṂ

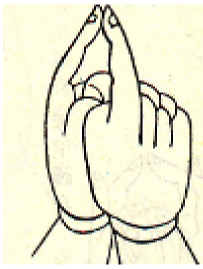
3_ **Đầu Ấn**: Hai tay tác Kim Cương Quyền. Ngửa quyền phải, quyền trái che bên trên. Đây là hình kết tóc.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA-VAJRĀṆĀṂ _ HĀṂ

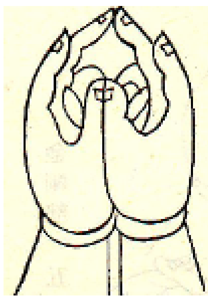
4_ **Nhãn Ấn**: hai tay Nội Phộc, đưa hai ngón cái vào lòng bàn tay, dựng hợp hai ngón trỏ. Đem An để ở hai con mắt với tam tinh, biểu thị cho con mắt Trí của ba Bộ, hoặc hai Bộ với con mắt Trí chẳng hai



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA-VAJRĀṆĀṂ _ HĀṂ

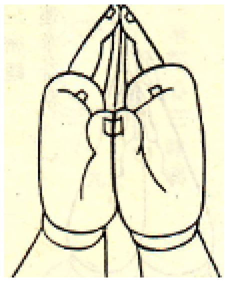
5_ **Khẩu Ấn**: Hai ngón út cài chéo nhau ở bên trong, hai ngón vô danh đè ở khoảng chéo nhau của hai ngón út, kèm duỗi hai ngón giữa, hai ngón cái đều đè ở móng ngón vô danh, hai ngón trỏ đều để ở móng hai ngón giữa, đem Ấn để ở miệng. Hoặc dùng hai ngón cái làm môi dưới, hai ngón giữa, hai ngón trỏ làm môi trên, khoảng giữa làm hình cái miệng. Đây là cái miệng của **Đại Không Tam Muội**, đầu hai ngón út ló ra biểu thị cho hình của hai răng nanh.



Chân Ngôn là:

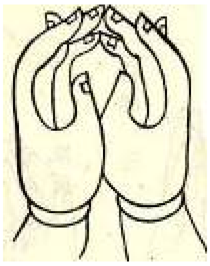
NAMAḤ SAMANTA-VAJRĀṆĀṂ _ HĀṂ

6_ **Tâm Ấn**: Hai tay chắp lại giữa rỗng, hai ngón trỏ, hai ngón cái làm như dạng búng ngón tay, tức tương đồng với **Đại Tuệ Đao Ấn**. Tâm Ấn là Tâm **Càn Lật Đà** của Bất Động Tôn, biểu thị cho vạn Đức trong tâm.



Chân Ngôn là:
𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖯𑖜𑖯𑖽 𑖮𑖯𑖽
NAMAḤ SAMANTA-VAJRĀṆĀṂ _ HĀṂ

7_ **Tứ Xứ Gia Trì Ấn**: Còn gọi là **Giáp Ấn**. Chắp hai tay lại giữa rỗng, dựng hai ngón giữa như dạng cây phướng, để hai ngón trỏ ở lóng đầu tiên của hai ngón giữa, hai ngón vô danh làm hình báu; bung đứng hai ngón út, hai ngón cái xong ấn ở bốn nơi là trái tim, hai vai, cổ họng rồi bung tán ở trên đỉnh đầu. Dùng Ấn này gia trì bốn nơi trên thân tức thành thân Bất Động.



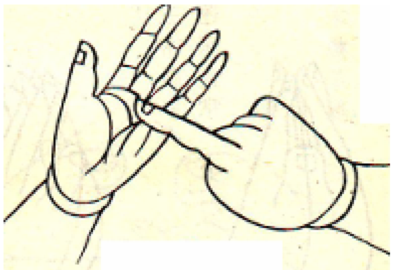
Chân Ngôn là:
𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖯𑖜𑖯𑖽 𑖮𑖯𑖽
NAMAḤ SAMANTA-VAJRĀṆĀṂ _ HĀṂ

8_ **Sư Tử Phấn Tấn Ấn**: Như Ấn lúc trước, mở đứng ngón trỏ phải rồi dao động, làm hình sư tử chồm dậy mau lẹ (sư tử phấn tấn). Sư Tử biểu thị cho **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta)



Chân Ngôn là:
𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖯𑖜𑖯𑖽 𑖮𑖯𑖽
NAMAḤ SAMANTA-VAJRĀṆĀṂ _ HĀṂ

9_ **Hỏa Diễm Ấn**: Tay phải đem ngón cái đè ở móng ngón giữa, ngón vô danh, dựng ngón trỏ đặt ở gốc ngón giữa trong lòng bàn tay trái, có nghĩa là dùng gió chỉ dạy (giáo) của Phật Đại Bi dẫn phát lửa Trí của chúng sinh.

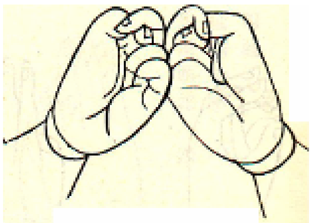


Chân Ngôn là:



NAMAḤ SAMANTA-VAJRĀṆĀṂ _ HĀṂ

10_ **Hỏa Diệm Luân Chỉ Ấn**: Còn gọi là **Chế Hỏa Ấn, Già Hỏa Ấn.** Hai tay đều để ngón cái ló ra ở khoảng giữa của ngón trỏ và ngón giữa, hai tay nắm quyền, hợp lưng. Như Phong (ngón trỏ) gần ở Hỏa (ngón giữa) ắt lửa lớn mạnh, Trí Không (2 ngón cái) ở khoảng giữa của Hỏa (ngón giữa) Phong (ngón trỏ) ắt lửa tự diệt, tức biểu thị dùng Trí Đại Không diệt lửa của nghiệp phiền não.

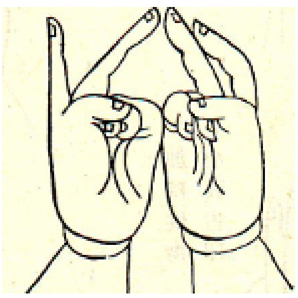


Chân Ngôn là:

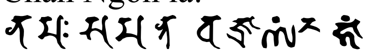


NAMAḤ SAMANTA-VAJRĀṆĀṂ _ HĀṂ

11_ **Thương Khư** (Pháp Loa) **Ấn**: Hai tay ngón cái đều đè ở ngón vô danh, ngón út; dựng hợp hai ngón giữa, ngón trỏ phải phụ ở lóng của ngón giữa, mở đứng ngón trỏ trái. Pháp Loa tức là nghĩa **Thuyết Pháp**

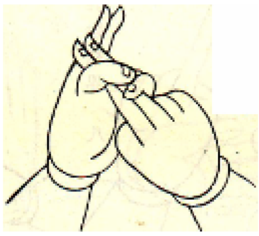


Chân Ngôn là:



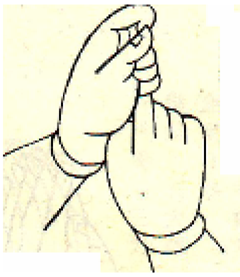
NAMAḤ SAMANTA-VAJRĀṆĀṂ _ HĀṂ

12_ **Khát Nga** (Kiếm) **Ấn**: Các Quỹ với Phẩm Mật Ấn của Kinh Đại Nhật đều nói giống nhau. Tay trái duỗi giương ngón trỏ, ngón giữa; đem ngón cái đè móng ngón út làm dạng cái bao chứa đao. Tay phải cũng làm dạng cây đao như vậy, ngửa trên tay làm cái bao, úp tay làm đao xuống dưới để ở trên tay làm cái bao. Trong Ấn này thì hai ngón giữa, ngón trỏ biểu thị cho thân Bất Động. Hoặc ngón vô danh, ngón út đè ở ngón cái biểu thị cho Đức **Đại Nhật** của hai Bộ.



Chân Ngôn là:
𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖯𑖜𑖯𑖽 𑖮𑖯𑖽
NAMAḤ SAMANTA-VAJRĀṆĀṂ _ HĀṂ

13_ **Quyến Sách Ấn**: Tay phải đem ngón cái đè móng ba ngón giữa, vô danh, út; dựng ngón trỏ rồi đưa vào lòng bàn tay trái. Tay trái dùng ba ngón giữa, vô danh, út nắm lại; ngón cái trái và ngón trỏ cùng vịn nhau như cái vòng, biểu thị cho sợi dây (Quyến Sách) của Minh Vương cầm.



Chân Ngôn là:
𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖯𑖜𑖯𑖽 𑖮𑖯𑖽
NAMAḤ SAMANTA-VAJRĀṆĀṂ _ HĀṂ

14_ **Tam Cổ Kim Cương Ấn**: Đem ngón cái phải đè ở móng ngón trỏ, duỗi giương ba ngón còn lại như dạng Tam Cổ (ba cái chẩu)



Chân Ngôn là:
𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖯𑖜𑖯𑖽 𑖮𑖯𑖽
NAMAḤ SAMANTA-VAJRĀṆĀṂ _ HĀṂ

HÌNH TƯỢNG CỦA 36 VỊ ĐỒNG TỬ

1_矜迦羅童子
Căng Già La đồng tử



2_制吒迦童子
Chế Sất Ca đồng tử



3_不動恵童子
Bất Động Huệ đồng tử



4_光網勝童子
Quang Võng Thắng đồng tử



5_無垢光童子
Vô Cấu Quang đồng tử



6_計子爾童子
Kế Tử Nhĩ đồng tử



7_智慧幢童子
Trí Tuệ Tràng đồng tử



8_質多羅童子
Chất Đa La đồng tử



9_召請光童子
Triệu Thỉnh Quang đồng tử



10_不思議童子
Bất Tư Nghị đồng tử



11_羅多羅童子
La Đa La đồng tử



12_波羅波羅童子
Ba La Ba La đồng tử



13_伊醯羅童子
Y Ê La đồng tử



14_獅子光童子
Sư Tử Quang đồng tử



15_獅子慧童子
Sư Tử Tuệ đồng tử



16_阿婆羅底童子
A Bà La Để đồng tử



17_持堅婆童子
Trì Kiên Bà đồng tử



18_利車毘童子
Lợi Xa Tỳ đồng tử



19_法挟護童子
Pháp Hiệp Hộ đồng tử



20_因陀羅童子
Nhân Đà La đồng tử



21_大光明童子
Đại Quang Minh đồng tử



22_小光明童子
Tiểu Quang Minh đồng tử



23_仏守護童子
Phật Thủ Hộ đồng tử



24_法守護童子
Pháp Thủ Hộ đồng tử



25_僧守護童子
Tăng Thủ Hộ đồng tử



26_金剛護童子
Kim Cương Hộ đồng tử



27_虛空護童子
Hư Không Hộ đồng tử



28_虛空藏童子
Hư Không Tạng đồng tử



29_宝蔵護童子
Bảo Tạng Hộ đồng tử



30_吉祥妙童子
Cát Tường Diệu đồng tử



31_戒光慧童子
Giới Quang Tuệ đồng tử



32_妙空蔵童子
Diệu Không Tạng đồng tử



33_普香王童子
Phổ Hương Vương đồng tử



34_ぜんにし童子
Thiện Nễ Sư đồng tử



35_波利迦童子
Ba Lợi Ca đồng tử



36_烏婆計童子
Ô Bà Kế đồng tử



BẤT ĐỘNG MINH PHI

_ **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala) ghi nhận **Bất Động Minh Phi** (Acala-vidya-rājñī) là vợ của **Bất Động Minh Vương** (Acala-nātha) biểu thị Tam Muội Chính Định hay sinh ra và nuôi lớn các công hạnh của Bất Động Minh Vương

Chữ chủng tử là: HŪṂ ( )

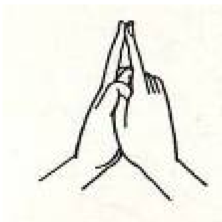
Tôn Hình: Hiện hình Thiên Nữ, thần màu xám tro xanh, hai tay cây đàn Không Hầu, làm tư thế búng gảy đàn.



Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ



Tướng Ấn là: Độc Cổ Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA VAJRĀṆĀṂ _ TRĀṬ AMOGHA-CAṆḌA _ MAHĀ-ROṢAṆA SPHAṬAYA HŪṂ _ TRĀMAYA TRĀMAYA HŪṂ TRĀṬ HĀṂ MĀṂ

CÂU LỢI CA LONG VƯƠNG

Câu Lợi Ca Long Vương, tên Phạn là **Kulika**, dịch ý là **Tôn Sắc** hay **Tôn Lặc**, hàm ý là "cẩn thận tôn trọng". Lại xưng là Câu Lợi Ca La Đại Long Vương, Cổ Lực Ca Long Vương, Cù Lê Ca La Long Vương, Câu Lý Ca, Củ Lý Ca, Câu Luật Ca, Luật Ca Đại Xà, Ca Lê Ca, Gia La Gia, Cưu Lợi Ca… Là thân biến hóa của Bất Động Minh Vương. Hình tượng ấy làm dạng nuốt cây kiếm, đứng trên bàn đá, nên tục xưng là **Câu Lý Ca La Bất Động**



俱利迦羅龍王

Y theo **Đà La Ni Tập Kinh, quyển 6** ghi chép: "Câu Lợi Ca (Kulikaḥ) có nghĩa là **Cụ Chủng** (đầy đủ mầm giống), là một trong tám vị **Long Vương** (Nāga-rāja), sắc màu nâu đen, trên đỉnh đầu có nửa vành trăng"

Phật nói Kinh **Câu Lợi Già La Long Thắng Ngoại Đạo Phục Đà La Ni** ghi chép rằng: "Đức Phật bảo Bảo Tràng Đà La Ni Bồ Tát (Ratna-ketu-dhāranī-bodhisatva) rằng: "Xưa kia **Ma Hê Thủ La** (Maheśvara) ở Trời **Sắc Cứu Cánh** (Kaniṣṭha) biết Thắng Thành là nơi mà **Vô Động Minh Vương** (Acala-vidya-rāja) cùng với Ngoại Đạo biện luận, cùng làm mọi loại Thần Biến thành **Trí** (Jñāna). Lúc Vô Động Minh Vương biến thành cây kiếm của Trí Hỏa thì có 95 loại Ngoại Đạo cộng với người đứng đầu (Thủ nhân) tên là **Trí Đạt** lại thành cây kiếm Trí Hỏa. Thời Trí Hỏa Đại Kiếm của Vô Động Minh Vương biến thành Câu Lợi Già La Đại Long (Kulika-mahā-nāga-rāja) có 4 chi là 4 vị Đại Minh Vương của nhóm **Giáng Tam Thế** (Trailokya-vijaya), **Quân Trà Lợi** (Kuṇḍali), **Diễm Ma Đô Già** (Yamāntaka), **Kim Cương Dạ Xoa** (Vaja-yakṣa). **Cảnh Vương** có hoa sen gọi là chữ **Hàm** (HĀṂ) của Trí Hỏa.

Câu Lợi Già La (Kulika) cao 10 vạn do tuần, từ miệng phun ra luồng khí như 2 vạn ức tiếng sấm kêu vang lên một lúc. Ngoại Đạo, Thiên Ma nghe xong thì buông bỏ nghi ngờ ác, tà chấp"



_**Thuyết Củ Lý Ca Long Vương Tượng Pháp** ghi chép là: "Hình ấy như con rắn, tác thế của lôi điển (Sấm chớp). Thân màu vàng ròng buộc quanh báu Như Ý, khởi lửa Tam Muội. Hình có 4 chân nhảy đá, trên lưng có 7 mũi kim Kim Cương bén nhọn cứng chắc, trên trán sinh ra một cái sừng ngọc, quấn quanh trên cây kiếm có vẽ chữ A (अ) kèm dùng Quán Tâm mỗi mỗi rõ ràng.

Nếu làm tướng người thì mặt mắt hỷ nộ, toàn thân mặc giáp trụ giống như **Tỳ Lâu Bác Xoa Vương** (Virūpakṣa-devarāja: Quảng Mục Thiên Vương) với tay trái chống eo lưng cầm sợi dây, tay phải co khuỷu tay hướng lên trên cầm cây kiếm, trên đỉnh đầu để vị **Long Vương** (Nāga-rāja) uốn khúc, đứng trên núi Kim Cương.

Bản khác ghi rằng*: “Ca Lý Ca Long Vương* (Kulika-nāgarāja) ***như tướng vui vẻ của Thiên Thần, trên đầu vẽ lộ một vị Long Vương 7 đầu, quỳ gối ngửa nhìn Đức Như Lai, chắp tay dâng hoa sen báu”***

Ngày nay, Tôn Tượng mang hình người của Câu Lợi Ca Minh Vương chẳng lưu giữ được, phần lớn là hình con Rồng quấn quanh cây Kiếm.

_Chữ chủng tử là: A (𑖀)

Tướng Ấn là **Nha Ấn:** Co khuỷu tay phải hướng lên trên . Co ngón vô danh, ngón út vào trong lòng bàn tay, dựng thẳng ngón giữa, co ngón trỏ dính cạnh lóng ngón giữa, đem ngón cái vịn cạnh ngón trỏ.

Chân Ngôn căn bản là:

“Nẵng mạc tam mãn đa bột đà nẫm. Câu lị ca gia, ca la, nhạ, minh già, phiến nễ duệ, sa-phộc hạ”



NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ KULIKĀYA KARA JAḤ _ MEGHA-ŚANĪYE SVĀHĀ

Dùng Ấn lúc trước. Nếu có người bị bệnh, nên kết **Long Vương Thân Ấn** gia trì. Liền cầm cây kiếm bên trên có vận tâm quán tưởng chữ A (𑖀) biến thành con rồng màu vàng ròng với diện mạo phẫn nộ sáng chiếu, khiến quán người bệnh tức được trừ khỏi bệnh.

Nếu có người bị **Nghiệt Lật Ha** (Grahā), Vọng Lượng gây bệnh, Nga Lật Hành Bệnh Quỷ cầm giữ đứng ở phương Nam với Ngược Tật (bệnh sốt rét) mọi việc khổ não. Nên làm cái **Thủy Đàn** rộng một khuỷu tay, 4 góc đặt bình có cắm hoa tươi ở miệng bình, dùng hoa đủ màu cũng được, 4 phương để 4 vật khí chứa đầy nước thơm, an bày các vật cúng cụ trang nghiêm, liền khuyến thỉnh Long Vương an trụ. Trong Đàn mới đặt cây kiếm , khải bạch sự việc, lễ bái cúng dường, tụng Chân Ngôn gia trì 108 biến, cầm cây dao gia bị người bệnh liền tiêu diệt được bệnh. Liền **Phát Khiển**, tụng Minh **Phá Đàn.**

_**Bất Động Sứ Giả Đà La Ni Bí Mật Pháp** ghi chép rằng: “Nếu muốn sai khiến **Cổ Lực Ca Long Vương** (Kulika-nāga-rāja). Ở trên tường vách, vẽ một cây kiếm, dùng Cổ Lực Ca Long Vương quấn quanh trên cây kiếm, hình Rồng như con rắn, giữa cây Kiếm viết chữ **A (𑖀**), trong Tâm cũng tự mình quán cây kiếm này với chữ, mỗi mỗi thật rõ ràng, Tâm niệm **Bất Động Sứ Giả**, tụng 108 biến, một ngày ba thời, đủ sáu tháng, tụng càng nhiều càng tốt. Nếu đủ tháng xong, sau đó Cổ Lực Ca Long Vương tự hiện hình, làm hình dạng con người, thường đi theo, nhận sự sai khiến.

Bất Động Sứ Giả Căn Bản Chú là:

“Na mô tam mạn đa phộc nhật-la nam (1) vĩ ca tra, vi cật lý đa, yết la (2) ma ha bế lệ đa (3) mật sắt tra, khế chú sất sắt-tra, ha la (4) Án đát la, ma la đạt la (5) chiết đổ lỗ mộc khư (6) thấp-phộc la, na la ca, ca bỉ lỗ liệt trì-phộc kế xá hồng (7) bạt chiết-la, bạt chiết-lộ tử la, hồng, phán, toa ha”



Namaḥ samanta-vajrāṇāṃ_ Vikaṭa vikṛtā-kāra_ Mahā-preta viṣṭha kheṭocchiṣṭa āhāra_ Indra-māla-dhāra catur-mukha jvala kapilordhva-keśa hūṃ_ vajra-vaja-ugra hūṃ phaṭ svāhā

_**Câu Lực Ca Long Vương Nghi Quỹ** ghi chép là:

Bất Động Như Lai Đại Nhật Như Lai Long Vương Hiện Thân Căn Bản Chân Ngôn:



OṂ _ TRĀ BALA MAṂ SAṂ Ā

Tụng Chân Ngôn này ắt hiện thân, vãng sinh 10 phương Tĩnh Thổ. Nếu bái ***Tôn dung*** đến **A Nậu Bồ Đề** (Vô Thượng Chính Giác) rốt ráo chẳng bị đọa vào 3 nẻo ác.

Đây là Thần Thông của **Long Vương Hỏa Quang Tam Muội** này. **Hỏa Thiên** là sở ngữ của 4 Trí. **Hỏa Thiên Thánh Giả, Hỏa Quang Tam Muội, Hách Dịch Quang Minh** đều là thân của Hỏa Thiên này, hay nhớ thần lực chẳng thể nghĩ bàn của Long Vương này. Chỉ có Pháp này quán Pháp **Bản Sinh** biến **Đại Nhật** (Vairocana) thành **Bất Động** (Acala), liền biến Bất Động thành tướng trên cây kiếm, chữ A (𑖀) lại trở thành Long Vương.

_Dùng Tôn này làm Bản Tôn để tu Pháp thì hay trừ bệnh hoạn, Ma Chướng

GIÁNG TAM THẾ MINH VƯƠNG

Giáng Tam Thế Minh Vương, tên Phạn là Trailokya-vijaya. Hán dịch là: Thắng Tam Thế, Thánh Tam Thế, Nguyệt Yểm Tôn, Kim Cương Tồi Phá Giả, Phẫn Nộ Trì Minh Vương Tôn… Lại xưng là Giáng Tam Thế Minh Vương, Tam Thế Thắng Kim Cương, Thánh Tam Thế Minh Vương, Thắng Tam Thế Kim Cương, Giáng Tam Thế Kim Cương Bồ Tát.hoặc xưng là **Kim Cương Hồng Ca La** (Vajra-hūṃ-kāra). Là một trong năm vị Đại Minh Vương, hay một trong tám vị Đại Minh Vương của Mật Giáo.

_Trong **Trì Minh Viện** của **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) thì chia riêng thành 2 Tôn là **Thắng Tam Thế** (Giáo Lệnh Luân Thân của Phật Bộ) và **Giáng Tam Thế** (Giáo Lệnh Luân Thân của Kim Cương Bộ)

Thắng Tam Thế biểu thị cho Quả Đức **tồi diệt Hoặc Chướng của chúng sinh**, cùng với Giáng Tam Thế Minh Vương là đồng Thể khác tên. Trong trường hợp này thì **Thắng Tam Thế Minh Vương** là Hóa Thân của **Phổ Hiền Bồ Tát** (Samanta-bhadra-vodhisatva) hay giáng phục Tham Sân Si trong ba đời của chúng sinh với **Đại Tự Tại Thiên** (Maheśvara) là chủ của ba cõi cho nên có tên gọi là **Giáng Tam Thế** (hoặc Hàng Tam Thế) và là **Giáo Lệnh Luân Thân** (Ādeśana-cakra-kāya) của **Phật Bộ** (Buddha-kulāya)

Do Tôn này đại biểu cho sự giáng phục 3 độc Tham Sân Si và 3 cõi Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới cho nên xưng là Giáng Tam Thế và có tên gọi là Giáng Tam Thế (hoặc Hàng Tam Thế). Trong trường hợp này thì Giáng Tam Thế Minh Vương là Hóa Thân của **Kim Cương Tát Đỏa** (Vajra-satva) và là Giáo Lệnh Luân Thân của **Kim Cương Bộ** (Vajra-kulāya)



_Y theo Mật Giáo lưu truyền thì tu tập **Giáng Tam Thế Minh Vương Pháp** có **c**ông năng chủ yếu là Điều Phục, tức là giáng phục Thiên Ma. Nếu trì tụng Chân Ngôn của một Minh Vương này ắt vô lượng vô biên Ma Giới liền bị khổ não nóng bức.

Phàm các quyến thuộc của các Ma có ý quấy rối người tu hành, khi nghe được Chân Ngôn của một Minh Vương này thời chẳng những không có cách gây chướng, thậm chí còn trở thành tôi tớ theo hầu người tu hành.

Tu tập một Pháp Minh Vương này cũng hay đắc được Công Đức của nhóm : đánh thắng gậy gộc, trừ bệnh, được người kính yêu…

1_ Thắng Tam Thế (Trailokya-vijaya):

Tôn này đại biểu cho sự giáng phục Tham Sân Si trong ba đời của chúng sinh với **Đại Tự Tại Thiên** (Maheśvara) là chủ của ba cõi. Tôn này là Hóa Thân của Phổ Hiền Bồ Tát và là Giáo Lệnh Luân Thân của Phật Bộ

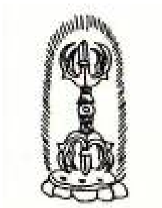
Tôn Hình: Thân màu đen xanh, chung quanh thân có lửa mạnh bao vây, đầu đội mão báu, mặt có ba mắt, ló hai nanh bén nhọn hướng lên trên, hiện tướng phẫn nộ, tay phải cầm cây kích có ba chia, tay trái cầm chày Kim Cương Tam Cổ, ngồi trên bàn đá.



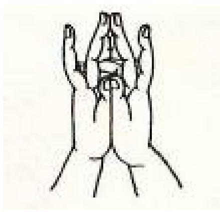
Mật Hiệu là: **Tối Thắng Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HAḤ (𑖮𑖾) hay HO (𑖮𑖺)

Tam Muội Gia Hình là: chày Ngũ Cổ



Tướng Ấn là: Ngoại Ngũ Cổ Ấn (Kim Cương Tuệ Ấn)



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀṂ_ HA HA HA VISMAYE _ SARVA TATHĀGATA-VIṢAYA SAṂBHAVE_ TRAILOKYA-VIJAYA HŪṂ JAḤ_ SVĀHĀ

2_ Giáng Tam Thế (Vajra-hūṃ-kāra):

Tôn này là Hóa Thân phẫn nộ của Kim Cương Tát Đỏa hay giáng phục 3 độc Tham Sân Si và 3 cõi Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới cho nên xưng là Giáng Tam Thế và là Giáo Lệnh Luân Thân của Kim Cương Bộ.

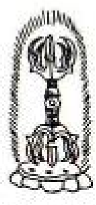
Tôn Hình: Thân màu xanh có 3 mặt, 8 cánh tay hoặc 4 mặt 8 cánh tay. Lưng sinh lửa rực, ngồi trên hoa sen. Hai tay thứ nhất kết Giáng Tam Thế Ấn. Bên trái: tay thứ hai cầm cây cung, tay thứ ba cầm sợi dây, tay thứ tư cầm cây Tam Xoa Kích. Bên phải: tay thứ hai cầm mũi tên, tay thứ ba cầm cây kiếm, tay thứ tư cầm cái chuông Ngũ Cổ.



Mật Hiệu là: **Tối Thắng Kim Cương**, **Hồng Ca La Kim Cương** (Vajra-Hūṃ-kāra)

Chữ chủng tử là: HŪṂ ( )

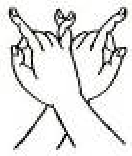
Tam Muội Gia Hình là: chày Kim Cương Ngũ Cổ



Tướng Ấn là: **Giáng Tam Thế Ấn**. Hai tay tác Phẫn Nộ Quyền, tay trái ở dưới, tay phải ở trên, hai lưng bàn tay hướng vào nhau; lúc này hai ngón út cùng móc kết nhau, dựng đứng hai ngón trỏ.

Chuyển bên trái là Tịch Trừ

Chuyển bên phải tức Kết Giới.



Chân Ngôn là:

OṂ – SUMBHA NISUMBHA HŪṂ – GṚHṆA GṚHṆA HŪṂ – GṚHṆA APAYA HŪṂ – ĀNAYA HOḤ – BHAGAVAṂ VAJRA HŪṂ PHAṬ

_Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala) ghi nhận Giáng Tam Thế Minh Vương là **thân phẫn nộ** (Krdha-kāya) của **Kim Cương Tát Đỏa** (Vajra-satva)

Tôn Hình: Ba mặt tám cánh tay, mỗi mặt đều có ba con mắt, tóc trên đầu hướng lên trên như đám lửa bay múa. Hai tay ở giữa kết **Pháp Ấn**. Ba tay còn lại bên phải cầm cái chuông, mũi tên, cây kiếm. Ba tay còn lại bên trái cầm cây Kích, cây cung, sợi dây. Hai bàn chân đạp lên **Đại Tự Tại Thiên** (Maheśvara) với Minh Phi **Tuyết Sơn Thần Nữ** (Uma)…biểu thị cho ý tưởng **điều phục Phiền Não Chướng và Sở Tri Chướng**



降三世明王

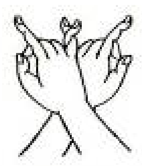
Mật Hiệu là: **Tối Thắng Kim Cương**, **Hồng Ca La Kim Cương** (Vajra-Hūṃ-kāra)

Chữ chủng tử là: HŪṂ (𑖮𑖳𑖽)

Tam Muội Gia Hình là: chày Kim Cương Ngũ Cổ



Tướng Ấn là: **Giáng Tam Thế Ấn**.



Chân Ngôn là:

OṂ – SUMBHA NISUMBHA HŪṂ – GṚHṆA GṚHṆA HŪṂ – GṚHṆA APAYA HŪṂ – ĀNAYA HOḤ – BHAGAVAṂ VAJRA HŪṂ PHAṬ

_Trong **Ngũ Đại Minh Vương Man Đa La** thì Tôn này hiện hình phẫn nộ có bốn mặt, tám cánh tay....là Hóa Thân của Kim Cương Tát Đỏa hay giáng phục Đại Tự Tại Thiên với chúng Ma hủy hoại Chính Pháp và là **Giáo Lệnh Luân Thân** (Ādeśana-cakra-kāya: thân Phẫn Nộ) của Đức **Phật A Súc** (Akṣobhya-buddha) ở phương Đông, biểu thị cho việc chuyển **Thức Thứ Tám** (Ālaya-vijñāna) thành **Đại Viên Cảnh Trí** (Adarśa-jñāna)

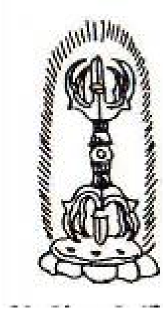
Tôn Hình: Thân màu xanh có 3 mặt, 8 cánh tay hoặc 4 mặt 8 cánh tay. Lưng sinh lửa rực, ngồi trên hoa sen. Hai tay thứ nhất kết Giáng Tam Thế Ấn. Bên trái: tay thứ hai cầm cây cung, tay thứ ba cầm sợi dây, tay thứ tư cầm cây Tam Xoa Kích. Bên phải: tay thứ hai cầm mũi tên, tay thứ ba cầm cây kiếm, tay thứ tư cầm cái chuông Ngũ Cổ.



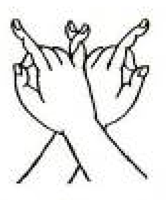
Mật Hiệu là: **Tối Thắng Kim Cương**, **Hồng Ca La Kim Cương** (Vajra--Hùm-kàra)

Chữ chủng tử là: HŪṂ () hay HUṂ ()

Tam Muội Gia Hình là: chày Kim Cương Ngũ Cổ



Tướng Ấn là: **Giáng Tam Thế Ấn**



Chân Ngôn là:

Oṃ_ Sumbha nisumbha hūṃ_ gṛhṇa gṛhṇa hūṃ_ gṛhṇa apaya hūṃ_ ānaya hoḥ, bhagavaṃ vajra hūṃ phaṭ

GIÁNG TAM THẾ MINH PHI

Giáng Tam Thế Minh Vương Phi biểu thị cho Tam Muội Chính Định hay sinh ra và nuôi lớn các công hạnh của Giáng Tam Thế Minh Vương

Chữ chủng tử là: HŪṂ ( )

Tôn Hình: Hiện hình Thiên Nữ, thân màu xám tro, tay cầm hoa sen.



Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ.



Tướng Ấn là: Giáng Tam Thế Ấn



Chân Ngôn là:



HŪṂ _ SATVA-VAJRI JVALA _ BALA-KRODHA HŪṂ PHAṬ _ ABHIṢIṂCA MĀṂ

QUÂN TRÀ LỢI MINH VƯƠNG

Quân Trà Lợi Minh Vương, tên Phạn là Kuṇḍalī, dịch âm là Quân Trà Lợi, Quân Đồ Lợi...dịch ý là ***cái bình*** (Quân Trì Bình).

Trong Mật Giáo cái bình là tượng trưng cho **Cam Lộ** (Amṛta) cất chứa năng lượng của sinh mệnh chẳng bị khô cạn. Do Tôn này dùng phương tiện Từ Bi, Thành Chứng Đại Uy Nhật Luân để chiếu diệu cho người tu hành và rưới rót nước Cam Lộ, dùng để tẩy rửa 3 độc phiền não trong đất Tâm của chúng sinh. Nhân đây lại gọi là **Cam Lộ Quân Trà Lợi Minh Vương** (Amṛti-kuṇḍalī-vidyārāja).

Nhân vì thị hiện tướng phẫn nộ, hình mạo lại tựa như thân Dạ Xoa, cho nên cũng gọi là **Quân Trà Lợi Dạ Xoa Minh Vương** (Kuṇḍalī-yakṣa-vidyārāja). Ngoài ra, cũng có cách gọi khác là **Đại Tiếu Minh Vương, Cát Lợi Cát Lợi Minh Vương**....

Thông thường thì Tôn này được xưng là Quân Trà Lợi, Dạ Xoa Minh Vương. Là một trong 5 vị Đại Minh Vương của Mật Giáo, là **Giáo Lệnh Luân Thân** (Ādeśana-cakra-kāya: Thân phẫn nộ) của Đức Phật **Bảo Sinh** (Ratna-saṃbhava) ở phương Nam, trên thân có nhiều con rắn dùng làm vật trang sức, có Công Đức trừ Ma ác, rắn độc, nhiệt não, bệnh tật.

Lại có thuyết cho rằng Tôn này là Hóa Thân của **Hư Không Tạng Bồ Tát** (Ākāśa-garbha-bodhisatva) thường cư trú tại Bản Cung ở phương Nam của núi Tu Di (Sumeru) nên có tên gọi là Nam Phương Quân Trà Lợi

Mật Tông Phật Giáo ghi nhận Tôn này là vị **Biện Sự Kim Cương** rất được coi trọng trong ba Bộ: **Phật, Liên Hoa, Kim Cương** của **Thai Tạng Giới** (Garbha-dhātu-maṇḍala). Trong **Liên Hoa Bộ Viện** thì có tên gọi là **Liên Hoa Quân Trà Lợi** (Padma-kuṇḍalī), trong **Kim Cương Bộ Viện** thì có tên gọi là **Kim Cương Quân Trà Lợi** (Vajra-kuṇḍalī), trong **Tô Tất Địa Viện** thì có tên gọi là **Cam Lộ Quân Trà Lợi** (Amṛta-kuṇḍalī)... cả ba đều là hiện tượng **đồng Thể khác tên** của Tôn này.



Truyền Thuyết của dân gian Trung Quốc cho rằng Tôn này là Thái Tử **Kim Tra**, con trai của Đại Nhân **Lý Tịnh** ở Thành Đường Quan. Vị Thái Tử này nguyên có tên gọi là **Cam Lộ Bình** (Amṛta-kuṇḍali), nhân dùng phần Đức của Cam Lộ làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, nên dùng chữ **Cam Lộ** tượng trưng cho sự Thần Cách Hóa của Minh Vương này

HÌNH TƯỢNG CỦA QUÂN TRÀ LỢI MINH VƯƠNG

Tôn Tượng của Quân Trà Lợi Minh Vương có hiều loại: hoặc một mặt tám cánh tay, hoặc hai mặt bốn cánh tay, hoặc bốn mặt tám cánh tay... thân màu xanh, mắt màu hồng hoặc đỏ, tay nắm hai con rắn đỏ. Các tay còn lại cầm cây kích, cái chày, bánh xe.... Thông thường hay nhìn thấy Tôn Tượng có tám cánh tay

_**Đà La Ni Tập Kinh** ghi nhận rằng: "Tượng ấy toàn thân màu xanh, hai mắt đều màu đỏ, cột tóc thành búi, tóc trên đầu có hai màu ***đỏ đen*** xen lẫn như đám lửa Tam Muội, trợn mắt nhìn giận dữ, răng trên đều lộ ra cắn môi bên dưới làm mặt rất giận dữ. Hai con rắn rũ xuống trước ngực, hai cái đầu giao nhau, ngửa đầu hướng lên trên. Đuôi của hai con rắn rũ xuống đến vai. Hai con rắn ấy có màu như Linh Xà màu vàng xen kẽ màu ***đỏ đen***.

Tượng ấy có tám cánh tay. Bên phải: tay thứ nhất cầm Bạt Chiết La co cánh tay hướng lên trên, tay thứ hai cầm cây kích dài, co cánh tay hướng lên trên, trên dưới cây kích ấy đều có ba chia nhọn bén, một đầu hướng lên trên, một đầu trụ mặt đất. Tay thứ ba bên phải đè tay thứ ba bên trái giao hai cánh tay ngay trước ngực, trong hai bàn tay nắm một con rắn đỏ, hai con rắn ấy giao nhau đều hướng về mặt tượng, hai tay đều tác **Bạt Chiết La Ấn**; hai tay đều đem ngón cái vịn móng ngón út, duỗi các ngón còn lại. Liền đem tay trái đè trước cổ tay phải, tiếp theo tay phải đè trước nách trái, tức là **Tâm Ấn**. Tay thứ tư ngửa rũ hướng xuống dưới, đừng chạm háng phải, duỗi năm ngón tay làm tay **Thí Vô Úy**.

Bên trái: tay bên trên cầm hình bánh xe vàng, co cánh tay hướng lên trên, bánh xe có tám góc đầy đủ căm vành. Tay kế tiếp bên dưới đều co ba ngón tay từ ngón giữa trở xuống hướng về lòng bàn tay, ngón cái vịn bên cạnh lóng trên của ngón giữa, duỗi thẳng ngón trỏ hướng lên thân trên, co khuỷu cánh tay ấy, hướng bàn tay cánh tay về bên trái. Tay thứ tư bên dưới đặt nằm ngang che háng trái, hướng đầu ngón về bên phải.

Trong tám cổ tay đều đeo xuyến vàng. Dùng Thiên Y gấm hoa màu tím cột ràng phía sau đỉnh đầu, đầu của Thiên Y chia ra hai bên trái phải đều hướng xuống dưới. Tướng màu xanh lục, eo thắt dây lưng màu hồng, dùng da cop và gấm làm quần. Hai bắp chân đều có rắn đỏ quấn, hai con rắn ấy có màu **đen đỏ** xen nhau.

Đặt tượng ấy đứng trên hai hoa sen bảy báu, ngón chân phải hướng về bên phải, ngón chân trái hướng về bên trái"

_**Quân Trà Lợi Bồ Tát Cúng Dường Thành Tựu Nghi Quỹ** ghi rằng: "Nói thân tướng của Bản Tôn. Nên quán bốn mặt bốn cánh tay, tay phải cầm chày Kim Cương, tay trái tác **Mãn Nguyện Ấn**, hai tay tác **Yết Ma Ấn**. Lưng thân có Uy Quang tỏa ánh sáng lửa, trụ trong vành trăng, ngồi tại hoa sen xanh trên bàn đá Sắt Sắt. Nặt chính từ bi, mặt thứ hai giận dữ, mắt thứ ba làm dung mạo cười lớn, mặt thứ tư hơi giận dữ há miệng"

Tượng bốn mặt bốn cánh tay này biểu thị cho ý tưởng giáng phục bốn loại phiền não căn bản **Ngã Ái, Ngã Kiến, Ngã Mạn, Ngã Ái** trong Thức Mạt Na thứ bảy (Manas-vijñāna)

Lại có thuyết nói bốn mặt bốn cánh tay tượng trưng cho bốn loại Pháp **Tức Tai, Giáng Phục, Kính Ái, Tăng Ích**

_Trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala)

.)Tại **Quán Âm Viện** (Liên Hoa Bộ Viện) thì Quân Trà Lợi Minh Vương được xưng là **Liên Hoa Quân Trà Lợi** (Padma-kuṇḍalī)

Tôn này là Thị Giả ở bên cạnh phải của Thánh Quán Thế Âm Bồ Tát

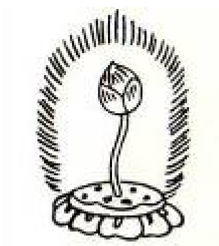
Tôn Hình: Thân màu xanh, tóc như lửa mạnh dựng đứng, cầm hoa sen chưa nở, mặc áo khoác ngoài (thiên Y), ngồi yên trên đài sen



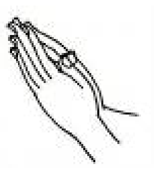
Mật Hiệu là: **Giáng Phục Kim Cương**

Chữ chủng tử là: KU () hay BRAṂ ()

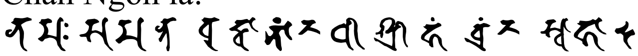
Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen chưa nở



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng



Chân Ngôn là:



NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ DHĪ ŚRĪ HAṂ BRAṂ _ SVĀHĀ

.)Tại **Kim Cương Thủ Viện** (Kim Cương Bộ Viện) thì Quân Trà Lợi Minh Vương được xưng là **Kim Cương Quân Trà Lợi** (Vajra-kuṇḍalī).

Tôn này biểu thị cho nghĩa dùng nước Cam Lộ tẩy rửa tâm của chúng sinh, hoặc dùng gia trì vật cúng dường

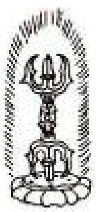
Tôn Hình: Thân màu thịt, hai tay giao chéo nhau trước ngực, dựng thẳng 3 ngón trỏ, giữa, vô danh; co ngón út và ngón cái.



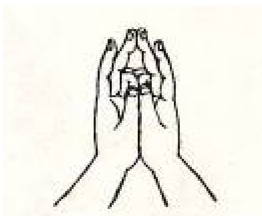
Mật Hiệu là: Cam Lộ Kim Cương

Chữ chủng tử là: HŪṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ



Tướng Ấn là: Đại Tam Muội Gia Ấn



Chân Ngôn là:



NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMAḤ ŚCAṆḌA MAHĀ-VAJRA-KRODHĀYA

OṂ – HULU HULU – TIṢṬA TIṢṬA – BANDHA BANDHA – HANA HANA – AMṚTE HŪṂ PHAṬ.

.)Tại **Tô Tất Địa Viện** (Liên Hoa Bộ Viện) thì Quân Trà Lợi Minh Vương được xưng là **Cam Lộ Quân Trà Lợi** (Amṛti-kuṇḍalī)

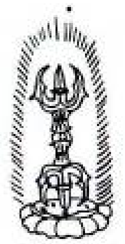
Tôn Hình: Thân màu vàng lợt, ngồi trên hoa sen đỏ.



Mật Hiệu: **Cam Lộ Kim Cương**

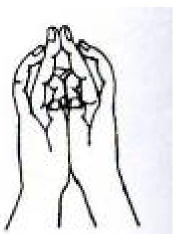
Chữ Chủng Tử là: HŪṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ.



Tướng Ấn là: **Quân Đồ Lợi Tam Muội Gia Ấn**

Hai ngón út cùng hợp bên trong, kèm co hai hai ngón vô danh đè ở khoảng giữa, kèm duỗi hai ngón giữa rồi co hai ngón trỏ trụ ở lóng đầu tiên của ngón giữa sao cho không chạm lưng ngón, như chày Tam Cổ, kèm duỗi hai ngón cái ở khoảng giữa ngón giữa với ngón vô danh và đè lên lưng ngón vô danh.



Chân Ngôn là:

NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMAḤ ŚCAṆḌA MAHĀ-VAJRA-KRODHĀYA

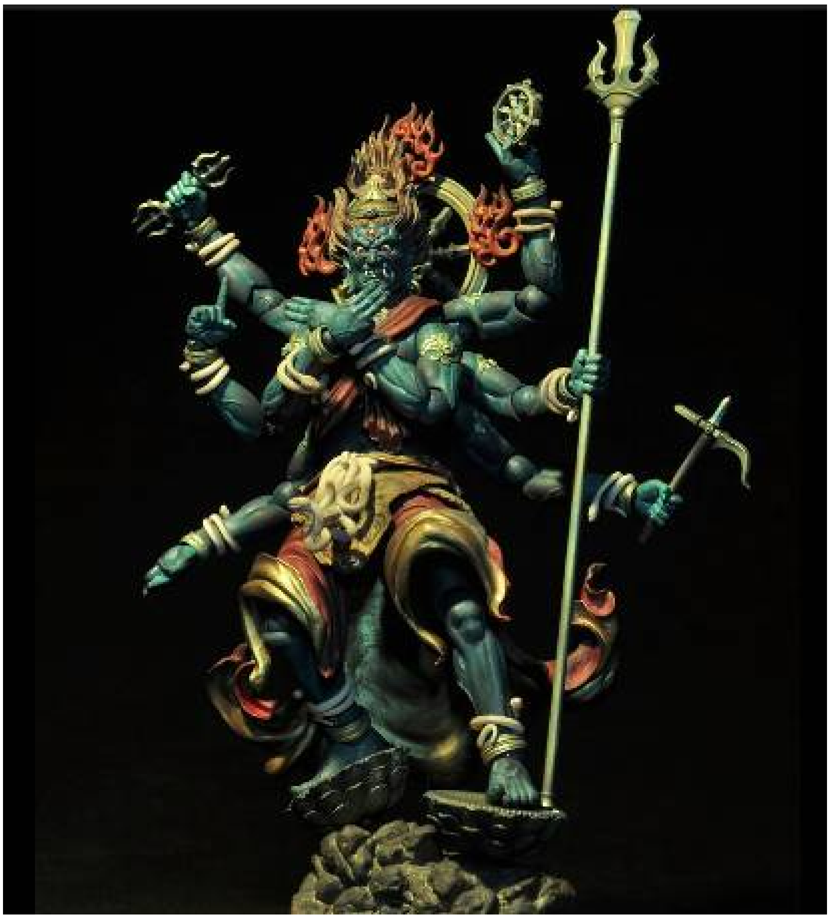
OṂ_ HURU HURU, TIṢṬA TIṢṬA, BANDHA BANDHA, HANA HANA, AMṚTE HŪṂ PHAṬ SVĀHĀ

_Thân có một mặt 8 cánh tay. Hai tay thứ nhất kết Căn Bản Ấn. Bên phải: tay thứ hai nắm quyền duỗi ngón trỏ, tay thứ ba cầm chày Tam Cổ, tay thứ tư duỗi năm ngón tay rồi ngửa lòng bàn tay. Bên trái: tay thứ hai nắm quyền cầm cây búa Ngũ Cổ, tay thứ ba cầm bánh xe, tay thứ tư cầm sợi dây. Hai chân đạp trên hoa sen



Ngoài ra, Thế Gian thường lưu truyền các Tôn Tượng Quân Trà Lợi Minh Vương có tám cánh tay là:













_Trong **Ngũ Đại Minh Vương Man Đa La** thì Quân Trà Lợi Minh Vương này hiện hình phẫn nộ có bốn mặt, tám cánh tay....là Hóa Thân của Hư Không Tạng Bồ Tát (Ākāśa-garbha-bodhisatva) hay giáng phục tất cả chúng A Tu La, các Quỷ Thần gây bệnh tật não hại con người với dứt trừ **Ngũ Ấm Ma** và là **Giáo Lệnh Luân Thân** (Ādeśana-cakra-kāya: thân Phẫn Nộ) của Đức **Phật Bảo Sinh** (Ratna-saṃbhava-buddha) ở phương Nam, biểu thị cho việc chuyển **Thức thứ bảy** (Manas-vijñāna) thành **Bình Đẳng Tính Trí** (Samatā-jñāna)

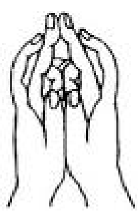


降三世明王

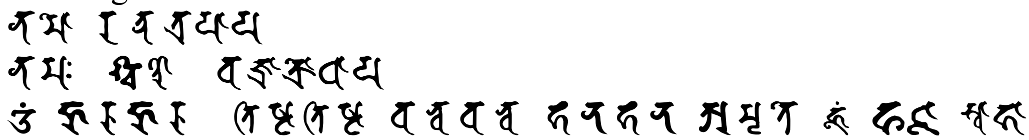
Chữ Chủng Tử là: HŪṂ (𑖮𑖳𑖽)

Tướng Ấn là: **Quân Trà Lợi Tam Muội Gia Ấn**

Hai ngón út cùng hợp bên trong, kèm co hai hai ngón vô danh đè ở khoảng giữa, kèm duỗi hai ngón giữa rồi co hai ngón trỏ trụ ở lóng đầu tiên của ngón giữa sao cho không chạm lưng ngón, như chày Tam Cổ, kèm duỗi hai ngón cái ở khoảng giữa ngón giữa với ngón vô danh và đè lên lưng ngón vô danh.



Chân Ngôn là:

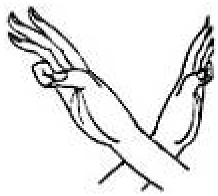


Namo ratna-trayāya

Namaḥ ścaṇḍa mahā-vajra-krodhāya

Oṃ_ huru huru, tiṣṭa tiṣṭa, bandha bandha, hana hana, amṛte hūṃ phaṭ svāhā

Hay **Quân Trà Lợi Thủ Ấn:** Hai tay đều đem ngón cái đè lên móng ngón út , ba ngón còn lại như hình Tam Cổ, bên phải đè bên trái, sau đó cài chéo cánh tay.



Chân Ngôn là:



Oṃ_ Amṛte hūṃ phaṭ

_Pháp **Quân Trà Lợi Minh Vương** phần nhiều dùng Điều Phục, Tức Tai, Tăng Ích làm phương diện. Nếu như người tu hành mỗi ngày trước khi ăn, dâng cúng chút ít thức ăn, sau đó niệm tụng **Quân Trà Lợi Minh Vương Tâm Chú** 7 biến, thì bất luận ở nơi nào đều được sự gia hộ của Minh Vương. Ngoài ra, **Quân Trà Lợi Minh Vương Chân Ngôn** cũng thường dùng để phụ trợ tu trì ***Mật Pháp khác***, hoặc dùng để gia trì vật cúng. Hành Giả như pháp tu trì, cũng có thể đạt được hiệu nghiệm trừ tất cả chướng nạn, khỏi bệnh, sống lâu.

Dùng **Minh Vương** này làm Chủ Thể cho chỗ tu Bí Pháp thì xưng là **Quân Trà Lợi Dạ Xoa Pháp**. Mục đích phụng tu Pháp này là để trừ khử sự chướng ngại Ma ác, rắn độc, nhiệt não, bệnh tật, sự tăm tối u mê.

QUÂN TRÀ LỢI MINH PHI

Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) của **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala) thì **Quân Trà Lợi Minh Vương Phi**, là vợ của Quân Trà Lợi Minh Vương, biểu thị cho Tam Muội Chính Định hay sinh ra và nuôi lớn các công hạnh của Quân Trà Lợi Minh Vương

Chữ chủng tử là: HŪṂ ( )

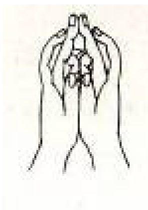
Tôn Hình: Hiện hình Thiên Nữ, thân màu xám tro tím, tay trái để cạnh eo nắm quyền, tay phải cầm cây đao.



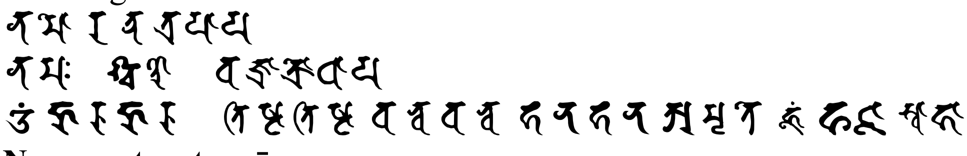
Tam Muội Gia Hình là: chày Tam Cổ.



Tướng Ấn là: Quân Trà Lợi Ấn



Chân Ngôn là:



Namo ratna-trayāya

Namaḥ ścaṇḍa mahā-vajra-krodhāya

Oṃ_ huru huru, tiṣṭa tiṣṭa, bandha bandha, hana hana, amṛte hūṃ phaṭ svāhā

ĐẠI UY ĐỨC MINH VƯƠNG

Đại Uy Đức Minh Vương, tên Phạn là: **Yamāntaka**, dịch âm là **Diêm Mạn Đức Ca**, dịch ý là **Tồi Sát Diêm Ma Gia** hay **Bố Úy Kim Cương**. Nhân vì giáng phục Ma ác cho nên xưng là **Đại Uy.** Vì có công hộ giữ sự tốt lành cho nên xưng là **Đại Đức**. Do có Uy Đức cực lớn, hay chế phục Rồng độc, đoạn trừ các Chướng, đối trị hàng Diêm La Tử Ma cho nên có tên gọi là **Giáng Diêm Ma Tôn**. Lại xưng là Ngưu Đầu Minh Vương, Đại Uy Đức Kim Cương. Là một trong năm Đại Minh Vương hoặc trong tám Đại Minh Vương.

Nếu phối trí với năm vị Phật thì Đại Uy Đức Minh Vương là **Giáo Lệnh Luân Thân** (Ādeśana-cakra-kāya: Thân phẫn nộ) của Đức Phật **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus), cũng có thể thấy là sự hóa hiện của **Văn Thù Bồ Tát** (Maṃjuśrī-bodhisatva). Tôn này là **Giáo Lệnh Luân Thân** của **Liên Hoa Bộ** (Padma-kulāya), hay giáng phục **Nhân Ma** (Ma của loài người)



_Trong Mật Giáo Nhật Bản, dùng **Đại Uy Đức Minh Vương** làm Bản Tôn để tu Pháp với số lượng chẳng ít. Thông thường đều dùng ở lúc chiến tranh để cầu xin được thắng lợi, với điều phục nhóm người ác.

_Trong Mật Giáo Tây Tạng, **Đại Uy Đức Kim Cương** (tên Tạng là Gśin-rje gśed) từng giáng phục **Tử Thần Diêm Ma Thiên** (Mṛtyu-yama-deva), nhân đây mà tên gọi của Tôn ấy hàm chứa nghĩa **Người chinh phục sự tử vong**. Là tướng phẫn nộ của Bồ Tát Văn Thù thuộc Giáo Lệnh Luân Thân, là căn bản của sự nghiệp. Ở trong **Vô Thượng Du Già Bộ, Cách Lỗ Phái** (dge-lus-pa: Hoàng Mạo Phái) cùng với **Thắng Lạc Kim Cương, Mật Tập Kim Cương** đồng là Bản Tôn chủ yếu.

Nguồn gốc của **Diêm Mạn Đức Ca** (Yamāntaka) được ghi nhận trong chuyện xưa cũ **Diên Tục Địa Ngục Pháp Quan Diêm Ma Thiên**: "Trước kia có Hành Giả được một vị Thánh Nhân tiên đoán là sau 50 năm tu tập Thiền Định sẽ đạt được sự giác ngộ. Khi sắp hết năm thứ 50 thời có hai người cầm đầu con trâu mà chúng vừa giết trộm được chạy vào hang động, quyết định giết ông để bịt đầu mối cho dù ông đã van xin chúng tha mạng để ông có thể đạt được sự giác ngộ, nhưng chúng không chấp nhận và chặt đứt đầu ông. Nhân lúc đó vị **Thần Tử Vong** (Mṛtyu: Thần chết) là **Diêm Ma Thiên** (Yama) dùng cái xác không đầu ấy, hiện hình t**hân người đầu trâu** giết chết và uống cạn máu hai tên trộm trong cái bát làm bằng đầu lâu của chúng. Lũ Yêu Ma tùy theo cái đầu trâu đáng sợ ấy liền điên cuồng áp bức giết hại người dân Tây Tạng. Khắp đất Tây Tạng đều bị bóng ảnh chết chóc bao trùm. Ngoài cái đầu trâu còn có mười tướng phẫn nộ cùng với một khuôn mặt nguyên hình của Bồ Tát.

Do không có người trợ giúp nên người Tây Tạng đã cầu xin Bồ Tát Trí Tuệ là **Văn Thù Sư Lợi** (Maṃjuśrī) cứu giúp. Lúc đó Bồ Tát Văn Thù từ tướng Bồ Tát Từ Bi đã chuyển biến thành tướng **thân người đầu trâu hung ác đáng sợ** đồng dạng với tướng trạng của Diêm Ma Thiên. Tướng Huyễn Hóa Khủng Bố của Bồ Tát Văn Thù còn đáng sợ hơn cả tướng mạo của Diêm Ma Thiên

Khi Diêm Mạn Đức Ca đi đến cung điện của Diêm Ma Thiên thì thành quách của vị Thần Chết ấy tổng cộng có 34 song cửa và 16 cửa ra vào. Diêm Mạn Đức Ca tâm ôm giữ sự Từ Bi hiện ra khuôn mặt hung ác đáng sợ thi triển ra Pháp Tướng có 34 cánh tay với 16 chân… phong tỏa hoàn toàn song cửa, lối ra vào cung điện.

Diêm Ma Thiên bị vây khốn trong cung điện của mình, đành phải đón tiếp Diêm Mạn Đức Ca vào cung của mình. Lúc đó, Diêm Mạn Đắc Ca bắt đầu khai mở điều phục sự oán hận của Diêm Ma Thiên kèm theo sự đối diện hoằng Pháp. Cuối cùng Diêm Ma Thiên chân thành xin quy y Phật Pháp và trở thành một trong tám vị Đại Hộ Pháp của Tây Tạng"

Nhân tích truyện này mà Hóa Thân phẫn nộ của Văn Thù Bồ Tát có tên gọi **Diêm Mạn Đức Ca** (Yamāntaka: người kết thúc việc chết chóc).

Yama và Yamāntaka đều mang hình tướng là thân người đầu trâu nhưng Yama thì luôn có một món trang sức hình bánh xe ở trên ngực, đây là dấu hiệu đặc trưng để phân biệt hai vị Hộ Pháp này.

Có điều theo Tạng Truyền Phật Giáo thì danh xưng Yamāntaka biểu thị cho việc **chinh phục sự uy hiếp của chết chóc**, tức là Ý thoát lìa **sự sinh tử luân hồi**

_Các phái của Mật Giáo Tây Tạng đều tu Pháp này, Phái **Cách Lỗ Ba** (dge-lus-pa: Hoàng Mạo Phái) và phái **Tát Ca Ba** rất coi trọng Tôn này.

Lại có nhiều Pháp tu tương ứng với Đại Uy Đức Minh Vương với rất nhiều tác dụng chủ yếu, phần lớn là: Giáng Phục, trừ Ma và đối trị với hàng Diêm La Tử Ma. Là Chủ Tôn của **Tức Thân Thành Tựu** trong Vô Thượng Du Già Bộ.

HÌNH TƯỢNG CỦA ĐẠI UY ĐỨC MINH VƯƠNG

Hình tượng của Đại Uy Đức Minh Vương có nhiều loại

_**Đại Nhật Kinh Sớ**, quyển 6 nói rằng: “**Giáng Diêm Ma Tôn** là quyến thuộc của Văn Thù có đủ Uy Thế lớn. Thân có sáu mặt, sáu cánh tay, ngồi trên con trâu. Mặt có ba mắt, màu như mây đen tuyền, làm dạng rất phẫn nộ”



_**Bát Tự Văn Thù Quỹ** nói rằng: “Diêm Mạn Đức Ca Kim Cương màu đen xanh, sáu đầu, sáu cánh tay đều cầm khí trượng. Bên trái: tay bên trên cầm cây kích, tay kế tiếp bên dưới cầm cây cung, tay kế tiếp bên dưới cầm sợi dây. Bên phải: tay bên trên cầm cây kiếm, tay kế tiếp bên dưới cầm mũi tên, tay kế tiếp bên dưới cầm cây gậy, cỡi trên con trâu xanh làm tòa, toàn thân màu đen xanh, thân rất cao lớn, khắp thân tỏa lửa mạnh, hiển hiện hình rất giận dữ”



_Lại có Tôn Hình: Thân có đủ thế lực đại uy, 6 mặt, 6 cánh tay, 6 chân, ngồi trên con Trâu, mặt có 3 con mắt, màu như mây đen, trạng thái rất phẫn nộ.

Thân ấy có 6 mặt 6 cánh tay 6 chân , ngồi trên con trâu cho nên nói là **Lục Diện.** Ba mặt trên đỉnh đầu thì mặt ở giữa có hình bồ tát nhu nhuyễn, trên đỉnh đầu của mặt ấy có Đức Phật **A Di Đà** (Amitābha).

_Tôn Tượng có một mặt, sáu cánh tay



_Tôn Tượng có một mặt, hai cánh tay



_ Tôn Tượng 9 đầu, mỗi đầu có ba con mắt, 34 cánh tay, 16 chân.

34 tay đều cầm các vật khí. Bên phải từ trên xuống dưới gồm có: Cao Dương (tay giơ cao lên), Nguyệt Đao, Bạch Đồng, chày, Câu Đao, Tiêu Thương, Nguyệt Phủ, cây kiếm, mũi tên, móc câu, cây côn, cây gậy xương người, bánh xe Pháp, chày Kim Cương, cây chùy, chủy thủ (dao găm), cái trống cầm tay (thủ cổ). Bên trái từ trên xuống dưới gồm có da voi, xương cổ tay con người, cái đầu của Thiên Vương, Đằng Bài (cái thẻ bài), bắp đùi bên trái còn tươi, sợi dây dài, cây cung, ruột người, cái chuông, cánh tay trái còn tươi, tang bố (?khăn tang), Tam Tiêm Mâu (cái mâu có ba chỉa), cái lò, Lâu Khí (cái đầu lâu), cánh tay trái của người, Quân Kỳ (lá cờ), Hắc Bố (vải đen)



.) **Chín cái đầu đáng sợ**: biểu thị cho 9 loại Khế Kinh (Sūtra) trấn áp **Diêm Vương** (Yama-rāja)

.)**Ba con mắt**: biểu thị cho **Thiên Lý Nhãn** (mắn nhìn xa ngàn dặm) không có chỗ nào chẳng nhìn thấy

.)**Đầu ở giữa màu đen**: biểu thị cho sự áp chế Diêm Vương

.)**hai cái sừng trâu dài**: biểu thị cho hai **Chân Đế**

.) Ba cái đầu bên phải: Đầu ở giữa màu xanh biểu thị cho Đức Năng **nhìn ngó giận dữ**. Đầu bên phải màu hồng biểu thị cho Đức Năng **quyền thế**. Đầu bên trái màu vàng biểu thị cho Đức Năng **an tĩnh**

.)Ba cái đầu bên trái: Đầu ở giữa màu trắng biểu thị cho **sự thanh tịnh**. Đầu bên phải màu xám tro biểu thị cho **chết chóc**. Đầu bên trái màu tro đen biểu thị cho **sự phẫn nộ**

.)Cái đầu mầu hồng bên trên: tượng trưng cho **Ngật Nhân Dạ Xoa** tên là **Sâm Bố**

.)Cái đầu cao nhất màu vàng trình hiện Bản Tượng của Văn Thù: tượng trưng cho sự **từ thiện hòa bình**

Trừ khuôn mặt Bồ Tát đầu đội mão báu xinh đẹp hoa lệ (trang sức của Bồ Tát) ra, tám cái đầu còn lại đều đội mão năm đầu lâu (trang sức của Hộ Pháp)

.)Con trâu với hai cái sừng: đại biểu cho Giáo Pháp của Thân Huyễn Hóa với ánh sáng, là tinh tủy của Giáo Pháp **Mật Tục**

.)Chín khuôn mặt: đại biểu cho chín loại Giáo Pháp của Đức Phật Đà

.)**Tóc dựng lên trên**: biểu thị cho Ý **hướng về Phật Địa** (Buddha-bhūmi)

.) **34 cánh tay kèm thêm Thân Miệng Ý**: biểu thị cho 37 Đạo Phẩm, tức là ***bốn Niệm Trụ, bốn Chính Cần, bốn Thần Túc, năm Căn, sáu Lực, bảy Giác Chi, tám Chính Đạo***

.)**Mười sáu cái chân**: biểu thị cho sự trấn áp cái thành có 16 cửa bằng sắt của Diêm Vương, cũng tượng trưng cho 16 Tướng Không.

.)Co tám chân phải: biểu thị cho sự trấn áp tám vị Thiên Vương, cũng tượng trưng cho vật là người Nam, con trâu, con bò vàng, con hươu, con rắn, con chó, con Miên Dương với con cáo… cũng là tám sự **Thành Tựu** (Siddhi)

.)**Duỗi tám chân trái**: biểu thị cho sự trấp áp tám Nữ Minh Vương (Vidya-rājñī), tượng trưng cho tám vật là chim thứu, chim kiêu, chim quạ, chim Anh Vũ, chim Ưng, con vịt, con công, con gà, chim Nhạn…cũng biểu thị cho tám sự **tự tại thanh tịnh**

Tòa bộ thân tướng của Tôn bao gồm ý nghĩa là: tinh thông 37 Đạo Phẩm, triệt ngộ 16 Tính Không, tiêu diệt hết Ma Chướng, thành tựu thù thắng, được Đạo **Đại Niết Bàn**

_Tôn Tượng 9 khuôn mặt, 34 tay, 16 chân, co bên phải co, duỗi bên trái, cuốn dựng đầu lưỡi, nanh dài hung ác đáng sợ, lộ răng, trán dồ, tóc đỏ dựng đứng, râu lông mày như lửa, đội mão năm đầu lâu, dùng 50 cái đầu người còn tươi làm vòng hoa đeo ở cổ, dùng rắn màu đen quấn quanh nách**,** bánh xe xương (cốt luân), vật trang sức bằng xương (cốt sức)

Mặt chính là mặt con trâu có hai cái sừng bén nhọn rất ư phẫn nộ, hai tay ôm Minh Phi **La Lãng Tạp Khê** (Đời Đường dịch là Xác chết đứng dậy), các bàn tay còn lại kết **Kỳ Khắc Ấn** đều cầm Pháp Khí.

16 bàn chân đạp lên: người, trâu, bò, lừa, lạc đà, chó, dê, cáo, chim thứu, chim kiêu, chim Anh Vũ, chim ưng, chim bằng, con công, con gà, chim hồng hạc… kèm đạp trụ trên Thiên Chúng của nhóm Phạm Thiên, Đế Thích, Thiên Nhập Thiên, Đại Tự Tại Thiên, Lục Diện Đồng Thiên, Tà Dẫn Thiên, Nguyệt Thiên, Nhật Thiên

.)Chín khuôn mặt của Đại Uy Đức Minh Vương biểu trưng cho 9 Bộ Khế Kinh của Đại Thừa

.)Hai cái sừng bén nhọn biểu thị cho **Thắng Đế** và **Tục Đế**

.) 34 tay cầm Pháp Khí:

-Hai tay ở giữa: tay phải cầm cây **Nguyệt Đao** biểu thị cho sự đoạn trừ nghiệp ác với mọi Kiến Giải sai lầm, tay trái cầm cái bát đầu lâu (Kapāla) biểu thị cho sức mạnh Giác Ngộ có thể khắc phục được sự chết chóc. Hai tay này tượng trưng cho sự kết hợp của **Phương Tiện** (Upāya) và **Trí Tuệ** (Prajña) có thể chiến thắng mọi niệm hư vọng của Thế Gian

-16 tay bên phải:

Tay cầm da voi: biểu thị cho sự xé nát mọi niệm hư vọng

Tay cầm móc câu: biểu thị cho sự chế ngự các Nghiệp ác, giúp cho chúng sinh vượt thoát biển luân hồi

Tay cầm cây gậy xương người: biểu thị cho sự tử vong của nghiệp lực và vạn tượng đều trống rỗng

Tay cầm cây gậy Kim Cương đầu người: biểu thị cho Giáo Pháp của Phật Đà

Tay cầm cái phi tiêu: biểu thị cho sự đoạn trừ ba độc **Tham Sân Si**

Tay cầm cây giáo: biểu thị cho Trí Tuệ khắc phục được **thân miệng ý**

Tay cầm cái chày: biểu thị cho sự phá nát và thiêu đối Ma Chướng

Tay cầm cây dao: biểu thị cho sự tiêu trừ ô uế, phá bỏ vòng luân hồi

Tay cầm cái rìu: biểu thị cho sự chặt đứt hết mọi Kiến Giải sai lầm với niệm hư vọng, cắt đứt vòng luân hồi sinh tử

Tay cầm cái bàn quay: biểu thị cho sự thống trị của Phật Đà ở khắp tám phương

Tay cầm cây giáo: Biểu thị cho sự đâm xuyên những KIến GIải sai trái và lệch lạc

Tay cầm cây búa: biểu thị cho sự phá bỏ Tá ác, hủy diệt oán địch

Tay cầm cái chày Kim Cương: biểu thị cho sức mạnh của Từ Bi

Tay cầm cây kiếm báu: biểu thị cho Trí Tuệ đoạn trừ ngu si và nghiệp chướng

Tay cầm mũi tên: biểu thị cho sự xuyên phá mê tín sai lầm

Tay cầm cái trống: biểu thị cho **Tính Không**, xua đuổi sinh linh độc ác

-16 tay bên trái:

Tay cầm xương cổ tay con người: biểu thị cho tính linh hoạt khi tu 4 loại sư nghiệp Yết Ma là **Tức** (Tức Tai), **Tăng** (Tăng Ích), **Hoài** (Kính ái), **Tru** (Giáng Phục)

Tay cầm cái đầu Phạm Thiên: biểu thị cho sự đoạn trừ mọi vọng niệm, tăng trưởng các Công Đức

Tay cầm sợi tơ năm màu: biểu thị co sự tương ứng với Năm Trí của Phật

Tay cầm cây gậy thi thể: biểu thị cho sự hủy hoại tất cả hiện tượng trái với Giáo Nghĩa của Phật Giáo

Tay cầm cái Đằng Bài: biểu thị cho sự chiến thắng **kẻ địch, Tà Ma, Ngoại Đạo** xâm hại, bảo hộ Trí Tuệ của Phật Pháp và bảo vệ vô số chúng sinh

Tay cầm cái lò lửa: biểu thị cho sự từ bỏ nguyên nhân của sự đau khổ, đem lại ánh sáng

Tay cầm bắp đùi bên trái còn tươi: biểu thị cho sự thống lãnh chúng sinh bước trên con đường Giác Ngộ, đồng thời tượng trưng cho cho việc cho phép người tu hành bước vào cửa Phật

Tay cầm cánh tay trái còn tươi: biểu thị cho sự phẫn nộ và khủng bố tất cả Tà Ác Ma Địch

Tay cầm cây **Tam Tiêm Mâu** (cái mâu có ba chỉa): biểu thị cho sự xuyên thấu Ý Thức tinh tế

Tay cầm **Lâu Khí** (vật khí bằng đầu lâu): biểu thị cho năng lực Giác Ngộ, siêu việt khỏi cái chết

Tay cầm sợi dây: biểu thị cho sự cột buộc Tà Niệm, bắt trói Ma Chướng

Tay cầm cây cung: biểu thị cho Tính Không

Tay cầm Quân Kỳ (lá cờ): biểu thị cho sự truyền bá cầu Phước và hòa bình

Tay cầm **Hắc Bố** (tấm vải đen): biểu thị cho sự chinh phục cõi Diêm La

Tay cầm ruột người: biểu thị cho sự vô thường của Thế Gian, thực hiện **tướng không có thật** sẵn có trong vạn vật

Tay cầm cái chuông Kim Cương: biểu thị cho Trí Tuệ, âm thanh của Tính Không

34 cánh tay kèm thêm Thân Miệng Ý: biểu thị cho 37 Đạo Phẩm, tức là ***bốn Niệm Trụ, bốn Chính Cần, bốn Thần Túc, năm Căn, sáu Lực, bảy Giác Chi, tám Chính Đạo***

.)16 bàn chân biểu trưng cho 16 **Không Tính** (Śūnyatā)

Thân Tướng của Đại Uy Đức Kim Cương Tôn có ý nghĩa là biểu trưng cho 37 Đạo Phẩm, triệt ngộ 16 Tính Không, tiêu trừ hết **Tứ Ma**, thành tựu thù thắng, được Đại Niết Bàn.

Riêng **Minh Phi** biểu thị cho năng lực tiềm ẩn của Diêm Mạn Đắc Ca Minh Vương.

Nói theo cách khác thì Tôn Tượng Diêm Ma Đắc Ca Minh Vương này biểu thị cho **Bi Trí hợp nhất**, trong đó Minh Vương đại biểu cho Từ Bi, Minh Phi biểu thị cho Trí Tuệ... đồng thời cũng biểu thị cho khái niệm **Điều Phục** rốt ráo



_Trong **Cát Tường Kim Cương Đại Uy Đức Giáo Pháp Nguyên Lưu Tam Giới Tôn Thắng Thành Tựu Khố** ghi nhận 15 đặc điểm của Đại Uy Đức Kim Cương là:

1_**Tự Sinh**: Đại Uy Đức Kim Cương có một mặt, hai cánh tay…có thể căn cứ vào đối tượng điều phục chẳng đồng mà hứng hóa hình tượng tương ứng để đạt được mục đích điều phục.

2_**Thuận theo an trụ**: Kẻ bị điều phục hay tuân theo ý nguyện của người điều phục, an thuận giữ mình, chẳng dám tái phạm làm điều xấu ác gây tạo chướng ngại, xâm hại chúng sinh

3_ Đại Uy Đức Minh Vương hay điều phục tám vị Đại Thiên Vương đến hết thảy chúng sinh ở chỗ của Diêm La Vương

4_Tóc trên đầu dựng thẳng, hình tượng đáng sợ, khiến người nhìn thấy sinh tâm sợ hãi

5_Hình to lớn, miệng rộng lớn có thể ăn nuốt hết ba cõi

6_Lông mày có vằn giận dữ, hiển hiện màu vàng như lửa cực nóng

7_Hai bàn chân có uy lực lớn có thể dẫm đạp Thế Gian

8_Hai tay kết **Kỳ Khắc Ấn** dùng để uy hiếp, hay phát ra mệnh lệnh khiến cho Thế Gian với Xuất Thế Gian đều sợ hãi mà tuân theo

9_Co chân phải, duỗi chân trái hay điều phục người nam kẻ nữ ở tám cõi Trời và cõi Diêm La

10_ Hay dùng tám loại uy mãnh, bạo tiếu tràn khắp Thiên Không…giáng phục hàng **Phạm Thiên** (Brahma-deva)

11_Trong tất cả cái miệng được hóa hiện từ khuôn mặt chính, hay phát ra tiếng Chú uy mãnh của nhóm **Phách Tra** (Phạṭ: Phá bại)

12_Tâm tàn bạo ấy hay làm cho Bản Tính của hai Kim Cương ***Thân Ngữ***; **Tính Không** (Śūnyatā: Tính trống rỗng) cùng với **Đại Bi** (Mahā-kāruṇa) không có khác biệt, thấy rõ **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta) là Kim Cương Đại Uy Đức

13_Ngay trong **Đại Hàn Lâm Mạn Trà La** hay sai khiến hàng Ma ác với Diêm La Vương

14_Tác làm Chủ Cúng Bản Tôn trong **Đại Tự Tại Mạn Trà La**, hay vận dụng các loại Thần Thông giảng truyền mười vạn Kinh Tục.

15_ **Sự nghiệp rộng lớn**: Nhân vì sự nghiệp rộng lớn của Đại Uy Đức Kim Chưng hay hiệp trợ cho người tu Đạo thành tựu sự nghiệp vô thượng, cho nên trong **Nãi Cách Ngũ Kim Pháp** đem Tôn ấy làm Tổng Tập đại biểu và thể hiện sự nghiệp của chư Phật

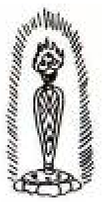


_Tại **Trì Minh Viện** trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) thì Đại Uy Đức Minh Vương là Giáo Lệnh Luân Thân của Liên Hoa Bộ, hay giáng phục Nhân Ma (Ma của loài người)

Tôn Hình: Thân màu đen xanh, hiện hình phẫn nộ, 6 mặt 6 cánh tay 6 chân ngồi trên tòa đá sắt sắt (bàn đá khi gõ lên có tiếng vang) , lưng có ánh lửa Ca Lân La. Hai tay trái phải thứ nhất tác Nội Phộc, duỗi thẳng hai ngón giữa cùng dính nhau. Bên trái: tay thứ hai cầm cây kích, tay thứ ba cầm vành xe (luân). Bên phải: tay thứ hai cầm cây kiếm, tay thứ ba cầm cây gậy (bổng)

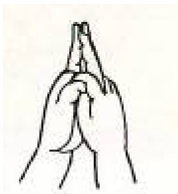


Mật Hiệu là: **Đại Uy Đức Kim Cương, Trì Minh Kim Cương**
Chữ chủng tử là: HRĪḤ (𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾)
Tam Muội Gia Hình là: cây gậy (Bổng)



Tướng Ấn là:**Phổ Thông Căn Bản Ấn** (Bổng Ấn)

Hai tay cùng hợp bên trong thành quyền, dựng thẳng hai ngón giữa cùng hợp nhau như hình cây giáo. Tức biểu thị Căn Bản Ấn, cũng đem Ấn Mệnh này làm Bổng Ấn.



Chân Ngôn là:

OṂ_ HRĪḤ ṢTRI VIKṚTĀNANA HŪṂ SARVA ŚATRŪṂ NĀŚANA STAMBHAYA-STAMBHAYA SPHAṬ SPHAṬ SVĀHĀ

_Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala) thì Đại Uy Đức Minh Vương là hóa thân Phẫn Nộ của Bồ Tát Văn Thù, cũng là Giáo Lệnh Luân Thân của Đức Phật A Di Đà, hay giáng phục Nhân Ma (Ma của loài người)

Tôn Hình: Thân màu đen xanh, hiện hình phẫn nộ, 6 mặt 6 cánh tay 6 chân ngồi trên tòa đá sắt sắt (bàn đá khi gõ lên có tiếng vang), lưng có ánh lửa Ca Lân La.

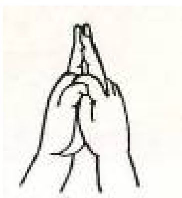
Hai tay trái phải thứ nhất tác Nội Phộc, duỗi thẳng hai ngón giữa cùng dính nhau. Bên trái: tay thứ hai cầm cây kích, tay thứ ba cầm vành xe (luân). Bên phải: tay thứ hai cầm cây kiếm, tay thứ ba cầm cây gậy (bổng)



Mật Hiệu là: **Đại Uy Đức Kim Cương, Trì Minh Kim Cương**
Chữ chủng tử là: HRĪḤ () hoặc (Ṣtri) hoặc (Hūṃ) hoặc (Maṃ)
_Tam Muội Gia Hình là: cây gậy (Bổng)



Tướng Ấn là: **Phổ Thông Căn Bản Ấn** (Bổng Ấn)



Chân Ngôn là:

Oṃ_ Hrīḥ ṣṭri vikṛtānana hūṃ_ sarva śatrūṃ nāśana, stambhaya stambhaya sphaṭ sphaṭ svāhā

_Trong **Ngũ Đại Minh Vương Man Đa La** thì Tôn này hiện hình phẫn nộ có bốn mặt, tám cánh tay....là Hóa Thân của Văn Thù Bồ Tát hay giáng phục tất cả loài Rồng độc ác, đoạn trừ chướng ngại, dùng phần Đức và uy lực của **Vi Đà** hay khiến cho tất cả loài Rồng nhìn thấy sinh sợ hãi, cũng hay giáng phục Nhân Ma. Tôn này là **Giáo**

Lệnh Luân Thân (Ādeśana-cakra-kāya: thân Phẫn Nộ) của Đức **Phật A Di Đà** (Amitāyus: Vô Lượng Thọ) ở phương Tây, biểu thị cho việc chuyển **Thức thứ sáu** (Mano-vijñāna: Ý Thức) thành **Diệu Quán Trí** (Pratyavekṣana-jñāna)

Tôn Hình: Thân có sáu mặt, sáu chân, sáu cánh tay.Bên trái:tay thứ nhất cầm Mâu, tay thứ hai cầm sợi dây, tay thứ ba cầm cây cung. Bên phải: tay thứ nhất cầm cây kiếm, tay thứ hai cầm cây gậy báu, tay thứ ba cầm mũi tên. Lại 6 chân là: Ba chân bên trái đứng tại bánh xe. Ba chân bên phải ở trên bánh xe ấy, phía dưới có con trâu, con trâu có bốn chân đứng trên tòa hoa. Lại lưng tượng có lửa mạnh như màu hồng, lại như Phệ Lưu Ly.



大威德明王

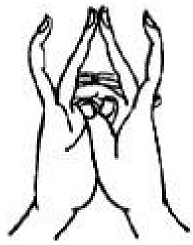
Mật Hiệu là: **Đại Uy Đức Kim Cương, Trì Minh Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HRĪḤ () hoặc (Ṣtri) hoặc (Hūṃ) hoặc (Maṃ)

Tam Muội Gia Hình là: cây gậy (Bổng)



Tướng Ấn là Đại Uy Đức Nhất Tâm Ấn: Như Căn Bản Ấn đã nói lúc trước, dương duỗi hai ngón trỏ rồi co cong lại như Tam Kích Xoa.

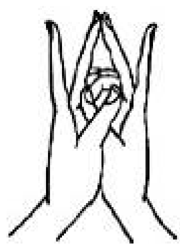


Chân Ngôn là:



Oṃ_ Hrīḥ ṣṭri vikṛtānana hūṃ_ sarva śatrūṃ nāśana, stambhaya stambhaya sphaṭ sphaṭ svāhā

Hoặc **Đại Uy Đức Tâm Trung Tâm Ấn**: Như Tâm Ấn đã nói lúc trước, dựng thẳng hai ngón trỏ.



Chân Ngôn là:



Oṃ_ ṣṭri kāla-rūpa hūṃ khaṃ svāhā

_ Trong thời kỳ Mạt Pháp hiện nay, chúng sinh Phước mỏng Trí kém, phần lớn là lười biếng thiếu tinh tiến, chẳng giữ Giới Luật, chẳng kính bậc Sư Trưởng, chẳng có bạn Đạo, Ngã Mạn dấy mạnh, chìm đắm trong năm Dục, dễ chiêu vời Tà Ma. Nếu có thể dùng Đại uy Đức Kim Cương làm Bản Tôn thì dễ tương ứng với Ngài, hay trừ Duyên trái nghịch, hay tăng Phước Tuệ.

ĐẠI UY ĐỨC MINH PHI

Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) của **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala) thì **Đại Uy Đức Minh Vương Phi**, tức là vợ của Đại Uy Đức Minh Vương (Yamāntaka), biểu thị cho Tam Muội Chính Định hay sinh ra và nuôi lớn các công hạnh của Đại Uy Đức Minh Vương

Chữ chủng tử là: HŪṂ (𑖮𑖳𑖽)

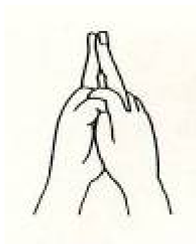
Tôn Hình: Hiện hình Thiên Nữ, thân màu xám tro đậm, tay trái để cạnh eo nắm quyền, tay phải cầm cây kích Tam Cổ.



Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ.



Tướng Ấn là: **Phổ Thông Căn Bản Ấn.**



Chân Ngôn là:



OṂ_ ṢṬRI KĀLA-RŪPA HŪṂ KHAṂ SVĀHĀ

KIM CƯƠNG DẠ XOA MINH VƯƠNG

Kim Cương Dạ Xoa Minh Vương, tên Phạn là Vajra-yakṣa, dịch âm là Phộc Nhật La Dược Khất Sái, Hán dịch là Kim Cương Dược Xoa. Do hay ăn nuốt tất cả chúng sinh của nghiệp ác cho nên xưng **là Diệm Khẩu Kim Cương**. Do thân màu đen nên xưng là **Đại Hắc Kim Cương**. Do hay nuốt hết hữu tình ác cho nên xưng là **Kim Cương Tận Minh Vương**

Lại xưng là Kim Cương Đạm Thực, Kim Cương Nha Bồ Tát, Kim Cương Điều Phục Bồ Tát. Tên gọi riêng là: Ma Ha Phương Tiện Bồ Tát, Thậm Khả Bố Úy Bồ Tát, Kim Cương Thượng Bồ Tát, Kim Cương Bạo Ác Bồ Tát, Tồi Phục Ma Bồ Tát…là một trong năm vị Đại Minh Vương, một trong tám vị Đại Minh Vương của Mật Giáo.

Tôn này được phối trí với phương Bắc, hay ăn nuốt uế tác, tiêu tai trừ nạn, tồi phục Tà Trược, ba mặt sáu cánh tay, năm mắt giương mở giận dữ, tay cầm cái chuông Kim Cương biểu thị dùng Trí Bát Nhã cảnh ngộ quần mê.

Tại hệ thống của Ngũ Trí Như Lai thì Minh Vương này là **Giáo Lệnh Luân Thân** của Đức **Bất Không Thành Tựu Như Lai** (Amogha-siddhi-tathāgata), tức Giáo Lệnh Luân Thân của **Yết Ma Bộ** (Karma-kulāya) ở phương Bắc. Do vậy có Thuyết cho rằng: Kim Cương Dạ Xoa Minh Vương là thân biến hóa của **Kim Cương Nha Bồ Tát** (Vajra-daṃṣṭra-bodhisatva) là một trong bốn vị Bồ Tát thân cận ở phương Bắc

Tại Mật Giáo của Nhật Bản có hai Lý truyền thừa chẳng giống nhau. Hệ **Đông Mật** thì nhận Tôn này là Giáo Lệnh Luân Thân của Đức Bất Không Thành Tựu Như Lai, nhưng Hệ **Đài Mật** thì chọn **Ô Sô Sa Ma Minh Vương** (Ucchuṣma-vidyārāja) thay cho Tôn này. Tuy nhiên do Bản Thệ của Tôn này là ăn nuốt trừ hết tất cả chúng sinh có Hạnh ác với tất cả uế ác tiếp chạm và cả Tâm nhiễm Dục, còn Ô Sa Sa Ma Minh Vương thì ăn nuốt sự bất tịnh bất đồng của ***tất cả vật***. Do vậy, hai Tôn này được xem là **đồng Thể khác tên**

_Kim Cương Dược Xoa Sân Nộ Vương Tức Tai Đại Thần Nghiệm Niệm Tụng Nghi Quỹ ghi nhận rằng: “Tôn này là thân biến hóa của **Kim Cương Thủ Hư Không Khố Bồ Tát”**



HÌNH TƯỢNG CỦA KIM CƯƠNG DẠ XOA MINH VƯƠNG

_**Kim Cương Dược Xoa Sân Nộ Vương Tức Tai Đại Uy Thần Nghiệm Niệm Tụng Nghi Quỹ** ghi nhận là: "Tôn hình: hiện ba mặt, sáu cánh tay, đại uy phẫn nộ làm hình độc ác. Dùng bảy báu, Anh Lạc trang nghiêm thân. Thân ấy dài lớn vô lượng, toàn thân rực lửa nóng bức như khói lửa uy mãnh của kiếp Hoả, ngoái nhìn bốn phương như Thú Vương dũng mãnh"



_**Du Kỳ Kinh** nói rằng: "Hình Kim Cương Dạ Xoa có sáu cánh tay cầm mọi vật khí tức cung, tên, cây kiếm, bánh xe, Luân Ấn với Yết Ma của Tát Đỏa (Satva), năm mắt phẫn nộ, ba đầu có búc tóc Mã Vương, trang sức châu ngọc khắp thân dùng để trang nghiêm"

Nhưng hình tướng được nhìn thấy trong Thế Gian, phần lớn là hình có ba mặt sáu cánh tay. Mặt chính giương mở năm con mắt, hai mặt bên trái bên phải đều có ba mắt, đầu có **Mã Vương Kế** (tóc trên đầu dựng đứng bên phải như ngựa chạy giận hét), toàn thân trang sức châu ngọc. Sáu cánh tay đều cầm Pháp Khí của nhóm cung, tên, cây kiếm, bánh xe, chày ngũ cổ, chuông Kim Cương. Nâng cao chân trái, duỗi chân phải đứng trên hai đài sen, ngó nhìn tồi phục tất cả Dạ Xoa (Yakṣa), cho nên hiện ra tướng dũng mãnh quả cảm. Đặc biệt là tay cầm cái chuông biểu thị cho việc dùng tiếng chuông chấn kích chúng sinh, tượng trưng cho ***Trí Bát Nhã cảnh ngộ quần mê, tồi phục tất cả Ma***



_Tôn Tượng có thân màu xanh đậm, có ba mặt 6 cánh tay. Bên phải: tay thứ nhất cầm chày Kim Cương, tay thứ hai cầm mũi tên, tay thứ ba cầm cây kiếm. Bên trái: tay thứ nhất cầm cái chuông Kim Cương, tay thứ hai cầm cây cung, tay thứ ba cầm bánh xe. Hai chân dẫm đạp trên hoa sen



_Lại có Tôn Tượng được phụng thờ với hình thái tương tợ, chỉ đổi vật khí của hai tay là: Bên phải: tay thứ nhất cầm cái chuông Kim Cương, bên trái: tay thứ nhất cầm chày Kim Cương



_Kim Cương Dạ Xoa Minh Vương nhập vào **Ma Kiệt Ngư Tam Ma Địa**, hiện hình phẫn nộ ba mặt sáu cánh tay, mọi báu nghiêm sức khắp, khắp thân rực lửa nóng như KIếp Hỏa. Tay thứ nhất: bên phải cầm cái chày Ngũ Cổ, bên trái cầm cái chuông Kim Cương. Tay thứ hai: bên phải cầm cây cung, bên trái cầm mũi tên. Tay thứ ba: bên phải cầm cây kiếm, bên trái cầm bánh xe. Chân phải duỗi đạp hoa sen, chân trái co lên nhưng bên có hoa sen. Năm Trí, 37 Tôn vây quanh, Trí Đức viên mãn. **Bản Tôn Mạn Trà La** lại ở chữ **Hồng** (ꣿ:Hūṃ) trên hoa sen, thành bánh xe Đại Yết Ma mười hai căm, phóng lửa sáng màu vàng ròng, trong đùm xe có chày Ngũ Cổ, trên Ngũ Cổ đều có vành trăng lớn, một bánh xe an năm Đức Phật, trong bánh xe ở giữa có chữ **Hồng** (ꣿ:Hūṃ) thành bánh xe Đại Yết Ma biến thành Bản Tôn



1_**Ba mặt**: biểu thị cho ba độc **tham, sân, si** tức ba Đức **Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát** cùng với nghĩa viên mãn của ba Bộ

2_**Năm con mắt**: là mắt thịt, mắt Trời, mắt Tuệ, mắt Pháp, mắt Phật biểu thị cho viên mãn năm Trí của **Kim Giới** (Vajra-dhātu: Kim Cương Giới). Nói chung là hiển nghĩa **chẳng hai** của hai Bộ

3_**Sáu cánh tay**: cây kiếm, bánh xe biểu thị cho Trí của **Bất Động Tôn** (Acala-nātha) giáng phục sự giận dữ ấy. Cung tên biểu thị cho Lý **Ái Nhiễm Vương** (Rāga-rāja) kính yêu sự tham ấy. Cái chuông, cái chày biểu thị cho việc ngu si của **Kim Cương Tát Đỏa** (Vajra-satva) vốn có. Dùng ba Tôn này biểu thị cho nghĩa **chuyển ba Độc thành ba Đức**

4_**Chân phải đạp trên hoa sen**: hiển bày nghĩa "Dùng Đại Bi của chư Phật, bên dưới hóa độ chúng sinh"

5_**Chân trái hơi co**: hiển bày nghĩa "Chúng sinh phát Tâm Bồ Đề, bên trên cầu Bồ Đề"

6_**Mã Vương Kế của ba cái đầu**: biểu thị cho Đại Bi hóa dụng không tận của Tôn này phô bày ba đời ăn nuốt chúng sinh của nghiệp ác

7_**Bánh xe mười hai căm**: biểu thị cho 12 Nhân Duyên hay thành Nhân (Hetu) của Luân Hồi

8_**Năm bánh xe lớn đều trụ năm Đức Phật**: biểu thị cho Nghiệp tội thuộc 25 cõi của chúng sinh. Ngụ ý Nhân Quả của hai Bộ chẳng lay động Nhân Quả của sinh tử, khiến thành **Phật Đức** của **Luân Viên Cụ Túc**, tức biểu thị cho **Bản Thệ**

_Tương truyền Chân Ngôn của một Minh Vương này rất là linh nghiệm. Nếu trì tụng 1080 biến ắt chư Thiên trong ba ngàn Đại Thiên Thế Giới đều tùy thuận nhiếp phục. Tu tập Pháp của Kim Cương Dạ Xoa Minh Vương, thông thường dùng để **Tức Tai, Điều Phục**

Y theo sự ghi chép của "**Giác Thiền Sao**", "**Kim Cương Dạ Xoa Pháp, quyển Thượng**" thì Pháp này có công năng: sinh về Tịnh Thổ, gấp rút giết người ác, Pháp làm cho người ác bị chết, Pháp làm cho sống lại, được con gái có hiếu, được quan vị… Song, Pháp này rất bí mật chẳng thể tự ý tu tập. Ngoài ra dùng vị Minh Vương làm Tôn ở chính giữa **Mạn Trà La** (Maṇḍala: Đàn Trường) đã vẽ thì xưng là **Kim Cương Dạ Xoa Mạn Trà La**. Lại nhân trong năm vành trăng đều có năm Tôn cho nên cũng xưng là **Kim Cương Dạ Xoa Nhị Thập Ngũ Luân Mạn Trà La**

Giới Phật Giáo của Nhật Bản đã có người đem Căn Bản Đại Chú với Căn Bản Ấn Khế của một Minh Vương này gia trì ngay trên thân của người nam, kẻ nữ đã thành tựu Pháp **A Vĩ Xá** (Āviśa: Biến Nhập) cũng tức là Pháp **Giáng Thần**. Môn khác dùng loại phương pháp ấy để dự đoán việc tốt xấu và họa phước. Ngoài ra, ngay trước lúc ăn lúc, nếu hay đem Chân Ngôn của một Minh Vương này trì tụng bảy biến thì có thể ngăn ngừa được tai hoạn của chất độc có trong thức ăn

_Chân Ngôn ấy là:

Oṃ_ Mahā-yakṣa vajra-satva jaḥ hūṃ vaṃ hoḥ praveśa hūṃ

_Chữ chủng tử là: HŪṂ ( ) hay HĀṂ ( ) hay VAṂ ( )



Bản Tôn dùng chữ **Hồng** (हूं:Hūṃ) làm chủng tử. Chữ **Hồng** là chủng tử của **Yết Ma Luân** (Karma-cakra) lại là nghĩa **Giáng Phục**.

Kim Cương Dạ Xoa dùng sự ăn nuốt làm Tông cho nên dứt hết **Hữu Lậu** nhằm giết chết, Tâm của một lần hại dùng Đại Bi, Tâm của một lần giết nhằm lợi cho hữu tình. Đấy do Kim Cương Dạ Xoa Bồ Tát ở phương Tây vì điều phục Kim Cương Dạ Xoa ở phương Bắc vậy. Thể của chữ **Hồng** có đủ chữ **Hàm** (हं:Hàm) là chủng tử của **Phong Đại** (Vāyu-dhātu), gió thì thổi phá cho nên cũng là nghĩa **giáng phục**

_Tam Muội Gia Hình là: Bánh xe Yết Ma, biểu thị cho nghĩa hoàn thành sự nghiệp.

Hoặc có nói Tam Muội Gia Hình là: cái răng nanh, cái chuông, chày Ngũ Cổ, cây kiếm…

_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala)

.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì **Kim Cương Dạ Xoa Bồ Tát** (Vajra-yakṣa) được sinh ra từ **Môn điều phục không sợ hãi** của tất cả Như Lai

_ Lược thuật Kim Cương Đỉnh Du Già phân biệt Thánh Vị tu chứng Pháp Môn ghi nhận rằng:

"Ở Nội Tâm của Tỳ Lô Giá Na Phật chứng đắc **Kim Cương Dược Xoa Phương Tiện Khủng Bố Tam Ma Địa Trí** . Vì tự thọ dụng cho nên từ Kim Cương Dược Xoa Phương Tiện Khủng Bố Tam Ma Địa Trí tuôn ra ánh sáng Kim Cương Nha (Cái răng nanh Kim Cương) chiếu khắp mười phương Thế Giới , giáng phục các chúng sinh cương cường khó dạy khiến cho an trụ nơi Đạo Bồ Đề, rồi quay trở lại thu làm một Thể. Vì khiến cho tất cả Bồ Tát thọ dụng Tam Ma Địa Trí cho nên thành hình **Kim Cương Dược Xoa Bồ Tát** trụ ở vành trăng bên trái Bất Không Thành Tựu Như Lai".

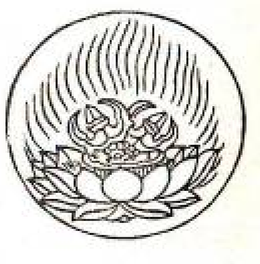
Do Kim Cương Dược Xoa Bồ Tát gia trì cho nên hay nghiền nát Thiên Ma, tất cả các chướng, hay trừ bỏ oán địch phiền não từ vô thủy.

Tôn Hình: màu vàng, hai tay để ngang ngực nắm Kim Cương Quyền, hướng tâm quyền ra ngoài

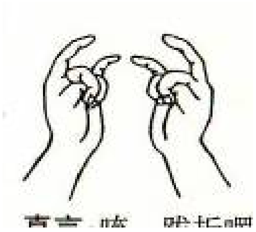


Mật Hiệu là: **Mãnh Lợi Kim Cương, Hộ Pháp Kim Cương, Điều Phục Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HUṂ () hay HŪṂ ()
Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ với hai nhánh có một nửa



Tướng Ấn là: Hai tay tác Kim Cương Quyền, duỗi ngón út, ngón trỏ để ở hai bên miệng như hình răng nanh

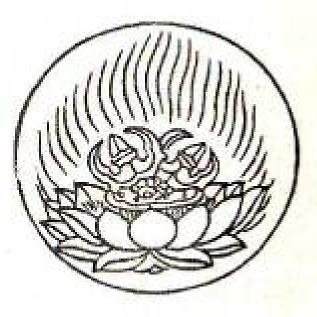


Chân Ngôn là:

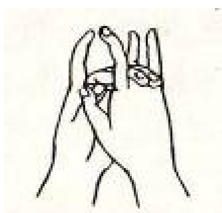
OṂ _VAJRA-YAKṢA – HŪṂ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Kim Cương Dạ Xoa Bồ Tát có chữ chủng tử là KṢA ()

Tam Muội Gia Hình là: Hai nửa nhánh của chày Tam Cổ. Biểu thị cho việc thị hiện hình Kim Cương Dược Xoa với sắc tượng đáng sợ tỏa lửa mạnh rực rỡ, uy mãnh giận dữ, cầm răng nanh Kim Cương để ngay trong miệng, hay ăn nuốt Vô Minh từ vô thủy với các Chấp Kiến của tất cả Hữu Tình để tồi diệt, tác phương tiện Đại Bi mà hay khủng bố tất cả Như Lai.



Tướng Ấn là: Ngoại Phộc, mở đứng hai ngón út, duỗi thẳng hai ngón trỏ như móc câu.



Chân Ngôn là:

ŚATRŪ BHAKṢA

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Kim Cương Dạ Xoa Bồ Tát có chữ chủng tử là HŪṂ ( )

Tôn Hình: Hai tay tác Kim Cương Quyền, hướng tâm quyền vào bên trong, tay trái duỗi ngón cái, ngón út như hình răng nanh. Tay phải ngón cái, ngón trỏ cùng vịn nhau.



Chân Ngôn là:

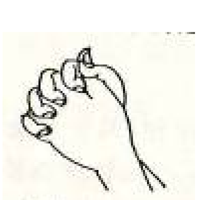
TIṢṬA VAJRA-YAKṢA HṚDAYA

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Kim Cương Dạ Xoa Bồ Tát có chữ chủng tử là HŪṂ ( )

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, bên trên có hai nhánh của chày Tam Cổ.



Tướng Ấn là:Ngoại Phộc để trên bắp đùi phải



Chân Ngôn là:

OṂ_ SARVA TATHĀGATA ĀLOKA-JVALA SPHARAṆA PŪJA KARME-BHARA BHARAḤ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Kim Cương Dạ Xoa Bồ Tát có chữ chủng tử là YA ( )

Tôn Hình: Hai tay nắm Kim Cương Quyền, giao chéo nhau trước ngực.



Tam Muội Gia Hình là: Hai nhánh của chày Tam Cổ.



Chân Ngôn là:

OṂ_ VAJRA-YAKṢA-KRODHA KHĀDA KHĀDA HŪṂ PHAṬ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Kim Cương Dạ Xoa Bồ Tát có chữ chủng tử là VAṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Hai nửa nhánh của chày Tam Cổ. Biểu thị cho việc thị hiện hình Kim Cương Dược Xoa với sắc tượng đáng sợ tỏa lửa mạnh rực rỡ, uy mãnh giận dữ, cầm răng nanh Kim Cương để ngay trong miệng, hay ăn nuốt Vô Minh từ vô thủy với các Chấp Kiến của tất cả Hữu Tình để tồi diệt, tác phương tiện Đại Bi mà hay khủng bố tất cả Như Lai.



Chân Ngôn là:

OṂ_ CANDA-KRODHE MAHĀ-YAKṢINĪ VAJRA-DAṂṢṬRA KARĀLA BHĪSAṆĪ BHĪṢĀPAYA HṚD

_Trong **Ngũ Đại Minh Vương Man Đa La** thì Tôn này hiện hình phẫn nộ có ba mặt, sáu cánh tay....là Hóa Thân của Hư Không Khố Bồ Tát (hay Kim Cương Nha Bồ Tát) hay hay nghiền nát Thiên Ma, tất cả các chướng, hay trừ bỏ oán địch phiền não từ

vô thủy và là **Giáo Lệnh Luân Thân** (Ādeśana-cakra-kāya: thân Phẫn Nộ) của Đức **Phật Bất Không Thành Tựu** (Akṣobhya-buddha) ở phương Bắc, biểu thị cho việc chuyển chuyển **năm Thức Thân** thành **Thành Sở Tác Trí** (Kṛtya-muṣṭhāna-jñāna)

Tôn hình: Thân màu đen xanh, hiện tướng phẫn nộ, ba mặt sáu cánh tay, đầu có búi tóc của Mã Vương, mặt chính có năm con mắt, hai mặt bên trái bên phải đều có ba con mắt, ba mặt đều há miệng. Bên phải: tay thứ nhất cầm chày Ngũ Cổ, tay thứ hai cầm mũi tên, tay thứ ba cầm cây kiếm. Bên trái: tay thứ nhất cầm cái chuông Ngũ Cổ, tay thứ hai cầm cây cung, tay thứ ba cầm bánh xe vàng. Đứng thẳng chân trái, nâng chân phải , hai chân đều dẫm lên hoa sen. Dùng châu ngọc nghiêm sức khắp thân, rực lửa nóng như Kiếp Hỏa

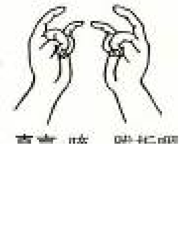


金剛夜叉明王

Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ với hai nhánh có một nửa



Tướng Ấn là: Hai tay tác Kim Cương Quyền, duỗi ngón út, ngón trỏ để ở hai bên miệng như hình răng nanh



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖧𑖎𑖿𑖬 𑖮𑖳𑖽

Oṃ_ Vajra-yakṣa hūṃ

Ô SÔ SA MA MINH VƯƠNG

Ô Sô Sa Ma Minh Vương, tên Phạn là Ucchuṣma, dịch âm là Ô Bộ Sắt Ma, Ô Sắt Sa Ma, Ô Sô Tháp Ma, Ô Xu Sa Ma, Ô Sô Sắt Ma...Dịch ý là : Bất Tịnh Khiết, Trừ Uế, thiêu đốt Uế Ác... Lại có tên là: **Ô Mục Sa Ma Minh Vương, Ô Xu Sáp Ma Minh Vương, Ô Tố Sa Ma Minh Vương**. Cũng gọi là **Uế Tích Kim Cương, Hỏa Đầu Kim Cương, Bất Tịnh Kim Cương, Thụ Xúc Kim Cương, Bất Hoại Kim Cương, Trừ Uế Phẫn Nộ Tôn**….

Trong Ấn Độ Giáo, từ ngữ UCCHUṢMA nhằm chỉ vị Thần Lửa AGNI với ý nghĩa "**Làm cho tiếng lửa kêu lốp bốp"**

Trong Phật Giáo, UCCHUṢMA là một trong các Tôn phẫn nộ được an trí trong viện chùa của Thiền Tông và Mật Giáo. Riêng Mật Giáo thì xem Ucchuṣma là Vị Kim Cương biểu hiện cho **Giáo Lệnh Luân Thân** (Ādeśana-cakra-kāya) của **Yết Ma Bộ** (Karma-kulāya: Nghiệp Dụng Bộ) thuộc phương Bắc cùng với **Kim Cương Dạ Xoa** (Vajra-yaksa) cũng là **Giáo Lệnh Luân Thân** (Ādeśana-cakra-kāya) của Đức **Bất Không Thành Tựu Như Lai** (Amogha-siddhi tathāgata) có Luân đồng thể và khác thể.

Nói về đồng Thể thì hai Tôn này đều là Thân Đại Phẫn Nộ nhằm giáo hóa các chúng sinh khó độ. Đây là phương tiện thi hành hạnh **"chuyển mọi việc của Thế Gian thành phương tiện giải thoát"** biểu hiện cho Đại Nguyện thuần khiết của Đức **Phật Thích Ca Mâu Ni** (Śākyamuṇi-buddha) là **"Rời bỏ quốc thổ thanh tịnh đi vào cõi ô uế nhiễm trược để thành tựu sự hóa độ các chúng sinh ngang ngược độc ác khó giáo hóa".** Tính chất hoạt động phổ biến của Tâm Linh giải thoát này được gọi là **Thành Sở Tác Trí** (Kṛtyā-muṣṭhāna-jñāna) và cũng là hoạt động tinh yếu của Yết Ma Bộ nơi phương Bắc của Đức Bất Không Thành Tựu Như Lai. Do ý nghĩa này mà Trí Chứng Đại Sư khi thỉnh 5 Tượng **Đại Phẫn Nộ Minh Vương** (Mahā-krodha-vidya-rāja) về Trung Hoa thì thay Tượng Kim Cương Dạ Xoa bằng Tượng Ô Sô Sa Ma.

Nói về khác Thể thì có nhiều thuyết cho rằng hai Tôn này chỉ là hai Thân hóa hiện của Đức **Phật Thích Ca** (tức là Bất Không Thành Tựu Như Lai) hoặc Bồ Tát **Phổ Hiền** (Samanta-bhadra), **Bất Động Minh Vương** (Acala-vidya-rāja) và **Kim Cương Thủ** (Vajra-pāṇi).

Nếu hành giả được Kim Cương Dạ Xoa Bồ Tát gia trì thì có thể đập nát Thiên Ma, hàng phục Địa Ma với tất cả Ngoại Đạo, trừ bỏ mọi oán địch phiền não từ đời vô thủy.

Nếu hành giả được Ô Sô Sa Ma Kim Cương gia trì thì hay chuyển uế thành tịnh, chuyển bất tịnh thành thanh tịnh, điều phục được tất cả loài Quỷ bất tịnh. Do uy đức này mà Giới Phật Giáo thường tế tự Ô Sô Sa Ma ở góc Đông trong nhà cầu và tôn xưng là Xí Thần, Thụ Húc Kim Cương, Uế Húc Kim Cương....

Do Ô Sô Sa Ma hay hóa Tâm đa dâm thành lửa Trí Tuệ, lại dùng lửa Trí Tuệ thiêu cháy mọi tướng phiền não bất tịnh mà chẳng làm hại đến Tính **không phiền não** (tức **Pháp Tính:** Dharmatā) nên Ngài có tên là Hỏa Đầu Kim Cương.

_Kinh **Đại Phật Đỉnh** nói rằng: "Ô Sô Sắt Ma ở trước mặt Đức Như Lai, chắp tay đỉnh lễ hai bàn chân của Đức Phật rồi bạch Phật rằng: Con thường nhớ ức kiếp lâu xa khi trước, Tính của con nhiều **Tham Dục** thời có Đức Phật ra đời tên là **Không Vương Như Lai** thuyết giảng rằng "***Dâm Dục nhiều sẽ thành ngọn lửa lớn***" Ngài dạy con quán khắp trăm khớp xưng, bốn vóc thể, các hơi lạnh ấm. Do Thần Quang ngưng bên trong nên hoá Tâm đa dâm thành **lửa Trí Tuệ** (Prajñāgni). Từ đấy chư Phật đều gọi tên con là **Hoả Đầu**. Con do sức của Tam Muội **Hoả Quang** (Agni-prabha) mà thành **A**

La Hán (Arhat) nên khởi Tâm phát Nguyện "***Khi chư Phật thành Đạo thời con làm thân Lực Sĩ giáng phục Ma Oán cùng thành Phật Đạo***". Con do quán sát **noãn xúc** (cảm giác tiếp chạm ấm áp) của Thân Tâm lưu thông không có ngăn ngại mà tiêu trừ các **sự chảy rỉ** (Lậu: tên gọi riêng của phiền não). Đầu sinh ra lửa nóng, chứng Vô Thượng Giác. Do đó con nghĩ đấy là Pháp bậc nhất"

_**Thầy** dạy rằng: "**Hoả Đầu Kim Cương** tức là dùng lửa Trí Tuệ đốt cháy phiền não bất tịnh, ví như áo của con chuột lửa, khi thiêu đốt thì chỉ đốt sự nhơ uế trên áo chứ chẳng đốt cái áo. Nay Minh Vương cũng lại như thế, chỉ đốt cháy tướng của phiền não chứ chẳng đốt cháy Tính không có phiền não tức là **Pháp Tính** (Dharmatā) vậy. Lại nữa, vị **Bất Tĩnh Kim Cương** là **Phân Thân** của Đức **Thích Ca** (Śākyamuṇi), vốn do Bản Nguyện của Đức **Thích Ca** là lìa bỏ các cõi nước thanh tịnh để cứu độ chúng sinh nơi nhiễm trược. Bản Nguyện nhiếp đất dơ uế để thành tựu sự hoá độ chúng sinh ác. Do đó nên khởi sự bền vững chính cần mà tu **Khổ Hạnh** lâu dài"

_Vì Ô Sô Sa Ma có Bản Nguyện là nhiếp nơi ô uế để thành tựu sự hóa độ các chúng sinh ác trong chốn uế trược khiến cho họ khởi sự bền vững, chính cần tu khổ hạnh lâu dài nên Ngài có tên là Bất Tịnh Kim Cương, Bất Hoại Kim Cương, Bất Tịnh Khiết Kim Cương.

Tôn này cũng có tên Phạn là: **Ma Hạ Ma La** (Mahā-bala) dịch là Đại Lực. Đại Lực là chỉ Tôn này có đủ sức Đại Từ, giống như dùng lửa rực thiêu trừ nghiệp sinh tử uế ác của chúng sinh, cho nên tên là **Đại Lực**.

Lại nữa khi Đức Phật chí cực giáng Ma thì phải đối trị với sự bất tịnh. Do Ma Vương thường cư trú trong thành quách ô uế bất tịnh mà Trí Lực của các Tôn **Bất Động** (Acala), **Giáng Tam Thế** (Trailokya-vijaya) chẳng thể đối trị nổi. Vì thế Đức Phật liền chuyển Pháp Quán giải về Tịnh và Bất Tịnh bình đẳng, Trí Lực của Tà Chính nhất như, chuyển tội chướng Vô Minh thành tướng hảo trang minh. Tức chuyển Pháp Ô Sô Sa Ma giáng phục Ma Vương mà thành Phật. Do tinh yếu về đường lối **Tức Thân Thành Phật** này mà Ô Sô Sa Ma có tên là **Kim Cương Uế Tích** (dứt trừ dấu vết của Uế Trược) .

HÌNH SẮC TÔN TƯỢNG UẾ TÍCH KIM CƯƠNG :

Do nhân duyên hóa hiện với truyền thừa khác nhau, hình tượng của Uế Tích Kim Cang cũng có nhiều loại tạo tượng khác nhau.

Về hình tượng có các loại: Hình phẫn nộ có 2 cánh tay, hình phẫn nộ có 4 cánh tay, hình đoan chính có 4 tay, hình có 6 cánh tay 3 con mắt, hình phẫn nộ có 8 cánh tay 3 con mắt…. Nhưng nói chung phần nhiều dựa theo Hình Tượng ghi nhận trong Kinh **Đại Uy Lực Ô Xu Sa Ma**

_ **Đại Uy Lực Ô Xu Sa Ma Minh Vương kinh, quyển thượng** ghi là: "Hình đại phẫn nộ, mắt màu đỏ, toàn thân màu xanh đen, quanh thân rực lửa có 4 tay. Bên phải : tay thứ nhất cầm cây kiếm, tay thứ hai cầm sợi dây. Bên trái : tay thứ nhất cầm Đả Sa Bổng, tay thứ hai cầm Tam Cổ Xoa, trên mỗi khí trượng đều rực lửa. Quần bằng da cọp, dùng rắn làm chuỗi anh lạc. Tùy tùng theo hầu là hàng Dạ Xoa, chúng A Tu La, Ha Lợi Đế Mẫu, Ái Tử"

_ **Đường Bản họa tượng** ghi là: "Hình phẫn nộ đứng trên bàn đá, hướng mặt về bên phải, há miệng có ria mép và có 8 tay. Hai tay thứ nhất tác Ấn: Đem ngón cái đè ngón giữa và ngón vô danh, duỗi thẳng ngón út và ngón trỏ, tay phải đặt bên hông trái, tay trái để bên cạnh bụng đều hướng lòng bàn tay ra ngoài. Bên phải: tay thứ hai nâng

cao cầm cây kiếm, tay thứ ba cầm cái chuông, tay thứ tư cầm sợi dây rũ xuống. Bên trái: tay thứ hai nâng cao cầm bánh xe 6 căm tỏa ánh lửa rực, tay thứ ba cầm cây kiếm dài, tay thứ tư rũ xuống cầm Tam Cổ Phộc Nhật La (chày Kim Cương Tam Cổ) . Chân phải dơ cao như thế nhảy, chân trái đạp thẳng trên bàn đá tỏa lửa rực bên cạnh chân. Cổ đeo chuỗi anh lạc, khoác thiên y (áo khoác dài bên ngoài). Tóc trên đầu dựng đứng”



_ Lại theo **Đường Bản** thì: “Tượng Uế Tích Kim Cương có thân thịt màu đỏ, mặt có 3 mắt, tóc trên đầu không dựng đứng, đội mão Trời (Thiên Quan) riềm mão bay phất phới, sắc trắng như thân thường, mặt hướng về bên trái, thân có 8 tay đứng trên bàn đá . Hai tay thứ nhất tác Ấn như tay Ấn của Tượng thứ nhất. Bên trái: tay thứ hai nâng cao tới đầu cầm cây kiếm, tay thứ hai cầm cái chuông Tam Cổ, tay thứ ba duỗi ra cầm sợi dây. Bên phải: tay thứ hai cầm vật khí giống như cái bao (có thể là cây côn) tay thứ ba co khuỷu tay hướng lên trên cầm cái chày Kim Cương Độc Cổ, tay thứ tư rũ xuống cầm cung tên. Eo quấn lụa đỏ, mặc áo cà sa màu thiên thanh, đứng trên bàn đá với 4 bên bàn đá tỏa ra ánh lửa. Bên trên Tôn , ở không trung có một vị Hóa Phật ngồi, đấy là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Theo vị Tăng Đời Đường tên là Khả Tuệ thì có thể dùng bản này.



_ **Tập Bản** chẳng cho biết màu sắc của Thân và bên dưới Tượng có viết Thần Chú. Đây là Đức Thích Tôn dùng sức thần thông hiện ra Thân Kim Cương mà tuyên nói Thần Chú. Nếu tụng thì trước tiên tán tụng Thánh Giả, tiếp theo xưng danh Tam Bảo.

_ Tượng Ô Sô Sáp Ma Minh Vương do Trí Chứng Đại Sư thỉnh về thì có 3 mắt 6 tay, màu xanh đậm. Bên phải : tay thứ nhất co cánh tay nâng cao cầm cây côn báu (Bảo Bổng) tay thứ hai nâng cao duỗi dài cùi chỏ cầm cái chày Tam Cổ, tay thứ ba duỗi ra cầm sợi dây.Bên trái: tay thứ nhất tác Thí Nguyện Ấn, tay thứ hai nâng cao cầm bánh xe, tay thứ ba cầm tràng hạt. Các con rắn quấn quanh chân tay, dùng đầu lâu làm chuỗi anh lạc, ngồi trên hoa sen đỏ, duỗi chân phải rũ xuống .

_ **Thai Tạng Huyền Pháp Quỹ** ghi là: "Ô Sô Sa Ma có hình Đại Phẫn Nộ, màu đen rực lửa. Bên phải: tay trên cầm cây kiếm, tay dưới cầm sợi dây. Bên trái : tay trên cầm cây côn, tay dưới cầm Tam Cổ Xoa, các khí trượng đều rực lửa"

_ **Ô Sô Sắt Ma Minh Vương Kinh** ghi là: "Đại Uy Lực Minh Vương có toàn thân màu đen, hình phẫn nộ rực lửa. Mắt trái màu xanh biếc, tóc màu vàng dựng đứng, cắn môi dưới ló răng nanh lên trên, mặc quần da cọp, dùng rắn làm chuỗi anh lạc. Thân có 4 tay. Bên trái: tay trên cầm cái chày, tay dưới cầm sợi dây. Bên phải : tay trên đều co các ngón dựng ngón trỏ làm thế suy nghĩ, tay dưới tác Ấn Thí Nguyện. Luôn cau mày khủng bố ..."

_Tượng 4 cánh tay, trên lòng bàn tay trái cầm cái đầu lâu, tay trái ở dưới dựng ngón trỏ làm thế suy nghĩ, tay phải ở trên cầm **Ná Noa** (Daṇḍa: cây gậy, cây côn), ở dưới cầm Hành



_Tượng 4 cánh tay, dùng máu của mình vẽ, tóc ở trên đầu dựng đứng, lòng bàn tay thứ 1 cầm đầu lâu, tay thứ 2 cầm Ná Noa, (?thiếu tay thứ 3) tay thứ 4 cầm cái Chày, mặc quần da cọp.

_Tượng 4 cánh tay, tay phải nâng tượng Phật, tay ở dưới cầm Ná Noa, tay trái ở trên duỗi 5 ngón, nghiêng bàn tay gần đầu trán, hơi cuối thấp đầu làm tư thế lễ Phật, tay ở dưới cầm sợi dây đỏ, tròng mắt màu hồng.

_Tượng 4 cánh tay, toàn thân màu đen rực lửa, hình phẫn nộ, mắt trái màu xanh biếc, tóc màu vàng dựng đứng, cắn môi dưới ló răng nanh chó lên, mặc quần da cọp, dùng rắn làm chuỗi anh lạc. Bên Trái: Tay ở trên cầm cái Chày, tay ở dưới cầm sợi dây. Bên Phải: Tay ở trên đều co các ngón dựng ngón trỏ làm thế suy nghĩ, tay ở dưới tác Thí Dữ Nguyện Ấn luôn cau chân mày, mắt nhìn thật đáng sợ.

_ **Đà La Ni Tập Kinh, quyển 9** ghi là: "Sau đó vẽ tác Hỏa Đầu Kim Cương. Tượng ấy có thân dài một khuỷu 2 thước 3 tất rưỡi của Đức Phật. Ngoại trừ Quang tòa (Tòa hào quang) ấy còn lại đều cao lớn đầy đủ vẻ đẹp tinh xảo. Khi hòa màu vẽ thì dùng nước cốt của Huân Lục Hương, chẳng được dùng keo nấu bằng da thú. Lấy một lọ nước nhỏ để chính giữa Đàn. Ngày ngày nên cầu 7 vị **Nhân Trai** (? Trai Tăng, hay người giữ Trai Giới). Nếu không làm nổi thì cầu một người cũng được.

Tượng ấy màu xanh có 4 tay. Tay phải hướng về bắp tay, cầm Bạt Chiết La. Tay trái hướng về vai cầm sợi dây màu đỏ, dây ấy quấn co giống như rắn quấn.Tay phải duỗi xuống dưới ngửa ngón cái nắm ngón trỏ duỗi thẳng xuống dưới, 3 ngón còn lại đều co hướng lên trên. Tay trái co cánh tay hướng lên trên cầm tràng hạt, dùng đầu ngón giữa mà lần hạt. Tượng có diện mạo đoan chính rất thù diệu.

Vẽ 2 Long Vương quấn trên bắp tay trái sao cho 2 đầu của 2 Long Vương cùng móc nhau ngửa nhìn ngay trước ngực và đuôi ở ngay trên lưng, đều thuần màu đỏ.

Lại có 4 Long Vương đều làm màu xanh, đều quấn quanh mỗi một cánh tay.

Lại có 2 Long Vương cũng đều màu xanh, đều quấn quanh bắp chân

Trên đầu Tượng ấy có một Long Vương màu trắng quấn khoanh tròn và ngóc đầu lên.

Dưới eo Tượng ấy là quần đùi da cọp. Đầu tóc rực lửa thảy đều dựng đứng. Chẳng phải chỉ ở trên đầu mà ở cổ và lưng cũng có hào quang rực lửa.

Hai bên phải trái trên hào quang của cái đầu đều vẽ một tòa hoa sen. Trên hoa sen bên trái vẽ Tượng **Phật A Súc** (Akṣobhya-buddha) [một Bản ghi là **Phật Thích Ca** (Śākya-muṇi-buddha)] ngồi Kiết Già, ngửa lòng bàn tay trái đặt ngang dưới rốn, ngửa lòng bàn tay phải đặt trên đầu gối đều rũ đầu ngón tay. Trên hoa sen bên phải vẽ Tượng Phật **A Di Đà** (Amitābha-buddha) ngồi Kiết Già, tác **A Di Đà Luân Ấn** là: Ngửa lòng bàn tay trái, duỗi bung 3 ngón trỏ, giữa, út cong ngón cái và ngón vô danh đều trụ đầu ngón. Tay phải cũng đồng như trước. Tác xong, đem tay phải che trên tay trái sao cho móng các ngón cái và ngón vô danh cùng trụ nhau ở rốn.

Trên tượng Phật ấy vẽ làm tượng chư Thiên rải hoa, ở bên trên chư Thiên, vẽ mây có màu như ánh điện.

Dưới chân tượng Kim Cương ấy vẽ làm nước biển, bên trong có hoa sen và vị Kim Cương đứng trên hoa sen ấy. Trong biển vẽ 8 vị A Tu La Vương, 4 vị bên trái, 4 vị bên phải. Hình của 8 vị vua ấy đều vẽ hình cúi đầu lễ bái

Dưới chân Kim Cương, phía bên phải lại vẽ hình tượng Chú Sư, tay cầm lò hương, quỳ gối cúng dường.



_ Lại có Tượng hai tay, thân màu đỏ, hình phẫn nộ, lộ răng nanh, 3 mắt như Hồ Ly (con chồn) tóc màu vàng dựng đứng, tay trái cầm cái chày, tay phải cầm **Ná Noa Bổng** (Nhân Đầu Bổng_ Daṇḍa-śastra)



_Tượng 2 cánh tay, tay phải lòng bàn tay mở ra duỗi thẳng 5 ngón, tay trái cầm cái Chày, chân trái đạp lên **Tì Na Dạ Ca** (Vinayāka: loài gây chướng ngại), chân phải đạp lên Ná Noa khiến 1 đầu của Ná Noa đè lên Tì Na Dạ Ca.

_ Phật Giáo Đại Hàn thường thờ phụng Uế Tích Kim Cương chung với các vị Hiền Thánh



韓國－穢跡金剛法相（中央）

本幅為韓國【全羅北道兜率山－禪雲寺】之法相，由林裕海居士所拍攝提供！圖片嚴禁商業使用，網路流通亦禁止移除版權資訊，敬請配合！【千化藝術工作室】著作權所有！ http://tw.myblog.yahoo.com/yu-hai/



韓國一穢跡金剛法相（中央）

本幅為韓國【傳燈寺】之【神眾幀畫】，繪於西元 1916 年，法相由林裕海居士所拍攝提供，圖片嚴禁商業使用，網路流通亦禁止移除本【著作權】資訊，敬請配合！

【千化藝術工作室】拍攝著作權所有！ http://tw.myblog.yahoo.com/yu-hai/



韓國 - 穢跡金剛法相
（無經典及傳承記載依據，僅供藝術欣賞參考！）

_Phật Giáo Tây Tạng thờ phụng Uế Tích Kim Cương qua nhiều loại Tôn Tượng:
1_ Lam Uế Tích Kim Cương (Tôn Tượng màu xanh lam)



早期流通之 - 藏傳藍穢跡金剛

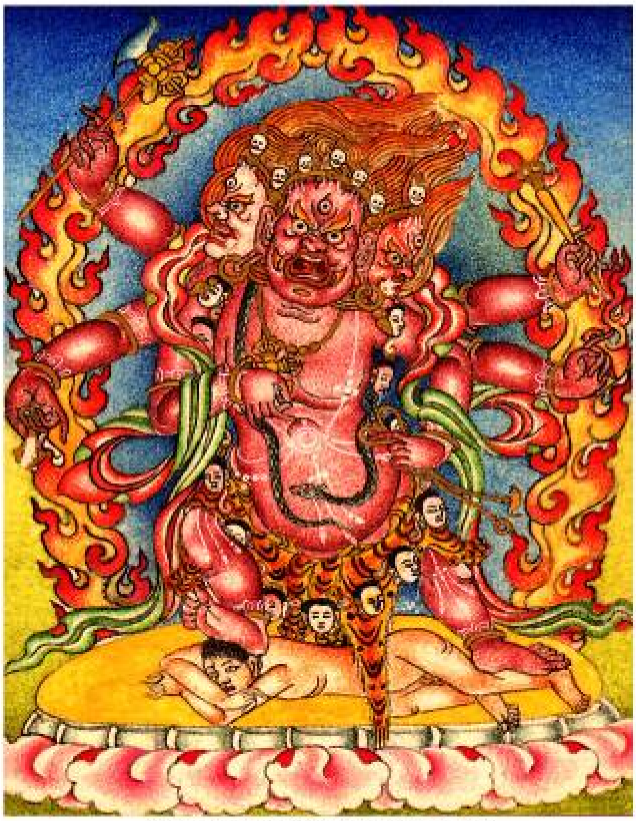
2_ Lục Uế Tích Kim Cương (Tôn Tượng màu xanh lục)



3_ Yên Sắc Uế Tích Kim Cương (Tôn Tượng màu khói)



4_ Hồng Sắc Uế Tích Kim Cương (Tôn Tượng màu hồng)



穢跡金剛(竹巴噶舉傳承)

ཁྲོ་བོ་རྒྱལ་པོ་སྟོབས་པོ་ཆེ་[illegible]

5_Bạch Sắc Uế Tích Kim Cương (Tôn Tượng màu trắng)



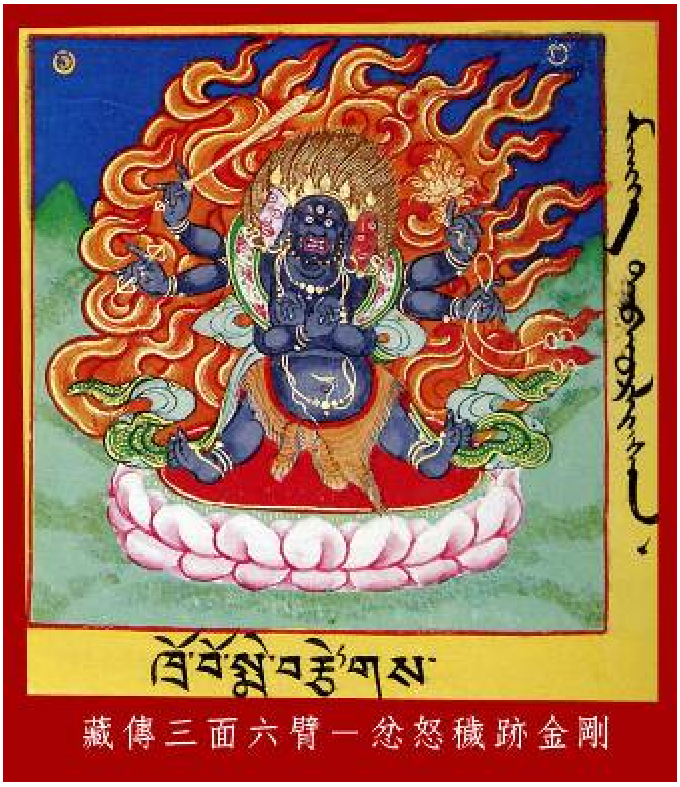
白穢跡金剛(蒙古文-甘珠爾佛像)

6_Nhị Tý Uế Tích Kim Cương (Tôn Tượng có 2 cánh tay)

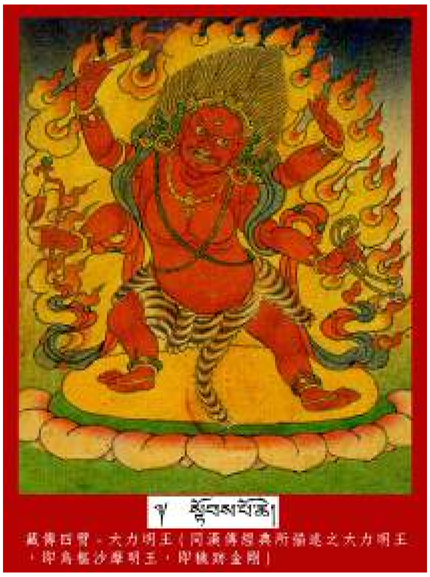


特殊 - 二臂穢跡金剛 (噶瑪噶舉 - 蘇曼寺)

7_ Phẫn Nộ Uế Tích Kim Cương:



8_Tứ Tý Đại Lực Minh Vương (Tôn Tượng có 4 cánh tay)





9_Phẫn Nộ Uế Tích Phật Mẫu:



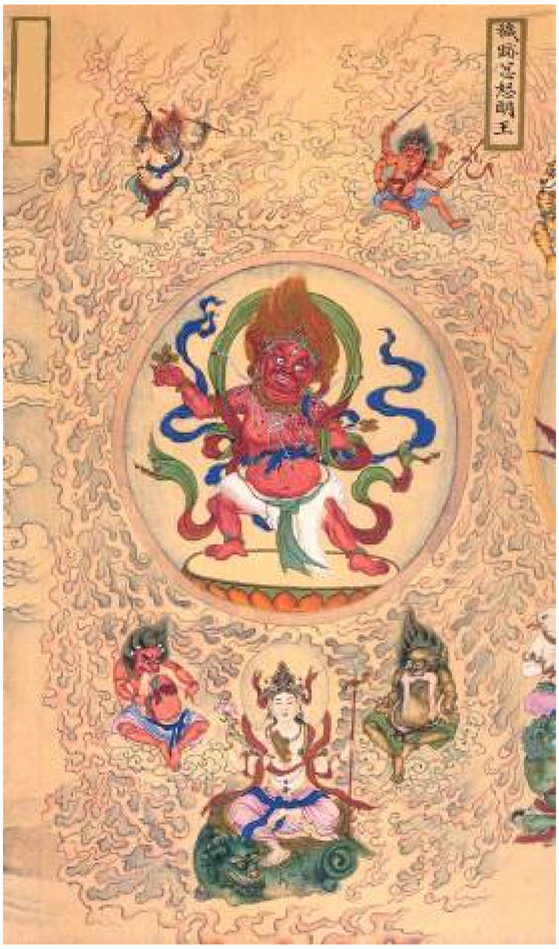
10_ Tôn Tượng Uế Tích Kim Cương có nhiều đầu nhiều tay:



_ Phật Giáo Nhật Bản còn thờ phụng Uế Tích Kim qua nhiều loại Tôn Tượng:

密宗穢跡金剛




穢跡忿怒明王





Ý NGHĨA TÔN TƯỢNG UẾ TÍCH KIM CƯƠNG CÓ 3 MẶT 8 TAY:



Thân Thể màu xanh đen: Biểu thị cho việc làm của các vị Phụng Giáo Phẫn Nộ là Nhiếp Triệu và thành biện các việc. Hoặc xuất sinh các hình tùy loại. Hình sắc này còn biểu thị cho tính chất **Toàn Tại** và **Vĩnh Cửu** của Giáo Pháp mà Ngài là bậc Hộ Pháp và Hoằng Pháp.

Thân có 3 mặt :

Mặt chính giữa màu xanh đen: Sự dung nạp của Tam Muội Đại Không và Đại Niết Bàn (Tuệ cứu cánh của Như Lai) biểu thị cho Phật Tính thường hằng giống như Hư Không

Mặt bên trái màu trắng: Sự thanh tĩnh của Tâm Từ Bi, biểu thị cho sự che chở và giúp đỡ chúng sinh

Mặt bên phải màu đỏ: Ý chí tinh tiến dũng mãnh, biểu thị chi uy đức hàng phục và nhiếp phục các Ma Chướng uế ác.

Thân đeo 3 chuỗi anh lạc ở cổ, ngực, bụng: Biểu thị cho sự đầy đủ Phước Trí trang nghiêm của 3 đời

Thân dưới khoác khố da cọp: Biểu thị cho quyền năng Tâm Linh

8 tay đeo rắn (hoặc Rồng): Biểu thị cho Trí Tuệ của thân Giác Ngộ

4 tay bên phải

_Tay thứ nhất kết Ấn Cát Tường để ngang ngực phải: Biểu thị cho sự xua đuổi sự sợ hãi và đem lại sự an lành cho chúng sinh

_Tay thứ hai cầm chày Kim Cương: Tính Không Bất Hoại, biểu thị cho uy lực Thần Thông hàng phục các Ma Chướng

_Tay thứ ba cầm bánh xe 8 căm rực lửa: Dùng lửa Trí Tuệ của 8 Thánh Đạo thiêu đốt mọi Tâm ô uế của chúng sinh khiến cho Tâm Thức của họ được Tịnh Hóa

_Tay thứ tư cầm cây thương (hay cây bổng): Phá nát vòng Luân Hồi khiến cho chúng sinh được giải thoát

4 tay bên trái :

_Tay thứ nhất kết Ấn Kim Cương Quyền úp lại để ngang trái tim: Biểu thị sự nắm chặt Tính Đại Không giữ gìn Tâm Bồ Đề vững chắc.

_Tay thứ hai cầm chuông Kim Cương: Dùng âm thanh Bát Nhã đem lại sự an vui tịch lặng cho các chúng sinh, tượng trưng cho sự quán thông các Thần Chú và có quyền năng nhiếp phục tất cả loài Quỷ Thần trong các nẻo.

_Tay thứ ba cầm sợi dây: Cột trói những loài khó hàng phục khiến cho chúng xa lìa Tà Kiến và dẫn vào Chính Đạo

_Tay thứ tư cầm cây kiếm: Trí Tuệ cắt đứt nghiệp thọ của chúng sinh khiến cho họ chặt đứt Tham Sân Si, chứng được Trí Đại Không

Sợi dây và cây kiếm còn biểu thị cho việc thừa lệnh Như Lai giết hại tất cả Tâm chúng sinh, hiển lộ Tâm Hiền Thánh

Co chân phải, duỗi chân trái đạp trên tảng đá: Một lòng trấn giữ Trọng Chướng (nghiệp chướng nặng nề) khiến cho nó chẳng động mà chuyển thành Tâm Bồ Đề

Tỏa hào quang rực lửa: Dùng lửa Trí Tuệ thiêu đốt tất cả sự uế trược của Thế Gian

Vị Hóa Phật trên đỉnh đầu : Biểu thị cho Bản Nguyện: ***"Chuyển Uế thành Tịnh, chuyển tội chướng thành tướng hảo quang minh, chuyển việc Thế Gian thànhphương tiện giải thoát"***



CHỦNG TỬ, CHÂN NGÔN, THỦ ẤN CỦA UẾ TÍCH KIM CƯƠNG

Uế Tích Kim Cương (Ucchuṣma) có Hiệu là Bất Tĩnh Kim Cương, Hỏa Đầu Kim Cương.

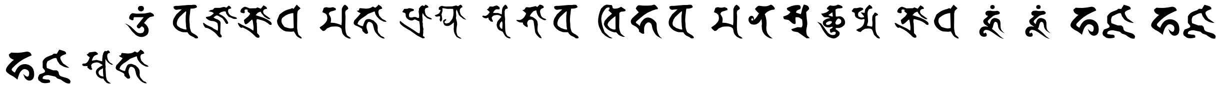
Chủng Tử là HŪṂ ( ) hay JAḤ ( ) hay HĀḤ ( )

Tam Muội Gia hình là Chày Tam Cổ, Chày Độc Cổ hay cây gậy báu

Tâm Chú của Uế Tích Kim Cương được ghi nhận qua nhiều bản khác nhau. Như :

_ **Uế Tích Kim Cương Thuyết Thần Thông Đại Mãn Đà La Ni Pháp Thuật Linh Yếu Môn** ghi là:

"Án_ Bút quát hốt lốt, ma ha bát-la ngân na, ngái vẫn trấp vẫn, vĩ hiệt vĩ , ma na thê. Ô thâm mộ hốt lốt, hàm hàm, phấn phấn phấn, sa ha"



OṂ (Quy mệnh) VAJRA-KRODHA (Kim Cương Phẫn Nộ) MAHĀ-PRĀGNĀ_SVABHĀVA (Đại Trí Hỏa và Tự Tính) VIHAVA (Lời khẩn cầu, sự cầu nguyện) MANAS (Tinh thần, linh hồn, chốn linh thiêng) UCCHUṢMA KRODHA (Uế Tích Phẫn Nộ) HŪṂ HŪṂ (Khủng bố, bảo vệ) PHAṬ PHAṬ PHAṬ (Phá bại) SVÀHÀ (Quyết định thành tựu)

_ Một Hệ Phái Tây Tạng ghi nhận là :



OṂ _ BHURKUM GRI MAHĀ-PRANAYE BHUR CI BHUR KI VIMANASE _ UCCHUṢMA KRODHA HŪṂ PHAṬ

Tùy Tâm Chú là :



OṂ _ BHURKUM GRI HANA _ SVĀHĀ

_ Kinh **Uế Tích Kim Cương Cấm Bách Biến Pháp** ghi nhận là:

"Án _ Bút quát hốt lốt, ma ha bát-la ngận na, ngái vẫn trấp vẫn, hê ma ni vi, hiệt vi ma na thê.

Án_ Chước cấp na ô thâm mộ hốt lốt, hồng hồng hồng, phán phán phán phán phán, sa ha"



OṂ (Quy mệnh) VAJRA-KRODHA (Kim Cương Phẫn Nộ) MAHĀ-PRĀGNĀ_SVABHĀVA (Đại Trí Hỏa và Tự Tính) _ HE (mừng thay) MANI VID (Đấng đạt được báu Như Ý) HE (Mừng thay) VIMANAS (Đấng có Tâm Ý thông tuệ sáng suốt , bậc có tâm trí tinh nhuệ sắc sảo khôn ngoan)

OṂ (Quy mệnh) KṚṢṆA UCCHUṢMA KRODHA (Hắc Uế Tích Phẫn Nộ) HŪṂ HŪṂ HŪṂ (Khủng bố 3 độc Tham Sân Si) PHAṬ PHAṬ PHAṬ (Phá bại 3 độc Tham Sân Si) _ SVÀHÀ (Quyết định thành tựu)

_Kinh **Nhất Thiết Như Lai Đại Bí Mật Vương Vị Tằng Hữu Tối Thượng Vi Diệu Đại Mạn Noa La**, quyển 5 ghi nhận là:

"**Nẵng mạc thất-chiến noa, phộc nhật la bá noa duệ, ô sô sắt ma cốt-lỗ đà, ma hạ ma la, hạ nẵng hạ nẵng, vĩ nhật-lâm bà, a nẵng dã, a nẵng dã, tát lý-phộc nỗ sắt-tra nam, hồng, phát tra, sa phộc hạ"**

NAMAḤ (Kính lễ) ŚCAṆḌA VAJRA-PĀṆĀYE (Bạo Nộ Kim Cương Thủ Đẳng) UCCHUṢMA-KRODHA (Uế Tích Phẫn Nộ) MĀHA-BALA (Đại lực), HANA HANA (đánh đập), VIJRṂBHA (Cau mày) ANAYA ANAYA (Hành động ác của ta và người), SARVA DUṢṬĀṆĀṂ (tất cả nhóm ác) HŪṂ (khủng bố) PHAṬ (phá bại) SVĀHĀ (quyết định thành tựu)

_ Hầu hết các Kinh Bản khác đều ghi nhận Tâm Chú của **Uế Tích Kim Cương** là:

OṂ (Quy mệnh) VAJRA-KRODHA (Kim Cương Phẫn Nộ) MAHĀ-BALA (Đại Lực) HANA (Đánh đập) DAHA (Thiêu đốt) PACA (Nấu thổi) MATHA (Hủy hoại) VIDHVAṂSAYA (Tồi hoại) UCCHUṢMA KRODHA (Uế Tích Phẫn Nộ) HŪṂ (Khủng bố) PHAṬ (Phá bại) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)

Các vị Lạt Ma Tây Tạng thường dùng Tâm Chú này để tác Pháp Hộ Thân

_ **Uế Tích Tâm Trung Tâm Chú** được ghi nhận khác nhau. Nay chúng tôi xin ghi nhận lại một bản tương đối chuẩn xác nhất là :

NAMO RATNA-TRAYĀYA (Quy mệnhTam Bảo)

NAMAH ŚCAṆḌDA VAJRA-PĀṆĀYE MAHĀ-YAKṢA-SENAPATAYE (Kính lễ Bạo Nộ Kim Cương Thủ Đại Dược Xoa Quân Chủ)

TADYATHĀ (Như vậy, liền nói Chú là)

OṂ _ VAJRA-KRODHA MAHĀ-BALA _ HANA DAHA PACA MATHA VIKIRA (Phân tán) VIDHVAṂSAYA _ JĀṬHARA RAMODARA (Diễn ra từ lòng yêu thích, bắt nguồn từ cái bụng yêu thích) UCCHUṢMA KRODHA HŪṂ PHAṬ _ SVĀHĀ

_ **Uế Tích Tâm Mật Ngôn** cũng được ghi nhận khác nhau. Nay chúng tôi xin đề cử một bản là :

NAMAḤ SAMANTA KĀYA, VĀK-CITTA VAJRAṆĀṂ (Kính lễ khắp cả Thân, Khẩu, Ý Kim Cương Đẳng)

OṂ (Ba thân giác ngộ) HŪṂ HŪṂ HŪṂ PHAṬ PHAṬ PHAṬ (Khủng bố phá bại 3 độc Tham Sân Si)

OṂ (Nhiếp Triệu) UGRA-ŚŪRAPĀṆI (Uy Đức Dũng Mãnh Kim Cương Thủ) HŪṂ HŪṂ HŪṂ (Khủng bố) PHAṬ PHAṬ PHAṬ (Phá bại)

OṂ_ JYOTIRNĀDA (Hỡi năng lực rung động tỏa sáng) HŪṂ HŪṂ HŪṂ (Khủng bố) PHAṬ PHAṬ PHAṬ (Phá bại)

OṂ OṂ OṂ PHAṬ PHAṬ PHAṬ (Rung động phá bại 3 Độc)

OṂ (Quy mệnh) MAHĀ-BALĀYA (Đại Lực Đẳng) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)

_ Phụng Thỉnh Mật Ngôn:

NAMO RATNA-TRAYĀYA (Quy mệnh Tam Bảo)

NAMAḤ ŚCAṆḌA VAJRA-PĀṆĀYE MAHĀ-YAKṢA-SENAPATĀYE (Kính lễ Bạo Nộ Kim Cương Thủ Đại Dược Xoa Quân Chủ)

OṂ (Nhiếp Triệu) VAJRA-KRODHA (Kim Cương Phẫn Nộ) MAHĀ-CAṆḌA (Đại Bạo Nộ) HANA (Đánh đập) DAHA (Thiêu đốt) PACA (Nấu thổi) VIDHVAṂSAYA (Tồi hoại)

EHYEHI BHAGAVAṂ (Đức Thế Tôn khéo đến)

HANA HANA _DAHA DAHA _ PACA PACA _ VIDHVAṂSAYA VIDHAVAṂSAYA

DEVANĀṂ INDRA PŪJITA (Thể thức cúng dường chư Thiên và Đế Thích)

SARVA DHVANITĀ (Tất cả sự phản chiếu, tất cả âm thanh vang dội lại)

SARVA DHVAJA (Tất cả cây phướng chiến thắng) TURU TURU (Nhanh chóng, gấp rút) KURU KURU (Tác làm) KURBAṂ KURBAṂ (Thủ hộ) MAHĀ-KURBAṂ MAHĀ-KURBAṂ (Đại Thủ Hộ) GUṆATI GUṆATI (Sự lệ thuộc, sự tin cậy) NATI NATI (Hướng dẫn, dìu dắt) HINI HINI (Nhỏ nhiệm) SINI SINI (Mẩu nhỏ, miếng nhỏ, vi tế) KHAKHA (Hư không) KHAHI KHAHI (Ăn nuốt) GŪRA GŪRA (Nặng nề) DHURTA DHURTA (Quỷ quyệt xảo trá) DHUTA DHUTA (Rung lắc, di chuyển, khuấy động, từ bỏ) DHURA DHURA (Cái ách, mối ràng buộc, gánh nặng) HANA HANA (Đánh đập)

BHŪTĀDHIPATI (Bộ Đa Chủ) ASURA PŪLA (Sự hạn hẹp của A Tu La) VIDHVAṂSAYA KARA (Tác tồi hoại)

UCCHUṢMA KRODHA (Uế Tích Phẫn Nộ) DHAMA DHAMA (Tống thổi, tan biến, biến đổi dần) CALA CALA (Lay động) KURU KURU (Tác làm) HŪṂ (Khủng bố) PHAṬ (Phá bại)

TURU TURU HŪṂ PHAṬ (Gấp rút khủng bố phá bại)

HANA HANA HŪṂ PHAṬ (Đánh đập khủng bố phá bại)

DAHA DAHA HŪṂ PHAṬ (Thiêu đốt khủng bố phá bại)

PACA PACA HŪṂ PHAṬ (Nấu thổi khủng bố phá bại)

AGRIYE (Tối thắng) HŪṂ HŪṂ HŪṂ (Bảo vệ) PHAṬ (Phá bại) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)

Các vị Đạo Sư Trung Hoa còn ghi nhận bài **Đại Uy Lực Ô Sô Sáp Ma Kim Cương Mạn Trà La Thỉnh Triệu Đà La Ni** như sau:

NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMO CAṆḌA VAJRA-PAṆĀYE MAHĀ-YAKṢA-SENAPATAYE

OṂ_ VAJRA-KRODHA MAHĀ-CAṆḌA HANA DAHA PACA VIKIRA VIDHVAṂSAYA .

EHYEHI BHAGAVAN, HANA HANA, DAHA DAHA, PACA PACA, VIKIRA VIDHAVAṂSAYA, DEVA NĀTHENDRA PŪJITA, SARVA ATMA JITA SARVA ATMA JA, SURU SURU, KURU KURU, MURU MURU, KURVAT KURVAT MAHĀ-KURVAT, KUNAṬI KUNAṬI MAHĀ-KUNAṬI, NAṬI NAṬI , MINI MINI MAHĀ-MINI, KINI KINI MAHĀ-KINI, KHAKHA, KHADA KHADA, KHAHI KHAHI, GHURU GHURU, TURU TURU, TU TU TU TAL, HANA HANA, DAHA DAHA, PACA PACA, GṚHṆA GṚHṆA , BANDHA BANDHA, MATHA MATHA, PRAMATHA PRAMATHA, CINDHA CINDHA, BHINDHA BHINDA, BHŪTAPATI, ASURAPURA VIDHAVAṂSANA KARA, UCCHUṢMA KRODHA MAHĀ-BALA DAMA DAMA, YAMA YAMA, KARA KARA, KIRI KIRI, KURU KURU, HŪṂ PHAṬ, MURU MURU HŪṂ PHAṬ, SURU SURU HŪṂ PHAṬ, HANA HANA HŪṂ PHAṬ, DAHA DAHA HŪṂ PHAṬ, PACA PACA HŪṂ PHAṬ, HṚ HṚ HŪṂ PHAṬ, HE HE HŪṂ HŪṂ PHAṬ PHAṬ, SVĀHĀ

_ **Giải Uế Chú :**

OṂ (Cảnh giác) TURE MARE (Cứu độ chướng nạn) MA MARE MARE TURE (Cứu độ chướng ngại của tôi và người khác) TURE (Vượt thoát) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)

.) Mật Tông Nhật Bản ghi nhận **Giải Uế Chú** là:

OṂ_ ŚRĪMALI (Cát Tường Bảo Trì) MAMALI MALI (Tân Phước bảo trì bảo trì) ŚUŚRĪ (Hoa lệ cát tường) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)

.) **Giải Uế Chú** thường thấy trong các Kinh Bản là:

OṂ_ KRODHANA HŪṂ JAḤ



1_ **Ô Xu Sa Ma Thân Ấn**:

Ngón vô danh, ngón út của tay phải từ sau lưng ngón vô danh của tay trái cắm vào đến khoảng giữa của ngón ngón giữa và ngón vô danh, đem ngón cái nghiêng đè móng ngón vô danh và ngón út của tay phải rồi nắm giữ ngón vô danh, ngón út của tay trái. Tiếp theo co cong ngón vô danh, ngón út của tay trái; đem ngón cái trái nghiêng đè móng ngón vô danh, ngón út của tay trái làm cái vòng có dạng như hai cái khoen cùng móc nhau. Lại đem ngón trỏ , ngón giữa của hai tay dựng đứng sao cho đầu ngón trụ nhau rồi co cong ngón trỏ đưa qua đưa lại.

Ấn này lại xưng là **Phổ Diệm Ấn**



Chân Ngôn là:

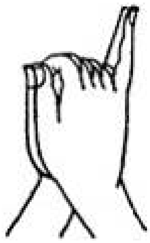
OṂ_ HŪṂ PHAṬ PHAṬ PHAṬ _ UGRA ŚŪLA-PĀṆI HŪṂ HŪṂ HŪṂ PHAṬ PHAṬ PHAṬ

OṂ_ DŪTI NIRNADA HŪṂ HŪṂ HŪṂ PHAṬ PHAṬ PHAṬ

OṂ OṂ OṂ MAHĀ-BALA SVĀHĀ

2_ **Ô Xu Sa Ma Thủ Ấn** (1) _ Bạc Già Phạm Căn Bản Ấn:

Hai tay tác Nội Phộc, dựng thẳng hai ngón út, hai ngón cái cùng hợp nhau. Ấn này gọi là **Bạc Già Phạm Căn Bản Ấn;** hai ngón cái, hai ngón út là hai đầu của Độc Cổ.



Lúc Triệu Thỉnh thời dựng chụm hai ngón cái lại, triệu vời hai lần

Lúc Phụng Tống thời hướng ra bên ngoài búng ngón tay.

Chân Ngôn là:



OṂ_ VAJRA-KRODHA MAHĀ-BALA HANA DAHA PACA VIDHVAṂSAYA UCCHUṢMA-KRODHA HŪṂ PHAṬ

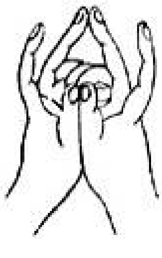
3_ **Ô Xu Sa Ma Thủ Ấn** (2):

Chắp hai tay lại giữa rỗng (Hư Tâm Hợp Chưởng) co hai ngón út để ở trong lòng bàn tay, đem hai ngón cái nghiêng đè móng hai ngón út; dựng thẳng hai ngón vô danh, hai ngón giữa, hai ngón trỏ cùng hợp đầu ngón sao cho các ngón hơi đẩy nhẹ nhau



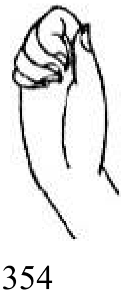
4_**Ô Xu Sa Ma Thủ Ấn** (3):

Hai tay tác Nội Phộc, dựng hợp hai ngón giữa, co cong hai ngón trỏ như hình móc câu đều phụ dính trên lưng ngón giữa như hình cái chày Tam Cổ.



5_ **Ô Xu Sa Ma Thủ Ấn** (4)

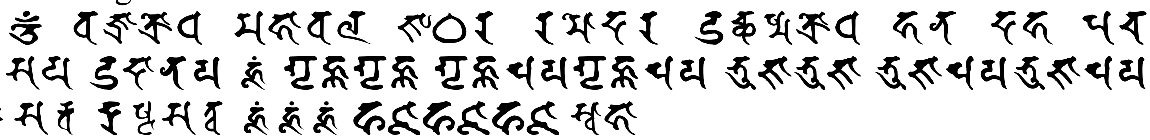
Tay phải nắm quyền, dựng thẳng ngón cái đè bên cạnh ngón trỏ, gia trì năm nơi



6_ **Đại Lực Minh Vương Ấn**: Hai tay nắm quyền. Đem hai ngón cái, hai ngón út cùng dính nhau, hợp dựng đứng thì thành Ấn.



Chân Ngôn là:



Oṃ_ Vajra-krodha mahā-bala jāṭhara ramodara ucchuṣma-krodha, hana daha paca vidhvaṃsaya udānaya hūṃ, gṛhṇa gṛhṇa gṛhnapaya gṛhṇapaya bhūja bhūja, bhūjapaya bhūjapaya, imāṃ sarva duṣṭa-satva, hūṃ hūṃ hūṃ, phaṭ phaṭ phaṭ svāhā

Tụng Chân Ngôn này một trăm biến, kết Ấn gia trì nhóm hương, hoa, thức ăn đã cúng dường khiến cho tất cả hàng Trời, Rồng, Dạ Xoa, La Sát ấy được ăn thức ăn cúng dường thắng diệu như bên trên. Được cúng dường xong sẽ cho Mạn Noa La mà vị A Xà Lê ấy đã làm với tất cả điều đã mong cầu thảy đều như Nguyện, mọi thứ đã làm thảy đều thành tựu.

_Uế Tích Kim Cương Bách Tự Minh:



OṂ_ VAJRA UCCHUṢMA SAMAYAM ANUPĀLAYA
UCCHUṢMA TVENA UPATIṢṬA
DṚḌHO ME BHAVA
SUTOṢYO ME BHAVA
SUPOṢYO ME BHAVA
ANURAKTO ME BHAVA
SARVA SIDDHIṂ ME PRAYACCHA
SARVA KARMA SU CA ME CITTAṂ ŚRĪYAṂ KURU –HŪṂ
HA HA HA HA HOḤ
BHAGAVAṂ_ SARVA TATHĀGATA_ VAJRA UCCHUṢMA _ MĀ ME MUṄCA
UCCHUṢMA BHAVA
MAHĀ SAMAYA SATVA
ĀḤ

_Dịch nghĩa là:
Hỡi Kim Cương Uế Tích!
Xin Ngài hãy giữ gìn lời thề của mình!
Xin Kim Cương Uế Tích hãy trú ngụ nơi con
Làm cho con được kiên cố vững chắc
Giúp cho con hoàn thành mọi nguyện cầu
Thúc đẩy con phát khởi Tâm Đại Nguyện thuần khiết của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni mà thành tựu tất cả
Đồng thời làm cho Tâm của con được tinh khiết trong sáng trong mọi hành động
HÙM_ HA HA HA HA HỐC
Xin Đức Thế Tôn, tất cả Như Lai, Kim Cương Uế Tích đừng bỏ rơi con
Hãy giúp cho con phát sinh được Trí Lực “**Chuyển Uế thành Tịnh, Chuyển Tội Chướng Vô Minh thành tướng hảo quang minh, chuyển mọi sự việc của Thế Gian thành phương tiện giải thoát”**
Đừng để con phân cách với Đấng Kim Cương Uế Tích
Ngỏ hầu thành tựu Đại Nguyện Hữu Tình
ẮC

_Dùng **Minh Vương** này làm Bản Tôn của Pháp tu thì xưng là **Ô Sô Sa Ma Pháp**, phần lớn dùng để khẩn cầu sinh sản được bình an hoặc khử trừ sự Bất Tịnh lúc sinh sản, hoặc mong tưởng xua đuổi rắn độc, Quỷ Ác…. cũng có thể tu Pháp này.

Phàm người trì tụng Thần Chú của Minh Vương này, có thể được Công Đức lớn, chẳng những có thể được nhóm lợi ích lớn của trừ bệnh, kính yêu, tránh nạn, thọ phước, giáng phục oán địch…. lại có thể phòng ngừa các chướng ngại của Khô Mộc Tinh, Quỷ Ác, rắn độc….

Ngoài ra còn gọi là **Ô Tuyên Sa Ma Minh Vương Biến Thành Nam Tử Pháp** có thể khiến cho thai nữ biến thành nam.

*) **Công Đức lợi ích của Pháp Uế Tích Kim Cương**: có 21 loại
1_ Giáng phục tình dục
2_ Khử dơ trừ uế
3_ Phương tiện tu học
4_ Thông minh Trí Tuệ
5_ Được Phước Đức lớn

6_ Giáng trừ bệnh do Ma Quỷ gây ra
7_ Sống lâu tiêu tai
8_ Trị bệnh ôn dịch
9_ Trị nỗi kinh sợ trong đêm
10_ Diệt trừ các tội
11_ Phòng ngự rắn và thú độc
12_ Miễn trừ giặc trộm cướp
13_ Trị bệnh Dạ Đề của con nít
14_ Trị trăm vạn bệnh
15_ Dễ dàng có con
16_ Thấy được người đã chết
17_ Chúng Thần vệ hộ
18_ Siêu độ giải thoát
19_ Bản Tôn ứng mộng
20_ Bản Tôn tương tùy
21_ Thọ ký thành Phật

*) **Tám vị Long Vương** (Nāga-rāja) **hộ trì Pháp Uế Tích** là:
.) **Sāgara Nāga-rāja** (Hải Long Vương)
.) **Nanda Nāga-rāja** (Hoan Hỷ Long Vương)
.) **Upananda Nāga-rāja** (Hiền Hỷ Long Vương)
.) **Vāṣuki Nāga-rāja** (Bảo Hữu Long Vương, Bảo Xứng Long Vương, Đa Đầu Long Vương, Cửu Đầu Long Vương)
.) **Takṣaka Nāga-rāja** (Đa Thiệt Long Vương, Hiện Độc Long Vương, Năng Tổn Hoại Long Vương)
.) **Anavatapta Nāga-rāja** (Vô Nhiệt Não Long Vương)
.) **Manasvati Nāga-rāja** (Đại Ý Long Vương, Cao Ý Long Vương, Đại Lực Long Vương, Đại Thân Long Vương, Từ Tâm Long Vương)
.) **Utpalaka Nāga-rāja** (Thanh Liên Long Vương)

*) **Pháp tu Uế Tích**, chủ yếu có 2 hệ truyền thừa là :

Hệ 1 thuộc Bí Pháp Trắng: Do Tam Tạng **Bất Không** với bản dịch **Đại Uy Nộ Ô Sáp Sa Ma Nghi Quỹ Kinh, 1 quyển** . Trong đó giới thiệu Ucchusma như là một Hóa Thân của **Phổ Hiền Bồ Tát** (Samanta-bhadra-bodhisatva) với triết lý **Tịnh Bất Tịnh bình đẳng.**

***Hệ 2 thuộc Bí Pháp đen*:** Chú trọng những việc làm vỡ núi, cạn biển, sông chảy ngược, khiến người cấm khẩu… Hệ này do **A Chất Đạt Tản** (Vô Năng Thắng Tướng) lưu truyền với các bản dịch:

_ Đại Uy Lực Ô Khu Xa Ma Minh Vương Kinh (3 quyển)

_ Uế Tích Kim Cương Thuyết Thần Thông Đại Mãn Đà La Ni Pháp Thuật Linh Yếu Môn (1 quyển)

_ Uế Tích Kim Cương Cấm Bách Biến Pháp Kinh (1 quyển)

Tại Nhật Bản, tu Pháp về Minh Vương này cốt bảo vệ sự sinh sản, dọn dẹp cây khô, xua đuổi rắn độc.

Tinh yếu của Pháp **Uế Tích Kim Cương** là: Quán giải về **Tịnh và Bất Tịnh bình đẳng**, Trí Lực của Tà Chính nhất như, chuyển tội chướng Vô Minh thành tướng hảo trang minh, tức chuyển Pháp Ô Sô Sa Ma giáng phục Ma Vương mà thành Phật.

_Theo Hệ **Thiên Đà**i (Thiên Thai) của Trung Quốc. Do uy lực quá mạnh mẽ của Pháp Uế Tích Kim Cương nên để có thể đi đúng theo tinh thần giải thoát không vướng chấp của Phật Giáo thì Hệ này truyền dạy cho Môn Đồ phải tu tập nhuần nhuyễn **Pháp Đại Bi**, tiếp đó phải thực chứng được **Tâm Thanh Tịnh của Pháp Chuẩn Đề**, cuối cùng mới truyền dạy **Pháp tu Uế Tích Kim Cương**.

ÁI NHIỄM MINH VƯƠNG

Ái Nhiễm Minh Vương, tên Phạn là Rāga-rāja, dịch âm là La Nga La Xà, lược xưng là Ái Nhiễm Vương

Rāga nguyên nghĩa là Thái Sắc (màu sắc rực rỡ), ý nghĩ của Tình Dục. Trong Lý của Mật Giáo thì **Ái** là chư Phật, **Nhiễm** là chúng sinh. **Ái Nhiễm Minh Vương** biểu thị cho niệm của chư Phật yêu thương chúng sinh, hay đoạn trừ **Sở Sinh Chướng** cùng với **Câu Sinh Chướng** vốn có của Vô Minh Tự Ngã. Tôn này tượng trưng cho "**Ái nhiễm tham dục cùng với Tâm Tịnh Bồ Đề chẳng phải là hai"** chính là nghĩa **Tham Sân Phiền Não tức là Mật Hiệu của Ta**. Chỉ người theo Mật Giáo, như Pháp tu hành, tu tập viên mãn Công Đức của Tâm **Tịnh Bồ Đề**



Ái Nhiễm Vương là một trong 5 vị Đại Minh Vương, là vị Minh Vương trụ ở Tam Muội **"Đại Ái Dục cùng với Đại Tham Nhiễm"** trong các Tôn của Mật Giáo, là sự tượng trưng cho "**Ái Dục Tham Nhiễm** tức là **Tâm Tịnh Bồ Đề**. Đây chính là nguyên nhân vì sao mà Tôn này được xưng là Ái Nhiễm Minh Vương, cũng thường xuyên tạo làm tăng trưởng quan hệ giữa con người, **được người yêu kính với câu triệu** chính là tu Pháp Bản Tôn.

Tôn này là nơi biến hiện của **Kim Cương Tát Đỏa** (Vajra-satva) hoặc nhóm **Kim Cương Ái** (Vajra-rāga), **Kim Cương Vương** (Vajra-rāja)… Bồ Tát của nhóm ấy vì thương xót chúng sinh cho nên báo đáp **Bi Nguyện** xưa kia mà vào Môn gia trì. Bản Tôn ấy (Bản Thân, Bản Địa) là **Đại Nhật Như Lai** (Vairocana-tathāgata) hoặc Kim Cương Tát Đỏa, bên ngoài hiện ra tướng trạng phẫn nộ bạo ác, nhưng sự chứng đắc bên trong (nội chứng) thì dùng sự yêu kính để khiến chúng sinh được giải thoát. Tôn này có ba mặt, sáu cánh tay, bàn tay cầm nhiều loại binh khí….

Ngoài ra, hình tượng của Tôn này phần nhiều là một thân có hai mặt, một mặt là nam, một mặt là nữ… biểu thị cho ý Dũng Mãnh kèm Nhu Hòa. Tức là bên trong kín đáo tự giác Nguyệt Điện của **vốn chẳng sinh**, bên ngoài hiện Nhật Luân của Ái Nhiễm Minh Vương, chẳng qua là hiển cụ thể mặt Phân Thân của Phật cùng với phương tiện

hòa quang lợi vật. Thông thường vì cầu tiêu tai, cầu Phước mới tu Pháp **Ái Nhiễm Minh Vương**

_Kim Cương Phong Lâu Các Nhất Thiết Du Kỳ Kinh, quyển Thượng, phẩm **Nhất Thiết Như Lai Đại Thắng Kim Cương Đỉnh Tối Thắng Chân Thật Đại Tam Muội Gia** ghi nhận là:

"Thời trong Hội chợt có một **Chướng Giả** chẳng từ hư không sinh, cũng chẳng từ phương khác đến, cũng chẳng từ đất ra, đột nhiên xuất hiện. Các Bồ Tát đều như say, chẳng biết **Chướng** đấy từ nơi nào đến?!...

Thời Đức Bạc Già Phạm mỉm cười bảo Kim Cương Thủ với các hàng Bồ Tát rằng: "Chướng này từ đâu mà đến? Từ trong **Chướng vô thủy vô giác** vốn có của tất cả chúng sinh mà đến, vốn có **Câu Sinh Chướng** từ **Ngã Sở** sinh chướng không có khởi thủy, không có bờ mé ban đầu, vốn có cùng Bản Luân"

Thời **Chướng Giả** đột nhiên hiện thân làm Kim Cương Tát Đỏa. Ở trên đỉnh đầu hiện một bánh xe Kim Cương, dưới bàn chân cũng hiện một bánh xe Kim Cương, trong hai bàn tay đều hiện một bánh xe Kim Cương, lại ở trên trái tim hiện một bánh xe Kim Cương, toàn thân tỏa ánh sáng chiếu chạm các vị Đại Bồ Tát trong Hội.

Thời Kim Cương Thủ bạch Phật rằng: "Biến Chiếu Bạc Già Phạm ! Nay con muốn nói Pháp **Tự Tính Sinh Chướng Kim Cương Đỉnh** này. Nguyện xin hứa cho con được giải nói"

Thời Kim Cương Thủ nương theo Thánh Chỉ của Đức Phật nói Tụng là:

_ Nếu các Chân Ngôn Sư
Trì tụng Chân Ngôn Pháp
Nói một tâm tán loạn
Chướng này liền thuận tiện
Hay đoạt Chân Ngôn Sư
Nghiệp công đức đã tu
Nếu trì **Ái Nhiễm Vương**
Căn Bản Nhất Tự Tâm
Chướng này mau trừ diệt
Chẳng được chút thân cận
_ Thường ở trong Tâm mình
Quán tiếng một chữ **Hồng** (_HŪṂ)
Ra vào tùy mệnh nghỉ
Chẳng thấy Thân và Tâm
Chỉ quán **Tự Nhân** (Nhân của chữ) khởi
Ngang bằng với Đại Không
Trụ vững Tính Kim Cương
Toàn thành Thể Kim Cương
Mau chuyển thân phần mình
Đồng với thân kiên cố
Như sương Thu tháng tám
Sáng trong sạch nhỏ nhiệm
Thường trụ **Đẳng Trì** này
Đây là Vi Tế Định
Tự Tính nơi sinh Chướng
Không được phương tiện này
Quyết định đồng Kim Cương
Ba cõi không thể vượt

Thời **Tự Tính Chướng** nghe lời này xong, đột nhiên chẳng hiện”

Trong Kinh trần thuật chuyện xưa, nên có thể thấy ngụ ý chủ yếu của Pháp Ái Nhiễm Minh Vương. Công năng trọng yếu của Pháp này là ngay trên cơ sở của sự yêu nhiễm tình dục, gắng sức tu tập Tâm **Tịnh Bồ Đề**. Điều ấy tương thông với ý nghĩa “**phiền não tức là Bồ Đề**” của Hiển Giáo

_Ái Nhiễm Minh Vương dẫn đường cho chúng sinh đi vào Vô Thượng Bồ Đề. Thủ Ấn của Ngài hiện bày mũi tên, đem mũi tên ấy đâm chích Tâm hai lần, biểu thị cho việc dùng mũi tên Đại Bi bắn trừ Tâm chán lìa, nhập vào **Cực Hỷ Tam Muội Gia**, cảnh giác Thệ Nguyện vốn có đủ Bồ Đề viên mãn.

Ái Nhiễm Minh Vương thường làm cho tăng trưởng quan hệ của con người, được người yêu kính dẫn đến Pháp **Câu Triệu** xác thực Chủ Tôn của Pháp tu. Tôn này phần lớn dùng toàn thân màu đỏ hiển rõ Đức đặc biệt của sự **ôm giữ yêu thương** (hoài ái) của Ngài

Có bài Kệ là:

“Tham sân phiền não, Mật Hiệu Ta
Yêu nhiễm Bồ Đề, Tâm **Cổ Phật**
Ba Đức dấu kín nghĩa không tận
Năm Trí viên thành nhân **bản Giác**”

HÌNH TƯỢNG CỦA ÁI NHIỄM MINH VƯƠNG

_Hình tượng của Ái Nhiễm Minh Vương, thông thường đều làm hình giận dữ, thân sắc như ánh sáng mặt trời,có 3 con mắt, đầu đội mão Sư Tử, trên đỉnh sư tử an trí móc câu Ngũ Cổ, rũ kết hoa năm màu trang nghiêm trên thân, dải mũ che tai. Bên phải: tay thứ nhất cầm chày Ngũ Cổ, tay thứ hai cầm mũi tên, tay thứ ba cầm Hoa Sen làm tư thế giơ lên như muốn đánh. Bên trái: tay thứ nhất cầm cái chuông Kim Cương, tay thứ hai cầm cây cung, tay thứ ba cầm cái đầu Phạm Thiên (hay Trảo Không), ngồi Kiết Già trên Hoa Sen màu đỏ, dưới tòa sen có cái bình tuôn ra châu báu



_Ý nghĩa của Tôn Tượng:

.)**Thân màu đỏ**: biểu thị cho cốt tủy của **Tâm Đại Bi** (Mahā-kāruṇa-citta), ý của mỗi một giọt nước mắt máu từ trong lỗ chân lông tuôn ra.

.)**Trụ ở bánh xe sáng rực**: biểu thị cho nghĩa Trí Đức tối thắng, cho nên dùng mặt trời làm ví dụ.

.)**Ba con mắt**: có ý là ba con mắt soi nhìn ba cõi cùng với ý của ba Phẩm Tất Địa

.)**Mão Sư Tử**: Sư Tử là vua của trăm loài thú, biểu thị cho sự tôn quý

.)**Móc câu Ngũ Cổ trên đỉnh đầu**: biểu thị cho Tam Muội Gia Hình của năm Trí, năm Phật.

.)**Dải mũ che tai**: biểu thị cho tướng của bậc vua chúa

.)**Vòng hoa năm màu**: biểu thị cho Đức màu nhiệm của năm Bộ Như Lai, thành tựu năm loại Tất Địa

.) **Hai tay cầm cái chày, cái chuông**: biểu thị cho Uy Nghi của Kim Cương Tát Đỏa với **cái chuông** là Ý cảnh giác, **cái chày** biểu thị cho năm Trí vốn có. Dùng chuông, chày này mở hiển Tâm **Tịnh Bồ Đề** vốn có

.) **Hai tay cầm cung tên**: biểu thị cho ý mau chóng, lại biểu thị cho sự bắn lìa tất cả vọng tưởng

.) **Tay cầm hoa sen làm thế đánh đập**: ý là dùng hoa sen thanh tịnh vốn có đánh đập phiền não ô nhiễm, lại cầm giữ nguyện mà Hành Giả đã mong cầu.

.) **Tay cầm cái đầu Phạm Thiên** (hay Trảo Không): biểu thị cho sự nắm giữ chúng sinh Vô Minh

.) **Cái bình tuôn ra châu báu**: biểu thị cho Pháp Tăng Ích.

_Kim Cương Phong Lâu Các Nhất Thiết Du Kỳ Kinh, quyển Thượng, phẩm **Ái Nhiễm Vương** ghi nhận hình tượng của Ái Nhiễm Minh Vương là:

“Thời Kim Cương Thủ dùng Kệ tụng rằng:
Nơi Bạch Nguyệt (15 ngày đầu của tháng) Quỷ Tú (sao Quỷ trực nhật)
Lấy lụa sạch trắng tinh
Vẽ **Ái Nhiễm Kim Cương** (Rāga-vajra)
Thân như ánh mặt trời
Trụ ở xí thịnh luân (Vành xe rực lửa mạnh)
Ba mắt, nhìn uy nộ
Búi tóc mão Sư Tử
Lông bén, hình phẫn nộ
Lại đặt Ngũ Cổ Câu
Tại đỉnh đầu Sư Tử
Rũ vòng hoa Ngũ Sắc
Giải mũ che bên tai
Tay trái cầm chuông vàng
Phải: cầm chày Ngũ Phong
Nghi hình như **Tát Đỏa** (Satva)
An lập Chúng Sinh Giới
Tiếp trái: cung Kim Cương
Phải: cầm tên Kim Cương
Như bắn mọi ánh sao (Tinh quang)
Hay thành Pháp Đại Nhiễm
Trái: tay dưới cầm giữ
Phải: vặn như thế đánh
Tất cả Chúng tâm ác

Mau diệt, không có nghi
Dùng các dây, vòng hoa
Quấn kết để nghiêm thân
Ngồi theo thế Kiết Già
Trụ ở sen màu đỏ
Dưới sen có bình báu
(*Phun ra các vật báu*)"



_Ý nghĩa của Tôn Tượng:

1_**Thân như mặt trời rực rỡ**: Thân màu đỏ, biểu thị Tôn này yêu nhớ chúng sinh nhiễm thân sâu thân

2_**Trụ ở bánh xe sáng rực**: chỉ Tâm Chú của Tôn này hay phá Vô Minh, như ánh sáng của mặt trời soi chiếu nơi u ám

3_**Ba con mắt uy nộ nhìn ngó**: Ba con mắt biểu thị cho **một Thể của ba Bộ**, hoặc nghĩa **ba Thân chẳng hai**, cũng diễn tả con mắt Phật.

Bánh xe vàng bên phải: Trong ái nhiễm xác thực nghĩa **một Thể của ba Tôn**, là Chướng vốn có không có dơ bẩn, chuyển lý dấu kín của ba Đức **Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát**. Phẫn nộ của chư Phật được sinh ra từ lòng Từ Bi, **uy nộ nhìn ngó** tức biểu thị cho con mắt hiền thiện (Từ Nhãn) nhìn ngó chúng sinh

4_**Mão Sư Tử trên đầu**: biểu thị cho việc trì tụng Chân Ngôn của Tôn này hay mau chóng diệt Vô Minh thành Vô Thượng Giác Tôn. Thế Uy Đức của Tôn này dũng vô thượng, ở trong chư Phật là Tối Tôn Vương. Đối với tất cả chúng sinh khởi Từ Bi bình đẳng, tồi phá Oán Địch, giáng phục Ngoại Đạo, tự tại không có sợ hãi

5_**Lông bén, hình phẫn nộ**: biểu thị cho tướng Trí Tuệ chặt đứt Vô Minh đúng lúc

6_**Móc câu Ngũ Cổ an trên đỉnh sư tử:** Biểu thị cho câu triệu Tâm nhiễm phiền nảo của tất cả chúng sinh, khiến chứng Tâm Bồ Đề của năm Trí. Đỉnh đầu đội Phước

Tuệ, tồi phá quân Ma, điều phục phiền não,thành tựu tướng Câu Triệu của năm Bộ, năm Trí, năm Pháp.

Sư Tử ngay bên dưới biểu thị cho Tâm Bồ Đề của **Nhân Vị** (quả vị, nhân địa). **Chày Ngũ Cổ ngay bên trên** biểu thị cho Quả vị là Đức của năm Phật Trí. Nói chung là biểu thị cho nghĩa phát Tâm cùng với chứng Quả xác thực được **Sinh Phật** (chúng sinh và Phật) **chẳng hai**

7_Rũ dây hoa năm màu quấn kết nghiêm thân: biểu thị cho tướng tương ứng của năm Bộ, năm Trí

8_**Dải mũ che ở tai:** biểu thị cho Chính Giác vô thượng như uy nghi của bậc vua chúa. Nhĩ Căn thộng lợi tự tại, chẳng thọ nhận chỗ ngu muội tối tăm của Tà Thuyết sai lầm trái nghịch với sự chân thật

9_**Tay trái cầm cái chuông Kim Cương**, **tay phải cầm cái chày năm ngọn**: cái chuông là nghĩa Cảnh Giác, cái chày nghĩa là vắng lặng tai nạn (tịch tai), biểu thị Tôn này đánh thức chúng sinh đang ngủ mê với phiền não, khiến trụ an vui vắng lặng

10_**Nghi hình như Tát Đỏa:**bIểu thị cho tất cả chúng sinh vốn có **Tát Đỏa** (Satva)

11_**An lập chúng sinh Giới**: biểu thị cho việc hay nhổ bứt giúp đỡ chúng sinh ra khỏi bùn lầy sinh tử, an lập Khí Thế Gian

12_**Tay trái cầm cây cung Kim Cương, tay phải cầm mũi tên**: hiển Đức của Kính Ái, biểu thị cho tướng **Định Tuệ Đẳng Trì**

13_ **Như bắn ánh sáng của mọi ngôi sao, hay thành Pháp Đại Nhiễm**: biểu thị cho tướng của Tất Địa mau chóng

14_ Cầm giữ nơi bàn tay dưới ở bên trái: Tùy theo việc mong cầu mà cầm vật tương ứng ấy, thực hành năm loại Pháp của nhóm **Tức Tai**.

15_ **Tay bên phải cầm hoa sen như thế đánh đập**: biểu thị cho Đức của Diệu Quán Sát Trí nói Pháp chặt đứt sự nghi ngờ

16_**Ngồi Kiết Già**: Biểu thị cho tướng Bố Ma (làm cho Ma sợ hãi), nghĩa Giáng Ma

17_**Trụ ở trên hoa sen đỏ**: hiển nghĩa Kính Ái

18_**Cái bình báu bên dưới sen, hai bên phun ra châu báu**: Cái bình báu là nghĩa vạn Đức viên mãn, hai bên quy ước cho **Thai Kim** (Thai Tạng Giới và Kim Cương Giới). Cái bình ở giữa là **hai Bộ chẳng hai**, biểu thị cho cái bình **Lý Trí chẳng hai**, ***Tòa ngồi của Tôn và hai Bộ chẳng hai***

_Ý nghĩa Tôn Tượng của Ái Nhiễm Minh Vương còn được giải thích theo các cách khác



1_ Hình tượng của Ái Nhiễm Minh Vương, thông thường đều làm hình giận dữ,

Ba con mắt đại biểu cho ba Diệu Đức: Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát cũng đại biểu cho ba bộ là Phật Bộ, Liên Hoa Bộ, Kim Cang Bộ.

Con mắt giận dữ đại biểu cho đối với người nào làm trái Bồ Đề, dành cho sự giáng phục.

Thân sắc như ánh sáng mặt trời biểu thị cho sự Kính yêu, Từ Bi.

Đầu đội Mão báu Sư Tử biểu thị cho sự giáng phục tất cả chướng ngại, không sợ hãi tự tại.

Trên đỉnh Sư Tử an trí Ngũ Cổ Câu (cái móc câu có năm chấu), Ngũ Cổ ấy biểu thị cho năm Trí vốn có của chúng sinh, cái móc câu biểu thị cho Câu Triệu Hoài Pháp.

Vòng hoa năm màu biểu thị cho Đức màu nhiệm của năm bộ Như Lai, thành tựu năm loại Tất Địa.

Dùng các sợi dây thừng bện lại kết thành vòng Hoa trang nghiêm trên thân ấy, ngồi Kiết Già trên Hoa Sen màu đỏ, dưới tòa Sen có cái Bình báu, cái Bình báu tuôn chảy ra rất nhiều vật báu đại biểu cho Tăng Ích Pháp.

Tay trái của Ngài cầm cái Chuông Kim Cang, tay phải cầm cái Chày Ngũ Phong: **Chuông** và **Chày** đại biểu cho **Tức Tai Pháp**.

Bên trái lần lượt tay cầm cây Cung Kim Cang, bên phải lần lượt tay cầm mũi tên Kim Cang chuẩn bị bắn ra biểu thị cho sự nhiếp trì Thể Tính Như Lai xưa nay đã có đủ của tất cả chúng sinh.

Tay bên trái ở dưới nắm đầu Phạm Thiên (hoặc Trảo Không) đại biểu cho chúng sinh Vô Minh

tay bên phải ở dưới cầm Hoa Sen, làm tư thế giơ lên như muốn đánh biểu thị giáng phục tất cả Tâm Ác, Si Mê của chúng sinh biểu thị cho Giáng Phục Pháp.



2_**Thân sắc như mặt trời sáng rực**: biểu thị cho Kính Ái, Từ Bi

Trụ ở bánh xe rực rỡ ánh lửa: tượng trưng cho Tâm Bồ Đề dũng kiện

Đủ ba con mắt: biểu thị cho ba loại Diệu Đức là Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát

Mắt phẫn nộ, uy nộ nhìn ngó: đối với kẻ trái nghịch với Bồ Đề liền dùng Giáng Phục

Đầu đội mão sư tử phẫn nộ: biểu thị cho sự giáng phục tất cả chướng ngại, vô úy tự tại

Trên mão có móc câu Kim Cương Ngũ Cổ: Ngũ Cổ tượng trưng cho chúng sinh vốn có đủ năm Trí, móc câu tức là chủ chỉ của Pháp Câu Triệu

Hoa năm màu rũ che ở tai: biểu thị cho năm loại Tất Địa thành tựu, cũng biểu thị cho Diệu Đức của Như Lai trong năm Bộ

Dủ sáu cánh tay: biểu thị cho sự cứu độ chúng sinh trong sáu đường

Hai tay cầm chuông, chày: biểu thị cho Pháp TứcTai

Cầm cung tên là Pháp **Hoài** (nhiếp trì Thể Tính của Như Lai xưa nay vốn đầy đủ trong tất cả chúng sinh)

Tay phải cầm hoa sen như thế đánh đập: là Pháp **Tru** (giáng phục tất cả chúng sinh có Tâm ác si mê

Ngồi Kiết Già ở trên hoa sen màu đỏ, dưới sen có cái bình báu, hai bên phun ra châu báu: biểu thị cho Pháp Tăng Ích



PHÁP CỦA ÁI NHIỄM MINH VƯƠNG

Dùng Ái Nhiễm Minh Vương làm Bản Tôn để tu Pháp của Mật Giáo thì gọi là **Ái Nhiễm Minh Vương Pháp**, lược xưng là Ái Nhiễm Vương Pháp hoặc Ái Nhiễm Pháp.

Một Pháp tu này có hai loại là "**vị trí của 37 Tôn**" và "**vị trí của 17 Tôn**", Người đời sau y theo **Kim Cương Bồ Tát Niệm Tụng Nghi Quỹ** mà tu, người đời trước thì y theo **Du Kỳ Kinh** mà tu, cho nên vì cầu Tức Tai (ngưng dứt tai nạn), cầu Phước thì tu Pháp.

Khi tu Pháp thời ở trên cái Đàn màu đỏ, an trí Bản Tôn màu đỏ. Quần áo của Hành Giả, lò, Đàn…cũng thích hợp dùng màu đỏ làm chủ, một Bản Kính Ái giúp cho tương ứng, kèm kết **Căn Bản Nhiễm Ấn**, xướng Đại Chú là "**Oṃ_mahā-rāga vajroṣṇīṣa vajjra-satva jaḥ hūṃ vaṃ hoḥ**.

Kết Ngoại Ngũ Cổ Ấn, lại xướng **Nhất Tự Tâm** là: "**Hūṃ ṭakki hūṃ jaḥ**" (Ý tức là: Nhân Nghiệp chẳng thể đắc, Kiêu Mạn chẳng thể đắc, Tác Nghiệp chẳng thể đắc, Liễu Nghĩa chẳng thể đắc, Thiên Biến chẳng thể đắc).

Xong ở trong năm loại Ấn Minh tương ứng, có thể tùy theo Pháp ấy cải biến.

_Ái Nhiễm Minh Vương là Chủ Tôn của Pháp Đại Kính Ái trong Mật Giáo. Ái Nhiễm Minh Vương là nơi biến hiện của Kim Cương Tát Đỏa, mà Kim Cương Tát Đỏa là nơi biến hiện của Đại Nhật Như Lai. Sức to lớn của Pháp Ái Nhiễm Minh Vương là chẳng thể nghĩ bàn, xác thực việc khó nghĩ bàn. Hành Giả cầu Nhân Duyên, cầu gia đình hòa hợp, cầu tất cả người viên mãn kính yêu trong quan hệ của con người... thì cảm ứng phi thường mau chóng

_Đại Ái Dục tức là Tam Muội của Đại Tát Đỏa hiện bày. Tôn này ở trong tất cả Pháp, riêng xưng là Thượng Thủ của các Tôn trong năm Bộ, hay diệt vô lượng tội, đẩy lui vạn ác, mau thành trăm ngàn việc, đều thỏa mãn mọi nguyện. Phàm chỗ mong cầu mau chóng linh nghiệm.

Uy Đức thù thắng ấy cho dù mọi ngôi sao cũng chẳng thể trang đoạt được ánh sáng ấy, lại gia thêm cái bình báu hay phun ra châu báu đầy đủ, hay mãn tất cả Nguyện. Phạm Thiên, Đế Thích cũng thọ nhận Giáo sắc của Tôn này mà phân chia họa phước. Bảy Diệu, chín Chấp hướng đến quản lý việc hoa phước vinh suy của nhân gian cũng thuận theo uy thế của Bản Tôn, chẳng dám có sự trái nghịch. Thế nên người có tín ngưỡng được phước vô lượng, mau chóng được tất cả Tất Địa

_Ở trong bờ mé tai họa của năm Dục này thì Ái Nhiễm Minh Vương là Bản Tôn rất khế cơ. Người y theo mà tu trì, lễ bái, cúng dường sẽ được Phước vô lượng. Đối với Thế Gian và Xuất Thế Gian đều mau chóng viên mãn thành tựu

_Chữ Chủng Tử là: (HŪṂ) hoặc (HHŪṂ) hoặc (HOḤ)

Tam Muội Gia Hình là: Cái Chày Ngũ Cổ Kim Cang.



_ Ái Nhiễm Minh Vương Thủ Ấn: Hai tay kết Nội Phộc, dựng thẳng hai ngón giữa, giao chéo nhau thì thành Ấn



_Chân Ngôn:

.) Chú Thông Dụng: **"Án, ma hạ la ca phạt nhật la, sắt nê sái, phạt nhật la tát đỏa oa, nhạ, hồng, bảng, hoắc"**

OṂ_ MAHĀ-RĀGA-VAJROṢṆĪṢA VAJRA-SATVA JAḤ HŪṂ VAṂ HOḤ



.) Thành Tựu Nhất Tự Tâm Minh: **"Án, hồng hy để, sa bà ha"**

OṂ_ HŪṂ SIDDHI SVĀHĀ

.) Nhất Tự Tâm Chú: **"Hồng, tra chỉ, hồng, nhạ"**

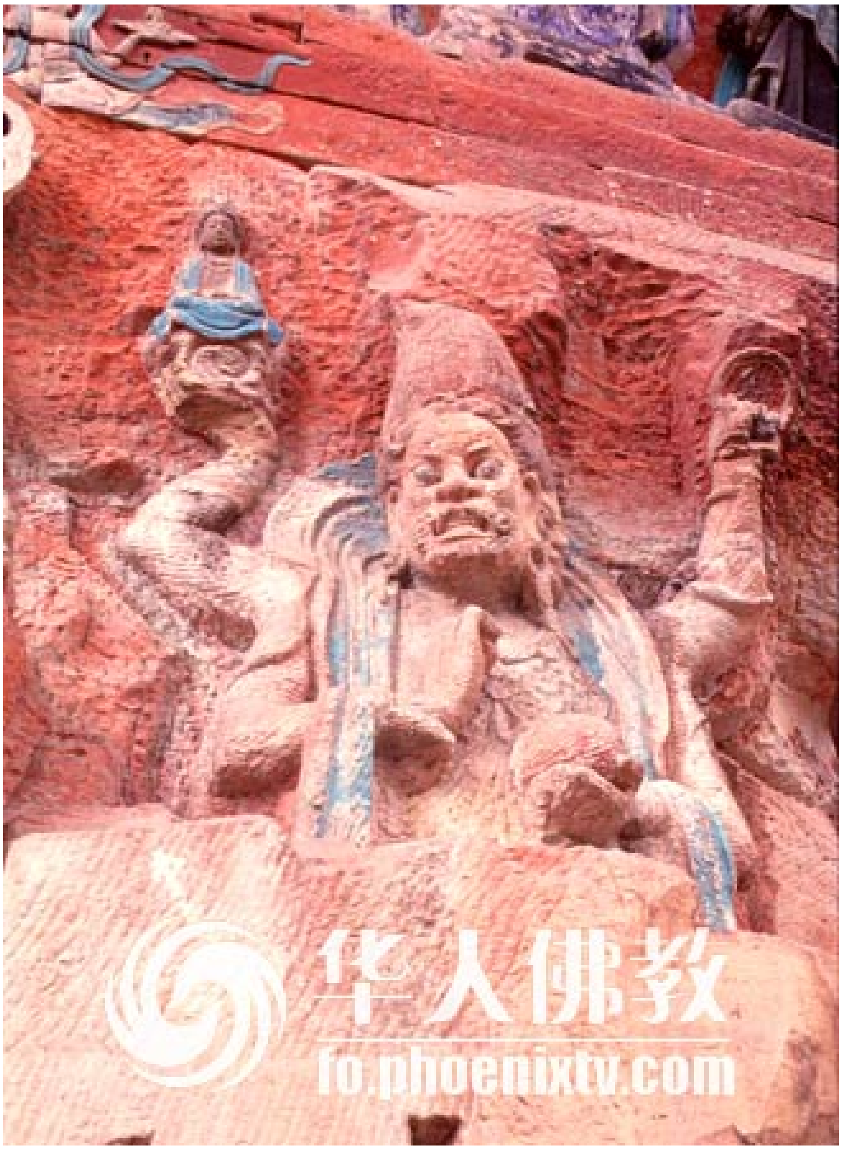
HŪṂ ṬAKKI HŪṂ JAḤ

ĐẠI TIẾU MINH VƯƠNG

Đại Tiếu Minh Vương, tên Phạn là Vajrāṭṭa-hāsa, dịch âm là Bạt Chiết La Tra Ha Sa, là một Tôn trong tám vị Đại Minh Vương. Lại xưng là Đại Tiếu Kim Cương, Đại Tiếu Kim Cương Minh Vương

Trong Mật Giáo có thuyết ghi nhận Tôn này là **Hóa Thân** (Nirmāṇa-kāya) của Bồ Tát **Hư KhôngTạng** (Ākāśa-garbha). Nhưng cũng có thuyết cho rằng: Khi hiện tướng phẫn nộ thì **Quân Trà Lợi Minh Vương** (Kuṇḍalī-vidya-rāja) có hình mạo tựa như **Dạ Xoa** (Yakṣa) cho nên được gọi là **Quân Trà Lợi Dạ Xoa Minh Vương**, hoặc gọi theo cách khác là **Đại Tiếu Minh Vương**

_Theo Thuyết thứ nhất thì Đại Tiếu Minh Vương có một mặt bốn cánh tay. Tay trái bên trên cầm cái vòng, tay phải bên trên nâng một vị Bồ Tát, tay trái bên dưới cầm cái bát, tay phải bên dưới cầm viên ngọc Ma Ni



_Theo thuyết thứ hai thì Đại Tiếu Minh Vương có thân hình đồng với Quân Trà Lợi Minh Vương: Thân có bốn mặt tám cánh tay cầm khí trượng và được xưng tụng là **Đại Uy Đức Đại Tiếu Minh Vương**



_**Đà La Ni Tập Kinh** , quyển 8 ghi nhận Pháp tu của **Bạt Chiết La Tra Ha Sa** qua các Ấn Chú và công năng

_**Bạt Chiết La Tra Ha Sa Thân Ấn** (Vajrāṭṭa-hāsa-kāya-mudra)

Trước tiên đem hai ngón giữa để trên lưng hai ngón vô danh, hai ngón vô danh cùng trụ đầu ngón, mở hai ngón út dựng thẳng đầu ngón cách nhau khoảng một Thốn (1/3 dm), hai ngón cái đè vạch bên cạnh lóng thứ hai của hai ngón vô danh, hợp cổ tay, co hai ngón trỏ trụ đầu ngón, đưa ngón trỏ qua lại

_**Kim Cương Tiếu Thân Đà La Ni:** (Vajrāṭṭahāsa kāya dhāraṇī)



OṂ_ VAJRĀṬṬA-HĀSĀYA HŪṂ PHAṬ



Người tu theo Pháp này hay thành tựu tất cả ước nguyện, thanh tịnh tất cả tội, chữa khỏi các bệnh Quỷ Mỵ Dã Đạo, tiêu diệt bệnh biến quái ác, cũng trừ tất cả độc, tránh xa các tai ách về thú ác, nạn trộm cướp, nạn vua chúa, tự bảo vệ mình bảo vệ người, sống lâu không bệnh an ổn khoái lạc.

BỘ TRỊCH KIM CƯƠNG MINH VƯƠNG

Bộ Trịch Kim Cương Minh Vương, tên Phạn là Padanakṣipa, dịch âm là Bá Bàn Nẵng Kết Sử, dịch ý là **Bộ Trịch**. Lại xưng là Bộ Trịch Kim Cương, Bộ Trịch Minh Kim Cương, xưng đầy đủ là Bộ Trịch Kim Cương Minh Vương. Là một trong tám vị Đại Minh Vương

Căn cứ vào sự ghi chép của Kinh **Đại Diệu Kim Cương Đại Cam Lộ Quân Trà Lợi Diễm Man Sí Thịnh Phật Đỉnh** thì vị Minh Vương là thân hóa hiện của Bồ Tát **Phổ Hiền** (Samanta-bhadra), tay phải cầm một cái lọng xoay, tay trái cầm một chày Kim Cương, toàn thân màu hư không, phóng lửa rực sáng.



步擲明王

Bộ Trịch Minh Vương là ý của "**phóng, mở, bước, phạt**". Dù lọng có thể nói là đặc trưng của Bộ Trịch Minh Vương



_**Ba Ba Nẵng Kết Sử Ba Kim Cương Niệm Tụng Nghi** ghi chép Uy Đức của Bộ Trịch Kim Cương Minh Vương là:

"Lại tưởng nhấc thân ba lần, lửa rực mạnh giống như kiếp thiêu, thấu suốt đến tất cả Thế Giới ở mười phương, rộng làm Phật Sự, chiếu chạm nói gặp. Tất cả Như Lai, bậc mới thành Đạo… nguyện mau chuyển bánh xe Pháp hóa độ chúng sinh, phá căn khí bé nhỏ của họ. Bậc sắp vào Niết Bàn, khuyến thỉnh trụ lâu.

Tiếp nên khuyến phát mọi Nguyện của Bồ Tát đều mau chứng Vô Thượng Bồ Đề. Ở khoảng trung gian, cẩn thận không có thoái lui

Lại nên khải phát người của Nhị Thừa, trừ Tâm nhỏ hẹp mà khiến cho đủ Không Tuệ thâm sâu của Đại Thừa.

Cõi của Phàm Phu, chỗ uy quang đã đến thiêu đốt hạt giống tạp nhiễm trong Tàng Thức, lìa hẳn ba đường, đủ Hạnh của Phổ Hiền. Cõi bàng sinh, quỷ đói… khi dứt hình thể này thì chẳng nhận lại nữa. Cũng tưởng thiêu đốt các Địa Ngục hoại diệt không dư sót, giải thoát tội nhân, phát Tâm Bồ Đề. Các nhóm Ma ác gặp uy quang ấy đều bị tồi phục, tịch trừ, lui tan

Lượng như vậy được lợi ích lâu dài xong, tưởng thu lửa uy mãnh, tập hội ở trong thân, sau đó ra khỏi Định

(Lược đoạn giữa)…………………

Pháp **vẽ tượng.** Nên dùng lượng khuỷu tay. Như Nghi, trong sạch tô vẽ Bản Tôn có toàn thân màu xanh, ngoái nhìn bên phải, duỗi bàn chân phải, co đầu gối trái.

Bên phải: tay phía trên rũ xuống dưới, co ngón cái vào lòng bàn tay nắm ngón giữa, duỗi hai ngón còn lại hướng lưng bàn tay ra ngoài. Tay kế tiếp cầm cây đao rũ xuống dưới. Tay kế tiếp duỗi lòng bàn tay hướng xuống dưới, trong lòng bàn tay có lửa rực. Tay kế tiếp cầm cây búa sắt. Tay kế tiếp cầm cái vòng ngọc. Tay kế tiếp dựng phỏng theo ngón tay, trên ngón tay có bánh xe. Tay kế tiếp nắm quyền, ngón cái đè bên cạnh ngón trỏ. Tiếp tay cầm sợi dây. Tiếp tay duỗi năm ngón với móng ngón dài bén, ngửa lòng bàn tay. Tay cuối cùng cầm cây cung

Bên trái: Tay phía trên cầm chày Tam Cổ, duỗi cánh tay hướng lên trên. Tiếp tay cầm cây kiếm. Tiếp tay cầm viên đá tròn. Tiếp tay cầm chùy có cán ngắn, chùy như Trọng Luân. Tiếp tay cầm hai mũi tên. Tiếp tay cầm cây gậy, Tiếp tay cầm chày Độc Cổ. Tiếp tay duỗi lòng bàn tay, ngửa lòng bàn tay với ngón trỏ ngón cái cùng vịn nhau, Tiếp tay cầm cây bổng báu, trên bổng gần chỗ tay cầm dần dần nhỏ nhiệm. Tiếp tay duỗi lòng bàn tay hướng xuống dưới, lòng bàn tay có lửa rực, đều bung dựng.

Sắc màu đỏ, dùng Rồng làm mão, vòng hoa, Anh Lạc, vòng xuyến đeo chân tay với dây thắt lưng. Chau mày nhìn nghiêm nhặt, hiện ra nanh bén. Quần màu đỏ, dù lọng màu đỏ.

Ma Vương **Ba Tuần** phủ phục dưới đất có bốn cánh tay, toàn thân màu xanh, hướng mặt lên trên cầu thương thỉnh mệnh, duỗi cạnh năm ngón của bàn tay phải sát vầng trán làm thế Quy Mệnh, tay trái dính dưới đất. Hai tay có một con Rồng cột buộc từ phía sau khuỷu tay, tóc màu đỏ bung tán như có dạng rất đáng sợ, đầu sát bên bàn chân phải của Đại Thánh.

Hai bên trái phải của Bản Tôn có một Kim Cương Đồng Tử, toàn thân màu đỏ, hình thể tỏa ánh sáng lớn. Người bên phải có tay phải cầm cây đao, tay trái cầm cây kiếm hướng xuống dưới làm thế chặt Ma Vương, tóc hướng về phía sau mà làm màu đỏ. Người bên trái có tay trái kéo cây cung làm thế bắn vào đầu của Ma Vương, mão tóc tựa như màu cát đỏ".

_Hình tượng có hai đầu bốn cánh tay. Hai tay bên trên: tay trái nâng **Phiên Thiên Ấn**, tay phải giơ chày Kim Cương, hai cánh tay đều có rắn quấn. Hai tay bên dưới giao chéo nhau trước ngực



_Khắp thân màu hư không, phóng ánh sáng lửa, Nhục Kế cao vót, đầu đội mão báu, mắt lồi giương tròn, trong lông mày có sợi lông màu trắng, tai lớn đeo khoen tai rũ xuống đến hai vai, hai cánh tay có rắn quấn quanh, tay phải cầm một cái lọng xoay, tay trái cầm một cái chày Kim Cương. Dùng chuỗi Anh Lạc trang sức bụng, cổ. Cánh tay, cổ tay đeo vòng xuyến. Ngồi xổm trên hoa sen



_Do Bộ Trịch Minh Vương là Hóa Thân của Phổ Hiền Bồ Tát nên người đời còn thờ phụng Ngài qua hình tượng có 4 cánh tay, ngồi trên con voi trắng.



Chữ chủng tử là HŪṂ ( )

Bản Tôn Tâm Chân Ngôn là:

"Án (1) hiệt-lâm (2) vĩ-lâm (3) bộ-lâm (4) tố-lâm (5) nho-lâm (6) ngược"

OṂ _ HRĪṂ VRŪṂ BHRŪṂ ŚRŪṂ JRŪṂ GAḤ

(Bản khác ghi nhận câu Chân Ngôn này là:

OṂ_ HRĪṂ KROṂ BHROṂ SROṂ JROṂ GAḤ)

MÃ ĐẦU MINH VƯƠNG

Mã Đầu Minh Vương (Hayagrīva-vidya-rāja) dịch âm là Hạ Dã Hột Lý Phộc, A Gia Yết Lợi Bà, Hà Gia Yết Lợi Ba; dịch nghĩa là **Đại Lực Trì** tức là **Mã Đầu Quán Thế Âm**, ở trong **Giáo Lệnh Luân** của **Liên Hoa Bộ** (Padma-kulāya) là một trong sáu vị Quán Âm. Tại **Minh Vương Bộ** (Vidya-rāja-kulāya) là **Mã Đầu Minh Vương**.

Tôn này là một hiện thân của Quán Thế Âm với hình dáng to lớn, tóc dựng đứng lên, đôi mắt đầy phẫn nộ. Tôn tượng có 3 mặt, mỗi mặt có 3 mắt. Hiện tướng lộ hai răng nanh cong lên hai bên mép miệng. Trên đỉnh trán của mặt chính có hình vị Hóa Phật, và đội đầu con ngựa ngay giữa đỉnh. Do đó Tôn này có tên là **Quán Âm Đầu Ngựa** (*Mã Đầu Quán Âm*).



_ Theo truyền thống Hoa Văn thì **Mã Đầu Quán Âm** có Bản Nguyện rất sâu nặng, thề nguyện diệt hết khổ não *sinh, già, bệnh, chết* của bốn loài trong sáu nẻo. Nếu tu trì Pháp **Mã Đầu** thì hay dứt trừ mọi bệnh, được trường thọ, hộ mệnh.

Do Tôn này có đầy đủ tính cách của một vị Minh Vương nên được kể vào tám đại Minh Vương (Mahā-vidya-rāja) và gọi là **Mã Đầu Minh Vương** (Hayagrīva-vidya-rāja), tức **Phẫn Nộ Trì Minh Vương** (Krodha-vidya-dhāra-rāja) của **Liên Hoa Bộ** (Padma-kulāya) là một trong ba Minh Vương của ba Bộ ở **Thai Tạng Giới** (Garbha-dhātu). Có vị trí trong Quán Âm Viện của Hiện Đồ Thai Tạng Giới Mạn Trà La, lại gọi là **Mã Đầu Đại Sĩ**, **Mã Đầu Minh Vương, Mã Đầu Kim Cương Minh Vương**. Tục gọi là **Mã Đầu Tôn**.

Tôn này do nhân **Đại Bi** nên không trú ở Niết Bàn và do nhân **Đại Từ** mà trụ trong cảnh giới Vô minh để đoạn tận các nẻo ác. Nói cách khác, Quán Thế Âm hiện thân Mã Đầu là để tượng trưng cho sức tinh tiến của các vị Bồ Tát không bao giờ ngưng nghỉ ở bất cứ chỗ nào trong vòng sinh tử, cương quyết anh dũng đánh dẹp ***vô minh khổ não*** chẳng kể đến thân mệnh mình. Vì thế Tôn này có mật hiệu là **Tấn Tốc Kim Cương**

Lại nữa, Quán Thế Âm hiện thân Mã Đầu để biểu dương sức mạnh có thể nuốt được tất cả lửa dữ của Chúng Sinh nên Tôn này còn có Mật Hiệu là **Hám Thực kim Cương** (Khāda Vajra:Đạm Thực Kim Cương)

Tu trì **Mã Đầu Minh Vương** giống như sức bàn chân của con ngựa báu, chẳng kể xa gần thì Pháp Lực đều có thể đạt đến, có thể đi khắp **bốn Đại Châu.** Uy lực ấy rất lớn, giáng phục tất cả Ma Chướng, lại đầy đủ uy lực.

Pháp của Mã Đầu Minh Vương được trích ra từ nhóm Kinh: **Tần Già Tạng Bí Mật Bộ, Hồng Quán Âm Nghi Quỹ, Kim Cương Bố Úy Khởi Phân**…

_Theo Tạng Truyền thì **Mã Đầu Minh Vương** có thân màu hồng, ba mắt, trợn mắt tròn xoe, lộ răng nanh bén nhọn ra bên ngoài, râu tóc đều có màu vàng hồng dựng đứng, trên đầu có cái đầu ngựa màu xanh lục, tay phải cầm cây gậy báu đầu người, tay trái cầm sợi dây móc câu, đầu đội mão năm đầu lâu, cổ đeo 50 cái đầu người, thân khoác: da người, da voi, da cọp… dùng rắn quấn để trang nghiêm. Hai chân: co bên phải, duỗi bên trái dẫm đạp Ma nan, Ma nữ. Dùng hoa sen làm tòa, đứng uy nghi ở trong lửa Bát Nhã mạnh mẽ nóng bức



Công Đức chủ yếu của Mã Đầu Minh Vương có hai thứ:

1_Hóa độ đường Súc Sinh

2_Miễn trừ tất cả Chú ác, Pháp tà

_Mã Đầu Minh Vương có Pháp **Phá Độc**. Trong Thế Gian: cọp, sói, rắn, bò cạp… tất cả động vật linh gây hại hữu tình, thậm chí **Ca Xoa Độc Long** có chất độc hại không gì so sánh được, nếu bị bám vào thân hoặc bị cắn mà tất cả Chân Ngôn chẳng thể cứu giúp thời chỉ tụng **Mã Đầu Minh Vương Chân Ngôn** gia trì vào sợi dây màu trắng 108 biến, mỗi 108 biến làm một gút kết, tổng cộng làm 21 gút kết, sau đó

kết ở trên cánh tay bàn tay trái thì loài độc đại ác ấy đều bị phá hoại, tất cả được trở lại như cũ.

_Phương pháp **Tu Pháp chày Kim Cương** của Mã Đầu Minh Vương là dùng một cái chén chứa đầy gạo, cầm cái chày cắm ở mặt trên của đống gạo.Hành Giả đắp một cái Đàn hoa ở chu vi chỗ ấy, bạn đối diện trước chày Kim Cương, trì **Mã Đầu Minh Vương Chú**, trì 10 vạn biến, sau đó Hành Giả lấy chày Kim Cương xuống, dùng sợi dây buộc bên eo lưng của Hành Giả thì hết thảy **Giáng Đầu, Vu Thuật** không có biện pháp nào đến gần thân của Hành Giả được.

Nhân vì chày Kim Cương ấy gia trì đủ 10 vạn biến xong, ở Đàn hoa, khoảng giữa đống hoa, Hành Giả đối trước **Mã Đầu Minh Vương** niệm 10 vạn biến **Kim Cương Tâm Chú** ắt cũng hay thủ hộ đủ cho Hành Giả. Hết thảy **Vu Thuật, Giáng Đầu**, tai nạn chẳng tụ hội, giáng xuống trên thân của Hành Giả được.

_ Dùng Bồ Tát này làm Bổn Tôn để tu pháp thì khẩn cầu điều phục được người ác, dứt trừ mọi bệnh, oán địch lui tan, nghị luận được thắng, gọi là **Mã Đầu Pháp**.

Chữ Chủng Tử là: (Haṃ) hoặc (Khā) hoặc (Hūṃ)

Tam Muội Gia Hình là Đầu ngựa trắng,

Ấn tướng là **Mã Đầu Quán Âm Thủ Ấn**: Hai tay tác Hư Tâm Hợp Chưởng (Liên Hoa Hợp Chưởng), co hai ngón trỏ hai ngón vô danh cùng hợp móng ngón, co vào trong lòng bàn tay, hai ngón cái hơi co cong. Đồng vớ Mã Đầu Ấn trước chỉ có ngón vô danh là sai khác.



Ấn này biểu thị cho Tam Muội Gia Hình. Hai ngón út là lỗ tai, hai ngón vô danh là con mắt, hai ngón giữa là cái mũi, ngoài ra khoảng giữa của ngón trỏ với ngón cái biểu thị cho miệng của con ngựa.

Lại Liên Hoa Hợp Chưởng là Tam Muội Đại Bi của Quán Âm, ngón vô danh là nước Cam Lộ Đại Bi, ngón trỏ tức là gió của Đại Nguyện. Dùng nước Cam Lộ làm nghĩa tẩy rửa hạt giống tạp nhiễm trong Tàng Thức của chúng sinh. Ngón cái là Tam Muội Đại Không (bên trái là cái miệng, bên phải là ăn nuốt) có nghĩa là hết mọi mầm giống tạp nhiễm.

Chân Ngôn:

a)

OṂ_ AMṚTODBHAVA HŪṂ PHAṬ SVĀHĀ

(Quy mệnh, Cam Lộ phát sinh, khủng bố phá hoại (phá tan sự sợ hãi), thành tựu)

b)

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ _KHĀDAYA BHAṂJA SPHAṬAYA SVĀHĀ

_Theo Tạng Truyền thì Mã Đầu Minh Vương có Chân Ngôn ăn nuốt tất cả vật độc. Trong Thế Gian: cọp, sói, rắn, bò cạp cắn hại chúng sinh hữu tình cho đến chất độc của Rồng độc…giả sử tất cả thú ác, vật độc đến trước mặt mổ cắn mà tất cả chúng Thần chẳng thể cứu giúp thì chỉ có cầu xin **Mã Đầu Minh Vương** mau đến, kèm tụng Chân Ngôn liền có thể cứu độ. Chân Ngôn như bên dưới

Mã Đầu Minh Vương Chân Ngôn:

"**Doãn hy hy, ma cáp phộc nhật lạp na khế, phộc nhật lạp mục khế, cáp na cáp na, nhẫn na nhẫn na, bản tả bản tả, nam ngã nam ngã, nặc na ba nặc na ba, a vĩ xả a vĩ xả, hát gia đốt lợi vũ nghê gia, bản gia để, thoa cáp"**

EHYEHI MAHĀ-VAJRA-NAKHA VAJRA-MUKHE, HANA HANA, DAHA DAHA, PACA PACA, DAGDHA DAGDHA, DAṆḌA-BHĀJ DAṆḌA-BHĀJ, ĀVIŚA ĀVIŚA, HAYAGRĪVA JÑEYA-PARYANTI SVĀHĀ

_Chân Ngôn đoản Chú:

"Ông, ta, bối mã đạt cát, cáp gia cát ngõa, ta, hồng phôi"

OṂ_ HRĪḤ PADMA ṬAKKI HAYAGRĪVA HRĪḤ HŪṂ PHAṬ

VÔ NĂNG THẮNG MINH VƯƠNG

Vô Năng Thắng, tên Phạn là Aparājitaḥ dịch âm là A Ba La Nhĩ Đa. Trong đó hàm chứa tên **Ajita**, dịch ý là Vô Năng Thắng, nghĩa là người có Uy Đức mà không có ai vượt hơn được. Lại xưng là Vô Năng Thắng Bồ Tát, Vô Năng Thắng Kim Cương, Vô Năng Thắng Minh Vương.

_***Ajita*: Cựu** dịch là A Dật Đa, **Tân** dịch là A Thị Đa.

Duy Ma Kinh Thập Chú nói rằng: "Di Lặc là họ, A Dật Đa là tên chữ, là con của vị Bà La Môn ở Nam Thiên Trúc". Do đây có thể biết **Ajita** là tên chữ của Bồ Tát **Di Lặc** (Maitreya)

Trong Chân Ngôn Pháp dùng Bồ Tát **Di Lặc** (Maitreya) làm tên chữ của **Tự Tính Luân Thân**, dùng **Vô Năng Thắng Kim Cương** (Aparājita-vajra) làm tên chữ của **Giáo Lệnh Luân Thân** của Đức Thích Ca Như Lai (vị Giáo Lệnh Luân Thân vâng theo Giáo Lệnh của Đức Như Lai hiện thân phẫn nộ đối trị Ma ác)"

Kinh **Nhiếp Vô Ngại** và **Bổ Đà Lạc Hải Hội Quỹ** với phần cuối của **Bí Tạng Ký** nói rằng: "Vô Năng Thắng là phẫn nộ của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Tự Tính Luân là Bồ Tát **Từ Thị** (tức Di Lặc)"

Trên đây đều nói về Pháp của hai **Luân Thân** (Cakra-kāya)

Căn cứ theo Nghĩa Quỹ của nhóm **"Y Nhân Vương Kinh**" nói rằng: "Vô Năng Thắng là phẫn nộ của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Tự Tính Luân là Bồ Tát **Từ Thị**". thì **Thích Ca** (Śākya-muṇi) là **Tự Tính Luân** (Svabhāva-cakra-kāya), **Từ Thị** (Maitreya) là **Chính Pháp Luân** (Saddharma-cakra-kāya), **Vô Năng Thắng Kim Cương** (Aparājita-vajra) là **Giáo Lệnh Luân Thân** (Ādeśana-cakra-kāya)

.) Căn cứ vào Kinh **Đại Diệu Kim Cương** thì "Vô Năng Thắng là nơi biến hiện của Bồ Tát **Địa Tạng** (Kṣiti-garbha), Mật Hiệu là **Diệu Thắng Kim Cương**".

Vô Năng Thắng Bồ Tát là một trong 8 vị Đại Minh Vương, có vị trí ở bên trái Đức **Phật Thích Ca Mâu Ni** (Śākya-muṇi-buddha) trong **Thích Ca Viện** của **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala), làm người hầu cận khi Đức Phật nói Pháp

Vì Minh Vương này lại là Tôn mà khi Đức Thích Ca Mâu Ni ngồi dưới gốc cây Bồ Đề, vừa mới thành Đạo thời dùng sức của Minh Chú **Vô Năng Thắng** giáng phục quân Ma và đẩy lui mọi chướng ngại, cho nên Kinh "**Vô Năng Thắng Đại Minh Đà La Ni"** nói ***Bản Thệ với Minh Chú của Tôn ấy*** tức biểu thị cho Đức của ***Phật thành Đạo giáng Ma***. Tôn này được xem là một **Hóa Thân** (Nirmāṇa-kāya) của Đức Thích Ca, biểu thị cho sức mạnh chiến đấu và chiến thắng

Kinh **Vô Năng Thắng Đại Minh Đà La Ni** nói rằng: "Bấy giờ Vô Năng Thắng bảo các Ma rằng: Ta ở câu chi Kiếp vì cầu Bồ Đề khó làm, hay làm Hạnh đại tinh tiến, khi Hạnh Nguyện viên mãn trụ dưới cây Bồ Đề thời có Ma Vương thống lãnh quân binh ác đi đến gây chướng ngại, nên dùng sức của Minh Chú giáng phục nhóm ấy"

Phổ Thông Chân Ngôn Phẩm Nghĩa Thích nói rằng: "Quyến thuộc của Đức Thích Ca dùng Vô Năng Thắng làm **Phẫn Nộ Minh Vương**"

_Kinh Phật từng nói đến việc **Vô Năng Thắng Bồ Tát** trợ giúp Đức Phật Đà giáng phục Ma

Đại Sớ 5 nói rằng: "Bên dưới tòa của Đức Thích Ca Mâu Ni, nên làm **Phẫn Nộ Trì Minh** (Krodha-vidya-dhāra), bên phải hiệu là **Vô Năng Thắng** (Aparājita), bên

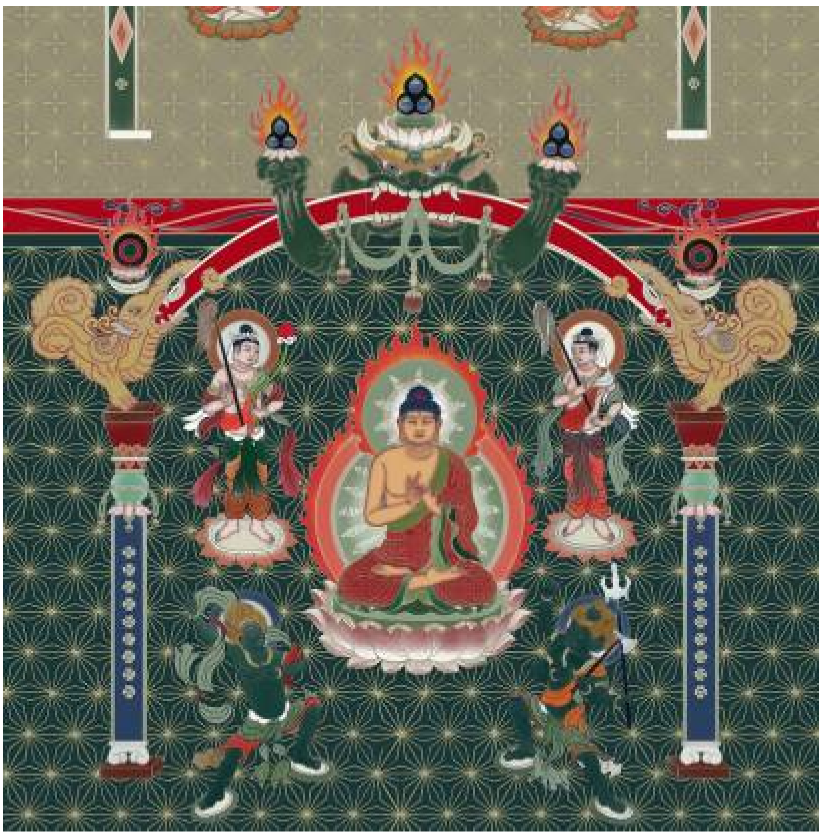
trái hiệu là **Vô Năng Thắng Minh Phi** (Aparājita-vidya-rājñi) đều màu trắng, cầm Đao Ấn, quán Đức Phật mà sinh khoảng ấy”

Đại Sớ 10 nói rằng: “Đây là Hóa Thân của Đức Thích Ca, ẩn vô lượng Thần Lực tự tại mà hiện hình Phẫn Nộ Minh Vương này, vì giáng phục chúng sinh mà dứt hết các Chướng vậy.... Hay ở trong sinh tử mà được tự tại, ngồi bên dưới cây của Phật tồi phá binh chúng của bốn Ma. Vô Năng Thắng tức là nghĩa **không có gì không thể phá hoại được**”

_Thuyết khác lại nói rằng: **Vô Năng Thắng Minh Vương** là Hóa Thân của Địa Tạng Bồ Tát, hay giáng phục Ma Chướng Phiền Não của chúng sinh.

Trong Kinh **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện** có nói Đức Phật Thích Ca ở tại cung Trời **Đao Lợi** phó chúc cho Bồ Tát Địa Tạng: “Ngay khi **Di Lặc** ra đời thời đem Phật Pháp lúc trước nối tiếp trao cho”, tức minh xác địa vị của Bồ Tát Địa Tạng lại là địa vị của Phật

Lại nữa, bên trong phạm vi của Đức Thích Ca thì **Lý** cũng như điều này. Tại **Thích Ca Viện** của **Thai Tạng Giới Man Đa La** có năm Tôn bên trong cửa của **Thích Ca Viện**, trừ Đức Phật ra thì có Vô Năng Thắng Minh Vương, Vô Năng Thắng Minh Phi với quyến thuộc của Vô Năng Thắng. Song, Vô Năng Thắng Minh Vương là Tôn phẫn nộ của Địa Tạng Bồ Tát, nên thay đổi nói rằng nếu dùng luận của **ba Luân Thân** thời Đức Phật Thích Ca là **Tự Tính Luân Thân**, Bồ Tát Địa Tạng là **Chính Pháp Luân Thân**, Vô Năng Thắng Minh Vương là **Giáo Lệnh Luân Thân**. Như đủ **ba Thân một Thể**, đầy đủ **Thể Tướng Dụng**. Đấy ắt ứng biết kết cấu của **Pháp Giới** (Dharma-dhātu) cùng với nơi tương ứng của **Pháp Thân** (Dharma-kāya)



_Pháp Môn của Địa Tạng lại là Pháp Môn khai mở bức tranh soi rọi của sinh mệnh, bức tranh soi rọi của sinh mệnh này lại y theo Tự Tính của Đức Phật Đà làm

Thể, mục tiêu ngay tại sự khai mở Vô Minh Ám Chướng trong Đại Địa Phàm Phu của chúng ta, cho nên dùng Vô Năng Thắng Minh Vương minh xác Bản Tôn đi đến đánh bại tất cả Vô Minh Âm Ma, mà Bản Sự của Địa Tạng là Bản Tôn của Chính Pháp Luân Thân, **Tướng này** là môi giới của tất cả sự tiếp dẫn khéo léo. Dùng Bồ Tát Địa Tạng làm Bản Tôn là **Hiển**, dùng Vô Năng Thắng Minh Vương làm Bản Tôn là **Ẩn**, Đức Thích Ca là **Thể.** Như vậy quán hạnh ắt **Bí Mật Ẩn Hiển** đều thành, **ba Luân một Thể** trình hiện vậy.

Như trên có thể thấy Vô Năng Thắng Minh Vương tức là tượng Phẫn Nộ Minh Vương của Địa Tạng Bồ Tát

HÌNH TƯỢNG CỦA VÔ NĂNG THẮNG MINH VƯƠNG

Hình Tượng của Vô Năng Thắng Minh Vương có nhiều loại: Một mặt hai cánh tay, một mặt sáu cánh tay, ba mặt bốn cánh tay, ba mặt sáu cánh tay, bốn mặt bốn cánh tay...

_**Đại Thánh Diệu Cát Tường Bồ Tát Bí Mật Bát Tự Đà La Ni Tu Hành Mạn Trà La Thứ Đệ Nghi Quỹ Pháp** ghi chép là: "Hình tượng của Tôn này là tượng có ba mặt, bốn cánh tay"



_ Tôn Tượng có một mặt sáu, cánh tay cầm nhóm Pháp Khí, binh khí







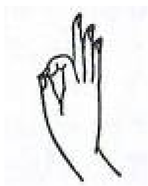
_Trong Thích Ca Viện của **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) thì Vô Năng Thắng Minh Vương có thân màu đen xanh, có 4 mặt 4 cánh tay. Bốn mặt đều nhìn ngó giận dữ, tóc dựng dài như lửa rực. Bên phải: tay thứ nhất dựng Quyền duỗi ngón trỏ để trước ngực, tay thứ hai đem ngón giữa, ngón vô danh đè móng ngón cái và duỗi thẳng ngón trỏ, co khuỷu tay hướng lên trên. Bên trái: tay thứ nhất cầm cây búa, tay thứ hai cầm Tam Kích Xoa.



Mật Hiệu là: **Thắng Diệu Kim Cương**
Chữ chủng tử là: A (𑖀)
Hay DHRIṂ (𑖠𑖿𑖨𑖱𑖽) nghĩa là khiến cho chúng sinh trong Pháp Giới lìa bụi dơ
Hoặc HŪṂ (𑖮𑖳𑖽) biểu thị cho nghĩa Giáng Phục
Tam Muội Gia Hình là: Cái miệng lớn trên hoa sen đen, hay cây búa lớn.



Tướng Ấn là: Vô Năng Thắng Ấn (Tay phải để ngang trái tim, làm dạng cầm hoa sen. Tay trái duỗi cánh tay nâng cao lên, duỗi năm ngón tay).



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ DHRIṂ DHRIṂ_ RIṂ RIṂ_ JRIṂ JRIṂ_ SVĀHĀ

_ Kinh **Vô Năng Thắng Đại Minh Đà La Ni** ghi chép là:

Bấy giờ **Vô Năng Thắng Bồ Tát** bảo các Ma rằng: "Nay Ta nói Minh, chúng **Bộ Đa** (Bhūta) các ngươi hãy nghe lời Ta nói"

Bồ Tát thấy các quân Ma ác ấy có đủ mọi loại hình sắc đứng trụ ở trước mặt. Vì quân Ma ấy, nói lời như vầy: "Ta ở câu chi kiếp vì cầu Bồ Đề cho nên buông bỏ thân mệnh của mình, vợ con, tài bảo, hay làm việc khó làm, hành đại tinh tiến, lợi ích an vui cho tất cả chúng sinh. Khi Hạnh Nguyện viên mãn thời trụ ở cây Bồ Đề chứng Pháp chân thật, ân cần bảo trọng. Thời có Ma Vương thống lĩnh quân binh ác đi đến gây chướng ngại. Ta dùng sức của Minh Chú ấy giáng phục nhóm đó. Ta suy nghĩ xưa kia đã giáng phục lũ Ma khiến chúng tùy vui, oan gia quá khứ tự phá hoại. Nay Ta nói Minh phá hoại quân Ma.

Đại Minh Chú là:

"Đát nãnh tha: Hộ lỗ hộ lỗ, tán noa lễ, ma đặng nghệ, sa-phộc hạ"

TADYATHĀ: HULU HULU CAṆḌALI MATAṄGI SVĀHĀ

Lúc Vô Năng Thắng Bồ Tát nói Minh này thời biến thân làm hình tượng Thiên Nữ, đứng thẳng trước mặt Ma, sinh tâm thương xót, chắp tay trên đỉnh đầu, nói lời như vầy:

Bồ Tát, tâm thanh tịnh
Như Ta nói Thắng Nghĩa
Đại Trí, Đại Quang Minh
Chặt đứt ám ngu si
Xưa kia cầu Bồ Đề
Nay giáng phục quân Ma
Giáng phục chúng Ma xong

Đạt được Đại Vô Úy
Lìa hẳn nơi Thế Gian
Quyết định thành Chính Giác
Làm Thầy Trời Người kia
Mau chóng độ Quần Phẩm
Các ngươi! Tất cả thấy
Tâm sinh vui vẻ lớn
Ma Vương, các quyến thuộc
Không dẫm **bờ Ni Liên** (bờ sông Ni Liên Thiền)
Nay dùng sức Minh Chú
Phá phiền não, **Cái** (sự che chướng) ấy

_Kinh **Phật Thuyết Huyễn Hóa Võng Đại Du Già Giáo Thập Phẫn Nộ Minh Vương Đại Minh Quán Tưởng Nghi Quỹ** ghi chép là:

Khi ấy Đức Thế Tôn Đại Tỳ Lô Giá Na Kim Cương Như Lai lại nói **Vô Năng Thắng Đại Phẫn Nộ Minh Vương Quán Tưởng Pháp**. Chữ **Bát-la** (ব্_PRA) làm Đại Trí. Quán Tưởng chữ Bát-La hoá thành **Vô Năng Thắng Đại Phẫn Nộ Minh Vương** (Apārajita-mahā-krodha-vidya-rāja) 3 mặt đều có 3 mắt, 6 cánh tay. Thân màu vàng có hào quang tròn đầy của mặt trời rộng lớn chiếu diệu tự tại rồi trụ. Dùng 8 Đại Long Vương làm vật trang sức. Mặt chính tươi cười, mặt bên phải màu xanh thẫm hơi có tướng phẫn nộ, mặt bên trái màu trắng cắn môi hiện tướng Đại Ác. Bên phải: Tay thứ nhất cầm chày Kim Cương, tay thứ hai cầm cây gậy báu, tay thứ ba cầm mũi tên. Bên trái: Tay thứ nhất cầm sợi dây và dựng thẳng ngón trỏ, tay thứ hai cầm quyển Kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa, tay thứ ba cầm cây cung. Như vậy Quán Tưởng mà tác tướng thành hoại. Đỉnh đội A Súc Phật. Nếu y theo Pháp Trì Tụng sẽ mau thành Chính Giác. Đây gọi là **Vô Năng Thắng Đại Trí Kim Cương Tam Ma Địa.**

Lúc ấy Đức Thế Tôn Đại Tỳ Lô Giá Na Như Lai nói Quán Tưởng này xong liền nhập vào Đại Bất Không Thành Tựu Kim Cương Thủ Cam Lộ Phẫn Nộ Kim Cương Tam Ma Địa. Từ Định xuất ra xong, dùng 3 Môn Kim Cương nói **Vô Năng Thắng Đại Phẫn Nộ Minh Vương Đại Minh** này là:

1) Nẵng mạc tam mãn đa một đà nẫm
2) Nẵng mạc phộc nhật-la cốt-lỗ đà dã
3) Ma hạ năng sắt tra-lỗ đát-yết tra
4) Bội la-phộc dã
5) Át tây mẫu sa la
6) Bát la thú, bá xả
7) Hạ sa-đá dã
8) Án. A mật-lị đa
9) Quân noa lê
10) Yết, yết
11) Khư tứ, khư tứ
12) Để sắt-tra, để sắt-tra
13) Mãn đà, mãn đà
14) Hạ nẵng, hạ nẵng (Ná hạ, ná hạ)
15) Nga lị-nhạ, nga lị-nha
16) Vĩ sa-bố tra dã
17) Vĩ sa-bố tra dã
18) Tát lị-phộc vĩ cận-nẵng

19) Vĩ nẵng dã kiếm

20) Ma hạ nga noa bát để

21) Nễ vĩ đán đát yết la dã

22) Hồng, phát tra, sa-phộc hạ

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ

NAMAḤ VAJRA-KRODHĀYA MAHĀ-DAṂṢṬROTKATA BHAIRAVĀYA _ PARAŚU PĀŚA HASTĀYA

OṂ _AMṚTA-KUṆḌALI _ KHA KHA KHAHI KHAHI _ TIṢṬA TIṢṬA _ BANDHA BANDHA _ HANA HANA _ DAHA DAHA _ GARJA GARJA _ VISPHOṬĀYA VISPHOṬĀYA _ SARVA VIGHNA VINAYĀKAṂ MAHĀ-GAṆAPATI JĪVITĀNTA KARĀYA _ HŪṂ PHAṬ _ SVĀHĀ

Khi Đức Thế Tôn Đại Tỳ Lô Giá Na Như Lai nói Vô Năng Thắng Đại Phẫn Nộ Minh Vương Đại Minh này xong thì tất cả chư Phật, Đại Uy Đức Bồ Tát thảy đều khen ngợi. Tất cả hàng Tà Ma Ngoại Đạo rất kinh sợ, thân tâm run rẩy, chỉ niệm Đại Tỳ Lô Giá Na Phật.

Lại nữa Người Trì Minh tác Pháp Thành Tựu dùng lá cây trong cơn gió xoáy với đất dưới chân của **Thiết Đốt Lỗ** (Śatrū: oan gia) hòa với nhau làm hình **Tần Na Dạ Ca** (Vinayāka). Người Trì Minh dùng chân đạp lên y theo Pháp tụng Đại Minh này. Đem chữ **Hồng (** _ HŪṂ) chữ **Phát** (_ PHAṭ) với **Minh** (Vidya) cùng dùng chung, cũng hay **Phát Khiển** chư Phật Bồ Tát huống chi là Thiết Đốt Lỗ”

VÔ NĂNG THẮNG MINH PHI

Tại **Thích Ca Viện** trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) thì **Vô Năng Thắng Phi** (Aparājitā-rājñi) là vợ của Vô Năng Thắng Minh Vương, biểu thị cho sức mạnh **Giác Ngộ** của Đức Phật Thích Ca

Tôn Hình: Thân màu đen xanh, có 3 mắt, khoác Thiên Y.



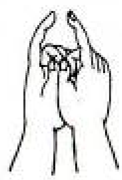
Mật Hiệu là: **Trường Sinh Kim Cương**

Chữ chủng tử là: A (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Cây búa lớn, hoặc cầm hoa sen.



Tướng Ấn là: Vô Năng Thắng Minh Phi Ấn.



Chân Ngôn là:



NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ APĀRAJITE JAYAṂTI TĀḌITE_ SVĀHĀ

ĐẠI LUÂN MINH VƯƠNG

Đại Luân Minh Vương, tên Phạn là Mahā-cakra, dịch âm là Ma Ha Tác Cật La. Lại xưng là Đại Luân Kim Cương, Đại Luân Kim Cương Minh Vương.

Tôn này là thân phẫn nộ do Bồ Tát **Di Lặc** (Maitreya) hiện bày, dùng để tiêu trừ nghiệp chướng, vượt ra khuôn khổ của Pháp Luật. Là vị Minh Vương dùng **Thanh Tịnh Viên Mãn Giới Phẩm** làm Bản Thệ, là một trong tám vị Đại Minh Vương của Mật Giáo, một trong 33 Tôn thuộc **Kim Cương Thủ Viện** trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** biểu thị cho Đức của Trí chặt đứt phiền não (đoạn hoặc), nên nói là **Đại Luân**, tay cầm Bạt Chiết La có ba chấu

_Kinh **Đại Diệu Kim Cương Đại Cam Lộ Quân Noa Lợi Diễm Man Sí Thịnh Phật Đỉnh** ghi chép rằng: Bấy giờ **Từ Thị Tôn Bồ Tát** (Maitreya: Di Lặc) hiện làm Đại Luân Kim Cương Minh Vương, toàn thân màu vàng, phóng ra lửa lớn, tay phải cầm bánh xe Kim Cương tám căm, tay trái cầm một cái chày Kim Cương Độc Cổ, nói **Lục Tự Tâm Chân Ngôn** ấy là:

"Án, phộc nhật-la tác cật-la hồng"

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖓𑖎𑖿𑖨 𑖮𑖳𑖽

OṂ- VAJRA-CAKRA HŪṂ



大輪明王

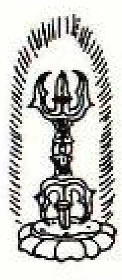
_Tại **Kim Cương Thủ Viện** trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) thì Đại Luân Minh Vương được xưng là **Trì Luân Kim Cương Bồ Tát** (Mahā-cakra-vajra), lại nói Tôn này là Trì Kim Cương Lợi Bồ Tát

Tôn này biểu thị cho sự gìn giữ bền chắc Giáo Pháp tối thắng của Kim Cương Bộ

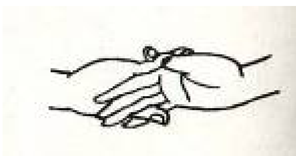
Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, mắt hơi nhìn hướng lên trên, tay phải co cánh tay cầm tràng hạt, tay trái co cánh tay cầm chày Tam Cổ để trước ngực, dựng đứng đầu gối trái, ngồi trên hoa sen trắng



Mật Hiệu là: **Bát Nhã Kim Cương**
Chữ chủng tử là: HÙM (𑖮𑖳𑖽)
Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ, hoặc chày Độc Cổ



Tướng Ấn là: Trì Địa Ấn



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀṂ_ HŪṂ HŪṂ HŪṂ PHAṬ PHAṬ PHAṬ JAṂ JAṂ _ SVĀHĀ

_**Đại Luân Kim Cương Tu Hành Tất Địa Thành Tựu Cập Cúng Dường Pháp** ghi nhận Chân Ngôn của Tôn này là:

"Án, phộc nhật-la, chước cật-la, hồng, nhược, hồng, tông, hộc"

OṂ_ VAJRA-CAKRA HŪṂ _ JAḤ HŪṂ VAṂ HOḤ



_Ngoài ra, người đời còn thờ phụng Tôn này qua hình tượng **Đại Uy Đức Đại Luân Minh Vương**: Phía trên đầu Tượng có vị Bồ Tát ngồi Kiết Già, Minh Vương có mặt xanh nanh bén hung ác, tóc dựng đứng, trợn mắt, hiện ba đầu sáu cánh tay, thân trên cởi trần có dây đai quấn quanh tung bay. Tay trái bên trên nâng mặt trăng, tay phải bên trên nâng mặt trời, cỡi con ngựa lớn. Hai bên trái phải dưới Tòa có hai con rồng nằm, chính giữa có một con quái vật ngóc đầu ngưỡng vọng.



KHỔNG TƯỚC MINH VƯƠNG

Khổng Tước Minh Vương tên Phạn là **Mahā-mayūra-vidya-rājñī** (Đại Khổng Tước Minh Phi) dịch âm là Ma Ha Ma Du Lợi Du La Diêm. Lại có tên gọi là **Kim Diệu Khổng Tước Minh Vương** (Suvarṇābhāsasya mayūra-vidya-rājñaḥ), **Khổng Tước Vương** (Mayūra-rāja), **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương** (Buddha-māta-mahā-mayūra-vidya-rāja), **Phật Mẫu Đại Kim Diệu Khổng Tước Minh Vương** (Buddha-māta-mahā-suvarṇābhāsasya mayūra-vidya-rāja), **Khổng Tước Minh Vương Bồ Tát** (Mayūra-vidya-rāja-bodhisatva), **Phật Mẫu Đại Kim Cương Diệu Khổng Tước Minh Vương**…



Tại Ấn Độ, tín ngưỡng **Khổng Tước Minh Vương** được phát sinh từ truyện tích do Đức Phật kể lại tiền thân của mình từng là **con chim công lông màu vàng kim** (Suvarṇābhāsasya mayūra: Kim Diệu Khổng Tước), hàng ngày vào hai buổi sáng sớm và chiều tối, nhìn về phía mặt trời tụng bài Chú cầu xin được bảo hộ bình an, tránh được mọi cạm bẫy của thợ săn.

_ Hệ Phật Giáo Nam Truyền ghi nhận pháp tu của chim công qua bài **Hộ Chú Khổng Tước** nhằm giúp cho người tu hành tránh được những hiểm họa và cạm bẫy, còn nếu bị rơi vào cạm bẫy thì sẽ được an lành.

HỘ CHÚ KHỔNG TƯỚC

Bản tiếng Pali-Anh: Moraparitta, Paritta Chanting, Wat Bukit Perak.
Việt dịch: Tống Phước Khải

Udetayañcakkhumā ekarājā
Harissavaṇṇo paṭhavippabhāso
Taṃ taṃ namassāmi harissavaṇṇaṃ paṭhavippabhāsaṃ
Tayajja guttā viharemu divasaṃ
Ye Brāhmaṇā vedagu sabbadhamme
Te me namo te ca maṃ pālayantu
Namatthu Buddhānaṃ, nammtthu Bodhiyā
Namo Vimuttānaṃ namo Vimuttiyā.
Imaṃ so parittaṃ katvā moro carati esanā.
Apetayañcakkhumā ekarājā
Harissavaṇṇo paṭhavippabhāso
Taṃ taṃ namassāmi harissavaṇṇaṃ paṭhavippabhāsaṃ
Tayajja guttā viharemu divasaṃ
Ye Brāhmaṇā vedagu sabbadhamme
Te me namo te ca maṃ pālayantu
Namatthu Buddhānaṃ, nammtthu Bodhiyā
Namo Vimuttānaṃ namo Vimuttiyā.
Imaṃ so parittaṃ katvā moro vāsamakappayīti.

NGHĨA BÀI CHÚ

Kìa Ngài vừa mới mọc, vị vua mắt chói chang. Chiếu ánh sáng rực rỡ, trên toàn cõi thế gian. Xin Ngài hãy bảo hộ, trọn ngày luôn bình an. Nay tôi xin đảnh lễ, chư vị Bà La Môn, thành tựu sự Tự Tại, do liễu tri mọi Pháp, hãy bảo hộ cho tôi. Xin đảnh lễ Chư Phật, đảnh lễ hạnh Bồ Đề. Đảnh lễ bậc Giải Thoát, đảnh lễ sự Giải Thoát.

Sau khi thực hiện việc bảo hộ xong, chim công bay đi tìm mồi.

Kìa Ngài đang lặn xuống, vị vua mắt chói chang. Chiếu ánh sáng rực rỡ, trên toàn cõi thế gian. Xin Ngài hãy bảo hộ, trọn đêm luôn bình an. Nay tôi xin đảnh lễ, chư vị Bà La Môn, thành tựu sự Tự Tại, do liễu tri mọi Pháp, hãy bảo hộ cho tôi. Xin đảnh lễ Chư Phật, đảnh lễ hạnh Bồ Đề. Đảnh lễ bậc Giải Thoát, đảnh lễ sự Giải Thoát.

Sau khi thực hiện việc bảo hộ xong, chim công nghỉ ngủ yên lành tại nơi trú ngụ.

GHI CHÚ:

BÀI HỘ CHÚ NÀY ĐƯỢC ĐỨC PHẬT THÍCH CA THUYẾT GIẢNG KHI CÓ MỘT VỊ TỲ KHEO TRONG TĂNG ĐOÀN BỊ QUYẾN RŨ BỞI NỮ SẮC.

ĐỨC PHẬT KỂ LẠI TIỀN KIẾP CỦA MÌNH TỪNG LÀ CHIM CÔNG VÀNG SỐNG TRÊN ĐỈNH NÚI. MỖI SÁNG TRƯỚC KHI ĐI TÌM MỒI, CHIM CÔNG ĐẬU TRÊN ĐỈNH NÚI NHÌN VỀ PHÍA MẶT TRỜI VÀ TỤNG BÀI CHÚ. BUỔI CHIỀU VỀ, TRƯỚC KHI VÀO TỔ, CHIM CÔNG LẠI ĐẬU TRÊN ĐỈNH NÚI NHÌN VỀ PHÍA MẶT TRỜI VÀ TỤNG BÀI CHÚ. ĐÃ CÓ NHIỀU THỢ SĂN ĐẶT BẪY BẮT CHIM CÔNG, NHƯNG DO OAI LỰC CỦA BÀI CHÚ CHIM CÔNG KHÔNG THỂ RƠI VÀO BẪY. MÃI VỀ SAU, HÔM NỌ VÀO SÁNG SỚM, CHƯA KỊP TRÌ CHÚ THÌ CÔNG VÀNG ĐÃ BỊ MỘT CÔNG MÁI - DO MỘT THỢ SĂN SẮP ĐẶT - QUYẾN RŨ VÀ BỊ RƠI VÀO BẪY. THỢ SĂN MANG

CHIM CÔNG VỀ CHO VUA. CHIM CÔNG ĐÃ KỂ CHO VỊ VUA NÀY NGHE TIỀN KIẾP CỦA MÌNH CŨNG TỪNG LÀ MỘT VỊ VUA. ĐỂ XÁC THỰC LỜI NÓI, CHIM CÔNG BẢO RẰNG BÊN DƯỚI HỒ NƯỚC CỦA HOÀNG CUNG TRƯỚC CÓ CHÔN MỘT CỖ XE VÀ BẢO VUA ĐÀO LÊN SẼ RÕ. MỌI VIỆC SAU ĐÓ ĐÚNG NHƯ LỜI CHIM CÔNG NÓI VÀ VUA ĐÃ THẢ CHIM CÔNG TRỞ VỀ NÚI.

THEO TRUYỀN THỐNG PHẬT GIÁO THERAVADA, SÁNG SỚM KHI MẶT TRỜI MỌC THÌ TRÌ TỤNG PHẦN ĐẦU CỦA BÀI CHÚ, BUỔI CHIỀU KHI MẶT TRỜI LẶN THÌ TRÌ TỤNG PHẦN SAU. CÔNG NĂNG CỦA BÀI CHÚ ĐƯỢC TIN RẰNG SẼ GIÚP TRÁNH ĐƯỢC NHỮNG HIỂM HỌA VÀ CẠM BẪY, CÒN NẾU BỊ RƠI VÀO CẠM BẪY THÌ SẼ ĐƯỢC GIẢI THOÁT AN TOÀN.

_Đến thế kỷ thứ IV thì bộ Kinh **Đại Khổng Tước Minh Vương** được hình thành, thuật lại câu chuyện Tôn Giả **A Nan Đà** (Ānanda) thấy vị Tỳ Kheo **Toa Để** (Svati) bị rắn cắn vào ngón chân sắp chết nên cầu xin Đức Phật cứu độ. Đức Phật liền chỉ dạy Tôn Giả A Nan Đà thọ trì **Phật Mẫu Minh Vương Đại Đà La Ni** sẽ cứu được Tỳ Kheo Svati. Lại hay trừ khử Quỷ My, sự độc hại, bệnh ác…để bảo hộ cho thọ mệnh được lâu dài.

Phần sau, ghi nhận tiền thân của Đức Phật **Thích Ca** là con chim công lông màu vàng kim (Kim Diệu Khổng Tước) do nhớ tụng **Khổng Tước Minh Vương Chú** mà được thoát khỏi ách nạn.

Ngoài ra Kinh này còn nói tên gọi của chư Phật quá khứ, các vị **Long Vương** (Nāga-rāja), **Dược Xoa** (Yakṣa), **La Sát** (Rākṣasa), **Tỳ Xá Già** (Piśāca), **Tất Lệ Đa** (Preta), **Tinh Tú** (Nakṣatra), **Đại Tiên** (Mahā-ṛṣī), **Thần sông** (Nadī-rājñī), **Thần núi** (Parvata-rāja), **Đại Độc Dược**…nhờ tụng **Đà La Ni** (Dhāraṇī) này mà xa lìa được tất cả sự sợ hãi và được Phước Đức.

Từ Bộ Kinh **Mật Giáo nguyên thủy** này mà tín ngưỡng **Khổng Tước Minh Vương** được truyền bá rất sớm đến các nước ở phương Đông và được xem là phương tiện cứu độ, giải trừ tất cả tai ách khổ nạn, đem lại sự an vui cho tất cả chúng sinh.

_Dựa vào tiền thân của Đức Phật trong đời quá khứ từng là con chim công tu hành Bồ Tát Hạnh nên **Khổng Tước Minh Vương** được xem là **Thọ Dụng Thân** (Saṃbhoga-kāya) hoặc là **Đẳng Lưu Thân** (Niṣyanda-kāya: Thân Phật biến hóa hiện ra hình đồng loại với chúng sinh trong 9 cõi: **Địa Ngục** (Nākara), **Quỷ đói** (Preta), **súc sinh** (Tiryañc, hay Paśu), **A Tu La** (Asura), **người** (Manuṣa), **Trời** (Deva), **Thanh Văn** (Śrāvaka), **Duyên Giác** (Pratyake-buddha), **Bồ Tát** (Bodhisatva) của Đức Phật **Thích Ca Mâu Ni** (Śākya-muṇi)

_Theo sự tương truyền của Mật Giáo thì **Khổng Tước Minh Vương** là **Đẳng Lưu Thân** của Đức Phật **Tỳ Lô Giá Na** (Vairocana) biểu thị cho Bản Thệ **Từ Bi Nhiếp Thủ** và Đức **Giáng Phục**

_**Bạch Bảo Khẩu Sao** ghi rằng: Chim công (khổng tước) vì nuôi thân nên ăn tất cả loài trùng độc. Khổng Tước Minh Vương giống như Đức Phật **A Di Đà** (Amitābha: Vô Lượng Quang) hay tiêu diệt ba Độc **tham sân si** của tất cả chúng sinh làm điều ác. Vì thọ mệnh của Tự Tính thanh tịnh cho nên dùng chim công làm tòa ngồi.

Lại nói chim công này ăn nuốt tất cả trùng độc để nuôi mạng sống, tức trượng trưng cho Minh Vương chặt đứt tất cả phiền não ác độc, sống lâu chẳng bị hoại thọ

mệnh. Còn đuôi công lại hay phủi trừ vô lượng tai ách, tăng Phước, đạt được các điều tốt lành.

.) Kinh **A Di Đà** ghi nhận trong Thế Giới **Cực Lạc** (Sukha-vatī) có vô số các loài chim do Đức Phật A Di Đà biến hóa ra để nói Pháp độ sinh, trong đó có chim công (khổng tước)…

Do vậy Mật Giáo cho rằng **Khổng Tước Minh Vương** là **Hóa Thân** (Nirmāṇa-kāya) của Đức Phật **A Di Đà** (Amitābha: Vô Lượng Quang) biểu thị cho Công Năng và Đức Lực chuyển hóa hết thảy nghiệp ác, thành tựu tất cả Công Đức. Còn **tòa khổng tước** thì biểu thị cho ý nghĩa **chuyển bánh xe Đại Pháp**

_Truyền thuyết được lưu truyền trong dân gian Trung Quốc ghi nhận rằng:

.) Vào thuở khai Thiên lập Địa, Khổng Tước Minh Vương vốn là con chim công ngày đêm chuyên cần tu luyện, trải qua mấy ngàn năm thành tựu phép **Ngũ Sắc Thần Quang**. Sau đó được Bồ Tát **Chuẩn Đề** (Cuṅdhe) hóa độ. Để báo đáp công ơn này, con chim công phát nguyện theo Bồ Tát Chuẩn Đề tu hành và làm tòa cho Ngài ngồi.

.) Khi Đức Phật Thích Ca đắc Đạo thì Ngài bị con chim công nuốt vào trong bụng nên Ngài đã xẻ lưng chim công đi ra và ngồi trên ấy. Do từ bụng chim công đi ra nên con chim công được xem như là bà mẹ của Ngài. Từ đấy con chim công có tên gọi là **Phật Mẫu Đại Minh Vương Bồ Tát**

_Trong Pháp tu của Mật Giáo, dùng **Khổng Tước Minh Vương** làm Bản Tôn để tu thì xưng là **Khổng Tước Minh Vương Kinh Pháp**, lại xưng là **Khổng Tước Kinh Pháp** …là một trong bốn Đại Pháp của Mật Giáo.

Pháp Môn của Khổng Tước Minh Vương đối với việc lợi ích Thế Gian như: Hộ Quốc (bảo vệ đất nước), Tức Tai (dứt trừ tai nạn), cầu mưa, ngưng mưa, trừ bệnh, sống lâu, sinh sản an ổn…đều có hiệu nghiệm. Đương nhiên việc trọng yếu vẫn là dùng Tôn này làm nơi nương tựa để tu Pháp **Xuất Thế Gian** (Lokottara). Khử trừ các loại phiền não độc hại của nhóm **tham, sân, si, mạn, nghi** trong Tâm của chúng ta, khiến chúng ta hay viên mãn Bồ Đề của Trí Tuệ, mau chóng thành Phật Quả.

Hiện nay trong tập 19 (tức Mật Tạng Bộ 2) của bộ **Đại Chính Nguyên Bản Đại Tạng Kinh** có lưu trữ 7 bộ Kinh **Khổng Tước Minh Vương** là:

1_ Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Kinh, 3 quyển (No.982) do Ngài **bất Không** dịch

2_ Phật Thuyết Đại Khổng Tước Minh Vương Họa Tượng Đàn Tràng Nghi Quỹ, 1 quyển (No.983) do Ngài **bất Không** dịch

3_ Khổng Tước Vương Chú Kinh, 2 quyển (No.984) do Ngài **Tăng Già Bà La** dịch

4_ Phật Thuyết Đại Khổng Tước Chú Vương Kinh, 3 quyển (No.985) do Ngài **Nghĩa Tịnh** dịch

5_ Đại Kim Sắc Khổng Tước Vương Chú Kinh, 1 quyển (No.986) mất tên người dịch

6_Phật Thuyết Đại Kim Sắc Khổng Tước Vương Chú Kinh, 1 quyển (No.987) mất tên người dịch

7_ Khổng Tước Vương Chú Kinh, 1 quyển (No.988) do Ngài **Cưu Ma La Thập** dịch

HÌNH TƯỢNG CỦA KHỔNG TƯỚC MINH VƯƠNG

_ **Phật Thuyết Đại Khổng Tước Minh Vương Họa Tượng Đàn Tràng Nghi Quỹ** ghi nhận là: "Trong Nội Viện, ở chính giữa vẽ hoa sen tám cánh, ở trên đài hoa vẽ **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Bồ Tát**, đầu hướng về phương Đông, màu trắng, mặc áo lụa trắng mỏng, đầu mội mão; đeo chuỗi Anh Lạc, khoen tai, cánh tay đeo vòng xuyến, các thứ trang nghiêm, cỡi trên **Khổng Tước Vương** (Mayura-rāja)Vua chim công) màu vàng ròng, ngồi Kiết Già trên hoa sen trắng, hoặc trên hoa sen xanh, tướng Từ Bi có bốn cánh tay. Bên phải: tay thứ nhất cầm hoa sen nở, tay thứ hai cầm Câu Duyên Quả (quả ấy có dạng như Thủy Cô). Bên trái: tay thứ nhất cầm Cát Tường Quả (như hình Đào Lý), tay thứ hai cầm năm hay ba cái lông đuôi chim công"



Trong bốn loại vật cầm giữ thì **hoa sen** đại biểu cho **Kính Ái**, **Câu Duyên Quả** đại biểu cho **Điều Phục**, **Quả Cát Tường** đại biểu cho **Tăng Ích**, **lông đuôi chim công** biểu thị cho **Tức Tai**, **tòa hoa sen trắng** đại biểu cho **Nhiếp Thủ Bản Thệ của Từ Bi**, **tòa hoa sen xanh** đại biểu cho ý nghĩa của sự **Giáng Phục**

Lông đuôi chim công còn tượng trưng cho sự cát tường, thanh tịnh và vĩnh cửu. Nếu ba chiếc lông tụm lại thành một nhóm thì tượng trưng cho sự tịnh hóa ba độc **tham, sân, si**. Nếu năm chiếc lông tụm lại thành một nhóm thì tượng trưng cho sự chuyển hóa năm độc **tham, sân, si, mạn, nghi** thành năm Trí Tuệ của Phật

_Hiện Đồ Thai Tạng Giới Man Đa La ghi nhận hình tượng của Khổng Tước Minh Vương trong **Tô Tất Địa Viện** là:

Thân hiện bày màu thịt, có hai cánh tay, tay phải cầm lông đuôi chim công, tay trái cầm hoa sen, ngồi trên hoa sen đỏ



Trong hai loại vật cầm giữ thì **lông đuôi chim công** tượng trưng cho **Định siêu việt**, còn **hoa sen** tượng trưng cho **Trí Tuệ thanh tịnh**

Mật Hiệu là: **Phật Mẫu Kim Cương** (Buddha-māta-vajra), hoặc **Hộ Thế Kim Cương** (Lokapāla-vajra)

_**Đại Khổng Tước Vương Thiên Bí Yếu Pháp** ghi rằng: "Nếu lại có chúng sinh nguyện không có bệnh thì vẽ một tượng (Khổng Tước Minh Vương) tay phải cầm năm cọng lông đuôi chim công, tay trái để ngang trái tim cầm bánh xe vàng (Suvarṇa-cakra:Kim Luân), thân màu trắng, trụ tướng Từ Bi, ngồi trên con chim công.

Nếu có chúng sinh trì niệm tượng này thì hay trừ trăm bệnh vạn não, sống lâu, nhìn thấy trăm mùa Thu, được lợi ích lớn, thân tâm an vui.

_**Đàn Tràng Họa Tượng Pháp Thức** (bản của Ngài **Nghĩa Tịnh**) ghi là: "Bên trái tượng Phật, vẽ **Ma Ha Du Lợi Thiên Thần** màu trắng đỏ, mặc quần màu trắng, áo choàng vai, sợi dây trắng quấn quanh bắp tay. Thân có bốn cánh tay, các vật trang nghiêm đều dùng vàng mà làm, đứng ở trên hoa sen hoặc đứng ở trên tòa vàng. Bên phải: một tay cầm **Dữu Tử** (quả nho), một tay cầm hoa sen. Bên trái: một tay cầm quả Cát Tường (lớn như Cô Lâu màu đỏ vàng, phương này không có), một tay cầm ba cọng lông đuôi chim công".

_**Đại Khổng Tước Vương Thiên Bí Yếu Pháp** (bản của Ngài **Bất Không**) ghi rằng: "Vẽ **Đại Khổng Tước Thiên** có một búi tóc trên đầu, trụ tướng Đồng Tử. Bên phải: tay thứ nhất cầm lông đuôi chim công, tay thứ hai cầm quả Cát Tường. Bên trái:

tay thứ nhất cầm bánh xe vàng, tay thứ hai cầm đầu ngựa báu. Thân màu xanh, ngồi trên Khổng Tước Vương màu xanh, an trụ núi báu.

_ Theo Tạng truyền thì hình tượng **Khổng Tước Minh Vương** có ba mặt, tám cánh tay, ngồi trên tòa hoa sen



藏密三面六臂－孔雀明王

CHỮ CHỦNG TỬ, THỦ ẤN, CHÂN NGÔN CỦA KHỔNG TƯỚC MINH VƯƠNG

_ Chữ Chủng Tử là: VAṂ ( ), hoặc MA ( ), hoặc YU ( )

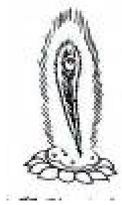
Bạch Bảo Khẩu Sao ghi nhận: chữ Chủng Tử VAṂ ( ) là **Thủy Đại**, chúng hữu tình dùng nước để làm tươi nhuận Tính Mệnh. Tính của nước hay làm cho các chỗ khô cạn sinh trưởng, nước như vậy hay cầm giữ vật. Nay Khổng Tước Minh Vương làm lợi ích cho chúng sinh ví như nước đó cầm giữ vạn vật cho nên dùng **Thủy Đại** làm chữ Chủng Tử.



.) Chữ chủng tử MA (म) nghĩa là Ngô Ngã, nhập vào chẳng thể được, là nghĩa Tức Tai

.) Chữ chủng tử YU (यु) là mỗi một dấu vết trên Thể của Pháp Giới **sáu Đại**, các Pháp trợ nhau bước vào gia trì thành tựu các Pháp

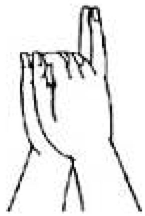
_Tam Muội Gia Hình là: Lông đuôi chim công



Lông đuôi chim công tượng trưng cho **Định siêu việt**, hoặc tượng trưng cho sự cát tường, thanh tịnh và vĩnh cửu.

_ Khổng Tước Minh Vương Ấn:

Hai tay tác Nội Phộc, dựng thẳng hai ngón cái, hai ngón út cùng trụ nhau



Chân Ngôn là:

Oṃ_ Mayūra krānte svāhā

(Oṃ: Quy mệnh kính lễ

Mayūra: Khổng Tước

Krānte: bước đi, bước vào

Svāhā: thành tựu cát tường)



.) Khi gia trì thì kết Ấn trên, trì Chân Ngôn này là:

Oṃ_ Mayūra krānte bhrūṃ svāhā

_ Năm loại Ấn tương ứng:

1) **Tức Tai Ấn**: Ngoại Phộc, hợp dựng hai ngón cái, hai ngón út thành **Tổng Ấn** (Ấn này là khuôn mẫu) rồi lay động.

Chân ngôn là:

Oṃ_ Mayūra krānte bhrūṃ śāntika svāhā

2) **Tăng Ích Ấn**: Dựa theo Ấn lúc trước, chẳng lay động.

Chân Ngôn là:

Oṃ_ Mayūra krānte bhrūṃ puṣṭika svāhā

3) **Kính Ái Ấn**: Dựa theo Ấn trước, đưa hai ngón giữa vào lòng bàn tay, hợp mặt ngón như hình mũi tên là nghĩa Kính Ái

Chân Ngôn là:

Oṃ_ Mayūra krānte bhrūṃ vaśikaraṇa svāhā

4) **Giáng Phục Ấn**: Dựa theo Ấn trước, hai ngón út giao nhau làm bánh xe.

Chân Ngôn là:

Oṃ_ Mayūra krānte bhrūṃ abhicāruka svāhā

5) **Câu Triệu Ấn**: 6 ngón tay trong Ấn trước, triệu mời.

Chân Ngôn là:

Oṃ_ Mayūra krānte bhrūṃ ākarṣāya svāhā

_Riêng về **Minh Chú** của Đại Khổng Tước (Mahā-mayūra-vidya) thì có nhiều phiên bản khác nhau như sau:

1) Bản của Ngài **Bất Không**:

Namo buddhāya
Namo dharmāya
Namo saṃghāya
Namo suvarṇābhāsasya mayūra-rājñaḥ
Namo mahā-mayūrye vidya-rājña
Tadyathā: Siddhe susiddhe, mocani, mokṣaṇi, mukte, vimukte, amale, vimale, nirmale, maṃgale, hiraṇya-garbhe, ratna-garbhe, bhadre, subhadre, samanta-bhadre, sarvārtha-sādhani, paramārtha-sādhani, sārvārtha pravādhani, sarva maṃgala-sādhani, manasi, manasi, mahā-manasi, adbhute, atyadbhute, acyute, ajare, vijare, vimale, amṛte, amare, amaraṇi, brahme, brahma-svare, pūrṇe, pūrṇa manorathe, mṛta saṃjīvani, śrībhadre candre, candra-prabhe, sūrye, sūryakānte, vītabhaye, suvarṇi, brahmaghoṣe, brahmajuṣṭai, sarva-tra, apratihate, svāhā

2) Bản của Ngài **Tăng Già Ba La**:

Siddhe, susiddhe, mocani, mokṣani, mukte, vimukte, amale, vimale, nirmale, maṃgale, hiraṇya-garbhe, ratna-garbhe, mayūri-bhadre, subhadre, samanta-bhadre, śrī-bhadre, sarvārtha sādhani, paramārtha sādhani, sarvānartha praśamani, sarva maṅgala sādhani, manase mānase, mahā-mānase, acyute, adbhute, atyadbhute, mukte, mocani mokṣaṇi, araje viraje, amṛte amare amaraṇi, brahme brahmasvare pūrṇe pūrṇa-manorathe, mṛta saṃjīvani śrī-

bhadre, candre, candra-prabhe, sūrye sūryakānte vītabhayesu, varṇe suvarṇa-prabhe, brahmaghoṣe, brahma-juṣṭe, sarvatra, pratihate rakṣa rakṣa māṃ svāhā

3) Bản của Ngài **Nghĩa Tịnh**:

Namo buddhāya
Namo dharmāya
Namo saṃghāya
Namo suvarṇābhāsasya mayūra-rājñaḥ
Namo mahā-mayūrye vidya-rājña

Tadyathā: Siddhe susiddhe, mocani, mokṣaṇi, mukte, vimukte, amale, vimale, nirmale, bhadre, maṃgale, hiraṇya-garbhe, ratna-garbhe, bhadre, subhadre, samanta-bhadre, sarvārtha-sādhani, paramārtha-sādhani, sarvānartha-sādhani, sarva maṃgala-sādhani, mānasi, mānasi, mahā-mānasi, adbhute, atyadbhute, acyute, ajare, vijare, vimale, amṛte, amaraṇi, brahme, brahma-svare, pūrṇe, pūrṇa manorathe, amṛta saṃjīvani, śrībhadre candre, candra-prabhe, sūrye, sūryakānte, vītabhaye, suvarṇi, brahmaghoṣe, brahmajuṣṭai, sarva-tra, apratihate, svāhā

4) Phiên bản 1:

Namo buddhāya
Namo dharmāya
Namaḥ saṃghāya

Tadyathā: amale vimale nirmale maṃgale hiraṇye hiraṇyagarbhe bhadre subhadre samantabhadre śrībhadre sarvārthasādhani paramārthasādhani sarvānarthapraśamani sarvamaṅgalasādhani manase mānase mahāmānase acyute adbhute atyadbhute mukte mocani mokṣaṇi araje viraje amṛte amare amaraṇi brahme brahmasvare pūrṇe pūrṇamanorathe mukte jīvati *rakṣa svātiṃ* sarvopadravabhayarogebhyaḥ svāhā

5) Phiên bản 2:

[Namo buddhāya Namo dharmāya Namaḥ saṃghāya]

Tadyathā: amale vimale nirmale maṅgalye hiraṇye hiraṇyagarbhe bhadre subhadre samantabhadre śrībhadre sarvārthasādhani paramārthasādhani sarvānarthapraśamani sarvamaṅgalyasādhani manasi mānasi mahāmānasi acyute adbhute atyadbhute mukte mocani mokṣaṇi araje viraje amare amṛte amaraṇi brahme brahmasvare pūrṇe pūrṇamanorathe vimukte jīvati *rakṣa māṃ* sarvopadravebhyaḥ svāhā

Điều đáng chú ý là bài **Thích Ca Mâu Ni Phật Tồi Tà Hiển Chính Chân Ngôn** được ghi nhận trong Phẩm **Kiều Trần Như** của Kinh **Đại Bát Niết Bàn** có thể là một lược bản của **Đại Khổng Tước Minh Chú**

1_ Bản của nhóm Đại Sa Môn **Tuệ Nghiêm**:

"A ma lệ, tỳ ma lệ, niết ma lệ, măng già lệ, hề ma la nhã kiệt tỳ, tam mạn na bạt đề, ta bà tha sa đàn ni, bà la ma tha sa đàn ni, ma na tư, a chuyết đề, tỳ la kì, am la lại đê, bà lam di, bà lam ma sa lệ, phú nê, phú na, ma nô lại đề"

Amale vimale nirmale maṃgale hiraṇya-garbhe samanta-bhadre sarvārtha-sādhani paramārtha-sādhani mānase acyute viraje amṛte brahme brahmasvare pūrṇe pūrṇa manorathe

2_ Bản của Ngài **Đàm Vô Sấm**:

"A ma lệ, tỳ ma lệ, niết ma lệ, mông già lệ, hề ma la nhã kiệt bệ, tam mạn na bạt đề lệ, ta bà la đà sa đàn ni, bà la ma tha sa đàn ni, ma na tư, a chuyết đề, tỳ la kì, am la lại đàn, bà táp ma tá lệ, phú la nê, phú la na, ma nô lại đề"

Amale vimale nirmale maṃgale hiraṇya-garbhe samanta-bhadre sarvārtha-sādhani paramārtha-sādhani mānase acyute viraje amṛte brahmasvare pūrṇe pūrṇa manorathe

KHỔNG TƯỚC MINH VƯƠNG MAN ĐA LA

Dựa theo Kinh **Đại Khổng Tước Minh Vương Họa Tượng Đàn Tràng Nghi Quỹ** do Ngài **Bất Không** dịch, **Khổng Tước Minh Vương Man Đa La** được trình bày thành ba lớp tức ba Viện như sau:

"_ Trong Nội Viện, ở chính giữa vẽ hoa sen tám cánh, ở trên đài hoa vẽ **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Bồ Tát**, đầu hướng về phương Đông, màu trắng, mặc áo lụa trắng mỏng, đầu đội mão; Anh Lạc, khoen tai, cánh tay đeo vòng xuyến, các thứ trang nghiêm, cỡi trên **Khổng Tước Vương** (con công) màu vàng ròng, ngồi Kiết Già trên hoa sen trắng, hoặc trên hoa sen xanh, tướng Từ Bi có bốn cánh tay. Bên phải: tay thứ nhất cầm hoa sen nở, tay thứ hai cầm Câu Duyên Quả (Quả ấy có dạng tương tự Thủy Cô). Bên trái: tay thứ nhất cầm Cát Tường Quả (như hình Đào Lý), tay thứ hai cầm năm, ba cái lông đuôi chim công.

Từ bên phải Phật Mẫu xoay vòng theo bên phải, trên các cánh sen vẽ bảy Đức Phật Thế Tôn từ **Vi Bát Thi Như Lai** (Vipaśyin-Tathāgata) đến **Thích Ca** (Śākya-muṇi) với nhóm của **Từ Thị Bồ Tát** (Maitreya) đều hướng đầu ra ngoài và ngồi trụ trong Định Tướng

Trên cánh hoa thứ tám ở góc Đông Bắc vẽ Từ Thị Bồ Tát, tay trái cầm bình Quân Trì, tay phải giương lòng bàn tay hướng ra ngoài làm thế Thí Vô Úy.

Lại ở bên ngoài cánh hoa sen, bốn phương của Nội Viện vẽ bốn vị Bích Chi Phật đều làm hình Phật, đỉnh đầu có nhục kế cũng trụ Định Tướng.

Lại ở bốn góc vẽ bốn vị Đại Thanh Văn từ góc Đông Bắc vẽ **A Nan Đà** (Ānanda), tiếp góc Đông Nam vẽ **La Hầu La** (Rāhula), tiếp góc Tây Nam vẽ **Xá Lợi Phất** (Śāriputra), tiếp góc Tây Bắc vẽ **Đại Mục Kiền Liên** (Mahā-Maudgalyāyana) đều mặc mặc áo cà sa Kiền Đà hở cánh tay phải. Đây đều là Trung Viện.

_Tiếp, Viện thứ hai vẽ Thiên Vương của tám phương với các quyến thuộc.

Phương Đông vẽ **Đế Thích Thiên Vương** (Indra) cầm chày Kim Cang cùng với các Thiên Chúng vây quanh.

Tiếp phương Đông Nam vẽ **Hỏa Thiên** (Agni) tay trái cầm bình Quân trì, tay phải Thí Vô Úy cùng với Ngũ Thông Khổ Hạnh Tiên Chúng vây quanh

Tiếp phương Nam vẽ **Diêm Ma Thiên Vương** (Yama) cầm cây phương Diêm Ma cùng với Diêm Ma Quỷ Giới Chúng vây quanh

Tiếp phương Tây Nam vẽ **La Sát Vương** (Rākṣasa-rāja) cầm cây đao cùng với các La Sát Chúng vây quanh

Tiếp phương Tây vẽ **Thủy Thiên** (Varuṇa) cầm sợi dây cùng với các chúng Rồng vây quanh

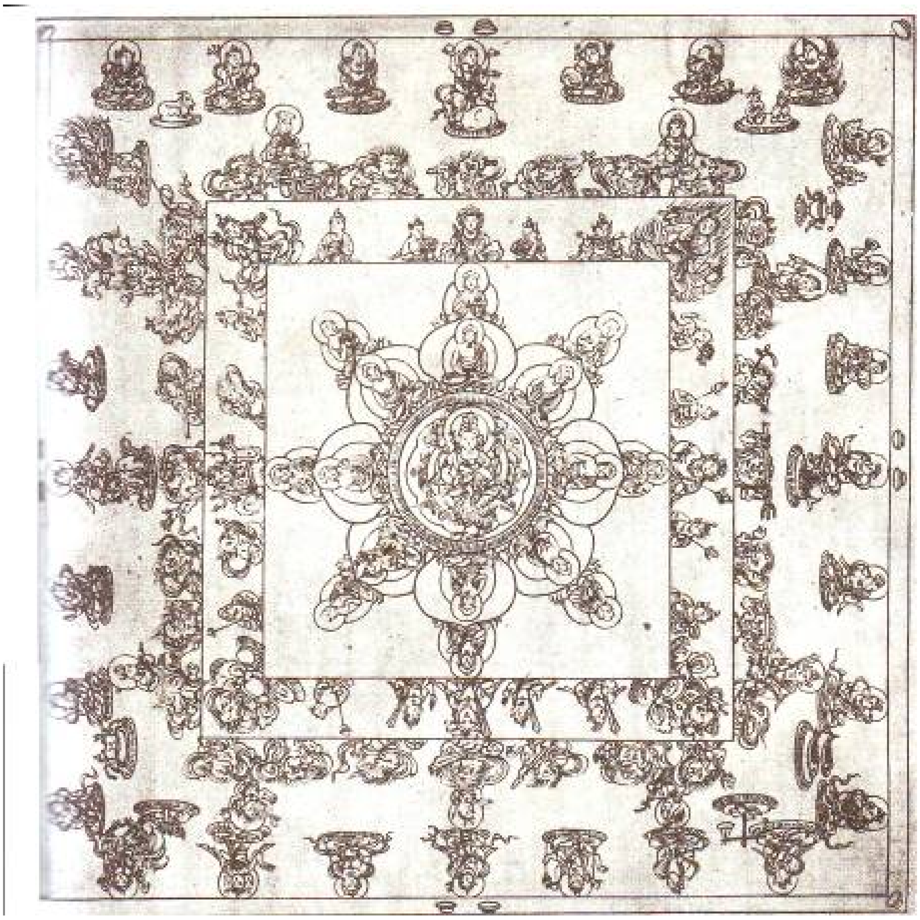
Tiếp phương Tây Bắc vẽ **Phong Thiên Vương** (Vāyu) cầm tràng phan cùng với các Trì Minh Tiên Chúng vây quanh

Tiếp phương Bắc vẽ **Đa Văn Thiên Vương** (Vaiśravaṇa) cầm cây bổng báu cùng với các Dược Xoa Chúng vây quanh.

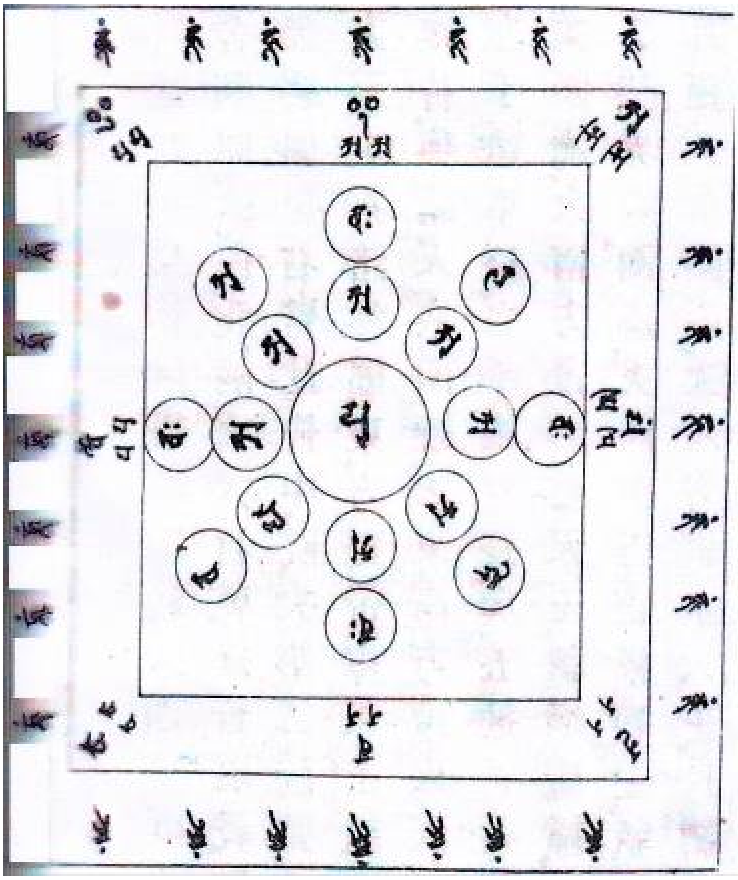
Tiếp phương Đông Bắc vẽ **Y Xá Na Thiên** (Īśana) cầm tam kích xoa cùng với các Bộ Đa Quỷ Chúng vây quanh.

Đây đều là Viện thứ hai

_Tiếp Viện thứ ba, từ góc Đông Bắc, xoay vòng theo bên phải vẽ 28 vị Đại Dược Xoa Tướng đều cùng với các Quỷ Thần Chúng vây quanh và vẽ Tú Diệu, 12 Cung Thần"



KHỔNG TƯỚC MINH VƯƠNG PHÁP ĐÀN



_Lớp thứ nhất (Nội Viện):

.)**Trung Đài Bát Diệp:**

Đài hoa chính giữa là Khổng Tước Minh Vương, biểu thị bằng chữ YU (𑖧𑖲)

7 cánh hoa từ phương Bắc (bên Phải Khổng Tức Minh Vương) xoay vòng theo bên phải là 7 Đức Phật từ Tỳ Bà Thi Phật đến Thích Ca Mâu Ni Phật, đều biểu thị bằng chữ A (𑖀), riêng Ca Diếp Phật được biểu thị bằng chữ YĀ (𑖧𑖯)

Cánh hoa thứ tám ở góc Đông Bắc là Từ Thị Bồ Tát, biểu thị bằng chữ A (𑖀)

.) 4 phương bên ngoài Trung Đài Bát Diệp là 4 vị Bích Chi Phật, biểu thị bằng chữ VAḤ (𑖪𑖾)

.) Góc Đông Bắc là A Nan Đà, biểu thị bằng chữ A (𑖀)

.) Góc Đông Nam là La Hầu La, biểu thị bằng chữ LA (𑖩)

.) Góc Tây Nam là Xá Lợi Phất, biểu thị bằng chữ HE (𑖮𑖸)

.) Góc Tây Bắc là Đại Mục Kiền Liên, biểu thị bằng chữ VA (𑖪)

_Lớp thứ hai (Viện thứ hai):

Phương Đông là Đế Thích Thiên Vương, biểu thị bằng chữ Ī (𑖂), quyến thuộc là hai chữ A (𑖀)

Phương Đông Nam là Hỏa Thiên, biểu thị bằng chữ A (𑖀), quyến thuộc là hai chữ SI (𑖭𑖰)

Phương Nam là Diêm Ma Thiên Vương, biểu thị bằng chữ YAṂ (𑖧𑖽), quyến thuộc là hai chữ PI (𑖢𑖰)

Phương Tây Nam là La Sát Vương, biểu thị bằng chữ NṚ ( ), quyến thuộc là hai chữ NA ( )

Phương Tây là Thủy Thiên, biểu thị bằng chữ VA ( ), quyến thuộc là hai chữ NA ( )

Phương Tây Bắc là Phong Thiên, biểu thị bằng chữ VĀ ( ), quyến thuộc là hai chữ VĀ ( )

Phương Bắc là Đa Văn Thiên Vương, biểu thị bằng chữ VAI ( ), quyến thuộc là hai chữ YA ( )

Phương Đông Bắc là Y Xá Thiên, biểu thị bằng chữ I ( ), quyến thuộc là hai chữ YU ( )

_Lớp thứ ba (viện thứ ba)

Bốn phương, mỗi phương có 7 vị Tinh Tú, đều biểu thị bằng chữ HŪṂ ( )



孔雀經 - 曼荼羅（日本．大阪 - 松尾寺）

_Kết Giới:

Hai tay Nội Phộc, dựng hai ngón giữa như cây kim

Oṃ_ huru huru caṇḍari mataṅgi svāhā

_Tán:

Namostu buddhāya (lễ Phật)

Namostu buddhāye (Lễ Lý **Bản Giác Bồ Đề** mà Đức Phật đã chứng)

Namostu muktāya (Lễ tu được quả Niết Bàn)
Namostu muktāye (Lễ Lý Bản Lai Thanh Tịnh Niết Bàn)
Namostu śāntāya (Lễ Bồ Tát mười Địa của tùy phần giải thoát. Là người chẳng nói địa vị của mình, Người Giải Thoát Đạo Quả)
Namostu śāntāye (Lễ Bồ Tát chưa chứng Địa vị Tam Hiền Giải Thoát. Người ở Địa vị này tuy tu Tịnh Hạnh, chưa có chứng địa vị của Tịnh Pháp)
Namo vimuktāya (Lễ Đại Khổng Tước Minh Vương này)
Namo vimuktāye (Lễ Pháp Chân Ngôn bí mật của Đại Thừa mà Khổng Tước Minh Vương đã nói)

_Lễ Phật:
37 Tôn như thường
Nam mô **Thánh Khổng Tước Minh Vương** (3 lần)
Nam mô Tỳ Bà Thi Phật
Nam mô Thi Khí Phật
Nam mô Tỳ Xá Phù Phật
Nam mô Câu Lưu Tôn Phật
Nam mô Câu Na Hàm Mâu Ni Phật
Nam mô Ca Diếp Phật
Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật
Nam mô Đương Lai Hạ Sinh Di Lặc Tôn Phật
Nam mô **Ba la đề khế**
Nam mô A Nan Đà
Nam mô La Hầu La
Nam mô Xá Lợi Phất
Nam mô Đại Mục Kiền Liên
Nam mô Tu Bồ Đề (tùy việc thì có câu này. Khi cầu mưa thì thêm vào)

_Bộ Mẫu gia trì (Phật Nhãn)

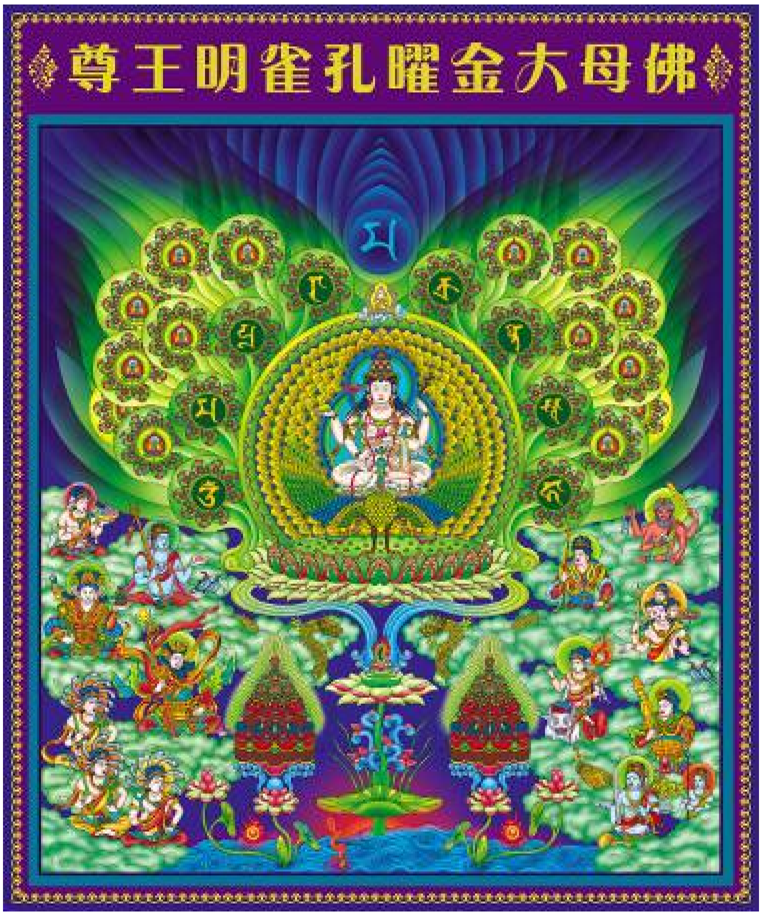
_Bản Tôn gia trì
Oṃ_ mayūra krānte svāhā
Oṃ _ mayūra krānte bhrūṃ svāhā

_ Nhập Ngã Ngã nhập:
Kết Định Ấn quán: trên trái tim của Ta có chữ A (अ), thành vành trăng, trên vành trăng có chữ Hrīḥ (ह्रीः) biến thành hoa sen, trên hoa có chữ Vaṃ (वं) biến thành đuôi chim công, đuôi chim công liền biến thành Khổng Tước Minh Vương, tướng tốt viên mãn, vô lượng quyến thuộc đều trụ, cùng đối mặt với Ta, Bản Tôn nhập vào thân ta gia trì ta, ta nhập vào thân Bản Tôn, quy y Bản Tôn, Bản Tôn và Ta bình đẳng không có hai, là nghĩa biểu thị cho Bản Tích, có Quán của gia trì Quy Y

_Phát Nguyện:
Chí Tâm phát Nguyện
Nguyện xin **Đại Nhật**
Bản Tôn Giới Hội
Đại Khổng Tước Minh Vương
Bảy Phật, **Từ Thị**

Chư Phật, Bồ Tát
Nhóm **A Nan Đà**
Các chúng Hiền Thánh
Giới Hội hai Bộ
Chư Tôn, chúng Thánh
Ngoại Kim Cương Bộ
Kim Cương Thiên Vương
Mỗi đều hoàn niệm
Bản Thệ **Từ Bi**
Đều đến tập Hội
Gia trì hộ niệm
Hộ trì Thánh Vương
Trợ giúp cho con
_Người ác, oan gia
Niệm oán, ganh ghét
Yểm Mỵ, Chú Trớ
Tâm ác tiêu diệt
_Ác Linh, Tà khí
Oán địch ba đời
Chấp dính Tâm giận
Ma ác, **gây Chướng** (Vinayāka:Tỳ Na Dạ Ca)
Thảy đều tồi diệt
Thảy đều tiêu tan
_Trời lay, đất động
Mộng ác, quái dị
Dấu hiệu việc ác
Đột nhiên tiêu diệt
_Năm, tháng, ngày, giờ
Lý vận, ách hại
Chết không đúng thời
Nạn lạ đáng sợ
Cho đến tất cả
Việc ác chẳng lành
Mau lìa, giải thoát
Bỏ đi phương khác
_Bản Tôn Giới Hội
Thù thắng linh nghiệm
Chân Ngôn, Pháp Lạc
Gia trì huân tu
Xông vào thân con
Thân con an ổn
Tăng trưởng tuổi thọ
Thường nhận khoái lạc
Vô biên Ước Nguyện
Quyết định thành tựu
Quyết định viên mãn

_Tán:
Namostu buddhāya
Namostu buddhāye
Namostu muktāya
Namostu muktāye
Namostu śāntāya
Namostu śāntāye
Namo vimuktāya
Namo vimuktāye
_ Các bậc có Tịnh Hạnh
Hay trừ các nghiệp ác
Kính lễ nhóm như vậy
Thường vệ hộ cho con.
_ Nếu gặp việc đáng sợ
Tất cả thời não loạn
Cùng với thời tai hại
Nhóm bệnh tật, biến quái
Với bị trúng chất độc
Thời chẳng có lợi ích
Giúp con với quyến thuộc
Không bệnh, sống trăm năm



ĐẠI NGUYÊN SOÁI MINH VƯƠNG

Đại Nguyên Soái Minh Vương, tên Phạn là Āṭavaka, dịch âm là A Tra Bà Câu, hay A Tra Bạc Câu. Dịch Ý là Khoáng Dã Quỷ Thần Đại Tướng hay Lâm Dã Khoáng Dã Quỷ Thần, hoặc Vô Tỷ Lực Đẳng… là Tổng Soái của **Minh Vương Bộ** (Vidya-rāja-kulāya)

Bản Tính của vị Minh Vương này rất ư dũng mãnh quả cảm. Theo truyền thuyết thì Bản Thể của Ngài là **Đại Nhật** (Vairocana), **Thích Ca** (Śākyamuṇi), **Quán Âm** (Avalokiteśvara), **Vô Tận Ý** (Akṣaya-mati) với **Hư Không Tạng** (Ākāśa-garbha)… chủ yếu là Hợp Thể của Phật và Bồ Tát nên Uy Lực ấy cực to lớn không có gì sánh được



_**A Tra Bạc Câu Nguyên Soái Đại Tướng Thượng Phật Đà La Ni Kinh Tu Hành Nghi Quỹ**, **quyển Thượng** ghi chép rằng: "Khi Đức Phật Thích Ca nhập diệt thời có một vị Trưởng Giả tên là **Ly Xa** bị Ma Quỷ gây nhiễu loạn, nên từ xa cầu thỉnh Đức Phật Đà cứu giúp. Đức Phật sai **A Nan** (Ānanda) trì **Phật Đỉnh Chú** đi đến vứu viện. A Nan đến nhà Trưởng Lão gia trì Chú khiến Quỷ Thần lui tan. Nhưng Quỷ Thần lại lui về **hàn Lâm** (khu rừng để thây người chết) não loạn A Nan. Thời có một vị Thần tên là **A Tra Bạc Câu Nguyên Soái** (Āvaṭaka) hiện tướng sân nộ, triệu tập Quỷ Thần của tám Bộ đến chỗ của Phật nhận sự giao phó của Đức Phật, thủ Hộ Phật Pháp, sau đó thành **Đại Nguyên Soái Minh Vương**"

_Kinh **A Tra Bà Câu Nguyên Soái Nghi Quỹ** ghi chép rằng: "Khi Đức Phật sắp nhập diệt thời có một vị Đại Tướng Quân tên là **A Tra Bạc Câu Nguyên Soái** phát Tâm sân nộ. Các hàng Trời, Rồng, A Tu La, Quỷ Thần của tám Bộ, bốn vị Đại Thiên Vương, Dược Xoa Đại Tướng của hai mươi tám Bộ với La Sát Vương của hai mươi

bốn Bộ… đề cử **Mãn Thiện** dẫn đầu, phát ra lời Thề như sau: “Một lòng hợp lực giữ gìn Pháp Tạng của Phật với thủ hộ tất cả chúng sinh, trừ dứt các sự đau thương phiền não để ngày đêm cùng nhau an ổn”.

Đây tức là Nguyên Soái Minh Vương, cho nên xưng gọi Ngài là Tổng Soái của tất cả loại Trời, Rồng, Quỷ Thần, Dược Xoa

HÌNH TƯỢNG CỦA ĐẠI NGUYÊN SOÁI MINH VƯƠNG

Hình Tượng của Đại Nguyên Soái Minh Vương có nhiều loại: Tượng một mặt bốn cánh tay, tượng một mặt sáu cáng tay, tượng 4 mặt tám cánh tay, tượng sáu mặt tám cánh tay, tượng 18 mặt 36 cánh tay...Tượng rất dũng mãnh, người nhìn thấy đều có cảm giác đáng sợ.

_Kinh **A Tra Bà Câu Quỷ Thần Đại Tướng Thượng Phật Đà La Ni** ghi chép rằng: “Vẽ **A Tra Bà Câu** Nguyên Soái, thân màu xanh đen, cao sáu thước, bốn mặt. Mặt ngay phía trước làm mặt Phật. Mặt bên trái có nanh cọp giao nhau, ba mắt, mắt đỏ như máu. Mặt bên phải làm mặt Thần, tướng giận dữ cũng có ba mắt, nanh cọp giao nhau, hai bên an nha phát (tóc nhọn). Một mặt trên đầu làm tướng ác, cũng có ba mắt, nanh cọp giao nhau, mắt đỏ như màu máu, phần cao nhất trên đầu dùng Rồng đỏ cột buộc tóc, rực lửa bốc cao trên đảnh, vòng đeo tai là rắn, cổ có rắn quấn quanh.

Thân có tám tay. Bên trái: tay bên trên cầm bánh xe (Luân), tay thứ hai cầm cây giáo (Sóc), tay thứ ba cùng với tay thứ ba bên phải để ngay phía trước làm Ấn cúng dường, tay bên dưới cầm sợi dây (Sách). Bên phải: tay bên trên cầm Bạt Chiết La (Vajra), tay thứ hai cầm cây gậy (Bổng), tay thứ ba tác Ấn cài chéo, tay bên dưới cầm cây Đao. Trên lóng tay, cổ tay, cánh tay đều có rắn quấn.

Thân áo giáp có bảy báu giao chéo nhau, trên bắp tay đều có Rồng quấn nhau rũ xuống hiện trước ngực lộ ra ba mặt màu đỏ vàng, hai mắt, ngậm miệng…. hai mặt trái phải bên trên đều có màu xanh đậm. Mặt bên trên màu trắng vàng, mặt bên trái màu trắng, mặt bên phải màu đen đỏ, mặt phía trước màu trắng xanh. Tay đều màu xanh dùng da đầu con voi quấn bám xéo cẳng chân, chân đạp lên hai Dạ Xoa màu đen. Vị Thần ấy làm tướng cực ác, dạng mạnh bạo đáng sợ. Làm như hình phấn tấn lúc trước



_Tôn Tượng một mặt sáu cánh tay



_Tôn Tượng ba mặt sáu cánh tay



_Tôn Tượng bốn mặt tám cánh tay



_ Tôn tượng 6 mặt 8 cánh tay



_ Tôn tượng 18 mặt 36 cánh tay





_ Thần Chú Cứu Hộ:

*) **Duru mi, duru mi, dhami dhami, dhuru mi, dhuru mi, dhuru mi, dhuru mi, duru mili, nili nili nili, nala nala nala, nili nili nili nili, nalanupulini, duluchanāṃ dulichanāṃ, kuṭanāṃ kuṭanāṃ, mahā-kuṭanāṃ kuṭanāṃ, taṭanāṃ mahā-taṭanāṃ, taṭanāṃ, ṭaṭa ṭaṭa, mahā-ṭaṭa ṭaṭa, abhi abhi, mahā-abhi, abhili abhili, mahā-abhili abhili, apa-abhi apa-abhi apa-abhi, luśi luśi mahā-luśi luśi, lini lini mahā-lini, śulu śulu mahā-śulu śulu, kulu kulu mahā-kulu kulu, lukumu lukumu lukumu lukumu, kuma kuma kuma kuma, śili śili śili śili, iṭi iṭi iṭi iṭi, viṭi viṭi viṭi viṭi, hala hala hala hala, śini śini śini śini, śune śune śune śune, hini hini hini hini, hana hana hana hana, maṇi maṇi maṇi maṇi, mahā-maṇi maṇi, sala sala sala sala, śrī kuru, akarṣa, sina sina sina sina, mosa bhana mokṣaka dhuka muṇi, kamala kamala kamala, jakṭitaja, śama dhama śama dhama, yama dhama yama dhama, śama mukta miti, nabhala dhuna me, puruṣa dhama muṇi, nabhi dhuna me, tuja dhuta muṇi, nabhi dhuna me, svāhā**

Đà La Ni Cú này vì tất cả chúng sanh làm cứu giúp hộ trì người đó thảy đều khiến được an ổn tịch tịnh, xa lìa suy não, diệt các ác độc, lìa các khổ não. Nạn vua chúa, nạn giặc, nạn ganh ghét… Hoặc Trời, Rồng, Quỷ Thần, La Sát, Dạ Xoa, Cưu Bàn Trà, Phục Đa Na, A Bạt Mạt La, Khư Khuất Đà….Như vậy các thứ xúc não, xâm tổn đều được trừ diệt, cũng trừ khỏi tất cả các độc của Thế Gian.

Hoặc cỏ, hoặc cây, rễ cây, hoa quả, áo quần, đồ ăn uống, các vật của Thế Gian với trùng, chim, cầm thú, các Rồng làm độc ác hại người …tất khiến tiêu hoại, không thể làm ác.

_Thần Chú Thủ Hộ:

*) **Akṣa akṣa, maṇi maṇi, mahā-maṇi maṇi, anuṇiśuśu, mahā-nāgaśuśu, duḥkhanaci aho, akhanaṭi atanaṭi, aṭa aṭa aṭa, naṭa naṭa, ludu ludu ludu, śuśu dulu, śini śini śini śini, ukuma kuma kuma kuma, śili śili śili śilini, nili nili mahā-nili, svāhā**

Đà La Ni này vì người thọ trì đọc tụng, làm ủng hộ.

Nếu có Quỷ ăn tinh khí người, hoặc lấy tài sản, làm hao tài vật. Như vậy tất cả các sợ hãi đều vì kết Giới. *"Nay vì cả nhà của người (họ tên….) vô lượng làm đại ủng hộ"*

_Thần Chú phòng hộ các Ác:

*) **Lumo lumo, luma luma luma, śili śili śili śili śili, kuna kuna kuna kuna kuna kuna, kuno kuno kuno, kulu kulu kulu kulu, śulu śulu śulu śulu śulu, śili muśu, muśili muśili muśili muśili, śumo śumo śumo, śuma śumiti, mamise, ma atikala, mitu, svāhā**

Nếu có Thiện Nam Tử, Thiện Nữ Nhân tụng Chú này thì tất cả hàng Trời, Rồng, A Tu La, các Quỷ Thần ác, Người, Phi Nhân thảy đều tuỳ theo ủng hộ, không cho gặp ác.

_Nếu dùng Minh Vương này làm Chủ Tôn để tu trì thì gọi là **Tu Thờ Đại Nguyện Pháp** hoặc xưng là **Đại Nguyên Soái Tu Pháp**. Pháp này là một Đại Pháp để trấn giữ nước nhà, hoặc cầu mưa, giáng phục quân địch, trừ khử giặc cướp với Thiên Tai…

THANH DIỆN KIM CƯƠNG

Thanh Diện Kim Cương, tên Phạn là Nīla-mukha, là vị **Thần Dược Xoa** (Yakṣa) Lại xưng là Đại Thanh Diện Kim Cương, Thanh Sắc Đại Kim Cương Dược Xoa



Đà La Ni Tập Kinh, quyển 9_ Đại Thanh Diện Kim Cương Chú Pháp ghi nhận là: "Hình tượng ấy có thân màu xanh có bốn cánh tay. Tay trái bên trên cầm Tam Cổ Xoa, tay trái bên dưới cầm cây Bổng (cây côn), tay phải bên trên nâng một bánh xe, tay phải bên dưới cầm sợi dây. Miệnh há lớn, nanh chó hướng lên trên, ba mắt đỏ như máu, đỉnh đầu đội cái đầu lâu, tóc dựng đứng như màu lửa rực, cổ quấn con rắn lớn, hai bắp tay đều có một con Rồng nghiêng rũ xuống, hai đầu Rồng hướng vào nhau. Eo lưng cột hai con rắn đỏ lớn. Trên hai chân, cổ tay cũng có con rắn đỏ lớn quấn quanh. Trên cây bổng cũng có rắn quấn. Dùng da cọp làm quần, dưới bàn chân đều đè lên một con Quỷ. Hai bên Tượng ấy đều có một Đồng Tử mặc áo xanh, tóc rẽ qua hai bên, tay cầm lò hương"



当山本尊、大青面金剛御前立

_Tôn Tượng có sáu cánh tay là:





_ Đại Chú là:

Namo ratna-trayāya

Namo ścaṇḍa-vajra-pāṇāye

Namo Nīlāmbara-vajra-pāṇi- mahā-yakṣa-senāpataye

Tadyathā: Gāṅganid-deva lokebhyo buddha-koṭi nayuta śata-sahasra, anujñāta vikṛta, daṃṣṭra karāla rūpin, ugra-darśana-kara, ghora nāgaya vāṣuki vibhūṣita-kara, nāgaya- kṣitaye, jñopavītaya, jvalita vaśaṃ, gośīrṣa-makuṭa-dhara, saṃkuñcita go-karṇa taṭa taṭaye, dṛśi-sattā, dahana ruṣṭa kṛtānta-rūpaya, vidyu-jihva, mahodara nāyaka bhakṣaṇa, trailokya bhayān kāraya, svana-kāya, miti-kāraya, gaṅganid-deva-lokebhyo vṛtti bhāgya-vṛtti, bhūṣita buddhyāvartāya saukhya

Tadyathā: Hūṃ hūṃ hūṃ, phaṭ phaṭ phaṭ_ Nāga vetala naya phaṭ _ daka-ūrdha-naya phaṭ_ Nīlaṃ vāsara-naya phaṭ_ Hū loman hāniya phaṭ_ kuṃbhaṇḍa ūrdha-naya, phaṭ_vṛta-piśāca nāśanaya phaṭ _ yakṣa-piśāca nāśanaya phaṭ_hūṃ hūṃ hūṃ phaṭ phaṭ phaṭ_ apratihata-bala trailokya bhayān-kara, ścaṇḍa-vajrapāṇayer-ājñāpayati svāhā

Thọ trì Chú này, ở **ba thất** (21 ngày), ngày Trai Giới tinh khiết, dùng nước nóng thơm tắm gội, mặc áo mới sạch, tịnh trì **một thất** (7 ngày) dùng phân bò lấy được, chưng cất trừ bỏ mùi hôi thối. Lại chưng cất xong, hòa với bùn đất màu vàng, xoa bôi làm Đàn.

Đàn ấy dài rộng **một trượng hai thước** (4 m), hoặc làm cây phan **một trượng sáu** (16/3 m), đen y theo đồ hình, làm tòa ngồi năm màu. Lại y theo **Đồ Pháp** (pháp tô vẽ) dùng phấn năm màu an bày trên đất của Đàn.

Làm Đàn này xong, ngồi ở phía Tây Nam của Đàn, hướng mặt về phương Đông Bắc, chí Tâm tụng Chú, ngày riêng sáu Thời đều 120 biến. Tụng đủ 21 ngày, nhiễu quanh Đàn hành Đạo

Tụng Chú đủ hạn, đầy đủ biến số xong, sau đó chữa trị bệnh, vạn điều chẳng mất một. Tụng đến một ngàn biến thì mưa dầm rất nhiều. Ngừng sấm, gió, mưa thì tức thời liền định. Tụng đến một ngàn biến ở trên cây đao lớn thì máu tươi tuôn ra, Chú vào cây đao một ngàn biến xong, cầm cây đao chỉ vào mây thì trong mây tuôn máu xuống. Chú vào cái cây một ngàn biến thì cái cây có hoa quả.

Nếu ở núi vắng, khi đi một mình. Nếu bị Sơn Tinh, Lão My, cọp, beo, sư tử, gấu, voi...Nhóm thú như vậy gây não loạn thời đều tụng Chú này, dùng tay chỉ vào thì hết thảy đều chịu giáng phục, chẳng dám gây hại….

_Tâm Chú:

Bhātitā mahā-mahā ru, uhu uhu, ra, āttu, ṭate svāhā

Ở nhà người bệnh, bắt đầu muốn chữa bệnh. Tụng Chú, trước tiên cần thỉnh Dược Xoa ở năm phương. Thoạt tiên thỉnh phương Đông làm đầu, cần thỉnh **Đông Phương Thanh Đế Dược Xoa**, thân dài **ba trượng sáu thước** (12 m), miệng phun khí màu xanh kèm các quyến thuộc vào bên trong cái thất này. Đàn thì nói bên trong Đàn, nhà thì nói bên trong nhà...ngoài ra dựa theo điều này. Nên ở góc Đông Bắc của Đàn, dựng thân hình của Dược Xoa.

KIM CƯƠNG ĐỒNG TỬ

Kim Cương Đồng Tử, tên Phạn là **Vajra-kumāra** là **Hóa Thân** (Nirmāṇa-kāya) của Đức Phật **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus-buddha) ở phương Tây, hiện hình Đồng Tử giận dữ, tay cầm chày Kim Cương…

Kim Cương Đồng Tử lại có tên Phạn là **Kaṇi-krodha**, lại xưng là **Kim Cương Nhi** là Tôn thứ năm trong Kim Cương Thủ Viện của Thai Tạng Giới Man Đa La, là Hóa Thân của Đức Phật A Di Đà, hoặc là Tôn đồng thể với **Ô Sô Sa Ma Minh Vương** (Ucchuṣma-vidya-rāja)

_Kinh **Thánh Ca Nễ Phẫn Nộ Kim Cương Đồng Tử Bồ Tát Thành Tựu Nghi Quỹ, quyển thượng** nói rằng: "Kim Cương Đồng Tử là Hóa Thân của **Kim Cương Tát Đỏa** (Vajra-satva)". Do vậy, sau này bậc Đại A Xà Lê hoặc y theo đây nói Pháp, rồi đem Tôn này đặt thêm vào trong Mạn Trà La của Kim Cương Tát Đỏa





HÌNH TƯỢNG CỦA KIM CƯƠNG ĐỒNG TỬ

Tôn này ở trong các Nghi Quỹ có nhiều loại hình tượng. Thân màu vàng thì xưng là **Hoàng Đồng Tử** (Hóa thân của Đức Phật A Di Đà), thân màu xanh thì xưng là **Thanh Đồng Tử** (Hóa thân của Kim Cương Tát Đỏa). Riêng thân có màu Phệ Lưu Ly, ba mặt sáu cánh tay...thì xưng là **Thanh Đồng Tử**



_**Đại Phẫn Nộ Kim Cương Đồng Tử Niệm Tụng Du Già Pháp** ghi nhận là:
"Tiếp vẽ tượng Bản Tôn
Dài một thước năm tấc (5/3 dm)
Làm thế đứng chữ Đinh (丁)
Chân đạp hoa sen xanh
Thân làm màu mây vàng
Tóc đỏ dựng quấn rối
Mọi thứ, các Anh Lạc
Vòng, Xuyến dùng nghiêm thân
Dùng da cọp che háng
Tả (tay trái) cầm **Bạt Chiết La** (Vajra:Chày Kim Cương)
Hữu hạ (tay phải rũ xuống) Thí Vô Úy"
Nên làm hình cực tấn"



_Kinh **Thánh Ca Nễ Phẫn Nộ Kim Cương Đồng Tử Bồ Tát Thành Tựu Nghi Quỹ, quyển Thượng** ghi nhận là:

"Thân Bồ Tát có các Anh lạc trang nghiêm, thân như màu lửa, chung quanh trên thân lửa cháy rựa rỡ, tay phải dùng chày Kim Cương dơ tay lên trên, tay dưới tác Thí nguyện ấn"



_Kinh **Thánh Ca Nễ Phẫn Nộ Kim Cương Đồng Tử Bồ Tát Thành Tựu Nghi Quỹ, quyển Thượng** lại ghi nhận là:

"Thân từ biển vọt lên đứng nơi biển, thân như Phệ Lưu Ly, thân có 06 tay, bắp tay nổi vòng tướng đầy đủ mặt có ba mắt màu đỏ, đầu đội mão báu, răng trên nhe ra, miệng bặm nhăn mày, nơi biên vẽ một hòn núi bám chân trái tượng đạp nơi núi trên núi có hoa sen đỏ; chân phải để ở trong biển, sóng lên đến gối; tay phải thứ nhất cầm Đề Lợi Thương Câu Kim Cương chùy như sắp ném, tay thứ nhì cầm gậy Mẫu sa ra cây gậy một đầu hình chày bằng sắt, tay thứ ba cầm phủ việt. Tay trái thứ nhất cầm gậy, tay thứ nhì kết Kim Cương quyền duỗi ngón trỏ, tay thứ ba cầm kiếm. Dùng một con rắn lớn quấn nơi eo ba vòng, lại dùng các loại rắn độc trang nghiêm làm vòng xuyến …v…v… chung quanh thân lửa cháy rực rỡ ngoài vòng lửa có mây, chớp …"



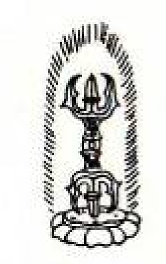
_ Tại Kim Cương Thủ Viện trong Thai Tạng Giới Man Đa La thì Kim Cương Đồng Tử có thân màu thịt, hiện hình phẫn nộ, duỗi giương hai cánh tay, tay trái cầm chày Kim Cương, vai phải có hiện bày 7 Đức Phật, tay phải hướng xuống dưới kết Thí Vô Úy Ấn, hai chân dẫm đạp trên hoa sen, dơ cao bàn chân phải, đầu có hào quang, tóc dựng lên trên như dạng lửa rực



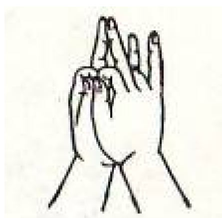
Mật Hiệu là: **Sự Nghiệp Kim Cương**
Chữ chủng tử là: HÙM ()



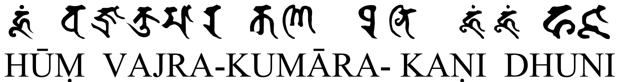
Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ



Tướng Ấn là: **Phẫn Nộ Tâm Mật Ấn.** Chắp hai tay lại giữa rỗng , co ngón vô danh và ngón trỏ vào trong lòng bàn tay, kèm dựng ngón cái đè bên cạnh ngón trỏ, dựng thẳng hai ngón út như răng nanh



Chân Ngôn là:



HŪṂ VAJRA-KUMĀRA- KAṆI DHUNI HŪṂ HŪṂ PHAṬ



_Kim Cương Đồng Tử Đại Thân Chân Ngôn là:

NAMO RATNA-TRAYĀYA
NAMAḤ ŚCAṆḌA VAJRA-PĀṆAYE   MAHĀ-YAKṢA-SENAPATAYE
TADYATHĀ: OṂ_ KAṆI DHUNI HŪṂ PHAṬ_ SVĀHĀ

_ Kim Cương Đồng Tử Tùy Tâm Chân Ngôn là:

NAMO RATNA-TRAYĀYA
NAMAḤ ŚCAṆḌA VAJRA-KUMĀRA
OṂ_ KAṆI DHUNI HŪṂ HŪṂ PHAṬ PHAṬ SVĀHĀ

Trong **Đàn Mật** thì hai Tôn **Hoàng Kim Cương Đồng Tử** và **Thanh Kim Cương Đồng Tử** được xem như nhau. Hai Đồng Tử này đều tỏa ánh lửa rất rực rỡ như vành mặt trời, có Thần Lực giáng phục Thiên Ma Quỷ Thần rất là lớn không có gì sánh bằng

Dùng Đồng Tử này làm Chủ Thể trong Đàn Mật để thờ phụng và tu hành thì xưng là **Kim Cương Đồng Tử**. Mục đích chủ yếu của Pháp này có thể thỏa mãn nhiều ước nguyện, được các Công Đức như Tức Tai, Điều Phục….khi tu thời có thể được hiện tướng Tất Địa, hiện thân **Kim Cương Nhi** (con nít), thấy chư Phật, được tài bảo, trừ sợ hãi, được các Công Đức của nhóm Văn Trì

MẬT TẬP KIM CƯƠNG

Mật Tập Kim Cương cũng xưng là **Mật Tụ Kim Cương**, tên Phạn là **Guhya-samāya**, dịch âm là **Cổ Hòa Tát Mã Trát**, tên Tây Tạng là **Gsang-vdus**, dịch âm là **Tang Đốn Đa Kiệt**, ý nghĩa là sự kết hợp bí mật, hoặc Thể tập hợp bí mật, nguyên từ **Phụ Tục** của **Vô Thượng Du Già Bộ**.

Mật Tập Kim Cương (Guhya-samāja-vajra) là một trong năm Đại Bản Tôn mà Tạng Truyền Phật Giáo tu tập quán tưởng, là một trong ba Đại Bản Tôn của Phái **Cách Lỗ**, là một trong những Bản Tôn chủ yếu thuộc về **Phụ Tục** trong **Vô Thượng Du Già Bộ** cùng với **Hỷ Kim Cương** (Śrī-hevajra), **Thời Luân Kim Cương** (Kālacakra-vajra), **Thắng Lạc Kim Cương** (Cakra-saṃvara), **Đại Uy Đức Kim Cương** (Yamāntaka, hay Vajra-bhairava) hợp thành **Ngũ Bộ Kim Cương Đại Pháp**. Là vua của **Vô Thượng Mật Phụ Tục**, là Bản Tôn của Dịch Sư **Mã Nhĩ Ba** (Marpa), cũng là vị Thần Thủ Hộ của Đại Sư **Tông Khách Ba** (Tsoṅ-kha-pa) người khai sáng phái **Cách Lỗ** (Gelug)

_Hình tượng của Mật Tập Kim Cương tùy theo các dòng truyền thừa có nhiều dạng khác nhau và Pháp Khí cầm trong tay cũng chẳng giống nhau như:

.)**Mật Tập Văn Thù Kim Cương** (Guhya-samāja-mañju-vajra) có màu hồng đỏ (màu hoa hồng của Tây Tạng)



.)**Mật Tập Bất Động Kim Cương** (Guhya-samāja-akṣobhya-vajra) có màu xanh lam



Mật Tập Bất Động Kim Cương có thân màu xanh lam, ba đầu sáu cánh tay, đầu đội mão năm cái lá. Bên phải: tay bên trên cầm **Pháp Luân**, tay kế tiếp cầm **hoa sen**. Bên trái: tay bên trên cầm **viên ngọc Ma Ni phun ra lửa**, tay kế tiếp cầm **cây gậy báu**, ngồi Kiết Già trên tòa báu hoa sen. Hai tay ở giữa thì tay phải cầm **chày Kim Cương**, tay trái cầm **chuông Kim Cương** đồng thời ôm ấp tiếp chạm **Kim Cương Phật Mẫu** thân màu xanh có ba đầu sáu cánh tay, Pháp Khí cầm trong tay đều tương đồng với **Phật Phụ** biểu thị tổng nhiếp Đại Pháp của năm Bộ. Hai Tôn này dùng tướng **Đại Lạc Song Vận** an trụ.

_Ý nghĩa của hình tượng này là:

.)Thân màu xanh lam biểu thị cho Chân Lý tối cao của Phật Giáo

.)Ba cái đầu tượng trưng cho ba Công Đức hoặc ba Thân:

Đầu ở giữa màu xanh lam tượng trưng cho Công Đức của **Từ Bi** (hoặc biểu thị cho Pháp Thân)

Đầu bên phải màu trắng tượng trưng cho Công Đức của **Giáng Ma** (hoặc biểu thị cho BáoThân)

Đầu bên trái màu hồng tượng trưng cho Công Đức của **Tức Tai** (hoặc biểu thị cho Hóa Thân)

.)Mỗi mặt có ba con mắt biểu thị cho sự quán chiếu **quá khứ, hiện tại, vị lai**

.)Đầu đội mão năm cái lá biểu thị cho năm Đức Phật hoặc năm vị Bồ Tát

.)Pháp Khí trong sáu bàn tay:

Hai tay ở giữa: tay phải cầm **chày Kim Cương**, tay trái cầm **chuông Kim Cương** tượng trưng cho sự thành tựu **Phương Tiện** và **Trí Tuệ** đồng thời biểu thị cho **Đại Viên Kính Trí** (Adarśa-jñāna) của **Kim Cương Bộ** (Vajra-kulāya) và **Bất Động Phật** (Akṣobhya-buddha)

Tay phải bên trên cầm Pháp Luân tượng trưng cho **Pháp Luân thường chuyển**, đồng thời biểu thị cho **Pháp Giới Thể Tính Trí** (Dharma-dhātu-parakṛti-jñāna) của **Phật Bộ** (Buddha-kulāya) và **Đại Nhật Phật** (Vairocana-buddha)

Tay phải kế tiếp cầm hoa sen tượng trưng cho Trí Tuệ thanh tịnh, đồng thời biểu thị cho **Diệu Quán Sát Trí** (Pratyevakṣana-jñāna) của **Liên Hoa Bộ** (Padma-kulāya) và **A Đi Đà Phật** (Amitābha-buddha)

Tay trái bên trên cầm viên ngọc Ma Ni phun ra lửa tượng trưng cho mọi sự mong cầu đều như nguyện, đồng thời biểu thị cho **Bình Đẳng Tính Trí** (Samatā-jñāna) của **Bảo Bộ** (Ratna-kulāya) và **Bảo Sinh Phật** (Ratna-saṃbhava-buddha)

Tay trái bên dưới cầm cây gậy báu tượng trưng cho sự cắt đứt tất cả Vô Minh đồng thời biểu thị cho **Thành Sở Tác Trí** (Kṛtya-muṣṭhāna-jñāna) của **Yết Ma Bộ** (Karma-kulāya) và **Bất Không Thành Tựu Phật** (Amogha-siddhi-buddha)

_Mật Tập Kim Cương Thần Chú là:

OṂ_ ĀḤ VAJRA-DHṚK HŪṂ, HŪṂ PHAṬ

_Theo Tạng Truyền Phật Giáo thì tu tập **Mật Tập Kim Cương Pháp** có thể khiến cho con người đem năm độc **tham, sân, si, mạn, nghi** chuyển hóa thành năm Trí của năm Đức Phật

BỐ ÚY KIM CƯƠNG

Bố Úy Kim Cương tên Phạn là **Vajra-bhairava**, cũng có thể gọi thẳng là Bhairava, đây là một tên gọi khác của **Đại Uy Đức Kim Cương** (Yamāntaka), dịch âm là **Diệm Man Đắc Ca**. Lại được xưng là **Ngưu Đầu Minh Vương, Đại Uy Đức Minh Vương**.

Trong Ấn Độ Giáo, vị Thần Minh chủ quản sự tử vong là **Yama**, còn **Antaka** có ý nghĩa là kết thúc cuối cùng, cho nên **Yama+ antaka** thành **Yamāntaka** với ý nghĩa là người cuối cùng kết thúc sự tử vong.

Yamāntaka hay Diệm Man Đắc Ca còn có một danh hiệu Phạn là **Śri-bhagavan-yamāntaka** ý là **Thánh Bồi Lô**, người chinh phục sự tử vong. Trong đó **Śrī** là Thần Thánh, **Bhagavan** là khiến người sợ sệt, khiến người sợ hãi, ý của sự bi thảm, cũng là tên gọi Hóa Thân **Bồi Lô** của vị Thần **Thấp Bà** (Śiva). Vị này dùng chày Kim Cương làm vũ khí, cho nên được xưng là **Bố Úy Kim Cương** (Vajra-bhairava) hoặc **Cát Tường Đại Kim Cương Bố Úy Tôn** (Śrī-vajra-bhairava). Do vị này hay giáng phục Ma ác cho nên xưng là **Đại Uy**, lại có công hộ giữ điều tốt lành cho nên lại xưng là **Đại Đức**

Mật Tông Giáo Pháp nói rằng: "Có thể phục ác nên nói là Đại Uy, có công hộ thiện nên nói là Đại Đức. Đại Uy Đại Đức cho nên gọi là Đại Uy Đức, Đại Bố Úy Kim Cương, là Hóa Thân của Văn Thù Bồ Tát, Phật Giáo nhận định là có thể dùng khí thế hung bạo uy mãnh để nhiếp phục tất cả Ma Chướng…."

Hệ **Đông Mật** của Nhật Bản ghi nhận Tôn này là Hóa Thân của Đức **Phật A Di Đà** (Amitābha-buddha).

Hệ **Tạng Mật** ghi nhận Tôn này là Hóa Thân của **Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát** (Mañjuśrī-bodhisatva) hoặc là tướng Phẫn Nộ của Văn Thù Bồ Tát thuộc **Giáo Lệnh Luân Thân**, là căn bản của sự nghiệp. Do Văn Thù Sư Lợi là Bản Tôn của Đại Sư **Tông Khách Ba** (Tsoṅ-kha-pa) nên Phái **Cách Lỗ** (Gelug) đặc biệt rất tôn sùng Tôn này, đồng thời ghi nhận ba Tôn: Đại Uy Đức Kim Cương, Thắng Lạc Kim Cương với Mật Tập Kim Cương là các Bản Tôn chủ yếu

Hình tượng của **Bố Úy Kim Cương** (hay Đại Uy Đức Kim Cương) có hai dạng chủ yếu là tượng **Đon Thân** và tượng **Song Thân**

.)Tượng **Đơn Thân:**

Tôn Tượng **có** 9 khuôn mặt, 34 tay, 16 chân, co bên phải co, duỗi bên trái, cuốn dựng đầu lưỡi, nanh dài hung ác đáng sợ, lộ răng, trán dồ, tóc đỏ dựng đứng, râu lông mày như lửa, đội mão năm đầu lâu, dùng 50 cái đầu người còn tươi làm vòng hoa đeo ở cổ, dùng rắn màu đen quấn quanh nách**,** bánh xe xương (cốt luân), vật trang sức bằng xương (cốt sức)

Mặt chính là mặt con trâu có hai cái sừng bén nhọn rất ư phẫn nộ, hai tay ôm Minh Phi **La Lãng Tạp Khê** (Đời Đường dịch là Xác chết đứng dậy), các bàn tay còn lại kết **Kỳ Khắc Ấn** đều cầm Pháp Khí.

16 bàn chân đạp lên: người, trâu, bò, lừa, lạc đà, chó, dê, cáo, chim thứu, chim kiêu, chim Anh Vũ, chim ưng, chim bằng, con công, con gà, chim hồng hạc… kèm đạp trụ trên Thiên Chúng của nhóm Phạm Thiên, Đế Thích, Thiên Nhập Thiên, Đại Tự Tại Thiên, Lục Diện Đồng Thiên, Tà Dẫn Thiên, Nguyệt Thiên, Nhật Thiên



.)Chín khuôn mặt của Đại Uy Đức Minh Vương biểu trưng cho 9 Bộ Khế Kinh của Đại Thừa

.)Tóc dựng đứng biểu thị cho ý tưởng hướng đến **Phật Địa** (Buddha-bhūmi)

.)Hai cái sừng bén nhọn biểu thị cho **Thắng Đế** và **Tục Đế**

.) 34 tay cầm Pháp Khí:

-Hai tay ở giữa: tay phải cầm cây **Nguyệt Đao** biểu thị cho sự đoạn trừ nghiệp ác với mọi Kiến Giải sai lầm, tay trái cầm cái bát đầu lâu (Kapāla) biểu thị cho sức mạnh Giác Ngộ có thể khắc phục được sự chết chóc. Hai tay này tượng trưng cho sự kết hợp của **Phương Tiện** (Upāya) và **Trí Tuệ** (Prajña) có thể chiến thắng mọi niệm hư vọng của Thế Gian

-16 tay bên phải:

Tay cầm da voi: biểu thị cho sự xé nát mọi niệm hư vọng

Tay cầm móc câu: biểu thị cho sự chế ngự các Nghiệp ác, giúp cho chúng sinh vượt thoát biển luân hồi

Tay cầm cây gậy xương người: biểu thị cho sự tử vong của nghiệp lực và vạn tượng đều trống rỗng

Tay cầm cây gậy Kim Cương đầu người: biểu thị cho Giáo Pháp của Phật Đà

Tay cầm cái phi tiêu: biểu thị cho sự đoạn trừ ba độc **Tham Sân Si**

Tay cầm cây giáo: biểu thị cho Trí Tuệ khắc phục được **thân miệng ý**

Tay cầm cái chày: biểu thị cho sự phá nát và thiêu đốt Ma Chướng

Tay cầm cây dao: biểu thị cho sự tiêu trừ ô uế, phá bỏ vòng luân hồi

Tay cầm cái rìu: biểu thị cho sự chặt đứt hết mọi Kiến Giải sai lầm với niệm hư vọng, cắt đứt vòng luân hồi sinh tử

Tay cầm cái bàn quay: biểu thị cho sự thống trị của Phật Đà ở khắp tám phương

Tay cầm cây giáo: biểu thị cho sự đâm xuyên những Kiến Giải sai trái và lệch lạc

Tay cầm cây búa: biểu thị cho sự phá bỏ Tá ác, hủy diệt oán địch

Tay cầm cái chày Kim Cương: biểu thị cho sức mạnh của Từ Bi

Tay cầm cây kiếm báu: biểu thị cho Trí Tuệ đoạn trừ ngu si và nghiệp chướng

Tay cầm mũi tên: biểu thị cho sự xuyên phá mê tín sai lầm

Tay cầm cái trống: biểu thị cho **Tính Không**, xua đuổi sinh linh độc ác

-16 tay bên trái:

Tay cầm xương cổ tay con người: biểu thị cho tính linh hoạt khi tu 4 loại sư nghiệp Yết Ma là **Tức** (Tức Tai), **Tăng** (Tăng Ích), **Hoài** (Kính ái), **Tru** (Giáng Phục)

Tay cầm cái đầu Phạm Thiên: biểu thị cho sự đoạn trừ mọi vọng niệm, tăng trưởng các Công Đức

Tay cầm sợi tơ năm màu: biểu thị cho sự tương ứng với Năm Trí của Phật

Tay cầm cây gậy thi thể: biểu thị cho sự hủy hoại tất cả hiện tượng trái với Giáo Nghĩa của Phật Giáo

Tay cầm cái Đằng Bài: biểu thị cho sự chiến thắng **kẻ địch, Tà Ma, Ngoại Đạo** xâm hại, bảo hộ Trí Tuệ của Phật Pháp và bảo vệ vô số chúng sinh

Tay cầm cái lò lửa: biểu thị cho sự từ bỏ nguyên nhân của sự đau khổ, đem lại ánh sáng

Tay cầm bắp đùi bên trái còn tươi: biểu thị cho sự thống lãnh chúng sinh bước trên con đường Giác Ngộ, đồng thời tượng trưng cho cho việc cho phép người tu hành bước vào cửa Phật

Tay cầm cánh tay trái còn tươi: biểu thị cho sự phẫn nộ và khủng bố tất cả Tà Ác Ma Địch

Tay cầm cây **Tam Tiêm Mâu** (cái mâu có ba chỉa): biểu thị cho sự xuyên thấu Ý Thức tinh tế

Tay cầm **Lâu Khí** (vật khí bằng đầu lâu): biểu thị cho năng lực Giác Ngộ, siêu việt khỏi cái chết

Tay cầm sợi dây: biểu thị cho sự cột buộc Tà Niệm, bắt trói Ma Chướng

Tay cầm cây cung: biểu thị cho Tính Không

Tay cầm Quân Kỳ (lá cờ): biểu thị cho sự truyền bá cầu Phước và hòa bình

Tay cầm **Hắc Bố** (tấm vải đen): biểu thị cho sự chinh phục cõi Diêm La

Tay cầm ruột người: biểu thị cho sự vô thường của Thế Gian, thực hiện **tướng không có thật** sẵn có trong vạn vật

Tay cầm cái chuông Kim Cương: biểu thị cho Trí Tuệ, âm thanh của Tính Không

34 cánh tay kèm thêm Thân Miệng Ý: biểu thị cho 37 Đạo Phẩm, tức là ***bốn Niệm Trụ, bốn Chính Cần, bốn Thần Túc, năm Căn, sáu Lực, bảy Giác Chi, tám Chính Đạo***

.)16 bàn chân biểu trưng cho 16 **Không Tính** (Śūnyatā)

Thân Tướng của Bố Úy Kim Cương (Hay Đại Uy Đức Kim Cương) có ý nghĩa là biểu trưng cho 37 Đạo Phẩm, triệt ngộ 16 Tính Không, tiêu trừ hết **Tứ Ma**, thành tựu thù thắng, được Đại Niết Bàn.

_Tượng **Song Thân**:

Thân của Chủ Tôn giống như bên trên, hai tay ôm Minh Phi **La Lãng Tạp Khê** (Đời Đường dịch là Xác chết đứng dậy) theo thế **Song Vận Đại Lạc**

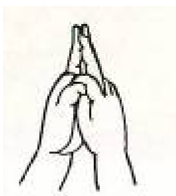


Minh Phi biểu thị cho năng lực tiềm ẩn của Đại Uy Đức Bố Úy Kim Cương.

Nói theo cách khác thì Tôn Tượng **Song Thân** này biểu thị cho **Bi Trí hợp nhất**, trong đó Minh Vương đại biểu cho Từ Bi, Minh Phi biểu thị cho Trí Tuệ... đồng thời cũng biểu thị cho khái niệm **Điều Phục** rốt ráo

_Tướng Ấn là:**Phổ Thông Căn Bản Ấn** (Bổng Ấn)

Hai tay cùng hợp bên trong thành quyền, dựng thẳng hai ngón giữa cùng hợp nhau như hình cây giáo. Tức biểu thị Căn Bản Ấn, cũng đem Ấn Mệnh này làm Bổng Ấn.



_Chân Ngôn là:

OṂ_ HRĪḤ ṢTRI VIKṚTĀNANA HŪṂ SARVA ŚATRŪṂ NĀŚANA STAMBHAYA-STAMBHAYA SPHAṬ SPHAṬ SVĀHĀ

THẮNG LẠC KIM CƯƠNG

Thắng Lạc Kim Cương lại xưng là **Thượng Lạc Kim Cương**, tên Phạn là **Cakra-saṃvara** nghĩa là **vòng tròn đại hoan lạc**. Tên Tây Tạng là **Đăng Xảo**, tên Mông Cổ là **Đức Mục Khâm Cách**. Là Bản Tôn của **Vô Thượng Du Già Bộ Mẫu Tục** trong Tạng Truyền Phật Giáo, là nơi mà **Thân Ngữ Ý Kim Cương** của chư Phật ba đời đã nương dựa, là đại biểu tổng tập Công Đức của chư Phật, là một loại **Hách Lỗ Ca Minh Vương** (Heruka-vidya-rāja), cũng là một trong năm Đại Bản Tôn được tôn phụng trong **Vô Thượng Du Già Tu Pháp** của Tạng Truyền Phật Giáo, cho nên xưng là **Tổng Tập Luân**.

Trong Pháp Hệ của **Vô Thượng Du Già Mật Pháp** thì Phái **Cách Lỗ** rất chú trọng vào ba Tôn: Thắng Lạc Kim Cương, Mật Tập Kim Cương và Đại Uy Đức Kim Cương… trong đó **Thắng Lạc** (Saṃvara) thuộc về **Mẫu Tục Pháp** và được tôn xưng là vua của **Mẫu Tục**, là Tổng Chủ của vạn ức **Không Hành** (Ḍākiṇī)

_**Thắng Lạc Kim Cương** có thân màu xanh đậm, có bốn cái đầu, mỗi một mặt có ba con mắt. Cổ đeo vòng chuỗi 50 đầu người. Dùng da cọp quấn quanh eo. Thân có 12 cánh tay, sáu tay bên trái cầm các Pháp Khí là: da voi, trống, rìu Kim Cương, cây gậy, cái chỉa ba, chày Kim Cương; sáu tay bên phải cầm các Pháp Khí là: Da voi, sợi dây, cái đầu Phạm Thiên, cây Thiên Trượng, cái chuông Kim Cương. Chân phải đạp lên ngực của Nữ Thần **Kāli**, chân trái đạp lên **Diêm Ma Vương** (Yama-rāja)

Kim Cương Hợi Mẫu (Vajra-vārāhī) có thân màu hồng đỏ, đầu đội mão đầu lâu, một mặt ba con mắt. Thân có hai cánh tay với tay phải cầm cây đao hình mặt trăng, tay trái cầm cái bát đầu người chứa đầy máu dùng hiến cho Bản Tôn, cùng với **Thắng Lạc Kim Cương** hiện tướng **song vận Đại Lạc**.



_Ý nghĩa của hình tượng:

.)Thân màu xanh đậm biểu thị cho không gian và Trí Tuệ nguyên thủy

.)Bốn cái đầu có bốn màu biểu thị cho bốn loại Công Đức:

Mặt chính giữa màu xanh lam biểu thị cho Công Đức **Tăng Ích**

Mặt bên trái màu trắng biểu thị cho Công Đức **Tức Tai**

Mặt bên phải màu hồng biểu thị cho Công Đức **Kính Ái**

Mặt phía sau màu vàng biểu thị cho Công Đức **Giáng Phục**

.)Mỗi mặt có ba con mắt biểu thị cho sự quán chiếu ba đời **quá khứ hiện tại vị lai**

.)Đầu đội mão năm đầu lâu biểu thị cho sự vô thường và dũng vũ

.)Trên đầu có nửa vành trăng (bán nguyệt) biểu thị cho hạnh phúc của con người

.)Đỉnh đầu có hai Kim Cương biểu thị cho sự song thành **Phương Pháp** và **Trí Tuệ**

.)Trên cổ đeo vòng chuỗi 50 đầu người biểu thị cho toàn bộ Kinh Điển của Phật Giáo

.)Da cọp quấn quanh eo biểu thị cho sự dũng mãnh không có sợ hãi

.)12 cánh tay biểu thị cho phương pháp **khắc phục Duyên Khởi**

.)Tư thế đứng trên vành mặt trời trên tòa hoa sen biểu thị cho ánh sáng của Phật soi chiếu khắp, hiểu biết tất cả, thoát lìa khỏi Trần Thế

.)Chân phải đạp lên ngực của Nữ Thần **Kāli** biểu thị cho Giáo Pháp này có thể loại trừ được sự sống và sinh mệnh thông thường

.)Chân trái đạp lên **Diêm Ma Vương** (Yama-rāja) biểu thị cho Giáo Pháp này có thể tiêu diệt được cái chết và sự chuyển kiếp thông thường

.)Minh Phi **Kim Cương Hợi Mẫu** màu hồng đỏ biểu thị cho ngọn lửa và tình ái mộ nồng nhiệt

_**Thắng Lạc Kim Cương Thần Chú**:

OṂ_ ŚRĪ-VAJRA HE HE, RU RU, KAṂ HUṂ HŪṂ PHAṬ_ ḌĀKIṆĪ JĀLA-SAMVARAṂ SVĀHĀ

OṂ_ HRĪḤ HA HA HUṂ HŪṂ PHAṬ

Nếu chân thành cúng phụng tu trì **Thắng Lạc Kim Cương** thời thanh tịnh hết tất cả nghiệp chướng nhỏ nhiệm thuộc **thân ngữ ý** của chúng sinh, được Công Đức gia trì và Cú Nghĩa Quán Đỉnh của chư Phật, hay được thành tựu Công Đức của Phật, mở hiển **Bình Đẳng Tính Trí** (Samatā-jñāna), mau chứng **Tự Tính Thân** (Svabhāva-kāya) của Phật.

CÁT TƯỜNG HỶ KIM CƯƠNG

Cát Tường Hỷ Kim Cương, tên Phạn là **Śrī-hevajra**, âm Phạn đọc là **Hắc Bạt Chiết La**, Tây Tạng dịch là **Giới Đa Kiệt** hoặc **Kiệt Ba Đa Kiệt.** Dịch ý ắt có danh xưng chẳng đồng là **Hỷ Kim Cương** (Hevajra), Đại Bi Không Trí Kim Cương, Hoan Hỷ Kim Cương, Ẩm Huyết Kim Cương, Đại Lạc Kim Cương, Ý Kim Cương … là một trong năm vị Đại Minh Vương thuộc **Vô Thượng Du Già Mật** của Tạng Truyền Phật Giáo

Cát Tường (Śrī): đại biểu cho đầy đủ Phước Tuệ, viên mãn đủ Trí **chẳng hai**

Hỷ (He): đại biểu cho sự chứng đắc **Vô Ngã**, Đại Từ Đại Bi lợi ích cho hữu tình

Kim Cương (Vajra): đại biểu cho Trí Tuệ của Bát Nhã Không Tính

Cát Tường Hỷ Kim Cương hàm chứa sự giác ngộ đầy đủ của Từ Bi và Trí Tuệ. Trí Tuệ hay khiến cho con người hiểu rõ, thấu triệt sự vọng tưởng chấp mê của tự ngã, là yếu tố căn bản để giải thoát các khổ. Từ Bi là sự biểu hiện cụ thể của việc đem niềm vui của Pháp cực lớn này chia đều cho người khác

Cát Tường Hỷ Kim Cương còn có nhiều loại tên gọi, đồng Thể khác tên như **Hô Kim Cương** hay **Hứ Lỗ ca Minh Vương** (Hevajra), **Giác Đầu** (Buddha-kapāla), **Tối Thắng** (Sambara), **Thất Vô Tận** (Saptā-kṣara), **Đại Huyễn** (Mahā-māyā)

_Phật Thuyết Đại Bi Không Trí Kim Cương Đại Giáo Vương Kinh, Quyển 2 ghi nhận ý nghĩa của tên gọi **Hỷ Kim Cương** (Hevajra) là:

Hứ (He) là nhân gốc rễ (bản nhân) của **Tính trống rỗng** (Śūnyatā:Không Tính)

Lỗ (Ru) là lìa nhiễm, trang nghiêm thù thắng

Ca (Ka) là không có chỗ trụ

_Căn cứ vào sự ghi chép của **Thành Tựu Pháp Man** (Sādhana-māla) thì: Lễ bái Hứ Lỗ Ca Minh Vương, nên quán tưởng tự mình tức là hình trạng ngồi Bán Già, Hư Lỗ Ca Minh Vương có vị trí ngồi trên thân người chết.

Lại nói là: "Hứ Lỗ Ca khoác áo da người, toà thân xoi bôi tro, tay phải cầm Kim Cương, tay trái nâng sọ người chứa đầy máu tanh, trên mão đội đầu có tượng Phật A Súc nhỏ, thường hộ trì Thế Giới hữu tình miễn trừ sự xâm hại của Ma ác"



_Vào thời của **Tống Nhân Tôn** (Bắc Tống) thì Giáo Pháp của **Hỷ Kim Cương** mới bắt đầu truyền vào Trung Quốc thông qua bản **Phật Thuyết Đại Bi Không Trí Đại Giáo Vương Nghi Quỹ Kinh** do vị Tăng Ấn Độ là **Thích Pháp Hộ** (Công Nguyên:936_1004) phiên dịch từ bản Phạn.

Đến thời đại của Nguyên Sơ Thế Tổ **Hốt Tất Liệt** thì **Sa Nam Nhật La Phức** là Đệ Tử của **Phát Tư Ca** (Tổ thứ năm của Phái **Tát Ca** Tây Tạng) đem **Hỷ Kim Cương Du Già Thật Tu Pháp Môn** từ Ấn Độ vào Tây Tạng và phiên dịch thành Hán Văn. Đây tức là **Cát Tường Hỷ Kim Cương Tập Luân Cam Lộ Tuyền**

Đến thời của vua **Minh Anh Tôn** thì chế thành bản **Nê Kim Đan Thanh Tả Hội**, Hội đầu của Kinh Quyển có **Cát Tường Hỷ Kim Cương Đàn Thành** trang nghiêm rất tinh tế kỹ lưỡng

_ Hình tượng của **Cát Tường Hỷ Kim Cương** (Hay **Hỷ Kim Cương**) có hai dạng chủ yếu là tượng **Đơn Thân** và tượng **Song Thân**

.)Tượng **Đơn Thân**:

Thân màu xanh lam có 8 mặt, 16 cánh tay, 4 cái chân, mỗi mặt đều có ba con mắt, tướng phẫn nộ lộ răng nanh bén nhọn, đầu đội mão xương người, tóc màu vàng dựng đứng lên trên, cổ đeo vòng chuỗi 50 cái đầu người còn tươi mới. Tám tay bên phải đều cầm một cái bát đầu lâu, bên trong bát chứa voi màu trắng, ngựa màu xanh, lừa màu hồng, bò màu hồng, lạc đà màu tro, người màu hồng, sư tử màu xanh, vị **Thần màu đỏ** (Xích Thần). Tám tay bên trái đều cầm cái bát đầu lâu, bên trong bát theo thứ tự chứa Địa Thiên màu vàng, Thủy Thần màu trắng, Hỏa Thần màu hồng, Phong Thần màu xanh, Nguyệt Thiên màu trắng, Nhật Thiên màu hồng, **Nhạc Đế** (Vua Diêm La) màu xanh, **Thí Tài** (Thần Tài) màu vàng… Duỗi chân phải, co gập chân trái, dẫm đạp lên hai thân người nằm ngửa, đứng như tướng múa trên tòa báu hoa sen



Ý nghĩa của hình tượng:

.)Thân màu xanh lam đại biểu cho không gian và ý thức

.)Tám khuôn mặt đại biểu cho **tám Giải Thoát** của sự hay vứt bỏ Tham Dục thuộc **Sắc** (Rūpa) và **Vô Sắc** (Arūpa) là: Hữu Sắc Quán Sắc Giải Thoát, Vô Sắc Quán Sắc Giải Thoát, Tịnh Sắc Giải Thoát, Không Vô Biên Xứ Giải Thoát, Thức Vô Biên Xứ Giải Thoát, Vô Sở Hữu Xứ Giải Thoát, Phi Thưởng Phi Phi Tưởng Xứ Giải Thoát, Diệt Thọ Tưởng Giải Thoát

.)Tướng phẫn nộ (lộ răng nanh bén, tóc màu vàng dựng đứng lên trên) đại biểu cho sự dùng Tâm Đại Bi bày hình tượng phẫn nộ, giáng phục hữu tình có khuynh hướng Tá Ác

.)Tóc màu vàng dựng đứng lên trên còn đại biểu cho Phật Đức triển chuyển tăng lên trên

.)Ba con mắt đại biểu cho năng lực của ba loại thanh tịnh là Thân kết Ấn, miệng tụng Chú, Ý quán tưởng

.)Mão năm đầu lâu đại biểu cho năng lực trừ bỏ năm Độc: Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi

.)Năm vật trang sức đại biểu cho sự thanh tịnh thuộc năm Trí của năm Đức Phật

Vòng đeo tay đại biểu cho **Pháp Giới Thể Tính Trí** của Đức Phật Tỳ Lô Giá Na ở trung ương

Vòng đeo trên đầu đại biểu cho **Đại Viên Kính Trí** của Đức Phật Bất Động ở phương Đông

Vòng đeo tai đại biểu cho **Diệu Quán Sát Trí** của Đức Phật A Di Đà ở phương Tây

Vòng đeo cổ đại biểu cho **Bình Đẳng Tính Trí** của Đức Phật Bảo Sinh ở phương Nam

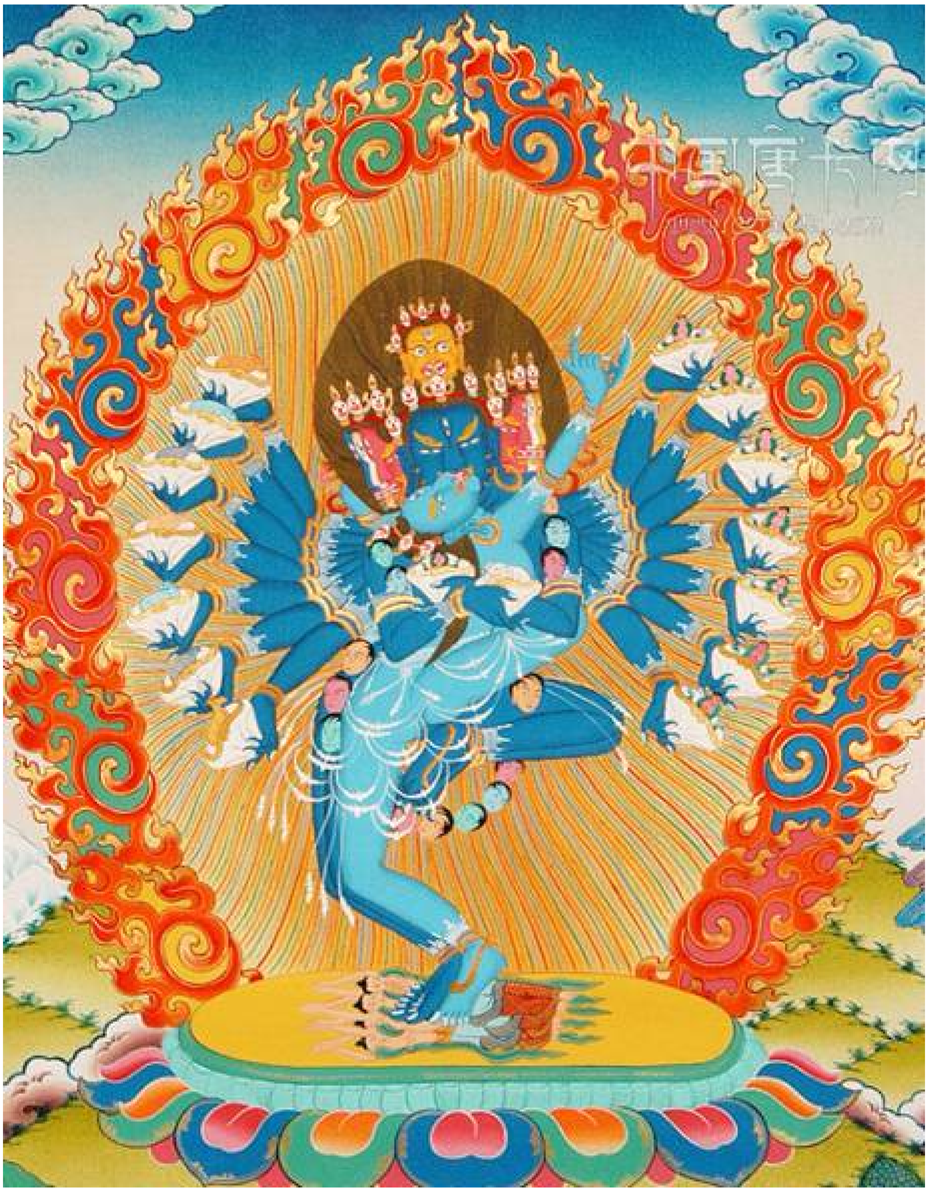
Dây đai ở eo đại biểu cho **Thành Sở Tác Trí** của Đức Phật Bất Không Thành Tựu ở phương Bắc

.)16 vật cầm tay đại biểu cho 16 loại **Không Tính** (Śūnyatā) là: Nội Không, Ngoại Không, Nội Ngoại Không, Không Không, Đại Không, Thắng Nghĩa Không, Hữu Vi Không, Vô Vi Không, Vô Tế Không, Tất Cánh Không, Vô Tán Không, Tự Tính Không, Nhất Thiết Pháp Không, Tự Tướng Không, Vô Sở Duyên Không, Vô Tính Không.

.) Dẫm đạp lên hai thân người nằm ngửa đại biểu cho sự dứt trừ Vô Minh và Ái Dục.

_Tượng **Song Thân**:

Thân của Chủ Tôn giống như bên trên, hai tay ôm Minh Phi **Vô Ngã** (Nairatmya) có thân màu xanh xám, tay phải cầm cái rìu Kim Cương, tay trái cầm cái bát sọ người. Hai Tôn thực hiện theo thế **Song Vận Đại Lạc** như điệu múa, chân dẫm đạp lên bốn thân người, an trụ tại vành mặt trời trên hoa sen



Ý nghĩa của hình tượng:

.)Ý nghĩa hình tượng của Chủ Tôn giống như bên trên

.)Chân đạp lên bốn người đại biểu cho sự đập nát bốn loại Ma: **Đại Phạm Thiên** màu vàng, **Đế Thích Thiên** màu trắng, **Biến Nhập Thiên** màu xanh, **Đại Tự Tại Thiên** màu đen… Đồng thời cũng đại biểu cho **bốn Nhiếp Pháp** nhiêu ích cho chúng sinh là: Bố Thí Nhiếp, Ái Ngữ Nhiếp, Lợi Hành Nhiếp, Đồng Sự Nhiếp

.)Chín tướng múa đại biểu cho 9 loại dáng điệu múa hay giáng phục đủ Tham Dục, Ngu Si là: sự kiều my, dũng mãnh, **xấu xí** (xú lậu)… thuộc tư thế của Thân. Sự vui cười, mãnh lệ, đáng sợ …thuộc dáng dấp của Ngữ. Sự **thương xót** (bi mẫn), uy hách, bình hòa thuộc dáng dấp của Ý

.)**Nhục Thể** (thân thể) đại biểu cho sự an trụ chẳng động của Đại Địa

.)**Huyết Dịch** (máu và chất lỏng trong thân) đại biểu cho sự tuyền chuyển tự tại của Thủy Đại

.)**Tân dịch** (nước bọt) đại biểu cho sự thiêu trừ bụi nhiễm cấu chướng của Hỏa Đại

.)**Chi Tủy** (mỡ, tủy) đại biểu cho sự tạo làm các Pháp của Phong Đại

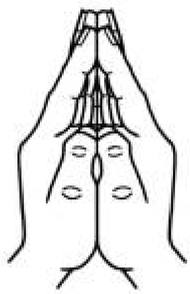
.)**Bì Phu** (phần da bên ngoài) đại biểu cho sự hay đạt đến cảnh giới Giác Ngộ của **bảy Giác Chi** là: Niệm Giác Chi, Trạch Pháp Giác Chi, Cần Giác Chi, Hỷ Giác Chi, Khinh An Giác Chi, Định Giác Chi, Xả Giác Chi

.)Bộ Xương đại biểu cho sự thanh tịnh của **bốn Thánh Đế** Khổ, Tập, Diệt, Đạo...hay chặt đứt phiền não, chứng Niết Bàn

Trong Tôn Tượng **Song Thân** này thì Minh Phi **Vô Ngã** biểu thị cho Trí Tuệ trác việt siêu phàm, Cát Tường Hỷ Kim Cương biểu thị cho lòng Từ Bi bao trùm Pháp Giới. Hình tượng này minh chứng cho cảnh giới tinh thần **Bi Trí hợp nhất**

_Chữ chủng tử của Cát Tường Hỷ Kim Cương là: HŪṂ

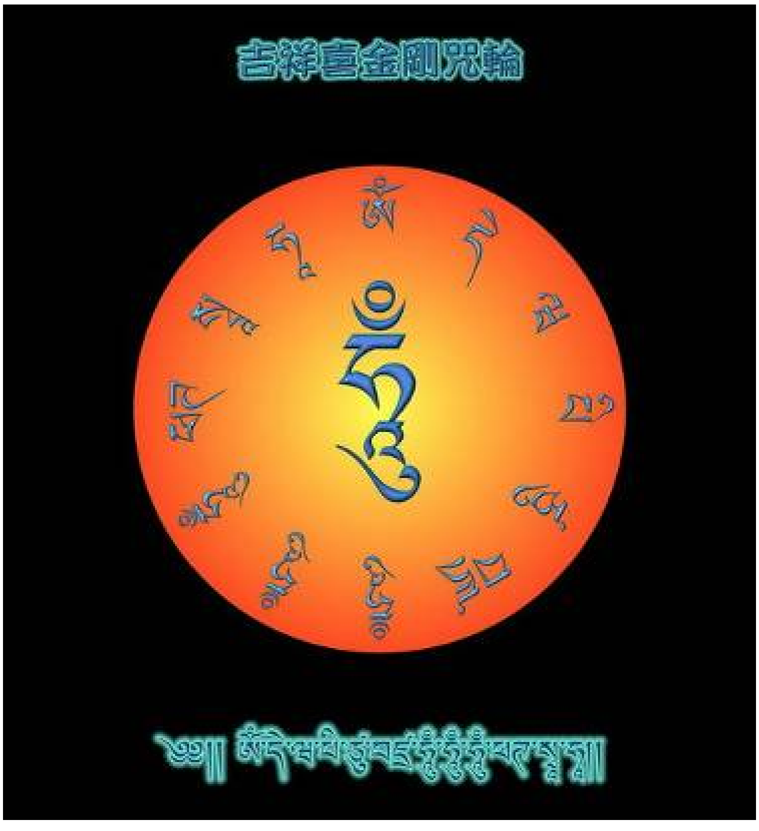
_Thủ Ấn là: Hai tay chắp lại, trống rỗng ở giữa, co hai ngón cái vào trong lòng bàn tay đèn lên hai ngón Vô Danh



_Cát Tường **Hỷ Kim Cương Tâm Chú** là

"**Ông, đế ngõa, tất chủ, ngõa nhật lạp, hồng hồng hồng, phát tra, thoa cáp**"

OṂ_ DEVA PICU VAJRA, HŪṂ HŪṂ HŪṂ PHAṬ, SVĀHĀ



_**Cát Tường Hỷ Kim Cương Đàn Thành**:

Chính giữa Đàn Thành là một đóa hoa sen tám cánh, ở giữa là **Cát Tường Hỷ Kim Cương** với **Vô Ngã Phật Mẫu**. Chung quanh Cát Tường Hỷ Kim Cương là tám vị Đại Minh Phi (Mahā-yoginī): **Ngao Lý Phi** (Gaurī), **Tưu Lý Phi** (Caurī), **Vĩ Đa Lý Phi** (Vettalī),**Khát Tam Ma Lý Phi** (Ghasmarī), **Bốc Cát Tây Phi** (Pukkasī), **Thập Phộc Lý Phi** (Śavarī), **Tán Noa Lý Phi** (Caṇḍalī), **Nỗ Nhĩ Tỳ Phi** (Raudrī),

Bên ngoài **Mạn Trà La** (Maṇḍala) từ bên ngoài đến bên trong là bánh xe rực lửa Bát Nhã, bánh xe hoa sen, bánh xe Kim Cương và tám rừng Thi Đà lớn. Trong tám rừng Thi Đà lớn có tháp Phật, con sông, sư tử, Thiên Thần, cây cối, mây, Long Vương…. Bốn cửa ở bốn phương đều có **Thủ Hộ Thần**

Chủ Tôn của **Đàn Thành** (Maṇḍala) tức **Cát Tường Hỷ Kim Cương** là một trong năm Đại Bản Tôn (Thủ Hộ Tôn) của **Vô Thượng Du Già Mật** trong Tạng Truyền Phật Giáo, là Pháp tu cơ sở **Nhập Môn** của Phái **Tát Ca** (Hoa Phái). Người mới học theo Phái **Tát Ca** đều nên trước tiên đắc được Quán Đỉnh này thì mới có thể tiếp tục khởi tu **Mật Tục** khác. Lại do **Hỷ Kim Cương** lại là chỗ ***Thân Truyền*** của **Tất Lý Oát Ba** (Virupa), bậc Tổ Sư Đại Thành Tựu của phát **Tát Ca**, cho nên Phái này dùng Pháp này gọp tập chung tất cả **Mật Tục** làm Nghi Quỹ **Bất Cộng** tối cao

Ngoài ra, ở bốn phương chung quanh Đàn Thành, trong các cái khám cũng có an trụ 26 Tôn Tượng phân biệt là Vô Ngã Phật Mẫu, Văn Thù Bồ Tát, **Tất Lý Oát Ba** (Virupa), **Hạ Oa Lý Ba**, chúng **Yoginī**, tám Thiên Mẫu, mười Tôn Phẫn Nộ, Độ Mẫu… của 84 bậc Đại Thành Tựu



_Y theo **Hô Kim Cương Hằng Trì La Đại Tương Ứng Luân Phẩm** ghi nhận **Cát Tường Hỷ Man Trà La** là: "Man Trà La này dùng **Hỷ Kim Cương** (Heruka) với **Vô Ngã Minh Phi** làm **Trung Tôn** (Tôn ở chính giữa), bốn chung quanh hiển bày 8 vị **Minh Phi** (Yoginī)

Ngao Lý Phi (Gaurī) ở phương Đông
Tưu Lý Phi (Caurī) ở phương Nam
Vĩ Đa Lý Phi (Vettalī) ở phương Tây
Khát Tam Ma Lý Phi (Ghasmarī) ở phương Bắc
Bốc Cát Tây Phi (Pukkasī) ở Đông Nam
Thập Phộc Lý Phi (Śavarī) ở Đông Bắc
Tán Noa Lý Phi (Caṇḍalī) ở Tây Bắc
Nỗ Nhĩ Tỳ Phi (Raudrī) ở Tây Nam



_Theo sự truyền thừa khác thì **Cát Tường Hỷ Kim Cương Đàn Thành** được ghi nhận là:

Cát Tường Hỷ Kim Cương là Chủ Tôn ở chính giữa, chung quanh là tám vị Minh Phi: **Ngao Lý Phi** (Gaurī), **Tưu Lý Phi** (Caurī), **Vĩ Đa Lý Phi** (Vettalī),**Khát Tam Ma Lý Phi** (Ghasmarī), **Bốc Cát Tây Phi** (Pukkasī), **Thập Phộc Lý Phi** (Śavarī), **Tán Noa Lý Phi** (Caṇḍalī), **Nỗ Nhĩ Tỳ Phi** (Raudrī), bên trên là **Không Hành Phi** (Khacarī) , bên dưới là **Địa Cư Phi** (Bhūcarī)



_**Cát Tường Hỷ Kim Cương Bách Tự Minh**:

OṂ_ VAJRA-HERUKA SAMAYAM ANUPĀLAYA _ VAJRA-HERUKA TVENA UPATIṢṬA _ DṚḌHO ME BHAVA _ SUTOṢYO ME BHAVA _ SUPOṢYO ME BHAVA _ANURAKTO ME BHAVA _ SARVA SIDDHIṂ ME PRAYACCHA SARVA KARMASU _ CA ME CITTAṂ ŚRĪYAṂ KURU _

HŪṂ HA HA HA HA HOḤ_ BHAGAVAṂ SARVA TATHĀGATA HERUKA _ MĀ ME MUṂCA _HERUKO BHAVA _ MAHĀ SAMAYA SATVA _ ĀḤ



.)Cát Tường Hỷ Kim Cương Bách Tự Minh còn được ghi nhận theo cách khác là:

OṂ_ ŚRĪ-VAJRA-HERUKA SAMAYAM ANUPĀLAYA _ VAJRA-HERUKA TVENOPATIṢṬA _ DṚḌHO ME BHAVA _ SUTOṢYO ME BHAVA _ ANURAKTO ME BHAVA _ SUPOṢYO ME BHAVA _ SARVA SIDDHIM ME PRAYACCHA SARVA KARMASU _ CA ME CITTAṂ ŚRĪYAṂ KURU _ HŪṂ HA HA HA HA HOḤ BHAGAVĀN VAJRA HERUKA _ MĀ ME MUÑCA _HERUKO BHAVA _ MAHĀ SAMAYA SATVA _ ĀḤ HŪṂ PHAṬ

_Theo Mật Giáo Tây Tạng, người tụng trì Chú này có các Công Đức sau:

.)Hay sám hối và tiêu trừ nghiệp tội từ vô thuỷ đến nay

.)Hay chận đứng tất cả niệm ác không cho tăng trưởng

.)Hay phá trừ tất cả phiền não

.)Hay tăng trưởng Phước Trí vô lượng vô biên

.)Hay sinh mọi loại Công Đức

.)Tuỳ theo Nguyện đã mong cầu đều được như ý

THỜI LUÂN KIM CƯƠNG

Thời Luân Kim Cương, Phạn văn là **Kāla-cakra-vajra**, Tạng văn là **Để Vu Tức Khoát Lạc**, là danh hiệu của một vị Thần Linh cao cấp trong **Vô Thượng Du Già Bộ** của Phật Giáo Mật Tông.

Thời Luân Kim Cương tên Tây Tạng là **Đinh Khoa**, là Bản Tôn **Báo Thân Phật** thuộc **Bất Nhị Tục** trong Vô Thượng Du Già của Tạng Mật, là điều mà Đức Phật Thích Ca đích thân truyền dạy, là Pháp Môn tối cao vô thượng, rất thù thắng trong các Mật Pháp.

Theo Tạng Truyền Phật Giáo: một năm sau khi Đức Thích Ca Mâu Ni thành Phật thời ứng với sự thỉnh cầu của vị vua nước **Hương Ba Lạp** (Śambhala) tên **Nguyệt Thiện** (Sucandra) mà truyền dạy Pháp này, sau đó Pháp này triển chuyển nhập vào Ấn Độ, Tây Tạng…. đến thế kỷ thứ 13 thời thịnh hành ở Tây Tạng. Phái **Tát Ca** (Sākya) của Tạng Mật đã truyền **Thời Luân Kim Cương Pháp** rất sớm, xác định rõ cơ sở tu tập **Thời Luân Kim Cương** của Tạng Mật. Sau này các Phái phổ biến tu tập, rất nhiều học viện lớn đều chuyên dựng lập **Thời Luân Học Viên**

Truyền thuyết ghi nhận là: khi Đại Sư **Tông Khách Ba** (Tsoṅ-kha-pa) bế quan tu thành viên mãn thứ tự thì nhìn thấy **Thời Luân Kim Cương**. Thời Luân Kim Cương dùng bàn tay an trên đỉnh đầu của **Tông Khách Ba** và bảo Đại Sư cũng như một dạng của vua **Nguyệt Thiện** (Sucandra) là hoằng dương Pháp này. Sau đó, Đệ Tử của Tông Khách Ba là **Ý Khải Chu Kết** đắc được sự truyền thừa của Pháp này, đời đời truyền nhau cho đến ngày nay thì bậc Thượng Sư đời thứ 14 của Tây Tạng là **Đạt Lại Lạt Ma** (Dalai-lama) nhiều lần đã từng hoằng truyền Pháp này.

_Thời Luân (Kāla-cakra) tức là bánh xe của thời gian. **Luân Hồi** (Saṃsāra) là gốc rễ của sự thống khổ và vọng niệm lớn nhất của hữu tình Hàm Thức tức là Duyên bám níu (phan duyên) vào **quá khứ, hiện tại, vị lai** mà lưu chuyển ở sáu đường, cho nên chư Phật nói bày vô số Pháp Môn giải thoát để cứu độ hữu tình thoát ra khỏi Luân Hồi.

Tình Khí Thế Gian (Hữu Tình Thế Gian và Khí Thế Gian) đều thuận theo 12 năm xoay chuyển, một kỳ tiếp nối một kỳ chẳng đứt đoạn **Tăng Ích** hoặc **Hủy Tổn**. Do nhân duyên hòa hợp sinh ra sự khoái lạc và thống khổ trong Luân Hồi lưu chuyển. Nếu y theo **Thời Luân Pháp** tu hành như Phong Thủy chẳng thích hợp, hoặc bốn Đại chẳng điều hòa… liền có thể chuyển sự bất tịnh thành thanh tịnh, khiến cho sự hủy diệt lại được phục sinh, chuyển hóa sự đấu tranh thống khổ thành hòa bình và khoái lạc

_Thời Luân Kim Cương Pháp chia ra làm ba loại là: Ngoại, Nội và Biệt

Ngoại Thời Luân là chỉ thiên văn, tinh tượng, số học

Nội Thời Luân là chỉ sự cấu tạo của thân thể con người với sự vận hành của Kinh Lạc Khí Mạch

Biệt Thời Luân là Pháp tu trì thực tế, y theo Bản Tôn và Đàn Thành hình tròn của Ngài mà tu. Sau khi Hành Giả được sự gia trì của Quán Đỉnh thì mới có thể xem xét Bộ Loại, lần lượt theo thứ tự Quy Lập mà học tập và tu trì hết thảy **Thời Luân Kim Cương Pháp**

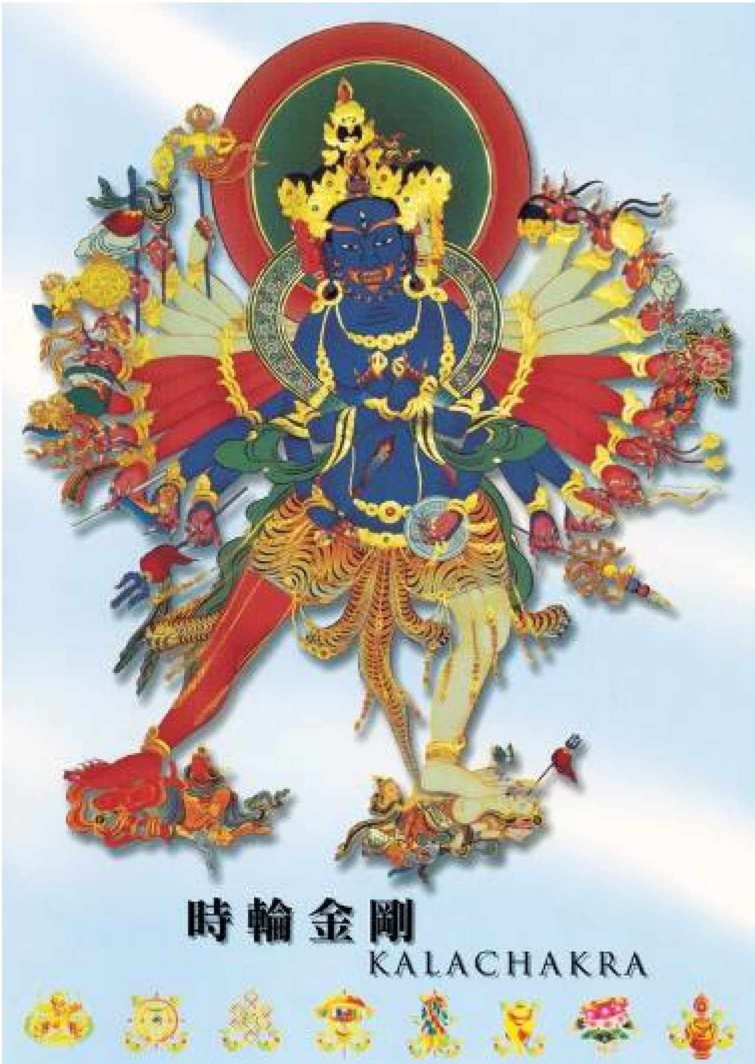
Hình tượng của **Thời Luân Kim Cương** chủ yếu có hai loại hình thức biểu hiện là tượng **đơn thân** và tượng **song thân**

_Tượng **Đơn Thân**: Thân màu xanh lam phóng bắn thuần một ánh sáng, có bốn cái đầu: mặt chính màu xanh lam, mặt bên phải màu hồng, mặt bên trái màu trắng, mặt phía sau màu vàng, mỗi mặt đều có ba con mắt. Mỗi cái đầu đều đội mão đầu lâu người, đỉnh đầu có nửa vành trăng và hai Kim Cương (song Kim Cương)

12 cánh tay, mỗi cánh tay có 2 bàn tay tổng cộng là 24 bàn tay chia ra làm ba nhóm: tám tay bên trên màu trắng, tám tay ở giữa màu hồng, tám tay bên dưới màu xanh lam. Màu sắc của các ngón tay từ ngón cái đến ngón út y theo thứ tự là: màu vàng, màu trắng, màu hồng, màu xanh lam, màu xanh lục. Màu sắc của các lóng tay từ đầu ngón tay đến lòng bàn tay theo thứ tự là: màu xanh lam, màu hồng, màu trắng.

Pháp Khí cầm trong tay y theo thứ tự bên phải là: chày Kim Cương, cây kiếm báu, cây kích ba chia (tam xoa kích), cây việt đao, mũi tên lửa, cây gậy móc câu (câu trượng), cái trống Pháp, cái chùy, bánh xe Pháp (Pháp Luân), cái mâu, cây gậy báu, cây búa. Bên trái là: chuông Kim Cương, Thuẫn Bài, chày Giáng Ma, vật khí đầu lâu, cây cung, sợi dây, báu Ma Ni, hoa sen trắng, vỏ ốc trắng (bạch loa), cái gương, hoa sen móc câu (câu liên), cái đầu Phạm Thiên có bốn mặt.

Duỗi chân phải có màu hồng dạp lên thân của Thiên Mẫu, co chân trái có màu trắng dẫm đạp lên thân của Đại Tự Tại Thiên. Thân trên khoác Thiên Y, thân dưới mặc quần da cọp, đeo các loại Anh Lạc báu, đầy đủ tất cả sự trang nghiêm của **Báo Thân Phật**



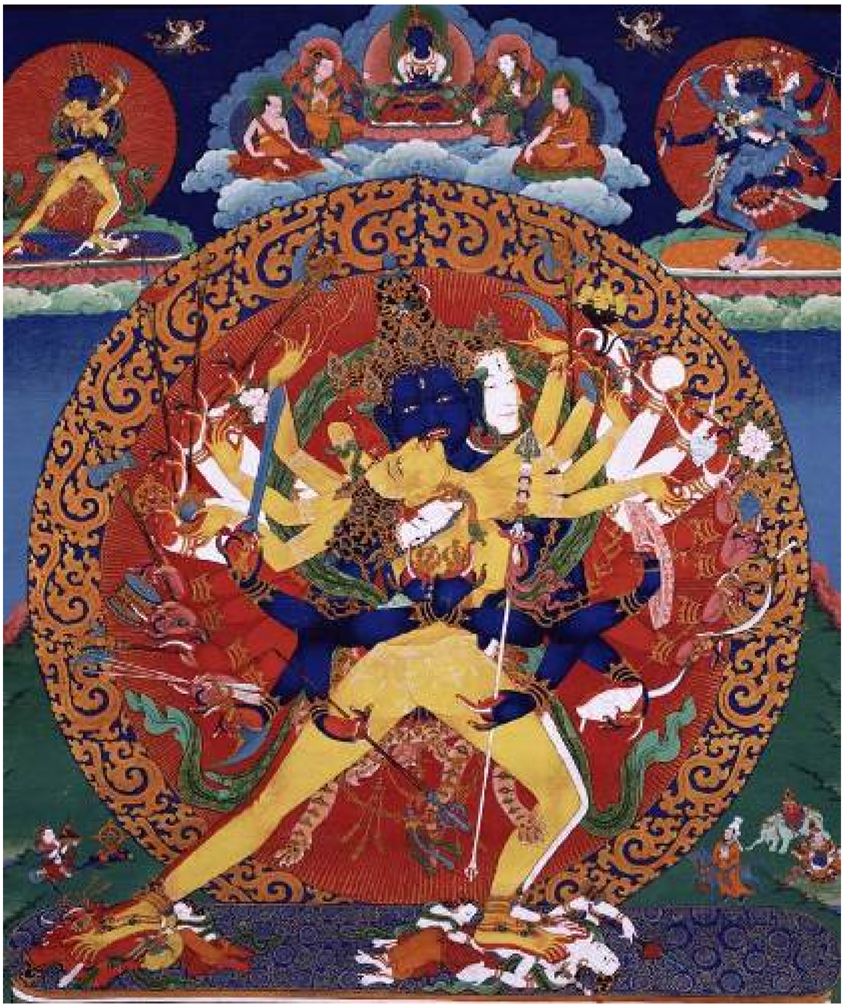
_Tượng **Song Thân**:

Thân tướng của Chủ Tôn giống như bên trên

Minh Phi của Ngài có thân màu vàng, bốn đầu, tám cánh tay, mỗi khuôn mặt có ba con mắt. Bốn tay bên phải của Minh Phi cầm: cây Việt Đao, cây gậy móc câu, cái trống Pháp, tràng hạt. Bốn tay bên trái của Minh Phi cầm: vật khí đầu lâu, sợi dây thừng, hoa sen trắng, báu Ma Ni.

Nét mặt của Thời Luân Kim Cương và Minh Phi hiển tướng nửa vui nửa giận, ôm nhau theo thế **Đại Lạc Song Vận**. Hai bàn chân dẫm đạp trên thân của Đại Tự Tại Thiên với Thiên Mẫu biểu thị cho sự tồi phục các chướng ngại Tham Sân Si.

Do **Thời Luân Kim Cương** là Bản Tôn **Báo Thân Phật** là sự kết tinh của **Không Sắc Đại Thủ Ấn Trí Tuệ**, nguồn gốc của mọi Phật Tính trong vũ trụ. **Minh Phi** tượng trưng cho Trí Tuệ của **Không Tướng** (tướng trống rỗng) đại diện cho tất cả mọi năng lực, có khả năng hỗ trợ cho người tu hành biến thân thể thành trạng thái hư không tuyệt đối… cho nên tượng **Song Thân Thời Luân Kim Cương** tượng trưng cho sự hòa hợp giữa Từ Bi và Trí Tuệ

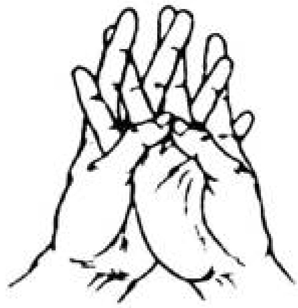


Tóm lại, Tượng **Thời Luân Kim Cương** đại biểu cho tất cả Phật Bồ Tát ở mười phương cùng với Tổng Thể của Phật Giáo **Hiển Mật**, là chân lý hiển hiện sự tuyệt diệu rất hoàn mỹ. Như Đại Sư **Tông Khách Ba** khen ngợi rằng: "Hiểu biết được **Thời Luân Kim Cương** tu hành tức cũng hiểu biết được tất cả Mật Tông tu hành"

_Chữ chủng tử là: HŪṂ

_Thời Luân Kim Cương Thủ Ấn:

Đặt lưng bàn tay phải trong lòng bàn tay trái. Hai tay: ngón trỏ, ngón giữa, ngón vô danh, ngón út giao chéo nhau. Hai ngón cái cùng chạm đầu ngón



_Thời Luân Kim Cương Tâm Chú:

"**Ông, cáp kháp mã, lạp ngõa nhiệt dương, sa cáp**"

OṂ_ HAṂ KṢA MA LA VA RA YA SVĀHĀ

(Chú ý: Nếu người chưa thọ nhận **Thời Luân Kim Cương Quán Đỉnh** thì chẳng thích hợp niệm tụng Tâm Chú này)

Tu **Thời Luân Kim Cương Pháp** thì có thể đạt được nhiều loại Công Đức như: chận đứng được tai vạ của binh đao với tất cả kiếp nạn đem lại sự hòa bình an vui, mưa thuận gió hòa, thu hoạch năm loại lúa đậu sung túc, sáu loài vật nuôi được hưng thịnh, đạt được Niết Bàn chẳng còn luân hồi, hoặc được sinh về nước **Hương Ba Lạp** (Śambhala) là Tịnh Thổ của Bản Tôn.

_Thời Luân Kim Cương Chủng Tử Tự Đồ (còn gọi là **Thập Tướng Tự Tại Đồ**)



Thập Tướng Tự Tại Đồ (Đồ hình của mười tướng tự tại) là một loại đồ án tượng trưng cho **Thời Luân Kim Cương** của Mật Tông Phật Giáo. Tiếng Tây Tạng dịch âm là **Lãng Cửu Vượng Đan**, ý là mười loại tự tại, tức là nghĩa của **Thời Luân Tâm Chú**:

"Ông, cáp ca mã lạp oa lạp nha, thoa cáp"

Oṃ_ haṃ kṣa ma la va ra ya svā hā

Chính là chỉ mười chữ đấy, mà Ý của mười chữ ấy là: Tuổi thọ, Tâm, vật, sự nghiệp, sinh, Thần Biến, Thắng Giải, Nguyện, Trí Tuệ và Tự Tại

_Lại nữa, **mười loại Tự Tại** gồm có:

Thọ Mệnh Tự Tại: hay bảo vệ kéo dài tính mệnh

Tâm Tự Tại: chẳng nhiễm sinh tử

Nguyện Tự Tại: tùy quán chỗ ưa thích mà thành tựu, do Tinh Tiến đã được

Nghiệp Tự Tại: chỉ làm việc thiện và khuyên người khác làm điều thiện

Thọ Sinh Tự Tại: tùy theo ý muốn hay đi lại, do An Nhẫn đã được

Tư Cụ (vật dụng hàng ngày) **Tự Tại**: tùy ý yêu thích quán hiện, do Bố Thí đã được

Giải (Hiểu biết, phân tách) **Tự Tại**: tùy theo Dục biến hiện, do An Nhẫn được

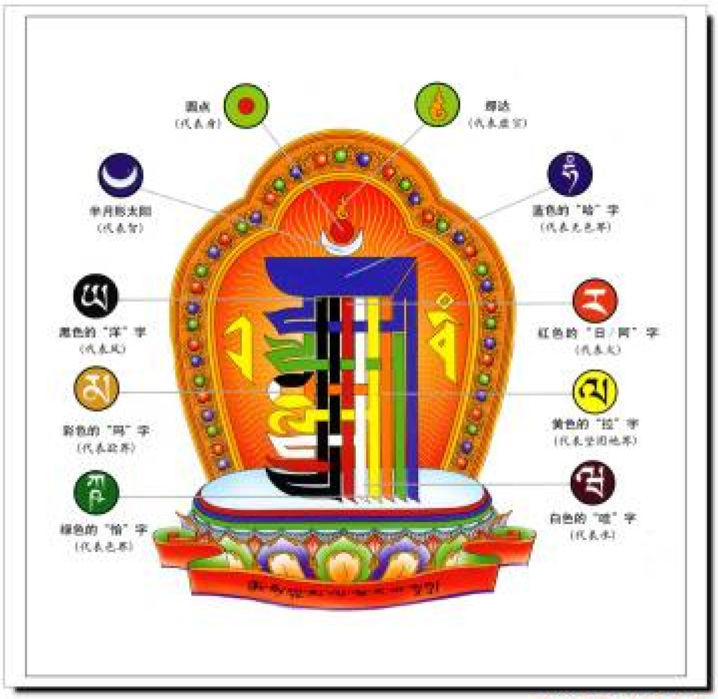
Thần Lực Tự Tại: khởi Thần Thông tối thắng, do An Lực đã được

Pháp Tự Tại: đối với Khế Kinh, do Trí Tuệ đã được

Trí Tự Tại: Trí Tuệ tùy thuận ngôn âm

_Đồ hình của mười Tướng Tự Tại là tinh tủy của **Thời Luân** (Kāla-cakra). Cái ấy là do 7 tự mẫu của Phạn Văn gia thêm mặt trời, mặt trăng, vòng cuốn tròn (viên quyển)... cộng thành 10 phù hiệu. Trong Đồ Phù, 5 loại màu sắc tượng trưng cho 5 loại nguyên tố cơ bản của vũ trụ là ***đất, nước, lửa, gió, hư không***.

Mười phù hiệu lại tượng trưng cho các bộ vị của thân thể con người với các bộ phận của Thế Giới vật chất.



朗久旺丹-十相自在

Điểm tròn đại biểu cho **Thân**
Na Đạt (vòng cuốn tròn) đại biểu cho **Hư Không**
Hình bán nguyệt Thái Âm đại biểu cho **Trí**
Chữ **Haṃ** màu lam đại biểu cho **Vô Sắc Giới**
Chữ **Ya** màu đen đại biểu cho **gió**
Chữ **Ra** màu hồng đại biểu cho **lửa**
Chữ **Ma** màu rực rỡ đại biểu cho **Dục Giới**
Chữ **La** màu vàng đại biểu cho **Địa Giới bền chắc**
Chữ **Kṣa** màu xanh lục đại biểu cho **Sắc Giới**
Chữ **Va** màu trắng đại biểu cho **nước**

_Thập Tướng Tự Tại Đồ là khái quát của ba loại Thời Luân: **Nội, Ngoại, Biệt**
Ngoại Thời Luân chỉ núi Tu Di, bốn Đại Châu và tám Tiểu Châu, Khí Thế Gian
Nội Thời Luân chỉ năm cõi Dục, 16 cõi Sắc, bốn cõi Vô Sắc, 31 Hữu Tình Thế Gian

Biệt Thời Luân chỉ thứ tự sinh khởi của Bản Tôn, Niệm Tụng, Đàn Trường ...và thứ tự viên mãn của sự tu trì Phong Mạch, Minh Điểm…

Nhân tiêu chí ấy, nêu lên Mật Thừa Bản Tôn với Đàn Trường ấy hòa hợp một Thể. Một cái đồ hình **Thời Luân** ấy là gom tập tất cả tinh hoa của Khí Thế Giới thuộc ba cõi để tượng trưng cho một Thể, tượng trưng cho giáo nghĩa tối cao của **Thời Luân Mật Pháp**, cho nên được nhận rõ là có đủ ý nghĩa và lực lượng của Thần Thánh cực lớn. Hay khiến cho người có đủ niềm tin, miễn trừ được đao binh, tật dịch, đói khát với tai nạn thuộc nhóm nước, lửa, gió....hay khiến cho nơi cư ngụ được cát tường viên mãn, quyến thuộc thuận hòa, đêm mộng tốt lành, thân tâm an khang, đi lại được thông đạt, cầu mong được như nguyện.

Đem đồ hình này để ở cửa chính bên dưới mái hiên ắt có thể dùng trấn Yêu, bảo vệ phong thủy. Để bên trong nhà ắt có thể tránh được Tà, tiêu tai, gặp xấu hóa tốt, cát tường bình an. Bởi thế đồ hình này phần lớn được vẽ ở cửa chính, bên dưới mái hiên của Tự Viện và nhà ở, hoặc trên tường vách bên trong nhà để cầu sự tốt lành như ý.

Ngoài ra còn có người thêu đan đồ hình này, hoặc làm thành đồ trang sức để đeo trên thân.







正面



背面

PHỔ BA KIM CƯƠNG

Phổ Ba Kim Cương, tên Phạn là **Vajra-kilaya**, tên Tây Tạng là **Dorje-phurba**, dịch âm là Đa Kiệt Hùng Nỗ, dịch ý là Nhu Đồng Kim Cương

Hai chữ **Phổ Ba** (Phurba) là ngôn ngữ Tây Tạng, nghĩa là **cây cọc** (quyết) nguyên là một loại công cụ mà dân tộc du mục Tây Tạng dùng để cắm giữ cố định liều vải của họ, sau này trở thành một trong những Pháp Khí quan trọng của các Tôn trong Phật Giáo Tây Tạng.



Do Pháp Khí chủ yếu được Vajra-kilaya nắm giữ trong bàn tay là **Phurba** nên Tôn này có tên gọi là **Phổ Ba Kim Cương** và cây cọc Kim Cương được gọi là **Phổ Ba Chử** (chày Phurba)

Theo truyền thuyết của người Tây Tạng, thời xưa có một vị Đại Lực Quỷ Thần **Lâm Đương Lỗ Trát** có đủ ba đầu, sáu cánh tay, bốn Tộc, hai cái cánh… trụ ở trong **rừng Thi Đà** (Śita-vana) gây nguy hại cho hữu tình trong ba cõi. Thời **Cát Mã Hắc Lỗ La** (tướng phẫn nộ của Kim Cương Tát Đỏa) vì giáng phục vị Đại Lực Quỷ Thần này mới hóa thân làm **Phổ Ba Kim Cương** đồng một hình tướng với vị Đại Lực Quỷ Thần này có đủ Uy Lực lớn, cuối cùng tồi phục vị Đại Lực Quỷ Thần với tất cả chúng Ma

_Hình tướng của Phổ Ba Kim Cương: Thân màu lam đen có ba đầu sáu cánh tay, đầu đội mão năm đầu lâu, trên cổ đeo ba vòng chuỗi đầu người kèm với rắn trang sức, khoác áo da voi da người, mặc quần da cọp, sau lưng có hai cái cánh sắc bén như cây kiếm. Sáu cánh tay: bên phải: tay thứ nhất cầm **Thiên Thiết Chế Cửu Cổ Kim Cương Chử** (chày Kim Cương 9 nhánh), tay thứ hai cầm **Kim Chế Ngũ Cổ Kim Cương Chử** (chày Kim Cương năm nhánh). Bên trái: tay thứ nhất cầm lửa Trí Bát Nhã, tay thứ hai cầm **Tam Xoa Tập** (cái đinh ba). Hai tay phải trái thứ ba chắp lại nâng giữ **Đơn Diện Kim Cương Quyết** (Chày Phurba). Bàn chân phải đạp lên lưng của Ma nam, bàn chân trái đạp lên ngực của Ma nữ, an trụ trong lửa Bát Nhã, ôm giữ Phật Mẫu tên là **Lạc Cách Tân Mẫu** có da màu xanh lam nhạt, tay phải cầm hoa Ổ Bà La (Utpāla) [cũng có truyền thừa là cầm **Thiên Trượng** Khaṭvaṅga], tay trái cầm cái bát đầu lâu (Kapāla) chứa đầy máu, mặc quần da beo cùng với **Phật Phụ** (Phổ Ba Kim Cương) hiện tướng **song vận Đại Lạc**



Ý nghĩa của hình tượng:

.) Ba đầu có ba màu biểu tượng cho ba độc thanh tịnh.

Đầu bên phải màu trắng biểu thị cho tướng phẫn nộ của **Văn Thù Bồ Tát** (Maṃjuśrī-bodhisatva) tức **Đại Uy Đức Kim Cương** (Yamāntaka) là đại biểu cho **thân** (Kāya) của chư Phật

Đầu bên trái màu hồng biểu thị cho tướng phẫn nột của Đức Phật **A Di Đà** (Amitābha-buddha) [hoặc **Quán Âm Bồ Tát** (Avalokiteśvara-bodhisatva)] tức **Mã Đầu Minh Vương** (Hayagrīva) là đại biểu cho **Ngữ** (Vāk) của chư Phật

Đầu chính giữa màu xanh lam biểu thị cho tướng phẫn nộ của **Đại Thế Chí Bồ Tát** (Mahā-sthāma-prāpta-bodhisatva), tức **Kim Cương Thủ Bồ Tát** (Vakra-pāṇi) là đải biểu cho **Ý** (Citta:Tâm) của chư Phật.

.)Đội mão năm đầu lâu biểu thị cho Trí Tuệ của Phật ở năm phương

.)Da voi biểu thị cho sự giáng phục ngu si

.)Da người biểu thị cho sự giáng phục tham ái

.)Da cọp biểu thị cho sự giáng phục sân hận

.)Hai cái chánh bén nhọn biểu thị cho sự chặt đứt mọi ngu si, vọng kiến

.)Rắn trên cổ biểu thị cho Bản Tôn có đầy đủ Uy Lực giáng phục loài Rồng, hay thống trị tất cả

.)Hai vòng chuỗi đầu người chảy máu tượng trưng cho sự chinh phục những khuyết điểm của vọng tưởng, Tà Niệm, giả dối. Vòng chuỗi còn lại là đầu lâu trắng tượng trưng cho **Tính trống rỗng** (Śūnyatā: Không Tính)

.)Tay phải thứ nhất cầm **Thiên Thiết Chế Cửu Cổ Kim Cương Chử** biểu thị cho sự phẫn nộ thâu nhiếp tất cả chúng sinh thuộc **chín Thừa** trong ba cõi

.)Tay phải thứ hai cầm **Kim Chế Ngũ Cổ Kim Cương Chử** biểu thị cho sự mừng vui chuyển năm Độc thành năm Trí.

.)Tay trái thứ nhất cầm lửa Trí Bát Nhã biểu thị cho sự thiêu đốt hết tất cả khổ não

.)Tay trái thứ hai cầm **Tam Xoa Tập** (cái đinh ba) biểu thị cho sự nhiếp hết Không Hành Mẫu trong ba cõi)

.)Hai tay trái phải thứ ba nâng giữ **Đơn Diện Kim Cương Quyết** (chày Phurba) biểu thị cho sự **Tịnh Trừ** tất cả Ma Chướng Phiền Não

.)Hai bàn chân đạp lên lưng của Ma nam, hai bàn chân đạp lên ngực của Ma nữ biểu thị cho sự giáng phục **bốn Ma**

.)An trụ trong lửa Trí Bát Nhã biểu thị cho sự an trụ trong **Tính trống rỗng** thiêu đốt tất cả phiền não

_Theo ý nghĩa khác thì **chữ Phổ** biểu thị cho nghĩa của **Không Tính** (Śūnyatā), **chữ Ba** biểu thị cho **Trí Tuệ** (Prajña), **Phổ Ba** (Phurba) tức là **Không Tính** với **Trí Tuệ** kết hợp thành Thể Tính chẳng hai (bất nhị Thể Tính)

Tu trì Pháp **Phổ Ba** nhằm đoạn trừ tất cả Tham Chấp của Tự Ngã, tiêu trừ sự sợ hãi khiếp sợ tại Nội Tâm. Như điều này mới hai hiểu thấu Tính của Pháp Giới, cũng tức là chẳng ở tại sự giáng phục vật bên ngoài mà là **liễu ngộ** bản tính tại Nội Tâm của chính mình

_Phổ Ba Kim Cương Chú:

.)**Phật Thuyết Nhất Thiết Như Lai Chân Thật Nhiếp Đại Thừa Hiện Chứng Tam Muội Đại Giáo Vương Kinh, quyển 15** ghi nhận **Kim Cương Quyết Chân Ngôn** là:

Trong Mạn Noa La cần phải dùng
Cây **Khiết Nĩ La** (Khadira) làm cái cọc
Dây ấy gấp bội, y Pháp Nghi
Làm xong tùy lượng giăng Đàn Vị
Đại Minh dùng cây cọc là:

"Án, phộc nhật-la, kế la (1) kế la dã, tát lý-phộc, vĩ cận-nẵng, hồng, phát tra (2)"



OṂ _ VAJRA-KĪLA KĪLAYA_ SARVA VIGHNA HŪṂ PHAṬ

.)**Phật Thuyết Đại Thừa Quán Tưởng Mạn Noa La Tịnh Chư Ác Thú Kinh, quyển 2** ghi nhận là:

Lại nữa, kết **Căn Bản Ấn**, tụng **Khiển Ma Chân Ngôn** với xưng chữ **Hồng** (HŪṂ) như thế múa theo bên phải với như tướng tự tại của Minh Vương xoay chuyển quanh đất ấy. Tụng Chân Ngôn **Phát Khiển Nhất Thiết Ma** . Chân Ngôn là:

"Án, phộc nhật-la, kế lý cát lý (1) tát lý-phộc, vĩ già-nẵng, mãn đà, hồng phát tra (2)"



OṂ_ VAJRA-KĪLI KĪLE SARVA VIGHNAṂ BANDHA HŪṂ PHAṬ

Phật Thuyết Nhất Thiết Như Lai Kim Cương Tam Nghiệp Tối Thượng Bí Mật Đại Giáo Vương Kinh Quyển 4 ghi chép là:

Bấy giờ Đức Thế Tôn lại nhập vào **Kim Cương Phộc Tam Ma Địa** (Nibandhana-vajra-samādhi) thuộc thân ngữ tâm của tất cả Như Lai. Từ Định xuất ra

xong, dùng ba nghiệp Kim Cương tuyên nói **Tam Giới Thân Ngữ Tâm Kim Cương Quyết Đại Minh** là:

"Án (1) già già, già đa dã, già đa dã (2) tát lý-phộc nậu sắt-đảm, phát tra, phát tra (3) kế la dã, kế la dã (4) tát lý-phộc bá báng, phát tra, phát tra (5) hồng hồng hồng (6) phộc nhật-la kế la (7) phộc nhật-la đà lỗ (8) nghê-dã bát dã để (9) ca dã, phộc cật-tức đa (10) phộc nhật-la kế la dã, hồng, phát tra (11)"

OṂ _ GHA GHA_ GHATĀYA GHATĀYA_ SARVA DUṢṬĀN-KĪLĀYA PHAṬ PHAṬ_ KĪLĀYA KĪLĀYA_ SARVA PĀPĀṂ PHAṬ PHAṬ _ HŪṂ HŪṂ HŪṂ_ VAJRA-KĪLA _ VAJRA-DHĀRA_ ĀJÑĀPAYATI KĀYA VĀK-CITTA VAJRA-KĪLĀYA HŪṂ PHAṬ

.)Cựu dịch **Ninh Mã Cát Tường Phổ Ba Kim Cương Thành Tựu Tâm Yếu Tổng Thích** đối với nghĩa của **Phổ Ba Chú** đã giải thích như bên dưới

OṂ _ VAJRA-KILI KILAYA SAVRA BIGHNANA BAM HUM PHAT

(?**Oṃ_ vajra-kili-kilaya sarva vighnaṃ vaṃ hūṃ phaṭ**)

OṂ: biểu thị cho năm Thân với năm Trí

VAJRA: biểu thị cho Bản Tính **Vô Vi** của ba thời quá khứ hiện tại vị lai

KILI: biểu thị cho sự thúc giục Bản Tôn với **cây cọc Phổ Ba** (Phổ Ba quyết)

KILIYA: biểu thị cho sự dùng cái chày Phổ Ba đâm giết

SAVRA (?SARVA): biểu thị cho Oán Địch, Ma Ngại

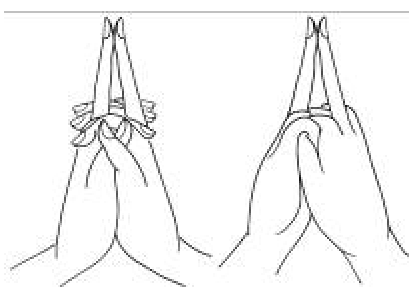
BIGHNANA (?VIGHANAṂ): biểu thị cho sự tồi phục thế lực của các Duyên trái nghịch

BAM, HUM (?VAṂ HŪṂ): hai Chú này đồng biểu thị cho sự ôm nhiếp điều phục

PHAT (?PHAṬ): biểu thị cho sự vượt thoát thế lực của các Duyên trái nghịch

_**Phổ Ba Kim Cương Thủ Ấn**:

Hai tay tác Ngoại Phộc (hoặc Nội Phộc), dựng thẳng đứng hai ngón giữa cùng tiếp chạm nhau



_Chữ Chủng Tử của Phổ Ba Kim Cương là: HŪṂ (𑖮𑖳𑖽)

_Lược thuật lợi ích của **Phổ Ba Kim Cương Trừ Chướng Pháp**
1_Ngăn chận Tà Sư, Chú ác với Chú Trớ
2_Ngăn chận sự chướng ngại của **La Hầu** (Rāhu), Tinh Tú
3_Ngăn chận Ma Chướng lớn nhỏ
4_Ngăn chận tai vạ: động đất, nước, gió, lửa
5_Ngăn chận sự chướng ngại do chết yểu
6_Ngăn chận sự chướng ngại do **Hồn Phách** tan mất
7_Ngăn chận tai vạ do văn thư của Quan Phủ không có chính đúng
8_Ngăn chận sự chướng ngại do miệng lưỡi đúng sai
9_Ngăn chận họa loạn do nước ngoài vào xâm lược
10_Ngăn chận hiển hiển tướng loạn của đời ác
11_Ngăn chận sự lan rộng ra khắp bốn phương của bệnh tật, ôn dịch
12_Ngăn chận sự phát sinh họa loạn của chiến tranh
13_Ngăn chận mọi loại tai hại cho việc làm ruộng rẫy
14_Ngăn chận tai vạ do trộm nhỏ, cường đạo cướp đoạt tài phú
15_Ngăn chận tai vạ do Quỷ Thần trong nhà gây chướng ngại
16_Ngăn chận sự gây chướng ngại của Anh Linh, Quỷ nhỏ
17_Ngăn chận tai họa phạm đến Phong Thủy của mồ mả Tổ Tiên
18_Ngăn chận tai họa của **Sinh Thần Lưu Niên**
19_Ngăn chận sự thống khổ với phiền não của Thân Tâm
20_Ngăn chận sự chướng ngại do biến động chẳng xác định được trên sự nghiệp
21_Ngăn chận tai vạ của sự độc hại…..

KIM CƯƠNG HỢI MẪU

Kim Cương Hợi Mẫu, tên Phạn là **Vajra-vārāhī**, tên Tây Tạng là **Đa Cát Bạc Mẫu** (Dorje Pagmo), là một vị Thần thuộc tính nữ

Theo Tạng Truyền Phật Giáo: Tại phái **Cát Cử** thì **Kim Cương Hợi Mẫu** là vị đứng đầu của các Bản Tôn nữ tính. Trong phái **Cách Lỗ** thì Tôn này là một trong ba Đại Bản Tôn, là **Minh Phi** (Yoginī) của **Thắng Lạc Kim Cương** (Cakra-saṃvara). Nhân trên đầu có một cái đầu heo, heo thuộc **hợi** nên xưng là **Kim Cương Hợi Mẫu**



Tôn này, nguyên vốn là một loại Thần Linh của **Tán Thần** trong Bản Giáo cổ đại, trụ tại hư không trên trời (thiên không), mỗi ngày dạo chơi qua lại. Sau này bị Đại Sĩ **Liên Hoa Sinh** (Padma-saṃbhava) giáng phục, biến thành vị Hộ Pháp hoặc Bản Tôn trong Mật Pháp. **Kim Cương Hợi** là gốc rễ của **Thắng Lạc**, trên bản chất cũng là **Đại Thủ Ấn** (Mahā-mudra) thuộc vào **Du Già Mẫu** (Yoginī) hoặc xưng là một vị **Không Hành Mẫu** (Ḍākiṇī), là Đại Pháp căn bản của **Chuyết Hỏa** (Kuṇḍaliṇī)

Kim Cương Hợi Mẫu đối với chúng sinh hữu tình đặc biệt có đủ **Tâm Bi** (Kāruṇa-citta), nếu Hành Giả tu tập Pháp này thì có thể mau được gia trì, nơi Pháp tu **Thượng Sư tương ứng** thời tự quán làm **Hợi Mẫu** hay mau chóng sinh khởi tương ứng

Không Hành Mẫu (Ḍākiṇī) đối với Hành Giả tu Mật mà nói, có thể chia làm hai loại: một là **Xuất Thế Gian Không** Hành, hai là **Thế Tục Không Hành**. Kim Cương Hợi Mẫu là **Xuất Thế Gian Không Hành**, Ngài còn là gốc rễ của **Thắng Lạc**, cội nguồn căn bản của tất cả thành tựu. Trước tiên tu được **Không Hành tương ứng**, sau đó lại tu tập **Bản Tôn Song Vận Pháp** rất dễ dàng thành tựu

Không Hành của Chủ Tu của Phái **Ninh Mã** là **Kim Cương Hợi Mẫu**. Pháp tu dùng sinh khởi **Chuyết Hỏa** (Kuṇḍaliṇī), điều khí mạch, Minh Điểm….. tiến rồi chứng được **thân ánh sáng màu hồng không có chết** (vô tử hồng quang thân) làm cuối cùng.

Tu **Kim Cương Hợi Mẫu Pháp** có thể cùng với **Thượng Sư tương ứng**, đoạn trừ phiền não, hai Chướng **Sở Tri**, khải phát **Câu Sinh Trí**, điều nhu Khí Mạch, chứng quả **không có chết** (vô tử quả), giáng phục Ma Cừu, nhiếp mười Pháp Giới. Lại còn là Pháp Môn **Liễu Sinh Thoát Tử.**

Hình tượng của **Kim Cương Hợi Mẫu** chủ yếu có hai loại hình thức biểu hiện là tượng **đơn thân** và tượng **song thân**

_Tượng **đơn thân**: thân như cô gái 16 tuổi, một mặt hai cánh tay, toàn thân có ánh sáng màu hồng tràn đầy khắp ba đời mười phương, mặt bên cạnh bộ đầu có một đầu hình heo, tay phải cầm **Kim Cương Việt Đao**, tay trái cầm cái bát đầu lâu chứa đầy máu, vai trái nghiên dựa vào cây **Thiên Trượng** (Ca chương ca: **Khaṭvaṅga**), ba mắt có con ngươi tròn trịa, lộ răng nanh cắn môi bên dưới, đội mão năm đầu lâu, cổ đeo vòng 50 cái đầu người còn tươi, dùng đóa **Tiểu Linh Hoa** làm vật trang sức, bàn chân phải treo ở hư không, bàn chân trái đạp lên trên một xác người ở tòa vành mặt trời trong hoa sen, sau thân có lửa Bát Nhã mạnh mẽ



藏传佛教诸佛母——金刚亥母

Ý nghĩa của Tôn Tượng:

.)**Đầu heo** biểu thị cho tiêu chí trọng yếu của Bản Tôn

.)**Cái bát đầu lâu** (Kapāla) **chứa đầy máu** tượng trưng cho thể nghiệm của sự đắc được Cực Lạc rốt ráo, tu chứng sự nghiệp thành công

.)**Cây Thiên Trượng** (Khaṭvaṅga: phần bên trên có đầu lâu, đầu người khô héo, đầu người còn tươi mơi) tượng trưng cho sự áp phục hết sự xâm nhiễu của **Tham Sân Si**

.)**Cây Kim Cương Việt Đao** tượng trưng cho sự **thanh trừ** tất cả ngu muội, câu triệu Trí Tuệ chân chính

.)**Tư thế đứng một chân múa, dẫm đạp lên xác người** biểu thị cho sự chiến thắng địch nhân ở bên ngoài

_Tượng **song thân**: là hình tượng ôm nhau với **Thắng Lạc Kim Cương** (Cakra-saṃbhava)

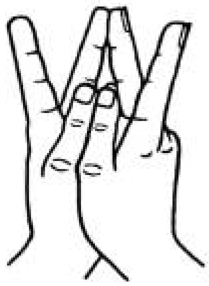
Thắng Lạc Kim Cương có thân màu xanh đậm, có bốn cái đầu, mỗi một mặt có ba con mắt. Thân có 12 cánh tay, sáu tay bên trái cầm các Pháp Khí là: da voi, trống, rìu Kim Cương, cây gậy, cái chỉa ba, chùy Kim Cương, sáu tay bên phải cầm các Pháp Khí là: Da voi, sợi dây, cái đầu Phạm Thiên, cây Thiên Trượng, chuông Kim Cương. Chân phải đạp lên ngực của Nữ Thần **Kāli**, chân trái đạp lên **Diêm Ma Vương** (Yama-rāja).

Kim Cương Hợi Mẫu có thân màu hồng đỏ được Thắng Lạc Kim Cương ôm áp theo thế đứng.



_**Kim Cương Hợi Mẫu Thủ Ấn**:

Hai tay tác **Nội Phộc**, dựng thẳng hai ngón giữa tiếp chạm nhau, dựng thẳng hai ngón trỏ nghiêng qua hai bên, kèm dựng hai ngón cái đè ngón vô danh. Để Ấn trước ngực.



_Chữ chủng tử là: VAṂ

_Chú Ngữ là: "**Ông, ban tạp, bối nhược tra ni dã, cáp lý ni tát, hồng hồng phôi, thoa cáp**"

OṂ_ VAJRE VAIROCANĪYE HARIṆISA HŪṂ HŪṂ PHAṬ SVĀHĀ

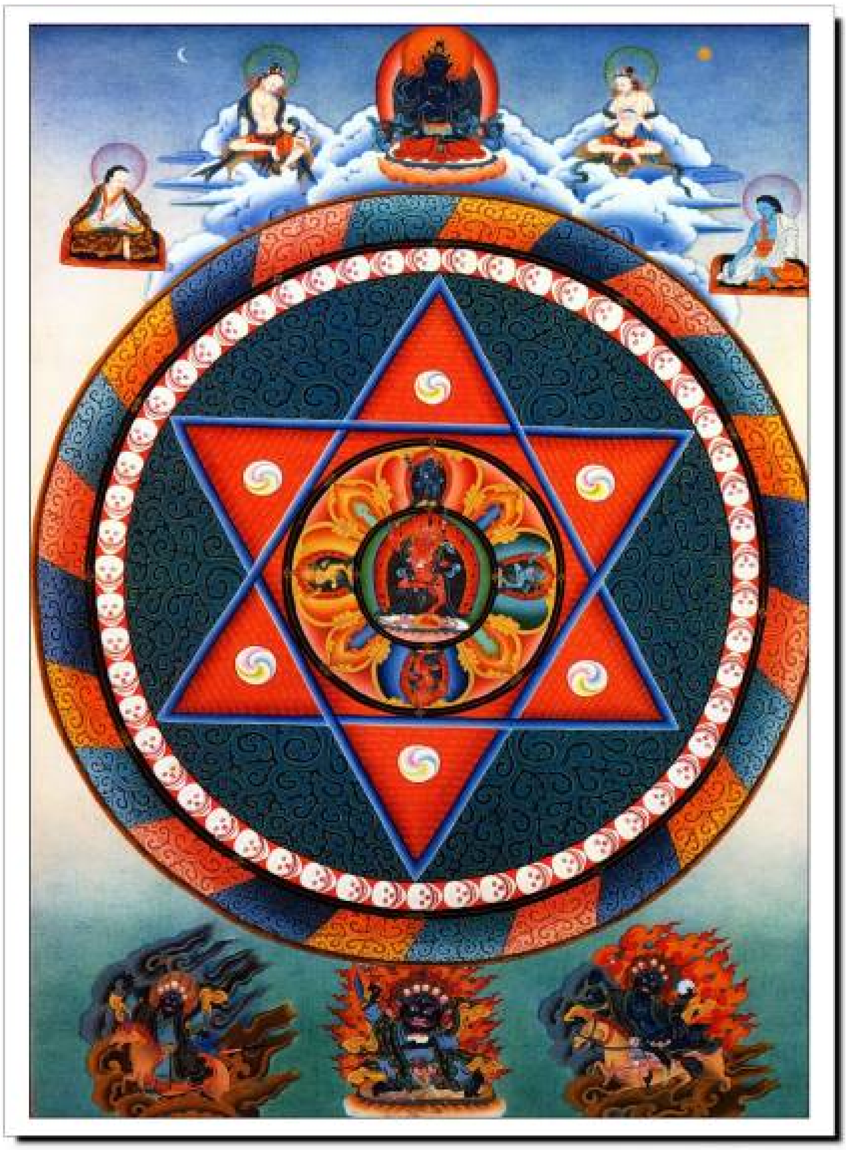
Công Đức chủ yếu của Pháp tu **Kim Cương Hợi Mẫu** là:

1_Tịnh trừ phiền não, hiển **Câu Sinh Trí**

2_Điều nhu Khí Mạch, chứng quả không có chết (vô tử quả)

3_Giáng phục Ma Cừu, nhiếp mười Pháp Giới

_**Đàn Thành** (Maṇḍala) của Kim Cương Hợi Mẫu dùng hai cái hình tam giác biểu trưng cho sự giao chồng lên nhau của Cung **Sinh Pháp**, trên bốn cánh sen chung quanh có **Không Hành** của bốn Bộ: **Liên Hoa** (Padma-kulāya), **Kim Cương** (Vajra-kulāya), **Yết Ma** (Karma-kulāya), **Bảo** (Ratna-kulāya)… gia thêm **Phật Bộ** (Buddha-kulāya) ở trung ương làm chủng tính của năm Đức Phật



金刚亥母坛城



Chú Ngữ là: “**Ông, tát (nhĩ) oa bố đạt tráp cách (dĩ) ni gia, biên tạp oa na ni gia, hồng hồng, phôi, thoa cáp**”

OṂ_ SARVA ŚUDDHA-ḌĀKIṆĪYE VAJRA-VARAṆĪYE HŪṂ HŪṂ PHAṬ SVĀHĀ

Hành Giả dùng **Quán Tu** này, y theo sự dạy bảo của Thầy, tu sinh khởi, viên mãn… theo thứ tự tiến để thành tựu **Tất Địa** (Siddhi)

SƯ DIỆN KHÔNG HÀNH MẪU

Sư Diện Không Hành Mẫu, Phạn văn là **Siṃha-vaktra ḍākiṇī**, hay **Siṃha-mukha-ḍākiṇī.** Tạng văn là **mKhah-hGro Seng-gehi gDong-can**, Tạng ngữ xưng là **Tăng Mã Đa** hay **Sâm Mã Đa**, ý là Hóa Thân Hộ Pháp. Do Tôn này có thân người đầu sư tử nên gọi là **Sư Diện Không Hành Mẫu, Sư Diện Phật Mẫu**. Lại xưng là Sư Đầu Kim Cương



Sư Diện Không Hành Mẫu là một loại **Không Hành Mẫu** (Ḍākiṇī) của Mật Tông. Là một vị Hộ Pháp nữ tính thuộc **Phẫn Nộ Tôn** có đủ sức Đại Uy Thần, hay bảo vệ Giáo Lý của Đức Phật Đà, chận đứng tất cả Tà Ma, đối trị Tà Thuật, trừ khử chướng ngại. Ngài hóa hiện khuôn mặt sư tử cái để trấn áp những vị Trời, Quỷ mà những phương tiện khác khó chế phục được, và hiển hiện tướng hung bạo phẫn nộ để điều phục **bốn Ma.** Có thuyết nói Tôn này là thị hiện của **Quán Thế Âm Bồ Tát** (Avalokiteśvara-bodhisatva), thông thường làm **Hộ Pháp** (Dharma-pāla) của Đức **Phật A Di Đà** (Amitābha-buddha)

Hình tượng của Sư Diện Không Hành Mẫu là thân người màu xanh lam (hoặc màu hồng đỏ), đầu sư tử trắng, có ba con mắt lớn với con ngươi tròn trịa, nhìn giận dữ, há miệng nhe nanh cuốn lưỡi, hai tai rũ xuống bên dưới, tóc màu xanh dựng đứng, đội mão năm đầu lâu. Thân trên lõa lồ, hai vú căng phồng lên, mặc quần da cọp, cổ đeo 50 cái đầu người còn tươi, dùng vật trang sức bằng xương để làm chuỗi Anh Lạc, tay trái cầm cái chén đầu người bên trong chứa đầy máu thịt uế ác, để ngang ngực; vai trái nghiêng giữ cây gậy **Tam Xoa Chương Ca** có ba cái đầu lâu. Tay phải giơ cao cầm con dao hình mặt trăng, mười ngón tay bén nhọn như móng vuốt cọp, thân thể hiện bày tư thế đứng múa, đứng ở trên **Liên Hoa Nhật Luân** (vành mặt trời trong hoa sen), chân phải giơ lên co gập lại, chân trái duỗi đứng dẫm đạp trên thân người nam nằm ngửa, sau lưng hiện ánh sáng rực lửa của Bát Nhã



Theo Tạng Truyền Phật Giáo thì bốn Đại Phái **Cát Cử**, **Cách Lỗ**, **Tát Ca** và **Ninh Mã** đều đặc biệt tôn sùng **Sư Diện Không Hành Mẫu**. Pháp Thân nguyên thủy của Tôn này là **Bát Nhã Phật Mẫu**, Báo Thân là **Kim Cương Hợi Mẫu** rồi Hóa Thân là **Sư Diện Không Hành Mẫu**

Sư Diện Không Hành Mẫu là Hộ Pháp của Đại Sư **Mễ Lạp Nhật Ba** Tổ Sư của phát **Cát Cử.**

Căn cứ theo thuyết nói thì Sư Diện Không Hành Mẫu là Thượng Sư, Bản Tôn và Hộ Pháp của Đại Sư **Liên Hoa Sinh** Tổ Sư của phái **Ninh Mã**, nên Ngài cũng là Bản Tôn thù thắng của phái **Ninh Mã** ….

Ở trong miếu của **Lạt Ma** (Lama) **Sư Diện Không Hành Mẫu** thường được cúng phụng cùng với **Hổ Đầu Không Hành Mẫu**, **Hùng Đầu Không Hành Mẫu** và tục xưng là **Chủ Đồ Tam Đầu Không Hành**.Trong đó Sư Diện Không Hành Mẫu ở chính giữa, bên phải là **Hổ Đầu Không Hành Mẫu**, bên trái là **Hùng Đầu Không Hành Mẫu**

_Sư Diện Không Hành Mẫu Tâm Chú là:

"A ca sa mã lạp tra sa đạt lạp sa mã lạp nha phối"

AH GAH SAH MAH RAH CAH ŚAH DAH RAH SAH MAH RAH YAH PHAṬ



_Thủ Ấn là:



Tụng Chú ấy có thể khắc phục được Thiên Tai tức là hết thảy tai nạn về mặt trời, mặt trăng, tinh tú, đất, nước, lửa gió….. miễn trừ các khổ đói khát, họa binh đao, bệnh dịch. Trong hết thảy năm, tháng, ngày, giờ… tất cả Ma ác, việc chẳng lành thảy đều chẳng thể xâm hại được.

Sức Chân Ngôn Chú của Bản Tôn rất lớn, cầu khẩn nên niệm thầm chẳng thể cất cao giọng. Lại ở bên dòng nước, sông, biển… thì đừng trì tụng nhằm tránh cho Long Vương bị kinh sợ.

TÁC MINH PHẬT MẪU

Tác Minh Phật Mẫu, tên Phạn là **Kurukulla** hay **Kurukulle**, dịch âm là **Cô Lỗ Cô La** hay **Cổ Lỗ Cổ Liệt.** Lại xưng là **Cô Lỗ Cô La Bồ Tát, Cổ Lỗ Cô Liệt Phật Mẫu, Hoài Nhu Phật Mẫu**. Là Bản Tôn ban cho uy quyền với Pháp **Hoài** (Tăng ích) trong Tạng Truyền Phật Giáo, Công Đức nhiếp khắp ba cõi tự tại nhậm vận, việc đã làm hay thành tựu được tên gọi, cho nên lại xưng là **Tam Giới Tự Tại Không Hành Mẫu**, Công Đức ấy rộng lớn thù thắng thâm sâu, thật là không có thể so sánh được.

Tác Minh Phật Mẫu là Bản Tôn của Pháp **Kính Ái**. Pháp ấy được thấy ở **Phật Thuyết Đại Bi Không Trí Kim Cương Đại Giáo Vương Nghi Quỹ Kinh**. Hán dịch là **Cô La Bồ Tát** (Kurukulla-bodhisatva)

Kinh ghi rằng: "Đức Phật bảo Kim Cương Tạng rằng: "Cau mày nhìn ngó gọi là **Phẫn Nộ Nhãn** (Mắt giận dữ), hai mắt hướng về bên trái nhìn ngó gọi là **Tín Ái Nhãn** (mắt tin yêu)…

Lại nói rằng: "Nay Ta ở trong 12 Nghi Quỹ rộng lớn, lược nói **Cô La Bồ Tát** đối với các chúng sinh mau chóng thành tựu Pháp **Tín Ái**. Từ chữ **Hột Lý** (ཧྲཱིཿ:Hrīḥ) quán tưởng Bản Tôn màu hồng có bốn cánh tay, bàn tay cầm cung tên, cầm hoa **Ưu Bát La** (Utpala) với **móc câu hoa sen** (Liên Hoa Câu). Như vậy ở trong ba cõi mà làm **Tín Ái**…"

Tác Minh Phật Mẫu chủ yếu đại biểu cho **Diệu Quán Sát Trí** của chư Phật Bồ Tát, đồng thời cũng đại biểu cho Pháp **Hoài Nhiếp** (Kính Ái) trong bốn Pháp Tức Tai, Tăng Ích, **Hoài Nhiếp** (Kính Ái), **Tru Giáng** (Giáng Phục)… làm phương tiện chủ yếu để độ hóa chúng sinh. Lại nữa, Tác Minh Phật Mẫu có đầy đủ hết thảy Công Đức giải thoát phiền não, đắc được tự tại

Tác Minh Phật Mẫu hay bình trị, ngưng dứt phiền não thuộc **Tình Chấp** của chúng sinh, khiến cho các chúng sinh từ trong **Tình Chấp** liễu ngộ được sự thanh tịnh của Tự Tính, cuối cùng hay buông bỏ sự chấp dính, sinh về Thế Giới Cực Lạc hoặc là thành tựu Phật Quả.

Tác Minh Phật Mẫu (Kurukulle) là **Hồng Tôn** của Mật Giáo (trích ra từ **Hỷ Kim Cương Bản Tục**) cùng với **Hồng Hỷ Vương**, **Hồng Tượng Vương** hợp thành ba **Hồng Tôn** của Phái **Tát Ca**, các Phái đều có Pháp tu này

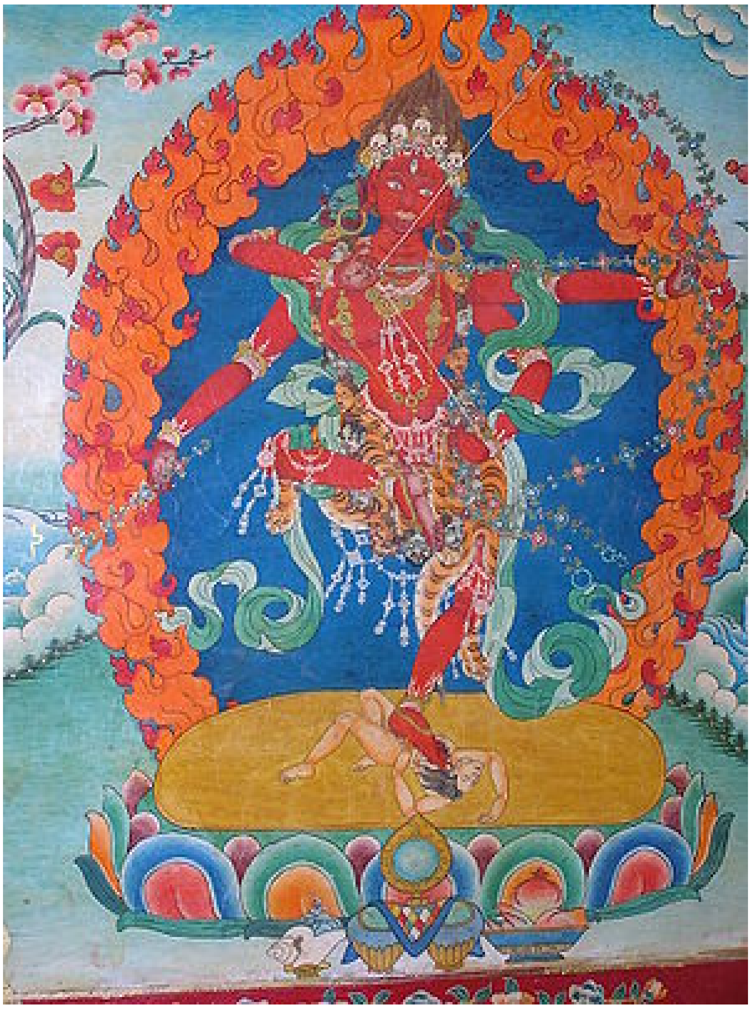
Tín ngưỡng **Tác Minh Phật Mẫu** được lưu hành rất rộng rãi trong Tạng Truyền Phật Giáo. Tại Trung Hoa, vào đời Tống thì tín ngưỡng ấy cũng từng từ Ấn Độ truyền vào Hán Truyền Phật Giáo.

_Hình tượng của Tác Minh Phật Mẫu

Tác Minh Phật Mẫu có thân màu hồng, một mặt bốn cánh tay, hai tay cầm cung tên do hoa Ưu Bát La hồng tạo thành, rồi giương cung mà thành tư thế bắn. Lại tay phải cầm Câu Trượng (cây gậy có móc câu) do hoa Ưu Bát La hồng tạo thành, tiếp đến tay trái cầm sợi dây do hoa Ưu Bát La hồng chế tạo ra. Mặt có ba con mắt, nhe lộ răng nanh, bộ ngực nhô lên, dung mạo như **Diệu Linh Nữ** 16 tuổi, tướng mặt xinh đẹp, hiện tướng nửa vui nửa giận.

Tóc trên đầu của Phật Mẫu có màu cam (hồng hoàng) dựng thẳng đứng lên trên, đội mão năm đầu lâu, đỉnh đầu đội Đức Phật A Di Đà, dùng 50 cái đầu người nhỏ máu tươi làm vòng hoa đeo ở năm chỗ là đầu trán, cổ, lỗ tai, cổ tay, bắp chân. Có Anh Lạc trang sức bằng xương kèm trang điểm vòng hoa, thân dưới mặc quần da cọp, co gập chân phải vào bên trong, chân trái đạp lên trên trái tim của Ma Nữ Ngoại Đạo lõa thể,

dùng vành mặt trời trên hoa sen làm Tòa, hiển hiện tư thế múa an trụ trong lửa mạnh mẽ của Bát Nhã



_Ý nghĩa của hình tượng:

.)Toàn thân màu hồng là Pháp **Hoài Nhu** (Kính Ái) biểu thị cho sự nhiếp phục Tâm của con người

.)Một mặt biểu thị cho Pháp Tính

.)Hiện tướng mặt nửa giận biểu thị cho năng lực giáng phục tội dơ phiền não

.)Hiện tướng mặt nửa vui biểu thị cho năng lực viên mãn Giới Luật thanh tịnh

.)Mặt có ba con mắt biểu thị cho sự thông đạt ba đời

.)Tướng phẫn nộ (lộ răng nanh bén, tóc màu cam dựng đứng lên trên) đại biểu cho sự dùng Tâm Đại Bi bày hình tượng phẫn nộ, giáng phục hữu tình có khuynh hướng Tà Ác

.)Tóc màu cam dựng đứng lên trên còn đại biểu cho sự hướng đến **Phật Địa** (Buddha-bhūmi)

.)Đầu đội mão năm đầu lâu biểu thị cho sự vô thường và dũng vũ

.)Đỉnh đầu đội Đức Phật A Di Đà biểu thị cho Tôn này là Hóa Thân của Đức Phật A Di Đà

.)Bộ ngực nhô lên biểu thị cho năng lực rất thù thắng ôm nhiếp tất cả sự tin yêu ở khắp mười phương

.)Trên cổ đeo vòng chuỗi 50 đầu người biểu thị cho toàn bộ Kinh Điển của Phật Giáo

.)Năm vật trang sức đại biểu cho sự chuyển năm Độc thành năm Trí của năm Đức Phật

Vòng đeo tay đại biểu cho sự chuyển **Nghi Độc** thành **Pháp Giới Thể Tính Trí** của Đức Phật Tỳ Lô Giá Na ở trung ương

Vòng đeo trên đầu đại biểu cho sự chuyển **Tham Độc** thành **Đại Viên Kính Trí** của Đức Phật Bất Động ở phương Đông

Vòng đeo tai đại biểu cho sự chuyển **Si Độc** thành **Diệu Quán Sát Trí** của Đức Phật A Di Đà ở phương Tây

Vòng đeo cổ đại biểu cho sự chuyển **Sân Độc** thành **Bình Đẳng Tính Trí** của Đức Phật Bảo Sinh ở phương Nam

Vòng đeo ở bắp chân đại biểu cho sự chuyển **Mạn Độc** thành **Thành Sở Tác Trí** của Đức Phật Bất Không Thành Tựu ở phương Bắc

.)Da cọp quấn quanh eo biểu thị cho sự dũng mãnh không có sợ hãi

.)Bốn cánh tay đại biểu cho bốn loại thành tựu **Tức** (Tức Tai), **Tăng** (Tăng Ích), **Hoài** (Kính Ái), **Tru** (Giáng Phục) hoặc đại biểu cho bốn Tâm vô lượng: **Từ, Bi, Hỷ, Xả**. Bông hoa, mũi tên, móc câu và sợi dây đại biểu cho lực lượng khống chế tất cả cùng với Pháp Lực hay nhiếp phục người, Trời trong ba cõi.

.)Chân trái đạp lên trên trái tim của Ma Nữ Ngoại Đạo lõa thể biểu thị cho sự giáng phục Ái Dục thấp hèn

.)Tư thế đứng trên vành mặt trời trên tòa hoa sen, an trụ trong lửa mạnh mẽ của Bát Nhã biểu thị cho ánh sáng của Trí Bát Nhã soi chiếu khắp, hiểu biết tất cả, thoát lìa khỏi sự ràng buộc của Trần Thế

_Ngoài ra, còn lưu truyền các hình tượng khác là:



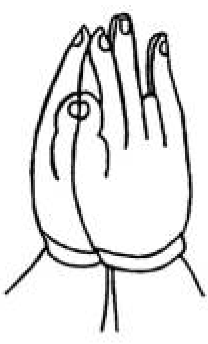
108 Tôn **Tác Minh Phật Mẫu**



_Chữ chủng tử của Tác Minh Phật Mẫu là: ཧྲཱིཿ (HRĪḤ) phóng ra ánh sáng màu hồng

_Tác Minh Phật Mẫu Thủ Ấn là:

Hai ngón vô danh cột buộc bên trong (nội phộc), dựng thẳng hai ngón út, sau đó hai ngón giữa hai ngón trỏ cùng hợp chạm nhau, hai ngón cái cũng hợp chạm nhau



_**Tâm Chú** của **Tác Minh Phật Mẫu** được truyền dạy tùy theo Dòng Phái là:
.)OṂ_ KURUKULLE SVĀHĀ
.)OṂ_ KURUKLLE HRĪḤ HŪṂ SVĀHĀ
.)OṂ_ PADMA-ḌĀKIṆĪ KURUKULLE HRĪḤ SVĀHĀ
Nhưng phần lớn thì truyền dạy **Tác minh Phật Mẫu Tâm Chú** là:
.) OṂ_ KURUKULLE HRĪḤ SVĀHĀ



Pháp này là chỗ thành tựu của **Liên Hoa Không Hành** (Padma-ḍākiṇī) ở phương Tây, cũng là Pháp Môn thuộc **Liên Hoa Bộ** (Padma-kulāya) của Đức Phật **A Di Đà** (Amitābha-buddha), dùng hoa sen câu triệu chúng sinh, có thể câu móc sự **Từ Ái,** sự **kính yêu** (hoài nhu) vốn có của chúng sinh, với tất cả Thể Tính của **Liên Hoa Không Hành** rồi nhiếp hết chúng sinh trong Pháp Giới viên mãn thành Pháp của Phật. Người tu Pháp này có thể được Phước Báo của **người, Trời**; đầy đủ thế lực quyền uy lớn, được cấp trên và thuộc hạ kính yêu.

_Theo Tạng Truyền Phật Giáo thì:

Tác Minh Phật Mẫu dùng Thệ Nguyện của **Địa Khí** khiến cho hết thảy con người đắc được tiền tài, giàu có

Tác Minh Phật Mẫu dùng Thệ Nguyện của **Thủy Khí** khiến cho ngưng dứt tai nạn, trị bệnh

Tác Minh Phật Mẫu dùng Thệ Nguyện của **Hỏa Khí** đi đến trợ giúp cho chúng sinh viên mãn sự kính yêu

Tác Minh Phật Mẫu dùng Thệ Nguyện của **Phong Khí** mà giáng phục oán địch

Do vậy, Mật Pháp của Tác Minh Phật Mẫu có hiệu ích rất lớn trong việc cải thiện **tình ái** và **sự nghiệp**.

Tác Minh Phật Mẫu là Phật Mẫu sinh ra tất cả chư Phật, vì lợi ích cho tất cả chúng sinh mà hiện ra hình tướng **Liên Hoa Không Hành Mẫu** (Padma-ḍākiṇī). Phật Mẫu có đầy đủ vô lượng Hạnh Nguyện như **Bi Nguyện** của **Quán Thế Âm Bồ Tát** (Avalikiteśvara-bodhisatva) thương yêu, lo lắng trợ giúp cho chúng hữu tình, hay thỏa mãn tất cả Nguyện tốt lành của các chúng sinh. Đặc biệt đối với người đời nay thì hay mau chóng giúp cho tất cả nguyện vọng về tiền tài, thực phẩm, tất cả vật thọ dụng cần thiết… đều được thành tựu

_Tu tập Pháp này, tốt nhất là tiếp nhận **Quán Đỉnh** kèm theo như Pháp tu trì ắt đạt được sự thành tựu rất lớn.

Đối với phương diện của Pháp Thế Gian thì có thể tăng trưởng vô lượng Phước Báo, tăng trưởng Nhân Duyên, quyền thế, được **bộ thuộc, thân hữu** yêu nhớ… cho nên Mật Pháp này rất thích hợp cho người Cư Sĩ tại gia tu trì.

Đối với phương diện của Pháp Xuất Thế Gian thì **thân** có thể được sống lâu chẳng chết, **lời nói** (ngữ) có thể được Diệu Âm chân thật, **Ý** có thể được **Không Lạc Câu Sinh Trí** kèm theo hay mau chóng viên mãn hai **Tư Lương** (Sambhāra): **Phước** (Puṇya), **Trí** (Jñāna). Học Phật tu hành thuận lợi, **kính yêu** (hoài nhu) chúng sinh trong sáu đường khiến cho tất cả chúng sinh vui vẻ yêu nhớ, lại hay trừ bỏ tất cả Vô Minh, Vọng Tưởng, chấp dính… lợi ích giải thoát Luân Hồi. Các Công Đức lợi ích rất nhiều chẳng thể tính đếm được. Phàm tất cả hữu tình đều hay cảm nhận được chủng tính Đại Bi của vị Phật Mẫu này

_Tóm lại: **Tác Minh Phật Mẫu** là Tôn **Kính Ái** của Mật Giáo, cũng là Bản Tôn chưởng quản Uy Thần. Hành Giả hướng về Tác Minh Phật Mẫu thành Tâm cầu thỉnh, sau khi tu Pháp tương ứng sẽ sinh ra vô lượng Công Đức có thể dùng tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng Phước Tuệ cùng với đủ quyền thế, danh dự, nhận được sự yêu mang với kính yêu của Bộ Thuộc, bạn thân. Cầu con gái được con gái, cầu con trai được con trai, nam nữ tình ái hòa hợp, điều nguyện cầu đều hay viên mãn.

VÔ NGÃ MINH PHI

Vô Ngã Minh Phi tên Phạn là **Nairātmya-yoginī**, hay **Nairatmyā**. Lại xưng là Kim Cương Vô Ngã Phật Mẫu, Vô Ngã Phật Mẫu, Vô Ngã Mẫu…

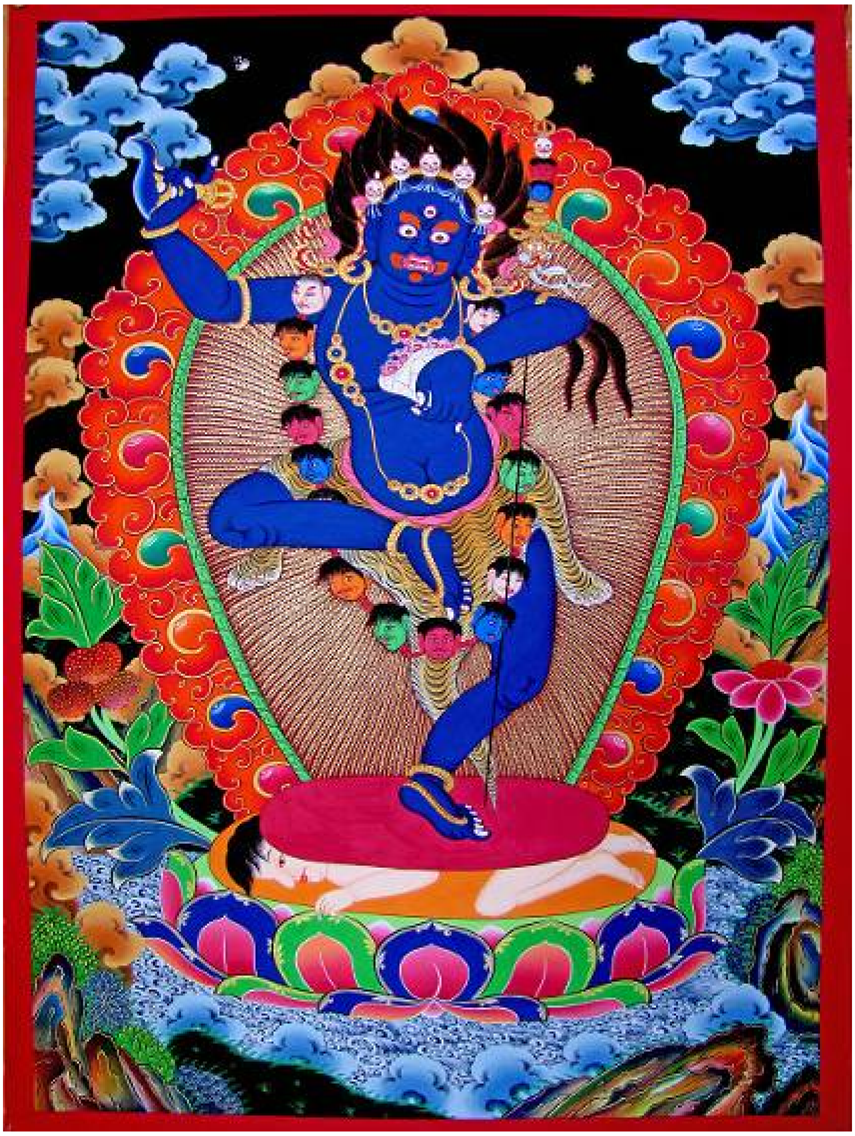
Căn cứ vào Thân **nhân cách hóa** của Trí Tuệ Bát Nhã thì Vô Ngã Minh Phi là mẹ của tất cả Phật, cũng là Minh Phi (Yoginī) của **Cát Tường Hỷ Kim Cương** (Śrī-hevajra) thuộc Phật Mẫu của Phái Mật Tông **Tát ca** (Śākya). Tương truyền **Hỷ Kim Cương Bản Tục** là do Đức Phật ứng với sự thỉnh hỏi của Vô Ngã Phật Mẫu mà tuyên nói, sau này lưu truyền kết tập thành sách, tức do Vô Ngã Phật Mẫu đích thân trao **Pháp Yếu** cho bậc Đại Thành Tựu **Tất Lý Oát Ba**, bởi thế Vô Ngã Phật Mẫu chiếm địa vị rất trọng yếu trên dòng truyền thừa của Phái **Tát Ca**

_**Vô Ngã Phật Mẫu** có thân màu xanh, một mặt hai cánh tay, hai chân, tóc màu hồng dựng đứng lên trên, đầu đội mão năm đầu lâu, cổ đeo vòng hoa đầu lâu, tay phải cầm cây Kim Cương Việt Đao dơ lên trên, tay trái để trước ngực cầm cái **bát đầu lâu** (Kapāla) màu trắng, vai trái cặp cây gậy ba chia (tam xoa trượng), thân mặc quần da cọp, Anh Lạc trang nghiêm, ngồi Kiết Già



hoặc co gập chân phải, duỗi chân trái theo tư thế múa, dẫm đạp lên thân người trên vành mặt trời trên hoa sen





_Ý nghĩa của hình tượng:

.)Thân màu xanh biểu thị cho Trí Tuệ nguyên thủy như không gian

.)Đầu đội mão năm đầu lâu biểu thị cho sự gom tụ Năm Trí của Năm Phật vào một thân

.)Tóc màu hồng dựng đứng lên trên biểu thị cho sự tăng trưởng Đại Bi dũng mãnh

.)Cổ đeo vòng hoa đầu lâu biểu thị cho sự chiến thắng, trấn phục Vọng Niệm, Ngã Chấp của tất cả Trần Thế

.)Tay phải cầm cây Kim Cương Việt Đao biểu thị cho sự đoạn trừ tám vạn bốn ngàn phiền não

.)Tay trái cầm cái bát đầu lâu (Kapāla) màu trắng biểu thị cho **dụng** để làm Quán Đỉnh

.)Cây gậy ba chia biểu thị cho sự **Thể Ngộ** quá trình tử vong

.)Quần da cọp biểu thị cho sự dũng mãnh không có sợ hãi

.)Ngồi Kiết Già biểu thị cho sự an định ái dục thấp hèn

[Dẫm đạp trên thân người biểu thị cho sự trấn phục ái dục thấp hèn]

_Căn cứ vào Kinh Văn của **Cát Tường Hỷ Kim Cương Tập Luân Cam Lộ Tuyền** đã miêu thuật thì: hình tượng của **Cát Tường Hỷ Kim Cương** (Śrī-hevaja) là tượng **song Thân** cùng ôm giữ vị Minh Phi là **Vô Ngã Phật Mẫu**.

Do *"Vì biểu thị sự dung nhập thường hằng của **Bi Trí** cho nên hai Tôn **Phụ Mẫu** hiện tướng tương hợp"*. Mẫu Tính là **Vô Ngã Phật Mẫu** đại biểu cho Trí Tuệ trác việt phi phàm, **Phụ Tính** là Cát Tường Hỷ Kim Cương tượng trưng cho Từ Bi tràn khắp Pháp Giới. Hình tượng **Song Thân** nam **Bi,** nữ **Trí** ấy nhằm chứng minh Lý Thú **mùi vị thù thắng** (thắng vị) của **Bi Trí Song Vận** cùng với cảnh giới viên dung của tất cả, là sự tồn tại có thật vậy



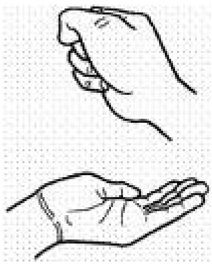
Trong hình tượng **Song Thân** này thì **Vô Ngã Phật Mẫu** biểu thị cho thân **nhân cách hóa** của Trí Tuệ Bát Nhã**, Cát Tường Hỷ Kim Cương** tượng trưng cho Từ Bi vòng khắp Pháp Giới. **Bi Trí hợp** nhất, sau khi thâm nhập Trí Tuệ Thiền Định thì **Giác Tính** sung mãn chỉnh đốn Pháp Giới tĩnh mật thâm sâu ấy, chứng minh cụ thể sự tồn tại của cảnh giới tinh thần viên mãn.

_Chữ chủng tử của Vô Ngã Minh Phi là: Ā

_Vô Ngã Minh Phi Thủ Ấn:

Ngửa bàn tay trái duỗi ngang bằng, hướng đầu ngón về bên phải (quán tưởng cầm cái bát đầu lâu Kapāla) để trước bụng

Tay phản nắm quyền, đưa ngón cái ra bên ngoài (quán tưởng cầm cây Kim Cương Việt Đao) để trước ngực



_**Vô Ngã Minh Phi Tâm Chú**:
“Ông, a, hồng, phôi, thoa cáp”
OṂ ĀḤ HŪṂ PHAṬ SVĀHĀ



Tu tập **Vô Ngã Minh Phi Pháp** hay giúp cho con người phá trừ sự ám tối của phiền não, tăng trưởng Trí Tuệ của Phật

Biên soạn xong **Kim Cương Minh Vương Bộ** vào ngày 30/03/2014

KIM CƯƠNG THỦ TAM TÔN HỢP NHẤT PHẪN NỘ TÔN

Theo Tạng Truyền Phật Giáo: Vì muốn khiến cho **người tu trì Chính Pháp** đạt được sự gia trì thuộc **Thân Ngữ Ý** của chư Phật, thoát khỏi và tiêu trừ các loại chướng ngại trên việc tu hành với trong sinh hoạt…thuận lợi để đạt đến bờ bên kia của sự sống chết, cho nên chư Phật, chúng Thánh ở mười phương hóa hiện làm **Kim Cương Thủ Tam Tôn Hợp Nhất Phẫn Nộ Tôn**. Trong đấy, **Thân** (Kāya) của các Ngài hóa thành **Kim Sí Điểu** (Garuḍa), **Ngữ** (Vāk) của các Ngài hóa thành **Mã Đầu Minh Vương** (Hayagrīva), **Ý** (Citta: Tâm) của các Ngài hóa làm **Kim Cương Thủ** (Vajra-pāṇi). Bởi thế, vị **Tam Thân Hợp Nhất Phẫn Nộ Tôn** ấy chẳng phải là ba Tôn: Đại Bằng Kim Sí Điểu, Mã Đầu Minh Vương với Kim Cương Thủ hợp làm một, mà trên thật tế là Tổng Thể **Thân Ngữ Ý** của hết thảy chư Phật, chúng Thánh ở mười phương hợp làm một thân



Sự chướng ngại trên Thế Gian với việc tu hành có nhiều loại bao quát bệnh hoạn của thân tâm, nghiệp tội của chính mình, Ma Chướng, Quỷ loại gia hại, Tà Thuật, **Tinh Tượng** (hiện tượng sáng tối của các ngôi sao) hoặc sự chẳng lành của **Địa Hình** (hình thể của đất), Thiên tai, Địa Thần gia hại, Long Tộc gia hại với sự xâm hại của loài người… không sao kể xiết. Nếu đem các loại chướng ngại ấy, quy nạp để nói thì không có thứ gì chẳng đến từ ba nơi: **trên Trời** (thiên thượng), **nhân gian** với **dưới đất** (địa hạ)

Dưới đất (địa hạ) chủ yếu là một loại **Long Tộc** (loài Rồng) mà **Đại Bằng Kim Sí Điểu** (Garuḍa) chính là khắc tinh của loài ấy. **Mã đầu Minh Vương** (Hayagrīva) có thể đối trị các loại chướng ngại đến từ Nhân Gian. **Kim Cương Thủ** (Vajra-pāṇi) có thể đối trị các loại chướng ngại đến từ bầu trời, chủ yếu là sự chướng ngại đến từ mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao chẳng tốt lành…thế nên **Kim Cương Thủ Tam Thân**

Hợp Nhất Phẫn Nộ Tôn này chính là Bản Tôn thù thắng đối trị với tất cả sự chướng ngại: trên trời, nhân gian, dưới đất

_Pháp tu này thuộc về **Sự Mật Bộ**, truyền thừa có hai loại là **truyền từ xa** (viễn truyền) và **truyền gần sát** (cận truyền)

Viễn Truyền: là chỉ từ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni mở đầu, truyền thừa đến ngày nay, khoảng giữa trải qua các vị Đại Sư nhưng không có sự truyền thừa của đoạn giữa.

Cận Truyền: chỉ vị Đại Sư của Phật Giáo, thông qua sự truyền thừa tu trì **Viễn Truyền** được đến thành tựu nhất định, sau đó gần gũi thấy Bản Tôn rồi trực tiếp từ chỗ của Bản Tôn đạt được tu trì **Khẩu Quyết**, lại lưu truyền **truyền thừa** cho đời sau

_**Kim Cương Thủ Tam Tôn Hợp Nhất Bản Tôn** có thân màu xanh lam đậm, một mặt hai cánh tay, tay phải giơ lên cao cầm chày Kim Cương, tay trái để ngang ngực kết **Kỳ Khắc Ấn**. Thân trang sức các loại châu báu, đầu đội mão năm Phật, tóc màu vàng dựng đứng lên trên giống như đám lửa thiêu đốt. Trên búi tóc có hoa màu trắng là vật trang sức yêu thích của giòng **Sát Đế Lợi**, trên hai lỗ tai có hoa màu vàng là vật trang sức yêu thích của giòng **Phệ Xá**, dây đai ở eo lưng có hoa màu hồng là vật trang sức yêu thích của giòng **Bà La Môn**, vòng xuyến ở bàn tay và bàn chân có hoa màu xanh lục là vật trang sức yêu thích của giòng **Thủ Đà La**, ở trước ngực có hoa màu đen là vật trang sức yêu thích của giòng **Chiên Đà La**. Thân dưới mặc quần da cọp, thân trên khoác Thiên y, đứng theo tư thế uy vũ ở trong đám lửa Trí Tuệ

Ở đỉnh đầu của Kim Cương Thủ có ba cái đầu ngựa màu xanh hướng mặt chẳng đồng, biểu thị cho **Mã Đầu Minh Vương**. Đầu ngựa hướng mặt về phương của chính mình biểu thị cho nghĩa **gia trì người tu hành**, đầu ngựa hướng mặt về bên trái biểu thị cho nghĩa **thống lãnh tất cả Phụ Tục Không Hành**, đầu ngựa hướng mặt về bên phải biểu thị cho nghĩa **thống lãnh tất cả Mẫu Tục Không Hành**.

Ngay phương bên trên đầu ngựa có một vị **Đại Bằng Kim Sí Điểu**, thân màu trắng, ba con mắt màu đỏ, thân trên như con người, thân dưới như con chim, mỏ như một loại Kim Cương cứng rắn có thể mổ xuyên qua các vật thể. Hai cánh giương lên trên, mỗi lông cánh đều như một loại kiếm báu bén nhọn hay dễ dàng chém đứt mọi vật thể, hai cánh múa động đủ để lay động suốt cả vũ trụ. Đỉnh đầu của Kim Sí Điểu trang sức một vật báu Như Ý. Hai Trảo như một loại Kim Cương cứng rắn quắp lấy con Rồng có bốn màu (tứ điều long) **trắng, xanh lam, hồng, xanh lục** …, trảo trái quắp lấy đuôi Rồng, trảo phải quắp lấy đầu Rồng. Trên thân của Điểu Vương có **Ngũ Điều Long** (con Rồng năm màu) làm vật trang sức, rất ư đáng sợ, múa động rất uy mãnh





_Chữ chủng tử của Phẫn Nộ Tôn này là: HŪṂ

ཧཱུྃ

_Thần Chú là:
"**Án, ban tra ba ni, hải nha cơ hoa, ca lộ đạt, hồng phôi**"

ཨོཾ་བཛྲ་པཱ་ཎི་ཧ་ཡ་གྲཱི་ཝ་ག་རུ་ཊ་ཧཱུྃ་ཕཊ

OṂ_ VAJRA-PĀṆI HAYAGRĪVA GARUḌA HŪṂ PHAṬ

_**Quán Tưởng trì Chú**:
Trên vành mặt trời trên hoa sen của trái tim mình có **Chú Luân** vây chung quanh chữ **Hồng** (HŪṂ), Chú Luân phóng ánh sáng chiếu khắp Thập Phương Giới, tiêu trừ tất cả bệnh, Ma Chướng của hữu tình. Ở Công Đức này, hóa ánh sáng thu hồi về Chú Luân của chữ **Hồng** ở trái tim của mình. Tiếp theo lại phóng ra ánh sáng, ở đầu ánh sáng hóa làm vô số các Thiên Nữ cúng dường, tay cầm vật cúng màu nhiệm cúng dường chư Phật Bồ Tát ở mười phương, cầu thỉnh **thân khẩu ý** của chư Phật gia trì. Chư Phật phóng ánh sáng màu trắng, màu hồng, màu xanh lam thu hồi về Chú Luân của chữ **Hồng** ở trái tim của mình, tăng trưởng Phước Đức, Trí Tuệ, dạy bảo chứng các Công Đức.

Biên soạn xong **Kim Cương Minh Vương Bộ** vào ngày 15/04/2014

TƯ LIỆU THAM CỨU

*) Hán Văn:
_Đại Chính Nguyên Bản Đại Tạng Kinh: Tập 18, Tập19, Tập 20, Tập 21
_ Mật Giáo Đồ Tượng: Tập 3, Tập 4, Tập 5, Tập 6, Tập 7, Tập 8, Tập 9, Tập 10
_ Phật Giáo Tiểu Bách Khoa: Từ quyển 1 đến quyển 18
_Phật Quang Đại Từ Điển
_Bách Khoa Toàn Thư
Phật Giáo Thủ Ấn Đồ Thuyết **Thi Vân Thủy** biên soạn
Mật Giáo Đại Tự Điển Tập 6
_Phật Tượng Đồ Vựng
_Chỉnh lý **Nhiên Đăng tạp chí biên tập bộ**

*) Việt Văn:
_Thai Tạng Giới Man Đa La _ **Huyền Thanh** biên soạn
Kim Cương Giới Man Đa La **Huyền Thanh** biên soạn
Đại Bi Quán Âm Căn Bản Pháp **Huyền Thanh** biên dịch
Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm Thần Chú Pháp **Huyền Thanh** biên dịch
Thập Nhị Thiên Pháp **Huyền Thanh** biên dịch
Tinh Tú Pháp **Huyền Thanh** biên dịch
Tranh Tượng và Thần Phổ Phật Giáo**Louis Frédéric**_ Việt dịch **Phan Quang Định** (NXB Mỹ Thuật_năm 2005)
_Một số bài dịch của **Tống Phước Khải**

*) Trang Web:
_buddha-dharma.org
_tangthuphathoc.net
_chuaminhthanh.com
_electricwombworld.blog.fc2.com
_zenheart.hk
_en.wikipedia.org
_zh.wikipedia.org
_haaram.com
_sriharivayuguru.blogsport.com
_fanbop.com
_fodian.net
_haripurush-jagadbandhu.org
_hindudevotionalpower.com
_speakingtree.in
_qcny.net
_baike.baidu.com
_Một số Tôn Tượng trên images của google.com và Tư Liệu của **Tống Phước Khải**

MỤC LỤC


南無護法韋馱尊天菩薩